

D. P. F.

TRĂM HOẠ ĐUA NỮ TRÊN ĐẤT BẮC

(Tài-liệu về vụ án Nhân-văn Giai-phẩm 1956)



di ảnh cụ Phan-Khôi

Cơ sở xuất bản SUDASIE

TRĂM HOA ĐUA NỞ
TRÊN ĐẤT BẮC



TRĂM HOA

ĐUA NỮ

TRÊN

ĐẤT BẮC

Cơ sở xuất bản SUDASIE
269, rue Saint-Jacques 75005 PARIS

Imprimé par SUDASIE à Paris
Dépôt légal Avril 1983
Numéro d'édition : 8301

*... Như nước bằng bắt mọi người
viết phải viết theo một lối với
mình, thì rồi đến một ngày kia,
hàng trăm thứ hoa cúc đều phải
nở ra cùng vạn thọ hết.*

PHAN KHÔI

MỤC-LỤC

	Trang
LỜI TỰA	XIII
PHẦN I	
Cuộc nổi dậy của Trí-thức ở miền Bắc	
<i>CHƯƠNG I</i>	
NGUYÊN NHÂN CUỘC NỔI DẬY CỦA TRÍ-THỨC Ở MIỀN BẮC	3
<i>CHƯƠNG II</i>	
LỊCH-TRÌNH ĐẤU TRANH CỦA TRÍ-THỨC Ở MIỀN BẮC	19
<i>CHƯƠNG III</i>	
PHƯƠNG-PHÁP ĐẤU TRANH CỦA TRÍ-THỨC Ở MIỀN BẮC	39
PHẦN II	
TÀI - LIỆU	
(Nhân-vật và Tác-phẩm)	
I	
PHÁI CỤU HỌC	51
Cụ Phan Khôi	
— <i>Giới-thiệu</i> Cụ Phan Khôi	53
— Phê-bình lãnh đạo Văn-ngệ	59
— Tìm ưu điểm (ngụ-ngôn)	72
— Ông Bình Vôi	73
— Ông Năm Chuột (chuyện ngắn)	76
— Năng Chiêu	89

II

PHÁI THANH-NIÊN

97

Trần Dần

- *Giới-thiệu* Trần Dần 98
- Nhất định thắng (thơ) 103
- Hãy đi mãi (thơ) 112

Phùng Quán

- *Giới-thiệu* Phùng Quán 117
- Chống tham-ô lãng phí (thơ) 117
- Lời mẹ dặn (thơ) 120

Tạ hữu Thiện

- Giới-thiệu* Tạ hữu Thiện 122
- Tôi tìm em (thơ) 122

Bùi quang Đoài

- *Giới-thiệu* Bùi quang Đoài 125
- Lịch-sử một câu chuyện tình (chuyện ngắn) 125
- Chủ-nghĩa Nhân-văn của ông Hoàng xuân Nhị 136
(bút chiến)

Minh Hoàng

- *Giới-thiệu* Minh Hoàng 141
- Đổng máy (chuyện ngắn) 141

Phùng Cung

- *Giới-thiệu* Phùng Cung 149
- Con ngựa già của Chúa Trịnh (chuyện ngắn) 149

Trần lê Văn

- *Giới-thiệu* Trần lê Văn 155
- Bức thư gửi một người bạn cũ 155

Hoàng tích Linh

- *Giới-thiệu* Hoàng tích Linh 163
- Xem mặt vợ (Kịch ngắn một hồi) 163
- Cơm mới (Kịch một hồi) 173

III

CÁC NHÀ VĂN ĐỨNG TUỔI 196

Tố Hữu

- *Giới-thiệu* Tố Hữu 198
- Bài ca Tháng Mười (thơ) 199
- Đòi đòi nhớ Ông (thơ) 200

Nguyễn Tuân

- *Giới-thiệu* Nguyễn Tuân 202
- Phở (tùy bút) 203
- Phê-bình nhất định là khó 210
- Nguyễn Tuân tự phê-bình 214

Văn Cao

- *Giới-thiệu* Văn Cao 219
- Anh có nghe không ? (thơ) 222
- Những ngày báo hiệu mùa Xuân (trích trong bài thơ dài *Những người trên cửa biển*) 224

Trần Duy

- *Giới-thiệu* Trần Duy 226
- Những người không lò 226
- Thành thật đấu tranh cho Tự-do dân-chủ 233

Hoàng Cầm

- *Giới-thiệu* Hoàng Cầm 235
- Em bé lên sáu tuổi (thơ) 236
- Tiếng hát (trích 2 đoạn trong hồi thứ nhất vở kịch thơ dài *Tiếng hát Trương Chi*) 238

Hữu Loan

- *Giới-thiệu* Hữu Loan 244
- Cũng những thằng nịnh hót (thơ) 244
- Lộn Sòng (chuyện ngắn) 247

	Trang
Sĩ Ngọc	
— <i>Giới-thiệu</i> Sĩ Ngọc	258
— Làm cho hoa nở bốn mùa	258
— Bất mãn	260
Chu Ngọc	
— <i>Giới-thiệu</i> Chu Ngọc	263
— Chúng ta gắng nuôi con (hoạt cảnh)	264
Như Mai	
— <i>Giới-thiệu</i> Như Mai	274
— Thi-sĩ máy	275
IV	
CÁC NHÀ HỌC-GIẢ	283
Đào duy Anh	
— <i>Giới-thiệu</i> Đào duy Anh	284
— Muốn phát triển học thuật	284
Trần đức Thảo	
— <i>Giới-thiệu</i> Trần đức Thảo	288
— Nội-dung xã-hội và hình-thức tự-do	289
— Nỗ-lực phát triển tự-do dân-chủ	291
Nguyễn mạnh Tường	
— <i>Giới-thiệu</i> Nguyễn mạnh Tường	293
— Qua những sai lầm trong Cải-cách ruộng đất xây dựng quan-điểm lãnh đạo	293
— Vừa khóc vừa cười	315



LỜI TỰA

Trăm hoa đua nở, Trăm nhà (1) đua tiếng là dịch nói câu chữ Hán: Bách hoa tề phóng, Bách gia tranh minh, trong cổ văn.

Đây là một câu mà các học-giả đời Hán đặt ra để vừa ca-tung vừa tỏ ý luyện tiến nền văn-học cổ-điển của Trung-quốc, sáng ngời trong mấy thế-kỷ trước, về thời Đông Chu.

Văn-học Trung-Hoa về thời Đông Chu quả thật xứng đáng cho các thế-hệ sau ca ngợi, vì trong vòng ba thế-kỷ (từ thế-kỷ thứ 6 đến thế-kỷ thứ 3 trước Tây-lịch kỷ-nguyên), các học-giả thời Đông Chu đã đưa nền văn-học Trung-quốc từ chỗ thấp nhất đến chỗ cao nhất mà hai nghìn năm sau, không tài nào vượt tới.

Gần như cùng một lúc, Lão-học, Khổng-học và Mặc-học đua nhau ra đời, tiếp theo là những học-thuyết nguyên-thâm của Mạnh tử, Tuân tử và Dương chu. Có thể nói được rằng hầu hết các lý-thuyết hiện nay còn đương tranh dành ảnh-hưởng trong nhân-loại, như chủ-nghĩa dân-chủ, lãng-mạn, vô-chính-phủ, duy-vật, xã-hội, quân-chủ chuyên-chế, quân-chủ lập-hiến, phát-xít, v.v... đều đã có đại-diện từ thời bấy giờ. Tính theo thời-gian thì nền văn-học Trung-quốc đã bỏ xa nền văn-học Âu châu vào khoảng 20 thế-kỷ.

Vì vậy nên ngày nay, những học-giả nghiên-cứu lịch-sử văn-hóa Á-đông đều phải thức mắc về một điểm: Tại sao một nền văn-hóa đương phát triển một cách tốt đẹp như vậy lại bỗng nhiên đứng dừng lại, khiến trong suốt hai nghìn năm về sau, Trung-quốc chỉ có lùi mà không có tiến về phương-diện tư-tưởng?

(1) Nhà hoặc gia nghĩa là một học phái.

Ông Tibor Mende, một nhà học-giả Tây-phương, chuyên nghiên-cứu về các vấn-đề Á-đông, đã ví nền văn-hóa Trung-quốc và Ấn-độ như hai con sông lớn, đã mang sinh-lực tưới khắp miền Đông-Nam-Á, bỗng dưng bị cạn hết nước. Nguyên nhân gì đã làm tịt ngòi? Ông nêu ra câu hỏi mà không trả lời. (1)

Nói một cách rõ ràng hơn thì : Tại sao về thời Đông Chu lại có Khổng, Mạnh, Lão, Mặc . . mà hai nghìn năm sau không có vị thánh-hiền nào cả? Hoặc dùng một hình-ảnh tượng-trung thì : Tại sao trong một thời-đại loạn ly như thời Xuân Thu, Chiến-quốc, Trăm hoa lại đua nở, mà từ thời ấy về sau hoa lại không nở?

Chúng tôi nghĩ rằng nếu ôn lại lịch-sử chính-trị Trung-quốc, chúng ta có thể tìm ra câu giải đáp.

Về thời Đông Chu, Trung-quốc bị phân chia thành nhiều nước chư-hầu, luôn luôn đánh nhau để tranh dành ngôi bá chủ, nên nước nào cũng lo thu phục nhân-tài để mở mang thế-lực. Vì vậy nên kẻ sĩ đương thời được trọng đãi. Một mặt khác vì nước nào cũng yếu, nên không ông vua nào có đủ quyền lực để thiết-lập chế-độ độc-tài. Do đó ngôn-luận không bị kiểm chế vì các nhà học-giả, nếu chẳng may bị vua chúa trong nước khùng-bổ vì tội đã phát biểu một ý-kiến trái ngược với đường lối của triều-đình, thì cũng dễ dàng vượt biên-giới chạy sang nước đối nghịch, có người sẵn sàng dung nạp ngay. Vì vậy nên mới có quang cảnh « Trăm hoa đua nở, Trăm nhà đua tiếng ». Nếu hoa không nở được ở khí hậu này, có thể nở được ở khí hậu khác. Nếu một học-giả không phổ-biến được tư-tưởng của mình ở Tề, thì có thể di-cư sang Sở chẳng hạn, để truyền-bá học-thuyết của mình.

Thời Đông Chu tuy là một thời loạn lạc, nhưng chính vì loạn lạc mà tư-tưởng không bị kiểm-soát.

Trái lại, sau khi Thương Ưởng đưa ra thuyết quân-chủ chuyên-chế và Lý Tư, học trò của Thương Ưởng giúp Tần Thủy-hoàng thống nhất Trung-quốc, thì từ ngày ấy về sau không một vị thánh-hiền nào xuất hiện trên đất Trung-quốc nữa. Một lẽ rất dễ hiểu là không có tự-do

(1) Trong cuốn *L'Asie du Sud-Est entre deux Mondes* của Tibor Mende, bản dịch tiếng Pháp của René Guyonnet, trang 17. Edition du Seuil Paris, 1954.

tu-tướng thì không có nhà tu-tướng, cũng như lẽ không có nước thì không thể nào có cá được.

Lý Tư, môn-đệ của phái Pháp-gia, được Tần Thủy-hoàng bổ-nhiệm làm Thượng-thư, làm sứ tâu đại-khái như sau:

« Từ trước tới nay, thiên-hạ sống trong cảnh phân chia, nên tu-tướng bị hỗn loạn... Ngày nay Bệ-hạ đã thống-nhất sơn-hà mà vẫn còn nhiều người ngang nhiên mở trường dạy học, mang ý-kiến riêng của mình ra chế bai luật-pháp và chính-sách của triều-dình... Nếu Bệ-hạ không mau ngăn cấm thì kỳ-cương sẽ sụp đổ từ trên xuống dưới và đảng phái sẽ mọc từ dưới lên trên ».

Năm 213 trước Tây-lich, Tần Thủy-hoàng nghe theo Lý Tư đốt hết sách vở có phương-hai đến đường lối của Tần-triều và chôn sống 460 nhà-trí-thức đối-lập. (1) Họ bị chôn sống vì bờ cõi của đế-quốc Tần rộng quá, không tài nào chạy thoát. Từ ngày ấy Trung-quốc có một chính-phủ duy nhất, một luật pháp duy nhất, nhưng cũng có một lối nghĩ duy nhất. Trăm hoa hết đua nở và Trăm nhà đều im tiếng.

Sau Tần đến Hán. Các vua triều Hán, khôn ngoan hơn vua Tần, không cấm đoán tu-tướng, nhưng hạn chế tu-tướng bằng cách đưa Khổng giáo lên địa-vị quốc-giáo, khiến các học-thuyết khác phải lùi bước. Triều-dình chỉ tuyển lựa những người thông hiểu ngũ kinh, tứ thư để bổ làm quan lại, nên Nho học trở thành bậc thang cho giới trí-thức bước lên dần sĩ hoạn (2) Nhưng cũng vì vậy mà triết-lý của Khổng Tử bị xuyên-tạc và Khổng học chỉ còn là một lợi khí của giới thống trị. Nói theo kiểu cụ Phan Khôi thì « Trăm hoa » đã trở thành hoa cúc vạn thọ hết thảy. (3)

Suốt trong 20 thế-kỷ về sau, trí-thức Trung-hoa luôn luôn bị khủng-bố. Tư Mã-thiên bị thiến, Ban Cố bị chết trong ngục, Phạm Việp bị xử tử... cho đến người cuối là Lương Khải-siêu, phải chạy sang Nhật-bản mới thoát thân.

Chú-thích (1) Con số này trích trong cuốn A Short History of the Chinese people Revised Edition của L. Carrington Goodrich, Harper and Brothers xuất-bản 1951.

(2) Câu của Đào Duy Anh, trong cuốn Trung-Hoa sử cương.

(3) Câu của Phan Khôi trong bài Phê-bình lãnh đạo Văn-ngệ.

Từ ngày ông Mao Trạch-dông lên kế nghiệp Tần Thủy-hoàng, ông đã giết Hồ Phong, và nhiều học-giả khác, nhưng gần đây ông lại tuyên-bố cho phép « Trăm hoa đua nở, Trăm nhà đua tiếng ». Không ai biết rõ chủ định của ông Mao như thế nào, nhưng mọi người đều nhận thấy rằng trên toàn cõi Trung-cộng hiện nay, không có thứ hoa nào khác là hoa Mác-Xít.

Tóm lại dù là chuyên-chế kiểu quân-chủ hay kiểu cộng-sản, chế-độ tập quyền vẫn tiêu-diệt tự-do tư-tưởng. Ngày nay cũng như suốt hai nghìn năm về trước, trí-thức Trung-hoa vẫn bị bịt mồm, bịt miệng.

Từ ngày Bắc-Việt trở thành một « vé-tinh » của khối Cộng-sản, trí-thức ở Bắc-Việt cũng lâm vào tình-trạng chung của đồng bạn ở khắp trong bức màn sắt.

Nhưng « 40 năm một thuở », trong dịp hạ-bệ Stalin vừa qua, họ đều đứng dậy đấu tranh chống Đảng, đòi phục hồi quyền tự-do tư-tưởng. Trong phong-trào quật khởi này, trí-thức ở Bắc-Việt cũng đã góp một phần quan-trọng. Suốt trong thời-gian hai năm, 1956 và 1957, trí-thức ở miền Bắc đã sản-xuất được trên một trăm bản văn có giá-trị. Cộng-sản coi những bản văn ấy là những « cỏ độc », nhưng chúng tôi coi những tác-phẩm của họ như một « trăm hoa » thực sự.

Vì vậy nên chúng tôi sưu-tầm và kết lại thành một « bó hoa » để công-hiến độc-giả, hòng góp sức vào công việc làm sáng tỏ thêm nền văn-học hiện đại của dân-tộc Việt-Nam.

Đối với độc-giả trong Thế-giới tự-do chúng tôi cũng muốn nói một câu: Không nên nghĩ rằng cần phải chuyên-chế mới có đủ phương tiện để thực-hiện những công cuộc vĩ đại, vì xưa kia Tần Thủy-hoàng cũng đã thực hiện những công cuộc vĩ đại, xây đắp Vạn-lý trường thành, thiết lập xa-lộ thế mà Tần vẫn bị mất nghiệp; một mặt khác, chính vì Tần Thủy-hoàng khởi đầu việc đàn-áp tư-tưởng mà văn-hóa Trung-quốc đã bị đứng dừng trong hai ngàn năm nay. Lợi nhất thời không bằng hại muôn thuở.

Saigon, tháng giêng 1959

HOÀNG VĂN CHÍ

Trưởng ban biên-tập của

Mặt-trận Bảo-vệ Tự-do Văn-hóa

PHẦN I

CUỘC NỔI DẬY CỦA
TRÍ-THỨC Ở MIỀN BẮC

CHƯƠNG I

Nguyên nhân cuộc nổi dậy của Trí-thức ở miền Bắc

Trí-thức ở miền Bắc Việt-nam đã nổi dậy chống lại chế-dộ Cộng-sản từ mùa Xuân năm 1956 mà mãi đến cuối Thu năm ấy báo-chí ở Sài-gòn mới được tin vì nhà cầm quyền miền Bắc đã dùng mọi biện-pháp để cố tình bưng bít một cuộc nội biến đánh dấu sự suy sụp của hệ-thống tư-tưởng Cộng-sản. Suốt trong thời-gian mấy tháng, trong khi trí-tl ỨC ở miền Bắc đã anh dũng vùng dậy đánh những đòn chí mạng vào uy-tín của Đảng thì báo-chí và đài phát-thanh của Đảng hoàn toàn làm ngơ. Đảng chỉ mãi miết dùng lực lượng công-an để đe dọa những người đọc báo, bán báo và ra lệnh cho công-đoàn xui dục công-nhân nhà in không in báo đối lập.

Cho mãi đến khi những « đò n ngầm » đó không hạ nổi địch thủ, và cũng đến khi phe đối lập dồn Đảng vào chân tường, không có thể lui, Đảng mới chỉ thị cho các đoàn thể ở khắp mọi nơi viết kiến-nghị đòi đóng cửa các báo đối lập. Chính lúc những kiến-nghị đồng loại đó xuất hiện trên mặt báo Nhân-Dân, thì dư-luận ở Sài-gòn mới biết là có báo đối lập ở miền Bắc. Chỉ một tháng sau thông-tin-viên hãng AFP ở Hà-nội loan tin cho Thế-giới biết việc nông-dân ở Nghệ-an đã bạo-động nổi dậy, dùng gậy tre và những vũ khí thô sơ khác đánh nhau với bộ-đội. Tin đó làm nhiều người sửng sốt.

Sừng sốt là phải, vì trước đó một tháng các báo-chí của Đảng và đài phát-thanh Hà-nội hãy còn say sưa ca khúc khải-hoàn sau đợt Cải-cách ruộng đất « hoàn toàn thắng lợi ».

Đùng một cái, ông Trường Chinh, Tổng-bí-thư Đảng, ông Hồ viết Thắng, Thứ-trưởng phụ-trách Cải-cách ruộng đất đột nhiên bị cắt chức ; ông Võ nguyên Giáp phải đứng ra thay mặt trung-ương Đảng công khai thú nhận sai lầm và hứa hẹn sửa chữa. Tiếp đến là tin cán-bộ tập kết phá bốp cảnh-sát Bờ-Hồ, tin học-sinh tập kết khởi loạn ở Ngã-tur-sở, và cuối cùng là « vụ Quỳnh-lưu ».

Nhiều người ở Sài-gòn không ngờ có những chuyện lạ lùng như vậy. Ngạc nhiên trước tiên là số người trước kia có tham-gia kháng-chiến, và hiện còn lưu luyến chiến-khu. Họ không phân biệt kháng-chiến với Cộng-sản, nên cứ yên trí rằng chế-độ miền Bắc thực sự là chế-độ « dân-chủ cộng-hòa » và ông Hồ là một người chân thành ái-quốc. Họ cũng đinh ninh rằng những phần tử nhiệt thành như họ, trước kia đã tích-cực tham-gia kháng-chiến thì ngày nay vẫn phục-vụ chính-sách của « Bắc » cho đến cùng. Họ không ngờ rằng giá họ « được » đi tập kết thì chính họ cũng sẽ phải dự vào cuộc phá bốp cảnh-sát Bờ-Hồ (Hà-nội) để giải thoát cho một số « tập kết » bị giam cầm ở trong đó.

Những người thông thường, có đôi chút kinh-nghiệm đau xót với Cộng-sản, kể cả những đồng bào Bắc-Việt di-cư cũng không ngờ rằng trong một thời-gian không đầy hai năm tình-hình ở nơi quê cha đất tổ có sự thay đổi quá nhanh chóng như vậy. Họ nhớ ngày nào quân-đội của « Cụ » kéo vào chiếm đóng Hà-nội, nhân-dân thủ-đô còn đón rước tung bừng. Nào cờ quạt, nào biều-ngũ, nào công chào, nào kéo nhau đi xem văn-công, (*) xem triển-lãm. Họ không ngờ rằng chỉ một năm sau khi họ bỏ nhà bỏ cửa ra đi, bộ đội oai hùng đó lại bị chính ngay nông-dân vác gậy phang vỡ đầu.

Giới quan sát ở Sài-gòn thì không ngạc nhiên khi nhận được những tin tức kể trên. Họ đã tiên đoán rằng sớm muộn thế nào Cộng-sản cũng phải « sửa sai » để vớt vát lòng dân vì từ năm 1926 Mao Trạch-đông, trong bài « Cuộc đấu tranh của nông-dân Hồ-nam »

(*) Văn-công chữ Tàu là sân nghệ công-tác, nghĩa là công-tác biểu diễn văn nghệ.

đã chủ-trương rằng : « Muốn nắn một vật cong thì phải uốn qua mức, để khi buông tay ra thì vừa ». Nhưng phải thú thực rằng ít người ngờ rằng khi buông tay ra, vật cong đó lại bật trở lại quá mạnh, và bật đúng vào mặt người đã « uốn quá mức ».

Vì dân-tộc Việt-nam vốn dĩ là một dân-tộc có truyền thống chịu đựng để tồn tại. Trong khi chịu đựng, họ luôn luôn chăm chú chờ dịp kẻ thù yếu thế là lập tức quật trở lại. Đối với Cộng-sản ngày nay cũng như đối với Phong-kiến Trung-quốc thuở xưa, dân Việt-nam vẫn dùng chính-sách *đĩ nhu nhược thắng cương cường*. Họ giả vờ gãi đầu gãi tai, vâng vâng, dạ dạ, làm cho kẻ thống trị ăn no ngủ yên, lâu ngày sinh ra chủ-quan khinh địch. Bệnh chủ-quan này người Hán, người Minh, người Pháp ngày xưa đã mắc phải. Ngày nay Việt-cộng và các cố-vấn « vĩ-đại » cũng không sao tránh được.

Vì nếu thực-dân và đế-quốc có chủ-quan của thực-dân đế-quốc, thì Cộng-sản cũng có chủ-quan đặc-biệt của Cộng-sản. Mặc dầu đã học thuộc biện-chứng-pháp, họ vẫn quên không nhớ rằng mọi vật đều biến chuyển, nên chỉ họ không ngờ rằng ngay trong hàng ngũ của họ đã phát sinh ra những « mâu thuẫn đối kháng » đưa dần đến sự « hủy thề của hủy thề ».

Nói một cách khác, Việt-cộng không tính đến hai việc : Một việc là giới trí-thức đã tham-gia kháng-chiến dưới quyền lãnh đạo của họ lại dám ngang nhiên nổi dậy chống họ, hai là họ không ngờ rằng đồng-chi Krushchev lại « nở lòng » hạ bệ cố đồng-chí Stalin vĩ-đại.

Chúng ta thử xét xem hai việc này có liên-quan mật thiết như thế nào.

* * *

Nguyên nhân của mọi cuộc cách-mạng đều có thể chia làm hai loại : Khách-quan và chủ-quan.

Những nguyên nhân khách-quan là những biến chuyển quốc-tế quốc-nội đột nhiên làm giảm uy-thế của giai-cấp thống trị và nguyên nhân chủ-quan là đời sống mỗi ngày một đen tối của giai-cấp bị trị, bị áp bức và bóc lột tới một mức không thể chịu đựng lâu hơn.

A. — Những nguyên nhân khách quan

Những nguyên nhân này có thể chia làm hai loại: Một là ảnh hưởng quốc-tế do bài diễn-văn của Krushchev hạ bệ Stalin gây nên, hai là ảnh-hưởng của chiến-dịch Cải-cách ruộng đất mà giới trí-thức miền Bắc đã mệnh-danh là một cuộc « ám sát tập thể ».

a) Việc hạ bệ Stalin

Ngay sau khi Stalin nhắm mắt thì những mâu thuẫn nội-bộ đã phát sinh từ ngay trong bốn bức tường của điện Kremlin. Nào thanh trừng Beria, lật đổ Malenkov, rồi đến hạ bệ uy-tín của mồi ma Stalin.

Hiện nay chưa ai biết đích xác tại sao Krushchev lại dờ cái trò hạ bệ uy-tín của một người đã mồi yên mà đẹp một cách kỳ quặc như vậy. Nhưng phần lớn các nhà quan sát quốc-tế cho rằng Krushchev muốn làm khuây khỏa lòng dân Nga giữa lúc những nỗi khổ cực của họ đã chông chắt tới một mức họ không thể chịu nổi. Đồ tất cả tội lỗi lên đầu một kẻ đã quá cố là một diệu kế để xây dựng uy-tín của người mới kế nghiệp và tạo cơ-hội để thanh trừng nội-bộ.

Các đại-biêu dự cuộc Hội-nghị lần thứ 20 của Đảng Cộng-sản Liên-sô quả đã giật mình khi nghe thấy Krushchev kể ra nào Stalin đã lưu dầy các dân-tộc thiểu số, thủ tiêu hàng vạn đảng viên đối lập, hàng ngàn sĩ quan của Hồng quân. Krushchev vạch ra nào là sự u-mờ của Stalin trước hiểm họa xâm-lãng của Đức-Quốc-xã, nào là ngu độn trong việc điều khiển chiến-tranh. Lãnh-tụ mới tuyên-bố trước Hội-nghị rằng nguyên nhân duy nhất của tất cả những sai lầm và tội lỗi mà Nga-sô đã mắc phải trong triều-đại Stalin là bệnh *sùng bái cá-nhân*. Krushchev định nghĩa sự sùng bái cá-nhân là: đề cao một vị lãnh-tụ thành một thánh sống có tài triệt thấu mọi việc trong thiên-hạ, giải-quyết được mọi việc cho mọi người mà không hề mồi may sai lầm.

Hội-nghị lần thứ 20 cũng sửa đổi lại luận thuyết Stalin, ấy là từ bỏ quan-niệm quá khích của Stalin nói rằng « cách-mạng nhất thiết phải bạo động và càng tiến tới xã-hội chủ-nghĩa thì đấu tranh giai-cấp càng quyết liệt ». Thay vì chính-sách « quá tả » của Stalin, Krushchev đưa ra một chính-sách mềm dẻo hơn, đối ngoại cũng như đối nội. Krushchev tuyên-bố sẽ dân-chủ-hóa chế-độ và hứa hẹn từ nay sẽ lãnh đạo « tập thể ». Mọi mồi không thấy Krushchev ban bố

một biện-pháp gì khả dĩ mang lại ít nhiều dân-chủ, ngoài việc Krushchev đi đầu cũng cặp kè với Bulganin cho có bạn đồng hành, các nhà văn Nga bắt đầu lên tiếng đòi hỏi. Người cầm đầu phong-trào là Dundinsev. Ông viết một loạt bài báo lấy nhan-đề là « *Cơm Áo không đủ* » trong đó ông trình-bày những bất công của chế-độ, nhưng khi xin phép xuất-bản thành sách thì nhà cầm quyền Nga không cho. Quyển sách này phải gửi sang Anh xuất-bản.

So với các nước Đông-Âu thì phong-trào đòi hỏi tự-do ở Nga tiến chậm hơn, nên chưa kịp gây được ảnh-hưởng sâu rộng, thì vụ Budapest đã xảy ra, khiến Krushchev vội vã trở lại chính-sách cứng rắn của Stalin và thẳng tay đàn áp.

b) *Khẩu hiệu Trăm hoa đua nở*

Tuy các lãnh-tự Trung-cộng phải tuân theo chỉ-thị của Đệ-tam Quốc-tế và công-bố tân-chính-sách, nhưng vì tình-hình nội-hộ không đến nỗi khẩn trương như ở Nga-sô, nên họ chỉ thi hành một cách hời hợt cho đủ lệ, nghĩa là chỉ tung ra một khẩu hiệu rất lờ mờ là « Trăm hoa đua nở ». Ngoài ra họ tránh không áp-dụng một biện-pháp nào có tính cách nói rộng tự-do dân-chủ.

Ngày 25 tháng 5 năm 1956, cục-trưởng-cục Tuyên-huấn của Đảng Cộng-sản Trung-quốc là Lục Định-nhất triệu-tập các nhà khoa học, xã-hội học, các văn-nghệ-sĩ, các đại-diện đảng phái bù nhìn và một số « nhân-sĩ tiến bộ » đến viện Hoài-nhân-đường ở Bắc-kinh để đọc cho họ nghe một bài diễn-văn, nhan-đề là « Bách hoa tề phóng, bách gia tranh minh ». Họ Lục nói rằng hai câu tám chữ đó là ông Mao đã trích ở cổ văn ra và giao cho ông công-tác giải thích.

Họ Lục nói rằng :

« Nếu không có nhiều môn phái, nhiều chủ trương thì văn-nghệ không thể trở nên phong-phú được ».

Vừa mới nói ra, họ Lục lại vội vàng khép lại :

« Hai nghìn năm về trước, trong thời Xuân-thu và Chiến quốc, Trung-quốc có nhiều học-phái khác nhau. Hồi đó các học-phái đều tự ý phát-triển, không phục tùng một hệ-thống tư-

tương nào cả, nhưng ngày nay... chính quyền của nhân-dân đã thành-lập và vững mạnh thì sự tranh-luận của bách gia ngày nay phải nằm trong khuôn khổ một chương-trình chung ».

Nói về những tương quan giữa văn-học và chính-trị họ Lục cũng tuyên-bố nước đôi như sau :

« Cần phải đề cao sự tự-do tranh-luận; và bình-vực ý kiến trong mọi ngành học-thuật nhưng đồng thời cũng không nên lẫn lộn những cuộc tranh-luận xây dựng trong nội bộ Đảng với những cuộc tranh-đấu để tiêu diệt những phần tử phản động... Có hai lối phê-bình: Phê-bình kẻ thù và phê-bình những đồng-chí phạm sai lầm. Phê-bình kẻ thù là đập cho nó một trùy vỡ sọ chết tươi, còn phê-bình một đồng-chí phạm sai lầm là lấy khoan hồng đưa dần họ về với chính-nghĩa ».

Ông Lục Định-nhất nói rất nhiều, nhưng quên không định nghĩa thế nào là « kẻ thù » và thế nào là « phạm sai lầm » nên không ai dám đụng chạm đến Đảng, sợ nhớ bị « một trùy vỡ sọ chết tươi » như ông Lục đã cảnh cáo. Vì vậy nên phong-trào chống đối ở Trung-quốc chậm phát hơn ở các nước Cộng-sản khác. Mãi đến 1957 nhóm La-Long-Cơ mới khởi sự chống Đảng.

c) Tình-hình ở các nước Đông-Au ở Ba-lan

Ba-lan vốn dĩ là một nước có truyền thống quốc-gia rất mạnh, nên phong-trào chống đối Nga bột phát trước tiên. Sau vụ Poznan (28-6-56) các nhà cầm quyền Sô-viết nhận thấy sức mạnh của lý-tưởng quốc-gia nên cố tìm cách đàn áp phong-trào. Nhưng đảng Cộng-sản Ba-lan tranh chấp quyền hành với Nga-sô, tự ý đón Gomulka từ nhà tù về và đưa lên nắm chính quyền. Đứng trước sự dã rồi, Krushchev đành nuốt hận làm lạnh và tiếp đón Gomulka một cách gượng gạo. Về phần Gomulka ông cũng khéo léo cố tránh không làm gì khiến Nga-sô phải bẽ mặt và kiểm soát can thiệp.

d) O' Hung-gia-Lợi

Chỉ vài tháng sau các nhà lãnh-tụ Sô-viết phải đối phó ngay với cuộc khởi nghĩa của dân-chúng Hung. Trong mấy ngày đầu họ yên trí

rằng họ có thể thu hẹp phạm-vi ảnh-hưởng như việc đã xảy ra ở Ba-lan, nhưng đến khi dân-chúng đòi độc-lập và dân-chủ hoàn toàn thì Krushchev ra lệnh cho bộ đội quay trở lại đàn áp. Vụ Budapest đã vang dội khắp Thế-giới và có ảnh-hưởng trực tiếp đến tinh-thần dân-chúng ở Bắc-Việt.

e) Tình-hình ở Bắc Việt năm 1956

Nếu mang so sánh thì chúng ta có thể nhận thấy các lãnh-tự ở Bắc-Việt trong năm 1956 quả đã vất vả hơn các vị đàn anh của họ ở Trung-quốc. Lý do là vì Trung-cộng đã hoàn thành chiến-dịch Cải-cách ruộng đất từ mấy năm trước khi Đệ-tam Quốc-tế ban hành đường lối mới nên tình-hình chính-trị tương đối đã được ổn định. Hơn nữa Trung-cộng đã thanh trừng hết mọi phần tử trí-thức đối lập trong vụ án Hồ-Phong nên năm vững được tình-hình nội bộ để đối phó với làn sóng cách-mạng từ Đông-Âu tràn sang.

Trái lại, khi Mikoyan, sứ-giã của điện Kremlin sang Hà-nội để giải thích về « tân chính-sách » thì cuộc cách-mạng ruộng đất ở miền Bắc còn dang dở dang, và đang ở giai-đoạn chót và mạnh nhất. Đứng trước tình thế đó ông Hồ chí Minh đành trì hoãn việc ban bố chính-sách mới và cứ để yên cho cuộc đấu tử tiếp diễn, vì không có lý gì (theo lời ông Hồ) lại « dội một gáo nước lạnh vào đầu cán bộ ».

Do đó mãi đến tháng tám 1956 Việt-cộng mới phổ biến quyết-định quan trọng của Hội-nghị lần thứ 20 của Đảng Cộng-sản Liên-sô, đồng thời tuyên-bố « Sửa sai », vì mãi đến cuối tháng bảy mới hoàn thành đợt chót của chiến-dịch Cải-cách ruộng đất, gọi là đợt Điện-biên-phủ. Vì để quá lâu mới mở « súp páp » nên khi mở thì hơi si phải mạnh hơn. Những nỗi oan ức mỗi ngày một chồng chất thêm đã gây trong dân-chúng một không khí căm thù đối với chế-độ mỗi ngày một sâu rộng. Đồng thời tình-hình Đông-Âu mỗi ngày một căng thẳng. Vụ Poznan đã xảy ra ngày 28-6-1956 và kể đến vụ Budapest, ngày 23-10-1956 làm rung chuyển bộ máy thống trị của Đệ-Tam Quốc-tế ở khắp các nước chư hầu.

Chiến-dịch sửa sai

Chiến-dịch này bắt đầu bằng việc giải-thích bằng báo-chí và bằng « học tập » về quyết-nghị của Hội-nghị lần thứ 20 trong đó có nói đến

« bệnh tôn sùng cá-nhân » và « chính-sách tập thể ». Việc thứ hai là « hạ bệ » ông Trường Chinh và ông Hồ viết Thắng, và thả ra 12 ngàn đảng viên bị cầm tù vì bị quy là địa-chủ trong số đó có nhiều người đã bị lên án tử hình.

Ảnh-hưởng của « sửa sai » ở nông thôn

Sau khi các đảng viên trung-kiên được tha từ nhà tù về, được khôi phục công quyền, khôi phục đảng-tịch và chức-vụ thì họ tìm ngay đến các « đồng-chí » đã « tố sai » để trả thù. Do đó tình-trạng xung-đột, giết chóc giữa đảng viên cũ và đảng viên mới lan rộng khắp mọi nơi. Uy-tín của Đảng bị sụp đổ, cán-bộ đâm ra hoang mang. Trong dịp này nhà văn Nguyễn Sáng có nói một cách hài hước : « Lạc quan sai ; bi-quan cũng sai ; chỉ có *hoang mang* mới đúng ». Nhân-dân được dịp đòi lại ruộng nương nhà cửa bị tịch thu.

Ở nông thôn các đảng viên đi họp phải mang búa theo để « thảo-luận » với nhau. Những địa-chủ được tha về, thấy tình-trạng làng xóm như vậy, vội vàng chạy ra thành phố ở nhờ các gia-đình « tiêu-tư-sản » hồi kháng-chiến đã trú-ngụ tại nhà mình. Các bần-cổ-nông, chót nghe lời Đảng « tố điều » nay sợ bị rạch mõm, cắt lưỡi, cũng vội vàng chạy ra thành phố để đạp cyclo và đi ở. Vì vậy nên dân số ở Hà-nội, Nam-định đột nhiên tăng gấp bội và không khí căm thù ở nông thôn lan ra thành phố, lây cho công-nhân, tiêu-tư-sản, sinh-viên và trí-thức. Đáp lại vụ nổi loạn của nông-dân ở Quỳnh-lưu, thanh-niên và công-nhân « Nam-bộ tập kết » đập phá bóp cảnh-sát Bờ-Hồ Hà-nội (bên cạnh ga tàu điện, đầu phố Cầu gỗ).

B.— Những nguyên nhân chủ quan

Trí-thức ở miền Bắc trước kia đã chân-thành hợp-tác với Cộng-sản để kháng-chiến mà ngày nay phải đứng dậy chống lại chính-quyền Cộng-sản, một phần vì *nhiệm-vụ thiêng-liêng của họ bắt họ phải luôn luôn tranh-đấu cho tự-do dân-chủ* mà chế-độ Cộng-sản chỉ hện hò nhưng thực-sự không mang lại. Một phần khác cũng vì *chính bản thân họ* bị bóc lột và bị áp bức tới mức độ mà không ai chịu nổi. Nhìn xung quanh mình, người trí-thức chỉ thấy chém giết và khủng bố, dã-man hơn cả những thời-kỳ mà sử sách đã ghi chép, nhìn vào bản thân, họ thấy họ trở thành một thứ tôi đòi, vừa bị bóc lột vừa bị chà đạp. Từ giai-cấp

tiêu-tư-sản họ tụt xuống trở thành vô sản. Từ địa-vị lãnh đạo tư-tưởng và học-thuật họ đã trở thành một thứ người mà ông Mao ngang nhiên gọi là « không ích lợi bằng cục phán ».

a) *Đời sống vật chất của giới trí-thức ở miền Bắc*

Ai cũng biết trong thời-gian kháng-chiến giới trí-thức đã phải sống một đời sống cơ cực. Câu chuyện Cụ Phan Khôi khi trở về Hà-nội, được bạn thân đãi cơm có thịt gà, cầm đũa chỉ vào miếng thịt trên mâm mà nói đùa : « *Chín năm nay tao lại mới gặp mày* », đã thành một giai-thoại.

Nhưng không phải tất cả văn-nghệ-sĩ về Hà-nội đều gặp được thịt gà. Một đoạn trong bản đề án của ông Hoàng Huế, một thi-sĩ tập kết, gửi Đại-hội văn-nghệ toàn-quốc, đăng trong tập Giai-Phẩm đã tả cho chúng ta biết tình-hình sinh-hoạt vật-chất của đa số văn-nghệ-sĩ ở chiến-khu trở về Hà-nội.

Ông Hoàng Huế viết :

« Ai cũng biết rằng đời sống của chúng ta thiếu thốn quá. Đây là một sự thật buồn bã vẫn hàng ngày đập vào mặt chúng ta làm cho những kẻ đơn giản nhất cũng phải suy nghĩ.

« Chúng ta không thất mắc về cảnh sống trong kháng chiến. Nhưng trở về Hà-nội, giữa những phố xá đầy nhung lụa, tú kính và ánh đèn xanh đỏ, có lẽ chưa bao giờ người nghệ-sĩ cảm thấy cay đắng như lúc này. Cần phải nói thẳng rằng ở một tờ-soạn báo Văn-Nghệ, trong số 8 biên-tập-viên có vợ, thì 6 người đã thất-nghiệp hay bán thất nghiệp. Những trang giấy trắng đáng lẽ chỉ dùng để chép thơ cũng đã bao lần biến thành đơn xin việc. Những lá đơn ấy gửi đi rồi im lặng không nghe một tiếng trả lời.

« Sự thật đã có những nhà văn viết đêm, không có một tách cà-phê để uống. Đã có những thi-sĩ không làm thế nào mua được dăm điều thuốc lá trong cơn nghiện, và đã có một kịch-sĩ bán chiếc đồng hồ đeo tay của mình để bởi dư-ông viết cho xong cuốn sách, nhưng in ra không đủ tiền để chuộc chiếc đồng hồ.

« Hữu Loan có thể nói cho chúng ta biết tình cảnh của anh. Nằm trong bóng tối của một gian nhà nhỏ ở ngoại-ô Hà-nội khi không có tiếng vợ kêu con khóc, Hữu Loan chỉ mơ ước có một ngọn đèn dầu để thắp mà viết. Văn Ký cũng có thể nói cho chúng ta biết tình cảnh của anh. Buổi sớm mai không có củ khoai luộc cho con ăn, nghe tiếng con khóc mà đứt ruột ».

Đoạn văn kể trên là lời phát biểu của thi-sĩ Hoàng Huế về đời sống vật-chất của giai-cấp mà Cụ Phan Khôi mệnh-danh là « quần-chúng văn-nghe ». Căn-cứ vào những lời trình bày của ông Hoàng Huế thì đời sống của văn-nghe-sĩ sau khi họ về Hà-nội còn cực hơn thời-kỳ họ nằm gai nếm mật ở chiến-khu gặp bội lẫn. Nhưng không phải mọi văn-nghe-sĩ đều sống một cách đen tối như vậy. Đây là lời ông Hoàng Huế tả về đời sống của cấp lãnh đạo, một giai-cấp mà Milovan Djilas gọi là « giai-cấp thống trị mới » :

« Hai năm hòa-bình, chúng ta thấy nhiều nhà văn (trước kia) có tài, (ngày nay) bị buộc chặt vào địa-vị bằng những sợi lụa có tẩm thuốc độc. Tác-phẩm của họ (ngày nay) chỉ là chỉ-thị, kế-hoạch, công-văn, thông-cáo. Họ trình trọng thắt cà-vạt đỏ, đi giày da vàng, đọc dít-qua và nhồm nhoàm ăn tiệc, rồi lại xách va-ly, bay đó bay đây, trên mây trên gió ».

Đây là thi-sĩ Hoàng Huế muốn nói đến các nhà văn như Nguyễn công Hoan, Nguyễn Tuân, Nguyễn đình Thi, Hoài Thanh Xuân Diệu vân vân... Họ là cấp lãnh đạo, chuyên-môn ra chỉ-thị, kế-hoạch cho bọn *quần-chúng văn-nghe* thi-hành, nghĩa là sản xuất theo « com-măng » của Đảng đặt. Còn bọn quần-chúng văn-nghe thì nai lưng sáng-tác để bán rẻ văn-chương cho Đảng lấy mỗi tháng vài chục kí-lô gạo.

Hiện nay trong giới văn-nghe-sĩ ở miền Bắc có hai giai-cấp, sống hai đời sống quá chênh-lệch. Cụ Phan Khôi gọi giai-cấp trên là *giai-cấp lãnh đạo* và giai-cấp dưới là *giai-cấp quần-chúng văn-nghe*. Cụ Phan Khôi gọi như vậy vì cụ muốn nói cho có văn vẻ. Sự thực thì nhiều người gọi một cách nôm na là « cai văn-nghe » và « cu-ly văn-nghe ». Gọi bằng hai danh-từ đó mới thực-sự nêu lên được tình-trạng « người bóc lột người ». Người bóc lột hiện nay không phải là một nhân-vật cầm ba-toong, ngậm xi-gà mà là Đảng, một vật vô-hình, bóc lột hàng triệu nô-lệ làm việc bằng chân tay hay bằng trí óc, để nuôi một lũ cán-bộ « thắt cà-vạt đỏ và ăn tiệc nhồm nhoàm ».

Đây quả thật là một cuộc đấu tranh giai-cấp, giữa một giai-cấp thống trị *ngồi mát ăn bát vàng* và một giai-cấp bị trị, bị bóc lột đến xương đến tủy.

Trong khi bọn văn-ngệ-sĩ dám can đảm sống với lý-tưởng của mình để không có củ khoai mà ăn thì Nguyễn Tuân sang Helsinki dự Hội-nghị Hòa-bình Thế-giới, ở một khách-sạn lớn vào bậc nhất mà còn chê là cơm ở khách-sạn đó không hợp khẩu-vị. Nguyễn Tuân viết :

— « *Mỗi ngày ăn ba bữa, khẩu phần thừa thãi bỏ bèo ; nghi-thức lúc ăn thực là trang trọng : đồ sứ, pha lê, khăn bàn trắng muốt, quanh bàn ăn chốc chốc lại cử nhạc, những chi đũa món ăn trông đẹp như rượu rót trong các truyện thần thoại... Nhưng tôi ăn uống sao không thấy ngon...».*

(Xem bài Phở của Nguyễn Tuân trong phần tài-liệu).

Còn Nguyễn công Hoan khi sang dự Hội-nghị Văn-hóa Á-châu lại đương nhiên vào nằm ở khách-sạn Asoka là khách-sạn nổi tiếng là nơi trú ngụ của các bậc đế vương trên thế-giới.

b) *Đời sống tinh-thần của Văn-ngệ-sĩ ở miền Bắc*

Sự chênh-lệch không những chỉ thể hiện trên đời sống vật-chất, mà còn thể hiện sâu sắc hơn trong đời sống tinh-thần. Trong khi quần-chúng văn-ngệ phải làm việc như tôi mọi thì một thiểu số, vừa thiếu đức vừa thiếu tài, chỉ khéo nịnh hót để ăn trên ngồi chốc, tác oai tác quái. Một văn-sĩ đầu tên đã làm bài thơ sau đây đăng trong báo Văn số 24 ra ngày 10-10-1957.

Ông « Vô ngược »

Học thuật văn-chương chữa sạch nghề

Tập tòe lên lớp cũng khen chê

Giáo điều khó nuốt lên thò bạo

Lý luận không tiêu kéo nặng nề.

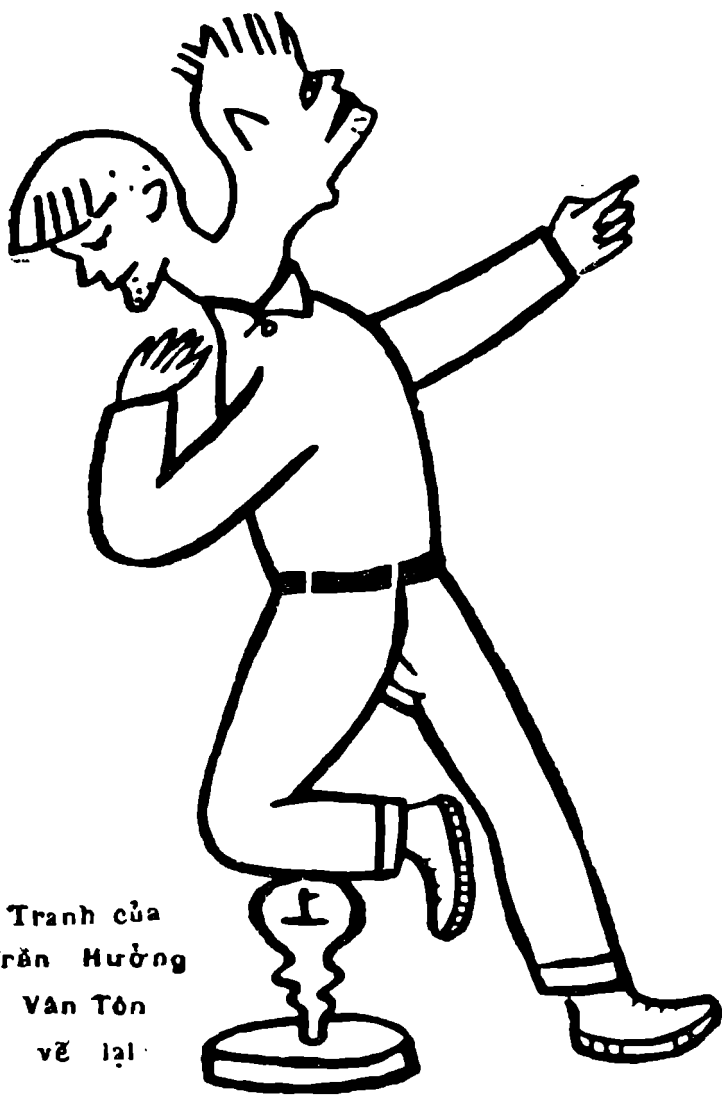
Tình cảm khó khan như củi gộc

Phé-bình nòng nặc tựa cơm khế.

Auh em vắn lại, cùng kỳ lý,

Vô ngược, ông gio Đàng chực lờ.

Một cái quái thai: nịnh trên nạt dưới



Tranh của
Trần Hương
Văn Tôn
vẽ lại

Trích báo TRĂM-HOÀ ngày 30 tháng 12, 1956

Không phải chỉ có *lòe* không mà còn *máng* thực sự. Chứng có là Nguyễn công Hoan, tên lý-trưởng văn-nghệ đã từng nằm ở khách-sạn Asoka mắng cụ Phan Khôi, tên cu-ly văn-nghệ đáng tuổi bố.

Sự thề là nhân dịp cụ Phan Khôi thượng thọ 70 tuổi, giữa lúc cụ dương bị Đảng quy vào tội phản động, không một ai dám lai vãng đến chúc thọ cụ vì sợ bị liên-quan, cụ bèn làm một bài thơ để kỷ-niệm ngày thượng thọ của cụ. Trong bài thơ đó có hai câu như sau :

Lên bảy mươi rồi mẹ nó ơi !

Thọ ta, ta chúc nó phiền ai.

Bài thơ này không xuất-bản, nhưng cũng đến tai Nguyễn công Hoan, Hoan liền làm một bài thơ họa lại như sau :

Nhân bảo Phan Khôi khốn kiếp ơi !

Thọ mi, mi chúc chó hồng ai.

Văn-chương ! Đù mẹ thằng cha bạc !

Tiết tháo ! Tiên sư cái mẹ ngoài

Lô-dịch, trước cam làm kiếp chó,

Nhân văn, nay lại hít gị voi,

Sống dai thêm tuổi, cho thêm nhục,

Thêm nhục cơm trời, chẳng thấy gai.

Đại-khái thì toàn bộ giai-cấp mới đều đều căng và hèn hạ như vậy.

Trên đây là thơ, còn những đoạn văn xuôi chứng nhận rằng hiện nay ở miền Bắc đã phát xuất những hạng người thô-bạo và hống-hách như vậy thì có rất nhiều.

Cụ Phan Khôi, trong bài « Phê-dình lãnh đạo Văn-nghệ » (xem phần tài-liệu) mang Cộng-sản ra so sánh với Phong-kiến và kết-luận rằng Cộng-sản còn tàn bạo và quan liêu hơn Phong-kiến gấp nhiều lần.

Trần Dẫn trong bài « Những người không-lỡ » (xem phần tài-liệu) vi bọn cán-bộ Cộng-sản như một lũ người « không tim ».

Ngoài ra ông còn vẽ bức tranh khôi-hài nhan-đề « Một phương-pháp xây-dựng văn-nghệ », đăng trong báo Văn số 30 ra ngày 29-11-

1957 trong đó ông chế diễu sự can-thiệp thô bạo của chính-trị vào lĩnh-vực văn-nghệ. (Xem tranh ở trang 35).

Nhưng đặc-biệt nhất là bài « Thi-sĩ máy » của Như Mai đăng trong tờ Nhân-Văn số chót trong đó ông chế diễu sự ngu dốt của cán-bộ Cộng-sản về văn-nghệ và cách chúng đối xử với văn-nghệ-sĩ sau này như thế nào. Ông viết :

« ... Nhạc-sĩ Áo-Huyền được cử đi học lớp « nghiên-cứu » nghệ làm nước mắm »; họa-sĩ Lập-Thể được điều động sang Mậu-dịch ; nữ-sĩ Trong-Trắng ném bút làm nghề đờ đờ, thi-sĩ Máy-Nước ra Bờ Hồ làm nghề bó Kiều, tán róc về thành-phần giai-cấp cho những người có óc mê-tfn.

« Văn-sĩ Đảng-văn-Cay phải ra Chợ gởi làm nghề bán văn kiếm bán sấm lớp. Sấm lớp vì cần được khuyến khích, nên được miễn thuế, còn văn của Đảng-văn-Cay thì bị liệt vào hạng vô dụng và phải chịu thuế bốn phần trăm. Rất ít người chịu quảng tiền ra mua. Đồi ba vị khó tính lại còn rĩa ròi : « Văn-chương anh thì ra cái đêch gì ! Không tặc tợi bằng chiếc đê đép cao-xu của tôi nữa kia ! ».

« Nhà đạo-diễn vở Kinh-Kha được chuyển sang ngành nuôi cá vàng, mỗi khi luyến tiếc sân khấu, thường ngắm cá bơi lội rồi tưởng tượng con cá vây bạc óng ả này là Điều-Thuyền, con cá đen mặt nó là Bao-Công, cặp cá đuối cò lồi mắt kieu là đôi nhân-vật tiểu-tu-sản v.v... »

(Xem trọn bài trong phần tài-liệu)

Viết mấy giòng này Như Mai có ý nhấn nhủ những trí-thức nào còn mê « thiên-đường Cộng-sản » thì hãy nên biết trước số phận mà Cộng-sản sẽ dành cho mình trên cõi thiên-đường đó.

c) Tâm-trạng của giới trí-thức ở miền Bắc

Tâm-trạng của đại đa số trí-thức ở miền Bắc, nhất là những trí-thức đã dày công theo đuổi kháng-chiến, là thấy mình bị lợi-dụng tài năng, bị bạc đãi, khinh miệt và cuối cùng là ruồng bỏ, và khùng-bố. Tâm-trạng đó giống hệt tâm-trạng một người đàn bà đẹp, bị rơi vào phận lẽ mọn, và bị chồng và vợ cả vùi dập. Nếu ngày xưa Hồ xuân Hương đã cảm cảnh vợ lẽ mà thốt ra câu :

*Chém cha cái kiếp lấy chồng chung
Kẻ đắp chăn bông, kẻ lạnh lùng.*

Thì ngày nay cụ Phan Khôi cũng phải ngán cảnh « kháng-chiến ngõ ngoài » mà ngâm mấy vần thơ sau đây :

*Tuổi già thêm bệnh hoạn,
Kháng-chiến thấy thừa ta.
Mối sầu như tóc bạc
Hễ cắt lại giải ra.*

Ông Nguyễn mạnh Tường trong bài diễn-văn của ông nói về những sai lầm trong Cải-cách ruộng đất cũng phải nêu lên câu hỏi sau đây :

« Có một chỗ nào mà người trí-thức ngoài Đảng nắm được thực quyền hay không ? Tác-dụng « hiểu hi » hay « cười gât » thì có, mà lại có nhiều. Nhưng ngay ở các cương vị ấy, ngoài vai trò hiểu hi, cười gât, người trí-thức có một trách-nhiệm gì không ? Có quyền nói gì, làm gì không ? Quần-chúng đã biết và miễn tôi giả lời »

(Xem trọn bài trong phần tài-liệu)

Trí-thức « sống chung » với Cộng-sản, chỉ được đặt vào địa-vị « hầu non » cười về đề tô-diêm cho nhà cửa thêm sáng sủa, còn thực quyền thì bao giờ cũng do vợ cả nắm. Vợ cả đây, ai cũng biết là *bần-cô-nông*, vì Cộng-sản chẳng hề dấu diêm điều đó.

Tâm-trạng thứ hai của giới trí-thức là thấy sự hy-sinh của mình trong chín mươi năm trời không đưa lại mấy may hạnh-phúc. Trong chế-độ « dân-chủ cộng-hòa » ngày nay vẫn đầy rẫy một lũ chuyên môn nịnh hót để chăm mút và tác oai tác quái.

Hữu Loan đã phải rên rĩ như sau :

*« Một điều đau xót
Trong chế-độ chúng ta
Trong chế-độ « Dân-chủ Cộng-hòa »
Nhưng thành nịnh hót còn thánh thang đất òng... »*

Rồi ông hô hào mọi người hãy đứng lên làm «tổng vệ-sinh». quét sạch lũ chúng, ông hô :

Những người

đã đánh bại

xâm lăng ;

Đỏ bưng mặt

vì những tên quốc sĩ

Ngay giữa thời nô-lệ

Là người, chúng ta

không ai biết cái đầu.

(Xem trọn bài trong phần tài-liệu)

Vì đỏ bưng mặt, không chịu được sự khinh mạn của Cộng-sản, nên họ phải vùng dậy. Cụ Phan Khôi phần ứt quá chừng nên nói liều như sau :

Làm sao cũng chẳng làm sao,

Dẫu có thế nào cũng chẳng làm chi.

Làm chi cũng chẳng làm chi,

Dẫu có làm gì cũng chẳng làm sao.

Từ chỗ ứt ức đó tiến tới chỗ ra báo đề ngang nhiên chống lại Đảng chỉ có một bước.



CHƯƠNG II

Lịch-trình đấu tranh của Trí-thức ở miền Bắc

Chúng ta đều biết rằng trí-thức ở miền Bắc mới nổi dậy tấn công ào ạt vào lãnh đạo từ mùa Xuân 1956, nhưng nếu ta kể cả những cuộc chống đối lẻ tẻ và ngấm ngấm thì ta phải công nhận rằng cuộc đấu tranh giữa Đảng và quần-chúng văn-nghệ đã có từ lâu. Sở dĩ ta không nghe nói đến là vì trong thời-gian kháng-chiến, các văn-nghệ-sĩ không dám đứng lên công khai chống chọi với Đảng, vì hồi đó hơi một tý là Đảng có thể khép vào tội Việt-gian phản quốc. Và lại lúc bấy giờ đa số trí-thức tham-gia kháng-chiến cũng chưa muốn công khai chống lại Đảng. Họ vẫn biết Đảng là Đảng Cộng-sản, ông Hồ chí Minh là tên nguy-trang của Nguyễn ái Quốc, nhưng vì lòng chân thành ái-quốc và vì chưa ý-thức được cái nguy-cơ Cộng-sản, họ vẫn thụ động để cho Cộng-sản lãnh đạo, vì họ quan-niệm rằng, sau khi đánh đuổi được Pháp ra khỏi bờ cõi thì sẽ quay trở lại chống Cộng cũng vờ.

Diễn-hình của thái-dộ này kỹ-sư *Hồ đắc Liên*, em ông Hồ đắc Điền. Ông Liên trong lúc mới tham-gia kháng-chiến có giờ cao nắm tay trước mặt người bạn thân mà tuyên-bố rằng : « *Còn phải chống Pháp thì tôi còn đi với chúng (ông ám chỉ Cộng-sản) khi nào độc-lập rồi thì chúng sẽ biết tay tôi* ». Ông Liên là một trí-thức du

học ở bên Pháp về nên ngây thơ đến mức đó. Những người khác sinh trưởng trong nước, không đến nỗi ngây thơ như ông. Tuy nhiên, ai cũng mắc phải cái lỗi là không ngờ rằng chế-độ Cộng-sản đã-man quá mức. Nhiều người đã được đọc cuốn *Retour de l'URSS* của André Gide, nhưng ai cũng hy-vọng rằng Cộng-sản ở Nga lúc xưa khác, Cộng-sản ở Việt-nam bây giờ khác. Nói chung ai cũng nghĩ rằng Việt-minh tuy là Cộng-sản, nhưng nhiệm-vụ của họ là kháng-chiến chống Pháp trước đã, khi nào độc-lập rồi mà *Việt-minh thực-hiện chủ-nghĩa Cộng-sản, lúc bấy giờ họ xoay xở cũng kịp*. Ít ai ngờ rằng Cộng-sản sẽ phản hội Quốc-gia trước khi kháng-chiến thành công, vì không mấy người nhớ rằng ngày xưa, khi Cộng-sản Trung-hoa liên-kết với Quốc-dân-Đảng trong cuộc Bắc phạt, họ đã bị Quốc-dân-Đảng trở tay trước và tiêu-diệt họ. Ít ai nhớ rằng Nguyễn ái Quốc lúc bấy giờ phải chạy long tóc gáy mới thoát nạn, nên rút kinh-nghiệm, lần này liên-kết với những người kháng-chiến có tinh-thần quốc-gia, họ Hồ phải trở tay trước. Cũng vì sự sao nhãng đó nên giới trí-thức ở miền Bắc, như Phan Khôi, Nguyễn mạnh Tường, là những người chỉ tham-gia kháng-chiến vì lý-tưởng Quốc-gia, ngày nay phải lâm vào tình-trạng khó khăn.

Tình-hình văn-nghệ trong vùng kháng-chiến từ 1946 đến 1954

Thời kỳ ấy là thời kỳ kháng chiến của nước ta, nhưng nếu đem so với lịch Cộng-sản quốc-tế thì có thể gọi thời-đại ấy là Triều-đại Stalin. Ngay từ thời bấy giờ văn-nghệ-sĩ tham-gia kháng-chiến đã chia làm hai phái. Một *phái đảng viên*, và một *phái không đảng viên*. Tuy chưa có xung đột công khai, nhưng hai phái vẫn không ưa nhau. Phần lớn những văn-nghệ-sĩ đảng viên như Tố Hữu, Hoài Thanh, Xuân Diệu, đều tập trung ở Việt-Bắc, gần Trung-ương, gần Đảng, để nắm vai lãnh đạo. Còn quần-chúng văn-nghệ-sĩ thì phần đông đều cố ý muốn tránh Trung-ương, tránh Đảng, nên họ vẫn lẩn quất ở miền xuôi, miền đồng bằng, gọi là Khu Ba, và sau khi Khu Ba bị quân Pháp chiếm cứ thì họ tản-cư vào Thanh-hóa. Lúc bấy giờ các văn-nghệ-sĩ không Đảng này được Nguyễn Sơn, một thiếu-tướng Việt-cộng trọng dụng, biệt đãi, nên họ có dịp tụ hội lại một nơi và gây thành một sức mạnh. Ngày nay nói đến vụ án Nhân-Văn tưởng cũng nên nói đến vai trò của Nguyễn Sơn, vì nhóm Nhân-Văn coi Nguyễn Sơn như một ân nhân. Chúng có lẽ là lời Nguyễn Sơn chết thánng mười

năm 1956, báo Nhân-Văn có đăng một bài khóc Nguyễn Sơn. Tuy Nguyễn Sơn là một tay Cộng-sản đã nổi danh ở bên Trung-quốc, nhưng Nguyễn Sơn vẫn chưa gột hết tinh-thần quốc-gia. Thấy nước nhà kháng-chiến chống Pháp, Nguyễn Sơn nằng-nặng xin với Mao Trạch-dông cho về để giúp nước và khi về nước thì chỉ chú-trọng đến việc đánh Pháp, không chú-trọng đến việc bành-trướng Đảng. Sau này Nguyễn Sơn ngang nhiên chống lại Đảng vì phản-đối chủ-trương nhận viện-trợ của Trung-cộng. Nói cho đúng thì Nguyễn Sơn là một thứ Tito trong hàng ngũ Cộng-sản Việt-nam.

Khi Nguyễn Sơn làm khu-trưởng Khu Bốn, ông ta tập trung tất cả các văn-nghệ-sĩ ở Khu Bốn lại một nơi rồi giúp cho họ phương-tiện để sinh sống, để sáng-tác vì Nguyễn Sơn đề cao văn-nghệ, và yêu mến văn-nghệ. Nhưng từ 1950 trở đi, sau khi Nguyễn Sơn bị đuổi về Tàu thì cuộc đời của nhóm văn-nghệ-sĩ Khu Bốn bắt đầu đen tối. Họ bị bạc đãi nên họ không chịu sáng-tác nữa. Mỗi lần cấp-bộ lãnh đạo đòi hỏi thì họ cứ khất lãn, họ nói rằng họ còn « đương thai nghén » chưa sản-xuất được, và cuối cùng suốt trong mấy năm, từ 1950 cho đến 1954 chẳng có văn-nghệ-sĩ nào sản-xuất gì hết. Thái-độ « đình-công tập thể » này được chứng-minh bằng một câu của cụ Phan Khôi trong bài « Phê-bình lãnh đạo Văn-nghệ » của cụ. Nói về Thế Lữ cụ viết : « Còn Thế Lữ có lần tôi hỏi tại sao anh không làm thơ như trước kia. Anh trả lời rằng đợi đến bao giờ anh « chỉnh » được tâm-hồn, cảm-thông được với quần-chúng cần-lao, bấy giờ anh sẽ làm ». Thái-độ này không phải chỉ riêng của Thế Lữ. Văn Cao, tác-giả bài « Tiến quân ca » cũng đã thốt ra rằng : « Nay Đảng bảo phải, mai Đảng bảo sai, ai còn biết đường nào mà sáng-tác ».

Nói chung từ 1950 trở đi, nghĩa là từ khi chính-sách của Việt-cộng thay đổi và các cố-văn Tàu đã sang Việt-Nam, thì các văn-nghệ-sĩ không Đảng đã đình chỉ mọi công việc sáng-tác. Vì vậy nên từ 1950 trở đi các văn-nghệ-sĩ kháng-chiến không sản-xuất được một tác-phẩm nào có giá-trị, ngoài những bài thơ ca ngợi Đảng, ca ngợi Bác, của nhóm văn-nghệ-sĩ thuộc thành phần lãnh đạo viết. Tuy có viết, có xuất-bản, nhưng những văn thơ nịnh hót đó cũng chẳng có ai đọc.

Đây là một bài Tố Hữu tán-dương Hồ chí Minh và Sít-ta-lin:

*Hoan hô Hồ chí Minh
Cây hải đăng vô sản.
Bão táp chẳng rung rinh
Lửa trường kỳ cách mạng.
Hoan hô Sít-ta-lin
Đời đời cây đại thọ
Rợp bóng mát hòa-bình.*

Hoặc là :

*Chúng ta có Bác Hồ
Thế-giới : Sít ta lin.
Đảng ta phải mạnh to,
Thế-giới phải đồ mình.*

Ở một chỗ khác, thi-sĩ khát máu hô :

*Giết, giết nữa, bàn tay không phút nghỉ
Cho ruộng đồng lúa tốt, thuế mau xong,
Cho Đảng hèn lâu, cùng rập bước chung lòng
Thờ Mao Chủ tịch, thờ Sít-ta-lin... bắt diệt.*

Trên đây là thơ của Tố Hữu, còn sau đây là thơ của Xuân Diệu:

*Mỗi lần tranh đấu gay go
Chúng con lại được Bác Hồ tới thăm,
Nghe lời Bác dạy khuyên răn,
Chúng con ước muốn theo chân của người...
Chúng con thề nguyện một lời :
Quyết tâm thành khẩn... lột người tà đày.*

Trên đây là thơ Xuân Diệu nịnh Bác, còn sau đây là lời Xuân Diệu nạt nhân-dân. Ta hãy nghe lời hò hét :

*Anh em ơi ! quyết chung lưng
Đấu tranh tiêu diệt tàn hung tù thù,*

*Địa hào, đối lập ra tro,
Lưng chừng phản động đến giờ tan xương.
Thấp đước cho sáng khắp đường,
Thấp đước cho sáng đình làng đêm nay.
Lời cổ hợn nó ra đây
Bất quỳ gục xuống, đọa đày chết thối...*

Đại-khái thì từ 1950 cho đến 1954 trong vùng Cộng-sản kiểm- soát chỉ có một lối thơ khát máu như vậy thôi. Là những người văn- nghệ-sĩ chân chính, còn giữ vững bản tính cao quý của con người, dĩ nhiên ai cũng phải tạm thời gác bút, vì không thể nào hòa điệu được với một hạng người như vậy. Tóm lại, các văn-nghê-sĩ ở vùng kháng- chiến đã đình công dài hạn từ 1950 trở đi, đề tỏ ý không tán thành đường lối của Đảng, chế-độ độc-tài của Đảng, và nhất là chính-sách « đầu gối » do các cố-văn Trung-quốc nhập cảnh vào Bắc-Việt

Những triệu-chứng báo hiệu cuộc nổi loạn

Sau khi Việt-cộng về Hà-nội thì báo-chí, sách vở xuất-bản ở Hà-nội vẫn đầy rẫy những bài ca-tụng Đảng, ca-tụng Bác, những bài « anh hùng ca » kêu gọi nông-dân đứng dậy tàn sát địa-chủ, phản động, lưng chừng. Nhưng hình như từ ngày Bác Malenkov bị hạ bệ thì uy-tín của Đảng có bị giảm mãi một phần. Trên mặt báo-giới tuy chưa có bài nào công kích hẳn chế-độ, nhưng báo Thời-Mới, một tờ báo của tư nhân còn sót lại, nêu ra nhiều vấn-đề đề độc-giả thảo luận, trong số đó có vấn-đề « Yêu nhau có cần tiêu chuẩn hay không ? », nghĩa là : Có nhất thiết phải là cán-bộ Đảng mới đáng được các cô con gái yêu không ? Ngụ ý của người đưa ra vấn-đề này là đã phá cái tệ mới phát hiện ở Hà-nội là các cô gái chưa chồng đua nhau lấy cán-bộ Đảng, cán-bộ « Bốn túi » (Cán-bộ bốn túi là cán-bộ cao cấp, vì cán-bộ cấp dưới chỉ được mặc áo có hai túi. Lúc bấy giờ có khẩu hiệu « Phi bốn túi bắt thành phu phụ »).

Những bài này không dẫn động đến đường lối chính-sách của Đảng, nhưng một phần nào cũng đã làm giảm uy-tín của cán-bộ lãnh đạo.

Thế rồi cụ Phan Khôi xuất đầu lộ diện. Nhà nho bảy mươi tuổi bắt đầu dả kích chế-độ bằng một mưu mẹo mà cán-bộ Cộng-sản mắc

ngay tức khắc. Cụ được cán-bộ giao cho dịch một cuốn sách chữ Pháp sang tiếng Việt, trong đó có một chữ « Pomme de terre », cụ dịch ngay ra là « khoai nhạc ngựa ». Cuốn sách cụ dịch được xuất-bản, và sau đó ít lâu báo Cứu-Quốc viết một bài phê-bình cụ là làm cầm, bảo cụ : « Sao không dịch là « khoai tây » mà lại dịch là khoai nhạc ngựa. Khoai nhạc ngựa là cái quái gì ? » Báo Cứu-Quốc yên trí rằng cụ Phan đã 70 tuổi đầu nên cụ đã làm cầm. Không ngờ trẻ mắc ngay mưu già. Cụ trả lời ngay bài phê-bình đó. Cụ nhận ngay là làm cầm nhưng cụ phân vua rằng : Cán-bộ phụ-trách lâu nay cấm cụ dùng chữ « tây ». Có lần cụ dùng chữ « đường tây » chúng xóa đi mà thay vào chữ « đường kính ». Cụ dùng chữ « chè Tàu » thì chúng chữa là « chè Trung-quốc », chữ « thịt kho tàu » thì chúng chữa là « thịt kho Trung-quốc ». Lần này đề chiều ý chúng, cái gì cũng phải Trung-quốc mới hay, thì cụ dịch « pomme de terre » ra « khoai nhạc ngựa » vì người Trung-quốc gọi nó là « mã linh thư ». Đây là lần đầu tiên cụ Phan Khôi mang cái dốt của cán-bộ ra điều trên mặt báo-chí. Việc này chứng tỏ rằng uy-tín của cán-bộ đã bắt đầu bị suy sụp.

Cuộc khởi nghĩa bắt đầu

Ngày 20 tháng 2 năm 1956 Krushchev đọc bài diễn-văn hạ bệ Stalin. Tuy bài diễn-văn này đọc trong một khóa họp bí-mật, nhưng tài-liệu đó cũng lọt ra ngoài, và không bao lâu toàn thế-thế-giới đều biết. Việt-cộng cố dấu, nhưng giới văn-ngệ ở miền Bắc vẫn biết được vì họ đọc một vài tờ báo Pháp lọt vào tay họ. Không khí chống lại Đảng dưới hình-thức chống tinh-thần Stalin bắt đầu. Vào khoảng tháng ba 1956 nhà xuất-bản Minh-Đức ở chiến-khu về cho ra một cuốn sách nhan-đề là « GIAI-PHẨM 1956 ». Trong cuốn này có nhiều bài nêu lên những thói nát của chế-độ. Phùng Quán viết một bài nhan-đề là « Cái chổi quét rác rưởi » trong đó anh nói rằng chế-độ miền Bắc đầy những rác rưởi đơ bẩn và anh, lấy tư-cách là nhà văn, tình-nguyện làm cái chổi quét cho sạch những rác rưởi đó. Cũng trong số đó Lê Đạt có viết một bài nhan-đề là « Ông bình vôi », trong đó có câu :

*Những kiếp người sống lâu trăm tuổi
Y như một cái bình vôi
Càng sống càng tồi
Càng sống càng bé lại.*

Bề ngoài thì bài này chỉ công kích những cán-bộ nhiều tuổi Đảng, sống lâu lên lão làng, nhưng kỳ thực người dân Bắc-Việt có thể hiểu ngay là ám chỉ ông Hồ chí Minh, càng sống, càng tồi vì ngày nay ông Hồ không còn thương nước thương nòi như hồi ông còn là Nguyễn ái Quốc nữa. Đây là một thái-độ láo xược vô bờ bến, nhưng Việt-cộng không dám bắt bẻ, vì nếu nêu bài thơ ấy ra thì mất hết uy-tín của ông Hồ. Bài mà họ nêu ra để khùng bố, là bài « *Nhất định thắng* » cũng đăng trong cuốn đó, cuốn *Giai-Phẩm mùa Xuân*. Tác-giả là Trần Dần, một nhà thơ trẻ tuổi. Bài thơ giải hơn năm trăm câu, tả sự khổ cực của hai vợ chồng tác-giả, thiếu thốn, thất-nghiệp, đi trong thành phố Hà-nội mà chỉ thấy « mưa sa và máu cò đỏ ». Trong bài thơ ấy tác-giả cũng nêu lên sự đau xót khi thấy hàng vạn người cứ tiếp tục bỏ vùng Việt-cộng mà di-cư vào Nam. Không nói rõ nhưng ngụ ý của tác-giả là : chế-độ miền Bắc quá dã-man nên họ phải xa lánh, chứ chẳng có ai dụ dỗ họ bỏ nhà bỏ cửa vào Nam như là tuyên truyền Việt-cộng vẫn thường rêu rao. Tất cả trách-nhiệm về cuộc di-cư vĩ-đại này Việt-cộng phải chịu. Trong bài thơ đó có một đoạn như sau :

Tôi đi giữa trời mưa đất Bắc

Tai bỗng nghe những tiếng thì thầm

Tiếng người nói xen tiếng đời àm ả.

— *Chúng phá hiệp thương !*

— *Liệu có hiệp thương !*

— *Liệu có tuyển cử ?*

— *Liệu tổng hay chẳng tổng ?*

— *Liệu đúng kỳ hay chậm vài năm ?*

Ôi ! xưa nay Người vẫn thiếu tin Người

Người vẫn kính hoàng trước tương-lai.....

(Xem trọn bài trong phần tài-liệu)

Vì chữ « Người » trong hai giòng cuối bằng chữ hoa, nên cán-bộ lãnh đạo vin ngay vào cớ đó để buộc cho Trần Dần có ý ám chỉ ông Hồ chí Minh vì xưa nay chữ *Người* viết hoa vẫn dành riêng cho ông Hồ. Như vậy là tờ *Giai-Phẩm mùa Xuân* bị tịch-thu và Trần Dần bị bắt, bị mang ra đấu trước một cuộc hội họp đông đảo của toàn thể các văn-nghệ-sĩ trong « Hội các nhà văn ». Trần Dần bị quy

vào tội phản-dộng và bị bắt giam. Phần uất quá, Trần Dần cứa cổ tự tử, nhưng không chết, sau này vẫn mang một cái sẹo ở cổ. Cái sẹo đó trở thành một dấu hiệu của sự áp-bức văn-ngệ dưới chế-độ Cộng-phan miền Bắc.

Giai-Phàm mùa Thu ra đời

Nhưng chẳng bao lâu thì Mikoyan sang thăm Hà-nội đề giải-thích cho ông Hồ về sự cần thiết phải thay đổi chính-sách, phải nới tay. Tiếp theo đó, ngày 26 tháng năm 1956, họ Mao tuyên-bố chính-sách « Trăm hoa đua nở ». Và chỉ một tháng sau công-nhân Ba-lan nổi loạn ở Poznan. Việt-cộng lúng túng phái cán-bộ đi giải-thích về vụ Poznan, nhưng dân-chúng Bắc-Việt nhất thiết không tin lời giải-thích của cán-bộ. Cũng vào dịp này Đảng Lao-dộng bắt đầu cho nhân-dân học-tập về chính-sách mới của Krushchev. Trong một bài đăng trong báo Nhân-Văn số 2 xuất-bản ngày 30 tháng chín năm 1956 có một đoạn nói về buổi họp đó như sau :

« Đợt học tập của giới văn-ngệ tháng tám vừa qua đã là một cuộc tranh đấu sôi nổi của trên 300 người công tác văn-ngệ. Phát-triển sự việc như thế nào, chỉ trích bè phái như thế nào, xây-dựng Trung-ương Đảng như thế nào, Nguyễn đình Thi tổng-kết quanh co như thế nào, Nguyễn hữu Đảng thăm luận mạnh bạo như thế nào, Tố Hữu nhận lỗi qua loa như thế nào, anh chị em đã nghị những gì... báo Nhân-Dân biết rõ. Thế rồi bè phái lãnh đạo văn-ngệ vẫn cứ ngoan cố làm thịnh... tuyệt nhiên không giải-quyết một nguyện vọng nào của anh chị em ».

Xem đoạn văn đó thì chúng ta thấy rằng quần-chúng văn-ngệ đã tấn công mãnh liệt vào « bè phái » lãnh đạo, đã đẩy « bè phái » đó vào chỗ bí, không có đường thoát. Như vậy là quần-chúng văn-ngệ đã nắm được ưu thế, và họ không bỏ lỡ dịp tấn công luôn và liên tiếp.

Ngày 29 tháng 8, 1956 Giai-Phàm mùa Thu tập I ra đời. Trong tập này cụ Phan Khôi giảng một trụ chủ mạng vào đầu giai-cấp lãnh đạo. Bài của cụ nhan-đề là « Phi-bình lãnh đạo Văn-ngệ ». Bài này đã làm nhân-dân Hà-nội xôn xao. Có người viết trên báo Thời-Mới, vì bài của cụ Phan như một « quả bom tạ » thả ngay giữa Hà-nội. Có người thốt lên rằng chín m. rồi năm nay mới lại nghe thấy tiếng nói « sang sảng » của cụ Phan.

Mặt-trận tấn công mở rộng

Từ tháng Tám 1956 trở đi thì « *quần-chúng văn-nghe* » ở miền Bắc đã làm chủ được tình thế. Vì nhận thấy tờ *Giai-Phàm* chỉ là một tạp-chí về Văn-học không đủ phạm-vi, đề đầu tranh rộng rãi về chính-trị, nên cụ Phan, Nguyễn hữu Đang và Trần Duy bèn cùng đứng xuất-bản một tờ báo có tính cách tranh đấu rộng rãi hơn, đó là tờ *Nhân-Văn Tờ Nhân-Văn* số 1 ra đời vào ngày 15 tháng 9. Giới sinh-viên Đại-học cũng hưởng ứng sôi nổi và xuất-bản một tờ báo chống Đảng lấy tên là *Đất-Mới*. Tờ tuần-báo *Trăm-Hoa* của thi-sĩ Nguyễn Bình, trước kia hiền lành, nay cũng hưởng ứng phong-trào, ra một loạt mới đã kích Đảng. Phong-trào lan rộng đến nỗi giọng công-kích lan ra cả tờ *Thời-Mới* là tờ báo hằng ngày, lâu nay vẫn ngoan ngoãn đối với Đảng. Nó thâm nhập cả vào báo-chí của Đảng. Báo *Cửu-Quốc*, cơ-quan của *Mặt-Trận Tổ-Quốc* cũng nêu ra nhiều tệ-hại của chế-độ trong mục tự phê-bình, nhan-đề là *Cuốn sổ tay*. Mà đặc-biệt là báo *Nhân-Dân*, cơ-quan chính-thức của Đảng cũng tiết-lộ nhiều « sai lầm ». Cho đến cả báo *Học-Tập*, cơ-quan nghiên-cứu lý-thuyết của Đảng cũng nêu ra nhiều vụ hà-lạm của cán-bộ đảng viên. Nói chung thì suốt trong ba tháng, nhân phong-trào sửa sai, tất cả dư-luận và toàn thể báo-chí đều phản nản về bệnh « quan liêu » của bè phái lãnh đạo. Khác nhau là ở chỗ các báo đối lập thì nói thẳng tay, bỏ những nhất búa chí mạng vào đầu giai-cấp thống trị, còn các báo-chí của Đảng thì bất đắc dĩ, thấy người ta nói nhiều quá và đúng quá, cũng phải a-dua theo, bộc lộ chút ít sai lầm, đề tỏ ra mình không ngoan cố lắm, nhưng cuối bài thế nào cũng thêm thắt chút ít đề tỏ rằng những sai lầm đó là nhất thời và cá biệt, còn nói chung thì Đảng và Bác bao giờ cũng sáng suốt. Mọi việc « sai lầm » đáng tiếc đều do cán-bộ cấp dưới gây ra, còn cấp trên vẫn nắm vững chính-sách. Nhưng các báo-chí đối lập không thêm đếm xỉa đến cấp dưới mà lại chĩa mũi dùi vào cấp lãnh đạo, nên cùng kỳ lý, Hồ viết Thắng phải đứng ra đọc bản tự kiểm-thảo về những sai lầm về Cải cách ruộng đất, Võ nguyên Giáp cũng phải thay mặt Đảng công nhận những « khuyết điểm ».

Bút chiến với các báo của Đảng

Bị mất hết uy-tin, và bị tấn công vào những chỗ yếu, không có cách gì đỡ, các cấp lãnh đạo chỉ có cách là làm thinh, Hồ chí Minh hoàn toàn không lên tiếng. Tố Hữu sang Bắc-Kinh nằm yên trong ba

tháng. Bọn « cai văn-nghệ » như Hoài Thanh, Xuân Diệu, Lưu Trọng Lư không dám hé răng. Những biến chuyển liên tiếp ở Đông-Âu làm cho mấy « ông to » hoang mang, không biết địa-vị của họ có còn được vững bền không. Tuy nhiên, Đảng cũng phải tìm cách phản ứng bằng cách ra lệnh cho cán-bộ chính-trị viết những bài phản công trở lại. Bài đầu tiên là của Nguyễn Chương đăng trên mặt báo Nhân-Dân ngày 25-9-1956. Trong bài này Nguyễn Chương vu cho nhóm Nhân-Văn là tay sai của địch, vì theo Nguyễn Chương thì báo Nhân-Văn công kích *Địch* thì ít, mà công kích *Ta* thì nhiều. Báo Nhân-Văn liền đập lại bằng một bài như búa giáng. Bài đó do ba cây bút cứng của nhóm Nhân-Văn là Hoàng Cầm, Hữu Loan và Trần Duy viết và mang đầu đề « *Chúng tôi cực lực phản đối luận điệu vu cáo chính-trị* ». Họ đốp chát với Nguyễn Chương từ lý luận một, và sau mỗi lý luận nhóm Nhân-Văn lại hạ một câu hải hước như sau : « Bạn cố tình đến thế, chúng tôi còn biết nói sao ? ».

Mỗi lần bẻ gãy một lý luận của Nguyễn Chương, họ lại lấy đi lấy lại câu nói trên đề nêu rõ tính cách « ngoan cố » của bọn cán-bộ Đảng. Vừa bị đập mạnh vừa bị chẻ diều Nguyễn Chương cố gắng thanh-minh bằng một bài thứ hai đăng trong báo Nhân-Dân thì bị luôn Chu Ngọc, trong nhóm Nhân-Văn giáng thêm cho một trụ, bằng một bài nhan-đề là : « *Quần-chúng đã chán ghét lối chần hơng đó rồi* ». Thế là Nguyễn Chương im bật. Đến lượt Hoàng xuân Nhị lên võ đài tỷ thi.

Hoàng xuân Nhị là giáo-sư thạc-sĩ có sẵn một mớ lý-thuyết Mác-xít, mang từ Pháp về nên lời cả ông Mác và ông Lê-nin ra đề đối phó bằng cách dùng lời Lê-nin và Mác để chứng minh rằng Văn-nghệ phải có đảng-tính và văn-nghệ-sĩ phải triệt-đề phục tùng sự lãnh đạo của Đảng. Nhóm Nhân-Văn bèn cử ngay một sinh-viên Đại-học là Bùi quang Đoàn, học trò của ông Nhị lên đo sức với ông Nhị. Bùi quang Đoàn vạch ra rằng ông Nhị xuyên-tạc lời nói của Lê-nin. Bùi quang Đoàn viết : « *Một là ông Nhị không tiêu-hóa được tài-liệu, hai là ông Nhị đã lợi dụng tài-liệu để xuyên-tạc. Nó không đúng với tinh-thần trung trực của người trí-thức* ». Sau khi bẻ lý luận của vị giáo-sư thạc-sĩ, và chê vị giáo-sư đó còn dốt lắm, Bùi quang Đoàn kết luận : « *Tôi xin đề-nghị với ông Nhị một điều... : cố gắng nghiên-cứu, suy nghĩ, để giữ bản chất trung thực của người trí-thức* ». Từ đấy không thấy Hoàng xuân Nhị trở lại võ đài nữa. (Xem trọn bài trong phần tài-liệu).

Chiến-thuật khủng bố ngầm

Chiến-thuật đó lần lượt được Đảng mang áp-dụng qua những thủ đoạn như sau :

a) Ra lệnh cho Mậu-dịch không bán giấy in báo cho nhóm đối lập. Thủ đoạn này không có kết-quả vì nhóm đối lập được nhân-dân nhiệt liệt ủng hộ giúp tiền mua giấy ở chợ đen.

b) Khủng bố những người phát hành. Báo Nhân-Văn trong số 4 ra ngày 5-11-56 có tổ cáo thủ đoạn đó như sau :

« Một khách hàng vào một hiệu sách ở khu Hồng-Quang. Khách hỏi : « Ở đây có bán báo Nhân Văn không ? » Ông chủ hiệu vừa vuốt râu mép vừa trả lời : « Bán báo Nhân Văn có mà chết sớm ».

Thủ-doạn này lại cũng không thành công vì nhóm đối lập, huy-động sinh-viên và học-sinh đi bán.

Đảng cũng ra lệnh cho bưu-điện không phân phát báo Nhân-Văn. Số báo Nhân-Văn kể trên cũng tổ-cáo hành-động đó và viết một câu hài-hước : « Biết đâu mấy ông ở bưu-điện chẳng thích báo Nhân-Văn quá nên giữ lấy để đọc một mình ».

c) Khủng bố những người đọc. Hàng loạt cán-bộ được tung ra khắp phố phường Hà-nội, xông vào từng nhà một để giải-thích rằng báo Nhân-Văn là báo phản-động. Báo Nhân-Văn có nêu lên một trường-hợp rất hài-hước là cán-bộ đi nói xấu báo Nhân-Văn vào nhà một văn-nghệ-sĩ trong chính nhóm Nhân-Văn, và bị vợ nhà văn đó trả lời cho mấy câu danh thép làm cho chị cán-bộ phải câm miệng.

d) Vận động thợ in không in. Để thực-hiện mưu mô này Đảng phải huy-động đến Hoàng Đạo là tay gián điệp số một, đã nổi tiếng trong vụ phá hoại chiếc tàu Amyot d'Inville và trong việc điều-tra « Vụ án Bái Thượng » Hoàng Đạo được tức khắc bỏ sang công-doàn để dùng hệ-thống công-doàn uy-hiệp công-nhân nhà máy in, bắt phải đình-công không in báo « phản-động ». Tuy nhiên, công-nhân vẫn không nghe theo. Báo vẫn cứ ra đều, không hề bị gián đoạn.

Vu cáo chính-trị

Sau khi phá ngầm không kết-quả, Đảng chủ-trương phá công-Nhai bằng cách vu khống nhóm văn-nghệ-sĩ là tay sai của địch, của đế-quốc. Để chứng-minh việc đó báo Nhân-Dân dựng đứng câu chuyện Chính-phủ miền Nam triển-lãm báo Nhân-Văn ở *Courtinat* Sài-gòn (sic). Sự thực thì lúc bấy giờ Chính-phủ miền Nam chưa có lấy một tờ Nhân-Văn trong tay, vì mãi đến tháng 11, khi tờ Nhân-Văn sắp bị đóng cửa mới có được mấy số lọt vào Sài-gòn, do kiều-bào ở Paris gửi về. Báo Nhân-Dân chỉ được tin phong phanh rằng Bộ Thông-tin ở Sài-gòn hồi tháng sáu 1956 có tổ-chức một cuộc triển-lãm những tài-liệu chứng tỏ Việt-cộng không tôn-trọng Hiệp-ước Genève, tại phòng Thông-tin Sài-gòn ở đường *Catinat*. Trong cuộc triển-lãm này, ngoài những tài-liệu chính-trị và quân-sự chứng tỏ rằng Việt-cộng thực-sự có cấu-kết với Bình-Xuyên, Hòa-Hảo để quấy rối miền Nam, cũng có một số báo-chí Việt-cộng, bắt được trong các hầm bí-mật, cùng với cán-bộ Việt-cộng nằm vùng. Nhưng toàn là các báo-chí của Đảng như Nhân-Dân, Tờ-Quốc vận vận... không hề có Nhân-Văn, vì lý do tờ Nhân-Văn lúc đó chưa ra đời. Báo Nhân-Dân lại chỉ nhớ mang máng nên lăm *Catinat* thành *Courtinat*, một cửa tiệm bán tạp-hóa của người Pháp ở cùng phố.

Ngoài cái « chứng cứ » tưởng tượng kể trên, Đảng cũng không nại thêm được chứng cứ gì khác, nhưng cứ nhất định rêu rao rằng nhóm Nhân-Văn là tay sai của địch, là gián-điệp của phòng nhì, của Mỹ, là tờ-rốt-kít phá hoại, vận vận... đủ thứ danh-từ mà trước kia Đảng đã rộng rãi tặng cho giai-cấp địa-chủ.

Đóng cửa báo Nhân-Văn

Sau khi báo Nhân-Dân vạch tội « gián-điệp » của nhóm văn-nghệ-sĩ đối lập thì Đảng tổ-chức học tập ở khắp mọi nơi, và sau kỳ học tập, tất cả các đoàn thể công nông binh, cho đến cả học-sinh và dân « Nam-bộ tập kết » đều phải ký vào kiến-nghị lên án nhóm Nhân-Văn và đòi chính-phủ phải có biện-pháp trừng trị. Dựa vào kiến-nghị của « mọi tầng lớp nhân-dân » Đảng ra lệnh cho ủy-ban Hà-nội ký giấy đóng cửa tờ báo Nhân-Văn và tịch thu tất cả mọi số đã phát hành, kể từ số một.

Ngày 15 tháng 12, 1956 ông Hồ chí Minh ký một sắc-lệnh tước quyền tự-do ngôn-luận của báo-chí và bắt phải phục-vụ « công nông binh », phục vụ nền vô sản chuyên chính mệnh-danh là « chính-thể dân-chủ cộng-hòa ». Sắc-lệnh cũng dọa phạt tù từ 5 năm đến khổ sai chung thân, kèm theo tịch thu một phần hay toàn bộ gia-sản, nếu ai còn phạm vào những điều cấm.

Sau khi sắc-lệnh được ban bố, những tờ báo khác như Trăm-Hoa, Đất-Mới, Giai-Phẩm đều chết không có cáo-phó.

Sự thực thì những điều cấm trong sắc-lệnh ngày 15-12-1956 đã có ban bố trước, ngay từ khi Việt-cộng mới về tiếp thu Hà-nội, hồi tháng 10 năm 1954. Nhưng hồi đó tất cả các báo chí đều là báo chí của Đảng, nên Việt-cộng chủ-quan, chỉ mở một cuộc họp báo-chí ở Phòng Thông-Tin, phố Tràng-Tiền, rồi giao hẹn mồm về mấy điểm cấm đoán. Đại khái có 5 điều :

- Không được chống chính-phủ, chống chế-độ;
- Không được xúi dục nhân-dân và bộ-đội làm loạn ;
- Không được nói xấu các nước bạn ;
- Không được tiết-lộ bí-mật quân-sự ;
- Không được đăng bài vờ có phương hại đến thuần phong mỹ-tục.

Một lý do khác là lúc bấy giờ Việt-cộng mới ở chiến-khu về Hà-mội là nơi có tai mắt quốc-tế, muốn tỏ ra có thái-độ « yêu chuộng tự-do » hơn « phe quốc-gia », nên tránh không muốn cấm bằng sắc-lệnh, sợ gây dư-luận, nên chỉ đe dọa bằng mồm.

Họ không ngờ rằng, « khâu thiết vô bằng » sau này nhóm văn-ngệ-sĩ đối lập cứ làm như quên không nhớ và cứ ra báo một cách rất tự nhiên để chống lại chế-độ, chống lại Đảng.

Đảng ra báo Văn

Sau khi đóng cửa tờ báo *Nhân-Văn*, và bóp chết mấy tờ báo đối lập khác, Đảng thấy cần thiết phải cho ra một tờ tạp-chí văn-học để thay thế, vì chả lẽ trong nước không có lấy một tờ báo nào chuyên về văn-học. Đảng bèn chính đốn lại *Hội Văn-ngệ*, bắt bầu lại ban chấp

hành, gạt những phần tử đối lập ra và đưa toàn những « cai văn-ngệ » vào ban chấp hành mới. Lúc bấy giờ một mình trên võ đài, Đảng tha hồ chửi rủa nhóm Nhân-Văn là phản-động, là gián-điệp tay sai của địch. Đảng cho phép Hội Văn-ngệ xuất-bản tờ tạp-chí « Văn ». Chủ bút là Nguyễn công Hoan, phó là Nguyễn Tuân và Tổng Thư-ký tòa-soạn là Nguyễn Hồng.

Báo Văn xuất-bản mỗi tuần một kỳ. Một nửa số trang dành riêng cho những bài dịch tiểu-thuyết Nga, một nửa khác gồm toàn những bài tán tụng văn-học Trung-quốc vĩ-đại. Kết-qua là giá trị văn-ngệ rất kém, không ai buồn xem. Lý do là vì các văn-ngệ-sĩ có tài đều một lòng tấy chay, bất hợp tác với cơ-quan ngôn-luận của Đảng.

Báo « Văn » bị chính

Thấy báo Văn nhạt nhẽo quá, Đảng lấy làm ngượng và tức bực, nên nóng mặt phải lên tiếng. Tờ *Học-Tạp*, cơ-quan nghiên-cứu lý thuyết của Đảng viết một bài chê báo Văn là dở. Tác giả bài đó là Thế Toàn, một cán-bộ chính-trị còn ít tuổi viết :

« Qua 10 số đầu của tuần-báo Văn, chúng tôi nhận thấy nội-dung tờ báo còn nghèo nàn. Tờ báo hầu như xa rời thực tế, xa rời cuộc sống, tách rời những nhiệm-vụ trung-tâm của Cách-mạng ».

Nguyễn Hồng, Tổng Thư-ký tòa-soạn của báo Văn bị mất mặt, nên phản ứng ngay bằng một bài trả lời Thế Toàn, đăng trong báo Văn số 15 ra ngày 16 tháng 8, 1957. Sau khi gạt phăng những lời buộc tội của đối-phương, Nguyễn Hồng phê-bình trở lại Thế Toàn là công-thức, là quan liêu và là « trịch thượng ».

Báo Văn quay ra chống Đảng

Sau đó người ta thấy báo Văn thay đổi thái-độ. Những bài nịnh Đảng thấy bớt dần, và những bài xược với Đảng thấy mỗi ngày một nhiều thêm. Nhìn đến tên tác-giả các bài có ngụ ý chống Đảng, thấy tên các nhà văn trước kia đã viết trong nhóm *Nhân-Văn và Giai-Phẩm*.

Người đầu tiên là *Phùng Quán*. *Phùng Quán* là một sinh-viên trước kia đã viết bài « *Chống tham ô lãng phí* » đăng trong *Giới-Phản* mùa Thu. Lần này *Phùng Quán* viết bài « *Lời mẹ dặn* ». Bài đó có những câu như sau :

*Yêu ai cứ bảo là yêu
Ghét ai cứ bảo là ghét
Dù ai ngon ngọt xuống chiều,
Cũng không nói yêu thành ghét.
Dù cầm dao dạn giết
Cũng không nói ghét thành yêu.*

* *

*Tôi muốn làm nhà văn chân thật trọn đời
Đường mật công danh không làm ngọt được lưỡi tôi
Sét nổ trên đầu không xò tôi ngã.
Bút giấy tôi, ai cướp giắt đi
Tôi sẽ dùng dao viết văn trên đá.*

(Xem trọn bài trong phần tài-liệu)

Đến tờ Văn số 24, độc-giả lại thấy *Hoàng Cầm* xuất hiện. *Hoàng Cầm* là một chiến tướng của nhóm *Nhân-Văn*. Ở đây *Hoàng Cầm* viết một vở kịch thơ ngắn, nhan-đề là « *Tiếng Hát* », nói về truyện *Trương-Chi*. Nhưng *Hoàng Cầm* biến lời hát của *Trương Chi* thành tiếng gọi của Tự-Do. *Mỵ Nương* tượng trưng cho giới Văn-nghệ bị kìm hãm trong ngục tù, và ông *Quận-công*, người cha của *Mỵ Nương* tượng trưng cho uy quyền độc đoán của Đảng.

Tiếng hát của *Trương-Chi* kêu gọi mọi người bị Cộng sản hành hạ, đấu tố, hãy đứng dậy. *Trương-Chi* hát :

— *Nào người quả-phụ trắng khăn tang
Nào đứa em mồ côi khát sữa
Nào ai sống nhục chết oan
Nào ai tan lìa đôi lứa
Nghe tiếng hát này...*

Trong khi đó thì cha của My Nương (ngụ ý muốn nói Đảng):

... vừa truyền lệnh
Khóa kín cửa lầu, lấp cả sông
Để không còn tiếng hát!

Nhưng mặc dầu ngăn cấm bằng cách nào, tiếng kêu gọi tự-do vẫn lọt tới lòng người:

... cửa ngoài bằng đá tảng
Tiếng hát đầy được vào
Vì đó là tiếng gọi của trời cao
Của đất rộng...

Và My Nương (ý muốn nói giới văn-nghệ-sĩ) vẫn gan góc

Ta mở được, ta vượt qua tường đá
Ta chạy ra sông! Đi bốn phương trời
Tìm tiếng hát... ta đi cùng thiên-hạ...

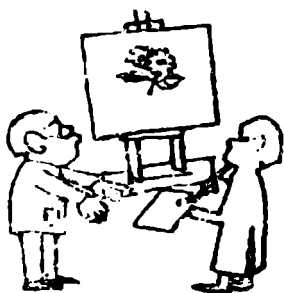
(Xem trọn bài trong phần tài-liệu)

Tóm lại, ý chính của *Hoàng Cầm* là nhất định chống lại sự áp bức của Đảng và quyết tâm phá tan mọi gông cùm xiềng xích.

Sau Hoàng Cầm đến lần *Trần Duy* xuất hiện. *Trần Duy* vẽ một bức tranh khôi-hài chế diễu sự can thiệp thô bạo của Đảng vào văn-nghệ. Ông vẽ một bức tranh tả một người họa-sĩ đang vẽ một đóa hoa. Cán-bộ Đảng bắt bẻ, bắt phải vẽ thêm hết thức này đến thức khác để cho hợp với đường lối chủ-trương của Đảng. Sau khi tuân theo lời cán-bộ vẽ thêm mãi vào bức tranh, bức tranh biến thành một thứ hồ lớn, không có nghĩa lý mà cũng không còn mỹ-thuật. (Xem tranh ở trang sau).

Cuối cùng là kiện tướng *Phan Khởi* ra mắt. Cụ viết một chuyện ngắn về gia-dình cụ, nhan đề là « *Ông Năm Chuột* ». Câu chuyện giải dềng, nhưng ngụ ý của cụ là giai-cấp thống trị thuở xưa cũng như giai-cấp thống trị ngày nay, đều đầy rẫy những thói nát, nhưng cứ cố tình che đậy. Mặc dầu khéo léo che đậy, trong dân gian vẫn có

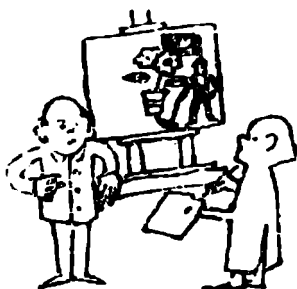
MỘT PHƯƠNG PHÁP XÂY DỰNG VĂN NGHỆ



1 - Hoa do dân mà ra ?



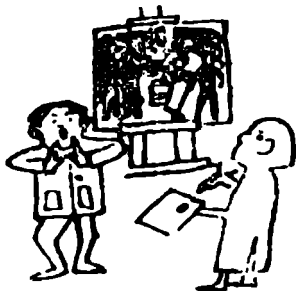
2 - Hoa để cho ai ?
Phục vụ cái gì ?



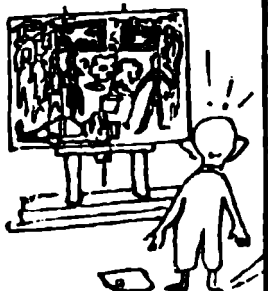
3 - Công nông binh là một lực
lượng không thể tách rời
được !



4 - Không nên có lập công nông
binh, phải có sự hỗ trợ của
quần chúng !



5 - !!! và phải điều chỉnh
tranh thẳng lại !!!



Ồ - !!!

Tranh của TRẦN DUY

Trích báo VĂN số 30 ngày 29-11-1957

những người ranh mãnh, nhìn thấy hết. Che đậy cũng vô ích. (Xem bài Ông Năm Chuột trong phần tài-liệu).

Bài đó kết-thúc số phận báo Văn. Đảng bắt Hội Văn-ngệ phải đình bản tờ báo ngay tức khắc.

Đầu tổ văn-ngệ-sĩ

Lúc mới đóng cửa báo Văn thì Đảng còn hy-vọng có thể dàn xếp, được, nên Hội Văn-Nghệ tuyên-bố là chỉ tạm đình bản một kỳ, lấy cơ là để sửa soạn số Tết. Nhưng suốt trong ba tháng, Hội không thể tái bản được tờ báo, vì tất cả các văn-sĩ đều tầy chay. Đảng không còn cách gì hơn là khủng bố sắp lượt.

Việc đầu tiên là bắt 304 văn-ngệ-sĩ đi chỉnh huấn. Như thường lệ, mọi người đi chỉnh huấn đều bị dồn ép, áp bức tinh-thần cho đến mức phải bộc lộ những sai lầm và viết bài « tự kiểm-thảo ».

Có bốn người không chịu đi dự lớp chỉnh huấn : Phan Khôi, Trương Tửu, Thụy An và Nguyễn hữu Đang. Đảng ra lệnh bắt Thụy An và Nguyễn hữu Đang giam vào nhà pha Hỏa-lò. (Nguyễn hữu Đang hình như đã tự tử sau khi bị bắt) Trương Tửu bị cất chức giáo-sư ở trường Đại-học Văn-khoa, vợ con và cả gia-đình nhà vợ bị bao vây kinh-tế, nghĩa là rút giấy phép buôn bán (gọi là giấy đăng-ký). Cụ Phan Khôi, vì đã 73 tuổi, và vì có nhiều uy-tín trong nước, nhất là đối với trí-thức ở miền Nam, nên hiện được đề yên. Tuy nhiên cụ bị « treo giò » không được giao-thiệp với ai mà cũng không ai được lui tới thăm cụ. Mặc dầu vậy, cụ nhất định không chịu đầu hàng. Ngồi nhà cụ vẫn viết một cuốn sách nhan-đề là « *Nắng chiều* » gửi đến ban chấp hành Hội Văn-Nghệ đề cửri Cộng-sản một cách thậm tệ. (Xem phần tài-liệu).

Trong khi máy lãnh-tụ của nhóm Nhân-Văn bị cô lập, hoặc bị bắt thì Đảng mở một chiến-dịch chữi rửa họ, rộng lớn hơn tất cả mọi chiến-dịch chữi rửa từ xưa tới nay. Chiến-dịch này kéo dài mãi đến nay van chưa hết.

Đảng cũng còn nhận thấy « *nọc độc Nhân-Văn* » đã thấm nhiều vào đầu óc mọi người, nên bắt tất cả giới trí-thức, công-chức, cán-bộ, học-sinh và cả cán-hộ bộ-đội, phải tầy não sắp lượt.

Số phận hiện nay của các văn-nghệ-sĩ đối lập

Sau cuộc chỉnh-huấn thì mặc dù đã thú tội các văn-nghệ-sĩ ở miền Bắc đều bị đưa đi « học tập lao-động ». Mọi người đều phải đi, vì Đảng nhận thấy rằng trong cuộc « khởi nghĩa hut » vừa qua, mọi người đều bị ảnh-hưởng « xấu » của nhóm Nhân-Văn, không ít thì nhiều. Tuy vậy sự trừng phạt cũng tùy theo tội trạng. Nhẹ thì được lao-động ít, phải đi những nơi gần. Nặng thì bị đẩy đi nước độc, phải lao-động nhiều.

Một đoạn ngắn trong bài « *Nắm chắc lấy vũ-khí chiến-dấu của chúng ta* » đăng trong tạp-chi Văn-Nghệ số 7, tháng 7, 1958, đề lộ chính-sách đó :

« Một người đều thấy là cần-thiết và rất hoan-nghênh một việc quan-trọng mà ban chấp-hành hội Liên-hiệp Văn-học nghệ-thuật đã đề ra là tất cả các văn-nghệ-sĩ đều phải cố gắng, lịch cực đi vào thực-tế đời sống công nông binh « tham-gia lao-động ». Tất nhiên nhóm phá hoại Nhân-Văn — Giai-Phạm cũng đi với chúng ta, nhưng việc làm của họ hoàn toàn có ý nghĩa khác ».

Ý nghĩa khác đó, là không phải đi đề « học tập lao-động » mà là đi đề « an-trì » để được giao-phó cho chính-quyền và chi-bộ địa-phương quản-thức, để làm như một tên tù khổ sai và để muối độc chích thêm cho một liều vi-trùng sốt rét, vì Đảng cho rằng 9 năm vừa qua, lá lách của những người anh-dũng đó, tuy có xưng, nhưng chưa rụng hẳn. Vậy họ bị đưa đi những đâu ? Trở lại những nơi hẻo lánh, những nơi « ma thiêng nước độc » mà họ đã từng lặn lội trong chín năm trời. Trong thời-gian trước họ không chết, vì họ còn là chiến-sĩ, là đảng-viên, họ có trợ-cấp, có thuốc thang. Khu Việt-Bắc âm u, trước kia là trung-tâm cách-mạng, nay lại trở lại nơi giam cầm *chính-trị-phạm*.

Những trại giam được thiết-lập ở đâu ? Sinh-hoạt trong trại ra sao ? và tội nhân khi tới nơi phải làm những công việc gì ? Chúng ta hãy nghe Yến Lan một văn-sĩ tập kết kể lại. (Nên nhớ rằng Yến Lan chưa phải là đầu xỏ, chưa được xếp hạng vào loại « tử tù »).

Yến Lan kể :

(Trích báo Văn-Học số 9, ngày 15-8-1958)

« ... Đây là một vùng đời troc... không một quán, cũng không một mái chùa, một cây đa cổ thụ. Nhà dựng ở chân đồi, lợp xúp một kiểu... Huyện lỵ trông bề ngoài thật là nghèo khổ. Toàn là nhà tranh, lều tều, ngán ngán ... Huyện lỵ cách thôn

chúng mình hơn ba triệu số. Đi vào ngay qua những cánh đồng
rìa theo triền đồi và vượt qua sườn đồi. Lên cao xuống thấp
lòng mỗi người lại nghĩ đến một cánh nào như đã sống quen
hoặc có đi qua, và hái được một số kỷ niệm chiến-khu, một
cảnh nghĩ chân trên đường phiêu lãng cũ. Riêng Lan, sao mà
tha thiết nhớ đến A. - K.?

« Ba hôm đầu, tổ mình đã đi vào sản-xuất, cùng theo xā
viên ra đồng làm ruộng. Lan đã bừa trong ruộng nước. Lại cấy
và tát nước. Mấy hôm nay cắt lá, vớt bùn ao làm phân xanh.

« ... Lúc mới về, hỏi ra tình-hình sinh-hoạt, thấy thừa
người lớn, vắng trẻ con (ở đây dễ nhiều nhưng nuôi được ít),
nhiều người chân phều ra như chân voi... ».

YẾN LAN

Và đây là một cảnh khác, do Hoàng Chương một cán-bộ « văn-
công » Khu V tập kết và bị « cưỡng bách lao-động » kể lại: (cũng
trích trong bài báo kể trên).

« .. Từ nhà đến đồng Cống xa chừng ba cây số.
Chúng tôi dậy thật sớm tranh-thủ gánh phân để tránh bớt
nắng trưa. Tôi nhớ năm nào tiếp tế bộ đội ở chiến trường,
gánh lúa bốn mươi cân leo dốc, nhờ vui mà thích mau gặp
bộ đội nên quên mệt. (*) Có Thu, người Hà-nội, trước
chưa quen gánh, hôm nay cũng cố được hai mươi cân.
Nhìn Hùng cời trần gánh thoãn thoắt ai biết đó là một sinh-
viên Hà-nội. . Cuộc sống vui vẻ thân mật, tôi thấy như
sống giữa gia-đình, làng xóm của mình ở miền Nam ! »

HOÀNG CHƯƠNG (Hội Văn-công Liên khu V)

Không bút nào tả được tâm-trạng của những con người yêu
chúng tự-do, đã hy-sinh tất cả để theo đuổi kháng-chiến, đã vô tình
giúp sức cho Cộng-sản thành công, và khi cùng nhau tới đích, mới
sống ở Hà-nội chưa được bao nhiêu ngày lại bị Cộng-sản đưa trở
lại « chiến-khu » để sống nốt những ngày tàn. Phong-kiến ngày xưa
không bao giờ bội bạc với công-hầu một cách « tập thể » như vậy.

(*) Ngay ý bây giờ thì không vui như vậy.



CHƯƠNG III

Phương-pháp đấu tranh của Trí-thức ở miền Bắc

Lịch-sử loài người đã ghi chép nhiều chế-độ tàn bạo: Tần thủy Hoàng, Néron, Hitler vân vân. Nhưng chưa có một chế-độ nào vô nhân đạo bằng chế-độ Cộng-sản. Đây là một điểm cần phải nhận định. Điểm thứ hai là những chế-độ bạo tàn từ trước tới nay đều chỉ dùng bạo lực để đàn áp dân-chúng, không dùng đến thủ đoạn, do đó, dân-chúng còn một lối thoát là dùng mánh lối để lừa dối chính quyền. Trong thời Pháp thuộc chúng ta đã nghe câu chuyện vợ lên huyện tố cáo chồng nấu rượu lậu, đề sau khi chồng đi tù, vợ ở nhà yên tâm... nấu rượu lậu. Mưu mô, mánh lối, vốn dĩ là khí-giới của kẻ yếu.

Ngày nay, dưới chế-độ Cộng-sản, thì thứ khí giới đó không còn hiệu nghiệm, vì chính quyền Cộng-sản, mới xuất thân từ nơi dân-chúng, không lạ gì thứ khí giới đó, và còn biết dùng nó một cách hiệu nghiệm hơn mọi người, vì Cộng-sản có phương tiện phổ biến kinh-nghiệm, có cả một hệ-thống tay sai để bố trí lừa bịp đại quy-mô.

Vì vậy nên một cuộc cách-mạng chống Cộng, phát xuất ngay trong lòng Cộng-sản phải có những chiến-thuật tinh-vi hơn những chiến-thuật đã được áp dụng từ trước tới nay, trong mọi cuộc cách-mạng khác.

Trong cuộc nổi dậy vừa qua của trí-thức ở miền Bắc, những người tham-gia đã áp-dụng những phương-pháp gì, chúng ta là những người ngoại cuộc khó lòng biết rõ. Tuy nhiên, theo rồi tin tức bằng báo-chí và nhất là nghiên-cứu các bản thú tội của một số nhân-vật trong nhóm *Nhân-Văn — Giai-Phẩm*, chúng tôi tạm ghi ở nơi đây một số ít nhận xét. Chúng tôi tạm phân tách đường lối chống đối của giới trí-thức đối lập thành một số chiến-thuật.

1) *Chiến-thuật bất hợp-tác*

Nói nôm là tầy chay Đảng, không viết bài do Đảng «com-măng» Hề cán-bộ Đảng, những «cập-răng văn-nghệ» thúc dục thì thoái thác nói rằng chưa nắm được thực chất vấn-đề, còn đang tìm cảm hứng, hoặc dây dưa khất lãn, nói rằng sắp sửa viết, hiện còn dương «thai nghén». Nếu bị bức quá, bị dọa cắt sinh-hoạt phí, hoặc đuổi ra khỏi trại thì cầm bút viết quấy quá cho xong chuyện, hay dờ không cần. Nếu bị khiển trách thì lấy cớ là tại «chưa lột được sác». Đa số văn-nghệ-sĩ đã áp-dụng chiến-thuật này trong suốt thời-gian kháng-chiến. Bà Nguyễn thị Kim, một nữ điêu-khắc viên có tài, nhận ba sào ruộng của chính-phủ cấp để cày cấy sinh nhai, nhưng đến khi kiểm tạm đủ ăn thì không nặn tượng nữa. Lãnh đạo hỏi tại sao không nặn, thì bà rêu rao rằng tại cày cấy khó nhọc, tay bị cứng rần không nặn được tượng nữa.

Cũng vì giới văn-nghệ miền Bắc trường-kỳ áp-dụng chiến-thuật đó, nên suốt trong thời-gian kháng-chiến nền văn-nghệ của Việt-Minh không phát-triển. Trong chín năm liền, trừ một vài bài thơ ca ngợi Bác Hồ, ông Sit-ta-lin, của Tố Hữu, của Xuân Diệu, ngoài ra không có một tác-phẩm nào đáng kể, trừ một số thi-ca có tính chất lãng mạn bị cấm không cho phát hành.

Chúng ta thấy giới văn-nghệ ở miền Bắc chỉ thực lòng sáng-tác khi họ cầm bút viết bài chống lại Đảng, trong hai năm 1956 và 1957. Những bài của họ mà chúng tôi sẽ trích trong phần tài-liệu đáng được coi là những kiệt tác trong văn-chương nước nhà và thế tất sau này phải ghi vào văn-học-sử. Một số bài được dịch ra ngoại-ngữ và phổ-biến ở nhiều nơi, đã làm ngoại-quốc thán phục. Văn chương chống Cộng ở miền Bắc đã được liệt vào hạng hiếm có nhất trên Thế-giới.

Nhưng sau khi từ Nhân-Văn và Giai-Phẩm bị đóng cửa, thì

một lần nữa các văn-nghệ-sĩ ở miền Bắc lại rút lui vào thế tiêu-cực. Khi Đảng cho ra tờ báo « Văn » để thay thế tờ Giai-Phẩm họ tay chạy không viết, cho đến lúc chính mấy ông cấp-ràng văn-nghệ phụ-trách tờ Văn nổi loạn nổi, mời họ tiếp tay, họ lại cầm bút một lần nữa. Hiện nay chắc họ lại đương « thai nghén », nhưng họ sẽ không đẻ ra một tác-phẩm « đề cao Cộng » như Đảng mong muốn, mà trái lại, hễ gặp thời cơ thuận tiện họ sẽ đẻ ra những tác-phẩm « chống Cộng » còn mạnh mẽ hơn những tác-phẩm trước.

Sự thực thì Cộng-sản có thể cưỡng bách mọi người bắt phải lao-động chân tay, nhưng không thể nào bắt một nhà văn phải sản-xuất theo ý muốn, đúng phẩm, đúng chất, vì sáng-tác văn-nghệ là một công việc chế biến trong đầu não, không có phương-thức gì thôi thúc hoặc lãnh đạo được. Không danh, không lợi, những nhà văn đã từng sống nhiều năm « không một ngọn đèn, không một củ khoai », tất nhiên có thể « đình-công thụ-dộng » một cách lâu dài. Chiến-thuật « bắt hợp-tác » của các nhà văn Việt-Nam đối với Cộng-sản cùng một sắc-thái giống phong-trào « bắt hợp-tác » của Thánh Gandhi đối với thực-dân Anh.

2) Chiến-thuật « Vờ ca ngợi Đảng đề công kích Đảng »

Chiến-thuật này rất phổ-thông. Không ai không áp-dụng, nhưng người áp-dụng chiến-thuật đó một cách tài tình hơn mọi người là ông Nguyễn mạnh Tường.

Trong suốt bài diễn-văn dài tới 40 trang (*), ông lên án khất khao toàn bộ chính-sách Cộng-sản, nhưng ông không đề hử một dịp nào khiến Đảng có thể gán cho ông tội « chống Đảng » vì, xen lẫn vào những lời đả kích chính-sách, thỉnh thoảng ông lại tỏ lời ca ngợi Đảng và tuyên-bố rằng ông vẫn tin tưởng ở Đảng. Khôn ngoan hơn những người khác, ông Tường không mặt sát Trường Chinh, vì ông biết trước rằng Trường Chinh còn có ngày trở lại địa-vị lãnh-tụ. Trái lại, ông ca ngợi Trường Chinh, thường nhắc lại những lời thú nhận của Trường Chinh về bênh-vực cho thái-độ của mình. Ý ông muốn nói : « Đây, chính ông Trường Chinh cũng phải công nhận là sai lầm, đâu phải chỉ có mình tôi ». Có thể nói là trong tất cả các tài-liệu chống Cộng-sản suốt trong hai năm 1956 và 1957, bài diễn-văn của ông Tường

(*) Xem bài « Qua những sai lầm trong Cái cách ruộng đất » trong phần tài-liệu.

có kết-quả tai hại nhất đối với Cộng-sản, được báo-chí ngoại-quốc chú ý đặc-biệt, trích đăng, phê-bình, sử dụng làm tài-liệu nghiên-cứu tình-hình Bắc-Việt (*), thế mà Việt-cộng không hề làm gì nổi ông Tường, không dám lên tiếng chửi rủa ông như họ đã chửi rủa những người khác, vì không khép ông vào tội gì được. Lẽ dĩ nhiên, ông Tường là luật-sư, nên ông vừa có « mồm mép », vừa biết rào trước đón sau hơn những người không học luật.

Người khôn khéo thứ hai là cụ Phan Khôi. Trong bài « Phê-bình Lãnh đạo Văn-ngệ » (**), cụ mạt sát Đảng không nề lời, nhưng cụ vẫn cứ rêu rao là cụ sẵn lòng chịu sự lãnh đạo của Đảng.

Kể đến những nhà văn đứng tuổi khác, như ông Đào Duy Anh, ông Trần Đức Thảo, ông Sĩ Ngọc, ông nào cũng biết dè dặt chỗ cần phải dè dặt. Công kích « quá tả » họa chẳng chỉ có ông Nguyễn Hữu Đang và mấy ông ít tuổi hơn. Tóm lại, chiến-thuật chung là *vờ ca ngợi Đảng để công kích lại Đảng*. Như vậy mới tránh được sự khủng-bố của Đảng. Tránh khủng-bố dễ duy-trì lực lượng, dễ củng cố phong-trào và dễ lôi kéo một số đảng-viên bị nhồi sọ lâu ngày, còn đang quá ư tin tưởng ở Đảng.

Trần Dần đã tả lại chiến-thuật của ông bằng mấy lời sau đây :

« Viết bây giờ nên làm lối « xoi đồ », tức là đã kích xen ca ngợi thì lãnh đạo (Đảng) cũng phải chịu ».

Riêng về trường-hợp ông Trương Tửu thì cả một nghi-vấn đương được nêu lên. Ông công kích chính-sách của Đảng một cách gắt gao hơn ai hết, nhưng không đứng trên lập-trường « dân chủ » để công kích. Ông mang lý-thuyết Mác-Lê chính thống ra để so sánh và kết-luận rằng Việt-cộng đã đi sai đường lối Mác-Lê, đã phản-bội chủ-nghĩa Mác-Lê. Nói một cách khác, ông Tửu vẫn đứng trên lập-trường Đệ-Tứ để công kích Đệ-Tam. Vì vậy mà Việt-cộng hiện quy ông Tửu là Trotskyiste. Điều đó cũng đúng một phần, vì trước kia ông Tửu ở trong nhóm Hàn-Thuyên. Nhưng với một người như ông

(*) Giữ hóm ông Hồ sang Rangoon, báo The Nation là tờ báo lớn nhất của Diên-Điền trích đăng bài diễn văn của ông Tường dưới đề : « Đây, hiện tình Bắc-Việt ».

(**) Xem trọn bài trong phần tài liệu.

Tửu, đã kinh-nghiệm qua hơn mười năm chung sống với Cộng-sản, đã bị đầu tở (*) thì khó lòng tin được rằng ông không có dịp để nhận định rằng toàn bộ chủ-nghĩa Mác-Xít là sai. Biết đâu việc ông đề cao chủ-nghĩa Mác-Lê chỉ là một chiến-thuật. Ông Tửu xưa nay vẫn có tính thích lặt lộn một cách độc đáo, khác với mọi người.

3) Chiến-thuật giai đoạn

Chia cuộc đấu tranh thành từng giai đoạn và ấn-định cho mỗi giai đoạn một mục-tiêu hợp với hoàn cảnh chủ-quan và khách-quan là một chiến-thuật do Cộng-sản Đệ-Tam khai sinh và áp-dụng một cách thường-xuyên. Ngày nay, những người trong hàng ngũ Cộng-sản, được Cộng-sản đào tạo lại mang chính chiến-thuật đó ra để chống lại Cộng-sản. Bất chước Cộng-sản, họ tìm ra những điểm yếu nhất của Cộng-sản để đả phá trước tiên. Hễ phá vỡ được phòng-tuyến của đối-phương họ mới tìm cách tấn-công rộng ra chỗ khác, dần dần đi tới chỗ bác bỏ toàn bộ chủ-nghĩa Cộng-sản.

4) Chiến-thuật « nhất điềm lưỡng diện »

Nhất điềm lưỡng diện là một chiến-thuật quân-sự của tướng Lâm Bưu, đã được mang ra áp-dụng tại chiến-trường Cao-ly. Lâm Bưu chủ-trương không tấn-công toàn diện mà dồn hết lực lượng tấn-công một nhược điềm, mang trọng pháo đi đầu, bắn phá tan hoang, mở lối cho công-binh dọn đường vào trước rồi bộ binh kéo theo sau. Khi bộ binh đã đột nhập vào đồn trại của địch thì đánh tỏa ra hai bên. Hạ xong một đơn-vị phòng thủ của địch thì tức khắc phân tán lực lượng, tập trung tại một nơi khác để tấn-công một vị-trí khác.

Ngày nay nếu chúng ta nghiên-cứu phương-pháp tấn-công của nhóm Nhân-Văn — Giai-Phàm, ta phải công nhận rằng họ đã áp-dụng một phương-pháp tương-tự. Họ kết hợp tất cả các lực lượng chống Đảng, học-sinh, sinh-viên, cán-hộ cũ bị xử trí oan, cán-bộ miền Nam tập kết, phối-hợp tất cả các lợi khí tuyên-truyền, thơ ca kịch, nhạc, truyện ngắn, truyện dài, để đại tấn-công vào một điềm yếu của Đảng.

(*) Tháng hai năm 1953 ông bị cán-bộ làng Quỳn-tín là nơi ông tìm cơ mang ông ra đầu, bắt ông phải quỳ và đánh ông một bạt tai.

Lấy việc công-kích Mậu-dịch làm tỉ-dụ. Chúng ta thấy không biết bao nhiêu tài-liệu nhằm đả kích Mậu-dịch. Nào là thơ trào phúng, truyện ngắn, tranh vẽ đều mang Mậu-dịch ra chửi diễu. Ngay cả trong bài diễn-văn của ông Nguyễn mạnh Tường, chúng ta cũng thấy một đoạn giải nói về những tệ hại của Mậu-dịch. Các văn-sĩ biết rằng công kích Mậu-dịch thì vừa lời cuốn được thành phần công thương bị Mậu-dịch bóp chết, vừa hái được sự đồng tình của quảng-dại quần-chúng (trong đó có cả cán-bộ cấp dưới) vì mọi người đều bị điều đứng mỗi khi phải đến Mậu-dịch mua hàng. Một mặt khác đánh vào Mậu-dịch tức là giáng một đòn vào nền kinh-tế của Đảng, nên đối với các nhà văn chống Đảng, Mậu-dịch phải là phòng-tuyến cần phá vỡ trước tiên.

Lê Đạt đã bộc lộ rằng :

« Mậu-dịch là chỗ yếu của Đảng, ai cũng biết, đánh vào đây sẽ được quần-chúng ủng-hộ đấu tranh với Đảng, và báo-chí của Đảng dù có muốn phản-công lại cũng chịu ».

Câu nói đó chứng-minh một chiến-thuật.

Về lãnh-vực văn-ngệ thì các văn-ngệ-sĩ tập trung mũi dùi vào một người. Người đó là *Tố Hữu*, trước kia đã được Việt-cộng tôn là « thần tượng » của thi- a Việt-Nam. Chỗ yếu của *Tố Hữu* là đã làm nhiều bài thơ ca ngợi Sit-ta-lin quá lời, gọi Sit đại-nhân là « ông nội ». Ngày nay « ông nội » đã bị bác Krushchev quy cho đủ thứ tội, nên *Tố Hữu* không dám há miệng. Đứng trước tình-hình đó, tấn-công vào *Tố Hữu* trước tiên phải là thượng sách. Kẻ thù không có phương thế chống đỡ mà hạ được thần tượng đó tức là gạt bỏ một cục đá tảng ngăn đường tiến-thủ của các mầm non trong văn-ngệ. Về một mặt khác, *Tố Hữu* là một trong « thập-bát-tú » (mười tám Trung-ương ủy-viên) nên đánh được *Tố Hữu* tức là hạ được uy-thế của Trung-ương Đảng.

Tấn-công xong *Tố Hữu* thì mặt trận tấn-công lan ra các « cấp-răng văn-ngệ » như Hoài Thanh, Nguyễn đĩnh Thi, quây quần xung quanh « vị thần tượng » *Tố Hữu*. Bài « *Phê-hình Lãnh đạo Văn-ngệ* » của cụ Phan Khôi và nhiều bài khác của Trần Dần, Lê Đạt, Hoàng Cầm, Phùng Quán, bài « *Thi-sĩ máy* » của Như Mai đều nhằm mục-tiêu này.



— Làm sao mà người lão đảo, miệng há béc, mặt tái xanh đi như thế ? anh bị trúng phong à ?

— Không, tôi vừa chen mua hàng Mậu dịch ra đây

Trích báo TRÂM-HOÀ ngày 9-12-1956

Cứ như vậy rộng rãi ra toàn thể « giai-cấp mới » giai-cấp cán-bộ Đảng lộng hành và thối-nát, nịnh trên nạt dưới, gây nên biết bao nhiêu tai họa trong dân-gian. (*)

Về sự áp-dụng chiến-thuật này Trần Dần đã bộc lộ rằng :
Viết về Cải cách ruộng đất bây giờ phải đánh Trung-ương là chính, thứ nữa mới đánh cán-bộ, thứ nữa mới đến cốt cán ».

5) Chiến-thuật bảo tồn lực lượng

Vì biết phong-trào vừa mới manh nha, lực lượng tấn-công còn yếu, đối-phương còn nắm vững guồng máy cai-trị, nên các văn-nghệ-sĩ đổi lập phải thận trọng, vừa tấn-công Đảng vừa cố gắng bảo toàn lực lượng. Do đó họ phân công mỗi người mỗi việc. Những nhà văn sẵn có tên tuổi như cụ Phan Khôi, Nguyễn Hữu Đang thì đứng ra công khai để tranh-đấu, còn những văn-sĩ trẻ tuổi thì nấp sau để phục-kích, mỗi lần bị Đảng phản-công, Trần Dần đã viết như sau :

« Nhóm Giat-Phôm mùa Xuân hồi đó tạm thời phân tán, người nằm vào hẳn báo Nhân-Văn, như Hoàng Cầm, Lê Đạt. Người ném đá dẫu tay như tôi, Từ Phác... Còn như Văn Cao, Đặng đình Hưng thì đứng ngoài ủng hộ và nhân đó mà hoạt-động phối hợp bên Nhạc... ».

Ở một đoạn khác trong bài kiểm-thảo Trần Dần viết :

« Tôi nghĩ bây giờ cọ lăm sầy vầy, phải tìm những cách khôn khéo hơn. Văn Cao có đề ra ý kiến : « Bây giờ cứ nắm cơ sở, tức là nắm các nhóm sáng-tác, lâu dần nhân tâm sẽ hướng về mình ». Từ đó tôi áp-dụng một cái jeu serré (nước bài chặt chẽ) hơn trước. Tôi hay nói với anh em : « võ phải cho kín mới được ». Trước hở quá rồi, đấu tranh bộ đội. Giat-Phôm mùa Xuân, Nhân-Văn đều mạnh động, vaines agitations cả. Chỉ có chui vào sáng-tác tức là cái giáp trụ rắn nhất (Đảng) đánh cũng không chết ».

Đến khi nhận thấy phong-trào đi quá nhanh, Đảng bắt đầu dùng bạo-lực để khủng-bố, thì các văn-nghệ-sĩ đổi lập phải tìm cách ghim

(*) Xem bài « Cũng những thành nịnh hót » của Hữu Loan trong phần tài-liệu và bức ký-họa ở trang 14.

bớt phong-trào lại để tránh tồn thất. Chúng ta hãy nghe Trần Dần kể lại :

« Khoảng số 2 Nhân-Văn, Lê Đạt lên trại Cải cách ruộng đất tìm tôi, tôi báo trước sau phong-trào cũng bị đổ vỡ thôi. Tôi xui Lê Đạt tham-gia nhóm Nguyễn hữu Đang lại và nói : « Mày làm như Các-Mác với Ba-lê Công-xã ấy » biết là thất bại nhưng cứ xông vào mà giải bớt thất bại đi ».

Cũng vì áp-dụng chiến-thuật mềm dẻo này mà đa số các văn-nghệ-sĩ, sau khi phong-trào chống đối bị tan vỡ, đều chịu đi chỉnh-huấn và công-khai bộc-lộ. Họ áp-dụng câu phương-ngôn « tránh voi chông hồ mặt nào », để một lần nữa tránh tồn thất. Không phải là họ « ham sống sợ chết », nhưng nếu để cho Cộng-sản khủng-bố rùng-rợn quá thì thể-hệ sau sẽ một phần nào nhụt mất nhuệ-khí. Những người đã được Cộng-sản Đệ-Tam đào-luyện không có thái-độ như Nguyễn thái Học, chủ-trương « không thành công cũng thành nhân ».

Có nhiều người ở miền Nam không tán thành thái-độ này. Họ cho rằng đấu hàng kẻ thù như vậy là không có « khí-phách » không đủ « tiết-tháo ». Nhưng chúng tôi nghĩ rằng đối với Cộng-sản thì không thể nào dựa vào khí-phách và tiết-tháo mà thắng được. Càng tỏ ra có khí-phách chúng càng giết không nể tay. Hàng vạn người trước đây bị quy là địa-chủ, chỉ vì khí-phách, không chịu đấu hàng, nên bị chúng giết từng loạt. Hiện nay vấn-đề chính không phải là nêu cao khí-phách để cõ võ tinh-thần quần-chúng, giác-ngộ quần-chúng vì toàn-thể nhân-dân đã sẵn có tinh-thần chống Cộng. Vấn-đề chính trong hiện tại là đấu-tranh bền bỉ. Mỗi lần thất bại là phải cố-gắng bảo-tồn lực lượng để trừ-tính một cuộc đấu-tranh kế tiếp. Cộng-sản thắng lợi vì áp-dụng đường lối đó. Trong tương-lai Cộng-sản tất nhiên sẽ bị thất bại cũng vì đối-phương biết áp-dụng phương-pháp đó.

Một mặt khác, sau khi tất cả các báo-chí đối-lập đã bị bóp chết, thì chỉ còn một cách là công-khai bộc-lộ để nhờ báo-chí của Đảng trích đăng tâm-sự của mình, hòng để lại cho lớp sau một kinh-nghiệm mà lịch-sử chưa từng ghi chép.

Trên đây là ý kiến riêng của chúng tôi, vì chúng tôi so sánh việc « đấu hàng » của nhiều địa-chủ với việc « đấu hàng » của các văn-nghệ-sĩ. Đảng bắt phải đấu hàng để Đảng lên mặt với nhân-dân, vậy

thì cứ « đầu hàng » vì qua những vụ đấu-tổ địa-chủ, phú-nông, toàn thể nhân-dân đều biết rằng những trò đó chỉ là một tấn đại bi hài-kịch mà mọi người phải lần lượt lên sân-khấu đóng vai trò Đảng đã ấn-định cho mình. Chúng tôi tin rằng những người như Trần Dần đã viết bài « *Hãy đi mãi* » (xem phần tài-liệu) hay Phùng Quán đã viết bài « *Lời mẹ dặn* » (xem phần tài-liệu) là những người có dư thái-độ bất-khuất và có đủ gan dạ bền bỉ.

Ý kiến chúng tôi có đúng hay không chỉ có tương-lai mới có thể trả lời.

Trong khi chờ đợi, chúng ta hãy tin rằng *Người* là *Người* mà *Vật* là *Vật*. Không có thể-lực nào có thể biến con người thành con vật. Người hơn vật ở chỗ biết nói, nên hễ biết nói thì phải nói theo ý mình. Người bao giờ cũng tranh-đấu đòi cho được tự-do ngôn-luận, bảo-đảm cho mọi thứ tự-do khác.

MẠC ĐÌNH

Sài-gòn, ngày 8-12-1958



PHẦN II

TÀI - LIỆU

(NHÂN - VẬT VÀ TÁC - PHẨM)

I

PHÁI CỤU HỌC

Phái này trước kia gồm những nhà văn xuất thân từ nho học đổng thời với cụ Ngô dức Kế và Huỳnh thúc Kháng, ra đời vào khoảng cuối thế-kỷ trước, lúc Pháp mới bắt đầu đặt nền đô-hộ trên toàn cõi lãnh-thổ Việt-nam.

Nhưng tất cả các văn-nhân trong thế-hệ này đều đã qua đời, chỉ còn sót lại có hai cụ là Sở Cường Lê Dư và Chương Dân Phan Khôi. Cả hai cụ đều là người Quảng-nam và đều có tham-gia phong-trào Đông-Kinh Nghĩa-Thục và phong-trào kháng thuế ở Trung-Kỳ.

Cụ Lê Dư đã mất hẳn trí nhớ nên từ lâu nay không sáng-tác nữa, chỉ còn lại một mình cụ Phan Khôi, có thể nói là đại-diện cho cả một thế-hệ, cho một hệ-thống tư-tưởng Nho giáo, đơn thương độc mã chống chọi với ý-thức hệ Mác-xít và chế-độ Cộng-sản. Tiếng nói của cụ là tiếng nói của một học-phái từ hai nghìn năm trước còn vang lại, nhắc chúng ta phải nhớ đến thời Xuân-Thu, Chiến-Quốc bên Tàu mà thực sự có « Bách gia tranh minh, bách hoa tề phóng ». Phong-trào này ngày xưa bị Tần-Thủy-Hoàng đàn-áp và ngày nay bị ông Mao Trạch-đông và ông Hồ Chí-Minh tiêu diệt. Phan Khôi là đồ đệ cuối cùng còn giữ đầy đủ tinh-thần tiết-tháo của trên bảy mươi thế-hệ Nho gia.

CỤ PHAN KHÔI

Tiêu-sử :

Cụ sinh năm 1887 tại làng Bảo-an, huyện Điện-bàn, tỉnh Quảng-nam, ông thân sinh ra cụ là Phan Trán, trước làm Tri-phủ, phủ Điện-khánh, sau từ quan về làm nghề dạy học. Bà mẹ cụ Phan Khôi là con gái cụ Hoàng Diệu, nguyên Tổng-đốc Hà-nội, có lần đã đi sứ sang Tây-b.ri-nha và Anh-cát-lợi. Cụ Hoàng Diệu tuân tiết khi thành Hà-nội bị lọt vào tay Henri Rivière năm 1882.

Cụ Phan Khôi học chữ nho rất giỏi và mới 19 tuổi đã đỗ Tú-tài (1905) tuy rằng sức học đáng đề cao hơn. Đỗ xong cụ tò ý chán khoa cử, vì cụ được gặp cụ Phan bội Châu và cụ Phan chu Trinh nên bị ảnh-hưởng của hai nhà cách-mạng này.

Năm 1907 cụ Phan Khôi ra Hà-nội, tham-gia phong trào Đông-Kinh Nghĩa-thục và viết cho tờ tạp-chí *Đảng Cổ Tùng Báo* do phong-trào này xuất bản. Chẳng bao lâu tờ tạp-chí bị cấm vì phong-trào bị khủng-bố. Cụ Phan liền rút lui về Nam đĩnh rồi về Hải-phòng ẩn náu. Ít lâu sau cụ lên về Quảng-nam hoạt-động trong phong-trào Văn-thần cùng với cụ Huỳnh thúc Kháng.

Trong một cuộc biểu tình đòi giảm thuế cụ Phan bị bắt và giam tại nhà lao Quảng-nam cho mãi đến năm 1914 vì có chiến-tranh Đức Pháp, toàn-quyền Albert Sarraut mới ân xá cho nhiều tù-nhân trong đó có cụ.

Trong thời-gian bị tù, cụ Phan học chữ Pháp với những công-chức cùng bị giam. Thoát khỏi tù, cụ ra Hà-nội làm nghề viết báo. Cụ viết cho tờ Nam-Phong là tờ báo văn học duy nhất của thời bấy giờ. Về mặt bình với Phạm Quỳnh là giám-độc tờ Nam-Phong cụ bỏ Hà-nội vào Sài-gòn viết cho tờ Lục-Tinh Tân-Văn.

Năm 1920 cụ lại trở ra Hà-nội viết cho tờ Thực-Nghiệp Dân-Báo và tờ Hữu-Thanh của cụ Ngô Đức Kế. Trong thời kỳ này cụ dịch thuê cuốn Kinh Thánh cho Hội Tin-lành. Cuốn Nam-âm thi-thoại của cụ ra đời trong thời kỳ này.

Năm 1928 tờ Thực-Nghiệp Dân-Báo và tờ Hữu-Thanh bị đóng cửa của cụ Phan lại trở vào Sài-gòn viết cho tờ Thần-Chung và tờ Phụ-Nữ Tân-Văn, và gửi bài ra Hà-nội cho báo Đông-Tây. Trong thời kỳ này cụ Phan bút chiến với Hải Triều, nhà văn Công-sân, về vấn-đề Duy-tâm và Duy-vật. Cuộc bút chiến này sôi nổi dư-luận trong toàn quốc.

Năm 1931 cụ Phan lại trở ra Hà-nội viết cho tờ Phụ-Nữ Thời-Đàm

Năm 1936 cụ vào Huế viết cho tờ Tràng-An và xin được phép xuất-bản tờ Sông-Hương Cụ tái bản cuốn Nam-âm thi-thoại và đổi tên là Chương Dân thi-thoại.

Năm 1939 tờ Sông-Hương chết, cụ Phan lại trở vào Sài-gòn dạy học chữ nho và viết tiểu-thuyết. Thời kỳ này cụ viết cuốn «Trở vỏ lừa ra».

Sau khi Sài-gòn bị phi-cơ Đồng-minh oanh-tạc dữ dội, cụ Phan rút lui về quê để tránh bom và sống an nhàn cho đến khi Việt-Minh cướp chính-quyền, năm 1945.

Cụ bất bình với chính-sách khủng-bố của Việt Minh thi-hành ở Quảng-nam, Quảng-ngãi, nhất là về việc cán-bộ địa phương định phá hủy nhà thờ cụ Hoàng Diệu nên cụ lớn tiếng công kích. Cán-bộ địa-phương toàn bắt cụ, nhưng vì nề Phan Thạc là con cụ lúc bấy giờ làm cán-bộ cao cấp trong Ủy ban Trung-bộ, nên không dám bắt mà chỉ báo-cáo lên cấp trên. Về phần cụ Phan, cụ cũng khôn khéo viết thư cho cụ Huỳnh thúc Kháng lúc bấy giờ giữ chức Bộ-trưởng Bộ Nội-vn ở Hà-nội Cụ Huỳnh vội vàng can thiệp. Ông Hồ Chí-Minh giận xếp

sản-đề bằng cách tự tay viết thư mời cụ Phan ra Hà-nội hợp-tác, nhưng kỳ thực là giao cho em họ cụ là Phan Bội, tức Hoàng hũ Nam, Trung-ương ủy-viên và Thứ-trưởng Bộ Nội-vụ phụ-trách quản-thức.

Ru đến Hà-nội cụ Phan không chịu ở nhà Phan Bội, cụ lên phố Quan thánh ở nhà Khái Hưng, tức Trần Khánh Dư, là một nhà văn theo Quốc-Dân-Đảng. Khi Việt-Minh khủng-bố Quốc-Dân-Đảng và vây nhà Khái Hưng để bắt Khái Hưng thì đồng thời cũng bắt được cụ Phan Khôi trong đó. Vì lúc bấy giờ Phan Thao là con cụ làm chủ-nhiệm báo Cứu-Quốc ở Hà-nội nên một lần nữa Việt-Minh lại không dám khủng-bố cụ Phan. Chúng giao cụ Phan cho Phan Bội điệu lên chiến-lưu Việt-Bắc. Cụ ở Việt-Bắc suốt chín năm kháng-chiến.

Ở chiến-lưu cụ Phan được giao công-tác phiên-dịch sách chữ Hán hoặc chữ Pháp sang tiếng Việt. Tuy bất mãn nhưng cụ cũng làm tròn nhiệm-vụ. Ông Hồ lấy làm bằng lòng và ban cho cụ một chiếc áo « bờ-lu-dông » Mỹ.

Sự thực thì cụ Phan chỉ tán-thành cuộc kháng-chiến chống Pháp, nhưng cụ rất ghét Việt-Minh. Hồi 1951 cụ làm bài thơ về cuộc kháng-chiến như hoa hồng và về Việt-Minh như gai. Đại-ý cụ nói cụ vì yêu kháng-chiến mà phải phục-tùng Việt-Minh. Bài thơ như sau :

Hồng gai

Hồng nào hồng chẳng có gai
Miễn đừng là thứ hồng dài không hoa,
Là hồng thì phải có hoa,
Không hoa chỉ có gai mà ai chơi ?
Ta yêu hồng lắm hồng ơi !
Có gai mà cũng có mùi hương thơm.

(16-3-1951)

Cụ ghét Việt-Minh về nỗi căm đốn tự-do ngôn luận nên cụ làm một bài thơ tả số phận con lợn như sau :

Đánh dùng một cái
Kêu éc éc ngay
Bịt mõm, bịt miệng,

Trời chân, chói tay

.

Từ đây đến cái dao

Chẳng còn xa là bao.

Cảm cảnh cô-độc ở Việt-Bắc cụ Phan làm một bài thơ chữ Hán mà Thế Lữ dịch ý như sau :

Một mình trước cảnh xanh núi rừng
Ta ngồi ngạo nghễ với bầy chim bầy vượn
Vì ta chạy loạn mà tình cờ gặp cảnh lâm tuyền.

(Cụ ví Việt-Minh là thú vật)

Và một bài khác Thế Lữ dịch ý như sau :

Một mình đêm giao thừa
Đến ngọn đèn làm bầu bạn cũng không có
Đắp lên thân suy tàn một tấm chăn kép
Chợp mắt mơ là nhằm miếng chua cay
Có vợ con mà sống chia cách
Không sinh kế đành phải ăn nhờ
Nghe tiếng gà mừng vùng dậy
Kháng-chiến bốn lần gặp xuân rồi.

(1950)

Vì khi-hiện độc nên cụ sinh ốm đau và phải vào bệnh-viện nằm trong một thời-gian. Ra khỏi bệnh-viện cụ đi hút tẩu và cảm hứng cụ làm bốn câu thơ :

Tuổi già thêm bệnh hoạn,
Kháng-chiến thấy thừa ta.
Mối sầu như tóc bạc
Cứ cắt lại giải ra.

(1952)

Cuối năm 1954 cụ Phan Khôi ở chiến-khu về Hà-nội cùng với đa số các văn-nghệ-sĩ khác. Vì không có nhà cửa ở Hà-nội nên Hội Văn-

nghe dành cho cụ một buồng ở tầng ba của nhà trụ-sở hội, đường Gambetta cũ. Cụ vẫn tiếp tục công việc phiên-dịch.

Mùa Thu 1956 cụ viết bài «Phê-bình Lãnh đạo Văn-ngệ» đăng trong Giai-Phẩm Mùa Thu. Bài này gây nên ngọn lửa chiến-tranh giữa trí-thức ở miền Bắc với Đảng. Để nói rộng cuộc đấu-tranh sang lĩnh-vực chính-trị, cụ Phan Khôi đứng ra làm chủ-kiệm kiêm chủ-bút báo Nhân-Văn. Để tỏ ý chỉ đấu-tranh đến cùng, cụ làm bốn câu thơ :

Năng chiếu tuy có đẹp.
Tiếc tài gần chạng vạng.
Mặc dù gần chạng vạng
Năng được thì cứ năng.

(1956)

Nhận thấy thái-độ chống đối của cụ Phan Khôi là một điều tối nguy hại cho chế-độ, Việt-cộng, một lần cuối cùng, cố sức mua chuộc cụ bằng cách mời cụ sang Bắc-Kinh để dự lễ kỷ-niệm nhà văn Lỗ Tấn. Chính quyền miền Bắc hy-vọng rằng cho cụ đi thăm các xưởng máy đồ sộ của Trung-quốc cụ sẽ phải khám-phục sự tiến-bộ của nước dân anh-vi-đại, và do đó sẽ thay đổi quan-niệm, không chỉ trích Cộng-sản nữa. Một lần nữa, Cộng-sản lại thất-vọng.

Một hôm cụ Phan được đưa tới thăm nhà máy An-Sơn của Trung-cộng, cụ làm ra vẻ tấm tắc khâm-ngợi những máy móc tinh-sảo và phát biểu như sau :

— « Ngày xưa ông Mác nói : « Lao-động sáng tạo nhưng tôi nghĩ rằng nên nói trí-thức và lao-động sáng tạo, mới đúng ».

Câu-bộ Tàu lễ phép chữa lại :

— « Thừa cụ, ông Mác nói là lao-động là bao gồm cả trí-thức trong đó chứ ạ ! »

Cụ Phan trả lời ngay :

— « Không đâu, ý ông Mác chỉ muốn nói công-nhân thôi ; còn trí-thức thì sau này người ta mới thêm thắt vào đó. »

Câu-bộ Trung-Cộng ứ hơi cứng họng không trả lời được.

Sau khi ở Trung-quốc về cụ Phan lại tiếp tục công việc làm chủ-nhiệm báo Nhân-Văn. Biết rằng Đảng sắp khủng-bố đến nơi, cụ vẫn bình tĩnh tiếp tục cuộc đấu-tranh. Hồi đó cụ làm bốn câu thơ hài-hước như sau :

Làm sao cũng chẳng làm sao
Dẫu có thể nào cũng chẳng làm chi
Làm chi cũng chẳng làm chi
Dẫu có làm gì cũng chẳng làm sao

Việc cụ Phan Khôi chống đối với Đảng trong hai năm vừa qua như thế nào, chúng tôi đã trình-bày tường tận trong mục « Lịch-trình đấu-tranh của trí-thức ở miền Bắc ». Chúng tôi cũng đã tường thuật việc cụ bị đã kích và chửi bới như thế nào. Họ bảo cụ là phản-động viết-gian, phá hoại, tờ-rốt-kít, cụ hút thuốc phiện, chơi gái...và cụ « hủ-hóa » cả với nữ-sĩ Thụy An nữa (nên nhớ rằng khi cụ Phan gặp Bà Thụy An cụ đã ngoài bảy mươi tuổi). Điều đó không làm cho chúng ta ngạc-nhiên vì tục-ngữ của chúng ta đã sẵn có câu : Được là vua, thua là giặc.

Điều mà chúng ta cần chú ý là nhờ có sự chửi bới, moi móc đó mà chúng ta biết thêm được một vài chi-tiết về sự-nghiệp văn-chương của cụ Phan. Số là trong báo Văn-Nghệ số 15, xuất-bản hồi tháng 8, 1958 mới đây, Đoàn Giỏi, một cán-hộ văn-nghệ có viết một bài mat-sát cụ Phan, trong đó có nói nhiều đến cuốn « Năng chiêu » của cụ Phan mà từ trước tới nay chưa ai biết, vì chưa xuất-bản.

Cũng vì không thể nào kiếm được nguyên bản nên chúng tôi tạm trích bài phê-bình của Đoàn Giỏi để độc-giả có thể có một ý-niệm về tác-phẩm cuối cùng của cụ và cũng để độc-giả thử đoán xem Đoàn Giỏi có chủ tâm đã kích cụ Phan Khôi không, hay là chỉ mượn cơ chửi bới để phổ biến một tác-phẩm mà từ lâu Đảng vẫn dấu kín trong tủ sọt. Chúng tôi không dám quyết-định, chỉ biết rằng sau khi đăng bài đó, ban biên-tập tờ Văn-Nghệ phải tự kiểm-thảo và từ ngày ấy thấy vắng tên Đoàn Giỏi trên mặt báo.

Chúng tôi cũng không dám phê-bình cụ Phan Khôi vì cụ là tiền-bối. Những người đã có dịp quen biết với cụ trong cuộc đời bốn ba của cụ tất nhiên biết về cụ rõ hơn chúng tôi.

PHÊ-BÌNH LÃNH ĐẠO VĂN-NGHỆ

Ngày 14 tháng 7 trước đây, một anh bạn trẻ đến với tôi, ngỏ ý muốn tôi viết một bài cho tập Giai-Phẩm mùa Thu, tôi nhận lời, và viết bài này.

Tôi không phải không nhớ nhập tâm rằng cái *Giai-Phẩm mùa Xuân* đã gây ra một cảm-giác nặng nề cho giới văn-ngệ, (*) nhưng mà tôi cứ viết. Là vì tôi nghĩ thấy mùa Thu không thể giống được mùa Xuân. Thấy Mạnh Tử nói rằng :

« Bĩ nhất thời dã, thử nhất thời dã ». « Thời » là mùa, mùa nào tiết khí ấy, mà cũng mùa nào thức ấy.



Hình bìa cuốn *Giai-Phẩm mùa Thu* trong số đăng bài « Phê-bình Lãnh đạo Văn-ngệ » của cụ Phan Khôi

Chú thích (*) *Tạp-chí Giai-Phẩm mùa Xuân* bị cấm và tác-giả một bài thơ "Nhật định thăng" lồng trong đó là Trần Dần bị đi tù. (Xem John sau)

Huống chi cái tôi viết đây là viết bằng văn xuôi có chi nói này, nói toàn sự thực, tôi không làm thơ, trong đó không có cái gì nhiều kê, bí hiểm, như « *Cái bình voi* » của Lê Đạt, « *Con chó đái* » của Trần Dần, « *Cái chổi quét rác rưởi* » của Phùng Quán, nó như ruột voi, như phổi bò, suôn đuồn đuột mà xộp xồm xộp, ai đọc cũng thấy ngay tôi nói gì, khỏi phải hiểu ý này ra ý khác thì tôi tưởng cũng nên viết lắm.

Tôi muốn nói sự thực. Nhưng có người bảo rằng « có những cái sự thực không nên nói ». Tôi không tin. Đó là ở dưới chế-độ nào kia, chứ ở dưới chế-độ của chúng ta, ta đã lấy phê-bình, tự phê-bình làm vũ khí, thì còn có cái sự thực nào là cái sự thực không nên nói ?

Tôi muốn phê-bình. Nhưng có người khác lại bảo rằng : « phê-bình nội-bộ thì được, không nên viết trên sách báo, bên địch chúng thấy chúng sẽ xuyên-tạc ra ». Tôi cũng không tin. Cái thời kỳ « đóng cửa dạy nhau » đã qua rồi, ngày nay chính là ngày có mâu thuẫn gì giữa nội-bộ, cần phải giải-quyết trước mặt quần-chúng nhân-dân, không nhờ ánh-sáng của quần-húng nhân-dân soi dẫn cho, thì không thể giải-quyết nổi. Và lại, đã nhận rằng ăn của nhân-dân, làm việc cho nhân-dân, thì nhân-dân là chủ, có quyền kiểm-tra mọi việc, thì sao cứ im im ta với nhau không cho nhân-dân biết ?

Bởi vì lẽ đó, tôi viết bài này phê-bình lãnh đạo văn-ngệ của Hội Văn-ngệ Việt-nam, cái cơ-quan mà tôi sống trong đó tám chín năm nay từ khi nó mới bắt đầu thành-lập ở Việt-Bắc tới giờ, và phê-bình rất thẳng thắn.

Hồi còn ở Việt-Bắc, đường lối văn-ngệ có vẻ đơn-giản lắm. Tóm lại là theo chủ-nghĩa Mác, chủ-nghĩa hiện-thực xã-hội để phục-vụ tổ-quốc, phục-vụ nhân-dân, nhất là phục-vụ cho cuộc kháng-chiến trước mắt. Những người công-tác lúc bấy giờ có làm đúng và đầy đủ như thế không, chưa nói đến ; một điều có thể nói chắc là ai nấy đều cố gắng đi theo đường lối ấy. Đối với lãnh đạo họ có thắc mắc gì không ? Hầu như không có thắc mắc gì cả. Nếu có thì cũng đã chôn bỏ làm mưòi, vì trong thời-gian đó, cái vĩ-dại, cái gian-khò mà vinh-quang của cuộc kháng-chiến ngấp trên người họ, họ đang đề lòng mà nghĩ đến kháng-chiến, không nghĩ đến chuyện khác.

Ở đây tôi không đi sâu hơn, không đi tìm cái có tại làm sao mà

sau khi thắng lợi trở về thủ-đô, *lãnh đạo văn nghệ* thành ra văn-đề, *quần chúng văn-nghệ* thắc mắc với lãnh đạo ; tôi chỉ đưa ra cái hiện tượng không tốt sau khi trở về Hà-nội hai năm nay.

Thình lình tôi dùng cái danh-từ « *quần-chúng văn-nghệ* » chắc có người thấy mà lấy làm chướng mắt. Nhưng không dùng nó thì không lấy gì đủ chỉ rõ một cái hiện tượng : cái hiện tượng đối lập, một bên là lãnh đạo văn-nghệ, một bên là quần-chúng văn-nghệ. Trước kia trong thời kháng-chiến, lãnh đạo với thứ quần-chúng ấy là một, mà bây giờ là hai. Thêm một điều đáng chú ý, là cái thứ quần-chúng ấy, hiện nay, không chỉ là văn-nghệ-sĩ theo kháng-chiến ở Việt-Bắc, mà còn văn-nghệ-sĩ ở vùng giải-phóng, mà còn văn-nghệ sĩ ở Nam-bộ. ở Khu V ra tập kết nữa, một thứ quần-chúng khá đông đảo, hễ lãnh đạo không khéo thì nó dễ thành ra đối lập.

Ở dưới chế-độ tư-sản, sự đối lập là thường : nhân-dân đối lập với chính-phủ, công-nhân đối lập với chủ xướng, học-sinh đối lập với nhà trường... Nhưng ở dưới chế-độ của chúng ta, về mọi phương-diện, yêu cầu phải không đi đến đối lập, hễ còn có đối lập là cái hiện tượng không tốt, cái triệu-chứng không tốt.

Sở dĩ có hiện tượng ấy là bởi trong lĩnh-vực văn-nghệ chúng ta hai năm nay có những điều sai lệch về lãnh đạo mà tôi sẽ cử đại khái ra như dưới đây. Đây là những việc nổi bật, tôi thấy rõ thì tôi nói ; còn những việc khác về mặt tổ-chức, về mặt hành-chính tôi không biết cho lắm thì tôi không nói.

VỀ VĂN-ĐỀ TỰ-DO VĂN-NGHỆ-SĨ

Sau khi về Hà-nội không lâu, giữa một cuộc tọa đàm ở trụ-sở Hội Văn-nghệ, một cán-bộ cao cấp (*) lấy tư cách cá-nhân đề ra cái văn-đề « *tự-do của văn-nghệ-sĩ* ». Cái văn-đề ấy giải-thích là : Có một số văn-nghệ-sĩ nào đó đòi tự-do hay là có ý đòi tự-do, mà tự-do một cách bừa bãi, đến nỗi « *vì như một kẻ kia đi trên đường phố, thấy có người ôm cái cặp da đẹp, dạt ngang lấy đi, rồi nói rằng đó là tự-do của mình vì mình thích cái cặp da* » Do đó kết-luận là : *phải có lãnh đạo, văn-nghệ sĩ phải ở dưới quyền lãnh đạo.*

Chú thích : (*) Người ấy là ông Trương Chính

Tôi thấy vấn-đề đặt như thế không đúng. Sự thực trước mắt chúng ta không có như thế.

Bao nhiêu văn-nghệ-sĩ từng theo kháng-chiến, không luận ở Việt Bắc, ở Nam-Bộ, ở Khu V, đều đã ở trong Hội Văn-nghệ, đều đã bằng lòng chịu lãnh đạo rồi, nếu họ không bằng lòng chịu lãnh đạo thì họ đã không ở trong Hội Văn-nghệ. Còn những văn-nghệ-sĩ ở trong vùng mới giải-phóng, họ còn ở lại đây tức là họ rắp tâm chịu lãnh đạo, nếu không thì họ đã đi vào Nam. Tóm lại văn-nghệ-sĩ hiện nay có mặt ở miền Bắc không ai tự-do bừa bãi lết, không ai định *đánh cắp da* hết, tôi không biết vì sao lại đặt ra vấn-đề ấy.

Quả thật như vậy, văn-nghệ-sĩ của chúng ta chẳng những đáng yêu mà lại đáng thương nữa. Họ biết trước kia họ đi sai đường, họ ngoan ngoãn chịu lãnh đạo. Mồ ma Tô ngọc Vân, (*) anh là một họa sĩ chụp vẽ mỹ-nhân, năm 1948, anh còn vẽ bức tranh màu là « Hà-nội đứng lên », trình bày một người thiếu-phụ tuyệt đẹp đứng hiên ngang trong đồng lửa, chung quanh là những nếp nhà đổ vì bom đạn. Thế mà sau đó anh chừa hẳn cái vai chụp ấy. Ở triển-lãm hội họa năm 1952, trong một bức tranh không thể không có phụ-nữ, thì anh vẽ một đám đầu bà già và gái bé. Còn Thế Lữ, có lần tôi hỏi tại sao anh không iam thơ như trước kia. Anh trả lời rằng đợi đến bao giờ anh *chinh* lại được tâm hồn, cảm-thông được với quần-chúng cần-lao, bấy giờ anh sẽ làm. Thứ văn-nghệ-sĩ như thế mà nói họ đòi tự-do, dù chưa phải là tự-do bừa bãi, cũng đã oan họ lắm rồi, oan mà không có chỗ kêu.

Có lẽ bởi nhìn thấy ở một cạnh khía nào rồi nhận định hẳn như thế, nên từ đó lãnh đạo gắt hơn, kỳ tiêu diệt thứ tự-do ấy của văn-nghệ-sĩ. Nhưng sự thực, thứ tự-do ấy vốn *không* có để bị tiêu diệt, mà cái cá-tính của văn-nghệ-sĩ, cái nghệ-thuật-tính của văn-nghệ, nhân đó, tuy chưa đến bị tiêu diệt, chứ cũng đã bị thương.

Chưa nói đến cá-tính và nghệ-thuật-tính, ngay đến ý-kiến, ngôn-luận của quần-chúng văn-nghệ dù rất bình thường, không có gì hại, cũng bị kìm hãm. Tôi là một người đã chịu cái điều khó chịu ấy, tôi nói ra đây tưởng không có ai ác đến nỗi bảo tôi là dụng đúng hay xuyên-tạc.

Sau khi về Hà-nội mấy tuần lễ, có một cuộc họp mặt văn-nghệ

(*) Chết ở Điện Biên phủ năm 1954.

sĩ với mấy đờng-chí văn nghệ Liên xô. Một đờng-chí nói rằng mình không đọc được tiếng Việt cho nên không biết văn-học tiếng Việt như thế nào, chú còn mấy ngành khác như nhạc, kịch, họa đều thấy có tiến-bộ cả. Nhân đó, tôi phát biểu ý-kiến, đại-khái tôi nói văn học Việt vì những điều-kiện nào hạn chế, nên hiện thời nó còn thấp kém lắm, chưa theo kịp sự tiến-bộ của mấy ngành kia. Lại trong một cuộc họp khác sau đó, nói về âm-nhạc, có mấy người đề cao nhạc cổ Việt-nam. Tôi tuy dốt âm-nhạc chứ cũng biết rằng nhạc cổ của ta không cao đến mức ấy, bèn phát biểu ý-kiến. Tôi thuật lại chuyện nghe ở người khác rằng có một nghệ-sĩ nước bạn phê-bình điệu hát chèo, trong đó có đến nhiều những « ơ ơ a ». « tình tình tang », còn đeo tính chất ngây thơ. Một hôm sau tôi gặp ông Hoài Thanh (*) ở chỗ thang gác từ ; thứ hai của trụ-sở Hội Văn-Nghệ, ông bảo rằng mấy lần phát biểu ý-kiến của tôi đều đáng phê-bình, nhất là lần sau, sao lại bằng vào lời một nghệ-sĩ nước ngoài mà phủ định nhạc cổ ? Tôi chưa kịp nói gì ông đã đi xuống khỏi thang gác.

Đây là lãnh đạo nhiệt ngả về nói ; đây là về viết.

Tháng mười năm ngoái, tôi được cất cử nói chuyện trong cuộc kỷ-niệm Lê Tấn (**). Trước kia nói, tôi phải viết ra trình qua lãnh đạo xem. Trong bài viết có chỗ tôi nói Lê Tấn thông hiểu chủ-nghĩa Mác-lăng, nhưng trong bản-chương của ông không hề dùng danh từ Mác-xít, mỗi khi đọc, làm tôi nghĩ đến con tằm : Con tằm ăn dâu rồi nhả ra tơ, nếu nhả ra dâu thì không phải là con tằm. Ông Nguyễn Tuân hỏi tôi : « Nói như thế là định viser (ám chỉ) ai ? » Đờng-chí tôi nên chữa. Tôi lấy làm lạ, tôi sao lại có tâm địa xỏ lá đến nỗi mỗi khi nói phải có ám chỉ ai mới được. Một chỗ khác, nói về lối phiên-dịch, Lê Tấn chủ-trương trực dịch. Ông Hoài Thanh bảo tôi phải chữa, lấy lẽ rằng phiên-dịch có nhiều lối, nếu lấy Lê Tấn làm khuôn mẫu thì Hồ chủ-tịch dịch *Tình-ủy khúc* (***) không trực dịch, chẳng phải là không đúng hay sao ? Tôi biết rõ rằng cái câu tôi nói đó chỉ thuật lại cái chủ-trương của Lê Tấn, cũng chẳng hề lấy làm khuôn mẫu, cũng chẳng hề dả động gì đến việc dịch của Hồ chủ-tịch hết, nhưng tôi không cãi, cũng cứ hứa sẽ chữa, mà thật, tôi đã chữa ngay trong bản thảo trước mặt ông Hoài Thanh.

(*) Chú thích (*) Tên thật là Nguyễn đức Nguyễn.

(**) Nhà ăn hào thiên tả của Trung quốc, chết từ 1936.

(***) Bản tiếng Pháp đã là: *L'Obzom clandestin*.

Đó là cái thói kỵ hủ trong văn-chương của thời phong-kiến còn sót lại. Thuở Thiệu-Trị, ở trường thi hương Thừa-thiên, Đặng huy Trú vào trường tư, trong văn có câu « vi gia miếu chi hại », nghĩa là làm hại giống mạ tốt, nhưng « gia miếu » là tên làng của vua triều Nguyễn, quan trường sợ bóng sợ gió, sợ như thế có thể hiểu ra là làm hại làng của nhà vua, bèn đánh rớt bay. Lại thuở Tự-Đức, cũng trường thi Thừa-thiên, Lương gia Hựu cũng vào trường tư, trong văn có câu « vi thiên tử chi áp », chữ « áp » đó có nghĩa là kinh-đô, thế mà quan trường sợ có thể hiểu nôm na rằng thiên-tử ôm ấp một cô gái nào, cũng đánh rớt bay. Thử so sánh mà xem có phải mấy ông lãnh đạo của tôi cũng sợ bóng sợ gió, cũng kỵ hủ như mấy ông quan trường ấy không ? Người ta làm cho tôi cảm thấy qua việc ấy rằng nước Việt-nam ngày xưa, triều-đại là triều-đại Thiệu-trị, Tự-Đức, cái nguồn văn-chương là Tứ thư, Ngũ kinh, còn nước Việt-nam ngày nay cũng là triều-đại gì đó, chỉ khác cái nguồn văn-chương Mác-xít chứ cái thói kỵ hủ của quan trường thì không khác.

Trở lại vấn-đề « tự-do của văn-nghệ-sĩ ».

Thực ra thì, như trên đã nói, văn-nghệ-sĩ không đòi tự-do bừa bãi, họ chịu ở dưới quyền lãnh đạo, chỉ duy cái vấn-đề họ đặt ra là lãnh đạo phải như thế nào ? Nói như thế cũng chưa hết ý. Phải nói rằng văn-nghệ-sĩ muốn được tự-do, nhưng họ chỉ yêu cầu được tự-do trong nghệ-thuật.

Đành rằng văn-nghệ phục-vụ chính-trị, cho nên chính-trị phải lãnh đạo văn-nghệ. Nhưng phải hỏi : chính-trị nếu muốn đạt đến cái mục-đích của nó thì cứ dùng những khẩu hiệu, biểu ngữ thông-trị, chỉ-thị không được hay sao, mà phải cần dùng đến văn-nghệ ? Trả lời cho thành thật, e chính-trị phải vỗ vai văn-nghệ mà nói rằng : « Sở dĩ tao tha thiết đến mày là tao muốn lợi dụng cái nghệ-thuật của mày ». Đã cởi mở với nhau như thế rồi, văn-nghệ đồng ý. Nhưng phần nghệ-thuật này là phần riêng của văn-nghệ, chính-trị không bao biện được, nó phải đòi được tự-do trong phần ấy. Như thế, tưởng chính-trị cũng không lấy lẽ gì mà không đồng ý. Hai bên đều có lợi, cái nguyên-tắc ấy, ở ngày nay, nó thích dụng trong bất cứ một sự hợp-tác nào.

Nhưng hai năm nay, lãnh đạo văn-nghệ của chúng ta đã đi quá trớn mà không giữ đúng cái giao-trước hắt thành văn ấy. Lãnh đạo đã xâm phạm mỗi ngày một hơn vào quyền riêng nghệ-thuật của văn-nghệ-sĩ.

Trong văn-nghệ không cứ ngành nào sáng-tác hay « sản xuất », đều hầu như bị Ban thường-vụ của Hội xô sọ dất đi, hay quá lắm là nhúng tay vào. « Phục-vụ công nông binh » và « phục-vụ kịp thời », cái đó đã dành rồi; quần chúng văn-nghệ bực mình còn phải chịu mệnh lệnh của lãnh đạo ngoài những cái đó.

Tức như trước đây trong việc chấm giải thưởng về nhạc. Có một bài nhạc, Ban chấm giải (gồm những nhạc-sĩ chuyên môn) đặt vào hạng thấp, thì Ban thường-vụ bảo phải nhắc lên hạng cao, lấy lý rằng « lời » nó hay và đúng chính-sách. Ban chấm giải trình bày rằng tuy « lời » hay mà « nhạc » tầm thường nên để hạng thấp, nhưng không được, rốt cũng phải nhắc lên hạng cao. Một anh nhạc-sĩ trong ban chấm giải thuật chuyện ấy cho tôi nghe và phàn nàn rằng thế thì làm thơ làm văn cho hay và đúng chính-sách cũng được, việc gì phải làm nhạc và giao cho nhạc-sĩ ? Tôi cho phàn nàn như thế là có lý lắm, trừ ra khi nào Ban thường-vụ cũng là nhạc-sĩ chuyên-môn thì vấn-đề còn cần phải thảo luận lại.

Đề rồi đến ngày Đại-hội, trong mỗi ngành sẽ có người đứng lên nói những sự thực như thế ra. Tôi ở ngành văn, tôi đã kể một chuyện về viết như trên kia cũng đủ thấy là khó chịu rồi. Cái bề bai bề học của bà già đối với nàng dâu, hà tất phải kể ra hàng tràng, thiên-lạ mới biết.

Ông Nguyễn Tuân (*) và ông Hoài Thanh đều là nhà văn nổi tiếng, tôi không nói các ông không có thẩm quyền về nghệ-thuật viết văn. Nhưng các ông có nghệ-thuật của các ông, còn tôi có nghệ-thuật của tôi. Trong nghệ-thuật ngụ cái cá-tính của mỗi người một khác, do đó cái nghệ-thuật-tính của văn-nghệ của mỗi một tác-giả cũng một khác. Có như thế thì mới có được cái quang cảnh « trăm hoa đua nở ». Nhược bằng bắt mọi người viết phải viết theo một lối với mình, thì rồi đến một ngày kia, *hàng trăm thứ hoa các đều phải nở ra các vạn thọ kết*. Mà nếu cứ thế này mãi, than ôi, cái ngày ấy cũng chẳng xa đâu !

Cái tác-phong lãnh đạo ấy hiện nay đã truyền nhiễm khắp Hà-nội rồi. Một tòa-soạn nào đó cũng có quyền chữa bài của tôi, vớt bài của tôi. Mà phải chỉ đáng chữa mà chữa, đáng vớt mà vớt cho oan. Mới đây, trước ngày 20 tháng 7, có một nhà báo - giấu làm gì ?

Chú thích (*) Tác giả « Vang bóng một thời ».

Nói ngay ra là nhà báo Tô-Quốc — nhà báo Tô-Quốc viết thư cậy tôi viết một bài. « Viết một bài về chuyện miền Nam », như thế là đã ra đề cho tôi « làm bài » đó, tưởng cũng đủ lắm rồi. Trong thư ông đại chủ-bút còn « dàn bài » cho tôi nữa: Như là « yêu cầu » thế này, « mục đích » thế nọ, và hạn từ một ngàn chữ đến hai ngàn chữ. Tôi lấy làm đau xót quá (có lẽ vì tôi tự ái, đáng kiêu-thảo), bèn kiếm cách từ chối. CỤ ĐỒ CHIỀU ơi ! CỤ ĐỒ CHIỀU ! Ở thời cụ, cụ đã kêu :

*Ờ đây nào phải trường thi
Ra đề, hạn vận một khi buộc ràng !*

thế mà ngày nay, bầy tám mươi năm sau cụ, người ta còn ra đề dàn bài, lại hạn chữ cho tôi nữa đó cụ ơi ! Tôi còn làm ăn gì được nữa cụ ơi ! Tôi còn là tôi đâu được nữa cụ ơi !

VỀ VỤ GIAI-PHẨM MÙA XUÂN

Lãnh đạo như thế cho nên mới có tập *Giai-Phẩm mùa Xuân*. Nói cho tiêu tột, mấy người viết *Giai-Phẩm mùa Xuân*, họ vốn không hề cho tôi biết gì cả, nhưng khi đọc thì tôi, có lẽ như tục-ngữ nói : Voi thuộc voi, ngựa thuộc ngựa, tôi biết ngay là vì họ bất bình với lãnh đạo.

Sáng hôm mừng một Tết âm-lịch năm nay, ông Tố Hữu (*) đến chơi trụ-sở Hội Văn-ngệ. Giữa anh em đông, ông hỏi ý-kiến tôi về tập *Giai-Phẩm mùa Xuân*. Tôi nói trong đó chỉ có bài thơ của Trần Dần nói lời thôi, có hơi không lợi (**); còn của Phùng Quán, của Lê Đạt, tôi thấy nói đúng đấy. « Chống công-thức », « Quét rác rưởi tư-tưởng », là việc chúng ta cần phải làm, có điều cái gì là công-thức, cái gì là rác-rưởi chẳng những nên bảo họ nói rõ ra, mà còn nên bảo họ viết lên trên trang báo cho rõ ra. Ông Tố Hữu nói một câu có dòng anh em cùng nghe : « Giấy mực đâu mà phí đề cho họ viết ? » Thế rồi tôi làm thinh. Tôi làm thinh nghĩa là tôi trả lời đã nhiều rồi, tôi tròn lắm rồi, tôi không dại dột đến nỗi đã thế rồi mà cứ còn nói nữa.

Mấy hôm sau, nghe nói tập sách mỏng ấy bị thu về, tôi cho rằng sự thu về ấy là thất sách. Sao lại phải làm to chuyện cái chuyện

Chú thích : (*) Trung-ương ủy-viên Đảng Lao-Động, giữ chức Cục-trưởng cục Tuyên-huấn. Thi-sĩ đã nổi tiếng ở những bài ca tụng hoặc khước cái chết của Stalin.

(**) Xem bài « Nhất định thắng » & phần tài-liệu.

không đáng làm to ? Sao lại gọi cho những kẻ hiếu kỳ lên lút tìm mua tập sách ấy 3.000 đồng một tập mà đọc ? Sao lại làm như là sợ nó ? Ở Trung-Quốc, Hồ Phong nói xấu lãnh đạo văn-nghệ đến thế nào, mà « Ba sắp tài-liệu » của Hồ Phong vẫn được công-bố ra, cả đến cái « Ý-kiến thư » cũng được công-bố ra, chẳng ai hề sợ.

Thế rồi một ngày xuân mới, ánh mặt trời ấm áp, tối lại có mấy hạt mưa phùn dễ giúp cho những cây rụng lá mùa Đông nứt lộc ra, thì ở trụ-sở Hội Văn-nghệ khai hội từ 7 g. tối đến 1 g. sáng để phê-bình bài thơ Trần Dần, mà kỳ thực là hỏi tội Trần Dần, một mầm non văn-nghệ. Hỏi tội độc một Trần Dần thôi, là cái ngón chính-trị tài tình lắm đấy, để cô lập Trần Dần và phân hóa lũ người trong Giai-Phạm, cái ngón ấy đã thành công. Hết thấy có độ một trăm rưỡi người, trong có vài chục người đứng lên nói, đại khái giống nhau về kết-luận là Trần Dần có tội. Không phải không có những người thấy rằng Trần Dần dù có tội cũng không đến to như thế, nhưng mà họ đành làm thinh.

Tôi nhớ có một vị bắt lỗi trong bài thơ Trần Dần có chữ « Người » viết hoa. Lấy lẽ rằng chữ « Người » viết hoa lâu nay chỉ để xưng Hồ chủ-tịch thế mà Trần Dần lại viết hoa chữ « Người » không phải để xưng Hồ chủ-tịch. Tôi ngồi nghe và tưởng như ở trong chiêm bao : chiêm bao thấy mình đứng ở một sân rộng nọ, ông Lê Mỗ tổ-cáo ông Nguyễn Mỗ trước ngai vàng, trong phép viết, chỉ có chữ nào thuộc về Hoàng-thượng mới phải đại, thế mà tên Nguyễn Mỗ viết thư cho bạn, dám xài những chữ không phải thuộc về Hoàng-thượng. Nhưng may cho tôi, tôi tỉnh ngay ra là mình ngồi trong phòng họp Hội Văn-nghệ.

Rồi đến ông Hoài Thanh viết một bài trên báo Văn-Nghệ bằng giấy trắng mực đen, ghép Trần Dần vào tội phản-dộng, đứng về phía « địch » chống lại nhân-dân ta (Báo Văn-Nghệ số 110 ra ngày 17-3-1956).

Thật là cái tội phản-dộng ở xứ này sao mà ghép một cách dễ dàng quá, Hồ Phong bên Trung-Quốc, còn phải điều-tra bao nhiêu năm, công-bố « Ba sắp tài-liệu », mới vạch mặt hẳn là phản cách-mạng, là tay sai của Tưởng giới Thạch được. Tôi lại còn thấy một tài-liệu, nói Hồ Phong từng bị bắt quả-tang có một thanh gươm, ở cái nạm có bốn chữ « Tưởng Trung Chánh tặng » ở cái lưỡi, có ba chữ « Đảng

Nhân-Hồn ». Như thế thì phản động là đáng lắm, có đâu chỉ là một bài thơ mà đã là phản-động ?

Tuy vậy, Trần Dần còn có phúc hơn cậu cử Nguyễn Thuyên còn trai cụ lớn Tiên-quân Nguyễn văn Thành nhiều lắm. Trần Dần với một bài thơ dài hơn năm trăm câu mà chỉ mang tiếng là phản-động thôi, không như cậu cử Thuyên, bài thơ chỉ có 56 chữ, ý tứ vu vơ, mà bị chết chém, mà còn liên lụy đến anh em, bè bạn, liên lụy đến ông cụ phải uống thuốc độc chết. Trong chỗ đó, tôi thấy thời-đại Dân-chủ cộng-hòa rộng rãi đối với văn-ngệ hơn thời-đại chuyên chế triều Gia-Long rất nhiều.

Cuối cùng, ông Nguyễn đình Thi, thơ-ký tòa-soạn báo Văn-Nghệ viết liên tiếp ba bài đại-cà-sa phê-bình tập Giai-Phẩm mùa Xuân. Sau khi ba số báo in ra xong, ông Thi đưa cả cho tôi xem hỏi ý kiến tôi đối với ba bài ấy.

Đọc xong, sau một hôm, hai chúng tôi nói chuyện với nhau. Tôi bảo ông Thi rằng ông đặt sai vấn-đề. Vấn-đề Giai-Phẩm là vấn-đề lãnh đạo, chứ không phải vấn-đề quần-chúng. Tôi phân tích rõ ràng cho ông thấy rằng tại lãnh đạo văn-ngệ có thể nào cho nên quần-chúng văn-ngệ mới bất bình mà phát biểu ra như thế. Ví dầu trong sự phát biểu của họ có lắm lỗi cũng còn là cái ngọn, mà cái gốc, phải tìm đến ở chỗ do lãnh đạo gây ra. Thế mà cả ba bài của ông Thi không có một chữ nào đụng đến lãnh đạo hết, chỉ đổ lỗi cho mấy người viết trong Giai-Phẩm, thế là không công-bình, thế là quá đáng. Khi viết đây, tôi ngồi dưới ngọn đèn điện 20 nến, tôi nói có mặt đèn làm chứng, ông Thi đã nhận cho lời tôi nói là đúng, hứa sẽ viết phê-bình lãnh đạo, nhưng mãi tới nay chưa thấy viết.

Đọc trong bài thứ nhất của ông Nguyễn đình Thi, đến chữ ông ấy nói mấy người trong Giai-Phẩm là « *cả vú lấp miệng em* » làm tôi nhớ lại một chuyện cũ mà tủm tủm cười một mình. Năm 1920 tôi làm thư-ký kiêm kế-toán cho công-ty Bạch-Thái ở Hải-phòng, tôi thấy ông Bạch-thái-Bưởi bóc lột công-nhân làm tàu của ông rõ ràng, thế mà một hôm ông chỉ vào mặt các anh em làm tàu mà nói rằng: « Chính chúng mày bóc lột tao ». Nghề thế, hễ mình muốn người khác đừng nói đến cái tật xấu của mình thì mình đem ngay cái tật xấu ấy dõ lên đầu người khác để dấm họng họ cho câm đi. Chính ông Nguyễn đình Thi *cả vú lấp miệng em* cho nên ông bảo trước rằng bọn

Trần Dần, Phùng Quán, Lê Đạt là *cả vú lấp miệng em*. Thực ra thì bọn này có *vú* đâu mà *cả*, vả lại họ cũng không có ai là *em* họ hết.

VỀ VỤ GIẢI THƯỞNG VĂN HỌC 1954-1955

Sau khi giải thưởng này tuyên-bố, ở đâu thì không biết, chứ ở Hà-nội, dư-luận bàn tán xôn xao, nhiều người không phục, cho rằng có mấy tác-phẩm trong đó không xứng đáng được giải. Nói như thế, có thể bị coi là nói vu vơ, không có bằng chứng. Nhưng muốn có bằng chứng cũng không có thể có được, và cả nước chỉ có một tờ báo Văn-Nghệ có thể đăng những bài phê-bình văn-nghệ, mà là của Hội Văn-Nghệ, thứ dư-luận ấy có muốn phát biểu cũng không biết phát biểu vào đâu. Tuy vậy, bằng chứng cũng không phải hoàn toàn không có. Đạo trước, tờ Trăm-Hoa có ba bài của ba người công kích tập thơ *Ngôi Sao* của Xuân Diệu, nhưng khốn nỗi, nó ra đến bài thứ ba thì nó chết. Dù vậy, tôi thấy dư-luận ấy là quả có, chẳng tin, ai thử làm một cuộc trưng-câu ý-kiến mà xem.

Chính tôi là một người ở trong Ban chung-khảo chấm giải, tôi đã biểu đồng tình với thứ dư-luận trước khi nó xôn xao, nghĩa là trước khi tuyên-bố kết-quả giải thưởng.

Ban chung-khảo có mười người, tôi là một. Tôi quên lừng, không biết do ai công cử hay chỉ định, khi nhận được giấy triệu-tập thì cứ đi dự vào, làm việc, lãnh tiền thù-lao, nhưng khi việc xong thì tôi dâm ra trách mình một cách băng quơ : phải chi mình đừng được dự vào đó thì hay.

Tác-phẩm của mỗi ngành trong văn-học như thơ, tiểu-thuyết, kịch bản... sau khi chuyển cho nhau đọc rồi, về mỗi ngành có một buổi họp toàn ban để bình định thứ bậc. Trong khi bình định, hễ đồng ý với nhau thì thôi, hăng có mâu-thuẫn thì biểu-quyết bằng lối dơ tay, *thiếu số phục-tùng đa số*

Hôm bình định về thơ, tôi phản đối tập *Ngôi Sao* đứng giải nhì, tôi nói : « có vót vát ầm thì cũng chỉ nên đề nó đứng giải ba ». Tôi cứ ra những câu bí-hiếm không thể hiểu nghĩa được, thì ông Huy Cận (một trong ban chung-khảo) bảo rằng đó là tại tôi « muốn » không hiểu thì không hiểu. Quái, tôi « muốn » làm sao được ? Theo lẽ ông Huy Cận, nếu bênh vực cho *Ngôi Sao* thì phải cắt nghĩa rạch ròi những câu ấy

ra, chứ sao lại bảo rằng tôi « muốn » không hiểu ? Nhưng cả ban làm thỉnh, tự hồ ai cũng hiểu những câu ấy, không ai tỏ đồng ý với sự chỉ trích của tôi. Tôi còn cử ra những câu tầm thường quá, không xứng đáng là thơ, và nói rằng thơ Xuân Diệu ngày nay kém thơ Xuân Diệu ngày trước. Một ông trong ban (quên là ai) cãi rằng nếu thế thì lâu nay Đảng giáo-dục Xuân Diệu không có hiệu-quả gì sao ? May mà một ông khác (quên là ai) lập tức đưa tay ngăn lại, nói đó không phải là cái luận cứ vững, đừng đưa ra. Nhưng đồng thời tôi trót đã vọt miệng thốt ra câu này : « Đảng giáo-dục Xuân Diệu làm cách-mạng, chứ có giáo-dục Xuân Diệu làm thơ đâu ». Thật như Đức Khổng Tử đã dạy rằng : « Ngựa tứ chẳng kịp lưới ». Cũng vì tôi nên có sự mâu-thuẫn, phải biểu quyết. Tôi đứng về thiêu số, mà nhớ hình như thiêu số tuyệt-dối.

Hôm khác bình định về thiêu-thuyết. Tôi phản-dối *Truyện anh Lạc* của Nguyễn Huy Tưởng đứng giải nhì. Tôi cử ra sáu bảy chỗ, kết-luận rằng cái thiêu-thuyết nhiều chỗ không giống với sự thực ; trái với chủ-nghĩa hiện thực bước thứ nhất, nếu nó được giải cao thì khi ngoại-quốc dịch nó ra, nhất là khi bên địch đọc nó, bất lợi cho văn-học của chúng ta. Cả ban không ai bác lại lời tôi, tuyệt-nhiên không có một người nào có một lời nào bác lại tôi, nhưng thế nào không biết, cuối cùng cũng phải biểu quyết, và tôi vẫn đứng về thiêu số, lại là thiêu số tuyệt-dối.

Đến khi việc đã xong rồi, Ban chung-khảo không còn có buổi họp nào nữa rồi, tôi mới tiếp được hai tác-phẩm về ký-sự, đều đứng giải ba, có thông-tri bảo đọc và cho ý-kiến. Tôi thấy cái *Nam-bộ mến yêu* của Hoài Thanh chỉ là bài viết chạy như bài đăng trên báo, không có gì là giá-trị văn-học, còn cái *Lên công-trường* của Hồng Hà viết có công-phu hơn. Tôi nhớ ra mình đã từng hạ hai tác-phẩm của ông Xuân Diệu, Nguyễn Huy Tưởng xuống mà không được, bây giờ không còn đủ sức bướng bề mà hạ của ông Hoài Thanh xuống nữa, bèn viết một màu giấy đề-nghị đưa *Lên công-trường* lên giải nhì. Nhưng màu giấy ấy về sau chìm đi đâu mất, không ai nhắc đến.

Sau có một buổi họp giữa những người chấm giải với những người được giải. Đáng lẽ, một buổi họp như thế, thế nào Ban chấm giải cũng phải gọi cho những người được giải có thắc mắc gì thì nói ra. Bởi vì bây giờ không phải như thời phong-kiến chấm trường thi, quan trường ăn tiền lấy đồ bậy bạ rồi ai rớt nấy chịu. Nhưng mà không thấy ai dả

động đến việc ấy. Gần rớt buổi họp tôi mới đề-nghị xin cho nói thắc mắc. Thế rồi có mấy người nói thắc mắc của họ. Cuối cùng tôi cũng đưa ra thắc mắc của tôi về cái sự hai lần bị đứng về thiếu số, chứ cái sự định đoạt ấy của đa số, tôi cho là không đúng, tôi nhất định không phục. Trong những người được giải, có một người đứng lên phát biểu lấy làm lạ rằng trong Ban chung-khảo không nhất trí với nhau, xong việc rồi lại còn có người đưa ra thắc mắc? Tan buổi họp tôi nghĩ mà cũng lấy làm lạ rằng sao cái ông lấy làm lạ đó, lại không ở trong Ban chung-khảo!

Đến hôm phát giải thưởng ở Câu-lạc-bộ Đoàn-kết, ban tổ-chức đề-nghị tôi làm một người trao giải. Tôi từ chối. Tôi sợ rằng trong khi trao giải hoặc rui mà tôi gặp phải trao ba cái giải mình phần đối thì khổ cho mình. Khi tuyên-bố ba cái giải mà tôi phần đối ấy tôi nhất định không vỗ tay. Tôi nhất định tỏ thái-độ phản đối đến cùng.

Hôm thượng tuần tháng 6, tôi nằm trong bệnh-viện C, thấy mấy anh bộ đội đọc tập thơ *Người chiến-sĩ* của Hồ Khải Đại mà chê rằng dở quá, tôi bèn mượn xem thì thấy quả thật là dở quá. Thế mà nó được giải ba văn-học. Tập thơ này, tôi ở trong Ban chung-khảo chưa hề thấy mặt nó, sau cùng chỉ nhận được thông-tri nói nó nguyên ở giải khuyến khích, nay tương lên giải ba. Ai tương lên! Thế có lạ không!

Ban chung-khảo theo đề-nghị của ông Xuân Diệu, sau khi tuyên-bố giải thưởng, phải làm nhiều cách tuyên-truyền cõ-động rầm rộ cho các tác-phẩm được giải, và đã bắt cử người nào viết bài phê-bình cho tác-phẩm nào. Lâu mà không thấy người viết. Tình cờ tôi hỏi một ông, ông trả lời: « Khó viết quá ». Câu trả lời đúng hết sức: lấy trúng giải thì dễ, chứ viết đề tuyên-truyền cõ-động cho nó thì phải khó.

Cho đến hết tháng bảy mà chỉ có hai bài phê-bình trên báo Văn-Nghệ. Một bài ông Hoàng xuân Nhị (một người trong Ban chung-khảo) phê-bình *Truyện Anh Lạc*. Độc-giả không lấy làm mãn nguyện, có người đã nói, đọc nó chỉ thấy cái vẻ mô-phạm hiền lành của một giáo-sư đại-học mà thôi. Một bài ông Hoài Thanh viết đề bệnh-vực cho *Ngôi Sao* mà bênh vực một cách gắng gượng quá, nhất là yếu, không hề chống cái lại những chỗ đã kích trong ba bài của báo *Trăm Hoa*. Tôi rất không phục ông Hoài Thanh ở điểm này: ông viết bài ấy sau ba bài của *Trăm-Hoa* mà ông không hề

nhắc tới Trăm-Hoa lấy một tiếng, ông cố dìm nó xuống cũng như Phạm Quỳnh đã dìm báo Hữu Thanh của Ngô đức Kế. Nếu không dìm thì là ông khinh, cũng như Phạm Quỳnh đã khinh báo Hữu Thanh của Ngô đức Kế.

Về vụ này, có một điều, người ngoài không phải là tôi không biết đến, thì không lấy làm quái. Ấy là điều, ba ông Xuân Diệu, Nguyễn huy Tưởng, Hoài Thanh đều có tác-phẩm dự thi mà đều ở trong Ban chung-khảo. Nếu chỉ ở trong Ban chung-khảo mà thôi, còn khá : thử điều-tra lại hồ-sơ, thì ba ông còn ở trong Ban sơ-khảo nữa. Sao lại có thể như thế ? Trường thi phong-kiến thuở xưa, tuy có ám-muội gì bên trong, chứ bên ngoài họ vẫn giữ sạch tiếng : Một người nào có con em đi thi, thì người ấy có được cất cử cũng phải « hồi-tị », không được đi chấm trường. Bây giờ cả đến chính mình đi thi mà cũng không « hồi-tị » : một lẽ là ở thời-đại Hồ Chí-Minh, con người đã đổi mới, đã « liêm-chính » cả rồi ; một lẽ là trắng trợn vì thấy mọi cái « miệng » đã bị « vú lấp ».

Người ta cứ sợ « bèn dịch xuyên-tạc ». Sao trong việc này không sợ ? Nó cần gì phải xuyên-tạc ? Đọc mấy tác-phẩm được giải-thưởng này, tha hồ cho nó đánh giá văn-học miền Bắc.

Coi là phê-bình, chỉ có thể ; tôi chỉ trình bày mấy hiện-tượng không tốt trong giới văn-ngệ. Còn sửa chữa, mong ở Đại-hội sắp tới, nếu toàn thể xét thấy lời tôi nói có đúng phần nào thì xin tùy đó mà sửa chữa.

PHAN KHÔI

(Viết xong ngày 30-7-1956 tại Hà-nội)

Trích Giai-Phẩm mùa Đông

TÌM ƯU ĐIỂM

L.S.G — Bài này chính thực là của cụ Phan Khôi Cụ viết bài ngụ-ngôn này để chê riêu lồi chấm giải thưởng văn-ngệ mà cụ đã tả rõ trong bài trên.

Một đạo, giữa loài giở cặn giờ nước, mở cuộc thi sắc đẹp. Nhân.

có sự tranh-chấp, ba con Éch, Cóc, Ênh-ương đấu khẩu với nhau. Tiếng Cóc nhỏ hơn hết, nhưng mà động đèn Trời.

Trời sai Nhái-bén làm trọng-tài. Nhái-bén từ chối: « Con nhỏ hơn hết, con không dám có thẩm-quyền trên ba chị ấy ».

Trời phán: « Chỉ có mày là đồng loại với chúng nó, mày sẽ làm vừa ý ta, không được từ chối ».

Sau khi cực chẳng đã phải làm trọng-tài, Nhái-bén tâu kết-quả: Ênh-ương giải nhất, Éch giải nhì, Cóc không ở giải nào cả.

Trời tỏ dáng không vui, bảo Nhái-bén: « Mày cố hết sức tìm ưu điểm Cóc xem ».

Nhái-bén tâu: « Chị ấy mượt mắt khắp cả người, con không tìm ra ưu điểm nào ».

Trời phán: « Thôi, cho mày đi về ».

Mấy hôm sau, có nghị-dịnh của Hà-Bá sức về: « Nhái-bén bị đày vĩnh-viễn ở dưới nước, không được lên cạn nữa ».

Nhái-bén gặp Cá trê, kẻ cảnh ngộ của mình, Cá trê bảo: « Mày đại lắm. Đi đâu chẳng biết *« con cóc là cậu ông Trời »*. Tao đây mà cũng còn thua kiện nó nữa là... »

K...

Trích Giai-Phẩm mùa Thu tập I

ÔNG BÌNH VÔI

L.S.G. — Ngụ ý của tác-giả trong bài này khá rõ ràng: Cụ Phan chế các cán-bộ cao cấp, có lẽ là cả ông Hồ, càng ngày càng « lồi ». Cụ nói như vậy là vì cụ cho rằng ông Hồ ngày nay không thương nước thương nòi như ông « Nguyễn Ái Quốc » ngày trước nữa.

Khắp nước Việt-Nam có tục ăn trâu, cho nên ở đâu cũng có bình vôi.

Theo như tôi biết, ở vùng quê chúng tôi, có hai thứ bình vôi. Đầu bằng đất nung cả, mà một thứ giống như cái hũ nhỏ, duy cổ eo, miệng loa, cho nhà trung thường dùng; một thứ bình tròn mà đất bằng, trên có quai xách, miệng ở về một bên, toàn thân tô màu lục hoặc màu vàng, cho nhà sang dùng. Cả hai đều để đựng vôi trong lòng nó. Nhưng mỗi khi cho vôi vào, người ta lại cũng dùng vôi đắp cái miệng nó cho cao lên.

Nhà tôi, hồi bà nội tôi còn sống; có cái bình vôi hạng sang ấy. Mỗi khi mua vôi ở chợ về, bà tôi ngồi tỉ mỉ lấy cái chìa quẹt vôi nhét vào miệng nó, gọi là « cho Ông Bình ăn ». Và lâu lâu lại tấp thêm cái miệng nó một lần, hóa nên cái miệng càng ngày càng chêu vêu ra.

Thứ bình vôi thường, dùng chìa bằng tre, những thứ bình vôi sang, bao giờ dùng chìa bằng sắt, ở thân cái chìa đôi khi lại có đeo một lưỡi dao để rọc trâu.

Nhà khác thế nào tôi không biết, còn nhà tôi, tối lại, bà tôi cứ rút cái chìa ra để ra một nơi khác. Làm như thế, bà tôi cất nghĩa rằng « Ông Bình » linh lắm, đêm hôm có kẻ trộm, kẻ đạo, « Ông » sẽ mách cho mình, mà nếu để cái chìa lấp cái miệng thì không mách được.

Tôi nói « nhà tôi có một cái bình vôi », không đúng. Nói đúng là từ hồi nhỏ cho đến năm tôi hai mươi lăm tuổi, bà tôi chết, nhà tôi có ba bình vôi kế vị nhau. Bởi vì dùng lâu ngày, trong lòng nó đầy vôi khô cứng, miệng nó vì cứ đập lên tum lúm lại, không dùng được nữa, phải mua cái khác.

Lúc đó nhà tôi có một cái trang thờ Tam vị: ở giữa là Phúc-đức chính thần, hai bên là Thổ-công và Táo-công. Hễ cái bình vôi nào bị thải ra thì bà tôi bảo đem đặt trên cái trang ấy, thờ nhân thể.

Sự thờ phượng như thế, không phải chỉ riêng một nhà tôi đâu. Cả làng, nhà nào có bình vôi thải ra, cũng đều đem đặt trên các tường thành đình hoặc chùa; như thế, người ta cho rằng thờ « Ông Bình » đó.

Cái bình vôi, tại sao lại gọi bằng « Ông » ? Đọc từ đầu đến đây, bạn đọc đã biết. Ở vùng quê chúng tôi, mà có lẽ cả nước Việt-nam cũng vậy, vật gì nó có thể làm hại mình được thì gọi bằng « ông », vật gì nó to hay sống lâu năm thì cũng gọi bằng « ông ».

Con cọp ăn thịt mình được, gọi bằng « Ông Cọp », con khi phá hoa màu mình được, gọi bằng « Ông Trùng », con chuột, cắn quần áo của mình được, gọi bằng « Ông Tí ». Cái đầu rau, dùng năm mười năm mới thay cái khác, gọi bằng « Ông Núc », cái che, to, đường kính của nó có khi gần đến một mét, gọi bằng « Ông Che ». (1) Người Việt-nam, về sau thế nào chưa biết, chứ về trước, hễ vật gì làm hại được hoặc lớn hơn hoặc nhỏ, vật gì sống lâu và to xác thì gọi bằng « Ông » để tỏ lòng tôn kính, sùng bái.

Tôi có phạm một cái tội hồi mười tám tuổi, bây giờ tôi xin kiểm-thảo và thú nhận.

Năm tôi mười tám tuổi, tôi không tin nữa. Một đêm mùa hè, gió Nam như bão, sáng trắng mờ mờ, (2) tôi rủ mấy thằng bạn lứa tuổi với tôi đi chơi dọc đường-cái làng, đi qua đình và chùa, bao nhiêu « Ông Bình vôi » thờ trên tường thành chúng tôi đều hất một loạt xuống đất cả. Sao lại làm như thế? Chúng tôi cứ làm như thế, không cần có lý-luận. Nhưng, vài hôm sau, trở lại xem, không biết là do tay ai, thấy đều đặt lại tề chỉnh trên tường thành.

Tuy vậy, đó không phải cái tội riêng một mình tôi. Bảy giờ bọn thiếu-niên chúng tôi hầu như đứa nào cũng có thể làm như thế được cả. Nếu ngày nay tôi phải tự kiểm-thảo, thì lũ thiếu-niên ấy, bạc đầu rồi, cũng phải tự kiểm-thảo như tôi.

Tóm lại, cái bình vôi, vì nó sống lâu ngày, lòng nó đặc cứng, miệng nó bít lại, ngồi cứ rũ trên trang hoặc trên tường thành, cũng như pho tượng đất hoặc gỗ không nói năng, không nhúc nhích, thì người ta tôn thờ sùng bái mà gọi bằng « Ông ».

Tôi viết cái bài khảo-cứu nhỏ này cốt để cắt nghĩa mấy câu thơ của Lê Đạt :

*Những kiếp người sống lâu trăm tuổi
Y như một cái bình vôi
Càng sống càng tì
Càng sống càng hé lại*

PHAN KHÔI

(1) Che dùng để dọp mía, ở Bắc gọi là đôi hàn (Chú thích của tác-giả).

(2) Gió Nam là thứ gió nóng Trung-bộ, đêm có gió Nam thì trăng kém sáng (Chú thích của tác-giả).

ÔNG NĂM CHUỘT

của Phan Khôi

L S G — Chính vì bài này mà tờ báo Văn bị đóng cửa ngay tức khắc. Cộng-sản đã tinh ý nhận ngay ra thâm ý của tác-giả. Với một câu truyện vu-vơ, cụ Phan muốn nói: Giai-cấp thống trị ở bất cứ thời-đại nào cũng thối nát mà vẫn cứ cố che đậy. Mặc dù che đậy, trong dân gian vẫn có người thấy rõ.

Hồi tôi còn mười bốn tuổi, mười lăm tuổi, thì đã nghe người làng nói nhiều về cái tên Năm Chuột. Về gốc gác của hần, chỉ thấy nói là người làng Kỳ-lam, cái làng ở phía bắc làng tôi cách một con sông, về sau có cái ga xe hỏa gọi là ga Kỳ-lam, còn mọi sự khác không biết rõ. Hình như hần cũng không có nhà cửa, cha mẹ, vợ con gì ở làng. Hần làm thợ bạc, quanh năm đi làm nghề ở các nơi, nhất là các nơi đô hộ, như Huế, Đà-nẵng, Hội-an.

Họ nói Năm Chuột là thợ bạc khéo nhất đời, ở Huế có nhiều thợ bạc danh tiếng cũng phải chịu thua. Nhưng lại nói hần tỏ làm đồ vàng giả, mỗi khi được gọi đến nhà làm đồ nữ-trang cho người ta, nhà chủ dù ngồi cạnh một bên, hần cũng cứ tráo bạc, tráo đồng vào, lấy vàng ra, không làm sao biết được. Bởi vậy cả vùng quê chúng tôi, những nhà giàu có, vốn biết Năm Chuột là thợ khéo, nhưng không ai dám thuê hần làm việc gì về cái nghề của hần cả. Nhiều người còn nói Năm Chuột đúc súng, đúc bạc giả được. Mỗi khi nói điều ấy, họ làm ra vẻ bí-mật, hình như họ có ý ngờ cho Năm Chuột định làm một việc gì lớn, « làm giặc » chẳng hạn.

Nhưng không biết thế nào, người ta lại cho Năm Chuột là kẻ nói láo nói phét, vào cái hạng, « mười voi không được bát xáo » tức là mắng người ấy đã lại nói láo nói phét rồi, có khi chỉ dùng một chữ: *chuột quá* tức là láo quá.

Lúc bấy giờ tôi đang đi học ở những nơi cách xa làng, mỗi khi về làng, lại thỉnh thoảng nghe người ta nói chuyện về Năm Chuột như thế, như thế, tôi cũng chỉ nghe làm tai mà thôi, không để ý mấy. Mà hần thế, cậu cả con quan phủ, học giỏi có tiếng,

đang lo xôi kinh nấu sủi dề khoa tới đây đổ thủ-khoa, không thì cũng cử-nhân năm tên trở lên, việc gì mà phải để ý đến chuyện một anh thợ bạc.

Năm hai mươi tuổi, tôi thi đỗ tú-tài — quái lạ, sao lại đỗ tú-tài ? — về nhà, cách mấy hôm thì tôi đi về làng Xuân-dài thăm bà ngoại tôi và cậu tôi. Ở ăn một bữa cơm trưa, đến xế chiều, tôi cáo về thì vừa có một người đến. Người trạc dưới bốn mươi tuổi, mặt trắng nước da xanh xám, mắt sáng, miệng rộng, hai môi trề ra, hàm và cằm như nguyên không có râu, không phải cạo, người thấp song cũng không thấp lắm, đầu trọc, quần cái khăn vải đen, áo cộc cúc giữa, quần đến đầu gối, chân mang dép da sống. Người ấy lúc vào đến cửa, hai tay cắp cái nón lá ngang ngực cúi chào cậu tôi, khi bỏ cái nón ra, mới thấy trong tay còn cầm một cái nữa mà sau này tôi mới biết đó là cái đọc-tầu. Nó là cái ống tròn mà dài, thấy thoáng như có khảm xà-cừ và bịt bạc, bịt vàng gì đó. Cậu tôi như chào như không phải chào :

— Anh Năm phải ?

— Dạ, lâu lắm, có thể quan lớn quên tôi.

Tôi nguyên đã cáo về rồi, cho nên dù có gặp một người khách mới vào hơi lạ như thế cũng cứ việc ra về. Không ngờ khi tôi ra khỏi cổng, lên đường về mới một chặng, nghe có người chạy theo đằng sau gọi tôi đứng lại, thì ra là người thấy lúc nãy. Anh ta tự giới-thiệu :

— Tôi là Năm Chuột đây. Rồi đột-ngột hỏi tôi :

— Nghe nói cậu đậu tú-tài mà cậu khóc, có phải không ? Già sử cậu được đậu thủ-khoa thì cậu làm nên cái trò trống gì ?

Một gáo nước lạnh xối vào xương sống ! Tôi bẽn lẽn, ấp úng, cười hi-hi không trả lời được. Bởi vì cái lẽ anh ta nói đó tôi cũng có nghĩ tới, nhưng không đi thi thì thôi, đã đi thi thì lại muốn đậu to. Thế rồi Năm Chuột đi cùng đường với tôi, vừa đi vừa nói chuyện.

Anh ta có đưa cái đọc-tầu lên, nói với tôi :

— Ông cậu của cậu thật là keo quá, cái đọc-tầu thế này mà cầm trả có năm đồng bạc.

— Hoặ già cậu tôi không có nhiều tiền chằng.

Tôi nói cho có nói, chứ không có ý gì cả. Nhưng anh ta cãi phăng :

— Quan lớn hồi xưa, (chỉ ông ngoại tôi) làm đến Tổng-đốc Hà-nội vừa chi, mà không có tiền lợp nôi cái nhà của ông bà để lại đã tróc ngói; còn ông phủ (chỉ cậu tôi) mới làm Tri-phủ có ba năm về « chung đường », mua được những mươi mẫu ruộng, tôi biết là hạng đất tốt nhất, thế sao nói không có nhiều tiền ?

Tôi thấy cái điều anh ta nói đó hình như đúng, tôi làm thinh. Bỗng dưng anh ta cất tiếng cười một cách rất xỏ lá, rồi nói tiếp :

— Ai có đời, cha chết vì đánh Tây mà con trở đi làm quan với Tây !

Nghe câu này, tôi cảm-động quá. Tôi không dám chống lại ý anh ta, chỉ nói như vót vát một ít :

— Thấy bà ngoại tôi kể chuyện, lúc ông ngoại tôi mất rồi thì cảnh nhà sa sút quá đỗi, nếu cậu tôi không làm như thế thì đến lụn bại mất.

Anh ta bĩu môi, cái môi đã trẻ rồi, còn bĩu nữa, rất khó coi :

— Ra chỉ có làm quan mới cứu vãn được nghiệp nhà. Thế thì bao nhiêu người không làm quan, họ đều đi ăn mày hết.

Tôi lại làm thinh. Ngừng một lúc, anh ta nói tiếp :

— Hèn chi mà quan lớn chết ở Hà-nội năm Ngọ, năm Dậu thất-thủ kinh-dó, Nghĩa-hội nổi lên đánh Tây, năm Hợi Tây kéo lên đóng đồn ở chùa Phi-Phú, thì ông cậu của cậu đã làm bang-tá trong cái đồn ấy. Đề làm gì ? Cậu có biết không ? Đề đàn-áp Nghĩa-hội.

Những chuyện ấy, thầy mẹ tôi có kể cho tôi nghe hồi còn nhỏ tôi biết cả, nhưng tăng lời nói :

— Tháng tám năm Hợi, mẹ tôi mới đẻ tôi ra, tôi làm gì biết được những chuyện ấy ?

Anh ta lại cười, nhưng không xỏ lá, nhìn vào mặt tôi :

— Thấy người ta nói cậu thông-minh, nói chuyện với cậu, tôi cũng thấy cậu thông-minh thật.

Thình lình anh ta nhảy mũi dấp hai ba cái, lấy khăn lau nước mũi cả nước mắt nữa, rồi nói thêm :

— Như tôi, anh ta lấy tay phải ấn vào ngực, ghiền thuốc phiện cho đáng, chứ ông cậu của cậu mà cũng hút thì hết thấy những người nghiện chúng tôi đều phải lấy làm lạ.

— Sao vậy ?

— Quan lớn hồi xưa có cùng mấy ông em lập một bản «gia-ước», trong có một điều cấm con cháu hút thuốc phiện, nếu phạm thì trừng trị bằng những cách nào đó. Thế mà dám phạm. Đủ biết con người của ông cậu của cậu là vậy đó : cái gì cũng làm nghịch lại với cha.

Cái «gia-ước» mà anh ta nói đây, tôi không hề biết, vì không hề nghe ai nói tới. Nhưng tôi nghĩ, nếu đúng như thế, thì anh ta nói cũng có lý. Tôi lại làm thinh.

Đây đã đến chỗ con đường rẽ vào nhà tôi, tôi đứng lại, nói mấy lời từ biệt. Năm chuột nắm tay tôi và nói :

— Tôi nói nãy giờ có làm méch lòng cậu không ? Ở đời có thiếu gì chuyện nói, hà tất tôi gặp cậu lần đầu phải nói để làm méch lòng cậu, nhưng tình cờ gặp câu chuyện đáng nói thì cứ nói.

Rồi anh ta tỏ ý mong gặp tôi lần khác.

Tôi vừa đi về nhà vừa nghĩ, « à ra Năm Chuột là con người như thế đấy ». Là một anh thợ bạc, sao lại nói được những điều như thế, tôi lấy làm lạ.

Tối hôm ấy, tôi đem cả câu chuyện Năm Chuột nói với tôi kể lại cho thầy tôi nghe. Thầy tôi bảo :

— Cái thằng láo đến thế là cùng !

— Nhưng những điều hắn nói, con thấy như cũng có cái đúng. Tôi rón rén thưa lại.

— Đúng kia à ? Mặc dầu đúng chẳng nữa, cái hạng thằng Năm Chuột mà lại được nói thế à ?

Thấy thầy tôi nói hơi xẵng, tôi làm thinh. Một chặp tôi mới dịu giọng hỏi :

— Cái « gia-ước » ông ngoại lập ra mà Năm Chuột nói đó, thầy có biết không ?

— Tao không biết. Thấy nói sự cấm hút ấy ở nhà Đông bàn (nhà quan thượng Phạm phú Thứ) thì có, còn nhà Xuân Tài, tao không nghe.

Đến lúc tắt đèn đi ngủ rồi, thầy tôi còn nói một mình :

— Cái thằng lão quá !

Đó về sau hơn mười năm, tôi không gặp lại Năm Chuột lần nào. Chừng vào khoảng 1920, một lần tôi ở Hà-nội về nhà, thấy người ta nói Năm Chuột bây giờ lập gia-đình ở ngụ tại làng tôi, tôi bỗng có cảm-giác như là một vật gì mình đã bỏ quên đi mà bây giờ thấy lại.

Làng tôi có một chỗ gọi là Cồn mũi gươm, có một vạt đất gọi là đất Chó ỉa, theo lời thì Năm Chuột đã xin làng làm cái túp tranh trên vạt đất ấy, và cưới vợ là con gái quá lứa của một nhà có môn-bài bán rượu và thuốc phiện cũng ở làng tôi. Hắn vẫn làm thợ bạc.

Một hôm tôi đến thăm thấy trong nhà chỉ có một căn ván nhỏ, trên đặt cái bàn đèn, một cái buồng che phên tre, ngoài ra là cái lò bẻ bạc để ngay chỗ cửa ra vào. Bấy giờ gần đến Tết, trời hơi lạnh, hắn ở trần, ngồi cạnh cái lò bẻ đang hơ cả người trên lửa. Hắn xin lỗi tôi và nói : « Người ta tắm bằng nước, nhưng tôi quanh năm tắm bằng lửa. Hơ thế này cho đỡ mồ hôi ra, kỳ sạch ghét, thì cũng chẳng khác tắm bằng nước ». Hắn mời tôi ngồi trên ván, tôi không ngồi, ngồi trên cái đôn kê đặt ở đất gần lò bẻ, chỗ sẵn cho bạn hàng ngồi xem hấu làm việc.

Anh ta không tắm nữa, mặc áo vào, cho than thêm vào lò bẻ, bắc ấm nước lên, rồi gọi vợ súc cái bình tích trà hãm đi, cho trà khác vào, pha nước mời tôi uống và sưởi lửa, cũng nói chuyện. Lần này anh ta gọi tôi bằng ông, nói rằng :

— Mười năm về trước tôi mong lại gặp ông mà không được gặp, lần này gặp, tôi không có chuyện nói.

— Ông mà thiếu gì chuyện, như chuyện nói với tôi năm nọ khi đi đường từ Xuân-dài đến Bảo-an.

Anh ta đưa tay lên khoát khoát, nói thật nhanh :

— Thôi thôi, đã lâu nay tôi không còn nói những chuyện như thế nữa. Nói không có người nghe mà còn có hại. Giá tôi còn cứ nói cái lối đó thì không thể nào lấy vợ và lập gia-cư ở làng ông được.

Tôi nói :

— Đã thế thì đến phiên tôi. Trước kia ông không sợ mếch lòng tôi, thì bây giờ tôi cũng không sợ mếch lòng ông mà hỏi ông một vài điều.

Anh ta cười một cách thẳng thắn.

— Được lắm, những nhà giàu làng tôi họ đều nói ông hay ăn cắp vàng nên họ không dám thuê ông làm cái gì hết, bây giờ ông vác lò bễ đến đây làm gì ?

Anh ta lại cười, nói dần từng tiếng :

— Sở dĩ tôi ở đây là vì có thể chữa đồng hồ, xe đạp, bút máy, khóa tây, nội những việc đó đủ cho tôi làm hàng ngày rồi, còn sự làm đồ vàng bạc thì chỉ thỉnh thoảng mới có.

— Nhưng tôi muốn biết ông quả có ăn cắp vàng không ? Và ăn cắp như thế nào ?

Anh ta lại cười một cách xỏ lá :

— Thứ ăn cắp mà kẻ gì ? Có những kẻ ăn cướp thì không ai nói đến. Tôi có ăn cắp vàng thật đấy, nhưng cũng tùy chỗ tùy người, ở làng Bảo-an đây thì tôi không thèm.

Rồi anh ta thuật lại một chuyện ăn cắp vàng cho tôi nghe :

— Năm Thành-Thái thập-nhi, ông Nguyễn hữu Thăng làm Tổng-đốc tỉnh ta, cô hầu ông ấy gọi là cô Hóa Mộc, tuy cô hầu mà oai quyền như bà lớn. Một hôm, tôi được trát đòi đến, linh bẩm báo rồi dắt vào nhà trong. Cô ta muốn tôi ở lại đây làm cho cô một đôi vòng chạm y như đôi cô có sẵn, và hỏi tôi có thể làm được không. Tôi nói « được », và xin cho xem đôi vòng chạm sẵn có của cô. Cô ta mở tủ lấy ra, toan trao cho tôi. Tôi có một vuông lụa trắng tinh-khiết bẻ sẵn trong túi, bèn lấy lót trên bàn tay, rồi mới nhận lấy đôi vòng tự tay cô đặt lên vuông lụa. Tôi đem ra chỗ sáng, cô đi theo. Tôi nhắc nhắc xem thử đôi vòng nặng bao nhiêu, và cầm tuổi vàng cho thật đúng, ngắm xem những nét chạm cho thật đau ra dó, còn vụn chỗ cái cổ ra coi thử có chữ hay dấu hiệu gì không. Xong rồi, tôi trả đôi vòng lại và nói : « Bẩm bà lớn, đôi vòng này khéo lắm, chỗ cổ vụn ra vụn vô của nó có khắc cái chữ, bà lớn có để ý không ? » Cô ta nói : « Tôi biết, nó là chữ « ngọc ». Tôi nói : « Con có thể làm đúng y

như thế, nhưng hôm nay con có việc riêng, không ở lại được, mười ngày nữa con xin đến làm hầu bà lớn, không dám sai hẹn ». Cô ta đồng ý.

Nói đến đó, anh ta nài ngáp một ngoi đôi ba cái, rồi xin lỗi tôi cho lên ván dốt đèn hút mấy điếu, và mời tôi nằm đối diện nghe nói tiếp.

— Tôi về nhà, cày cục làm mất sáu bảy ngày mới xong một đôi vòng cốt giả mạ vàng. Đáng lẽ làm bằng đồng thì được lợi nhiều hơn nhưng vì có chạm phải làm bằng bạc. Thành khi rồi, xem tuổi vàng nét chạm, cho đến cái chữ ở trong, đều y hệt như đôi vòng của cô Hóa Mộc, đem mà đánh tráo, có thánh cũng không biết...

Tôi ngắt :

— Đành rằng ông làm một cái rất giống, còn như đồng cân của đôi vòng, tức là sức nặng của nó, ông biết là bao nhiêu mà làm cho đúng được ?

— Ấy thế mời là tài. Anh ta cười híp mắt mà không ra tiếng. Chính ăn người là ở chỗ đó. Bất kỳ thử kim khí gì, tôi nhắc nhắc trên tay khắc biết đồng cân của nó đúng không sai. Chẳng tin, ông tháo cái dây chuyền đồng hồ đưa đây xem.

Tôi tháo ngay cái dây chuyền để trước mặt anh ta. Kéo xong điếu thuốc, anh ta dăng hăng một cái, ngồi dậy, cầm dây chuyền trên tay nhắc nhắc một cái, rồi đứng dậy đi lấy cái cân tiểu-ly đưa cho tôi, nói quả quyết :

— Ông biết mặt cân chứ ? Cân xem. Cái dây chuyền này nếu nó là vàng thì nó nặng hơn, nhưng nó là đồng mạ vàng cho nên nó chỉ có ba chỉ tám.

Tôi cân, quả thật, ba chỉ tám hơi yếu một chút, song đem vào chỗ ba chỉ thì hơi vát. Tôi kêu lên :

— Thế thì tài thật, xin chịu.

Anh ta lại nói :

— Còn một chỗ bí-quyết nữa. Ông biết, vàng nặng hơn các thứ kim-khí khác, nghĩa là vàng, bạc, đồng, chì cùng một thể-tích thì trọng-

lượng của vàng phải nhiều hơn. Vậy thì mình muốn cho đồng cân của đôi vòng giả bằng đôi vòng thật, mà cái vóc của nó cũng chỉ bằng đôi vòng thật, không to hơn, thế mới là khó. Nhưng cái đó có thực thành mới cất nghĩa được, nói miệng sợ ông cũng không hiểu.

Nghĩ một lát anh ta kể tiếp đến cuộc đánh tráo :

— Đúng mười ngày tôi lại đến. Hai bên thỏa thuận với nhau về điều kiện làm việc rồi, cô ta mở tủ lấy đôi vòng và vàng diệp ra đặt trên sập, rồi gọi tôi đến đứng bên cạnh xem cô cân. Cân đôi vòng nặng một lạng hai — tôi chắc dạ lắm, vì đôi vòng giả của tôi cũng đúng một lạng hai — cho nhích một chút, định giao cả cho tôi. Tôi chưa nhận, xin cho xem đôi vòng đá. Cô ta đứng dậy cầm bó vàng diệp cả chỗ một lạng hai cất vào tủ. Trong lúc đó tôi lấy đôi vòng giả ra đặt trên bàn tay trái, đẩy vuông lụa trắng lên trên. Khi cô ta quay ra đưa đôi vòng cho tôi, tôi chìa bàn tay có vuông lụa trắng ra nhận lấy cũng như lần trước. Tôi đi ra chỗ sáng ngồi xuống làm bộ xem lại đôi vòng, cô ta cũng đi theo. Xem xong tôi đứng lên. Cô ta sắp lưng đi về chỗ sập. Tôi đi sau, lật cả vòng và vuông lụa từ bàn tay trái qua bàn tay phải, thành ra đôi vòng giả nằm trên, cứ thế mà trả lại cô ta, và tôi gấp nhanh vuông lụa có đôi vòng thật ở trong mà bỏ vào túi. Cô ta hỏi : « Chứ chị thợ không giữ lấy đề làm mẫu à ? ». Tôi nói : « Bầm bà lớn, con xem hai lần như thế đủ rồi, xin đảm bảo làm thật đúng ». Cô ta khen : « Hèn chi mà nổi tiếng là thợ khéo. Tôi nhờ ông Phủ Điện viết trát đòi chú là vì có bà Phủ mách miệng ». Bấy giờ chừng mười giờ sáng tôi xin đi ra mua thuốc phiện rồi trở lại nhận vàng diệp bắt đầu làm. Ra đến chợ Vĩnh-diện, tôi đem đôi vòng chạm vàng mười chính hiệu của « bà lớn » gửi cho một người anh em « đồng đạo ». Tôi không quên câu tục-ngữ : « Có gian phải có ngoan ».

— Ông ăn cấp chỉ có thế, hay là lúc trở lại làm còn ăn cấp nữa ? Tôi hỏi.

— Không, tôi đại gì mà ăn cấp nữa. Trong những ngày làm, cô ta ngồi giữ một bên, không phải vì thế mà tôi không ăn cấp được, có điều tôi đã định bụng không ăn cấp. Khi làm xong, tôi hỏi muốn khắc chữ gì. Cô ta ngắm nghĩ rồi bảo : « Tôi là người là Hóa-Mộc, khắc chữ « *mộc* » cho tôi ». Tôi khôn ở chỗ đó. Bởi vì hai đôi vòng giống nhau như hạt, có khắc chữ khác nhau đề làm dấu thì mai sau đôi giả có xi re, hẳn mới không có thể ngờ được là đôi do tay tôi làm. Cho đến bây giờ tôi cũng còn ân-hận là, như thế, sẽ làm cho ông bạn đồng

nghiệp nào của tôi đã làm cho hắn đòi vòng thật đó hóa ra là người thợ
bất lương thiện, nhưng ông tính, đã giết người ai còn gớm chày máu !

— Ông làm cái việc như thế có nhiều lần không ?

— Kề ra cũng không ít. Nhưng tôi đều ăn cắp ở bọn ăn cướp
như Tống-đốc, Bô-chánh, Án-sát, Phủ, Huyện, chính cái bà Phủ nói lúc
nấy đã mất với tôi mấy lạng vàng mà không biết, đi « mách miệng »
cho kẻ khác. Những việc như thế tôi cũng chẳng dẫu, cứ hay đem nói
với người ta cũng như nói với ông đây, cho nên mang tiếng, chứ thuở
nay đã có ai bắt được tôi ăn cắp đâu ?

Hỏi đến sự đúc súng, làm bạc giả, anh ta bảo :

— Ta có nấu sắt được đâu mà đúc súng ? Nhưng chữa súng thì
có. Hồi tôi ở Đà-nẵng, các thứ súng liệt máy của Tây thường đem
thuê tôi sửa. Bạc giả thì tôi có làm, nhưng tính ra không có lợi gì mấy,
về sau tôi không làm nữa.

Năm Chuột còn nói cho tôi nghe về tính chất của các thứ loại
kim và phép hợp kim, như đồng và kẽm mỗi thứ bao nhiêu, hợp
nhau thành ra thứ gì, đồng và thiếc bao nhiêu, hợp nhau thì thành ra
thứ gì, nghe ra thông thạo như người có học chuyên-môn. Tôi lấy làm
lạ bèn hỏi :

— Ông có học với thầy nào mà biết được những điều ấy là
những điều mà các thợ bạc khác hầu như không biết ?

Anh ta vò gối ngồi dậy, cười, ra điều đặc ý, vỗ vào đùi tôi :

— Xưa nay mới có một người hỏi tôi câu ấy, là ông ! Tôi
chẳng học với thầy nào hết, tôi chỉ đọc có một cuốn sách là cuốn *Kim-
Thạch chí-biệt*.

Tôi sửng sốt, nghĩ bụng : té ra anh này còn biết chữ nữa kia.
Cái tên sách ấy tôi chưa hề nghe, cũng không dám ngờ là anh ta bịa
đặt. Một hôm khác, tôi hỏi thầy tôi có biết cuốn Kim-thạch chí-biệt
không, thầy tôi cũng chịu không biết, và hỏi tôi nghe ở đâu tôi kiếm
đường nói trớ chứ không dám nói nghe ở Năm Chuột. Cho mãi đến
gần nay, đọc *Lỗ Tấn* toàn tập, tôi mới thấy trong đó có nhắc đến tên
cuốn sách ấy. Tôi nghĩ mà lấy làm thẹn, sao mình đã không biết mà

lúc bấy giờ không hỏi ngay anh ta, chỉ vì nghĩ mình là người học-thức, viết báo viết biếc, mà tỏ cái dốt trước mặt một anh thợ bạc thì ẽ quá.

Đó về sau mấy năm, mỗi năm tôi ở Hà-nội hoặc Sài-gòn về thăm nhà, đều có đến với anh ta. Anh ta còn in trong đầu tôi mấy câu chuyện lý thú và bất ngờ nữa.

* * *

Năm Chuột từng nói với tôi rằng từ rày anh ta không nói những chuyện như đã phê-bình cậu tôi một cách không nề nang, nhưng rồi lại chứng nào tật ấy, vẫn không cải nết.

Một lần, phê-bình nhân-vật làng tôi, anh ta chê ông Tú nọ dốt, ông Bá kia keo kiệt, cuối cùng anh ta nói : « tôi chỉ phục có hai người, một là ông Biện Chín, một là ông Tám Thứ ».

Ông Tám Thứ, người Minh-hương, ở ngụ làng tôi, nghèo, chuyên nghề làm thuốc, ít hay giao-du với ai, tôi không biết ông ta cho lắm. Còn ông Biện Chín, tên thật là Phan Định, chú ruột tôi, cha của Phan Thanh, Phan Bôi. Chú tôi là dân trắng, nghèo, cố gắng lắm mới cho con đi học được, nhưng đúng là người « cần-kiệm liêm-chính lại khảng khái nữa, chính tôi, tôi cũng phục chú tôi mà sợ thầy tôi. Tôi không tham-gia ý-kiến gì, chú ngấm ngấm chịu anh ta là biết người, phê-bình đúng. Nhưng, trước mặt tôi mà nói như thế, tôi ngờ anh ta có ngụ một thâm ý, là anh ta không phục thầy tôi. Thầy tôi đã đỗ đại khoa, làm quan, bỏ quan về ở làng, cầm cân này mực cho cả làng, cả tổng, không có mang tai mang tiếng gì, nếu anh ta không lấy làm đáng phục, chắc anh ta thấy về khía cạnh nào đó. Từ đó tôi dăm ra áy náy, hoặc giả cha mình cũng có khuyết điểm gì như cậu mình, làm cho người ngoài phi nghị mà mình không biết chãng. Tôi có đem hỏi chú tôi và thuật lại lời Năm Chuột khen phục chú, thì chú tôi trách tôi sao lại đi nghe chuyện của Năm Chuột. Thì ra chú tôi cũng có thành-kiến đối với Năm Chuột như thầy tôi, như những người làng.

Lần khác, bỗng dưng anh ta hỏi tôi :

— Quan lớn nhà ta (chỉ thầy tôi) sao lại không làm quan nữa ? Ông có nhớ lúc ngài bỏ quan mà về là bao nhiêu tuổi không ?

Tôi lấy làm lạ sao hẳn lại hỏi mình điều ấy. Song cũng cứ theo mình biết mà trả lời :

— Thầy tôi tuổi Tuất, cái năm cáo bệnh mà về là năm Kỷ-hợi, mới có ba mươi tám tuổi. Sở dĩ không làm quan nữa, có lẽ là tại không chịu làm với Tây.

Cho đến lúc tôi ngoài hai mươi tuổi, thầy tôi vẫn coi tôi như trẻ con, những việc như thế chưa hề đem nói với tôi. Có điều một đôi khi tôi nghe thoảng qua dư-luận bên ngoài, nhất là lúc ở Hải-phòng gặp Lê bá Cử, ông ấy có kể cho tôi nghe khi ông làm phán-sự tòa-sứ Nha-trang, thầy tôi làm Tri-phủ, có lần cãi nhau kịch liệt với viên công-sứ, chính ông đứng làm thông ngôn, thì tóm tắt mà trả lời như vậy. Nhưng Năm Chuột hỏi vặn tôi một câu rất oái oăm :

— Ở làng này còn có hai ông nữa đều làm đến tri-huyện, đều bỏ quan mà về trước tuổi hưu-trí, vậy thì ông cũng cho rằng hai ông ấy cũng không chịu làm quan với Tây hay sao ?

« Thăng cha khó chịu thật » tôi nghĩ bụng. Không biết đối đáp thế nào với hắn, tôi phải nói một câu mà tự mình cũng thấy là non nớt quá :

— Việc hai ông ấy thì tôi không biết.

— Anh ta vẫn cười cái lối xoắn lá rất khả ố. Ngọt cơn cười mới bình tĩnh nói :

— Tôi cũng có nghe và biết về chánh tích và nhân phẩm của quan lớn nhà ta, nhưng tôi lại có một sở kiến khác, nói ra, ông đừng tưởng tôi cố ý làm đôi vòng thật thành ra đôi vòng giả thì tôi mới nói.

— Thì ông cứ nói đi.

— Làng Bảo-an, người ta nói, không có đất phát quan lớn, mà kinh-nghiệm xưa nay rành rành như thế. Từ trước bao nhiêu ông làm đến tứ phẩm trở lên đều bị cách tuột hết. Cho nên Đồng-Khánh, Thành-Thái đến giờ ông nào cũng làm đến phủ huyện rồi kiếm cách từ chức mà về. Nếu nói không chịu làm quan với Tây thì không làm từ đầu, chứ không có lẽ lúc mới ra làm, không biết rằng mình sẽ làm với Tây. Hai ông huyện kia cày cục mãi đến ngoài bốn năm mươi tuổi mới về, còn quan lớn nhà ta về sớm là vì mới ba mươi tám tuổi đã làm Tri-phủ.

Tôi làm như không để ý gật gật nhìn anh ta kỳ thực tôi cho là cái sở kiến của anh ta đó, không biết chừng, là độc đáo. Làng tôi, tây giáp làng Đông-Mỹ, đông giáp làng Xuân-đài, hai làng này đều có Tổng-dốc, mà làng tôi, thi đỗ thì đông, đại-khoa cũng có, nhưng không có quan to. Thuở Tự-Đức ông Nguyễn duy Tự, làm đến phủ-doãn Thừa-thiên, ông nội tôi làm đến Án-sát Khánh-hòa, cũng đều bị cách. Tôi không tin phong thủy, nhưng đó là sự thực. Hoặc giả các ông quan làng tôi, trong đó có thầy tôi, thấy thế mà sợ, làm đến phủ huyện lo rút lui cũng nên. Huống chi cái luận chứng của Năm Chuột rõ ràng mà đánh thép lăm, tôi bấy lâu traу đời cái đức tính ngay thực của người viết báo, tôi không thể cãi chày cãi cối được.

Tôi thấy chắc chắn lắm, vì tôi biết chịu chuyện cho nên anh ta thích nói chuyện với tôi, còn anh ta, hay nói cái lối móc ruột móc gan người ta như thế, cho nên họ mắng anh ta là nói láo nói phét.

Có một sự rất lạ. Một lần tôi đến chơi, vẫn ngồi trên đôn kê xem anh ta làm việc, liếc thấy trong cái thùng đựng đồ nghề có quyển sách, tôi thò tay lấy xem, thì là một cuốn *Thương-Sơn thi tập* không có bìa, đã xé mất nhiều trang. Tôi hỏi :

— Ông cũng có sách này à ? Nó là một bộ đến mười cuốn, sao ở đây chỉ có một cuốn ?

— Tôi có mà tôi xé để quần thuốc lá hết, chỉ còn một cuốn, bởi vì in bằng giấy quỳn, quần thuốc tốt lắm.

— Ông có xem qua chứ ?

— Thơ của ông Hoàng mình xem thế nào được ? Tôi chỉ xem được có mỗi một bài *Mại trúc diên*.

Tôi phát lạnh người. Tôi có đọc thơ *Thương-Sơn* rồi, tôi cũng không thích, nhưng cái bài *Mại trúc diên* là bài thế nào, tôi có biết đâu ? Chỉ vì dấu dốt, tôi lại cứ làm thinh, không hỏi anh ta.

Về nhà, tối hôm ấy, tôi lật bộ thơ *Thương-Sơn* ra tìm, tìm được bài *Mại trúc diên*. Về sau, tôi dịch ra đăng báo *Phụ-nữ Tân-văn*, sau nữa, đem in trong **Chương Dân thi-thoại**. Lọc ra đây để bạn đọc thưởng-thức cái mức thưởng thức văn-học của anh thợ bạc :

Bài hát bán tre

*Ngày đốn hai cây trúc,
Bán đi để dẫn bụng,
Trong cửa tre đầy kho.
Ngoài cửa tiền chẳng cho.
Không nói thì cũng khờ,
Nói thì roi dùi sẽ quệt chú.
Rày về sau đừng đốn tre nữa,
Đói nằm trong tre chết cũng đủ!*

Từ khi biết Năm Chuột có biết chữ Hán nhiều, xem sách xem thơ được rồi, tôi có lúc đem văn-học nói với anh ta, anh ta chỉ nghe và hỏi chứ không tỏ ý-kiến. Tôi có ý trách. Anh ta giải-thích thế này : « *Người ta, cái gì biết ít thì chỉ nên nghe chứ không nên nói, tôi không nói chuyện văn-chương chữ nghĩa với ông, cũng như ông không dạy nghề làm thợ bạc cho tôi* ».

Anh ta làm thợ bạc, nhưng cũng kiêm thợ rèn nữa mà là thợ rèn rất khéo. Những dụng-cụ của anh ta như cái kim, cái búa, cái kéo, anh ta đều đi đến lò bễ rèn ngồi mà tự đánh lấy. Cái đó thì ở làng tôi có nhiều người biết, cái kim của anh ta đánh, ai cũng chịu là không kém của Tây.

Năm 1944, tôi ở Hà-nội, về nhà được mấy hôm thì thầy tôi mất. Làm đám xong, tôi ở luôn trong nhà ba bốn tháng không ra khỏi cổng. Buồn quá, một hôm tôi đi tìm anh ta. Đến nơi, cái túp tranh không có nữa. Hỏi thì người ta nói Năm Chuột dọn đi đâu đã lâu rồi. Từ đó tôi mất Năm Chuột của tôi.

Một lần, trước mặt ông Tú già, anh Giáp trong làng gọi Năm Chuột bằng ông, ông Tú già đập bàn quở : « *Mày gọi bằng Năm Chuột bằng ông, thì gọi tao bằng gì ?* » Tôi nghe mà tức mình, cho nên bài này, tôi nêu đầu đề là *Ông Năm Chuột*.

PHAN KHÔI

NẮNG CHIỀU

của Phan Khôi

L.S.G.— Nắng chiều là tên một tập sách cụ Phan mới viết gần đây, nhưng vì chính-quyền miền Bắc cấm, không cho phép xuất-bản nên chúng tôi không thể nào kiếm được bản chính. May nhờ có bài đã kích cuốn sách ấy đăng trong báo Văn-Nghệ số 15, xuất-bản trong tháng 8, 1958, nên chúng ta có thể biết những nét chính về tác-phẩm sau cùng của cụ Phan. Chúng tôi xin trích nguyên văn bài báo đã kích để tạm thời thay thế cho bản chính không có.

TƯ-TƯƠNG PHẢN-ĐỘNG TRONG SÁNG-TÁC CỦA PHAN KHÔI

Tháng 12-1957, Phan Khôi đưa đến nhà xuất-bản Hội nhà văn một xấp bản thảo dày, bên ngoài đề hai chữ *Nắng Chiều*. Cái nhan-đề gợi nhiều man mác bằng khuôn ấy, chứa đựng bên trong một nội dung gì? Người ta có thể nghĩ rằng đây là kết-quả sáng-tác vào những ngày gần cuối, lúc tuổi trời đã xế của Phan Khôi. Nó gồm nhiều bài bút ký, tạp-văn viết từ đầu kháng-chiến ở Việt-Bắc đến hòa-bình lập lại, và mấy bài viết sau khi về thủ-đô.

Vào đầu, Phan Khôi ghi lại đời sống của những người nuôi vịt, cách chăn, cách lấy trứng v.v... gọi theo tiếng miền Nam là « Chăm vịt ». Cuộc sống phiêu-lưu, nay ở vùng này mai ở vùng khác, chủ cũng như người làm công, đều làm lụng cực khổ như nhau, ăn uống có thịt gà như nhau, không có chi là phân biệt đối xử, không ai bóc lột ai cả.

« Tôi thấy làm cái nghề này tuy vất vả mà ăn ở như thế thì đầy đủ lắm, giữa chủ và bạn cũng không có chi khác nhau. Ông chủ nói rằng nếu không thế thì không thuê được người, chẳng những phải trả tiền thuê mỗi tháng mà cuối mùa còn phải chia hoa hồng cho anh em nữa, vì thế, tuy được lãi nhiều mà vào tay người chủ không còn mấy ».

Quả như thế, thì xã-hội này, vấn-đề đấu tranh giai-cấp, quan-hệ giữa kẻ bóc lột và người bị bóc lột, quan-hệ giữa chủ và người làm công là đặt ra cho có chuyện chăng? Chủ và khách quý và người làm công cùng ngồi uống chè Tân-Cương, mua tận bên Thái nói chuyện tự-do mang sắn gà theo để thay đổi thức ăn cho người làm công khỏi chán, chẳng những trả tiền công mỗi tháng mà cuối mùa còn chia hoa hồng cho người làm công : « Tuy được lãi nhiều mà vào tay người chủ không còn mấy », ở ngay bài đầu Phan Khôi muốn đặt một

vấn-đề gì ? Phải chăng, Phan Khôi muốn đánh vào một vấn-đề căn-bản của chủ-nghĩa Mác Lê-nin ? Xã-hội không có đấu-tranh giai-cấp, không có chuyện ai bóc lột sức lao-động của ai cả.

Tiếp theo là bài *Tiếng Chim*. Phan Khôi dẫn ra một số chuyện: cò-tích về một vài giống chim ở Việt-Bắc, hình dáng, tiếng kêu của nó v.v... Trong đó, phần chính nói về con quạ. Ở một đoạn Phan Khôi viết :

« Một lần ở Cẩn-Nhún, tôi ngồi nơi nhà sàn, thấy hai con quạ tình bất gà con, một con bắt được bay ra đứng ở bờ ruộng, xé con gà ra ăn; còn con kia bị gà mẹ chống cự, bắt không được, cũng bay ra đứng cạnh con quạ thứ nhất, nó nhìn sững và đi đi lại lại, rồi cũng bay đi tuốt, nó không hề nói: « Mày phải cho tao với ! »

Vấn-đề thứ nhất Phan Khôi đặt ra là không có người bóc lột người. Vấn-đề thứ hai là *của ai người ấy ăn*. Cho đến thứ quạ kia còn biết giành giật cái miếng không phải của nó là không ồn, và không hề nói: « Mày phải chia cho tao với », Phan Khôi mỉa mai, xuyên-tạc vấn-đề đấu-tranh giai-cấp là một sự đòi chia phần của kẻ khác.

Đến bài *Cây Cộng-sản*. Bài này đã lọt trần ra tư-tưởng chống Cộng của Phan Khôi. Nhân đây, tôi cũng xin nhắc lại đề thấy rõ rằng đó là một tư-tưởng phản-động có hệ-thống của Phan Khôi, chứ không phải là bất-mãn, hân học với một vài cá-nhân lãnh đạo sai lầm như có người lầm tưởng. Phan Khôi trước kia đã từng viết báo khinh miệt chế diễu *« phong-trào cộng-sản giống như đống lửa rơm »* và đã cho Sô-viết Nghệ-an là *« cái loạn cộng-sản »*. Sau Cải-cách ruộng đất, lúc cán-bộ ta đang tích-cực sửa chữa những sai lầm, khuyết điểm thì lúc nào gặp đồng bọn, Phan Khôi cũng hỏi: « Tình hình thế nào ? Có chuyện gì lạ không ? » Rồi cả bọn tranh nhau nói xấu Cải-cách ruộng đất, và mong cho ta dừng sửa sai được. Phan Khôi lần nào nghe xong cũng cười thích chí. Y đọc ngay hai câu ca dao: *« Bao giờ có được tự-do, Ngày nay Đảng đã thay vua trị vì »* và nói là của đồng-bào đầu trong Khu Tư. Một lần, ở nhà Minh Đức, trong một cuộc họp bàn bạc đề in một số thơ, giữa bọn chúng với nhau, Phan Khôi khoe rằng mới sưu-tầm hai câu ca-dao nữa: *« Cộng-sản ở tại nước Nga, Chính danh thủ-phạm tên là Lê-nin »*. Liên lúc ấy, bọn họ làm một bài thơ « kịp thời » tên là cây cau, khen Phan Khôi là người « trung thực ; tiết tháo » thẳng như cây cau, càng già càng cứng, giống bao chỉ làm cong thôi chứ không thể bẻ gãy được.

Trở lại bài *Cây Cộng-sản*, ngay câu đầu, Phan Khôi đã chỉ ngay vào Việt-Bắc, quê-hương cách-mạng :

« Có một thứ thực-vật nữa cũng như sen nhật-bản, ở xa ta trước kia không có mà bây giờ có rất nhiều. Đâu thì tôi chưa thấy, chỉ thấy trong mấy tỉnh Việt-Bắc không chỗ nào là không có ».

Đầu tiên Phan Khôi thấy nó rải rác mấy nơi ở tỉnh Phú-thọ, và nhiều nhất là ở Thái-nguyên và Tuyên-quang. Nó mọc trên thị-trấn bị ta phá-hoại « như rừng, ken kết nhau ». Nơi gọi là *Cỏ Bù-xít* vì nó có mùi hôi như con bọ xít, nơi gọi là *Cây Cứt lợn*, nơi gọi là *Cây Chó đẻ*. « Tên đều không nhả tí nào hết » thứ cây ấy những người có học không gọi bằng *Cây cứt lợn đại*, mà gọi bằng *Cây Cộng-sản*. Phan Khôi bịa rằng trước kia xưa ta không có cây này (cứt lợn đại), người Pháp mang đến trồng ở các đồn-diên cà-phê, cao-su để che đất cho mát gốc.

« Không mấy lâu rồi nó mọc đầy cả đồn điền, trừ khi không hết được, nó lan tràn ra ngoài đồn điền. Cái tình trạng ấy bắt đầu có trong những năm 1930-1931 đồng thời với Đông-Dương Cộng-sản đang bắt đầu hoạt-động, phong-trào Cộng-sản cũng lan tràn nhanh chóng như thứ cây ấy, cũng không trừ khi được như thứ cây ấy cho nên bọn Tây đồn-diên đặt tên nó là « herbe communiste », đáng lẽ dịch là cỏ Cộng-sản, nhưng nhiều người gọi là cây Cộng-sản. Nó còn một tên nữa rất lạ... »

Phan Khôi bịa ra rằng y gặp một ông già người Thờ :

« Hỡi ông tên nó là cây gì, ông nói tên nó là « Cỏ cụ Hồ ». Thứ cỏ này trước kia ở đây không có, từ ngày cụ Hồ về đây lãnh đạo cách-mạng, thì thấy thứ cỏ ấy mọc lên, không mấy lúc mà đầy cả đường xá đời sống, người ta không biết tên nó là gì, thấy nó cùng một lúc với cụ Hồ về thì gọi nó như vậy ».

Tại sao Phan Khôi đem *Cây Cứt lợn*, cũng gọi là *Chó đẻ*, là *Bọ xít*, « toàn những tên không nhả tí nào hết » để gọi nó là *Cây Cộng-sản* và *Cỏ cụ Hồ*? Cái con người vẫn tự cho là học-giáo, bản chất phản phúc, con người đã đưa ra thứ triết-lý « con chó thì phải ăn cứt » thì việc mượn tên xấu của một giống cây cỏ, để xô xiên nói móc nói chửi cạnh chửi khoe Cộng-sản là cái sở-trường của y !

Phần thứ hai là tạp-văn, ngoài đầu, Phan Khôi có viết :

« Cả hai phần đều có một ít bài mà mấy người đọc qua, cho là giống như truyện ngắn. Nếu có vậy nữa thì tôi cũng không biết sao được. Tôi chỉ ghi chép sự thực chứ tôi không hề viết tiểu-thuyết ».

« Sự thực » mà Phan Khôi ghi chép, là những sự thực gì ? Là những « sự thực » kiểu Năm Chuột.

Mở đầu phần này là « *Thái văn Thu* », Thái văn Thu là tên một thằng ăn trộm trùng tên với một nhân-vật trong Thủy-Hử, mà Phan Khôi quen biết và kính phục hẳn đã lâu, nay mới có dịp chép lại...

Phan Khôi kê lúc y « bị tù Ván thân » bọn Pháp có đưa vào giam chung một anh có tướng học trò — can vào tội ăn trộm của Tây.

« Theo lời Thu thì nhà hán cũng đã ăn, hán đi ăn trộm không phải vì túng thiếu mà không muốn làm nghề gì hết. Cái nhân sinh-quan hán đại khái là : người « annam » phải làm giặc, đánh Tây mà không làm được, thì đi ăn trộm, ăn trộm của Tây ».

Có phải đó chính là nhân-sinh-quan, tư-tưởng của Phan Khôi đã bộc lộ trên tráo như trên kia chăng ? Phan Khôi còn mượn lời Thu để phê-bình Phan chu Trinh, báo cụ đi sai đường « nói phải, nói không với Tây làm chi, đưa điều trần cho Toàn-quyền làm chi để bây giờ nó đầy đi Côn-đào ? » Và cũng mượn lời Thu để Phan Khôi tỏ rõ quan-điểm của y từ trước đến nay không tán-thành sự đấu tranh chống Pháp. Thu tùm tùm cười nói về chúng tôi : « Các thầy cũng vậy. Giá như Thu này ở tù cho đáng, các thầy ở tù không đáng » Thu kể một vụ ăn trộm ở nhà Tây và biểu-diễn vài môn nghề, khiến Phan Khôi rất phục. Sau đó, nhân một trận bão, tù phá ngục ra. Có trát sức nã, đặc-biệt là nghiêm nã Thái văn Thu, tên cầm đầu.

« Nhưng có người nói với tôi, có phải phá ngục gì đâu, bão từ sáng đến chiều, không đưa cơm vào, đói thì họ mở cửa họ ra, chứ có phá gì ? »

Phan Khôi viết truyện này với một thâm ý gì ? Chúng ta cứ liên hệ đến tình-hình văn-nghệ sau lớp học 18 ngày, sẽ thấy Phan Khôi hiện lên nguyên hình trong Thái văn Thu.

« Khi gió càng ngày càng to, què giờ ăn đã lâu rồi mà cơm không có. Thu đứng ra diễn-thuyết báo anh em cứ đi ra. Không tội chi mà nhịn đói. Rồi tụt tay lấy chìa khóa mở cửa, đội đờ-lao và lính canh không dám can lại, cả mấy trăm người đều theo Thu đi ra hết »

Nhân lúc Cải-cách mắc sai lầm nghiêm-trọng, cán-bộ ta đang tích-cực sửa sai thì, trong giới văn-nghệ, bọn đầu cơ Nguyễn hữu Đang, Phan Khôi đứng lên dả vào lãnh đạo văn nghệ. Trong cuộc họp tổng-kết lớp 18 ngày Phan Khôi đứng lên phản đối đồng-chí Tố Hữu và sau đó Phan Khôi cùng một nhóm Nguyễn hữu Đang, Trần Dần, Hoàng Cầm, Lê Đạt v.v... tập-hợp lại ra báo Nhân-Văn. Chính Hoàng Cầm đã tự thú : Ban đầu Phan Khôi định đặt tên báo là *Cái Chối* là *Thượng vàng hạ cám* đều không ổn... Tên *Nhân-Văn* là do Nguyễn hữu Đang tìm ra sau. Phan Khôi nói rằng : « Nếu chỉ ra báo văn-nghệ không thì hẹp lắm. Bây giờ nhiều vấn-đề lắm. Phải làm báo văn-hóa xã-hội. Tôi còn gọi là chính-trị nữa. Tôi sẽ còn nói về nhiều vấn-đề thế-giới... » Xưa nay, Phan Khôi vẫn lấy làm ngóng nghênh khời

trả ở chỗ hân xô xiên, nói móc nói cạnh ta mà ta không làm gì được hân :
« Ăn trộm, không bắt được mọi người biết cả nên cũng không dấu ».

Báo Nhân-Văn bị quần-chúng phản đối, công-nhân không in, mọi người yêu cầu Chính-phủ phải đóng cửa để ngăn chặn sự nguy hại của nó. Bọn Nhân-Văn đã rêu rao ; lúc bấy giờ : « Gọi cả làng ra đánh một con chuột » « Giết con chim sẻ không cần dùng đến dao mổ trâu » « Ăn cướp chỉ đồng người vào hòa với nhau, ý thể đánh người lấy của, là khiếp nhược ». Phan Khôi đã gọi phong-trào Sô-viết Nghệ-an là « cái loạn cộng-sản », đã nói rằng : « Chính danh thủ-phạm tên là Lê-nin » cũng là những người làm loạn lớn mà kết tội hân là một người loạn nhỏ.

Viết bài này, Phan Khôi đã hiện nguyên hình trong tên ăn trộm Thái văn Thu mà y hết sức tán dương, đề cao. Cũng như kể đó là bài « Ông Năm Chuột ». Phan Khôi mượn lời xảo hoạt, ranh vặt của một tên thợ bạc gian hùng nghiệm ngập đề đòi trả văn-nghệ cho văn-nghệ, trả chuyên-môn cho chuyên-môn. Văn-nghệ chuyên-môn phải tách rời chính-trị. Bọn phá hoại tờ-rốt-kit Trương Tửu, Trần đức Thảo, bọn Nguyễn hữu Đăng và Phan Khôi cùng bè lũ chống Đảng đã hợp xướng điệp-khúc của Năm Chuột :

*« Người ta cái gì biết ít thì chỉ nên nghe chứ không nên nói.
Tôi không nói chuyện văn-chương chữ nghĩa với ông cũng như ông
không dạy nghề làm thợ bạc cho tôi ».*

Chuyện thứ ba là *Chuyện ba ông vua Kiến-Long, Quang-Trung và Chiêu-Thông*.

Trước kia, lúc chiến-tranh thế-giới thứ hai bùng nổ, quân Nhật vào Đông-Dương, chủ-nghĩa phát-xít vươn móng sắt ra đe dọa nhân-dân ta. Đảng Cộng-sản đã kêu gọi mọi người chống Pháp đuổi Nhật, dùng những gương anh hùng liệt nữ xưa động-viên lòng ái-quốc của đồng-bào, thì bọn tờ-rốt-kit cũng đã giữ cái thủ đoạn của Phan Khôi ngày nay là xuyên-tạc lịch-sử, bôi nhọ Hai Bà Trưng, cho rằng Hai Bà Trưng chống phong-kiến Trung-quốc cũng như Trung-quốc chống Nhật bây giờ là trái với qui luật tiến-hóa của loài người ... Và đưa ra luận điệu « Nhật không vào Đông-Dương » để làm lạc hướng đấu-tranh của nhân-dân v.v... Phan Khôi đưa ra chuyện « Ba ông vua » này nhằm xuyên-tạc và đả vào tình đoàn-kết quốc-tế tình hữu ái giai-cấp của nhân-dân ta và Trung-quốc, theo đúng cái hướng đả vào Liên-sô, Trung-quốc của đế-quốc Mỹ và Ngô đình Diệm hiện nay. Đây là bài dài nhất trong toàn tập. Phan Khôi trích dẫn nhiều sách, nhiều tài-liệu suy diễn lung tung. Xin chỉ lược ra đây mấy câu, để thấy cái xương sống của bài ấy, và cái tâm thuật xảo quyệt của Phan Khôi :

« Ý tôi cốt muốn cho người đọc qua sẽ thấy ngay hai ông ấy một ông là đến già, một ông là quay quắt, một ông là khờ khạo. Từ cách ba người thấy chung trong một việc. Và lại cũng thấy được rất rõ ràng trong bọn vua chúa phong-kiến, giữa thiên tử với chư hầu, bề ngoài làm bộ nhân nghĩa trung thuận, quang minh chính đại lắm lắm mà bề trong không khác gì một tụi buôn hàng xách, một tụi ba que xô lá gặp nhau, đũa nào gian ngoan thì chiếm phần thắng, đũa nào ngu đần thì chịu thiệt ».

Có thể có người nhẹ dạ tin và cho là Phan Khôi viết bài này, nhằm dả vào bọn phong-kiến, bọn vua chúa ngày xưa. Can chi đến ta mà vợ lấy, vận vào. Không phải thế. Phan Khôi đã từng tuyên-bố: « Nước Việt-nam ta làm gì có phong-kiến ? Đánh dò phong-kiến chỉ là câu chuyện bịa đặt vu vơ... » thì dả vào phong-kiến, không thể có được. Cái dã tâm của Phan Khôi muốn gọi lại hận thù dân-tộc cũ (Mãn Thanh bắt Chiêu-Thống và bọn tù x vong cạo đầu thắt bím, dày đi v.v...) và so sánh cái quan-hệ ngoại-gia^o giữa Quang Trung và Kiền-Long ngày xưa không khác gì quan hệ hữu-nghị giữa ta và Trung-Quốc ngày nay, « một con cáo và một con sói đồng tình vật chết một con dê ». Nhân-dân ta và nhân-dân Trung-Quốc đoàn-kết trên cơ-sở thống-nhất về những quan-diêm chung của chủ-nghĩa Mác Lê-nin. Phan Khôi cho Trung-Quốc ngày nay cũng chỉ là một thứ kiểu xâm-lược như Mãn Thanh xưa. Chẳng vậy, sao khi sang thăm Trung-Quốc, nhân xem cuộc triển-lãm kỹ-nghệ ở Mãn-Châu, Phan Khôi đã phát biểu: « Theo tôi nghĩ thì nước ngoài phục Trung-Quốc không phải vì chủ-nghĩa Cộng-sản mà vì nền kỹ-nghệ Trung Quốc. Ngày kia Trung-Quốc sẽ chiếm thị-trường thế-giới ».

Ở bài *Giới-thiệu Nguyễn trường Tộ* càng lộ ra trắng trợn cái ý Phan Khôi muốn so sánh chế-độ ta với cái triều-đại ngày xưa. Không khác gì thời đại chuyện chế hồi Gia-Long. Nước Việt-Nam ngày nay cũng là triều-đại gì đó ; người ta đặt bài viết cho báo tất nhiên phải có yêu cầu của tòa-soạn, y cũng gọi « Cụ Đồ Chiêu ơi, Cụ Đồ Chiêu ! » bù lu bù loa dấm ngược nói rằng bày tám mươi năm sau cũng không khác gì ngày xưa.

Đưa Nguyễn trường Tộ ra trong bài này vừa khen vừa chê — một mặt đề tỏ rằng « cậu tú Phan Khôi » hơn « danh Tộ » nhiều, mặt mặt là dả vào chế-độ ta. Nguyễn trường Tộ, di đạo Thiên-chúa (từ đời cha) sau vì Tự Đức cấm đạo, Tộ theo một linh-mục sang Pháp và lưu học ở Pa-ri. Năm 33 tuổi trở về, có dâng nhiều bài điều-trần yêu cầu cải-cách nhiều vấn-đề trong nước. Tộ là người tin đạo coi Đức Chúa Trời là chủ vạn vật và cũng đồng thời rất tôn trọng nho giáo. Phan Khôi nói rằng: « Người có tài như thế, sinh gặp

thời cần dùng cái tài ấy, mà không thì thổ gí được ôm mối thất vọng mà chết là vì lẽ gì ? »

Phan Khôi cho Tự Đức là một ông vua nhu nhược, làm việc gì cũng sợ, không dám làm mà lại coi mình là thần thánh, kính người.

« Tự-Đức có phê vào một bốn điều-trần của Nguyễn trường Tộ do quan tỉnh dâng lên, một cái :

— « Dùng được dấy, hay là cho nó một chức quan để lấy lòng nó, dùng sức nó.

« Một chức quan ! Ông ấy tưởng người ta bán cái chức quan của ông ấy làm dấy ».

Tại sao Phan Khôi hẳn học đến như vậy ? Bởi vì :

« Vua thì như thế, còn đám quan-liêu từ triều đình đến ở các tỉnh phần nhiều là hủ nho, đám sĩ-phu ở dân gian càng đông hơn, cũng đều là hủ nho, dưới vua, hai hạng người này nắm quyền lợi một nước trong tay họ, họ cấu kết với nhau để giữ lấy quyền lợi. thì còn ai mà làm gì được ? »

Chúng ta có nắm và giữ lấy quyền lợi một nước không ? Có. Nhiệm-vụ của cách-mạng, của vô sản chuyên chính để rõ yêu cầu phải chuyên chính đối với bọn giai-cấp bóc lột, đối với bọn di ngược và phản lại quyền lợi dân-tộc. Bọn chúng không thể có tự-do trong chế-độ ta, thứ tự-do áp-bức bóc lột, tự-do buôn lậu, đầu-cơ tích-trữ, tự-do cấu kết với phần tử phản-động trong nước và bọn đế-quốc ngoài nước để phá rối trật-tự xã-hội, âm-mưu lật đổ chính-quyền cách-mạng, xây dựng lại chế-độ phong-kiến và thực-dân đã bị nhân-dân đánh đổ.

Phan Khôi nói : « Không phải đợi đến ngày nay, từ trước chúng ta cũng đã biết rằng có tại làm sao... người ta mới giấu đình giấu diềm, trốn lính ! » Trong thời-dại phong-kiến, dưới chế-độ thực-dân Pháp, người ta làm như thế là đúng. Người ta không muốn đóng góp phục-vụ cho bọn thống trị, chỉ có mục-đích vơ vét cho vào túi chúng. Dưới chế-độ ta, những người khai man diện-tích ruộng đất, không đi dân công, trốn thuế công-thương, không thi-hành nghĩa-vụ quân-sự thì chỉ là những kẻ ích-ký sâu mọt của xã-hội, những kẻ đào ngũ và chống chế-độ.

Cũng cần nói vào mặt Phan Khôi rằng : Vì chính-sách đoàn-kết của Mặt-trận dân-tộc, vì Đảng ta sẵn lòng quên những tội lỗi cũ của một người và tạo mọi điều-kiện để đưa họ về con đường chính, vì lòng nhân của Đảng muốn nhặt những kẻ ở dưới bùn lên mà chùi rửa cho, giúp cho họ trở lại làm

người, vì thế mà Phan Khôi vẫn được đãi-ngộ rộng rãi, ăn lương nhân-sĩ, không phải làm gì cả, viết hay dịch sách thì hưởng tiền nhuận bút. Đền rồi chữ Đảng, chữ chế-độ. « Một chức quan, ông ấy tưởng người ta bêu cái chức quan của ông ấy làm đấy ». Phan Khôi *an cháo đãi bát*, hợm-hĩnh, tự đánh giá mình là cao to, nhưng cái mặt thật của y không ai lạ gì. Phan Khôi chống lại cái chế-độ đã cứu vớt cho mình, thì Phan Khôi rơi nguyên hình là một tên chống cách-mạng.

Bây giờ — mà có phải mới bây giờ đâu — cái bộ mặt thật của Phan Khôi đã bị lột trần ra, cũng nhiều khi tự y lột trần ra, Phan Khôi là một tên giao-quyết, phản phúc, một tên làm tay sai cho đế-quốc lợi dụng sự khoan hồng của cách-mạng và chính-sách đãi-ngộ rất tốt của Đảng để chống lại Đảng, chống lại chế-độ. Không có cơ hội thì nằm yên, dùng cách nói bóng nói gió, xuyên-tạc sách mé ; có cơ hội thì vùng lên ra mặt chống đối hân hời như thời kỳ tác-quái của báo Nhân-Vấn.

Lẻ tẻ từng lúc, từng bài, y lập lờ đánh tráo, vờ vịt để cho mọi người lầm tưởng rằng mình là một « học-giả » một tay « lão thành cách-mạng » một người « ngay thẳng, bộc trực » một « nhà văn khí tiết ». Do đó, cũng có đôi người bị mắc lừa.

Nhân-Vấn — Giai-Phàm bị đánh tan bước đầu hồi cuối năm 56. Cả bọn rút vào bóng tối « phục xuống sáng-tác » Phan Khôi gom góp tất cả sáng-tác của y, đem tàn lực hy-vọng, có thể đánh được ta một đòn cuối cùng trước khi xuống lỗ. Y đặt tên tập sách là Năng Chiêu. Ngờ đâu, chính tập sách này phơi bày rõ rệt nhất toàn bộ hệ-thống tư-tưởng phản-động của Phan Khôi và cái năng quái ấy mới định kịp hừng lên, đã bị nhân-dân làm cho tắt phụt !

Chỉ đứng riêng về phương diện văn-học mà nói, Phan Khôi không còn chỗ đứng nữa, đã bị khai trừ ra khỏi Hội Nhà văn. Chỗ đứng của y ở đâu, để cho y tự biết mà tự phong. Chưa nói đến hành-động phá rối về chính-trị, không thuộc về thẩm-quyền kết-luận của những người cầm bút chúng ta.

ĐOÀN GIÒI

Chú-thích : Đoàn Giỏi bị kiểm-thảo sau khi viết bài này và bị quy vào loại « dù bị khai Phan Khôi để công-bố những nét đại cương của một tác-phẩm mà Đảng đã cấm không cho xuất-bản.

PHÁI THANH-NIÊN

Phái này gồm tất cả các nhà văn trẻ tuổi, lớn lên trong khối lửa của cuộc kháng-chiến dân-tộc và đã được rèn luyện đầy đủ trong hệ-thống tư-tưởng Mác-xít. Tất cả đều là Đảng viên và đa-số đã tích-cực tham-gia bộ-đội. Trẻ nhất trong bọn là Phùng Quán (năm nay mới 25 tuổi) và nhiều tuổi nhất là Hoàng tích Linh (năm nay chừng 40 tuổi).

Điều đáng chú ý nhất là hiện nay không có một nhà văn thanh-niên nào theo Đảng, mặc dù Đảng đã đào tạo nên họ.

Họ chống lại học-thuyết Mác-xít và chế-độ Cộng-sản không phải vì quyền lợi giai-cấp hoặc vì họ đã bị tiêm-nhiễm những triết-lý phong-kiến hoặc tư-sân; mà chính vì bản-chất trong con người thiên-nhiên của họ phải có phản ứng tự-vệ để khỏi bị tiêm diệt. Tiếng nói của họ là tiếng nói của con người « nhìn chỉ sơ », không đại-diện cho một học phái nào cả, tiếng nói của những linh-hồn còn trong trạng.

Trần Dần, một nhà thơ đã tham-dự trận Điện-Biến-Phủ có thể coi là điển-hình cho thế-hệ này.

TRẦN DẦN

Tiêu-sử :

Trần Dần sinh năm 1924 ở Nam-định, học tiểu-học ở tỉnh Nam rồi sau lên học trung-học ở Hà-nội. Khi ông học văn-chương Pháp đề thi Tú-tài ông bị ảnh-hưởng Baudelaire và Verlaine, trở thành một thi-sĩ làm thơ tiếng Việt theo lối « tượng-trung » (symbolisme) của Pháp. Cho tới ngày nay ông vẫn giữ lối thơ đó vì ông chủ-trương rằng mình lời văn không đủ mà phải dùng cả âm điệu trong câu mới diễn-tả được những rung động trong tâm hồn của thi-nhân.

Ông mới xuất hiện là một nhà thơ thì cuộc chiến-tranh Việt Pháp bùng nổ. Trở về Nam-định ông tham-gia kháng-chiến và đảm nhận công-tác tuyên-truyền. Sau khi Nam-định thất thủ, ông xung phong gia-nhập bộ-đội và được cử lên mặt trận Sơn-la. Ở đây ông phụ-trách điều- khiển đoàn văn-công, được các văn-nghệ-sĩ trong Trung-đoàn rất quý mến và được kết nạp làm đảng viên. Nhưng là một văn-nghệ-sĩ, ông không chịu nổi sự chèn ép của các cán-bộ chính-trị cấp Trung-đoàn, nên đến năm 1951 ông xin về Trung-ương, nhận công-tác viết báo cho cục Quân-huấn.

Trong thời kỳ này ngoài việc viết báo, ông còn phụ-trách giảng về văn-nghệ nhân-dân và chính-sách lãnh đạo văn-nghệ của Đảng đối với văn-nghệ-sĩ trong những lớp đào tạo cán-bộ văn-công. Bị phê-bình là giảng sai đường lối của Đảng, ông tức mình xin đi công-tác tiền tuyến và được cử lên mặt trận Điện-biên-Phủ. Súc cảm trước sự tấn công ào ạt của quân-đội kháng-chiến vào thành-lũy của Pháp nhất là trước cái chết thê thảm của Tô ngọc Vân, bạn đồng hành của ông, Trần Dần sáng-tác cuốn *Người người lớp lớp*. Nhờ cuốn sách này ông được Đảng yêu chuộng trở lại và năm 1954 được cử đi Trung-quốc để viết bản dẫn giải bằng tiếng Việt cho cuốn phim « Chiến thắng Điện-biên-Phủ » là cuốn phim Việt-minh đóng lại trận Điện-biên-Phủ do cán-bộ Trung-cộng sang quay và mang sang Tàu thu thanh.

Nhân chuyến du hành này Trần Dần được tiếp xúc với nền văn-hóa của Trung-Cộng. Ông lấy làm thất vọng nên khi trở về, ông nói nhỏ với bạn bè : « Chớ nên theo đường lối văn-nghệ của Trung-Quốc ».

Cùng đi với ông sang Trung-quốc có một cán-bộ chính-trị phụ-trách về đường lối giải-thích, nhưng tên cán-bộ này mặc dầu dốt đặc về văn-chương cũng cứ nhất định dùng quyền lực chính-trị của mình để sửa chữa từng câu, từng chữ của Trần Dần, mà có khi ngang nhiên đọc lời giải-thích của mình cho Trần Dần viết. Ông lấy làm bất mãn, nên khi về đến Việt-Nam ông cùng với một số văn-nghệ-sĩ đảng-viên khác như Tử Phác, Hoàng Cầm, Hoàng tích Linh và Đỗ Nhuận, cùng trong cảnh ngộ, viết kiến-nghị lên cấp trên yêu cầu hạn chế sự can thiệp của cán-bộ chánh-trị vào lãnh- vực văn-nghệ.

Kiến-nghị còn đang được cứu-xét thì xảy ra một việc quan-trọng hơn. Đó là việc Trần Dần tự tiện lấy vợ, bất chấp sự cấm đoán của Đảng. Theo một đạo-luật bất thành văn mà Đảng đã đặt ra, các đảng viên cấp xã phải báo-cáo cho cấp trên biết trước mỗi khi dự định lấy vợ, lấy chồng; các đảng viên huyện (trưởng-hợp của Trần Dần) phải xin phép Đảng mới được cưới xin hoặc yêu đương còn về phần các đảng-viên cấp tỉnh trở lên thì việc dựng vợ gả chồng là do Đảng quyết-định.

Trần Dần tuy là đảng viên, nhưng vẫn giữ tinh-chất văn-nghệ-sĩ, không chịu nổi luyện-ái-quan Mác-xít. Hồi ở chiến-khu bao nhiêu lần Đảng « xây dựng » cho ông với các nữ đồng-chí ông đều không chịu và khi hòa-bình trở lại ông tình cờ gặp và mê ngay một thiếu-nữ tiêu-tu-sản ở phố Sinh-Tử, sống bơ vợ một mình, vì bố mẹ họ hàng di-cư vào Nam không kịp mang theo.

Trần Dần xin phép Đảng để cưới người yêu, nhưng Đảng nhất-định không cho vì một lý do căn-bản: người con gái đó theo đạo Thiên-Chúa. Tuy vậy Đảng không nêu lên lý do tôn-giáo để từ chối mà chỉ giải-thích rằng người con gái đó sống về tiền thuê nhà mà bố mẹ để lại nên thuộc vào thành phần bóc lột, và một đảng viên không thể lấy vợ thuộc giai-cấp « địch ». Trần Dần không chịu cắt đứt tình yêu nên khuyên ý-trung-nhân mang nhà cửa của bố mẹ để lại giao cho *Uy-ban quản-trị tài-sản của những người vắng mặt* trông coi và thu hoa-lợi; hai người đều cam chịu sống trong cơ cực để yêu thương nhau. Đảng bèn rẽ duyên bằng cách điều động Trần Dần lên Việt-Bắc công-tác, nhưng Trần Dần lấy cớ ốm đau xin về Hà-nội nghỉ dài hạn và tự ý xin ra khỏi Đảng, ngang nhiên đến phố Sinh-Tử sống với tình-nhân không cần cưới xin. Đảng toan trừag-trị, nhưng ngại vì lúc đó đang có phong-trào di-cư, nên không dám khùng bố bắt

cứ ai, sợ làm náo động nhân-tâm khiến cuộc di-cư bành trướng thêm. Đảng bèn nuốt giận làm lành, chỉ gây dư-luận là Trần Dần đã sa đọa, rơi vào hố tư-sản phản-động.

Nhưng sau khi đóng cửa Hải-phòng, Trần Dần lại làm một việc táo bạo thứ hai là phê-bình đả kích cuốn « *Thơ Việt-Bắc* » của Tố Hữu một thi-sĩ giữ chức trung-ương ủy-viên, phụ-trách lãnh đạo văn-nghệ. Tố Hữu liền ra lệnh bắt cóc Trần Dần mang nhốt trên một nhà giam ở Việt-Bắc. Vợ Trần Dần lại sống bơ vơ giữa Hà-nội một lần nữa, hỏi thăm chồng ở đâu không ai biết, vẫn thất-nghiệp, lại thêm bụng mang dạ chửa. Bạn bè của Trần Dần phải chung tiền giúp đỡ và thay phiên đến thăm hỏi nâng đỡ tinh-thần.

Tin Trần Dần bị bắt mang đi biệt tích lan ra khắp Hà-nội và gây dư-luận sôi nổi trong giới trí-thức kháng-chiến. Để dẹp yên dư luận Đảng bèn sửa sai bằng cách đưa Trần Dần về mạn xuôi, bắt đi theo chiến-dịch Cải cách ruộng đất. Đảng cũng gọi vợ Trần Dần đến cho công việc may vá cho Mậu-dịch.

Không được bao lâu xảy ra vụ Krushchev hạ bệ Stalin. Nhóm văn-nghệ-sĩ kháng-chiến nổi lên đấu tranh chống Đảng bằng cách xuất-bản tập Giai-phẩm 1956 (sau này gọi là Giai-phẩm mùa Xuân). Lúc này Trần Dần không có mặt ở Hà-nội, nhưng Hoàng Cầm là bạn thân, biết Trần Dần hồi 1954 có viết bài « Nhất định thắng » có giá-trị, nên đến nhà bảo vợ Trần Dần đưa bản thảo và mang in trong tập Giai-Phẩm. Tờ tạp-chí vừa in xong thì bị tịch-thu ngay. Đảng ngờ rằng Trần Dần đã bị nằm tù mà còn dám viết bài chống Đảng nên gọi Trần Dần về, mang ra đấu giữa một cuộc hội-nghị của đông đủ các văn-nghệ-sĩ, quy Trần Dần vào tội phản động, lấy cớ là trong bài thơ ông có dùng chữ « *Người* » viết hoa nên gán cho ông có ý đả kích cụ Hồ và ra lệnh tống giam vào nhà pha Hỏa-lò ở Hà-nội. Trần Dần uất ức quá dùng lưỡi dao cạo cửa cồ, nhưng không chết, sau này vẫn mang cái sẹo ở cồ.

Năm tháng sau Việt-cộng tuân theo chỉ-thị của Đệ-tam Quốc-tế phát động phong-trào sửa sai. Giới trí-thức được dịp phát động phong-trào đấu tranh chống Đảng mạnh mẽ hơn. Họ xuất-bản tờ *Giai-Phẩm mùa Thu* và tờ *Nhân-Văn*, lên tiếng phản-đối vụ tịch-thu tờ *Giai-Phẩm mùa Xuân* và việc khủng-bố Trần Dần. Cụ Phan Khôi nêu hai vấn-đề này trong bài « Phê-bình lãnh đạo Văn-Nghệ » đăng trong *Giai-Phẩm mùa Thu* và Hoàng Cầm viết một bài nhan-đề

« Con người Trần Dần » đăng trong tờ Nhân-Văn số đầu. Bị công-khách không có thể đỡ, Đảng bèn thả Trần Dần về và phục hồi danh-dự bằng cách ra lệnh cho Hội Văn-Nghệ viết bản tự kiểm-thảo đăng trên các báo. Nhóm Giai-Phạm bèn tái bản tờ Giai-Phạm mùa Xuân, trong đó có bài thơ « Nhất định thắng » của Trần Dần.

Nhưng sau khi Nga-sô đàn áp cuộc khởi nghĩa Budapest thì Việt-cộng cũng đóng cửa tờ Nhân-Văn và Giai-Phạm. Một lần nữa Trần Dần lại bị quy là phản động và bị « treo giò » không được viết văn. Nhưng đến tháng cuối năm 1957, nhân báo Văn trở lại chống Đảng, Trần Dần gửi đăng một bài thơ nhan-đề là « *Hãy đi mãi* » nói lên ý chí cương-quyết đấu-tranh đòi tự-do đến cùng.

Về thơ ông còn sáng-tác những bài :

« *Nói thật* » trong đó ông lý-luận rằng chỉ vì cán-bộ hèn nhát không dám nói thật với Đảng nên mới xảy ra « sai lầm » trong Cải-cách ruộng đất.

« *Nhân-Văn làm lớn con người* » trong đó ông đề-cao nhân-văn.

« *Một bài thơ chưa có đề* » trong đó ông ám chỉ Tố Hữu là nhà thơ « tí ti đờn bầu ».

Về truyện, ông viết :

« *Chú bé làm văn* » đề chỉ trích nền giáo-dục Cộng-sản chuyên môn tập cho trẻ em nói dối từ thuở bé đề sau này nói dối thuê cho Đảng.

« *Mâu thuẫn với cả nước* » tả một nhạc-sĩ bất tài (ám chỉ Lương ngọc Trác) dùng thế lực Đảng, quy một nhạc-sĩ khác có tài hơn mình vào tội « mâu thuẫn với cả nước ».

« *Lão Rừng* » tả một nông-dân hiền lành bị bọn « lý-trưởng mới » chà đạp.

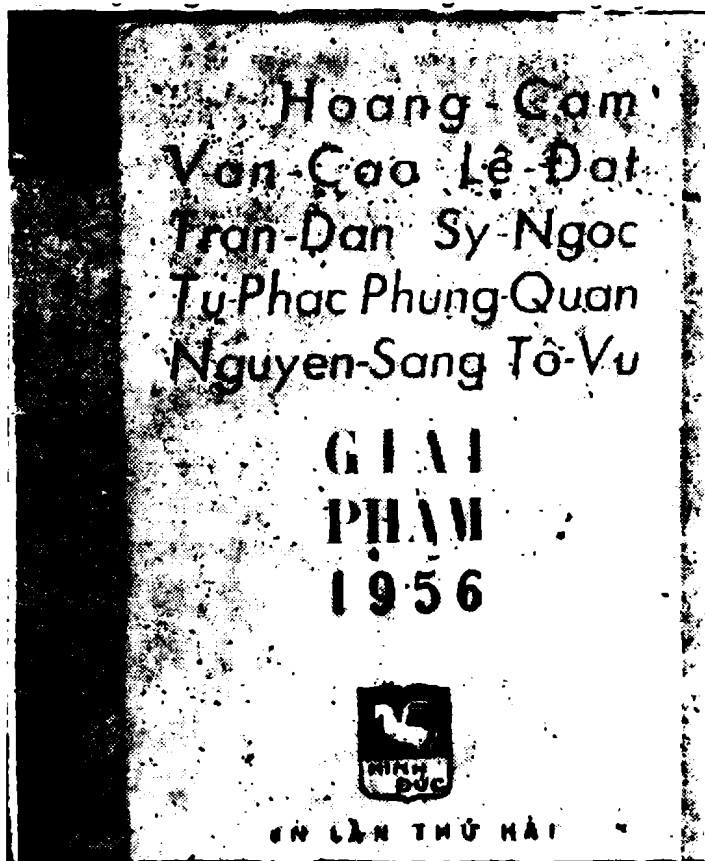
Nhưng đặc-biệt hơn cả là truyện *Anh Cò Lám*, tả sự khờ cực của nông-dân trong Cải-cách ruộng đất. Trong truyện đó có đoạn như sau :

« *Tôi đi thẳng vào nhà Cò Lám. Vắng cả, nhà chỉ có ai, nhưng có tiếng trẻ khóc. Ba gian nhà nhỏ vẫn một cái giường, một cái chõng, có thêm một lá cờ đỏ rất mới nhà rì trước mặt bức ảnh Hồ Chủ-tịch. Một đĩa bé con đồ lên hai bờ giữa nhà, gờ rít mà dốc một manh áo nâu, còn cời chũng, chân tay lấm mun, bôi phẩm xanh là cả người. Thấy tôi nó càng khóc, gờ*

tay quẹt má. Tôi nhìn : Tay nó có cái gì vàng vàng ? À ra cốt, nó ỉa một đống còn kia, cổ chân nó lại buộc một cái dây bằng vải khá dài, một đầu giấy buộc vào cột nhà, chắc hẳn mẹ nó buộc nó vào dây cho nó chơi một mình. »

Trừ có hai bài thơ **Nhất định thắng** và **Hãy đi mãi** ông ký tên thật, còn tất cả những bài khác đều ký bằng bí-danh, sau này bị tra khảo trong tù ông mới nhận là chính ông viết.

Sau đây chúng tôi chỉ trích hai bài : **Nhất định thắng** và **Hãy đi mãi** vừa diễn hình cho lối thơ của ông, vừa nói lên tâm-sự của thế hệ mới ở Bắc-Việt.



*Hình bìa cuốn Giải-Phẩm Mùa Xuân 1956
Trong có đăng bài « Nhất định thắng » của Trần Dân*

NHẤT ĐỊNH THĂNG

Của Trần Dần

L.S.G.— Bài thơ này đã gây nên cuộc đấu tố tác-giả, khiến tác-giả phải cưa cổ tự tử. Vì vậy nên tuy dài, chúng tôi cũng đành tron bài.

Đại ý của tác-giả là nêu sự đói rét của đất Bắc và nỗi u buồn trong lòng người phương Bắc hiện nay.

Tôi ở phố Sinh-tử :

Hai người

Một gian nhà chật.

Rất yêu nhau sao cuộc sống không vui ?

Tổ-quốc hôm nay

tuy gọi sống hòa-blah

Nhưng mới chỉ là năm thứ nhất

Chúng ta còn muôn việc rối tinh...

Chúng ta

Ngày làm việc, đêm thì lo đẩy giắc

Vợ con đau thì rối ruột thuốc men

Khi mảng vui — khi chợt nhớ — chợt quên

Trăm cái bận hàng ngày nhay nhất.

Chúng ta vẫn làm ăn chiu chát.

Ta biết đâu bên Mỹ Miếc tí mù

Chúng còn dương bày kế hại đời ta ?

Tôi đi giữa trời mưa đất Bắc

Đất hôm nay tầm tã mưa phùn

Bỗng nhói ngang lưng

máu rò xuống bùn

Lưng tôi có tên nào chém trộm ?

A ! Cái lưỡi dao cùn !

Không đứt được — mà đau !

Chúng định chém tôi làm hai mảnh

Ôi cả nước ! Nếu mà lưng tôi lạnh

Hãy nhìn xem : có phải vết dao ?

Không đứt được mà đau !

Lưng Tổ-quốc hôm nay rớm máu

Tôi đã sống rã rời cần não
Quãng thời-gian nhưng nhưc chuyện đi Nam
Những cơn mưa rơi mãi tối xăm
Họ lếch thếch ôm nhau đi từng mảng
Tôi đã trở nên người ôm giện
Tôi đem thân làm ụ cản đường đi
— Dừng lại !

Đi đâu ?

Làm gì ?

Họ kêu những thiếu tiền thiếu gạo
Thiếu Cha, thiếu Chúa, thiếu vắn vắn
Có cả anh Nam chị Nữ kêu buồn
— Ở đây

Khát gió, thèm mây...

Ồ hay !

Trời của chúng ta gặp ngày mây rù
Nhưng trời ta sao bỏ nó mà đi ?
Sau đám mây kia

là cả miền Nam

Sao nở tương là non bồng của Mỹ !

Tôi muốn khóc giữ từng em bé

— Bỏ tôi ư ? — từng vạt áo — Gót chân

Tôi muốn kêu lên — những tiếng cọc cẩu...

— Không ! Hãy ở lại

Mảnh đất ta hôm nay dù tối

Cúng còn hơn

non bồng Mỹ

triệu lần...

Mảnh đất dễ mà quên ?

Hỡi bạn đi Nam

Thiếu gì ư ? Sao chẳng nói thực thà ?

Chỉ là :

— thiếu quả tim, bộ óc !

Những lời nói sắp thành nói cục

Nhưng bỗng dưng tôi chỉ khóc mà thôi

Tôi nức nở giữa trời mưa bão.

Họ vẫn ra đi.

— Nhưng sao bước rã rời ?

Sao họ khóc ?

Họ có gì thất vọng ?

Đặt niu chân đi.

gió cần áo bay về

Xa đất Bắc tưởng như rời cõi sống.
Tưởng như đây là phút cuối cùng
Rã rời lại : — mỗi lùm cây — hốc đá
— Mỗi căn vườn — gốc và — cây sung
Không nói được, chỉ còn nước nở
Trắng con người nhìn lại đất trời
Nhìn cơn nắng lụi, nhìn hạt mưa sa
Nhìn con đường cũ, nhìn ngôi sao mờ
Ôi đất ấy — quên làm sao được ?
Quên sao nơi ấm lạnh ngọt bùi
Hôm nay đây mưa gió dập vùi
— Mưa đổ mãi lên người xa đất Bắc...
Ai dẫn họ đi ?

Ai ?

Dẫn đi đâu ? — mà họ khóc mãi thôi

Trời vẫn quật muôn vàn tầng gió
Bắc Nam ời, đứt ruột chia đôi
Tôi cúi xuống — quý xin mưa hão
Chớ đổ thêm lên đầu họ

— khô nhiều rồi !

Họ xấu số — chớ hành thêm họ nữa
Vườn ruộng hoang sơ — Cửa nhà vắng chủ
Miền Nam muôn dặm, non nước buồn thiu
Họ đã đi nhưng chút lại tâm hồn

Ôi đất Bắc ! Hãy giữ gìn cho họ.
Tôi ở phố Sinh-tử
Những ngày ấy bao nhiêu thương sót
Tôi bước đi

không thấy phố

không thấy nhà

Chỉ thấy mưa sa

trên màn cờ đỏ.

Gặp em trong mưa
Em đi tìm việc
Mỗi ngày đi lại cúi đầu về
— Anh ạ !
họ vẫn bảo chờ...

Tôi không gắng hỏi, nói gì ư ?
Trời mưa, trời mưa
Ba tháng rồi
Em đợi

Sống bằng tương-lai
Ngày và đêm như lũ trẻ mồ-côi
Lũ lượt giắt nhau đi buồn bã
Em đi
 trong mưa
 cúi đầu
 nghênh vai
Người con gái mới mười chín tuổi
Khò thân em mưa nắng đi về
 lùi thối

Bóng chúng
 dề lên
 sổ phận
 từng người

Em cúi đầu đi, mưa rơi
Những ngày ấy bao nhiêu thương xót

Tôi bước đi
 không thấy phố
 không thấy nhà

Chỉ thấy mưa ta
 trên màu cờ đỏ.

Đất nước khó khăn này
 sao không thấm được vào Thơ ?

Những tù kính tôi dừng chân giếm mũi
Các thứ hàng ế ẩm đợi người mua
Nhưng mà sách — hình như khá chạy
À quyền kia của bạn này — bạn ấy
Quyền của tôi tự lực, nét đăm đăm
Nó đang mơ : — nếu thêm cả miền Nam
Số độc-giả sẽ tăng dăm bảy triệu
Tôi đã biến thành người định kiến
Tôi ước ao tất cả mọi người ta
Đòi thống-nhất, phải đòi từ việc nhỏ
— từ cái ăn

 cái ngủ
 chuyện riêng tư

-- từ suy nghĩ

 nặng con
 và tấn vợ.

Trời mưa mãi lây dây đường phố
Về Bắc Nam tôi chưa viết chút nào
Tôi vẫn quyết Thơ phải khua bão gió

Những ngày ấy bao nhiêu thương sót

Tôi bước đi

không thấy phố

không thấy nhà

Chỉ thấy mưa sa

trên màu cờ đỏ.

Tôi đi giữa trời mưa đất Bắc

Tai bỗng nghe những tiếng thì thầm

Tiếng người nói xen tiếng người ã ã.

— Chúng phá hiệp-thương

— Liệu có hiệp-thương

— Liệu có tuyên-cứ

— Liệu tổng hay chăng tổng ?

— Liệu đúng kỳ ? hay chậm vài năm ?

Những câu hỏi đi giữa đời lòng chông.

Ôi ! Xưa nay Người vẫn thiếu tin Người

Người vẫn thường kinh hoảng trước Tương-lai

Người quên mất Mỹ là sư-tử giấỵ.

Người vẫn vội — Người chưa kiên-nhẫn mấy

Gan người ta chưa phải đúng công nông

Người chưa có dạ lim trí sắt

Người mở to đôi mắt mà trông !

A tiếng kèn vang

quân-đội anh hùng

Biên súng

rừng lê

bạt ngàn con mắt

Quân ta đi tập trận về qua

Bóng cờ bay đỏ phố đỏ nhà...

Lá cờ ấy là cờ bách thắng

Đoàn quân kia muôn trận chẳng sờn gan

Bao tháng năm đói rét nhọc nhằn

Từ đất dấy lên

là quân vô sản

Mỗi bước đi lại một bước trưởng thành

Thắng được Chiến-tranh

Giữ được Hòa-bình

Giặc cũ chết — lại lo giặc mới

Đoàn quân ấy kẻ thù sợ hãi

Chưa bao giờ làm mất bụng dân yêu

Dân ta ơi ! Chiếm nghiệm đã nhiều

Ai có Lý ? và ai có Lực ?

Tôi biết rõ đoàn quân sung sức ấy

Biết nhân-dân

Biết Tổ quốc Việt-Nam này

Những con người từ ức triệu năm nay

Không biết nhục

Không biết thua

Không biết sợ !

Hôm nay

Cả nước chỉ có một lời hô :

THỐNG-NHẤT

Chúng ta tin khẩu-hiệu ta đòi

— Giải miền Nam

Tôi ngửa mặt lên trời

Kêu một tiếng — bỗng mầu trời rơi xuống

Vài ba tia máu đỏ rớt vào tôi

Dân ta ơi !

Những tiếng ta hò

Có sức đâm trời chảy máu.

Không địch nào cưỡng nổi ý ta

Chúng ta đi — như quả đất không lơ

Hiền hậu lắm — Nhưng mà đi cả quyết...

Hôm nay

Những vần thơ tôi viết

Đã giống lưới lê : dầm

Giống viên đạn : xé

Giống bão mưa : gào

Giống tình yêu : thăm

Tôi thường tin ở cuộc đấu tranh đây

Cả nước đã hầu tôi toàn phiếu

Tôi là người vô địch của lòng tin.

Sao bỗng đêm nay,

tôi cúi mặt trước đèn ?

Gian nhà vắng — chuột đêm nó rúc.

Biết bao nhiêu lo lắng hiện hình ra.

Hừ ! chúng đã biến thành tảng đá

chặn đường ta !

Em ơi thế ra

Người tin tưởng nhất như anh

vẫn có phút giây ngờ vực

Ai có lý ? và ai có lực ?

Ai người tin ? Ai kẻ ngã lòng tin ?

Em ơi

Cuộc đấu-tranh đày

cả nước

cả hoàn-cầu

Cả mỗi người đêm ngủ vẫn lo âu

Có lẫn máu, có xót thương lao lực

Anh gạch xóa tranh thơ hằn nét mực

Bỗng mặt anh nhìn thấy ! lạ lùng thay !

Tảng đá chặn đường này !

Muôn triệu con người

muôn triệu hàn tay

Bật cả máu ây đá lăn xuống vực !

Anh đã nghĩ : Không có đường nào khác

Đem ngã lòng ra

mà Thống-nhất Bả : Nam u ?

Không không !

Đem sức gấn ra !

Em ơi em !

Cái này dò lăm, gọi là TIM

Anh cho cuộc đấu tranh giành THỐNG-NHẤT.

Bài thơ này lúc đầu lấy nhan-đề là « Bài thơ Thống-nhất » và chỉ có đến đây là hết. Hoàng Cầm khuyên Trần Dần nên làm thêm một đoạn nữa để « giữ vững lập-trường » mới có thể xuất-bản được. Vì vậy nên mới có đoạn sau này và bài thơ cũng đổi nhan đề là « Nhất định thắng ».

Hôm nay

Trời đã thôi mưa thôi gió

Nắng lên đỏ phố đỏ nhà

Đỏ mọi buồng tim lá phôi

Em ơi đếm thử bao nhiêu ngày mưa !

Bây giờ

Em khuôn đỏ dặc ra phơi

Em nhé đừng quên

Em khuôn tất cả tim gan chúng mình phơi nắng hết

Em nhìn cao tit trời xanh

Dưới phố bao nhiêu cờ đỏ !

Hôm nay em đã có việc làm

Lương ít — Sống còn khó khăn

Cúng là may. . .

Chính-phủ muôn lo nghìn lạng

Thực có tài đuôi bão sủa mưa không thì còn khò

Em treo cờ đỏ đầu nhà
Lá cờ trừ ma
Sua được bóng đen chúng nó !
Những vết thương kháng chiến đỏ làm
Đã mím miệng, lên da lên thịt.
Tôi bỗng nhói ở nơi lồng ngực
Em ơi
Chúng đốt phố Ga-li-ê-ni
và nhiều phố khác.
Anh đã sống ở Sài-gòn trước
Cảnh miền Nam thành một góc tim anh
Chúng đốt tận đầu
mà lửa xém tim mình
Tim nó bị thui đen một nửa
Từ giao ấy
mà em chẳng rõ.
— Em hãy đỡ cho anh khỏi ngã
Hứng đây
Một lúc !
Cờ bay
đỏ phố
đỏ nhà
Màu cờ kia là thang thuốc chữa cho anh.
Ai thắng ai thua ?
Ai có lý ? và ai có lực ?
Em ơi
Hôm nay
trời xanh
xanh đục
Nắng lên
đỏ phố
đỏ cờ
Cuồn cuộn mít tình
Những ngày thương xót đã lùi xa
Hòa bình
thêm vững
Anh bước đi
đã thấy phố thấy nhà
Không thấy mưa sa
Chỉ thấy nắng lên
trên màu cờ đỏ.
Ta ở phố Sinh từ

Em này
 Hôm nay
 đóng cửa
 Cả nhà ra phố
 mít tinh
 Vung cờ đỏ
 hát hò
 vỡ phôi.
 Hỡi những người
 thành phố
 thôn quê
 Đói no lành rách
 Người đang vui
 Người sống đang buồn
 Tất cả !
 Ra đường !
 Đi !
 hàng đoàn
 hàng đoàn
 Đòi lấy tương lai :
 HÒA BÌNH
 THỐNG NHẤT
 ĐỘC LẬP
 DÂN-CHỦ
 Đó là tim
 là máu đời mình
 Là cơm áo ! Là ái-tình
 Nhất định thắng

TRẦN DẪN

Trích báo Văn số 28 xuất-bản ngày 15-11-1957

HÃY ĐI MÃI

của Trần Dần

L.S.G.— Ngụ ý của tác-giả trong bài này là kêu gọi những người yêu chuộng tự-do hãy tranh đấu đến cùng, bất chấp mọi sự đe dọa.

Khi trái đất còn đeo hom
 trước ngựa
 thất lưng
 còn lựu đạn, bao xe ; —

bay
lửa hè đánh trộm sau lưng
Dù những đêm
buồn như xa mạc hoang vu.
Đoàn du mục tội thân
vùi hải cát.

Dù
những ngày, mũi kiếm heo may
đi hành hạ
những tâm tư trần trọc.

Hãy đi mãi ! —
Dù trên biển cả
sống như người vật vờ
khấp đại dương.

Dù những cơn tàu
bồng nhớ bến bình yên,
còi rúc mái những tiếng kêu
rùng rợn.

Hãy đi mãi ! —
Dù khi cần thiết
người ta cần đổi khác
vượt bình xa.
Ta bỗng có thể nhìn lâu
hơn cả lạc đà,

đi
đến tận những kinh thành no ấm.
Hãy đi mãi ! —
Dù có phen chót ngã.
hãy bó đôi chân lấm lổ
mà đi.

Hãy tin chắc
rồi ta
xứng đáng
một vòng hoa đỏ nhất
phủ quan tài
Tôi chưa có khi nào quên táo bạo
chưa khi nào quên hắt
quên đau.
Tôi yêu đất mẹ đây —
có cỏ hoa làm chứng
Tôi yêu chủ nghĩa này
cờ đỏ cài cho tôi.

Nhưng
chẳng thể rúc kèn cũ rích,
vác loa mõm kêu :
« Hiện tại rất thiên đường ! »

Không !
Thiên đường chúng ta
là nối đuôi nhau
vô tận triệu Thiên đường

Đi mãi
chẳng bao giờ thỏa.

Tôi có thể mắc nhiều
tội lỗi,
chẳng bao giờ quá ngu đi
mắc tội : năm 11

Han rì
khác gì cái chết ?
Chết con tim chẳng còn dăm
dau thương.

Chết khối óc
chẳng còn dăm nghĩ l

Nếu
tôi chưa đến ngày thổ huyết
phôi tôi còn xâu xé mãi
lời thơ.

Tôi có thể mặc thây
ngàn tiếng chửi tục tằn
trừ tiếng chửi : —
« Sống không sáng tạo ! »

Nếu tôi bị gió sương
đầu độc,
một hôm nào ngã xuống
giữa đường đi
tôi sẽ ngã
như người lính trận
hai bàn tay chết cứng
vẫn ôm cờ.

Nếu văng nhạt
thui tôi làm bụi,
năng oan khiến đốt lại
làm tro.

Bụi tôi sẽ
cùng ta —
vẫn sống
vẫn chia nhau gió bắc
xé mưa phùn.

Nếu dĩ vãng đè trên lưng
hiện tại
nặng nề
hàng tạ dằng cay,
tôi sẽ nỏ tung
ngàn kho đạn tiếng kêu
tan sắc pháo
mọi cái gì cũ rích,

Nếu
hàm răng chuột nhất của gia-đình
gặm nhấm
cả tình yêu cùng dự định
tôi sẽ biến thân tôi thành
thép nguội
làm thất bại
mọi thứ rửa đã quen rửa người
tròn trận quá hồn bi.

Ở trong tôi
nếu còn sức mạnh gì
chính là sức những ai
nghèo khổ nhất,
những ai
lao lực nhất —
địa cầu ta,

Tôi vẫn nâng chiếc đầu lâu
nặng nề sáng tạo
như
nâng một viên vọng đài
trên cuộc sống hàng ngày
nhí nhách.

Tôi vẫn chấy
ngọn hải đăng con mắt
ở trong hiền sống
từng đêm.

Tôi vẫn đóng những câu thơ
như người thơ
đóng tàu,

chờ khách
đi về phía trước,

nói
loài người —
đã biết sống chung nhau.

Nói
tất cả —
chẳng còn ai hần tiện,
chẳng còn lo
cơm áo
uỷ nần.

57
TRẦN DẪN

PHÙNG QUÁN

Phùng Quán, năm nay 25 tuổi, là một thanh niên nghèo. Trước đi bỏ đời, sau được giới-thiệu về trường Dự bị Đại-học để học thêm. Vì Hà-nội anh lại tiếp tục công tác văn-nghệ trong quân-đội.

Anh viết văn theo lối hiện-thực xã-hội và được coi là Triệu-tử-Long trong nhóm đối lập. Những bài thơ của anh được dư-luận gọi là những « bom nguyên tử ».

Chúng tôi trích đăng bài « Chông tham ô lãng-phí » đăng trong Giai-Phẩm Mùa Thu, tháng 10, 1956 và bài « Lời Mẹ dặn » đăng trong tờ Văn, tháng 9, 1957

Anh không đòi hỏi gì khác hơn là quét sạch những rác rưởi trong xã hội và yêu cầu các nhà văn phải trung thành với tâm-hồn của mình : « yêu ai cứ bảo là yêu, ghét ai cứ bảo là ghét ». (*) Anh bị khùng-bò chỉ vì dám nói như vậy.

Phùng Quán bị lôi đi chỉnh-huấn và phải viết bài thú tội. Trong bản này nhà thơ trẻ tuổi thú nhận rằng sau khi nhóm Nhân-Văn Giai-Phẩm bị giải tán (4) suốt ngày chỉ chơi với một con bú-dù. Các ban hội tại sau thích nuôi bú-dù. Phùng Quán trả lời : « Chơi với người chán làm rồi, thành phải chơi với bú-lù ».

Một chế độ là đào luyện cho thanh-niên một tâm trạng như vậy đủ làm cho chúng ta suy nghĩ về chân giá trị của chế độ đó vậy.

Trích Giai-Phẩm Mùa Thu Tập II tháng 10-1956

Thơ Cái Chối

CHÔNG THAM-Ô LÃNG-PHÍ

Của Phùng Quán

Ta đã đi qua
Những xóm làng chiến-tranh vừa chấm dứt :
Tôi đã gặp
Những bà mẹ già quần dẻ rách
Da đen như củ cháy giữa rừng

(*) Trong cuốn « Hic et Nunc », Boris Pasternak có viết : « Muốn chiều Công sản thì dễ lắm. Cứ nói là yêu cái mình ghét, ou cứ nói là ghét cái mình yêu ».

Kéo giầy thép gai tay máu chảy ròng
Bối đờn giặc trồng ngô tia lửa

Tôi đã gặp

Những cô gái trồng bông
Hai mươi ? ba mươi ?
Tôi không nhìn ra nữa.
Mồ hôi sôi trên lưng
Mặt trời như mỏ hàn xi lửa
Đốt đôi vai cháy hồng.

Tôi đã đi qua

Nhiều xóm làng vùng Kiến-an Hồng-quảng,
Nước biển dâng lên ướp muối các cánh đồng
Hai mùa lúa không có một bông
Phân người toàn vô khoai tím đỏ.

Tôi đã gặp

Những đứa em còn côi
Lên năm, lên sáu tuổi đầu.
Cơm thòm thềm độn cám và rau
Mới tháng ba đã ngóng mong đến Tết
Đề được ăn cơm no có thịt
Một bữa một ngày . . .

Tôi đã đi giữa Hà-nội

Giữa Hà-nội những đêm mưa lát phất,
Đường mùa đông nước nhọt tựa dao găm.

Tôi đã gặp

Chị em công-nhân đồ thùng
Yếm rách chân trần,

Quần xăn quá gối,
Run lay bầy chui vào hầm xia tối
Vác những thùng phân
Ta thuê một vạ một thùng
Có người không dám vác.
Các chị suốt đêm quần quật
Sáng ngày vừa đủ nuôi con.
Một triệu bài thơ không nói hết nhọc nhằn
Của quần-chúng anh hùng lao-động
Đang buộc bụng thắt lưng để sống,
Đề dựng xây kiến-thiết nước nhà,
Để yêu thương nuôi nấng chúng ta.

Vì lễ đó

Tôi quyết tâm rời bỏ
Những vườn thơ đầy bướm đầy hoa,
Những vầng thơ xanh đỏ sáng lòe,
Nhu giấy trang kim
Dán lên quân trang.
Đắm mồ hôi và máu tươi của cách-mạng,

Như công nhân

Tôi muốn đúc thơ thành đạn
Bắn vào tim những kẻ làm càn
Những con người tiêu máu của dân
Nhu tiêu giấy bạc giả !

Các đồng-chí ơi !

Tôi không nói quá

Về Nam-Định mà xem

Đài xem lễ, họ cao hứng dựng lên (1)

Nửa chừng thiếu tiền bỏ dở

Mười một triệu đồng dầm mưa dãi gió

Mồ hôi máu đỏ mồm rêu.

Những con chó sói quan liêu

Nhe răng cắn rứt thịt da cách-mạng !

Nghe gió mùa đông thổi đêm xuất sáng

Nhớ « đài xem lễ » tôi xót bao nhiêu

Đất nước chúng ta không đếm hết người nghèo

Đêm nay thiếu cơm thiếu áo.

Những tên quan liêu Đảng đã phê-bình trên báo

Và bao nhiêu tên chưa ai biết, ai hay

Lớn, bé, nhỏ, to, cao, thấp, béo, gầy

Khắp mặt đất như ruồi nhặng

Ở đâu cũng có !

Đảng muốn phê-bình tất cả

Phải một nghìn số báo Nhân-Dân !

Tôi đã đến thăm nhiều hố xí cầu tiêu

Giấy trắng nửa mặt, xé toang chùi đít.

Những người này không bao giờ biết

Ở làng quê con cái nhân-dân ta

Rọc lá chuối non đóng vở học i-tờ !

Chú thích : (1) Đài xem lễ do Ủy-ban thành-phố Nam-Định dựng lên để các đại-biêu
đứng xem lễ. Việc này đã được phê-bình ở báo Nhân Dân.

Tôi đã đến dự những phiên tòa.
Họp suốt ngày luận bàn xử tội
Những con chuột mặc quần áo bộ đội
Đục cơm khoét áo chúng ta
Ăn cắp máu dân đòi chác đồng hồ
Kim phút kim giờ lép gầy như bụng đói.
Những mẹ già em trai, chị gái
Còng lưng, rỏ máu lẫn vành đai !
Trung ương Đảng ơi !
Lũ chuột mặt người chưa hết
Đảng lập đội trừ diệt
— Có tôi !

đi trong hàng ngũ tiền phong.

PHÙNG QUẢN

Trích báo Văn số 21 ra ngày 27-9-1957

LỜI MẸ DẶN

của Phùng Quán.

Tôi mồ côi cha năm hai tuổi
Mẹ tôi thương con không lấy chồng
Trồng dâu, nuôi tằm, dệt vải
Nuôi tôi đến ngày lớn khôn.

Hai mươi năm qua tôi vẫn nhớ
Ngày ấy tôi mới lên năm
Có lần tôi nói dối mẹ
Hôm sau tưởng phải ăn đòn.
Nhưng không, mẹ tôi chỉ buồn
Ôm tôi hôn lên mái tóc
— Con ơi —

trước khi nhắm mắt

Cha con dặn con suốt đời
Phải làm một người chân thật.

— Mẹ ơi, chân thật là gì ?
Mẹ tôi hôn lên đôi mắt
Con ơi một người chân thật
Thấy vui muốn cười cứ cười
Thấy buồn muốn khóc là khóc.

*Yêu ai cứ bảo là yêu
Ghét ai cứ bảo là ghét*

Dù ai ngon ngọt nuông chiều
Cũng không nói yêu thành ghét.
Dù ai cầm dao dọa giết
Cũng không nói ghét thành yêu.
Từ đây người lớn hỏi tôi :
— Bé ơi, Bé yêu ai nhất ?
Nhớ lời mẹ tôi trả lời :
— Bé yêu những người chân thật.

Người lớn nhìn tôi không tin
Cho tôi là con vẹt nhỏ
Nhưng không ! những lời dặn đó
In vào trí óc của tôi
Nhu trang giấy trắng tuyết vời.
In lên vết son đỏ chói.

Năm nay tôi hai mươi lăm tuổi
Đứa bé mồ côi thành nhà văn
Nhưng lời mẹ dặn thuở lên năm
Vẫn nguyên vẹn màu son chói đỏ.
Người làm xiếc đi giầy rất khó
Nhưng chưa khó bằng làm nhà văn
Đi trọn đời trên con đường chân thật.

*Yêu ai cứ bảo là yêu
Ghét ai cứ bảo là ghét*

Dù ai ngon ngọt nuông chiều
Cũng không nói yêu thành ghét
Dù ai cầm dao dọa giết
Cũng không nói ghét thành yêu.
Tôi muốn làm nhà văn chân thật
chân thật trọn đời
Đường mật công danh không làm ngọt
được lưỡi tôi

Sét nồm trên đầu không xô tôi ngã
Bút giấy tôi ai cướp giật đi
Tôi sẽ dùng dao viết văn lên đá.

1957

PHÙNG QUẢN

TẠ HỮU THIỆN

Tạ hữu Thiện là một sinh-viên mới lớn lên trong kháng-chiến. Được rèn luyện dưới chế-độ mới nên anh viết theo lối hiện thực xã-hội.

Trong bài « Tôi tìm Em » mà chúng tôi trích theo đây, tác-giả ta-thán về nỗi khổ tâm tìm không ra vợ. Điều-kiện đưa ra thì rất chi là dễ dàng tác-giả chỉ cần gặp một tâm-hồn « biết ghét và biết yêu », thế mà tìm khắp ở các tầng lớp trong xã-hội miền Bắc đều không thấy.

Tác-giả không nói tại sao, nhưng người đọc có thể hiểu rằng nền giáo-duc cộng-sản đã làm khô cạn tâm-hồn con người, nhất là tâm-hồn của phụ-nữ.

Những người ở ngoài vòng, thường ít nhận thấy tầm quan trọng của vấn-đề, nhưng thực tình, đối với người con trai chu a vợ hiện nay ở Bắc-Việt thì đó là một tình-trạng vô cùng bi đát. Một xã-hội loài người mà không còn tình yêu, chỉ còn xác thịt là một viễn ảnh rùng rợn. Viễn ảnh này đã được một nhà văn Anh GEORGES ORWELL trình-bày trong cuốn « 1984 » mà một nhà văn Mỹ mà chúng tôi quên tên trình-bày trong cuốn « BODY SNATCHER ». Đề-tài này đã được đóng thành phim và đã chiếu ở Sai-gòn.

Trích báo Tram-Hoa ngày 6-1-1957

TÔI TÌM EM

của Tạ hữu Thiện

Có phải em là người không bao giờ tôi gặp
Mới là người tôi ấp ủ trong tim ?

Ai lớn lên không từng yêu đương
Ai biết yêu không từng hò hẹn
Việc ấy lẽ thường.

Tôi đã từng yêu, từng chán nản
Không bao giờ thấy nguội con tim
Không bao giờ thỏa mãn
Khát khao Em, tôi vẫn gắng công tìm.

Có phải Em là người không bao giờ tôi gặp
Mới là người tôi ấp ủ trong tim ?

Nửa đời người tôi đã đi khắp cả
Kiếm tìm Em, sao chưa thấy Em đâu ?
Em yêu dấu, sao mà xa lạ
Đến bao giờ thỏa ước hẹn hò nhau ?

— Hỡi cô bạn gương tròn bỏ túi
Quần xồi áo nâu
Tháng năm dài vất vả
Cuộc bầm cày sâu.

— Hỡi cô bạn công-trường nhộn nhịp
Góp đôi tay, đôi vai
Vào chương-trình kiến-thiết
Năm mộng thấy ngày mai.

— Hỡi các cô đẩy xe : gánh vãi,
Quét rác, đồ thùng,
Lao-động mang đầy nhựa sống
Nở ngực, thon lưng.

— Hỡi cô bạn quây hàng tủ kính
Thoắt mua về lại thoắt bán đi
Cuộc sống là trăm ngàn con tính
Kệ đời lắm chuyện thị phi.

— Hỡi cô bạn ngồi trong công-thụ
Ngày ngày chép chép ghi ghi
Sôi nổi như đả máy chữ
Rộn ràng giấy má đến, đi.

— Hỡi cô bạn văn-công nhẩy múa
Dưới ánh đèn lộng lẫy ánh tiên
Mắt biếc môi tình chan chứa
Đời như không có ưu-phiền

— Hỡi cô bạn sinh-viên trường đại-học
Đã cùng tôi luận-luận bàn-bàn
Kiến-thức hai ta dù góp lại
So với đời chỉ độ tấc gang.

— Hỡi tất cả các cô bạn gái
Tôi đã biết hay là tôi chưa quen.

Tôi chả bị cái gì làm lạc hướng
Nhắm áo hồng, phụ áo vá vai
Cũng bất chấp lối luận bàn sống sướng
Khen chệ tóc ngắn, tóc dài.

Tôi thấy : đã là con gái
Vào tuổi dậy thì
Cô nào trông cũng đẹp
Mỗi người một vẻ kém chi.

Tôi dăm dưỡi nhìn đầu môi khóc mắt,
Nét ngực đường lưng,
Hàm răng mái tóc,
Mộng đời những tưởng đắp chăn chung.

Tin tức thà tôi chẳng biết
Cân nhắc thành phần,
Cũng chẳng đại làm điều vô ích
Xem cỗi nguồn có vẹn mười phân.

Tôi cũng chẳng đo tài gạn đức
Ra điều kén cá chọn canh
Vì tình yêu đời đời đâu có phải
Là bốn bài trừ cộng chia nhân.

Trong các bạn có chăng người yêu dấu
Mà bấy lâu tôi vẫn gắng công tìm ?
Đó chính là người tôi chưa gặp
Mới là người tôi ấp-ủ trong tim.

Trên tất cả thành phần lý-lich
Trên cao sang, trên sắc đẹp diễm kiều.
Em, trọn cuộc đời tôi kiếm gặp
Chỉ là người biết ghét biết yêu.

TA HỮU THIÊN

BÙI QUANG ĐOÀI

Bùi Quang Đoài là một sinh-viên nghèo, theo học trường Nguyễn Huệ ở Khu Ba, sau về trường Dự-bị Đại-học ở Thanh-hóa, rồi khi Việt-cộng tiếp thu Hà-nội anh học trường Văn-khoa Đại-học.

Anh lãnh đạo phong-trào sinh-viên chống Đảng, làm chủ-bút tờ Đất-Mới là cơ-quan tranh-đấu của sinh-viên Tờ Đất-Mới chỉ ra được một số thì bị bóp chết. Sau vụ đó thì anh bị đuổi khỏi trường. Số phận hiện nay ra sao chúng tôi không rõ.

Bài Lịch-sử một câu chuyện tình của anh đăng trong tờ Đất-Mới mà chúng tôi trích sau đây, tả không khí sinh-hoạt trong khu Học-xá ở Hà-nội và kể lại một vụ cán-bộ Đảng dùng uy quyền chính-trị chiếm đoạt tình yêu của một nữ-sinh tiểu tư-sản người Hà-nội. Câu chuyện có thực, và đã làm sôi nổi dư-luận trong giới sinh-viên Đại-học

Trích tạp-chí Đất-Mới số 1

Lịch-sử

MỘT CÂU CHUYỆN TÌNH

của Bùi quang Đoài

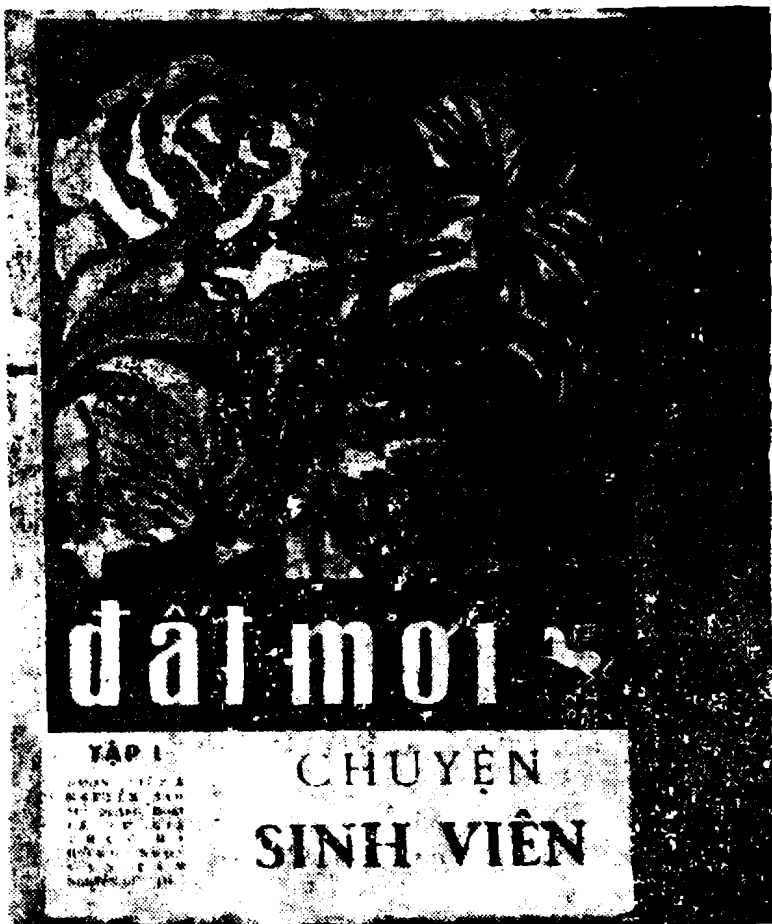
Em hãy đếm những vì sao trên trời được bao nhiêu thì anh yêu em còn hơn thế nữa...

Nếu có thể và chỉ có thể thôi.

Đường trăng mà không sáng ! Bóng mây đã che mờ hẳn trăng đêm. Ánh đèn trong những gian phòng khu học-xá chiếu hắt ra như những vì sao thứ tự. Tân bước vội lên thềm. Một anh bạn sinh-viên ngồi đó nhìn theo dáng anh một nhọc.

Kém 15 phút nữa là đúng 10 giờ đêm. Bây giờ phải họp tổ hội tự kiểm-thảo. Mà kiểm-thảo cái gì, đêm nào cũng một luận-diệu "Tôi thấy trong ngày hôm nay...".

Qua phòng họp lớn, Tân lấy tay kéo xệch chiếc ghế dựa đi một quãng. Tiếng ồn làm mấy người bạn đang chú ý học bài nhìn lên. Có cái nhìn của Bằng qua đôi kính trắng gọng nạm vàng. Mắt Tân bắt gặp mắt Bằng trong thoáng chốc. Và Tân càng thấy bực mình thêm vì cứ bị mãi đôi mắt kính vô lý kia ám-ảnh. Một thằng người hay một... thế thôi ! Cần gì nói hết ý nghĩ của mình trong khoảnh chốc. Tân lấy đàn "violon" ra kéo chuu



Hình bìa cuốn **ĐẤT-MỚI** từ báo đấu-tranh của sinh-viên đại-học trong có đăng bài « Lịch sử một câu chuyện tình » của Bui quang Đồi

một bài cho lòng khuấy-khỏa. Âm-thanh của bản đàn « Thais » réo rất và dồn dập làm rối bời thêm tâm trí anh.

— Ê, Tân đi họp tờ di chứ « ôm » đàn mái à !

Tân cười nhẹ và ngoan ngoãn như em bé bỏ cây đàn vào hộp. Bước đi vắn nặng nề, do dự. Tiếng đàn còn văng bên tai anh. Họp I có gì ? — Phê-bình và kiểm-thảo, kiểm-thảo và phê-bình. Mười phút qua và tới mai đúng 10 giờ kém 15 lại cứ thế. Tân lên giây đồng hồ cho tiếng máy chạy đều sống đến 10 giờ đêm mai. Không biết con người có như vậy không, nhưng cứ kéo dài như vậy thì quả thật là mệt mỏi quá rồi ! Bao giờ sẽ được lau đầu ?

Một hồi keng vang lên. Mười giờ đúng. Ánh điện đồng loạt ở các gian phòng khu học-xá tắt phụt. Có vài cái trẻ nài cố sống thêm vài phút. Mười giờ và đi ngủ. Nội-quy của khu học-xá là như vậy và không một ai có thể thức lâu, trừ « trường-hợp » đặc-biệt nào đó. Tân mãn mê hộp đàn violon trong đêm tối. Anh muốn kéo thêm một bản đàn và thực tình anh cũng chưa buồn ngủ. Nhưng đêm tối của toàn gian phòng bắt anh phải tôn trọng một giấc ngủ chung của tập thể. Tiếng đàn vẫn như còn vang lâu kéo anh về một kỷ-niệm. Anh nghĩ đến một người ở năm thứ nhất ban Sử :

*Trang sách mở rồi
Một tờ thư nhỏ nhỏ
Thương anh muốn van thuở
Gửi chùm hoa lý phần anh...*

Tự nhiên anh nhớ lại mấy câu thơ đó của người bạn và mong cho nỗi lòng mình có một sự cảm-thông. Câu chuyện gặp gỡ anh không thể quên được...

Đôi mắt của An và thân hình của An. Màu áo tím hoa cà trong nắng vàng của buổi chiều hè làm Tân có cái cảm-tưởng An đang bước trên một dải mây. Gió thoảng bay về vờn qua nếp lụa mỏng. Một cái gì lôi cuốn cả tâm-hồn Tân, anh trừu mến nhìn người bạn gái sinh-viên chưa quen thuộc đó. Anh đang vui cười trò chuyện với mấy người bạn gái khác, không chú ý đến một chàng trai si tình của năm thứ ba văn-khoa. Ai lại yêu quá vội vàng như thế nhỉ ! Nhưng nói sao được tuổi thanh-niên và nói sao được cái rung động buổi đầu trước một người đẹp. Tân nhìn An trong nắng vàng của chiều hè, nhịp mái chèo vờn lên. Tự nhiên An cũng nhìn hướng về phía Tân. Và An nhìn hướng như vậy luôn mấy lần. Đôi mắt Tân và đôi mắt An đã gặp nhau trong một cuộc hẹn hò không ước hẹn.

Yêu ! Tân thấy cuộc đời như rộn hẳn lên và cái gì cũng hoa là hoa, ánh sáng là ánh sáng. Yêu đời đẹp quá đi thôi và đưa người thanh-niên đến một lạc quan say đắm ; « Em ơi ! Em hãy đếm những vì sao trên trời được bao nhiêu thì anh yêu em còn hơn thế nữa... »

Chiều đó Tân đã gặp lại An. Lần này anh không dám nhìn thẳng vào mắt An nữa. Anh muốn nói một câu mở đầu nhưng lòng anh bối rối. Anh đang lúng túng tìm một ý nghĩ gì thật là văn-hoa để mong diễn đạt nỗi lòng thầm kín của mình một cách xa xôi bóng bẩy thì Hạnh đến. Hạnh là một người bạn gái khá tốt và tế nhị trong vấn-đề tình cảm. Hơn nữa Hạnh là người đã đứng tuổi, có con rồi. Tân đã có lần tâm-sự với Hạnh về cảm-tình của mình đối với An, nên bây giờ trong một sự tình cờ hai người đứng gần nhau trước hiên nhà, Hạnh đã nắm được sự bối rối của Tân. Hạnh nói như sự nhớ một điều gì :

— À, Anh Tân đây rồi ! Chị An mượn tôi cuốn « Số đỏ » của Vũ- trọng Phụng nhưng anh lại mượn mất rồi. Thôi hai người điều đình với nhau vậy.

Tân hơi ngạc nhiên vì anh không định mượn cuốn « Số đỏ » của Hạnh bao giờ. Nhưng thoáng cái, anh hiểu ngay ý nghĩa câu nói, anh nhìn thẳng vào mắt An hỏi :

— Chị An bên Sử mà cũng thích đọc sách bên Văn cơ à ? Thế mà tôi cứ tưởng...

— Tưởng gì nào ?

Hạnh cười ngất ngang câu nói làm Tân hơi lúng-túng :

An cũng vậy, nàng đã bắt gặp rất nhiều lần Tân nhìn nàng, nên hôm nay nàng cũng không giữ được vẻ tự-nhiên thường ngày. Nàng hỏi lại.

— Thế anh tưởng rằng bên Sử thì không thề và không dám hiểu một ý sâu của câu văn hay sao. Anh quên rằng các anh bên Văn là rất cần Sử đề có thể phân tách tình-trạng xã-hội qua tác-phẩm văn-học đó nhé !

Hạnh cười :

— Vâng rất cần Sử...

Câu chuyện đang vui thì Bằng đến. Bằng nhìn Tân rồi nhìn An qua đôi kính trắng gọng nạm vàng nói như cố ý pha trò nhưng quá nước ốc :

— Chứ cái chi chi đây mà tự hợp vui quá nhỉ.

Tân muốn bỏ đi ngay. Anh nói hất hàm :

— À, một chuyện đời !

Bằng lại giữ rất đúng thái-độ « Đào kép mới » của Nguyễn công Hoan, cười lộ bịch :

— Chà, chứ quan-trọng vậy ư ? Nhưng chuyện đời gì mà chi có ba người, tôi tham-gia có được không ?

An vô tình nói với Bằng :

— Sao lại chuyện đời ? Em hỏi mượn chị Hạnh cuốn « Số đỏ » đó thôi.

Tân nhún vai :

— Thì « Số đỏ » cũng là chuyện đời, chuyện đời của thằng Xuân hiết lừa đời, sống trong một hình-thức giả-tạo dè mà lên đến ghế gọi là « anh hùng ! »

Tân nói xong, cười tinh-ngịch nhìn vào đôi mắt kính của Bằng. Anh thấy Bằng đã đến, tất nhiên nước có thể đục. Mà anh, cuộc đời trước mắt anh đang cần những cái gì trong mát, tươi thắm hơn, nên anh trở về phòng.

Lát sau Tân đưa cuốn « Số đỏ » cho An. Hai người cùng nói chuyện với nhau nhiều hơn trong cuộc đời sinh-viên, giữa người ở vùng tự-do kháng-chiến trở về thủ-đô và người thủ-đô cũ. Tân kể lại những ngày vất-và ở cầu Kè, Thanh-Hóa, đêm ngồi nghe Giáo-sư giảng bài bên ngọn đèn dầu lù mờ và cả cuộc đời gò bó, khuôn khổ. Ngoài thì tàu hay của giặc thường đi khủng bố, trong thì là cả một sự sống hạn chế... Anh không muốn nói hết những tình-cảm và tư-tưởng của mình trong những ngày đã qua. Anh muốn tìm hiểu hơn ở người bạn gái Hà-nội có mái tóc quăn này. Anh đã hỏi An là sao An đã vào Sư-phạm mà chịu ở ký-túc-xá. Qua những câu nói của An, anh hiểu tâm-trạng của một người thanh-niên học-sinh Hà-nội hơn, những phút sống lao-dao của họ trong bàn tay địch và cuộc đời như

không có tương-lai. Tất cả xung quanh đều là những bước đường có thể sa ngã, bàn tay của trụy-lạc, của đen tối luôn tìm lối kéo mọi người thanh-niên mới lớn lên. Cho nên trên cái bờ vơ vớ của cuộc đời, phải chăng người thanh-niên của thủ-đô Hà-nội cũ đã hướng về vùng tự-do kháng-chiến. An cũng đã sống trong cái tâm-trạng đó nên lúc hòa-bình được lập lại, nàng như thấy rõ cuộc đời mình đang bắt đầu đi vào con đường giải-phóng mới rộng rãi và tươi sáng hơn. Trên ý nghĩ đó, An thấy mình chưa phục-vụ cho nhân-dân, cho đất nước được một cái gì rõ rệt, hơn nữa trong nhu-cầu cần-thiết của nhân-dân, nàng quả quyết theo ngành Sư-phạm. Mặc dầu Trâm, bạn nàng, hôm thi đỗ được vào trường Đại-học Sư-phạm văn-khoa đã nói đùa : « Thế này thật là mới vững lập-trường ! » nhưng An không khe khắt với bạn. Nàng cho ý nghĩ ấy cũng có thể được chứ có sao đâu : lập-trường của mình là dứt khoát đứng về phía nhân-dân lao-động và phục-vụ cho nhân-dân lao-động cơ mà ! Học sư-phạm ra đi dạy là ý nghĩa cụ-thể nhất của một người thanh-niên.

An đã nói với Tân là An mến những chị bạn ở vùng tự-do kháng-chiến mới về. An muốn gần họ và mong hiểu được nhiều hơn cuộc sống của con người kháng-chiến mà nàng không là một con số trong đó. Tân hỏi đùa An :

— Nhưng sao người ở Hà-nội lúc mới được giải-phóng lại cứ hay gọi vùng tự-do kháng-chiến là « hậu phương » ?

An không trả lời. Qua câu chuyện của Tân, nàng thấy Tân là một thanh-niên rất thành thật. Nàng mến Tân hơn và có thể tin ở người bạn trai có một tâm hồn nghệ-sĩ này. An nhớ lại những bản đàn mà Tân thường chơi vào lúc 10 giờ đêm trước giờ kiêu-thảo. Tiếng đàn những lúc đó lao giờ cũng vội vàng, hấp tấp. Tân kéo bản đàn này qua bản đàn khác như người đang cố tìm hướng lấy một phút sống vui trước giờ hấp hối (và không biết 10 giờ nội-quy đi ngủ của khu học-xá có phải cũng đúng là giờ hấp hối hay không). Tiếng đàn buổi sáng bao giờ An cũng thấy thoải mái, thánh thoát hơn. Tiếng đàn lắng sâu vào tâm-sự con người trong buổi bình-minh rực rỡ, đọng trên mí mắt của người ta như châu ngọc, ban cho tuổi thanh-niên một hứa hẹn của ngày mai. An rất thích nghe tiếng đàn bình-minh của Tân. Một sáng dậy nắng mới, Tân lại đi kéo bài « Khúc ca ban chiều » « Sérénata » — làm An và các bạn khác, vẫn thích nghe đàn của Tân, bật cười :

— Ông tưởng quên cả ngày rồi !

*
* *

Nếu chỉ thế thôi !

Tân đã ghi vào trang đầu của cuốn nhật-ký « *Em ơi ! Em hãy đếm những vì sao trên trời được bao nhiêu thì anh yêu em còn hơn thế nữa...* »

Tình yêu đã bắt đầu chớm nở giữa hai người. Tiếng đàn của Tân vui hơn, nhộn nhịp hơn. Anh không ăn bạn bình thường như trước nữa. Anh chải hất mớ tóc lên theo làn sóng uốn và thỉnh thoảng anh lại thổi cả « cravate ». Mọi người đều thấy ở Tân có một sự thay đổi và ai cũng biết câu chuyện giữa Tân và An.

Bước đầu đang được tìm hiểu xây dựng thì một hôm người ta thấy Bằng đang bàn chuyện trong buồng riêng với hai nữ sinh-viên, Chi và Phụng. Nét mặt của Bằng rất quan-trọng và qua đôi kính trắng gọng nạm vàng của Bằng người ta lại càng có thể đoán cái quan-trọng của câu chuyện hơn. Không ai hiểu chuyện gì đã hay đang xảy ra. Người ta — nghĩa là anh em sinh-viên — đều biết Bằng là Bí-thư chi-bộ Đảng của tổ-chức sinh-viên. Một lát Chi ở phòng riêng ra, còn Phụng ở lại với Bằng. Cửa đóng kín mít trong gian-phòng có hai người, một trai và một gái. Người ta không có quyền tò-mò vì đó là Bằng « đảng-viên » đang « giải-quyết » công việc.

Đến chiều An vội từ trên gác hai xuống tìm đến phòng riêng nơi Bằng làm việc. Mặt nàng hơi tái, Bằng hỏi nàng :

— Chắc Chi và Phụng đã nói chuyện với chị rồi phải không ? Chị có cảm tình với Tân ? À, cái ấy chị có quyền tự-do luyện-ái...

An thấy thái-độ của Bằng quá trắng trợn, toan « thách-mắc » nhưng nàng vội nhớ ngay đến địa-vị và chức-vụ của Bằng. Nàng lo sợ ngồi yên lặng cúi đầu xuống, tay cuộn tròn màu giấy nhỏ. Tự nhiên nàng thấy mình như đang phạm vào một tội gì đó trong « nội-quy » tình yêu ở khu học-xá. Nàng đang phân vân thì Bằng lại nói :

— Chị đã tìm hiểu gì nhiều về anh Tân chưa ? Cứ nói thật thì anh chị em người ta giúp ý kiến cho chứ ngại gì mà vụng trộm. Ở đây chúng ta có đủ mọi quyền, trong đó có quyền yêu cơ mà.

Rồi Bằng cười độ lượng tiếp :

— Cái khuyết điểm của chị là sao lại không hỏi ý kiến tôi hay tập thể. Tất cả sinh-viên của ta ở đây có một việc gì, dù là việc tâm-tình kín đáo mấy mà lại không hỏi qua ý kiến tôi. Nhưng may mà có mấy chị ấy báo cáo cho tôi rõ, nên tôi mới gọi chị đến đây để giúp đỡ thêm ý kiến về hạnh-phúc lứa đôi. Chắc chị biết những tiêu-chuẩn luyện-ái-quan chứ gì ? Tôi không nhắc lại hết, chỉ nêu lại với chị một điểm của tiêu-chuẩn luyện-ái là vấn-đề tư-tưởng. Vàng, vấn-đề tư-tưởng là chính-yếu ; giá-trị của con người ta là qua vấn-đề tư-tưởng đó. Mà Tân thì chắc chị đã hiểu, Tân chưa phải là thanh-niên Cứu-quốc, riêng chị là người cảm-tình của Đoàn.

Sự việc xảy ra quay cuồng trước mắt An. Chiều hôm đó nàng bỏ không ăn cơm, cáo ốm xin nghỉ học tối. Trước kia nàng là một người hồn nhiên, nhìn mộng đẹp của đời như bông hoa buổi sáng mở cánh đón ánh nắng hình-minh. Nàng rất tin ở chế-độ Dân-chủ Cộng-Hòa và con đường tiến lên của nó. Nàng rất tin con người trong chế-độ đó và chưa một lần hoài nghi. Người ta có thể hoài nghi với cuộc đời, với cả tình yêu. Nhưng riêng An nàng nghĩ người đời cũng có thể có những tình-cảm như mình. Nay trang giấy trắng của tuổi lòng đang bắt đầu lật qua một mặt khác, nàng đã yêu Tân. Tình yêu của nàng đang vừa độ chớm nở. Nàng có thể tha thứ cho Tân những điều mà Tân đã làm lỗi trong tình-cảm trước kia. Đó là một truyện rất có thể mà thôi tuy chưa thú thực nói lòng của mình với Tân, nhưng nàng có thể tin Tân.

Đôi mắt Bằng qua một đôi kính trắng gọng nạm vàng như đã nhìn rất lâu vào tâm-tư An. Nàng không thể quên được cái tiêu-chuẩn — không biết có vô lý không — mà Bằng đã nêu ra : vấn-đề tư-tưởng. Mà tư-tưởng tức là lập-trường chính-trị rồi. Thế nhưng anh Tân đã chiến-đấu ở bộ đội về, đã ở kháng-chiến cơ mà ! An càng thêm phân vân. Cuộc đời quả thật là vô cùng phức-tạp. Tại sao Tân không phải là Thanh-niên Cứu-quốc ? Tại sao Tân đã chiến-đấu cho Cách-mạng nhiều như vậy 6, 7 năm ở bộ đội — mà lại không là một đảng viên Cộng-sản ? Tại sao ? Nếu quả ý nghĩa câu nói của Bằng thì có thể là Tân thiếu lập-trường Cách-mạng, tư-tưởng kém. Do đó suy rộng ra không biết có nên chụp mũ không — là tư-cách đạo đức kém. Mà nếu là quần-chúng thì đó là một sự dĩ nhiên. Ý nghĩ dồn dập trong tâm-trí An. Nàng thấy ở trường học cũng có cơ-quan đoàn thể của chính-phủ, những người lãnh đạo đều là đảng viên Cộng-sản cả. An rút ra một kết-luận đơn giản : đảng viên Cộng-sản người nào cũng tốt hết vì họ có lập-trường tư-tưởng vững còn quần-chúng mặc dầu anh ở thành phần nào, năng-lực công-tác cao đến đâu nếu anh chưa là đảng viên Cộng-sản thì ý thức lập-trường của anh đều kém. Như vậy, nếu đưa vấn-đề tự-do luyện ái ra trong đó có tiêu-chuẩn tư-tưởng — sao lại tiêu-chuẩn — qua ý của Bằng là *con gái thì nên lấy chồng đảng viên Cộng-sản* vì họ có lập-trường tư-tưởng. Thật là rui ro cho ai lấy phải những người chồng quần-chúng như Tân hay sao ?

Nhưng hiện nay một số đảng viên Cộng-sản đã phủ nhận vai trò của quần-chúng, không tin ở quần-chúng (cơ-quan tổ-chức nào họ cũng nắm toàn quyền lãnh đạo và đảng-bộ quyết-định tuyệt-đối), họ khinh thường quần-chúng. Vì vậy An đã nghi ngờ ngay cả khả-năng của bản thân mình.

An càng thấy băn khoăn hơn trong ý nghĩ, mấy ngày luôn nàng tránh không muốn gặp Tân, nàng sợ cái nhìn của Tân, sợ cả tiếng đàn của Tân. Tiếng đàn trước kia quen thuộc, thân ái như lời tâm-sự, bây giờ đối với nàng như tiếng kêu than não ruột.

Chính nó đã xé cả lòng nàng. Nàng thấy như tiếng đàn cũng mất lập-trường, thiếu căn-bản tư-tưởng. Ừ, giá cũng bản đàn đó, nếu là một người đảng viên cộng-sản kéo thì có phải vững lập-trường biết bao. An cho mình nghĩ như vậy là máy móc, nhưng chính lòng nàng giờ đây qua buổi nói chuyện với Bằng, nàng không biết cái gì là đúng, cái gì là sai nữa. Nàng đang đứng trước một ngã ba đường mà chân-lý đối với nàng còn quá mơ hồ. Người bí-thư chi-bộ Cộng-sản ở trường đã đưa nàng vào con đường sương mù của một buổi sáng Luân-Đôn.

Không yêu có được không ? An dề tay lên tìm mình nghe rõ tiếng đập dồn dập. Nàng yêu Tân, yêu nhưng chưa qua một lời hứa hẹn. Như thế cũng hay ? Chi bằng ta gặp cuộc đời ta lại chờ đợi một cái rui may.

Mấy lần An đến gặp Bằng, nói rõ nỗi khổ của lòng mình. Bằng đã thương hại nàng, lấy tư-cách là một người anh, tư-cách một người cán-bộ lãnh đạo đi sát quần-chúng, an-ủi nàng. Nàng rất cảm-động vì lòng tốt của Bằng. Có lần Bằng đã dề tay trên vai nàng, vuốt nhẹ tóc nàng, khuyên nàng không nên đau khổ. Thời-gian sẽ trôi qua vì kỷ-niệm kia cũng sẽ dần-đi phôi nhạt. Nàng thấy Bằng luôn sẵn sóc đến nàng cũng như các người

bạn gái khác của nàng. Trong toàn trường sư-phạm văn-khoa, không một người nào thác-mắc cái gì là không phải qua tay Bằng giải-quyết, Bằng đã giúp đỡ cho nhiều chị nhìn rõ đời tư của người bạn trai si-tình nào đó và như vậy chị mới có thể dứt thoát cái dứt dây tình-cảm đang định giăng quắc hai người. May có Bằng nếu không thì biết bao nhiêu là chị sẽ vô tình yêu lầm phải những chàng sinh-viên quần-chúng thiếu tiêu chuẩn tư-tướng trong vấn-đề luyện-ái-quan.

Thật tình An đã cảm-ơn Bằng, người cán-bộ trung-kiên đã giúp cho nàng một con đường thoát. Nàng thấy Bằng thật quả xứng đáng là một sinh-viên gương-mẫu của trường đại-học, gương-mẫu cả trong cách thức giải-quyết tình-cảm.

Từ đó An nhìn Tân bằng con mắt khác, cố tránh xa Tân. Tuy nhiên, nhiều khi ngồi suy nghĩ một mình, An tự hỏi lòng mình đã dứt thoát hẳn với câu chuyện của đời mình hay chưa. Cái kỷ-niệm trong mỗi tình đầu tiên chưa hợp đã tan kia, làm sao nàng có thể quên được.

*
* *

Có vài mẩu chuyện tung ra trong dự-luận sinh-viên năm thứ ba làm An ngạc nhiên. An đã biết thời-gian vừa qua Tân rất đau khổ. Tiếng đàn bình-minh thường lệ càng như tha thiết hơn, lo lắng hơn. An rất khó chịu về tiếng thì thầm cho rằng Tân hay diện : « Trong lúc An là người Hà-nội muốn trút bỏ cái áo Hà-nội để đi xuống thì Tân lại tìm khoác cái áo ấy vào ». Tại sao người ta lại quá nghiêm-khắc với ngay cả cách thức ăn mặc ? Thế chiến-đấu để làm gì, cứ sống thật với lòng mình có hơn không ?

Một hôm An được Bằng gọi xuống có chuyện riêng. Thoảng thấy bóng Tân ở phòng Bằng ra, nàng đã đoán được phần nào câu chuyện. Cái làm nàng ngạc-nhiên nhất là Tân lại đi cầu cạnh Bằng mong giúp đỡ trong vấn-đề tình-cảm. Nàng chắc Tân không bao giờ có thể làm một việc cầu cạnh như thế. Nhưng biết đâu, trong đau khổ của con tim, người ta có thể đi thử một nước cờ. Nhưng nước cờ đó của Tân, chính Bằng là người dẫn quân tính nước và An cũng đã chỉ là một quân cờ. Nước cờ của Tân qua tiêu-chuẩn tư-tướng trong vấn-đề luyện-ái-quan của Bằng đã thất bại. An từ chối Tân.

Và nếu cũng chỉ có thế thôi !

Câu chuyện chưa phải là bỏ dở. Ngày qua rất chóng. An không đọc lại những trang nhật-ký đã ghi ; An cũng không tìm trở lại một kỷ-niệm. Nàng sống hồn nhiên như một ngày nào...

Có lần đi sau Chi và Phụng, hai người đang bàn về tình yêu, An đã thoảng nghe : ... « Nữ-sinh Hà-nội dễ chinh-phục như chơi... Anh ấy quan-niệm rằng người ta có thể yêu một lần bốn cô... » An lao đao cả tâm hồn. Anh ấy là ai ? Chắc hẳn phải là một anh cán-bộ nào đó gần gũi với mấy cô nữ-sinh-viên. Nhưng sao người ta lại có một quan-niệm lạ đời như vậy ? Họ khinh thường người con gái Hà-nội quá đi ; họ đã quan-niệm nữ-sinh Hà-nội như một người đàn bà dễ dãi trong tình yêu. Và một lần bốn cô. Rõ ràng đó là ý nghĩ của một tư-tướng bệnh-hoạn, lưu-manh.

An nghĩ đến Tân, so sánh giữa Tân với một số cán-bộ sinh-viên lãnh đạo. Tân sống với tình-cảm của mình quá nhiều, nhưng Tân chưa bao giờ lừa dối ai. Phải sống thật với lòng, sống thật với con người chân chính... Trong đời còn bao nhiêu là rơm rác, bao nhiêu là sâu bọ, làm sao mà biết được cái chân chính của một con người. Bằng đã giải thích và xây-dựng cho nàng rất nhiều trong cuộc sống chung dung giữa sinh-viên. Những cô bạn của nàng cũng đã có cái hân-hạnh đó và tất cả coi Bằng như một người anh. Bằng có đủ mọi quyền, kể cả quyền về tình-cảm. Nhưng với quyền hành đó, Bằng có xứng đáng với lòng tin của quần-chúng không ? Qua câu chuyện giữa Chi và Phụng, An bắt đầu đặt một câu hỏi. Nàng biết Phụng là người rất được Bằng chú ý và thường hay lần bạc riêng với nhau. Có hôm Bằng và Phụng ở trong buồng riêng thì thăm đến quá nửa đêm, mà nội-quy nhà trường thì 10 giờ đúng là đi ngủ. Đó là một « trường-hợp » đặc-biệt và không ai có thể tò mò về Bằng trong khi anh ta đang « giải-quyết vấn-đề » gì đó cần thiết cho một cô sinh-viên. Bằng gần Phụng nhiều cũng đúng, vì chính Phụng đang thắc-mắc nhiều về chồng con. Bằng vuốt tóc Phụng xoa dịu lên vai Phụng cũng là đúng vậy thôi. Phụng cần được an ủi và Bằng là một người anh, đồng thời là cán-bộ lãnh đạo. Có hôm chính mắt An đã thấy Bằng đùa nghịch với Phụng trước mấy người bạn gái khác. Bằng đã tha thiết muốn xin cái huy-hiệu Tiếp-Khắc trên ngực Phụng. Phụng không cho và như thế là có một cuộc dăng-co « vui vẻ » cái huy-hiệu trên ngực Phụng. An thấy khó chịu vì ngực của một người con gái, dù là bạn trai thân đến đâu cũng không nên đùa quá trớn như vậy. Nhưng Bằng là cán-bộ lãnh đạo thì hành-động ấy phải chăng Bằng có thẩm quyền ? Cũng như Bằng đã thắc-mắc trước mọi người là Duyên có mang. Lúc ấy Duyên đang yêu Thái. Thế là do từ thắc-mắc của Bằng phát sinh ra một dư luận. Người ta nhìn Duyên bằng con mắt hay hay, chờ đợi một cái gì sẽ đòi ở con người. Thế nhưng mấy tháng qua và năm học hết. Duyên vẫn thấy là Duyên lành mạnh, không « to » như ý nghĩ thắc mắc của Bằng.

An càng nghĩ sâu nhiều về sự săn-sóc của Bằng nàng càng thấy khó chịu. Bằng dễ dãi và quá thân-mật, với chị em. Thường ngày Bằng chỉ *giữ nữ* mà *xa nam*. Hành động như trên đối với Phụng và Duyên, An không hoàn toàn đồng ý. Hơn nữa như câu chuyện giữa cô Chung và anh Bào. Hai người yêu nhau đã hơn bốn năm gần cưới, bỗng dưng Chung tuyên-bố cắt đứt với Bào. Chung bảo Chung không yêu Bào nhưng Chung lại mới yêu Duy là một người học cùng lớp, ngồi cùng bàn. Đây cũng không thể trình-bày qua vấn-đề tình cảm mà cũng chỉ là trong tiêu-chuẩn lập-trường : Duy là đảng viên và Bào chỉ là quần-chúng. Chung muốn có một sinh-mệnh chính-trị làm bậc thang cho đời mình nên tìm yêu Duy. Bằng đã giải-quyết cho hai người cắt đứt nhau, đồng thời có kiếm-thảo Duy. Việc xảy ra, An cho là vô lý. Cách giải-quyết của Bằng, dung thứ cho Duy phá tình yêu của bạn, thừa nhận sự phản-bội tình-cảm của Chung và quy-kết khuyết-diêm về Bào, cho Bào là không biết duy-trì tình yêu. Bào đã đau khổ. Chung thì tự dắc về sai lầm mù quáng của mình như một kẻ thắng thế, còn Duy thì lại tò thái-dộ đứng dưng : « Chuyện tôi với Chung sờ dĩ xảy ra vì tôi sống gần một người đàn bà. Tôi lại chưa có vợ... À đàn bà ! » Đó là quan-niệm luyến-ái của một cá-nhân cán-bộ lãnh đạo hay sao ?

Hình ảnh Bằng với đôi kính trắng gọng nạm vàng và hình ảnh Duy với một mắt to, mắt nhỏ luôn ám ảnh An. Đó là hai người trong những người lãnh đạo. Tại sao những sự việc xảy ra vô lý như vậy mà hai người lại quan-niệm một cách quá giản-dị, cái chân chính của con người là thế hay sao ? Nàng nhớ lại câu nói của Tần đã trả lời Bằng về cuốn Sổ đỏ : «Thì Sổ đỏ cũng là một chuyện đời, chuyện đời của một thằng Xuân biết lựa đời sống trong một hình-thức giả tạo để mà lên đến ghế gọi là anh hùng ».

Thì đây ngoài cái giả tạo đó, còn có cái giả tạo lừa lọc, phá hoại trắng trợn tình-cảm của con người ta nữa...

An đau khổ từ trong tận cùng tâm-hồn. Nàng nghĩ đến Tần. Tần không thể có những cái tình-cảm bệnh hoạn như vậy. Tần không che dấu tình-cảm của mình và qua tiếng đàn của Tần người ta cũng có thể thấu rõ tiếng nói của con tim Tần. Tiêu-chuẩn tư-tưởng hay tiêu-chuẩn tình-cảm trong tình yêu ? Cuộc sống như bị đóng khung, uốn theo cái nhìn của một số người lãnh đạo. Họ — như hạng Bằng — không còn có trái tim biết xúc-cảm nữa. Họ sống theo một hình-thức giả-tạo, một đạo đức lừa dối, trong đó họ có thể đề-cao địa-vị đảng-viên của họ lên, đồng thời là đề-cao cá-nhân họ. Họ muốn quần-chúng tôn sùng họ : họ là một ông thần nhỏ trong phạm-vi hoạt-dộng. Trong số những người đảng-viên ít ỏi giữa quần-chúng đông đảo, ai là người chân chính, ai là người đau xót cho da thịt của mình có những phần đang rữa nát ?

Không ! An vẫn tin, lòng tin vô cùng mãnh liệt ở sự lãnh đạo của Đảng Lao-dộng, Đảng đã đưa nàng đến ánh sáng, với cuộc sống ý nghĩa — với con người. Nhưng An không thể chịu được một số đi sai-lệch, sống tìm dựa vào một quyền uy. Mọi sự giải-quyết tình-cảm, phá hoại sức sống tuổi trẻ và bao việc đen tối, mập mờ khác của Bằng làm An thêm khổ chịu. Nếu quần-chúng mà sai lầm như vậy thì không biết sẽ được kiểm-thảo, được thành-kiến, được quy kết tội lỗi đến một thời vực nào...

An bị đẩy vào trong ý nghĩ. Nàng chưa thể nhìn thấy chân-lý của một vấn-đề khi lực lượng xã-hội đang ngày càng phát triển trong sức sống mới của dân-tộc. Ngày qua, nàng mệt mỏi, choáng váng đầu óc như một người bị bệnh thần-kinh. Nàng tự đấu tranh giữa lẽ phải và sai lầm. Nàng nghĩ hiện nay trong rất nhiều cơ-quan hạng người như Bằng không phải là ít. Trong một giấc mơ, nàng thấy một người chiến-sĩ tay cầm ngọn cờ hồng, mình đầm máu, nét mặt vô cùng đau khổ, nhưng cương quyết đang đi bước nàng đi. Đằng sau là đêm tối và đằng trước là ánh sáng bình-minh rực rỡ. Người chiến-sĩ đó đã nhìn An âu yếm :

— Đằng kia là bình-minh của ngày mai. Em tiến tới đi, can-dảm mà tiến tới !

Nàng cảm-động gục vào tay người anh hùng đó của dân-tộc và khóc nức lên...

Trong thoáng chốc, nàng có ý nghĩ là không thể có một hạng người như Bằng tồn tại trong cuộc sống của con người. Phải tẩy rửa đi, thanh toán đi.

Tuổi trẻ và tình yêu không muốn và không thích có những bóng đen của lãnh đạo, quan liêu, bè phái, hẹp hòi bao trùm lên trên tình-cảm của mình, làm cho người ta hiểu lầm nhau, chia rẽ nhau.

Tuổi trẻ và tình yêu không muốn và không thích có những hạng « Lý-Thông », có những hạng cây tầm gửi sống bám vào cuộc sống đầy hoa mộng của mình.

An muốn sống thật với lòng mình, sống với nhịp sống của con tim, với chân-lý của cuộc đời và trái tim của con người chân-chính.

An mong được gặp Tân nói với Tân rằng : « *Em đã đếm những vì sao và em đã đếm mãi ; đếm mãi qua tận cùng của vũ-trụ nhưng có một lần em đã không tìm thấy anh !* »

* * *

An đi dài trên đường cò rộng, tìm nhớ lại kỷ-niệm thoáng qua. Nhưng ... An bỗng lùi bước lại. Một bóng đen lù lù đi tới choáng rộng cả không gian. Ai ? An bàng hoàng như trong cơn mê loạn, không nhận rõ được bóng đen đó. Nàng chỉ thoáng thấy qua ánh đèn chiếu hạt ra vội vã, dối mắt kính và gọng nạm vàng. Toàn thân nàng run lên lo lắng. Ý nghĩ trở về với Tân chỉ còn mong manh như sợi tơ trời. Không ! đừng động mạnh bàn tay, hãy giữ lại cho sợi tơ kia bền chắc hãy quấn nó, trộn nó với giòng máu của con tim.

An lao đảo đi trong đêm tối. Nàng không dám giữ lại hình ảnh Tân vì bóng đen tai hại kia vẫn từng sống. Nàng cố tìm cách xa đuổi nó đi...

An gục xuống một bên đường cò rộng, vẫn cái bóng đen với đôi kính trắng gọng nạm vàng choáng rộng cả không gian, choáng rộng cả tâm-hồn nàng.

Mây đen vẫn che mờ cả trăng đêm ; và đường trăng mà không sáng...

Một cơn gió thổi về, xua tan những đám mây mờ ám. Ánh sáng xanh mát của trăng đêm lan dần trên cảnh vật mênh mông. Ánh sáng đó tỏa nhẹ trên da thịt An, thấm tận tâm-hồn An, như đưa lại cho nàng sức sống. An vùng đứng lên hít mạnh khí trời ấm áp. Nàng nhìn theo ánh sáng của con đường nàng đi tới. Cuộc sống phải chẳng vừa qua một cơn ác mộng, câu chuyện xảy ra đã là quá khứ ?

An hát một bài ca của tuổi trẻ, tiếng hát hòa theo nhịp đập của con tim. Có tiếng cười nghịch phá của mấy cô bạn đang đùa tới :

— À, An đây rồi ! Thế mà tìm mãi.

Mấy người xúm lại quanh An, riu rít trong từng câu nói. Cuộc đời... nếu không có những bóng đen !

10-56
BUI QUANG HOAI

CHỦ-NGHĨA NHÂN-VĂN CỦA ÔNG HOÀNG XUÂN NHỊ

của Bùi quang Đồi

L.S.G. — Sau khi báo Nhân-Văn ra được mấy số thì Đảng cử ông Hoàng xuân Nhị thực-sĩ triết-học, viết bài công kích nhóm Nhân-Văn. Sau đây là bài của Bùi quang Đồi trả lời ông Nhị. Từ khi ấy không thấy ông Nhị trả lời mà Đảng cũng lờ đi không trả lời những điều mà tác-giả bài này đã nêu lên.

Trên báo Nhân-Dân ngày 16 và ngày 17-10-56 có đăng bài « Chủ-nghĩa Nhân-Văn của chúng ta » của ông Hoàng xuân Nhị.

Bài này trên căn-bản cũng không khác gì những bài của các ông Nguyễn Chương, Xuân Trường, Quang Đạm cũng đăng trên báo Nhân-Dân và cùng nằm trong phạm-vi trả những ý-kiến là có ý đồ cho anh em Nhân-Văn và Giai-Phẩm là muốn tách rời văn-nghệ khỏi chính-trị, chịu ảnh-hưởng của nhân-văn tư-sản, không chịu sự lãnh đạo của Đảng, nói xấu chế-độ v.v...

* *

Trong bài « Tô-chức của Đảng và văn-học của Đảng » mà ông Hoàng xuân Nhị dịch là « Tô-quốc của Đảng và văn-học có Đảng-tính » của Lê-nin đã nêu lên hai vấn-đề :

1) Vấn-đề văn-học của Đảng nghĩa là văn-học tuyên-truyền cho những nguyên-lý tu-tướng và tô-chức của Đảng Bôn-sê-vik.

2) Vấn-đề Đảng-tính trong sự sáng-tác văn-học, theo nghĩa rộng của nó. (Những ý-kiến này chúng tôi dựa vào tập « Lê-nin và những vấn-đề Văn-học Nga » của Boris Meilakh. Nhà xuất-bản Xã-hội 4-4-1956).

Sự phân biệt hai vấn-đề này rất quan-trọng, nếu không rất dễ đi đến những hành-động méo mó, hẹp hòi, thô bạo.

Trong vấn-đề Văn-học của Đảng, Lê-nin viết :

« Tất cả Văn-học của Đảng, dù là địa-phương hay Trung-ương phải phục-tùng một cách vô điều-kiện Hội-nghị của Đảng và những tổ-chức địa-phương hay Trung-ương của Đảng, sự tồn tại của một nền văn-học của Đảng mà không liên-hệ với Đảng theo tổ-chức thì không thể dung nạp được » (Lê-nin toàn tập cuốn X, trang 144)

Đó là thời kỳ trước cách mạng 1905-1907. Đảng Bôn-sê-vik tích-cực hoạt-dộng chống bọn Men và báo-chí của chúng đang tuyên-truyền xuyên-tạc chủ-nghĩa Mác-xít dưới danh nghĩa «mác-xít». Ông Hoàng xuân Nhị đã máy móc đưa thời-gian lịch-sử của thời kỳ trước cách-mạng 1905-1907 đem áp-dụng vào hoàn cảnh xã-hội ta hiện nay. Chính trong nguyên-tắc căn-bản đó, Lê-nin đã nhắc nhở các nhà văn của Đảng:

« Sự-nghiệp văn-học phải trở thành một bộ phận trong toàn bộ sự-nghiệp của giai-cấp vô sản, phải trở thành một bộ phận cấu tạo trong công-tác của Đảng... »

Theo tinh-thần nguyên-tắc đó, các nhà văn của Đảng, các nhà văn đảng-viên, các nhà văn viết trên báo-chí của Đảng, tuyệt-đối phải chịu sự lãnh đạo trực tiếp của Đảng, không được nhân danh Đảng để tuyên-truyền những quan-niệm chống Đảng (cuốn X trang 31) và khi Lê-nin viết «đả đảo những nhà văn-học phi Đảng» (mà ông Hoàng xuân Nhị chú-thích sai là chống lại Đảng thời ấy) chính là nhằm phản-đối những nhà văn đảng-viên chủ-tương đứng trên tổ-chức của Đảng. Đảng phản-đối những nhà văn Men-sô-vích tán thành sự cộng-tác của nhà văn xã-hội dân-chủ với các tờ báo tư-sản (lúc bấy giờ là giai-cấp cầm quyền). Nó hoàn toàn không giống một chút nào với trường-hợp của anh em Nhân-Văn và Giai-Phẩm đương đầu tranh đấu mở rộng tự-do dân-chủ chống những tệ lậu của lãnh đạo. Gán ghép như ông Hoàng xuân Nhị tỏ ra rằng một là ông Nhị không tiêu hóa được tài-liệu, hai là ông Nhị đã lợi dụng tài-liệu một cách xuyên-tạc. Nó không đúng với tinh-thần trung-trực của người trí-thức.

Ông Nhị còn đề-nghị :

« Bài của Lê-nin được viết ra cuối năm 1905 thời mà Đảng chưa lên nắm chính quyền. Đến lúc Đảng đã lên nắm chính quyền rồi thì lẽ dĩ nhiên nguyên-tắc Đảng lãnh đạo và tổ-chức lãnh đạo chuyên-môn lại càng sáng tỏ và chặt chẽ hơn nữa. »

Sáng tỏ và chặt chẽ hơn, đồng ý, nhưng chặt chẽ như thế nào ? Có phải chặt chẽ là văn-học nhất cử, nhất động phải tuân theo ý kiến của một số đảng viên lãnh đạo không ? Có phải chặt chẽ là chuyên-môn vâng theo những ý kiến về chuyên-môn của một số người lãnh đạo không am-hiểu về chuyên-môn không ?

Danh từ chặt chẽ buông xuôi như thế, rất có thể dẫn đến những sai lầm tai hại.

Vấn đề thứ hai là vấn-đề đảng-tính trong văn-học.

Lê-nin giải thích văn-học có đảng-tính như thế nào ? Trong sự đấu tranh chống lại văn-học tư-sảo, địa-vị chủ-nghĩa, cá-nhân chủ-nghĩa, vô chính-phủ v.v...

« Lê-nin đã đề-nghị sáng-tạo ra một nền văn-học xã-hội chủ-nghĩa, thực sự tự-do và liên-hệ công khai với văn-học của giai-cấp vô sản. Theo ý Lê-nin thì nền văn-học đó phải thấm nhuần tư-tưởng xã-hội chủ-nghĩa. Nó phải phục-vụ chu hòng triện triện người lao- »

Đang, những người con ưu- tú, sức mạnh và tương-lai của đất nước. Nên văn-học đó phải là sợi giây nối giữa kinh-nghiệm quá khứ và cuộc đấu tranh hiện tại của giai-cấp vô sản». (B. Leilakh)

Văn-học có đảng-tính như thế. Nó là một nền văn-học « thấm nhuần tư-tưởng xã-hội chủ-nghĩa » công khai bên vực quyền-lợi của nhân-dân đứng trên lập-trường của Đảng. Cho nên văn-học có đảng-tính tuyệt-đối không có nghĩa là văn-học của những nhà văn trong tổ-chức của Đảng. Cũng tuyệt-đối không có nghĩa là bắt buộc tất cả mọi nhà văn phải vào tổ-chức của Đảng. Một tấm thẻ đảng-viên không thể bảo đảm được đảng-tính của một tác-phẩm văn-học. Trái lại một tác-phẩm văn-học có đảng-tính rất có thể là của một nhà văn đứng ngoài tổ-chức Đảng.

Ví dụ : Mai-a-cốp-ski. Lỗ-Tấn v.v...

Văn-học có đảng-tính nghĩa là văn-học có lập-trường đấu-tranh rõ rệt trong « ý-nghĩa thống-nhất và tự nguyện » của những người sáng-tác văn-học xã-hội chủ-nghĩa. Như thế thì người sáng-tác có đủ mọi quyền tự-do của mình, tất nhiên cả quyền tự-do tư-tưởng, có quyền đi sâu vào từng sở thích riêng của mình. Lê-nin viết :

« Trong lãnh vực đó, tuyệt-đối cần thiết phải bảo đảm một sự tự-do rộng lớn cho sáng-kiến cá-nhân, cho các khuy-nh-không cá-nhân, bảo đảm sự tự-do tư-tưởng và tức-tưởng-tượng, sự tự-do về hình-thức và về nội-dung ». (cuốn X trang 28)

Ta thấy ngay trước Lê-nin đã có một quan-niệm rộng rãi trong sự sáng-tác văn-học. Chính Lê-nin đã khiêm tốn trả lời Clara Zetkin khi họa-sĩ này hỏi ý-kiến Lê-nin về phái họa lập-thể và vị lai :

« Tôi không biết nhiều về lãnh vực đó, nhưng tôi nghĩ rằng nếu những nhà nghệ-sĩ trẻ tuổi biểu lộ nhiều cảm-sác của mình trước những xu-hướng đó thì nó phải có một lý do hợp lý và người ta cần phải phân-tích cái lý do đó theo quan-điểm xã-hội học ». (Les Lettres Françaises số 609)

Lê-nin đã không kết án phái họa đó và Lê-nin đã đặt vấn-đề cần phải phân-tích nghiên-cứu nội-dung xã-hội của nó.

Do sự không phân-biệt nội-hai vấn-đề văn-học của Đảng và văn-học có đảng-tính trên, nên chỉ quan-niệm về tự-do tư-tưởng ông Nhị cũng đã ngã vào những sai lầm nghiêm-trọng.

Hoàng xuân Nhị chứng minh rằng sở dĩ các nhà văn-nghệ được tự-do tư-tưởng là nhờ Đảng ông đã đem ví-dụ con chim bay trên bầu trời xanh để làm chân-lý phổ biến muôn đời. Trong lịch-sử tư-tưởng của con người, người văn-nghệ cũng như người khoa-học, triết-học qua bao chế-độ khác nhau, dù bị giai-cấp thống-trị hành-hạ, giết-chết cũng không vì uy-quyền mà hủy-bỏ ý-kiến sáng-tạo của mình. M. Servet và L. Vanini trên đàn củi lửa cũng không

từ bỏ tư-tưởng khoa-học của mình. Cao bá Quát đâu có vì lưới dao bạo lực của triều Nguyễn mà mất cái khí thế ngang tàng bất khuất của kẻ sĩ biết tự trọng.

Xuất phát từ lệnh lạc đó, Hoàng xuân Nhị cho rằng nhờ có Đảng mới có tự-do tư-tưởng. Như ý-kiến tôi vừa trình bày, tôi hỏi lại ông Nhị là có Đảng rồi mới có quần-chúng hay có quần-chúng rồi mới có Đảng? Như thế thì rõ ràng là không phải có Đảng người văn-nghệ-sĩ mới có tự-do tư-tưởng mà ngay những thế-kỷ trước cũng như thời kỳ cách-mạng, mặc dầu thực-dân dân-áp khủng bố Vũ trọng Phụng vẫn kiên-quyết tự-do tư-tưởng, tổ cáo " cái xã-hội chó đều " buộc tội giới cầm quyền lúc bấy giờ. Lúc ấy họ có là đảng-viên đâu; chỉ có là sáng-tác-phẩm của họ chịu ảnh-hưởng ít nhiều của phong-trào đấu-tranh cách-mạng mà thôi.

Như thế thì tự-do tư-tưởng không phải là một vấn-đề Đảng ban ơn cho quần-chúng như ông Nhị đã lầm tưởng. Sở dĩ quần-chúng văn-nghệ-sĩ mến Đảng, tin Đảng, thừa nhận sự lãnh đạo là vì Đảng là người lính tiền-phong trong đội quân tự-do tư-tưởng đó, đã đấu-tranh vì quyền lợi của nhân-dân lao-động cũng là mục-dịch của họ đấu-tranh trong sáng-tác văn-học. Đảng tạo điều-kiện tốt cho người ta tự-do tư-tưởng.

Trên đây tôi đã trả lời ông Hoàng xuân Nhị về một điểm lý-luận chủ chốt trong bài của ông.

Tôi xin nói qua một số điểm khác. Đề chứng tỏ những non yếu trong kiến-thức của ông Nhị, và đề-nghị ông nên khiêm-tốn học hỏi hơn.

Dưới cái đầu-dề rất to " Chủ-nghĩa nhân-văn của chúng ta " dưới những đề-mục có về khoa-học, ông Nhị đã có những lập luận nông cạn và sơ-dãng.

Chẳng hạn trong mục « Quan-diêm khoa-học » ông viết :

« Không sùng-bái cá-nhân vì bản thân mình quá sùng-bái cá-nhân mình thì không hay ho gì hơn và chắc cũng đã kém hay ho hơn là sùng-bái lãnh-tự ».

Thật là lý-luận buồn cười. Theo ông Nhị thì có lẽ khuyết-diêm sùng-bái cá-nhân nặng nhẹ tùy theo cấp bậc, sùng-bái cán-bộ cao cấp thì hay ho hơn sùng-bái cán-bộ trung-cấp v.v... Thật là phê-bình bệnh sùng-bái mà bệnh sùng-bái nó lại thò ra ngay tự túi mình. Quan-diêm ông đưa ra không khoa-học như ông tưởng.

Đây là về khoa-học. Bây giờ về nghệ-thuật. Nói về chủ-nghĩa lập-thê và Picasso, ông Nhị viết :

« Trong khoảng 8 năm họa-sĩ đã tiến nhiều... Chúng ta không quan-nghệnh phân-lập-thê hoặc đa-đa chủ-nghĩa nơi họa-sĩ là đúng thời ».

(Thật là oan cho Picasso vì Picasso có theo chủ-nghĩa đa-da bao giờ đâu, có lẽ ông Nhị nên nghiên-cứu thêm về văn-học và nghệ-thuật thế-giới hồi đầu thế-kỷ XX để nắm vững vấn-đề hơn).

• « *Kẻ nhận tiến-bộ của họa-sĩ vượt khỏi hạn chủ-nghĩa đa-da như con chim bồ-câu hòa-bình...* »

Chết thật ! Nói về tác-phẩm nghệ-thuật của Picasso mà chỉ nhắc đến con chim bồ-câu hòa-bình thôi thì tai hại quá. Chúng ta không phủ nhận giá trị của con chim bồ-câu, nhưng không biết ông Nhị có biết đến bức *Guernica* hồi chiến-tranh Tây-ban-nha và bức *Chiến-tranh và Hòa-bình* hồi gần đây không ? Nó vẫn lập thế đẩy ông Nhị ả ! Mà hội-họa thế-giới vẫn công nhận nó, mà Aragon người phụ-trách văn-nghệ của Đảng Cộng-sản Pháp vẫn ca ngợi nó.

* * *

Ông Nhị thường hay dẫn Lê-nin, sao ông Nhị không học Lê-nin về thái-độ khiêm-tốn, tự-trọng, tự-do sáng-tác và nghệ-thuật độc đáo, tôn-trọng cá-tính con người ? Ông Nhị đã vội vàng chê trách người ta là quá ư nông nổi...

Ông Nhị xa vào sai lầm đó cũng dễ hiểu. Bởi lập luận như Palisse thì nguyên-nhân chính là vì Lê-nin là Lê-nin và ông Hoàng xuân Nhị mặc dầu luôn luôn nhắc đến Lê-nin cũng vẫn chỉ là ông Hoàng xuân Nhị.

Trong một bài báo gần tôi đã cố gắng trình bày vài sai lầm hoặc vài thiếu sót của ông Nhị về mặt kiến-thức. Tôi xin đề-nghị với ông Nhị một điều mà ông Nhị đã từng đề-nghị với anh em Nhân-Văn và Giai-Phẩm : Cố gắng nghiên-cứu, suy nghĩ, đề giữ cho bản chất trung thực của người trí-thức.

BÙI QUANG ĐOÀI



MINH HOÀNG

Minh Hoàng, tên thật là Vũ tuyến Hoàng, năm nay mới 28 tuổi là một sinh-viên du học ở Tiệp-khắc về Vì biết tiếng Tiệp-khắc nên anh được làm thông-ngôn cho phái-đoàn chuyên-viên Tiệp-khắc ở Hà-nội.

Vì thường có dịp đi thăm các xưởng máy mới thành-lập với các chuyên-viên kỹ-thuật Tiệp-khắc, nên anh có dịp quan sát tình-hình sử dụng máy-móc của ngoại-quốc viện-trợ. Anh viết bài « Đồng máy » mà chúng tôi trích sau đây để tố-cáo đời sống cơ-cực của công-nhân và thái-độ quan-liệu của giai-cấp lãnh đạo.

Trích báo Văn số 34 ngày 27-12-57.

ĐỒNG MÁY

Truyện ngắn của Minh Hoàng

Trưa nào cũng vậy, cứ lúc vàng thái-dương còn dang gay gắt cúi gằm mặt phủ sức nóng xuống những chiếc hòm gỗ chông chắt ở trước cửa nhà máy. là y như rằng Thang, chỉ-huy-trưởng công-trường xây-dựng nhà máy, cũng dương ở đó, hai ngón tay gõ cốc cốc lên những nắp vén, thành gỗ, hoặc dấn mặt vào một khe hở, hoặc ghé mũi qua một lỗ hồng đen ngòm, hai cánh mũi căng ra khịt-khịt. Nắng quá. Nắng như dội lửa. Nắng cháy da cháy thịt.

Những chiếc hòm gỗ ngắt ngưỡng bắt đầu rạn nứt...

Cứ cái đà này, những khe rạn nứt kia ngày một toang hoác mãi ra, nắng xuyên vào, những lớp sắt bắt đầu hoen rỉ, thế là đi đứt tất cả số máy. Mà đi đứt thật chứ chả chơi đâu ! Đứng gió thế này chưa biết chừng mưa ập xuống lúc nào không biết, nước rỏ tong tong vào hòm, hơi ẩm tha hồ xông lên, luồn vào khắp các góc các ngách mà ra sức xoắn xít chông ghẹo những khối sắt tròn trĩnh, sáng choang kia, thì có mà ăn cứt cho giờ ! Đời thuở nhà ai, vô duyên vô cớ cho khuôn âm âm một lỗ một lỗ tinh những máy dật tiền về chất một đồng sù sụ giữa trời nắng chang-chang thế kia, rồi phó thác cho Thang với hai bàn tay trắng hoàn toàn cai-quản ? Nói cho nó cùng thì đây cũng là một nhiệm-vụ. Một nhiệm-vụ hết sức khó khăn. Thang đã phải cúi rạp mình xuống để đỡ lấy cái nhiệm-vụ nặng nề ấy lên vai, như mỗi lần cấp trên trao cho anh bất cứ một nhiệm-vụ gì. Công việc của Thang đang gặp nhiều khó khăn : cấp trên không chịu xuất tiền mua bạt che máy, Thang giục thì bảo là « Nay mai khuôn máy vào nhà rồi, mua làm gì ». Đến lúc Thang hỏi : « Ai khuôn ? Khuôn bằng cách nào ? » thì chỉ ừ ừ ào ào : « Đến lúc đó hẵng hay ». Bực dọc, Thang trở nên cau kinh, nét mặt sa xỉ. Về đến công-trường, anh em hỏi, Thang chỉ văng ra một tiếng gọn lòn : « Trên không cho », rồi lại cúi

đều trầm lặng. Bây giờ Thang dấm bôm bóp lên một cái nắp ván vênh, càu nhàu một mình :

— Mẹ kiếp ! Hôm dếch nào cũng hết rẻo điện-thoại lại vác mặt đến, hết vác mặt đến lại rẻo điện-thoại mà ông ấy cứ lơ đi. Khắc phục ! Khắc phục cái mẹ gì ! Cứ nắng, mưa, mưa, nắng nhập nhuội mãi thế này, đến lúc mấy móc mọc thành cút sắt cả, ngồi trơ mắt ếch một lũ với nhau, mới chạy đến đây mà khắc phục chặc ? Là máu là thịt của nhân-dân mà sao các « bố » ấy cứ nhờn nhờn như không, chả thấy xót xa là gì, chỉ lúc nào cũng « khắc phục. . . chịu đựng. . . thông-cảm. . . ! » Khờ cái lỗ tai lắm rồi. Xin tiền mua bột thi đôi co kỳ kèo từng nghìn bạc một, mà việc quái gì cũng thúc như thúc trống vật ấy, bố thẳng nào còn biết mở mắt vào đâu. Trăm đầu đờ đầu tằm. Làm thẳng cón-bộ thời này ai bảo là để ?

Thang miên man theo đuổi ý nghĩ của mình, mặc cho mồ hôi lá chá xuống cổ, xuống ngực. Những ngày mới bắt tay xây-dựng công-trường anh chị em công nhân ở đây chưa được cấp trên chăm sóc tới đây đủ, nên đời sống còn eo hẹp, lẻ tẻ, chui rúc ; nhưng nào họ có biết cấp trên là ai, chỉ biết nọc Thang ra mà mồ xẻ. Có người phản ứng mạnh đập bàn đập ghế nói toang toang ; « Các anh coi mạng người không bằng cục sắt của các anh phòng ? Con trâu con bò ngủ còn có chuồng, ăn còn có máng, chứ chúng tôi háy tám mạng người không có nồi miếng đất trong nhà, tối phải cấp chiếu ra ngủ ngoài hiên, ia cũng cấp đít ra bờ ruộng, cả tháng không hợp lâu nào... Thế đây phòng?... » Mười lăm cây số từ cơ-quan đến công-trường, chả ngày nào là Thang không chạy long tốc gáy, cứ đến cơ-quan là y như rằng : « Đồng-chí phải về để thông cho anh em, nước nhà hiện còn giàu khổ thiếu thốn nhiều... Phải khắc phục khó khăn ! phải... phải... Đồng-chí hiểu chưa ? Khắc phục khó khăn ! khắc... phục... khó... khăn... ! » Rồi cứ về đến công-trường là y như rằng : « Khắc phục cái chó gì. Tay róm máu đau bỏ mẹ đây, găng chà có, cấp trên nào biết ? » Những phút xốc nổi, có anh thợ trẻ không ghìm nổi bùng bột ghé sát tai bạn thì thào : « Phải « cạy » một trận nên thân các « bố » ấy mới chịu để vào lỗ tai ». Kỳ thực, lần nào lên gặp ông Bảo, tổng-công-trình-sư của công-trường, Thang chẳng phản ảnh cho nát nước ra đây chứ. Rốt cục dấm vắn vào đây. Nhiều khi ông ấy còn xạc cho Thang một trận càn thận và rồi Thang lùi thối ra về. Những là « nhu nhược », « dựa dẫm cấp trên », « dốt »... Một lần, hai lần, ba lần, Thang bắt đầu cảm-giác thấy mình hơi khép nép trước khuôn mặt bầu bầu, hai má hơi xị xuống, đôi mắt ti hí và hai càng ria mép vênh cong luôn động đậy, nổi lên một vẻ lạnh lạnh, sắc sảo, há khác khác thường của người tổng-công-trình-sư ấy. Đứng về danh nghĩa, ông Bảo là người được cơ-quan giao phó trông nom toàn bộ công-trình : xây-dựng nhà máy này, tức là người chỉ-huy trực-tiếp của Thang. Song Thang không hề nhận được một sự chỉ-huy nào gọi là có, trái lại càng cảm thấy ngại ngại, muốn xa lánh sự chỉ-huy ấy.

Thang vẫn dấm bôm bóp lên cái nắp ván vênh, bên tai vẫn văng vẳng giọng nói hùng hồn và không kém phần trống trải của người tổng-công-trình-sư ngồi ở văn-phòng kia, trực-tiếp chỉ huy Thang. « Phải khắc phục khó khăn chứ ». Nắp ván không suy suyển. Thang ngừng đầu lên gạc mồ hôi. Bỗng anh thấy từ đằng xa, một chiếc xe « com-măng-ca » bon bon lăm bụi xóc tới.

Nhắc trông Thang đã nhận ngay ra đó là xe của ông tông-công-trình-sư, có lẽ do linh tính báo cho biết trước.

Ông tông-công-trình-sư khoan thai bước xuống, niếm nở bắt tay Thang. Hai cẳng ria mép vênh cong, động đậy.

— Hề hề. Máy móc đề những đầu đồng-chí ?

Không đợi Thang trả lời, ông đã chỉ tay vào đồng hồ gõ kêu lên :

— Đây à ? Chết chết. Đề thế này đây hở ? Chật chạp. Rỉ hết, rỉ hết mất !

— Dạ thưa anh, tôi đã nhiều lần viết đơn xin tiền mua bột đề cẳng lều che, nhưng anh vẫn bảo là... chưa có. Mà nhà máy thì .. chưa khô.

— Phải kiếm cách chứ. Chật chạp. Sao không chuyên bớt vào những gian đã khô rồi ? Sao không dồn bớt nhà ngủ, dành ra một gian xếp bớt những bèm nhỏ kia vào ? Chật chạp. Rỉ hết. Rỉ hết mất. Đồng-chí loan báo anh em đến họp ngay nhé, ta lần luôn vấn-đề này một thôi.

— Vàng.

* * *

Họ bắt đầu ngồi vào bàn họp. Gắn chục cánh tay nhao nhao vung qua đầu :

— Tôi có ý kiến !

— Ý kiến !

— Ý kiến !

— Tôi.

— Tôi xin phát biểu.

Một anh thợ trẻ không đợi chủ tọa chỉ định, nói phăng phăng :

— Mình còn lẩn khân đợi cái quái gì nữa. Theo tôi, cứ là khuôn. Gì thì gì cũng phải khuôn. Không có ô-tô thì có người. Thiếu người thì phải nặn ô-tô người mà khuôn. Nhất định khuôn.

Một anh thợ trẻ khác nhồm dậy tiếp lời, mặt sần sùi trúng cá :

— Và nếu chưa tìm được « con lẩn » ta có thể tạm dùng đòn bẩy kia mà.

— Máy móc đầu phải cực sắt cực thép mà cứ một nắng hai sương mãi thế này, e sau này chỉ còn là một đồng sắt mùn đem đánh tà vẹt thôi !

Tôi hỏi : đồng chí chỉ-huy có thể đứng phoir nắng suốt mười bốn hôm liền không ? Huống hồ máy ?

— Đồng chí Thang lãnh đạo còn lờ mờ lắm. Tôi lấy thí-dụ : Như hôm qua họp chuyên-môn, anh em đề-nghị xin thêm ba mươi dân-công khuôn máy vào nhà, đồng-chí Thang đọc bàn rùn : « Không có phương tiện. Khiêng như thế xảy ra tai-nạn chết người ai chịu trách-nhiệm... » khiến cho công việc cứ đọng lại mãi. Đồng-chí cứ khăng khăng không chịu khuôn, nói là sẽ xin bột

đẩy lên óc máy rồi chờ vài hôm nữa dọn đường cho ô-tô chuyển. Mười bốn hôm rồi bật ở đâu ?

Từ góc giường, một đôi mắt sáng trợn tròn dưới hàng mi rậm long lêu, rọi thẳng vào mắt Thang, giọng nói như liên-thanh rào rào nhả đạn :

— Tôi thấy là phải khâu. Khâu ngay chiều nay. Và tôi cũng xin nó toạ : ra rãng : lãnh đạo như thế thì đồng-chí Thang chưa đủ tư-cách lãnh đạo chúng ta. Tôi xin hết.

Mắt người thanh-niên đỏ ngầu long lanh. Cậu nói ngắn gọn đập bôm bốp vào mặt Thang như những cái bạt tai vô hình. Từng mạch máu trong cơ thể Thang rung mãnh liệt. Vấp phải ánh mắt lăm lăm như nỏ lửa của người thanh-niên ấy, Thang vội lảo sang đồ thái-độ ông tổng-công-trình-sư. Ác thay, râu mép ông càng vênh cong như một dấu chấm hỏi không lồ trên vẻ mặt càng lạnh lùng hơn, nghiêm hơn, đáng sợ hơn. Những bàn tay khác lại đã vung lên không ngớt :

— Tôi thêm ý-kiến.

— Ý-kiến đây...

Những tiếng quát dẫn dọc bắt Thang phải giật mình. Sợ ? Thang cũng chẳng biết tại sao mình lại sợ ? Sợ cái gì ? Có một thứ đáng sợ hơn cả là những tiếng quát hần-học ấy hôm nay được lọt vào tai một người mang cái chức-vụ mà Thang chỉ biết là cấp trên mình. Ông Bảo mà tai tái mặt thế kia là khéo lại có châu l Hinh như hai tiếng « khắc phục... khắc phục... » đã rình sẵn bên tai Thang, suốt đêm ngày ong ong, văng vẳng. Thang liếc càng rêu mép một lần nữa.

— Trong việc này...

Thang giật mình ngừng đầu lên. À thì ra bác thợ tiện phát biểu. Thang trấn tĩnh ngay. Bác là một người đĩnh đạc, đứng đắn, làm nhiều hơn nói, lại hiểu Thang, thường bào chữa cho Thang khi những anh em thợ trẻ hiểu lầm đâm cựa Thang. Tỷ-dụ trong việc khâu máy vào nhà máy chẳng hạn, Thang không dám đề ba bốn mươi người xúm vào kích những hôm máy không lồ tề trên cao trượt xuống bằng ba tấm ván đặt dốc, vì sáu bảy năm kinh-nghiệm khâu véc trên bến Sáu kho đã dạy anh : « Làm thế không xuôi đâu, chết người như bốn đấy ! » Bác là người đầu tiên ủng-hộ Thang. Thang hồi hộp chờ sự ủng-hộ của người thợ cả ấy.

— ... Đồng-chí Thang chỉ-huy còn mơ hồ lắm. Đồng-chí chuyên-gia dặn đi dặn lại là phải xin bạt căng lều che ngay đi, kéo căng này mục hết máy dây. Thế mà đồng-chí Thang rặt chạy những việc đầu đầu. Cứ như tôi nghĩ thì ta nên thúc vào đít các ông giữ « kết » ấy mới được. Người chỉ-huy là người cầm căng, chúí mũi vào một việc là hồng bét cả.

Thang diếng người. Thật không ngờ bác thợ tiện cũng « chù » Thang đến như thế.

Ý-kiến càng ngày càng chảy theo dòng liên-miên dài vô tận. Người đến lượt nói thì nói một thời một hồi, thao thao bất tuyệt. Quanh đi quanh lại chỉ

những : « Đồng-chí Thang lãnh đạo vùng về, thiên-cận, nhu-nhược », và cuối cùng là : « Yêu cầu xét lại chi-huy-trưởng ». Rõ ràng là Thang không được số đông tin cần nữa.

Thang gục đầu đau đớn, máu sôi lên trong tim, những âm-thanh lao xao, ù ù, nhức nhối. Bao nhiêu tháng ngày cặm cụi làm việc, dốc hết sức lực ra để sự cặm cụi của mình đem lại nhiều cống hiến hơn nữa cho đất nước kiến-thiết, bao nhiêu gian truân cực nhọc đã vượt qua, việc gì Thang cũng xông vào làm hăng hăng không quản ngại. Việc gì người khác kêu khó bỏ dở là Thang lại nhất lẩy làm, làm say mê. Bây giờ chỉ còn lại đây, ông ông bên tai Thang, hai chữ « xét lại ». Xét lại ban chỉ-huy, xét lại chi-huy-trưởng, xét lại Thang. Có lẽ họ chưa hiểu Thang ? Thang nghĩ : người cặm cụi không phải chỉ để phô trương rằng ta cặm cụi đấy ? Song, Thang vẫn khó hiểu, có khi nào người ta càng cặm cụi, thì quần-chúng lại càng xa lánh người ấy không ? Như Thang chẳng hạn. Thế mà chỉ trong việc xin bạt che cho máy, Thang đã mất hẳn uy-tín trong quần-chúng.

Thang thờ dài. Đôi mắt thiếu ngủ lờ lờ, đỏ ngầu những tia máu. Hội-nghị vẫn xôn xao. Những người chưa đến lượt nói vẫn nhẩn mặt giơ tay xin phát biểu. Ông tông-công-trình-sư từ nãy độc hý hoáy ghi ghi chép chép, thỉnh thoảng liếc sang ban chỉ-huy một cái, lại cúi xuống trang sò, lật đi lật lại tờ giấy, gạch gạch xóa xóa. Hai lỗ mũi không ngừng thả ra hai dòng khói trắng vẫn vèo. Hai càng râu mép đôi khi cụp xuống cum cụp như hai cái gọng ô. Một chàng thợ trẻ vui tính đã ghi vội hai càng râu mép ấy trên mảnh giấy trắng. Mãi phát biểu quá anh đã bỏ quên mảnh giấy ấy ở giữa bàn. Mấy cậu khác trông thấy tờ tranh bấm nhau cười, khúc khích. Bây giờ ông ta mới gãi gãi vầng trán hói, giọng khàn khàn chậm rãi :

— Đủ rồi đấy. Các đồng-chí nói đến thế là đủ. Có phải không ? Có nhiều ý-kiến hay. Chúng tôi sẽ nghiên-cứu. Việc xét lại ban chỉ-huy cũng cần nghiên-cứu thêm. Việc khuôn máy, theo đồng-chí chuyên-gia cho biết, máy của ta nguy ngập rồi đấy. Hề hề, ông bảo « máy mọc râu » rồi. Tôi thấy là phải khuôn. Nhưng khuôn bằng cách nào ? Một vấn-đề. Ai khuôn ! Hai vấn-đề. Khuôn đi đâu ? Ba vấn-đề. Ban này có đồng-chí hơi nóng này đòi thuê ngay ba bốn chục dân công, tưởng dễ dàng có thể xúm đông xúm đỏ lại ghé vai vào nhấc bồng lên là đi ? Không phải. Mà lại tốn kém nữa. Ta thử lần con tính nhằm xem trong hai ngày, mỗi ngày ba mươi dân công, phải chi hết bao nhiêu tiền ?... Hơn bảy vạn.

— Ông tông-công-trình-sư lắc đầu. — Không. Chi bằng.. theo tôi là dựa trên ý-kiến của đồng-chí chuyên-gia bạn thì ta nên chuyên bằng ô-tô, nghĩa là phải dọn một khúc đường từ đồng máy đến cửa nhà máy. Giá lắm là mất bốn công dọn đường với tám người bốc vác một buổi sáng là xong. Và lại máy đề ngoài trời đã nửa tháng nay, chậm lại hai ngày nữa cũng chưa thành vấn-đề lắm. Như vậy ta không cần mua bạt căng lều che máy nữa. Các đồng-chí thấy thế nào ?

Một phút suy nghĩ. Cán-bộ ngồi im phăng phắc. Mãi bác Ba thợ tiện mới ừ ời cắt tiếng :

— Nhưng mà nền xi-măng ướt nhẹt xếp vào đâu ? Cứ cái thái-độ khăng khăng không cho khuôn máy vào nhà của Ban Nhà cửa là tôi tức điên ruột.

Ông tông-công-trình-sư tháo cặp kính trắng đặt xuống bàn gãi gãi vành trán hỏi theo một thói quen :

— Không sao, không sao. Tôi hạ lệnh cho các anh cứ vác máy xếp vào những phòng đã khô đó. Việc nhà nước cả, không cho là cái quái gì. Cứ khuôn đi. Có thể nào tôi chịu tất.

— Thế thì được !

— Được mê đi chứ lý.

— Ta khuôn ngay chiều nay chứ đồng-chí ?

Ông tông-công-trình-sư nghiêm nét mặt đòi giọng :

— Công-trình xây-dựng nhà máy của chúng ta đang gặp nhiều khó khăn trắc trở. Theo tôi và dựa trên ý-kiến các đồng-chí chuyên-gia, thì lực-lượng lãnh đạo của ta quả là non. Có thể nói chúng ta chưa biết lãnh đạo. Tôi cũng thế. Ban chỉ-huy công-trường bảo thủ dựa dẫm vào cấp trên. Chúng ta còn vấp, còn ỳ ạch, còn một nhiều. Song càng vấp, càng thất bại ta càng phải tin vào mình, tin người lãnh đạo, tin Đảng. Cấp trên đề ra phương-án tác-nghiệp, thiết-kế tiến độ thi công, đề chúng ta dựa theo quy-trình và đơn phối công làm đúng quy cách, chứ không phải đề chúng ta ý vào thiết-kế đó không chịu động não. Có thể thôi. Các anh làm được không ?

Có những khuôn mặt đực ra như vệt nghe sấm. Những khuôn mặt sạm cháy chất phác cổ cẳng óc ra suy nghĩ về những cái chữ « quy trình, tiến độ thi công » mơ hồ như lạc vào một chốn nào xa lạ. Đáng lạ thay họ vẫn đồng thanh trả lời ông tông-công-trình-sư rằng :

— Làm được !

Hai chữ « làm được » đặt phịch xuống óc Thang như một mồi lửa đốt bùng lớp không khí bị ép đến cao độ. Những câu hỏi theo nhau ùn ra trong đầu óc Thang : « Ai làm ? Làm từ đâu ? Làm bằng cách nào ? » Rồi Thang tự kết-luận : không làm được ! Thang nghĩ : ông Bảo chỉ được khoa bém mép. Nói như thánh tướng. Hơi tý là đồng-chí bạn nói thế này, đồng-chí bạn nói thế kia. Mai có réo điện-thoại lên xin bạt lại « đồng-chí thông-cảm » cho mà xem. Trăm tội đồ cho nợ, lúc ấy làm thế nào ? Giơ đầu chịu gối vì với cấp trên ư ? Không. Nếu vậy thì hòa quá. Thang toan giơ tay phân trần những khó khăn cụ-thể của công việc với cấp trên trước hội-ngự, nhưng hình như cánh tay Thang nặng nề đến nỗi không nhấc lên nổi. Phải biết rằng bao nhiêu cái mũ : « nhu nhược », « hoài nghi lực-lượng quần-chúng », « không biết lãnh đạo », « dốt », « dựa dẫm cấp trên »... lúc nào cũng lăm le chực úp xuống đầu Thang. Thang lúng túng. Hai lòng trắng mắt đỏ ngầu những tí máu đào đi đảo lại, hốt hải như tìm kiếm một cái gì. Hay là Thang muốn tìm đường chạy ra khỏi hội-ngự ? Không. Thang đã giơ thẳng cánh tay :

— Tôi... tôi xin có ý... kiến — Thang ấp ứng. — Theo tôi, dọn cơ đường từ đồng máy vào kho ít ra cũng phải mười hôm. Trời lại sắp mưa... Vì

không thể dùng hai bàn tay không lãn ập những thùng tổ lò như thế xuống đất được đâu. Phải làm cái « giá ba chân » cất lên như càn trục cất nhịp cầu ấy mới đỡ nguy hiểm. Làm giá ba chân thì phải mất tám ngày. Trời lại sắp mưa... Không! Không thể lãn khàn nán ná mãi...

Từng câu từng câu nói như trút cho Thang thêm nghị-lực. Giọng điệu càng trở nên cả quyết:

— Tôi yêu cầu giải quyết ngay vấn-đề hạt. Bằng không, tôi xin trao lại hoàn toàn trách-nhiệm về số máy này cho cấp trên. Tôi không thể hứa hão. Tôi không thể nhâm nhảm làm những việc tôi không muốn làm... Tôi yêu cầu... Tôi... hết!

Mặt người chỉ-huy-trưởng đỏ gay, bừng bừng. Thang hình dung lại về mặt đồng-chí bạn không giữ nổi bình tĩnh khi đứng nhìn đồng máy rạn nứt dưới trời nắng chang chang, nói với Thang: « Nếu anh có một cái ra-di-ô tốt anh có cam tâm quăng nó ở một xô vườn kia không? » Và ông vỗ vai Thang: « Anh Thang ạ, máy của chúng mình còn tinh-vi hơn cả những cái ra-di-ô tinh-vi ấy chứ? ». Thang lạnh ngừ. Thế mà bây giờ ông tông-công-trình-sư lại hạ lệnh: « Cứ để đấy đấm bảy hôm nữa! »

Buổi họp vẫn ồn ào.

Có tiếng động cơ rì rì xa xa, rõ dần, rồi tiếng còi toe toe thét lên hạ tiếng. Một chiếc xe ô-tô bóng lộn chạy thẳng vào địa-hạt công-trường dừng lại trước cửa nhà máy. Ông tông công-trình-sư xin phép hội-nghe ra yết kiến các đồng-chí chuyên-gia về vấn-đề này. Cái cặp da đen dày cộm bây giờ lại dày thêm một mớ giấy ghi chép tình-hình công-trường trong suốt ba tháng vừa qua. Ông sửa lại ngay ngắn chiếc mực kính cho hơi xệ xuống sống mũi, chắm một miếng thuốc, gạt gạt đầu chào mọi người rồi ra đi.

Ba bốn đồng chí chuyên-gia đứng nhìn đồng máy, chỉ trỏ cười nói líu lỏ. Thấy ông Bảo và Thang ra, họ niềm nở đi lại bắt tay, hập hẹ nói hàng tiếng Việt-Nam. Một đồng-chí vỗ vai ông Bảo, cố sức vận dụng tiếng Việt-Nam vừa nói vừa khua tay ra hiệu.

Không cần qua phiên dịch Thang cũng hiểu được ý nghĩa của câu nói. Vấn những câu nói hôm nọ lại lạc sạn hên tai Thang: « Khuôn chứ? » Câu hỏi sao mà oái oăm. Những cái thùng tổ lò ấy ba bốn chục người xúm vào đã chắc khuôn rồi. Và phúc phải cái hòm nõu đầu nặng đầu nhẹ, nó lộn tung phèo một cái thì chẳng những vỡ máy mà còn đi đứt bảy tám nhân mạng như chơi. Nhưng vẫn không thấy ông tông-công-trình-sư nói lại hay bàn bạc gì cả. Ông chỉ gạt đầu. Và rồi Thang, người chỉ huy công-trường, vẫn cứ phải lãnh đạo một công việc mà theo ý Thang việc đó nhất định không thành. Thang lại thấy những làn gai ốc nổi dựng lên ở sau gáy, những thớ thịt run bắn lên, như sắp phải làm một công việc tội lỗi, và, đôi mắt nhu tung tóe những đốm lửa nhảy nhót, vì tức giận. Thang ngửa cổ, xoay mắt vào những khe hòm gỗ hở nứt toác và những cái nắp cong tợn như cặp môi bấu ra sều sệu mai mỉa. Những miếng nước rãi cứ ừng ực trong cổ họng Thang.

Sao máy lại nằm đây?

Sao những lớp sơn mạ màng óng mượt kia bỗng chốc trở nên mốc rêu mốc thối thế kia ?

Sao ta lại có thể bàng quan khi thùng máy yêu quý; máu thịt của ta sắp sứa nát rỉ ra như bùn đất được ?

Sao ?

Choáng váng cả người Thang hấp tấp chạy vào nhà máy tìm ông tổng-công-trình-sư để trình bày ý kiến dựng « giá ba chân » và yêu cầu xin bạt của mình. Bước chân Thang lạo xạo đạp lên cát sỏi...

Nhưng rồi những bước chân hăm hở ấy bỗng như vấp phải một bức tường vô hình, đứng sững lại, ngần ngại: cánh cửa ô-tô bắt đầu khép lại, liền với tiếng rú ga ù ù, tiếng động-cơ bành bành. Xe « pho » đi trước, xe « co-măng-ca » rượt theo, nối đuôi nhau vun vút ra khỏi công-trường. Bị làm xoay một vòng dò lự xoắn theo dít xe. Thang rút « mùi-xoa » đắp vào mũi che bụi, thở khò khè.

Một đám mây đen ở đâu lù lù ập đến. Gió thổi lên lồng lộng. Những tàu lá chuối diên cuồng quật lên quật xuống rồi tít như những bàn tay xoè ra khua giữa không trung. Một tia chớp dài nhằng loé lên ở tận chân trời xa lít, diềm theo những tràng sấm ù ù có lúc sôi lên ùng ục. Thang có cảm-giác đó là những tràng liên-thanh đang xả đạn không từ một xô xỉnh nào trên khắp cả công-trường. Hạt mưa bắt đầu quất lên mái nhà và nóc hầm lập đập. Những nắp ván vênh vòng ra như những cặp môi nhếch nhếch giữa cơn cuồng phong khùng khiếp và trong làn mưa xối xả, phủ phàng.

Những hạt mưa quất đen dết lên mặt Thang.

— Máy ! Máy ôi ! — Người chỉ-huy-trưởng buột miệng thốt lên — Anh em ơi khuôn máy ! Khuôn máy đi các đồng-chí ơi !

Nhưng mà ai khuôn ! Khuôn vào đâu bây giờ ?

Dưới làn mưa, người chỉ-huy-trưởng cung cức chạy về nhà, lật cái áo mưa của mình, lại cung cức chạy ra hối hả đắp lên thân máy.

Mưa vẫn xối xả, phủ phàng.

MINH HOÀNG



PHÙNG CUNG

Phùng Cung là một văn-sĩ trẻ tuổi mới xuất hiện. Có lẽ bài « Con ngựa già của Chúa Trịnh » mà chúng tôi trích sau đây là bài đầu tiên có giá-trị trong các tác-phẩm của ông.

Bài này do ông viết, nhưng Hoàng Cầm có giúp thêm ý-kiến và sửa chữa lời văn. Chúng tôi biết như vậy vì trong bản thứ tôi của Hoàng Cầm có một đoạn như sau : « Tôi đi động-viên Phùng Cung viết chuyện, và khi Phùng Cung viết « Con ngựa già của Chúa Trịnh » đưa tôi xem bản thảo đầu tiên, tôi có góp ý-kiến rào việc diễn-tả : « Chỗ con ngựa vào cung Vua, nên tả cho đáng ghét hơn ». Khi Phùng Cung đưa bản thảo lần thứ hai, tôi chữa văn và thêm nhiều câu diễn-tả cảnh đẹp, diễn-tả con ngựa càng ngày càng béo... »

Ngu ý của bài này là đã kệt bọn văn-sĩ trước kia có tài như Xuân Diệu, Hoài Thanh, Cù Huy Cận, chỉ vì ham miếng dĩnh chung mà cam tâm làm tôi mọi cho chế-độ và đời sống tôi mọi đã tiêu-diệt hết tài năng trước kia của bọn họ. Cứ xét thấy khả-năng văn-nghe của mấy ông Xuân Diệu, Hoài Thanh, Cù Huy Cận, lâu nay gần như mất hẳn, chúng ta thấy lời phê-bình của tác-giả quả có đúng. Sự thật thì bất cứ nhà văn nào đã dùng ngòi bút ca-tụng chế-độ để mong vinh thân phì gia thì văn-chương của họ không thể nào hay được.

Trích báo Nhân-Văn số 4

CON NGỰA GIÀ CỦA CHÚA TRỊNH

Truyện ngắn của Phùng Cung

Phương-Lộ là một làng nhỏ heo lánh, nằm lọt trong một thung lũng phía Nam chân núi Tân, cách chợ Đan-Lâm chừng bảy dặm. Từ Đan-Lâm vào Phương-Lộ, trên con đường đất mòn, nghèo nàn men theo dọc bờ suối, phải qua một chiếc cầu bằng đá vát ngang suối, bên cạnh một ngôi đền nhỏ. Trong làng có lão già họ Nông, hai đời chuyên nghề buôn ngựa. Ông cụ sinh ra lão ngày trước là mã-phu của triều Trần ; khi mãn lính, trở về làng làm nghề buôn ngựa. Năm mười bốn tuổi, lão đã theo cha ra chợ Đan-Lâm học nghề. Lớn lên, lão đã nổi tiếng khắp vùng về môn xem tướng ngựa.

Lão Nông có con ngựa trắng, mình kim, lông trắng như bông, lại lấp lánh như có nạm kim-cương, nên lão đặt tên nó là Kim-Bông. Lão thường khoe con ngựa này lão tìm mua được từ lúc nó chưa phát nha ở tận miền Nước-

Hai. Lão đã từng đi nhiều nơi mà chưa thấy có con nào tương phách toàn mỹ như nó : có sức vượt hàng nghìn dặm với cái thể « cao đầu phóng vĩ » của loài ngựa chiến.

Từ khi con Kim-Bông bắc yên, ngày ngày lão cưỡi nó đi các nơi để buôn ngựa. Hàng năm những cuộc đua ngựa miền này, không cuộc đua nào vắng lão. Không cuộc đua nào con Kim-Bông không đoạt giải nhất. Từ đó tiếng con ngựa hay, mỗi ngày được truyền rộng ra khắp nơi và lọt đến tai chúa Trịnh.

Thuở ấy chúa Trịnh đang cần tuyển-mộ một đoàn kỵ-binh để bình-dinh đất nước, nên liền ủy một viên quan hầu cận, tìm đến tận nơi hỏi mua.

Lão Nông tuy liến tiết con Kim-Bông, nhưng nghĩ đến cái tài của nó lão sẵn sàng trao lại cho viên quan mà rằng : « Con ngựa của bản-dân thuộc loại quý mã, là vật, nhưng nó hiểu tiếng người. Bấy lâu nó sống với bản-dân ở nơi : sơn-lâm hẻo lánh này, ăn cỏ núi, uống nước suối, tài nó có mà không được dùng, thật lòng bản-dân cũng tiếc cho đời nó lắm ! Nay chúa-công lại cho vời nó về chốn triều-dình để dùng nó xông pha chiến trận, bản dân cũng được hả dạ vì đã làm vừa ý con quý mã và cũng bỏ công nuôi nấng tập luyện ». Lão Nông miệng nói tay trao cương cho viên quan. Con Kim-Bông cũng dùng hai tai gật gật cái đầu như biết được mệnh sắp được từ già cảnh sơn-lâm hiu quạnh, để về vùng vẫy chốn kinh-thành.

Trên đường về, viên quan hết lời khen ngợi con quý mã ; Kim-Bông phi như gió, giã lại đằng sau những đồi núi, cây cỏ hỗn độn của vùng Sơn-tây. Chỉ trong nửa ngày đã về đến Thăng-Long.

Viên quan vào tâu với chúa Trịnh, hẳn tả lại tương phách cùng nước bay, nước kiệu của con ngựa. Chúa Trịnh lấy làm toại nguyện, và truyền cho các tướng tá chọn ngày mở hội đua để kén ngựa chiến.

Một buổi sáng, trên các ngã đường, nhân-dân các vùng lân cận nghe tin, lũ lượt đổ về xem như nước chảy. Hàng nghìn ngựa tốt từ các nơi đem về được sắp hàng tề chỉnh bên cạnh những kỵ binh nai nịt gọn gàng. Con Kim-Bông ngơ ngác trước quang cảnh mới lạ, lòng nó rộn ràng, mắt nó dăm dăm nhìn thẳng phía cuối đua trường : như đề dương oai với đồng loại, nó nín hơi, tóp bụng, cất tiếng hí dài, lanh lảnh nghe sồn ộc. Người kỵ binh đứng bên cạnh, bỗng né sang một bên, lao đao tưởng ngã. Bọn ngựa trở mắt nhìn Kim-Bông và cũng cất tiếng hí theo.

Sau ba hồi trống lệnh, các kỵ binh lên yên, ra roi, bắt đầu rời vạch. Đoàn ngựa lồng lên trong bụi lốc mịt mù, những miếng đất bắn ra tứ phía như mưa rào, nhân-dân reo hò vang dậy. Chỉ trong chớp mắt con Kim-Bông đã vượt lên hàng đầu, vừa hí, vượt lên, chân trước khoả lại như móc sắt, đuôi bay như giải phướn, tưởng như chân nó không hề chạm đất. Ở phía xa người ta nhìn nó chỉ còn thấy một bóng trắng lấp lánh, oằn lên, oằn xuống như một con rồng trắng uốn khúc. Nó bay tới phía nào là tiếng reo hò phía ấy vang lên không dứt. Hàng loạt ngựa thấy sức mình không sánh kịp con Kim-Bông, bỏ dở cuộc đua, đứng dừng cả lại, hí hí nhìn theo cái bóng trắng nhỏ dần .. trong bụi nắng lóa của kinh-thành. Khi dứt hồi trống, con Kim-Bông dừng lại, tai nó ù đi vì tiếng reo hò ca ngợi của xung quanh, nó càng nức lòng, chân

nó dậm xuống đất cồm cộp như muốn bay thêm hàng nghìn vòng nữa mới phi sức.

Khi tiếng trống lệnh chuyển sang thì nước kiệu, con Kim-Bông rời vạch một cái, là bốn chân nó bồm liên trên mặt đất như guồng nước, tiếng chân vỗ ròn rã như mõ đồ hồi, đuôi trải ra trắng như một dòng nước chảy sôi. Nó chạy hết một vòng mà trên lưng nó một kỵ binh bung một bát nước đầy, bát nước không sánh ra ngoài một giọt.

Lúc này nó thấy tất cả đua trường đều hướng nhìn về nó, trầm trở ca ngợi tài nó. Nó lại hí lên một tiếng thật dài kiêu hãnh.

Sau cuộc đua này, nó được cả đua trường tặng danh là « Bạch long Thiên-ly-mã » và chọn làm mẫu mực để luyện tập cho cả đoàn ngựa chiến của triều-đình. Cho nên chẳng bao lâu các đồng loại của nó cũng trở thành những chiến-mã lành nghề. Và từ đó, nó cùng bày ngựa chiến xông pha chiến trận, trải nhiều trận vào sinh ra tử. Nó nhớ nhất là trận quân chiến bên bờ sông Giao. Thế địch mạnh, quân địch đã thất vòng quanh nó, nhiều đồng loại nó đã phơi thây. Nó gắng hết sức mạnh, vùng lên như hồ dúi, phá vỡ vòng vây, hạ thủ tướng địch, giành toàn thắng. Sau trận này, nó được Chúa Trịnh chọn làm mã lệnh và được vào ở trong phủ Chúa.

Chúa Trịnh truyền cho quân lính, xây một chiếc hồ bán nguyệt, phía Nam vườn Thượng-uyên, để làm chỗ tắm cho mã lệnh, và cử hai mã-phu ngày ngày trông nom săn sóc ngựa quý của Chúa.

Lần đầu tiên con « Thiên-ly » đặt chân tới Hoàng-cung. Trước mặt nó toàn những lầu đài nguy nga tráng lệ, trông phía nào cũng thấy vàng son chói lọi. Dưới chân nó toàn những đá xanh nhẵn bóng. Những cảnh vật mới lạ khiến nó sợ hãi. Nó toát mồ hôi, run lên cồm cộp, khi đặt chân lên những phiến đá hoa, được dịp đưa mắt nhìn hai hàng thị vệ tả hữu, đứng cặp gươm trần bên hành lang. Nó rụt rè, co cõ lại khi mã-phu giắt nó vào mã dài, nó tưởng mã-phu đưa nhàm nó vào nơi ở của một tướng lĩnh.

Con Thiên-ly được vào ngự hân trong mã dài ngày ngày chỉ ăn và tắm. Mỗi buổi chiều nó phải đứng một chỗ để dẫm bày mã-phu mang kéo tia từng sợi Mao, vuốt ve từng chiếc lông đuôi. Nó càng cảm thấy bần bịu, tù túng. Nó bắt đầu mơ ước những cảnh sống khi còn ở bên ngoài cung cấm : « Ôi chao ! Còn đâu những buổi sáng ta cùng đồng loại trên đua trường hàng vạn người ca ngợi tài ba ? Với cái sức khỏe bay hàng nghìn dặm, với cái thể « cao đầu phóng vĩ » hùng dũng như ta, đã bao phen xông pha trận tuyến, đời ta tù túng như thế này thì ta sống sao được ? Sao chúa không cho ta được đem tài ra vùng vẫy trên chiến trường ? Hay Chúa đã quên ta là kẻ có tài ? »

Một buổi sáng, nó đang đứng trong Mã-dài, hai con mắt dăm dăm vọng ra ngoài bức thành cao ngất, nó bỗng thấy một mã-phu nai nịt gọn ghẽ, khác ngày thường, đến giắt nó ra đứng dưới mái hiên, phía tả hành lang. Nó sững sốt, tưởng phen này lại được xung trận. Một mã-phu khác trải lên lưng nó một tấm gấm điều, xung quanh thêu kim tuyến. Nó ngoái cõ lại, bỗng thấy mình đẹp như phượng hoàng. Hai mã-phu nữa mang đến dâng sêu nó một vật

gi vuốt vắn giống như một nhà lầu, gấm vóc xanh đỏ phủ quanh. Một mã-phu nữa mang cương đóng vào gáy nó. Bộ cương quý giá và đẹp để làm sao? Đờn nó chưa từng nhìn thấy. Hàm thiếc bằng bạc; hai đầu nạm vàng sáng loé. Nó sung sướng gục đầu xuống nhập hàm thiếc một cách ngoan ngoãn. Khi mã-phu buông tay; lạ lùng lắm, nó thấy hai vật gì to bằng hai cái lá đa che ngang hai bên mắt, khiến nó chỉ có thể nhìn thẳng phía trước mà thôi. Rồi một mã-phu đẩy nó lùi lại, đứng vào giữa hai càng gỗ sơn son thếp vàng. Ừa la quá chừng, những cái gì mà đẹp thế này? Ta sẽ làm gì đây? Nó rùng mình, thấy hách diện như được sống một kiếp sống khác, sung sướng hơn trước.

Bỗng dưng hai càng gỗ dúi mạnh một cái, cò nó bệt xuống, miệng nó gần chạm đất, nó vừa ngóc được lên thì giây cương đã ghim thẳng. Nó cất bước thấy nặng; cái nặng quái gở, như bóp nghẹt lấy cò, có lúc bình hồng nhẹ đi một chút nhưng rồi gáy nó càng như lún xuống. Nó phải cố lấy gân bốn bó mới giữ được cái thế đứng đường bệ. Rồi bỗng có một ngọn roi da quất nhẹ vào mông, nó cảm cô đi. Khi nghe tiếng bánh xe: nghiền trên mặt đá, nó mới biết là nó đang kéo xe cho chúa.

Nó gục đầu xuống lùi thủi kéo chiếc xe qua sân, hai mắt nó lơ lơ nhìn thẳng, mỗi một, chán ngán.

Nhưng chẳng bao lâu, những châu thóc trộn mật vừa ngọt vừa bùi, những bó lá trúc quân-tử vừa thơm vừa ròn sậm sực đã cùng những buồn tủi sâu muộn, cùng những ước mơ trôi qua ruột, tống ra ngoài trả lại cho quá khứ. Con thiên-lý dần dần quen với chức vị. Nó thấy mình phải phò Chúa cho đến hơi thở cuối cùng mới xứng danh Thiên-lý-mã.

Trong những buổi chiều nó thấy hàng trăm đôi hia, ủng và đủ các loại ống quần, tà áo, vắn cổ, võ cổ, lướt đi lướt lại trước mắt, nó càng thấy chức vị nó to tát ghê gớm! Chấn thâm nghiêm cung cấm nào mà chân nó không bước tới? Có việc quốc-sự của triều-đình nào vắng mặt nó? Nó đi đến đâu cũng thấy người chấp tay khấu đầu tuơng-hô Vạn-tuế. Đờn nó quả là đã sang một bước đường hiển hách, hơn tất cả những lúc oai-phong chiếm giải đầu trên các trường đua.

Một buổi chiều, trên công thành đã nổi trống thu không, mặt trời đã khuất hẳn mái lầu tây, mặt hồ đã gợn lên một màu đỏ nhạt của giáng chiều, nó sung sướng kéo Chúa cùng Bà Phi đi ngoạn cảnh. Đi chẳng cần đến đâu, nó được đôi lúc thông-dong đứng lại, soi bóng xuống nước. Chà! mắt nhìn mặt, ta uy nghi lộng lẫy đến thế này ư? Kìa hai lá đa che mặt ta có khác gì hai cánh mũ của vị đại-thần? Hai càng gỗ khác gì tay ngài ngày ngày Chúa vấn ngọc! Phải chăng giới đã an bài cho số phận ta! Nó càng nhìn càng thấy bóng nó dưới nước to ra, to mãi, uy nghi trong sắc nước lẫn sắc trời.

Nó đang say sưa ngấm bóng bỗng giây cương lại giật mạnh. Mép nó gần thủng ra, nó lại bắt đầu cất bước. Xe tới đầu vườn thượng-uyên, có lệnh dừng lại. Tức thì hai bên tay ngài dìm mạnh cò nó xuống rồi lại bình lên nhẹ nhàng. Nó vừa ngóc đầu lên thì một luồng gió mát, lướt đưa vào lỗ mũi nó những hương thơm ngào ngạt của muôn hoa. Nó phồng hai cánh mũi hớn hở lên thì gấu xiêm màu thiên-thanh của Bà Phi phất nhẹ qua mặt nó. Nó cảm thấy

một vị thơm dầm dậm. Nó đưa mắt nhìn theo chỉ thấy từ ngang lưng trở xuống của Chúa và Bà Phi. Gió hồ lồng vào vạt áo Chúa và giải xiêm Bà Phi, làm căng phồng lên và dú dợn múa may trước mặt nó. Nó cảm-dộng, đứng ngẩn ra, hai mắt dương thao láo : « Chà ! Thật là ngoạn mục ! Ôi ! Giờ đã ban cho ta đôi nhãn ngọc để riêng ta được nhìn những vu-vật của trần-gian, ta đội ơn Trời ».

Càng nhìn theo càng thấy ngoạn mục, nó càng thấy hối hận với những sự việc ngày trước. Nó dậm chân xuống đất, ộp cộp mắt nó nhắm lại, đầu nó đập vào hai càng xe như để nhận lấy một hình phạt xứng đáng với tội lỗi của mình. Vừa đập đầu vừa kè tội : « Tội thứ nhất là khi chưa vào phủ Chúa ta đã để cho Chúa và Bà Phi phải vất vả khó nhọc biết chừng nào ! Tội thứ hai : Sao ta dám đem một việc nhỏ bé tầm thường so sánh với chức mã lệnh đáng tôn kính của Chúa đã ban cho như thế chẳng phải trước đây ta đã phụ ơn Chúa hay sao ? Tội ta thật là đáng phanhi thấy mới phải. Nếu ta chỉ nghĩ đến cuộc đời phóng khoáng, chỉ nghĩ đến những lúc cùng đồng loại đua tranh, thì lấy ai để cùng Chúa gánh vác giang-sơn, làm cho trăm họ được an-cư lạc-nghiệp ! Ơn hường lộc Chúa, sức ta ngày một cường tráng, thì cái vượt hàng ngàn dặm đối với ta có gì đáng kể ». (1)

Sống một cuộc đời lạng lẽ trong phủ Chúa, bằng sự kiêu hãnh với chức mã lệnh, chẳng bao lâu trên bõm, mao con Thiên-ly đã trôi lên một lớp lông vàng sọc. Trước mã-dài nó đã nhìn thấy những cây cảnh bao lần đời lá. Nhưng nó không biết đời nó đã chuyển dần về già. Tài nó cũng đã mòn mỏi. Nó vẫn tưởng nó còn sức chạy dư ngàn dặm.

Có một buổi sáng, nó được kéo xe để Chúa cùng Bà Phi ra ngoạn cảnh ngoại thành. Từ ngày vào phủ Chúa, lần đầu nó được đi ra ngoài. Nó ước ao được thăm cảnh cũ. Xe ra khỏi phủ Chúa, bon bon trên con đường đất rộng thênh thang. Nhìn thẳng phía trước, nó lấy làm lạ, nó kêu í í trong cổ như tự hỏi : « Làm sao con đường này ngày xưa rộng mà nay nhỏ bé như thế này ! » Đi được một quãng nó nhìn lên phía trên, lại dừng lại tự hỏi : « Ó hay, ngôi chùa kia, ngày xưa rõ ràng nằm bên cạnh một quả đồi lớn, mà bây giờ quả đồi lại nhỏ bằng con đường ta đang đi là nghĩa làm sao ? » Tất cả những cảnh vật trước mặt nó đều nhỏ lại, và thẳng tắp. Nó nhìn cánh đồng, cánh đồng cũng chỉ là một đường thẳng. Rồi cây cỏ, núi đồi cho đến màu xanh cũng chỉ thu lại là một đường thẳng. Nó không ngờ hai chiếc lá đã che hai bên mắt chỉ cho nó nhìn được một chiều.

... Xe đi mãi. Lúc gần đến một thao trường, nó bỗng nghe tiếng hí của đồng loại. Tự dưng nó hớn hờ : « Chắc các chú em bao lâu không gặp ta, sẽ khêu dãi chúc tụng ». Vừa nghĩ nó vừa cất nhanh bước. Xe vừa tới thì đồng loại nó cũng nhẩy bổ cả đến trước mặt nó, miệng hí chân cất tiền, cất hậu, như chề bai nước đi và tướng mạo của nó. Nó tím gan, hí lên một tiếng như để quở mắng : « Bọn nhãi kia, tội các chú dằng chặt đầu làm lệnh ! Các chú không biết ta là ai ư ? Đã quên tài của anh đây rồi sao ? » Tất cả đồng loại nó, nhe cả răng, và lại í í trong cổ : « Chúng tôi biết bác lắm, biết bác ngày xưa là kè có tài nhưng bây giờ chúng em nhìn qua đã thấy bật cười về tài của

Chú thích : (1) Đoạn này diễn lỗi thú tội nó ăn năn trong các lớp chính-huấn

bác. Thôi bác ạ ! Đừng khoe tài nữa, chúng em đây ngại bác không rời được khỏi cái xe của Chúa ! Rời ra thì thóc kia trộn mặt ai ăn ? »

Con Thiên-ly uất lên, muốn thoát khỏi xe xông thẳng ra ngoài để tỳ sức, nhưng trên xe lại dật cương. Nó bực lắm nhưng cũng phải cầm đầu đi. Vừa đi vừa nghĩ: « Những kẻ ngu si hèn mạt kia, ở đời này hay chỉ nhìn có một chiều. Bay không biết được ta làm đây để mấy kẻ đã làm được ! Sức bay được mấy nả mà vội kiêu ngạo, bay chạy được vài dặm đã phờ phạc sều dài. Rồi đây ta sẽ cho bay biết tài ba ! »

Và hình ảnh một trường đua gió lộng, bụi cuốn, cờ bay, bóng hiện ra, như thách thức. Con Thiên-ly-mã vẫn tin mình còn đủ sức phi lên hàng đầu.

Sự đời biến đổi. Sau đó ít lâu, chúa Trịnh được tin nhiều tướng tá thua trận ở bên bờ sông Gianh. Chúa định thân chinh đi, nên truyền cho viên tướng trông coi về kỵ binh mang mã lệnh ra đua trường để ôn dượt trước khi xung trận. Viên tướng liền cúi đầu tâu lại: « Muốn tâu Chúa-công, hiện nay trong triều-đình thiếu gì ngựa chiến có dư sức vượt hàng nghìn dặm, và đã từng dự trên dưới một trăm trận. Xin chúa-công đề tiểu tướng được chọn dâng một con mã chiến có sức khỏe vào bực nhất. Còn như con mã lệnh, cứ nên để nó kéo xe; vì từ khi đem nó vào phủ Chúa, nó ăn thì nhiều, lại không hề luyện tập, tài nó ắt không được như trước. Nếu chúa-công dùng con mã lệnh để ra trận, tiểu tướng áy náy lắm ! »

Nghe tâu trình, chúa Trịnh cũng thấy viên tướng là có lý, nhưng chúa vẫn còn tin ở tài con mã lệnh, Chúa bèn hạ lệnh cho mang con mã lệnh ra tì sức cùng các chiến mã khác để tiện bề kén chọn.

Con Thiên-ly được dịp rời phủ Chúa ra đua trường. Hai cái lá da đã được cắt đi. Nó bàng hoàng nhìn giới, nhìn đất, mắt nó hoa hoa, đầu nó choáng choáng. Cảnh vật như quay chong chóng, cây như mọc ngược, núi như đổ xuống. Vừa gặp đồng loại một cái, nó cố đóng hai tai tốp bụng lại lấy hơi hí một tiếng để dương oai. Nhưng tiếng hí của nó vừa hé ra thì cụt lùn như có vật gì nút lấy mồm. Các đồng loại của nó cũng nhe răng ra cười rồi cùng cất tiếng hí làm cho nó càng uất. Không chờ tiếng trống lệnh, nó đã lồng lên, tức thì các đồng loại của nó cũng bỏ vạch rượt theo. Tiếng trống liên hồi, con Thiên-ly càng cầm đầu cầm cờ chạy. Nó đã tưởng mình thắng cuộc, nó đắc chí ngoảnh đầu lại thì bọn ngựa chiến đã tới sát đằng sau. Chỉ trong chớp mắt nó bị tụt lại. Không chịu, nó càng lồng lên. Bỗng nó thấy nhói một cái ở trong ngang bụng như bị một nhát gươm chém mạnh nó ngã vật xuống, vùi đầu trong bụi lốc của đàn ngựa bay qua, nó biết là đứt ruột, không thể sống được. Nó gắng mở to hai mắt, rên lên một tiếng như nói rằng: « Tiếng tăm lừng lẫy như ta chỉ có thể chết ở chiến-trường. Nhưng, than ôi ! Bãi cỏ này cũng là bãi chiến-trường, chết thế này cũng là chết vì giang-sơn, vì Chúa ! ».

Trước hơi thở cuối cùng, nó lấy hết sức tì, ngóc đầu lên cao, co co hai chân trước, thẳng thẳng hai chân sau, chừng như cố để giữ lấy cái thế « cao đầu phong vĩ ».

Hà-nội 10-1956

TRẦN LÊ VĂN

Trần Lê Văn, năm nay 37 tuổi, quê ở Nam-Định, là cháu nhà văn Trần Kế Xương, tức Tú Xương. Ông từng làm giáo-học ở Thuận-châu thuộc Sơn-lu, và nhân dịp đó lấy một cô gái Thái làm vợ. Trong thời-gian kháng-chiến ông dạy học ở một trường tư-thục, trong tỉnh Thanh-hóa. Vì bà vợ là người thiếu số, không đủ khả-năng để nuôi bán dưới đồng bằng, nên gia-đình ông chỉ sống vồn vey bằng số lương hàng tháng của ông là gần một tạ gạo. Vì vậy nên suốt trong thời-gian kháng-chiến ông rất cơ-cự. Sự nghèo túng của ông đã trở thành thành-ngữ.

Tính rất ông rất hiền lành. Ông ưa chịu đựng hơn là phản-kháng. Giọng văn của ông lúc nào cũng có vẻ « thủ-thỉ ».

Tuy vậy gần đây, chịu không nổi, ông có viết mấy bài đã kịch chế-đo một cách kịch-liệt, đăng trong Nhân-Văn và Giai-Phẩm

Chúng tôi chọn bài « Bức thư gửi một người bạn cũ » để giới thiệu ông vì bài này có nhiều tính-chất văn-ngệ hơn những bài tham-luận về chính-trị.

Trong bài « Bức thư gửi một người bạn cũ » ông đã dùng một giọng văn nhẹ nhàng để tả một cán-bộ Cộng-sản điển-hình, đồng thời ông cũng phơi bày những nỗi khổ cực ông đã phải chịu đựng trong suốt chín mươi năm.

Chắc chắn là ông không tránh khỏi cảnh tù đầy mạn riêng núi.

Trích Giai-Phẩm mùa Thu tập I

BỨC THƯ GỬI MỘT NGƯỜI BẠN CŨ

của Trần Lê Văn

Hà-nội, tháng 8 năm 1956

Thàn gửi anh Nguyễn vinh Hoa

Tiết trời vừa mới vào Thu. Tối nay lại là tối thứ bảy. Tôi định ngồi vắn vợ trên ghế công-cộng, thưởng thức cảnh ái-tình của người khác và trừ về làm thơ, ca ngợi cuộc đời. Thế mà, chẳng biết nghĩ ngợi ra sao, tôi rảo cẳng về nhà cặm cụi ngồi trong gian phòng vừa hẹp vừa thấp, không khí oi bức như

trong một cái hăm viết thư này cho anh. Bức thư này, tôi bán khoán đã lâu lắm, hôm nay mới hạ bút viết. Những điều sắp nói với anh, tôi đã định trình bày dưới một hình-thức khác : thơ ngụ-ngôn kiểu La Phong-Ten hay chuyện cổ-tích, kiểu An-đéc-sen. Tôi không có tài làm thơ ngụ-ngôn hay viết chuyện cổ-tích, và tôi nghĩ viết như vậy có lẽ là một thái-dộ úp mở. Tính rụt rè đã từng làm cho tôi có thái-dộ úp mở đó. Chính anh và một số ít người giống anh đã tạo cho tôi cái tính rụt rè đáng bị ấy. Tôi không giận anh nữa đâu. Lúc này tôi thấy lòng mình bình tĩnh như mặt biển sau trận bão. Ví như vậy chắc anh thấy là quá đáng vì mấy ai ở đời dám ví lòng mình như biển cả. Và chính biển cả, ngay giữa lúc mặt nó bình tĩnh nhất biết đâu lòng nó chẳng quay cuồng những luồng sóng ngầm.

Tôi biết, do thói quen lâu năm, anh sẽ nhiều đôi mày, nghiêm sắc mặt, nhò gò má lên để làm cho tôi « biết điều hơn », nghĩa là co rúm người lại chui vào cái vỏ như một con ốc sên hoặc anh sẽ ban tặng một cái cười rất có nghiên-cứu, một cái cười khoan-dung độ lượng để tôi thấy « mọi sự đều vui vẻ » và đêm ngủ khỏi giật mình.

Thực ra, hai vẻ mặt khác nhau của anh đều đưa nhôi tới một kết-quả là làm cho người khác dấu diếm ý-kiến thực của mình. Một nhà văn bi-quan nào của thời xưa có nói : « Ngôn-ngữ vốn dùng để che đậy những ý nghĩ thực ». Tôi không cho câu ấy là đúng, nhất là trong thời-dại chúng ta. Người ta lúc còn sống cạnh nhau nếu không nói thật với nhau thì đợi đến cuộc phán xét cuối cùng mới nói thật sao ?

Trái bao thế-kỷ, nhất là trong cái phần đã qua của thế-kỷ này, máu đã đông nhiều, xương đã rơi nhiều cũng chỉ là để đưa tới một cuộc sống thật, với những con người thật, biết cảm nghĩ thật.

Anh định góp sức với loài người tạo nên cuộc sống thật, sao anh lại cứ làm một người giả trong cái xã-hội đang hy-sinh nhiều để vươn mạnh lên cái thật này ?

Thời cũ, có những kẻ coi cuộc đời như một hí-trường, rắp tâm đội mũ đeo râu chứ không thích làm một vai chạy hiệu. Lại có những kẻ coi cuộc đời như canh bạc, muốn xông vào thì thổ những ngón xảo trá để ăn to. Thậm chí có kẻ quan-niệm cuộc sống là một thương-trường. Từ những cái rẻ giá nhất như áo cũ, đồng nát cho đến những cái cao-siêu nhất như đạo-lý của các đấng triết-nhân, bọn họ đều có thể dùng để làm ra lợi lộc được cả. Tôi nói cho văn vẻ theo kiểu Vũ trọng Phụng thế thôi, chứ chẳng có dụng tâm ám-chỉ gì anh vì anh cũng không đến nỗi mang đủ các tàn tích xấu xa đến thế. Mặt khác, tôi không ưa gì cái thói ám-chỉ, nó là cái thói quen của nô-lệ.

Trong thư này, tôi gọi anh bằng cái tên cũ Nguyễn Vinh Hoa, anh cũng đừng nên lấy thế làm mặc lòng. Chỗ bề bạn thân tình, tôi mới dám suồng sã thế. Anh cho phép nhắc lại một kỷ-niệm ; hồi chúng ta cùng học trường Bưởi, có lần anh kể tôi nghe rằng nhà ta vốn dòng trâm-anh thế-phiệt. Ông cụ nhà ta đêm đêm nằm cạnh khay đèn kể hai câu Kiều :

Vinh-hoa phú quý ai bì ?

Vườn xuân một thuở để bin muôn đời

Khi anh ra đời, ông cụ đặt cho anh cái tên đẹp đẽ ấy, làng xóm ai cũng phục. Anh lớn lên hãnh-diện vì cái tên ấy, kiêu-kỳ với mọi người vì cái gia-thế ấy. Là bạn cùng đèn, cùng sách mà hồi đó đối với anh tôi đã thấy từ thân lép vế trước thái-dộ mực hạ vô nhân của anh. Ấy là vì tôi thừa được Cách-mạng dạy cho hiểu rằng : giá trị con người đâu phải ở cái tên đẹp và dòng họ sang.

Sau tháng tám 45, gặp anh thì anh không còn là Nguyễn Vinh Hoa nữa mà đã trở thành Lê Hùng Tiến. Giữa sự một nhà cách-mạng chân chính đời tên đời họ để kẻ địch khỏi tìm ra tông-tích thì ai ai cũng thấy phải lẽ ; nhưng đảng này, anh đổi tên, xét ra chỉ để có một cái nhân-hiệu mới thay cho cái nhân-hiệu cũ mà anh cho là quá thời. Với cái nhân-hiệu mới này anh nghênh ngang, ngễng ngệng bước vào cuộc đời mới, che mắt thế-gian bằng một thứ trang-sức mạ vàng. Anh cất nghĩa cho tất cả mọi người : Hùng là anh hùng. Tiến là tiến-bộ. Thiên hạ bắt đầu nể anh. Anh lại phân vua với quần-chúng rằng anh đã tự ý chia cả gia-sản cho dân nghèo ngay khi giành chính quyền ở huyện Thái-ninh, quê nhà anh, và hôm nhân dân xông vào chiếm lấy huyện đường, anh vác khẩu súng chim đi đầu... hô khẩu-hiệu. Thiên-hạ càng nể anh hơn nữa. Thế là, mập mờ đánh lặn con đen, dùng danh-từ, khẩu-hiệu làm lá chắn và bùa hộ mệnh, anh có đủ can-dảm chơi trò trịch thượng với đời. Cái chất sống hùng dũng chứa đựng trong các danh-từ khẩu-hiệu của thời-dại mới, anh đang tâm hóp méo, vắt kiệt nó đi theo trí tưởng tượng kỳ quặc bệnh não của anh, hòng hóp méo con người, vắt kiệt chất sống của con người mà Cách-mạng đã đổ hao nhiều máu mới giành lại được.

Anh thường hay bảo người khác « liên hệ bản thân ». Bây giờ anh thử « tự liên hệ » xem sao ?

Ở đây tôi không có đủ quyền hạn làm một việc kiểm-thảo hay lên mặt quan tòa buộc tội anh như anh thường buộc tội người khác. Nhưng là một con người, lại là bè bạn anh, tôi tưởng có quyền góp một vài « hiện-tượng » giúp anh nhìn lại con người mình. Dụng ý tốt nhưng lời nói có vụng về, xúc phạm đến lòng tự ái cũng mong anh thể tất cho.

Nhớ lại còn thấy còn buồn cười với cái tên « Ông Khẩu-hiệu » người ta tặng cho anh.

Ngày đầu kháng-chiến có khẩu-hiệu « quần-chúng-hóa sinh-hoạt » anh nắm luôn lấy nó để đóng một vai kịch khá lý thú. Hồi ấy mới về nông-thôn, anh tuyên-bố âm ỹ là « cương quyết bỏ cái khoản xà-phòng trong sổ chi tiêu riêng » vì có « nông-dân có dùng xà-phòng đâu mà vẫn sống được ». Ra đường, anh ăn mặc tồi tàn và đi chân đất, tối về không rửa chân trước khi đi nằm. Chủ nhà vốn người chất phác, tin ngay anh là người tốt và nhường ngay cho anh căn nhà rộng nhất, cái giường vững nhất, tấm chiếu lành nhất, lại để anh sai khéo con người ta làm những công việc vặt cho anh.

Mập áo và đi chân đất, ly-dị với... xà-phòng, trút bỏ cái lối « Vinh Hoa » cũ, với cò-còn, ca-vát, anh đã đủ tự thấy mình là hiện thân của đạo đức mới, đạo đức của quần-chúng và thấy có quyền phẫn uất với mọi cái mà anh cho là trái với nền đạo đức ấy. Vì hay phẫn uất, anh hay lên giọng kẻ cả mắng người. Người bị mắng đầu tiên là chủ nhà, kẻ đỡ nhường nhà cho anh ở

Nhân ngày giỗ mẹ, ông bà ấy mời chúng ta ăn cỗ. Cỗ đây có nghĩa là cơm không dọn như thường lệ lại có vài đĩa thịt và cả tí « nước cày » nữa. Chủ khách đang vui về anh mượn hơi men, nửa đùa nửa thật, luận thuyết về sự « không nên phạm chính-sách tiết-kiệm », « cần phải ăn cơm dọn », « một giọt rượu là một giọt máu ». Bà chủ thừa lúc anh đi ra ngoài, ghé tai tôi bằng một giọng sự sệt : « nhà cháu có điều gì sai phạm, ông làm ơn nói với ông Tiến bỏ quá đi cho ». Tôi phải lấy lời lẽ giải thích, an-ủi mãi người ta mới yên lòng. Đó là một lối « quần-chúng-hóa » đặc-biệt của anh. Anh căm thù nhất « cái bệnh tiêu tư-sản ». Tôi cũng đã biết anh hiểu rộng câu « tẩy rửa đầu óc tiêu tư-sản » trong sách vở. Những tàn tích tiêu tư-sản như đồng hồ, bút máy, nhẫn vàng, anh giấu biệt một chỗ. Một buổi sáng, chị ấy lấy hộp « gíp » ra đánh răng, tự nhiên anh thấy nộ khí xung thiên, quảng luôn hộp gíp xuống so vì « dùng « gíp » đánh răng là tiêu tư-sản ». Chủ nhà nhìn anh kinh ngạc. Dần dần ba tiếng « tiêu tư-sản » trở nên những tiếng anh quen dùng để kháng cự mọi sự anh không đồng ý. Đại khái người ta mặc cái áo đẹp, hoặc giữ anh nhân tình trong túi hay buổi tối ngồi chơi ngắm trăng đều là « tác-phong tiêu tư-sản cả ». Thậm chí cô bé con nhà bần hàn xóm chợ sang khoe với bạn cái mùi xoa thoa cành hoa con bướm cũng bị anh phê-bình ngầm là « ảnh hưởng tiêu tư-sản ». Anh quên hẳn cái áo gấm lam của anh còn giữ từ ngày cưới vợ cất ở đáy hòm, thỉnh thoảng vắng người anh đem ra phơi. Giá lúc ấy phát động quần-chúng rồi thì khối người vô cơ bị anh liệt phăng vào loại địa-chủ gian ác chứ không bõn.

Anh có thấy không ? lối sống giả tạo ấy cứ theo cái đà tự phụ, tự mãn của anh mà phát triển lên. Năm bắt đầu có chỉnh-huấn, anh xung phong đi ngay. Khi đó chúng ta cùng công-tác ở một cơ-quan. Anh là một trưởng ban, tôi một nhân-viên. Tôi cũng đi dự lớp chỉnh-huấn với anh. Trong lớp có khẩu-hiệu « Thành khẩn phê-bình và tự phê-bình ». Một số đồng-chí có khuyết-diểm nặng can-dảm nói ra. Có người khóc vì hối hận. Ai chẳng cảm-động trước sự nói thật, khóc thật. Anh ngồi lăm lăm ngày trời, tỏ ra nung nấu ghê lắm. Một đêm mọi người đang ngủ yên, anh tung chăn vùng dậy, lay gọi đồng chí tồ-trưởng và khóc thét lên, bộc lộ một tội tày đình : một năm nào đó, sau cách-mạng tháng tám, anh có tồ-chức một Đảng phát-xít lấy tên là Đảng « Quạ đen » âm-mưu làm những việc khuynh đảo. Sau khi « tranh đấu bản thân » anh nói ra « sự thật » với một niềm đau xót vô cùng. Anh xếp đặt câu chuyện có tình tiết hân hời, ly kỳ như chuyện trinh-thám. Hôm sau được « báo-cáo diên-hiã » ở hội-trường. Thỉnh thoảng anh khóc nức lên, oan người như con sâu bị nẹp vào lửa, tỏ vẻ ăn năn đến cao độ. Gần hết báo-cáo, tự nhiên huych một cái, anh ngã lãn xuống đất, ngất đi. Anh em xúm lại vực anh dậy, gọi y-tế đến tiêm thuốc hồi sinh. Người đời vốn tột bụng nên dễ tin, xôn xao ghen ghét, « anh học-viên thành khải gương mẫu ». Tôi cũng có tính cả tin, đầu giám ngờ anh bịa chuyện cho ra giáng yêng-hùng. Tôi lại phục anh về cả hai mặt : một là « to gan lập đảng Phát-xít » hai là « lăm lỏi đến thế mà đúng cảm nói ra ».

Tuy nhiên, tôi cứ loay hoay tự hỏi : « Quái ! Hân lập đảng Phát-xít lúc nào mà mình ở sát vách không biết ? »

Ngày qua tháng lại, anh cũng làm đến chức Trưởng-ty. Chẳng hiểu duyệt nợ chuyện kiếp thế nào mà tôi cứ phải ở gần anh mãi. Chuyện này anh liệt

nghiêm hơn trước nhiều. Trước anh cũng có những lúc vui tính và biết cười to như mọi người. Nhưng khi cảm thấy mình quá-trọng quá rồi thì anh cười càng ngày càng ít đi. Khi chào ai thì anh chỉ vừa kịp nhếch nửa cái mép lại đóng lại ngay. Đây cũng là một cách anh áp-dụng bốn chữ « thái-độ nghiêm túc ». Trình-độ « nghiêm túc » của anh càng lên cao thì hình thù anh càng thay đổi. Người anh khô đét lại, thẳng đờ như một cái áo quan, mặt chỉ biết trợn chữ không biết nhìn, mặt tái đi vì luôn luôn giận dữ với các loại khuyết điểm trên đời, hai hàm răng xít lại, đầu có cựa cứng chằng ra một nụ cười.

Từ khi trong phòng anh dán khẩu-hiệu « đặt lợi ích chung lên trên lợi ích riêng » thì quả anh gương mẫu không ai bì kịp. Ở đâu và lúc nào anh cũng chỉ nói toàn chuyện công-tác, không bao giờ dả động tới chuyện vợ con, gia-đình. Anh kể những chuyện đó như bậc chân tu kiêng phạm giới. Thành thử chúng tôi mỗi khi thèm khát nói về chuyện đời tư của nhau một chút, thường phải chờ khi vắng mặt anh mới dám nói vì ngại bị phê-bình là « cá-nhân chủ-nghĩa », « gia-đình chủ-nghĩa » và nhiều chủ-nghĩa đời tẻ khác nữa. Cũng gì thế trong năm sáu năm trời công-tác ở cơ-quan, dưới quyền điều-kiện của anh tôi chỉ dám đánh bạo xin về thăm nhà một lần, khi nghe tin con đầu lòng của tôi bị thương-hàn nặng. Quả thực trông bộ mặt thều-não của tôi lúc ấy, anh cũng cho phép nhưng quên kèm theo một câu : « đồng-chí không nên nặng đầu óc gia-đình nhiều quá ! » Tôi về đến nhà, thẳng hé xuýt qua đời. Nếu không nhờ hàng xóm láng giềng cứu sống nó thì tôi oán giận anh biết ngần nào ? Thú thật có một lần tôi bắt gặp anh viết thư gửi về nhà cho chị ấy. Đang dễ phồng bì, chợt trông thấy tôi anh dấu bức thư xuống dưới một chồng sách. Tôi xuýt buồn cười nhưng cũng hơi mến anh, chính vì cái việc nhỏ mọn « viết thư cho vợ » đó.

Chứng cảm thấy mình cô-độc, hắc-giác một hôm anh dán trên tường một khẩu-hiệu « phải hòa mình với quần-chúng » và lập tức thực-hiện ngay. Mỗi ngày anh dề ra mười lăm phút (có ghi trong thời khóa-biểu) để săn sóc mọi người. Săn sóc đây có nghĩa là đến vỗ vai từng người rồi hỏi : hoặc « Có khỏe không ? » hoặc chỉ gọn lỏn có hai tiếng « Thế nào ? ». Người được hỏi thấy cảm-động, sắp bắt đầu kể lẽ tâm-sự thì anh đã chạy vội vàng sang phía người khác và hỏi những câu đúng như vậy. Chẳng lẽ khi ấy chúng tôi lại nói thật với anh rằng thà anh tặng chúng tôi mỗi tháng một nhất đao còn hơn ngày nào cũng vỗ vai thăm hỏi kiểu ấy. Chiều chiều cơm nước xong là có một giờ để *điều-vận* (cái này cũng được ghi trong thời khóa-biểu). Đồng-hào đã thuộc lòng những câu dân-vận của anh : Cụ bao nhiêu tuổi ? Cụ có mấy con ? Con cụ làm gì ? Người ta chưa kịp đáp câu này, thì anh đã hỏi sang câu khác. Có người đã bị anh hỏi như vậy hàng mấy chục lần, sau những giờ *điều-vận*, anh về ngủ yên giấc như đã làm tròn một nghĩa-vụ lớn đối với giống nòi. Hồi ấy anh cũng có một người bạn thân. Đó là một sự lạ. Bạn anh tôi không nhớ tên là gì. Anh chàng ấy giống anh như tạc. Hai anh gặp nhau mỗi tuần một lần vào chiều thứ bảy, rất đúng giờ (chắc là việc này cả hai đều có ghi trong thời khóa-biểu). Trò chuyện tâm giao giữa hai anh cũng có « chương-trình nghị-sự ». Phần thứ nhất : phân-tích tình-hình thế-giới ; phần thứ hai : phân-tích tình-hình trong nước ; phần thứ ba : phân-nhân về những kẻ sai lập-trường. Khi các anh có vẻ đã ngấy nhau rồi thì bắt tay nhau và hẹn chiều thứ bảy sau lại

gặp nhau. Thường lệ cứ sau đúng một tiếng rưỡi đồng hồ tâm-sự là các anh gặp nhau.

Tôi vừa nói tới hai chữ « lập-trường » Ái chà ! về vấn-đề này thì thiết-tưởng cả thế-giới dân-chủ khó lòng tìm ra một người « đúng lập-trường » như anh. Tôi có nhiều dịp thấy rõ điều này. Anh thường nói lập-trường tỏ rõ nhất trong ngôn-ngữ. Vì vậy ở diêm này anh ráo riết lắm. Đồng-chí cấp dưỡng một hôm kho thịt, gọi món ấy là « thịt kho tàu » anh « chính » đồng-chí ấy ngay tại chỗ : « sao không gọi là thịt kho Trung-quốc ? » Những tiếng ghép quen dùng như chè tàu, giầy tàu... anh đều nhất thiết đòi là chè Trung-quốc, giầy Trung-quốc v.v... Có lúc tôi đánh bạo góp ý-kiến : Ta gọi nước bạn là Trung-quốc thì đúng lắm rồi, nhưng có vài trường-hợp thiết-tưởng có thể linh-dộng được chứ ? Anh trừng mắt : « Tư-tưởng này là tư-tưởng phá hoại tinh-thần hữu-ngợi ! ». Trong một phút đùa cợt, tôi ví cái dáng điệu các lác của một anh bạn như dáng điệu « ét ô-tô » thời Pháp. Thế là tôi bị phê-bình nghiêm-khắc ngay là « xúc-phạm đến giai-cấp công-nhân ». Chẳng những chúng tôi mà cả quần chúng đồng-bào cũng lắm phen được anh giáo-dục về lập-trường rất chu-đáo. Từ sau phát-động quần-chúng có những vở kịch trình bày những cảnh địa-chủ ép bức nông-dân. Khán-giả nhiều khi cảm-động không cầm được nước mắt. Nghe nói thế anh cũng chuẩn bị nước mắt từ ở nhà mỗi khi đi xem kịch. Thường thường anh khóc đúng lúc. Nhưng cũng đôi khi anh khóc bừa bãi. Thí dụ một bữa đi xem chèo, giữa lúc tên địa-chủ trên sân-khấu đánh nông-dân mạnh quá, rơi cả râu thì anh hu hu khóc. Những người xung quanh cười bị anh mắng ngay là « thương địa-chủ » « riêu nông-dân ». Mọi người lấm lét nhìn anh và cho đến khi hạ màn không ai dám cười nữa.

Về vấn-đề phê-bình và tự phê-bình, anh cũng rất triệt-đề và có nhiều sáng-kiến.

Mỗi tối trước khi đi ngủ, có mười lăm phút « tự tu » nghĩa là kiểm-điểm lời ăn, tiếng nói, việc làm trong một ngày : anh này chót chê tác-phẩm của một nhà văn nước bạn là kỹ-thuật kém, anh kia chót đề cho một người bạn thân ở xa biết địa-chỉ cơ-quan, anh thứ ba chót sang xin nước uống của bà hàng xóm, hại cho chính-sách dân-vận đều phải kiểm-điểm và truy-động cơ tư-tưởng cả. Chúng tôi ngồi xếp chân vòng tròn như những pho tượng trên chùa xung quanh ngọn đèn dầu lạc, ánh sáng hắt lên những nét mặt dăm chiêu, tiếng nói rầm rầm như đọc kinh sám hối. Ngày chủ-nhật thường được nghỉ nửa buổi. Còn nửa buổi kiểm-thảo hằng tuần. Việc này làm kỹ hơn tự tu hằng ngày và phải vận dụng lý luận để phê-phán lỗi lầm. Anh ngồi điều khiển, mặt đầy sát khí, cất tiếng rề rề như cái máy hát cũ đem những bài lý luận ra « đối chiếu với thực-tế » và phê-phán những khuyết-diêm để xây dựng cho từng đồng-chí. Anh có một lối « phân tích tổng-hợp quy-kết » các loại tư-tưởng một cách rất khoa-học. Một anh có bệnh ngủ gật trong khi học-tập, bị phê-phán như thế này : ngủ gật là coi nhẹ học tập, coi nhẹ học tập là coi thường lý luận của ta ; coi thường lý luận của ta là đứng về phe phản-động. Kết-luận : *ngủ gật là phản-động*. Tôi không tin rằng thâm-tâm anh cũng nghĩ như thế. Tôi nhớ tới chuyện người ông của Goóc-ki cứ cuối tuần lễ tập trung các cháu lại hỏi tội và vác roi quật những đứa nghịch ngợm. Ở diêm này quả anh giống người ông của Goóc-ki.

Nói đến Goóc-ki, tôi lại nhớ tới chuyện văn-nghệ. Nói cho công bằng anh cũng là người có khiếu văn-nghệ và có quan-diêm văn-nghệ riêng. Anh chủ-trương rằng : văn Liên-sô nhất thiết hay hơn văn Trung-quốc, văn Trung-quốc nhất thiết hay hơn văn Việt-Nam. Ở trong nước thì văn-sĩ cấp Khu giỏi hơn văn-sĩ cấp Tỉnh, văn-sĩ cấp Tỉnh thì giỏi hơn văn-sĩ cấp Huyện. Hay hơn tất cả văn-chương các cấp là ca-dao ở các bích báo. Lý luận như thế cũng hơi đảo lộn trật-tự nhưng thấy đúng quan-diêm quần-chúng anh lại yên tâm.

Chúng tôi sống luân quần với anh trong năm sáu năm trời dằng dẵng. Cơ-quan cũng có chuyện địa diêm nhiều lần. Nhưng bất cứ ở đâu, con người anh cũng lù lù như một cái bóng đen đè nặng lên cuộc đời chúng tôi. Chúng tôi đếm từng bước đi, nén từng hơi thở, ghìem từng lời nói. Chúng tôi sống thâm lặng, khép nép, như những người đàn bà tu kín, sắc mặt vàng vọt dần, mạch máu khô kiệt dần ở một nơi thiếu ánh sáng mặt trời.

Không biết trong bấy nhiêu năm, chúng tôi đã làm lợi gì cho ai ? Và chính anh nữa, anh đã làm lợi gì cho ai ?

Chúng tôi hỏi đó chỉ có cái thú ác là rình lúc nào rảnh việc, tìm chỗ nào vắng mặt cùng nhau bàn tán về anh để giải-trí. Có lúc chúng đi ví anh như « ông Hít-le » (vì anh cũng đã bộc lộ là đã có phen định làm ông Hit-le con cơ mà !) Có lúc ví anh như một gã thợ-lại hách dịch, hoặc một cụ đồ gàn, tưởng Cách-mạng toàn là chuyện chi, hồ, già, già... Chúng tôi vẽ bức biếm họa ngộ nghĩnh : anh xếp các khâu hiệu làm bực thang leo lên ghế thứ trưởng. Chúng tôi còn làm vẽ dưới bức họa.

Anh định làm cho chúng tôi sợ thì quả thật anh đã đạt được kết-quả mỹ mãn. Chúng tôi hằng ngày ngồi trước mặt anh làm việc như những cái máy, nói cho đúng hơn như những viên tiểu thơ lại. Nói chuyện với anh thì chỉ biết xā-giao bằng những câu rất « đúng lập trường » rồi mong mọi những phút được bá cò nhau chạy ra chỗ vắng nói tếu cho nở phôi. Cộng lại những phút này cũng hiếm lắm. Trong giấc ngủ hình ảnh của anh cũng không để chúng tôi được nghỉ ngơi thật sự. Có đêm tôi mê thấy hai cánh tay gầy guộc của anh móng nhọn nắm cổ tôi lôi xuống một cái hầm tối om, đẩy nắp lại. Có hôm lại thấy anh hóa ra con quạ đen quắp tôi như con Đại-bàng quắp nâng công-chúa trong chuyện cổ-tích. Tôi thường kêu ú ó, hoặc nghiêng răng trong những giấc mê kinh hãi đó.

Hồi tưởng lại cho kỹ trong ngần ấy năm cũng có một đôi lần, tôi thấy có cảm-tình với anh. Cái lần đồng-chí Mẫn ở Khu về có việc ở Ty, làm cho chúng tôi và cả anh ngấm nghĩ.

Đồng-chí ấy, kể ra không oai nghiêm bằng anh. Đồng-chí ấy xuề xòa vui tính, thỉnh thoảng cũng có nói tếu như chúng tôi. Tôi lấy làm lạ rằng trong những ngày tiếp đồng-chí Mẫn, hình thù đáng đấp anh có đôi khác. Anh nhìn nhận lắm. Bộ mặt trở nên hiền lành lại có vẻ dứa trẻ ngoài ngoài. Đồng-chí ấy nói đùa anh cũng vàng vàng dạ dạ vì lâu ngày anh quên cả nói đùa. Sau khi đồng-chí Mẫn đi, anh bắt chước tác-phong đồng-chí ấy được vài hôm nhưng ngược ngáp trông thật tội nghiệp.

Trước khi anh đã lên cấp bằng con đường nghiêm khắc nay anh lại định lên cấp bằng cách vui vẻ nhưng than ôi, tre già uốn dễ gãy, lụa đen khó nhuộm hồng.

Một kỷ-niệm khó quên nữa là cái lần anh ốm nặng. Ngồi bên giường bệnh sẵn sóc anh, tôi được nghe anh kể chuyện nhà chuyện cửa, anh nhớ bà cụ, nhớ chị và các cháu, lại tả cảnh quê-hương với những con đê rộng nhàn. Tôi có ý nghĩ hơi tệ: giá anh ốm mãi lại hóa hay. May sau khi anh khoẻ lại thì tôi được điều động sang cơ-quan khác.

Bây giờ nửa mừng nửa sợ được biết tin anh. Tôi hỏi chuyện anh em, có người tặc lưỡi nói: « Hẳn vẫn như trước ». Tôi không tin nhưng cũng thấy ngại ngại. Đêm nay tôi cố bình tĩnh để quên mọi bực dọc cũ, viết thư cho anh. Việc đã qua thuộc về dĩ-vãng. Tôi không trách anh đã làm phao phới tuổi trẻ và năng-lực của một số người trong bấy nhiêu năm. Vì trách nhau cũng chẳng lợi gì, anh không phải là một người làm cảm đau. Anh rất khôn ngoan nhưng đã tính toán lầm. Dựa vào một danh nghĩa lớn, anh làm toàn những việc tù mù. Cách-mạng đấu tranh cho cái thật, anh dựa vào đấy để làm cái giả. Cách-mạng yêu con người, anh không biết yêu con người. Cho nên có lúc xung quanh anh như lạnh lẽo toàn là tử khí. Xác chết toát ra thế nào được hơi nóng. Người khỏe mạnh ai thích đến gần xác chết, kể cả xác chết người yêu. Anh chưa phải là một xác chết hẳn đâu. Thời đại còn có thể tiêm thuốc hồi sinh cho anh được. Anh nên sống cho trọn vẹn, cùng với mọi người xây cuộc sống. Người ta sẽ yêu mến anh, anh cũng sẽ yêu mến mọi người. Cuộc đời sẽ thú-vị biết bao. Tôi nói có vẻ nhà mô-phạm lắm nhỉ? Đó là thói quen của nghề nghiệp. Anh hiểu cho lòng chân-thành là quý.

TRẦN LÊ VĂN



HOÀNG TỊCH LINH

Hoàng tích Linh, năm nay chừng 40 tuổi, quê ở làng Đông-ngạc, gần Hà-nội, em ruột nhà văn Hoàng tích Chu và họa-sĩ Hoàng tích Chú cùng với Trần Dần, Hoàng tích Linh tham-gia bộ đôi và công-tác trong đoàn kịch của Trung-wong. Ông viết nhiều kịch ngắn, nhưng có hai bản chúng tôi trích sau đây là đặc-sắc hơn cả.

Vở « Xem mặt vợ », phù hợp với bài thơ « Tôi tìm em » của Tạ hựu Thiện, nêu lên vợ bán khoán của cả thế-hệ thanh niên ở Bắc-Việt hiện nay là các cô gái mà họ định lấy làm vợ, dẫu bị nền giáo-dục Cộng-sản làm chột mắt tình yêu. Các cô này chỉ quan-niệm hôn-nhân như một việc phục-vụ Đảng, phục-vụ « nhân-dân ».

Vở « Cơm mới » tả một cảnh đấu tố trong chiến-dịch Cải-cách ruộng đất. Trong vở kịch một hồi này tác-giả trình bày rất cặn kẽ rằng không phải chỉ có giai-cấp địa-chủ mới bị khủng bố mà chính ngay bản cổ nông, cả những bản cổ-nông-đã hăng hái tham-gia kháng-chiến cũng bị khủng bố đến nỗi nhai tự-tử. Những tài-liệu về « sửa sai » đăng trong báo Nhân-Dân là báo của Đảng cũng nêu lên những vụ tương-tự.

Trích báo Nhân Văn

XEM MẶT VỢ

Kịch ngắn một hồi

của Hoàng tích Linh

Thời-gian : Mùa Thu sáng chủ-nhật

NHÂN-VẬT

NGUYỆN	:	Ngoài 30 tuổi, công-nhân
CHI NGUYỆN	:	Ngoài 30, bán hàng sén, tổ-trưởng phụ nữ khu phố
TẤN	:	25 tuổi, cán-bộ công-trường
LAN	:	20 tuổi, bán hàng ở Mậu-dịch
DUNG	:	18 tuổi, y-tá một cơ-quan

BÀI-TRÍ

Nhà Nguyễn ở một ngõ lao-động. Căn buồng vuông vắn có mảnh vải bao bọc ngăn dãi cửa phía trong, trông ra mảnh vườn nhỏ và bếp. Đồ đạc sơ sài, quấy tấm phên, trảng kỹ, bán ghê. Đồ chơi trẻ con bày khắp nhà. Tường treo khẩu ảnh chụp và tranh « Công-nhân kiện-thiết », tranh « Thống-nhất ».

MỜ MÀN LÉN

Cửa sổ và cửa trông ra phố mở tung. Năng tràn vào trong nhà, những bức tranh màu càng sáng rực rỡ. Ngoài phố cảnh tấp nập một sáng chủ-nhật.

Trên giường, anh Nguyễn chăm chú chữa radio. Chị Nguyễn nhanh nhẹn vát lại màn, cắt chiếu, quét giường.

CHỊ NGUYỄN (đáng vội vã) — 7 rưỡi rồi. Có ấy cũng sắp đến, nhà cửa lũng củng thế này, có ấy lại chẳng cười cho (vui vẻ thu dọn bàn ghế, 1 chiếc ghế đẽ).

NGUYỄN (vẫn lúi húi chữa, không ngừng đũa lén) — Cái gì thế ?

CHỊ NGUYỄN (nhìn chòng) — Anh ngồi sù sù từ sáng đến giờ cũng không biết báo con đề nó bày bữa ra (thu dọn ảnh 5.; b'ng đũa trên giường). Con bày, bố cũng lại bày, ai chịu được. Đề tôi mang vào ương nhà mà chữa !

NGUYỄN — Cái gì !

CHỊ NGUYỄN — Có ấy hẹn sáng nay đến chơi đấy ! Ai lại nhà cửa luộm thuộm thế này trông sao tiện ?

NGUYỄN — Có ấy đến xem mặt chú Tấn, chứ xem mặt nhà mình đau mà sợ. Rõ dở hơi lắm !

CHỊ NGUYỄN — Phải, chẳng biết ai dở hơi. Lúc anh hỏi tôi, anh đòi đến xem nhà hàng chục lần thì sao ?

NGUYỄN — Thì lúc ấy người ta cũng phải vờ thế mới xem mặt có được kỹ chứ. Ai đòi xem nhà làm quái gì ?

CHỊ NGUYỄN — Bây giờ việc trăm năm của chú Tấn, phận mình là anh chị phải trông nom. Cảnh nhà mình, lao-động chẳng có gì, lại càng phải giữ thể diện cho chú ấy chứ. Anh cứ để mặc tôi thu xếp. Tôi đã dạm hỏi cả thầy mấy đám. Chỉ có đám cô Dung rày ưng ý nhất cả. 11 tuổi, tiên-bộ mẫu mực, có công-tác tự-túc được rồi. Chú Tấn nhà ta mà lấy được thì đẹp đôi lắm !

NGUYỄN — Biết vậy, còn tùy chú ấy chọn.

CHỊ NGUYỄN — Ai không biết là tùy chú ấy. Nhưng cũng phải biết bỏ hay đường tui. Giá chú ấy công-tác ngay Hà-nội thì cũng còn để Đàng ấy chị ấy công-tác xa mới về, mình phải chọn nơi nào đích đáng nơi ấy, chứ Tấn với người ta chỉ gặp nhau một lần là xong việc rồi chứ !

NGUYỄN — Xem mặt xong rồi cưới ngay...

CHỊ NGUYỆN — Chứ lại dè dặt như anh ấy à. Tôi tính chú ấy được phép nghỉ ba tuần. Lỡ dịp này rồi lại xin phép khó khăn ra. Bên nhà người ta mới xem ảnh cũng đã thuận ý rồi. Sáng nay chú cô ấy gặp gỡ nhau là cưới phải ngay được.

NGUYỆN — Cô nói như mai cưới ngay được rồi ấy ! Việc lấy nhau bây giờ người ta còn tìm hiểu nhau chán ra kia, rồi mới đặt thành vấn-đề hẳn hoi được.

CHỊ NGUYỆN — Ấy gặp nhau khác hiểu nhau ngay chứ khó gì. Giai chưa vợ, gái chưa chồng bắt duyên nhau lắm. Con gái đang ế chồng khờ kia !

NGUYỆN — Đã chắc chú ấy bằng lòng chưa ?

CHỊ NGUYỆN — Sao lại chả bằng lòng. Tôi đến chơi dò hỏi tính nết cô ta kỹ lắm rồi.

NGUYỆN (*bật cười*) — Thế ngộ nhớ chú ấy không thích thì mình cũng bắt chú ấy phải thích à ?

CHỊ NGUYỆN — Chẳng còn đám nào hơn đám này đâu. Được cả hai chị em. Nhưng cô em là cô Dung mới 18 tuổi, làm Y-tá ở cơ-quan Bộ. Trẻ măng, mà ăn nói đã cứng chặc ra về cán-bộ lắm rồi. Tôi xem chú Tấn cũng tấn thành môn cô Dung đấy. Để tôi bảo chú ấy ra đây (*Gọi với trong sân*) Chú Tấn, chú Tấn ơi ! Hãy nghỉ tay ra đây anh nói chuyện.

(*tiếng Tấn ngoài vườn*)

NGUYỆN — Này, thế còn cô chị ?

CHỊ NGUYỆN — Cô Lan hơn em hai tuổi. Nhà ấy được cả hai đều xinh xắn cả.

NGUYỆN — À. . thế đề chú ấy gặp cả hai rồi thuận ý ai thì lấy.

CHỊ NGUYỆN — Sao anh lại cứ lằng nhằng thế. Giới-thiệu cô chị làm gì thêm nhiều chuyện ra. Cô chị tự nhiên lắm. Còn cô em nhen nớp hơn lại có nghề trong tay. Tôi đã cần nhắc chán rồi. Chú Tấn công-tác trong rừng, trên rú, phải tính lấy người biết thuốc men trông nom săn sóc mới được. Chú Tấn mà không lấy được cũng hờ...

NGUYỆN — Ờ, cứ kè thế thì lấy được đấy !

CHỊ NGUYỆN (*cười*) — Anh rõ thật “quan bày cũng ừ, quan tư cũng gật” chẳng ra làm sao. Chú Tấn còn tinh hơn anh nhiều.

(*Tấn ra, nét mặt ki hường*)

TẤN — Anh chị nói xấu gì em thế ?

CHỊ NGUYỆN — Chú ra đây. Tôi đang nói xấu anh chú đây này Người đến là doảng. Bàn chuyện cứ hay bàn ngang. Việc của chú có dở dang, chú cứ bắt đền anh đấy.

TẤN — Em bắt đền cả chị nữa.

CHỊ NGUYỄN — Tôi tính đầu vào đấy rồi. Chú nghĩ chẳng được bao nhiêu ngày. Nhân tiện chú cần tiền cho dứt nợ sốt rét đi. Tôi sẽ mách cô ấy, từ mai ngày ngày đến trông nom thuốc men cho chú. Chú, cô tha hồ có cô đi lại nói chuyện, bàn bạc với nhau. Thế có phải là tiện mọi đường không ?

NGUYỄN — Cô bàn cách ấy được đấy !

CHỊ NGUYỄN — Bây giờ xem mặt nhau cũng dễ dàng lắm đấy. Trước kia hồi xem mặt tôi, anh chú long dong hàng mấy tháng mà có được tích sự gì đâu. Ngày ngày đi qua hàng tôi, tiền đã chẳng có lại còn vờ hỏi hết thứ này thứ khác. Được thế, tôi càng trêu dẫn. Lắm lúc nghĩ lại đến tức cười. Còn việc của chú, tôi tính như vậy, chú thấy thế nào ?

TẤN — Cũng còn phải xem ý tứ cô ấy thế nào đã chứ !

CHỊ NGUYỄN (*sốt sáng*) — Tôi biết cả đôi bên. Từ hòa-blah được học tập cô ấy tiến-bộ nhanh lắm, gương mẫu nhất cơ-quan đấy. Đôi bên hợp lắm rồi. Chú chẳng phải đắn đo chi nữa đâu.

NGUYỄN — Ấy... việc này không hấp tấp được. Chú phải tìm hiểu cho thật chắc chắn đi. Thời buổi này phải hợp tình hợp ý, đôi bên phải thỏa-thuận cả mới nên lấy nhau. Sau này còn ăn đời ở kiếp với nhau, không phải thắc mắc mảy may gì có hơn không ?

TẤN — Có thế nào cũng còn phải hỏi ý-kiến anh chị nữa.

NGUYỄN — Cứ ý chú là chính. Anh chị có ý-kiến chi là phụ thôi. Việc này dân-chủ hơn bớt mới được. Bàn quá là nát. Lúc tôi lấy chị cũng vậy. Hai đứa ưng nhau là lấy nhau, giá lại đưa cho ông anh, bà chị, ông chú bà thím bàn ra tán vào thì cũng chẳng xong đâu.

CHỊ NGUYỄN — Việc chú chẳng khó đâu. Nhà người ta cũng dễ tính thôi. Chỉ cần chú với cô Dung quyết định nữa là xong.

NGUYỄN — Chú được nghỉ ba tuần phải tiến hành thế này mới chóng vánh được. Tuần đầu tìm hiểu, hai tuần sau cưới. Còn việc xin cưới ra sao, chú chẳng phải lo, đã có chị, chị làm tờ-trưởng phụ-nữ khu phố, tờ-chức tập-thể quen rồi.

CHỊ NGUYỄN — Mọi việc tôi đã tính toán đầu vào đấy. Chính quyền mời ai, khu phố mời ai, ban văn-ngệ liên-hoan thế nào, đã sẵn sàng cả rồi, chú có không ngại việc đó.

NGUYỄN — Thôi phiền phiền thôi. Người ta đến dự cưới, chứ có đi họp đâu. Có đã dự nhiều đám, rồi về kêu ca mãi mà bây giờ lại còn bày vẽ ra...

Cô Lan đỡ xe đạp ngoài cửa.

CHỊ NGUYỄN (*thấy trước dục chồng*) — Đây các cô ấy đã đến kia. Nhanh lên anh ! (*Nguyễn mang vội đồ chữa radio vào trong nhà.*)

Chị Nguyễn vui vẻ bảo Tấn) — Kia chú, chú cũng vào thay quần áo đi. Ai mặc áo lót thế kia mà lại định xem mặt vợ bao giờ ?

Chị Nguyễn don đả ra tận cửa don.

LAN (*nhánh nhẩu vui tình*) — Chị ! Lần đầu đến chơi chị lại đến muộn đề chị phải đợi lâu quá.

CHỊ NGUYỄN — Cô ngồi đây. Các cô đã hẹn hôm nay (chủ-nhật lại chơi, tôi yên trí không sáng thì chiều thế nào các cô cũng đến.

LAN — Sợ chị đợi, em phải đến trước đây. Dung bận tí việc đến sau chị ạ.

CHỊ NGUYỄN — Ấy, cứ thấy cô Dung là thấy bận. Công-tác của cô ấy vất vả thật. Có lẽ chủ-nhật cũng không được rồi mấy cô nhì.

LAN — Em Dung không bận lắm đâu. Công-tác như em thôi. Chủ-nhật cũng được nghỉ cả ngày. Có hôm nay Dung tạt qua cơ-quan, báo-cáo, chẳng công sắp lại đây.

CHỊ NGUYỄN — Ra thế... tôi lại cứ tưởng. . Hôm nay cô lại chơi. Chỗ cô tự nhiên coi như người nhà mới nói thẳng ngay vào việc mới được..

LAN (*cười tình ý*) — Em biết loáng thoáng rồi. Hôm nọ bác Phúc đưa cho chúng em ảnh của anh Tấn. Nếu hợp tính hợp tình càng tốt. Đành em với bên chị lại thành chỗ người nhà chị nhì ?

CHỊ NGUYỄN — Thế còn gì bằng nữa. Chú em nhà tôi năm nay 24 rồi đấy. Nói chuyện vợ con cứ chối đây đây. Tính người cũng dễ dãi. Là người kháng-chiến thật đấy mà ăn nói còn lúng túng lắm

LAN — Bây giờ phụ-nữ chúng em mong lấy chồng hay, chứ chẳng cần người nói hay, chị ạ.

CHỊ NGUYỄN -- Vẫn biết thế... nhưng cách-thức Hà-nội ta biết ăn biết nói vẫn hơn có phải không cô ?

LAN (*hóm hỉnh*) — Chúng em đã báo nhau rồi. Chồng con không cùng một chí hướng cũng cắt đứt. Không chồng suốt đời cũng được.

CHỊ NGUYỄN (*cũng cười*) — Cô nào cũng nói như vậy mà chả có nào ứng tẫn mãi được đâu.

TẤN (*ra*) — Cô Lan đến chơi..

CHỊ NGUYỄN — Chú ngồi đây.

LAN (*tự nhiên*) — Anh công-tác ở công-trường ?

TẤN — Vâng, ở công-trường cầu cống.

LAN — Vui lắm phải không anh ?

(Chị Nguyễn cũng lẳng lặng mang áo vào)

TẤN (*tự nhiên hơn*) — Thích nhất chỗ công-trường tôi làm là công-trường động. Ở chỗ này vài tháng xong việc lại chuyển sang chỗ khác. Hai năm nay chuyển ba lần. Hết Bắc-giang sang Việt-tri rồi Lao-kay. Rồi sắp vào Thanh, xuống Vinh.

LAN — Công-tác của anh được đi nhiều nơi thích nhỉ ?

TẤN (*sôi nổi*) — Sau này thống-nhất, con đường còn dài, còn nhiều cầu cống, còn khai phá nhiều đường mới. Chỉ sợ chân mình không đi hết được. Tính tôi quen từ nhỏ như hòn bi, ngồi lì ở một chỗ không chịu nổi.

LAN — Thế những người ngồi lì mãi Hà-nội thì anh bảo sao ?

TẤN — Tại mỗi người một tính, một nết. Hợp đâu, thích đấy.

LAN — Thế chắc anh không thích Hà-nội.

TẤN — Hà-nội lại khác. Năm 50 tôi còn học ở kỹ-nghệ, sau thích hoạt-động mới bỏ học ra kháng-chiến. Công-tác xa Hà-nội thực, nhưng vẫn nhớ chú. Tôi thích công-tác liên-miền vài tháng mới lại về Hà-nội một lần.

LAN — Nghe anh nói cũng thích rồi, công-tác hợp mới phần khởi được (*hơi buồn*). Công-tác tôi lại khác hẳn anh.

TẤN — Trường chị làm ở Mậu-dịch, đông người bán chác tấp nập suốt ngày.

LAN — Bề ngoài thế thôi, trông cũng vui mắt, nhưng buồn lắm anh. Ngày hai buổi lại bán hàng, lại ghi sổ, lại thu tiền, mà khách hàng khó tính không chịu được. Lăm lức cũng bực, gắt lại bị phê-bình.

TẤN — Tại chị chưa quen đấy.

LAN — Không phải quen đâu. Phê-bình không đúng mới bực mình chứ.

TẤN (*lừa*) — Chị nói thế chả ma nào muốn xin vào Mậu-dịch bán hàng nữa.

LAN (*ười*) — Thì anh vừa bảo, tại mỗi người một tính một nết, hợp đâu thích đấy, (*ngחי ngợi*) chỉ tại cần phải đi làm dè dờ cho mẹ tôi ở nhà quán chỉ kiếm không đủ nuôi các em đi học. Tính tôi lại thích bay bổng, nhưng bay bổng khác anh kia. Tôi đang học thêm nhạc. Rồi tôi sẽ hát ở Đài phát thanh. Lúc bấy giờ tiếng hát của tôi sẽ vang đi khắp nơi, tôi sẽ hát cho mọi người nghe... Tôi tin là tôi phục vụ được nhiều hơn bây giờ.

TẤN — À... lúc ấy tôi công-tác xa mà được nghe tiếng hát của người mình quen biết, chắc thích hơn cả.

LAN — Anh cũng thích hát ?

TẤN — Tôi không biết hát nhưng thích nghe hát. Tính tôi như ngựa lồng thế này không thích ca hát sao được. Tôi cho chỉ có Bụt là không thích nghe hát mà thôi.

(*Hai người cùng cười thân-mật hơn. Chị Nguyễn mang nước ra, chọt thấy hơi khó chịu, lại lẳng lặng quay vào*).

LAN — Nhiều người không thích hát chèo. Mẹ tôi, cả Dung cũng thế. Chỉ có mấy em nhỏ là nó thích bắt tôi hát luôn. Mẹ tôi bực mình lắm nhưng tôi lại hát đề tập được nhân thế.

TẤN — Thế chị hát cho tôi nghe một bài. Lần đầu gặp chị lại được nghe chị hát.

LAN (*tự nhiên ngượng nghịu*) — Ai lại thế bao giờ. Lần khác, a h ơ.

(*Yên lặng, Tấn suy nghĩ nhìn Lan*)

LAN — Ở sao mãi Dung không lại ? (*lặng sang chuyện khác*) Anh còn nghĩ, mời anh lại nhà chơi.

TẤN — Tôi mong thế lắm. Cũng muốn đến luôn. Chỉ sợ phiền...

LAN — Có cái gì là phiền đâu. Anh cứ đến chơi. Tối nào Dung cũng có nhà. Quen chị ở đây lại được biết anh mà tính anh tự nhiên càng dễ gần hơn chứ.

TẤN (*vui vẻ*) — Thế tôi sẽ đến luôn. Vậy chị phải hát nhé. Rồi tôi sẽ cho chị xem những kỷ-niệm kháng-chiến của tôi.

LAN — Ờ. . thế anh phải cho tôi xem trước rồi tôi mới hát.

TẤN — Mà chị phải hát thật hay kia.

LAN (*cười*) — Nhất định thế. Tiện bây giờ anh lấy cho em xem trước đi.

TẤN (*thần-mật*) — Nhưng chị cũng phải hát ngay đây nhé. (*chạy vào trong đem túi dệt ra*) Công-tác nay đây mai đó, rất cần kỷ-niệm. (*Giờ túi dệt, tư lự*) Giờ cho chị xem, chị hiểu được hết đời tôi đây ! (*hai người sát vai nhau*).

Đây, chiếc túi gấm thêu và con dao con là của mẹ nuôi tôi người Thổ. chợ Chu, hồi bà cụ còn con gái. Hôm bà cụ sắp chết, không chôn theo, bà cụ cho đứa con nuôi người Kinh làm kỷ-niệm. Cứ một vật này hôm nào lại chơi tôi kể cho chị nghe cũng nhiều chuyện rồi. Có lẽ đề tôi đỡ chị xem trước tập ảnh thì hơn.

(*Hai người cùng giờ chụp ảnh. Anh Nguyễn ra lấy cái dùi ở giường đang cau. Cả hai cùng không biết*).

TẤN — Ra kháng-chiến tôi vào ngay bộ đội. Ảnh này chụp ở Cầu Hàm-Rông sau chiến-dịch Hà-Nam-Ninh. Đây là những ảnh dân-công khi tôi chuyển sang công-tác ở Sông Đà... Đây, ảnh mẹ nuôi tôi, và ảnh tôi mới chụp.

LAN (*xòm xĩnh*) — Ảnh này đẹp hơn ảnh bác Phúc cho xem trước (*nhìn Tấn*) Trông trẻ mà giống anh hơn (*cười*) Thế mà anh lại định giấu đi

(*Dung vào, áo cán-bộ màu xanh. Cả hai vẫn không biết*).

Dung ngáp ngừng không đánh tiếng

CHỊ NGUYỄN (*vừa ra tổng thất*) — Kla cô Dung. Cô vào đây. Đợi mãi cô.

DUNG — Chị mặc em.

LAN — Sao chậm thế hở Dung ?

CHỊ NGUYỄN (*lúc ghé vồn v.i*) — Cô ngồi đây. Chú Tấn lấy hộ chị ấm nước.

DUNG (*với Lan*) — Công-đoàn gì mà chủ-nhật đi chơi hết. Em đợi hơn nửa giờ chẳng gặp ai.

LAN — Chẳng vội. Lúc nào báo-cáo cũng được.

DUNG — Nêu báo-cáo ngay chị ạ... Công-đoàn còn theo rồi, giúp đỡ ý-kiến chứ.

CHỊ NGUYỄN (*báo Lan*) — Cô Lan này, ra chợ xem gian hàng của tôi đi ! Không lại báo biết nhà mà không biết cửa hàng.

LAN — Vâng. . đi đi chị.

(*Cả hai cùng ra. Tấn và Dung yên lặng*)

TẤN — Cô vẫn làm việc ?

DUNG — Vâng, tôi công tác ở Bộ. Ở Bộ bận hơn các cơ-quan khác.

(*Yên lặng*)

TẤN — Tôi mới về hôm qua. Được nghỉ hơn 20 ngày.

DUNG — Chỗ anh công-tác, y-tế phục vụ có bảo-đảm lắm không ?

TẤN — Cũng khá.

DUNG — Công-trưởng cần cần phải tích-cực chống sốt rét mới thực-hiệu được kế-hoạch 56. (*Lại yên lặng*).

TẤN — Tôi về cũng có ý lập gia-đình. Thấy chị tôi nói chuyện nhiều về cô. Trong thời-gian nghỉ ngơi được trao đổi với cô.

DUNG — Vâng... Việc này anh hãy thư thả. Mẹ tôi cũng đã biết rồi. Nhưng tôi chưa báo-cáo Công-đoàn. Tôi định đến nhưng không gặp.

TẤN — Trước hết là chúng ta tìm hiểu nhau đã.

DUNG — Theo ý tôi trước hết là tổ-chức cơ-quan phải biết đã, như vậy bảo-đảm hơn.

TẤN — Vâng, thế cũng được.

DUNG — Bộ không định hạn nguyên-tắc đó. Nhưng chính bây giờ tôi lại thấy cần phải có tổ-chức xây dựng cho mình. Mẹ tôi cũng thấy thế là đúng.

TẤN — Tôi cũng không phản-đối việc ấy.

DUNG — Như vậy chỉ có lợi mà không có ảnh-hưởng đến sau này phải không anh ? Về điểm này tôi với anh cũng giống nhau rồi đấy.

TẤN (*bất đầu khó chịu*) — Vâng .

DUNG — Còn khó khăn nữa là tôi với anh công-tác không những xa lạ mà lại khác ngành nhau, ăn ở với nhau rồi khó.

TẤN — Sau này sắp xếp công-tác cùng một cơ-quan cũng dễ thôi. Cái khó là sợ không cùng một chí-hướng tình-cảm.

DUNG — Tôi tưởng chúng ta cùng phục-vụ cho Cách-mạng là cùng một chí-hướng rồi. Hơn nữa, anh lại là gia-đình công-nhân, thế càng tốt.

TẤN — Vâng.

DUNG — Tôi về anh ạ. Tôi báo cáo với Công-đoàn rồi lại gặp anh. Đến tối... à tuần này tôi mắc học cả. Có gì, lại sáng chủ-nhật sau, anh nhé !

Lan vào hơi ngạc nhiên

LAN — Dung đã về à ? Ngồi chơi đây đợi chị Nguyễn.

DUNG — Chị về sau.

LAN — Này, Dung đi đâu vội thế ? (*Dung vẫn đứng ở cửa*).

LAN — Anh Tấn nghỉ phép không lâu đâu. Công-tác xa, ốm yếu xanh lám, cũng cần tiêm thuốc cho khỏe. Có thuốc sẵn rồi. Dung xem giờ có tiện, ngày ngày đến tiêm cho anh Tấn.

DUNG (*Dung nghĩ ngợi*) — Cũng hơi phiền chị nhỉ. (*Một lát*) Chưa tiện đâu. Để em báo cáo với cơ-quan đã. Sáng chủ-nhật sau chị ạ...

LAN (*bàn khoăn*) — Dung, Sao Dung phải chờ đến tuần lễ sau mới lại được ? Dung nghĩ xem : anh Tấn được nghỉ phép có ít ngày. (*Không tiện nói hết ý mình, như nằn nì với em*) Dung đến vào buổi tối thôi mà !

DUNG (*thần nhiên*) — Tuần lễ này buổi tối em bận, mà vấn-đề của em với anh Tấn nên nghiên-cứ kỹ về mọi mặt... Em không thể làm hơn được. Đến chủ-nhật sau chưa muộn. Thôi em về đây, chào anh nhé.

Dung ra vội, Lan cũng lúng túng đứng dậy

TẤN — Chị cũng lại định về à ?

LAN — Không... Không... phiền quá nhỉ ! Ai tiêm thuốc cho anh được ? Hay là, chiều này anh lại chơi mẹ em. Dung có nhà đấy !

TẤN — Tôi không cần tiêm và cũng không cần...

LAN (*sốt sắng*) — Cần lắm chứ ! Anh cần phải khỏe, anh còn phải công-tác nhiều.

TẤN — Không, tôi không muốn. (*tha-thiết nhìn Lan*) Tôi mong có hiểu...

LAN (*cảm-động*) — Đề tôi bảo Dung.

TẤN — Không, không ! (*càng tha-thiết*) Cô Lan !

LAN (*thêm lúng túng*) — Anh bảo gì em kia ?

TẤN (*cũng lúng túng*) — Tôi muốn nói chuyện riêng với cô .. cô Lan !

LAN (*ngạc-ngh*) — Vâng.

TẤN (*đổi nôi áu yếm*) — Lan ! Biết Lan, tôi thấy mến Lan hơn, tôi không thể...

LAN (*thẹn, nhưng sung sướng*) — Em không... Ai lại thế bao giờ ? Em về đây (*bỏ chạy ra cứ.*).

TẤN — Cô Lan ! (*chạy vào trong nhà, dắt xe đạp ra, nói với*). Anh cho mượn xe đạp một lát nhé. (*đến cửa gặp chị Nguyễn về*).

CHỊ NGUYỄN (*ngạc nhiên*) — Chú vội đi đâu thế ?

Tấn không kịp trả lời, lén xe hấp tấp. Anh Nguyễn cũng vừa ra.

CHỊ NGUYỄN — Có Dung đâu ?

NGUYỄN — Ai biết đâu đây !

CHỊ NGUYỄN — Sao chú Tấn lại đi với cô Lan ?

NGUYỄN — Lạ thật ! Sao mình lại hỏi tôi ? Chú Tấn chọn vợ chứ mình chọn vợ à ? Dờ hơi lắm ! Thôi, mình vào khiêng giã lại tôi cái radio ra chữa đây.

(Hai người cùng cười. Vào phía trong)

Màn từ từ khép theo



CƠM MỜI

Kịch một hồi

của Hoàng tích Linh

NHÂN-VẬT:

CHUNG	: Xã đội trưởng trước Cải-cách
TÂM	: Em gái Chung 15, 16
THÙY	: Cốt cán đã đính-hôn với Chung
Cụ CANH	: Chở dò ngang cùng ngõ nhà Chung
Bà TUỜNG	: Gợi tát là mẹ Lớn, cùng ngõ nhà Chung
LỚN	: Cốt cán

Cảnh. — Một làng ven sông. Một bến nhỏ sang ngang Nhà Chung ở sát sông một căn nhà gianh một gian hai chái.

Bài-trí — Cảnh giữa nhà. Bên trái là bếp, bên phải có liếp ngăn sang buồng bên. Đỡ cột hai đầu gian ốp ốp, thấy hai cây hương to dựng chênh chếch. Đồ đạc cũ kỹ: một giường, một chõng tre. Kề sát vách, một bìn con làm bàn thờ, có bát hương bằng sành, một bát con đựng nước cúng. Quang cảnh lạnh lẽo như đi lâu không người trông nom tì: Lưới võ ở cạnh liếp, tranh rách từng mảng lớn, kháu-hiệu trên tường ám khói vàng khè, thúng, sào lông chõng ở một góc.

Cửa sổ trong nhà nhìn thấy sông. Cửa chính trông ra sân đất. Cổng tre, khom mía, bụi chuối. Qua cổng thấy hai ngõ bát ngát, con đường trông ngỡ thoi thoi xuống bến

Màn một. — Cảnh ba. Trong xóm gà gáy rộn lên một lúc rồi im hẳn. Thưa thớt bên kia sông chó sủa vọng sang. Bên ngoài cửa sổ ánh trăng cuối tháng mờ và lạnh. Trong nhà tranh tối tranh sáng.

Tâm đập chiếu ngửa ở chõng. Chung vẫn thức ngồi bó gối rầu rĩ...

Tiếng chó bỗng sủa vang. Chung chạy ra nhìn qua khe liếp.

TÂM (vàng dấy) — Gì thế anh ?

CHUNG — Im, du-kịch.

TÂM — Người ta đến bắt anh, anh ơi.

CHUNG — Im đã Tâm.

(Nghe ngóng tiếng chó sủa về phía khác, xa dần)

CHUNG — Du-kích đi tuần đẫy. Không có gì đâu. Em lên mà nằm đi Tằm.

(Tằm lẳng lẳng lên chông đập chiếu. Chung lại giở đờng ngồi bó gối nhìn trăng sáng ngoài cửa sổ)

CHUNG (*thấy Tằm cựa mình*) — Tằm ngủ đi chứ. Còn lâu mới sáng, cố chợp mắt đi lúc nữa Tằm ạ!

(Tằm nằm không yên chỗ)

TĂM — Anh này, người ta rủ nhau dỡ khoai non, em cũng dỡ vài luống ở bãi nhà.

CHUNG — Sáng lên xin phép đội đã.

TĂM (*thở dài*) — Xin chả được, gạo cứu đói cũng không thấy họ nói đến nhà ta nữa là. Anh mặc em, taog táng sáng em lẩn ra bãi, không biết đâu anh ạ!

CHUNG — Mày làm thế lại thành tội phả họai sản xuất đấy. Liều thế không được, cứ lên đội xin.

TĂM — Khó lắm anh ạ.

CHUNG — Ừ, mà xin cũng chẳng được đâu. Người ta đang nghị nhàn động, ai cho...

Này tao bảo, chuôm Đồng-Sậy tấp tối qua, sáng nay ra hôi sấm kẻo thì kiếm được một bữa. Hôm nay hai mươi mốt, phiên chợ Ngừ dẫy, sang chợ mà bán...

(một lát yên lặng)

CHUNG (*như không yên tâm*) — Này Tằm mày xem kỹ lại xem có còn cái gì khác nữa không?

TĂM (*nghe ngóng*) — Không có gì khác đâu. Cái gì hở anh?

CHUNG — Còn cái gì nữa? (*hắn khom*) Này Tằm, hôm u mất thế nào? (*thấy Tằm ngơ ngác*) Ờ .. cái hôm u mất ấy, thế nào? Mày nhớ kỹ lại xem, đầu đuôi ra làm sao?

TĂM (*trở mắt nhìn anh*) — Khờ quá, em kè không biết bao nhiêu lần, anh còn cứ hỏi mãi. Hôm ấy quá nửa đêm, đi họp về, em vẫn thấy đèn đóm ở trên giường. Em cho là lúc tối có ai đến thăm u. Đèn vện nhỏ li ti bằng hạt đỗ.

CHUNG — Chính mày còn trông thấy đèn sáng à?

TĂM — Khờ, thì em còn vện to lên cơ mà. Đèn và đóm ở giường anh (*đến chỉ cho Chung xem*) ở chính giữa giường này này. Sau em còn hỏi u một câu. Không thấy u trả lời. Em nghĩ u mệt ngủ say, em không hỏi nữa, em lẩn ra ngủ thiếp đi một mạch. Mãi tang tảng sáng cũng bằng giờ này, em

gọi u bốn năm câu không thấy thừa, em mới chạy vào buồng lay u dậy, thì u đã mất tự bao giờ. Em vẫn định-ninh u một qua quýt thôi, ai ngờ...

CHUNG — Quái lạ, ai đến đề đề điều ở giường này mới được chứ ? Tao chẳng còn hiểu làm sao nữa !

TÂM — Nhất định không phải u bị giết. Đội khám đi khám lại có thấy vết tích gì đâu ?

CHUNG — Khám với xét. Nếu thực có dứa manh tâm giết u, nó không dại gì đề xác u trong buồng rồi. Nhà mình sát vách bờ sông thế này, nó lẳng ngay xác xuống sông cho mất tích có hơn không ?

TÂM — Sao anh không nói rõ với đội thế ?

CHUNG — Nói với ai ? Bây giờ tao nói ai nghe ? Đến trẻ con trong làng cũng chẳng thèm đề ý nữa là cốt cán với đội. Ở tận đầu đầu đến biết thế nào được chuyện làng người ta. Biết thế nào được người tốt người xấu...

TÂM — Cái anh Lớn ấy mà cũng là cốt cán được !

CHUNG — Cái thằng Lớn lọc-ngà lọc-ngọc cần hạt cơm không vỡ ấy biết cái gì, thiên-lôi chỉ đầu đánh đấy, chỉ tỏ làm nát làng ra. Nhưng chết là ở cái con mẹ nó, con mẹ ranh càn sát ấy nó xúi bày (một lát) ấy thế mới chết, những dứa xấu bụng mới được dịp đồ vấy cho tao chủ-trương phá tề, dắt Tây về tổng càn vùng này. Đến việc u chết vừa rồi chúng nó vu là âm-mưu của địa-chủ Quỳnh sai tao làm để bịt đầu mối tò-chức cũ. Đề đề điều mà màn vừa kể đấy cũng do tao bày ra thế để đánh lạc hướng nông-dân (một tức tối). Nào tao là Quốc-dân-Đảng phản-động. Nào là tao cấu kết với thằng Quỳnh giết u. Nói thế mà nghe được !...

TÂM — Khế chứ anh.

CHUNG (Càng nói to) — Tao không sợ. Tao thế nào cả làng này biết rồi.

TÂM — Vừa chập tối, đội bắt thằng Quỳnh. .

CHUNG — Lại rồi ren thêm. Cung cách này là sắp bắt lung tung cho mà xem.

TÂM — Bây giờ làm thế nào hở anh ?

(Tiếng chó lại sủa. Trong nh im bặt)

CHUNG — Hừ... Du-kích lại đi rình. Đêm nào cũng đến rình... Rình cái gì mới được chứ ! (không bình tĩnh nổi) Theo kháng-chiến bằng ấy năm giờ này giờ cũng hóa thành công cóc. Bao nhiêu công lao đồ xuống khúc sông này hết... Đến nước cùng này...

TÂM (hốt hoảng) — Bây giờ, biết làm thế nào hở anh ?

CHUNG — Làm thế nào nữa... Tâm mày, bây giờ họ hàng không ai dám chứa mày đâu, mày cũng đừng đi lại nhà ai thêm khổ người ta ra... Nếu tao có thể nào tao chỉ dặn mày liệu bằm bụng một mét sông qua ngày, em a...

TÂM — Hôm nay cũng vừa đúng tuần bốn chín ngày của u anh ơ.

CHUNG — Ủ.

TÂM — Anh có cúng u không ?

CHUNG — Cúng lễ gì !

TÂM (*buồn rầu nhìn anh*) -- Thế, thôi ở anh ?

CHUNG — Chẳng thôi thì lấy gì mà cúng ?

TÂM — Hay là em chạy giết tạm vài bát gạo.

CHUNG — Ai dám dây giữa với nhà mình nữa. Không vay mượn gì hết.

TÂM — Hay là em chạy sang sông.

CHUNG (*chờng mắt*) — Nhà cái Thủy ấy à ? (*thấy Tâm ấp úng*)
Tao cấm đấy. Không được đi lại nữa.

TÂM — Chị ấy...

CHUNG — Chị ấy làm sao ?

TÂM — Không...

CHUNG — U chẳng khen ngoan với hiền hậu nhất làng nữa đi. U chết nó có lai vãng thăm hỏi u được câu nào không ? Cũng chẳng lên hàng cốt cán rồi mà. Tình nghĩa khối ra đấy !

TÂM — Chị ấy ở tận xóm lẻ bên kia sông.

CHUNG — Thì nó thường sang bên này họp hàng xá đấy thôi. Nhưng từ hôm ấy đến giờ, hàng tháng rồi có dám bén mảng đến đây không ? Mà bảo xa xôi cách rách gì cho cam. Có điều giờ nó thay đổi rồi. Tao biết lắm..

TÂM — Anh đừng nói. Chị ấy đâu thế...

CHUNG — Không thế mà lại phải trốn tránh. Phải tránh mặt đi. Tránh nhà này là nhà phân động, nhà tay sai địa-chủ.

TÂM — Em nghĩ chẳng lẽ nào.

CHUNG — Đấy mà xem... cũng may mà u tỉnh dậy xong Cải-cách mới cưới, nếu không về nhà ta rồi, cơ màu này nó cũng cắt đứt thôi... Tao biết lắm... Thối đời như vậy cả, khi vui thì vỗ tay vào...

TÂM — Anh để xem thế nào đã. Chưa chi...

CHUNG — Còn để xem đến thế nào nữa ? Hôm họp Đảng khai tù tao, nó là cốt cán ngồi lù lù trước mặt tao chứ đâu. Người ta vạch cho tao hàng hà xa số là tội. Toàn là những tội không đâu, mà nó thìn thít có dịp mở miệng phân trần cho tao được một câu nào. Thử hỏi tao lẫn lộn dọc đi với con đường số 5 thế nào, nó ở trong hàng ngũ du-kích phải biết rõ hơn ai

hử ? Sao nó cầm họng ? Sao nó về hòa với người ta ăn không nói có cho ao ? Bất tình bất tội tao...

(*Tâm nín lặng, Bỗng tiếng đập mạnh gọi cửa. Tiếng chó giết giêng sủa vang Tiếng gọi cửa liên tiếp.*)

TÂM (như khét) — Tiếng anh Lớn và du-kích...

CHUNG — Cứ ra mở.

(*Tâm run càng luống cuống loay hoay mãi không mở được then*)

CHUNG — Việc gì phải sợ thế, để tao mở cho.

(*Cửa mở, Lớn, cao lớn, lộ ngực vác súng vào. Bỗng du-kích thấp thoáng đi lại ngoài sân.*)

LỚN — Sao chậm mở cửa ? (*Yên lặng*)

LỚN — Sao đêm vẫn rì-rà rì-rầm chuyện ?

TÂM — Có chuyện gì đâu ?

CHUNG — Không phải đối quanh (với Lớn) Rình nghe khác biết rồi còn phải hỏi gì nữa ?

LỚN — Lại sắp sửa ngoan cố ! Này, đội cho gọi anh đến văn-phòng ngay. Lên đây mà ngoan cố...

TÂM — Thôi chết rồi anh ơi !...

CHUNG (*Cố bình tĩnh*) — Tâm, em đừng làm rối lên như thế, ở nhà nhớ những điều anh dặn đấy.

TÂM — Khờ thân, anh tôi có làm gì đâu cơ chứ ?

LỚN — Không làm gì à, không làm gì mà bà cụ lại lăn đùng ra chết ?

TÂM — U tôi chết thật ?

LỚN — Đời thừa nhà ai chết gì lại tự nhiên thế ? Đền diếu lại xếp đàn- hoàng trên giường như bình thường có khách đến chơi ấy. Lại còn oan lâm hà ?

CHUNG — Tâm không phải nói nhiều.

LỚN — À không nói, không nói à ? Này đầu đảng thủ mưu thẳng Quỳnh bị bắt rồi. Anh là nông-dân nên đối xử có khác với địa-chủ, không thì ai cho anh đứng đây mà lý sự hà ?

CHUNG — Tôi không làm, không biết.

LỚN — À thế nào ? Không làm, không biết ? Tội rành rành ra đây rồi không nhận cũng tù tội kia mà. Lên đội. . .

CHUNG (*ra cửa*) — Nông-dân xử ức nhau, mới phải chịu nước này...

LỚN (*gọi giắt lại*) — Ấy, hăng khoan... còn lá cờ tam-tài của chi-bộ cũ các anh đâu? Mang lên nộp đội.

CHUNG (*ngạc nhiên*) — Lá cờ nào?

LỚN — Lại sắp ngoạn cổ. Lá cờ tam-tài của chi-bộ cũ các anh, chứ còn lá cờ nào nữa?

CHUNG — Ô hay, lá cờ nào?

LỚN — Này bảo thật, đừng chỉ chá nữa. Lá cờ hồi tông càn, các anh thường treo ở điểm dệ đề đầu làng đề họp kín ấy.

CHUNG (*Mới sực nhớ*) — À...

LỚN — À, anh thấy chưa? Cứ tưởng đây không biết hân. Không việc nào anh dấu nòi nông-dân được đâu. Lần nào họp anh cũng treo cờ Pháp, lần nào cũng hát chị Thủy vác sủng đứng gác cho các anh? Có đúng thế không?

CHUNG — Cái Thủy nó tổ thế?...

LỚN — Tôi hỏi các anh có họp không đã?

CHUNG — Họp... có họp...

LỚN — À... Thế còn chống chế gì nữa?

CHUNG — Anh biết gì? Đây là họp chi-ủy bàn kế-hoạch đánh Tây. Nhiều lần có cả đồng-chí Trường, huyện-ủy đến khai hội.

LỚN — Thế nào anh cũng lý sự được. Họp đánh Tây mà lại treo cờ Pháp.

CHUNG — Anh không biết gì thật. Lúc ấy không treo cờ Pháp, Tây nó bắt ráo, vỡ cơ sở như bốn, tưởng chuyện chơi à? Anh tân-cư biết dân chủ-trương của huyện?

LỚN (*siêng si)* — Tân-cư. Tân-cư thì không biết hà?...

CHUNG (*vấn bình tĩnh*) — Hừ... Lúc Tây còn, anh tân-cư không biết thật đấy. Đây là mọo du-kích.

LỚN — Cái gì? Mọo... Mọo gì? Cứ tưởng người ta không biết úi đấy. Đêm qua thằng Quyah thú nhận khai nhận hết tội rồi.

CHUNG — Mọo kiếp thằng Quyah. Thằng địa-chủ Quyah khai ló cũng nghe theo nó à?

LỚN — Không lý sự được với anh, tôi chỉ hỏi: Lá cờ đâu?... Nói...

CHUNG — Tôi không biết.

LỚN — Lại không biết? Ngoan cổ (*thả tới nhìn Chung*). Thế anh mạnh tâm cho địch bản chết đồng-chí Trường, huyện-ủy của ta, anh có biết không?

CHUNG (*khó sớ*) Tôi... Tôi giết đồng-chí Tường ?... Thế này thì quá lắm. Đồng-chí Tường bị giặc bắn chết trên lưng tôi khi công đồng-chí ơi qua sông chạy càn.

LỚN — Không nghe anh được, anh mưu mô gớm lắm ! Anh chui vào phá Đảng, giết hại các đồng-chí Đảng.

(Chung lặng người blu chặt vào khung cửa)

LỚN — Cứ tưởng đây không biết. Anh còn mê hoặc có Thủy xóm bên sông. Anh định dụ dỗ lôi kéo người ta vào tổ-chức của anh. Cũng may cho người ta chưa lấy phải thứ anh, không lại uổng phí cả một đời người.

CHUNG — Hừ... đến thế này được ư ? (*quay lại với Tâm*). Hôm nay anh đi không chắc được về. Sau này khác hay em ạ...

TÂM — Anh ơi, có tội tình gì ?

LỚN (*ra theo*) Còn thế nào mới là tội nữa ?

(Tâm khóc òn òn chạy theo anh, bóng mẹ Lớn đứng sẵn ở cửa)

Mẹ LỚN (*vội ngạn lại*) — Chạy đi đâu hờ cháu ? Lẽm àm lên lại khốn bây giờ. Vào đây bà bảo.

TÂM — Khờ thân anh tội thế này...

Mẹ LỚN — Úi giờ ơi khờ ? Chẳng bù lúc anh mày hạch tao cái giấy tàn cư sao chẳng thấy kêu khờ ?

TÂM — Lúc này bà nói thế nào mà chả được.

Mẹ LỚN — Tao nghĩ thương nhà mày ruộng nương chẳng có dấy, bây giờ sắp được chia, lại dở dối ra thế này...

TÂM — Anh Chung cháu cũng chẳng có tội tình gì ?

Mẹ LỚN — Ấy chết. Anh Chung mày là lắm tội lắm dấy, cháu ạ. Tội tày đình cơ dấy. Cháu có được hợp đầu mà cháu biết. Không nể nhân-dân lại nói sai cho anh mày ư ?

TÂM — Bà chỉ nói quá cho anh cháu.

Mẹ LỚN — Lại còn quá à ? Ngay cái chuyện trong nhà này chứ đâu xa, cháu cũng biết dấy !

TÂM — Bà đừng dưng dưng chuyện lên thế !

Mẹ LỚN — Dưng dưng à ? Gớm chưa ! Không dưng ai dám đặt điều cho anh em nhà mày hờ ? Việc đến thế này rồi. Thú thật với bà đi. Bà bảo thằng Lớn nhà bà nói trình bày giúp với đội cho là khác anh em nhà cháu đỡ tù, đỡ tội.

TÂM — Ô hay, bà lạ nhỉ ? Cháu làm gì mà cháu lại phải tù tội.

Mẹ LỚN — Đây chỗ hàng xóm láng giềng, trong họ ngoài làng với nhau cả. Bà bảo thật. Mày khôn ngoan thì theo lời bà. Mày khờ dại thì theo anh mày rồi vạ vào thân đấy cháu ạ.

TÂM — Cháu chẳng việc gì mà vạ.

Mẹ LỚN — À tưởng quý báu lắm đấy. Hoài hơi dậy bảo cái giống anh em nhà mày.

(Mẹ Lớn bỏ ra đến cửa. Yên lặng)

Mẹ LỚN *(lại quay vào)* — Bà nóng bà nói thế thôi. Đấy cháu nghĩ xem cả họ nhà cháu có ai đối hoai đến anh em nhà cháu đâu. Hay là chỉ có bà cùng ngô, bà á ngại tình cảnh cháu, bà mới chạy sang chỉ đường vạch lối cho cháu... *(Yên lặng đi đi lại lại khắp nhà)* Nhà mày lạnh chết khiếp được... *(nhìn bàn thờ)* Cái T hủy nó cũng không chạy sang chịu tang u mày à ?

TÂM — Cháu không biết.

Mẹ LỚN — Bà hỏi thế thôi. Nó sắp lấy người khác rồi. Cốt cán nó chẳng thêm lấy dứa phân động giết cả mẹ ấy...

(Mẹ Lớn lảng lạng vào trong buồng. Tâm nhìn lạng thút thít).

Tiếng Mẹ LỚN — Vào đây bà hỏi. *(Tâm vẫn không nhúc nhích)* Tâm.

TÂM — Bà hỏi gì ?

(Không thấy trả lời. Tâm lo lắng nhìn mẹ Lớn lục lọi trong buồng. Một lát sau).

Mẹ LỚN *(bước vội ra, tay cầm một đoạn giấy thường giấu sau lưng đột ngột giơ sát mặt Tâm)* — Tâm, thùng nào đây ?

TÂM *(Hốt hoảng)* — Thùng...

Mẹ LỚN — Thùng nào ?

TÂM — Thùng ấy...

Mẹ LỚN — Thùng anh mày lấy định treo cò u mày hả ? Sự lộ mới vất vội vào găm giường phải không ?

TÂM — Không phải ... thùng này ... anh cháu mới lấy để thay giày thùng gâu.

Mẹ LỚN *(trợn tròn mắt)* — Lại còn chối à ?

TÂM — Khờ quá... thùng này gác bếp, hôm qua anh cháu mới lấy xuống, chưa kịp ... bà xem còn bở hóng kia.

Mẹ LỚN *(tưng hừng vọt thùng vào buồng)* — Ở ... thôi được ... *(lại giường kéo Tâm ngồi bên, vỗ về)* Này, u cháu chết trong buồng này phải không ?

TÂM — Vâng.

Mẹ LỚN — Ở thế... Tầm này, cháu nhớ lại xem cái đêm u cháu chết thế nào ? Cháu còn nhớ chứ...

TẦM — Hôm ấy cháu đi họp về... cháu thấy đèn còn sáng.

Mẹ LỚN (*nhau nháu*) — Ngọn đèn dật kia. Vấn nhỏ li ti chứ gì ?

TẦM — \ ằng.

Mẹ LỚN — Thế thì đúng rồi. Anh mày vắn đèn nhỏ xuống phải không ? (*thấy Tầm ngơ ngác*) Bà liết mà lại... Thế trước khi thằng Quỳnh bảo cháu ra gác anh cháu đứng đầu... Thằng Quỳnh đứng đầu ? ..

TẦM — Cháu .. không biết.

Mẹ LỚN — Cháu không biết thì còn ai biết nữa .. Thằng Quỳnh dè chân có phải không ? Anh mày .. Đấy, bà biết hết rồi... Cháu cứ nói thật đi.

TẦM — Cháu chẳng biết gì

Mẹ LỚN — U cháu chết ngay trong nhà chứ đâu.

TẦM — U cháu mất trong buồng kia.

Mẹ LỚN — Ấy dấy, thế thì còn ai giết u cháu nữa hở ?

TẦM — U cháu có bị giết đâu ? U cháu mất chứ.

Mẹ LỚN — Này này, hàng xóm người ta nói rằng rằng ra kia, thằng Quỳnh với anh mày hành sự trong buồng. Còn mày mày đứng canh cổng ngoài chỗ khuỷu đường xuống bên sông chứ đâu.

TẦM (*hốt hoảng*) — Đâu có... cháu... cháu thế có u cháu. (*oi khóc*) U ơi, thế này con kêu ai được ? U ơi...

Mẹ LỚN — Mọi việc đều do địa-chủ nó gây nên hết. Anh mày cũng bị mua chuộc mà thôi. Cháu khôn ra cháu nhận đi. Bà bảo thật.

TẦM — Việc gì cháu phải nhận.

Mẹ LỚN — Ồ cái con bé này...

TẦM — Cháu không làm, sao cháu phải nhận ? Cháu biết gì ? Nhận bằng quơ thế cháu không nhận...

Mẹ LỚN (*tưng hửng*) — Ở...

TẦM — Cứ ép mãi cũng thế thôi, cháu không biết

Mẹ LỚN — Ở được... Mày ra gan không chịu nhận hở ?

TẦM — Ai nói thế nào cứ nói. U cháu biết cho chúng cháu.

Mẹ LỚN — Biết thế nào cho chúng mày được. Tao hãy hỏi, trước hôm u mày bị giết, u mày với thằng Chung có xô xát cái cọ nhau suốt nửa buổi không ? U... Có hở ? Chính tao nghe thấy u mày nhích anh mày những là : « Đẳng cho nó lấm vào, rồi nay họp mai họp đề bây giờ ra xóm mà nhận lấy bát tội ». Có đúng thế không ?

TÂM — Có u tôi có nắng anh Chung thật

Mẹ LỚN — Ấy thế, anh mày với thằng Quỳnh sợ lộ mới phải giết mày đi. Mà chính mắt tao thấy lúc đi hộp nửa đêm về, mày còn quanh quẩn ở khuỷu đường xuống bến kia. Mày gác...

TÂM — Cháu gác bao giờ .. Bà đừng nên thế. Hôm ấy đi hộp về là cháu ra bến rửa chân rồi về thẳng nhà.

Mẹ LỚN — Đội bắt thằng Quỳnh rồi. Anh mày vừa phải gọi đi. Sắp đến lượt mày đấy. Chẳng oan đâu cháu ạ (*thấy Tâm nhìn lặng*) Tội ở thằng Quỳnh cả. Khai ra. Đội người ta chỉ đánh thẳng đầu sỏ thối. Cháu khai thật ra. Anh cháu được tha về. Hai anh em lại ăn ở với nhau có hơn không ?

TÂM — Cháu không biết.

Mẹ LỚN — Cháu đại lắm. Rồi ra, nay mai sắp chia ruộng, nhà cháu ít nhất cũng được rảnh rỗi. Cháu tính xem. Cháu búồng bình chẳng tích sự gì, mà nay mai dầu thừa đuổi theo nông-dân cũng chẳng phí của thí cho nhà mày đâu (*một lát*) Thế nào Tâm, nghe bà chứ ! Bà bảo anh Lớn nhà bà, nó chỉ nói với đội một câu là anh mày được tha về yên trí làm ăn ..

(Tâm yên lặng. Thủy vác súng vào tới cửa. Trong nhà không biết. Thủy lặng lặng ra.)

Mẹ LỚN — Thế nào Tâm, cháu tôi cũng gan lắm cơ. Nghe bà là hơn.

TÂM — Cháu không có thế, Cháu không nhận. Sao bà lại cứ bắt tội cháu.

Mẹ LỚN (*nổi nóng*) — Mày cứ giỏi cứ gan lì mãi tao xem nào. Nhẹ không ưa lại muốn ưa nặng à ? Anh mày còn bám lấy địa-chủ, nông dân còn đào tận gốc trốc tận ngọn trời đáng đời.

(Mẹ Lớn bỏ ra hẳn. Gian nhà vắng lặng. Trăng mờ lạnh ngát ngái sân, Tâm nhìn mành tròng trước tròng sau chạy đều nước nờ trước bàn thờ. Thủy vào không đánh tiếng.)

THỦY (*gọi khẽ*) — Tâm.

TÂM (*giật mình quay lại*) — Chị Thủy, chị... chị đừng bắt em. Em có làm gì đâu ?

THỦY — Tâm, anh đâu ?

TÂM — Không, không, em không có tội.

THỦY (*li ngại*) — Tâm, em ngồi xuống đây. Chị đây, chị sang... Anh đâu ? Anh bị bắt rồi phải không ?

TÂM (*ngơ ngác*) — Chị ...

THỦY — Chị đây (*kể Tâm đến gần*) Kìa sao Tâm lại nhìn chị thế ? Anh đâu ?

TÂM — Chị lại còn phải hỏi ?

THÚY — Ngồi xuống đây. Em đừng nhìn chị thế (*Tâm vẫn đứng*) kia lắm...

TÂM — Chị còn sang đây làm gì ?

THÚY — Tại sao em lại thế với chị ?

TÂM — Em chẳng làm sao cả. Chị về đi ..

THÚY (*lặng lẽ*) — Không sao cả, mà em lại đuổi chị về ?

TÂM — Em dám dẫu đuổi chị. Chị có ngồi đây đến sáng cũng thế thôi. Em có làm gì dẫu mà em phải xưng ra...

THÚY — Chị xin em...

TÂM — Mẹ anh Lớn cũng vừa ở đây ra. Bây giờ lại đến lượt chị. Bà ấy dọa lắm hết lời, em cũng chẳng nói sai. Giờ chị có dủ đó cũng vậy thôi. Chị về đi... Anh em có bị bắt cũng tại chị.

THÚY (*rung rung nước mắt*) — (làm coi chị đến thế kia ư ? Tâm, em giận chị lắm phải không ?

TÂM — Em dám dẫu giận. Nhà em là nhà phản động mà. Ai thêm đến nữa. Chị là cốt cán chị sang đây làm gì cho thêm lụy chị ra.

THÚY — Tâm, em đừng nói thế mà tủi chị.

TÂM — Chị vạch, chị tố hết tội anh Chung em rồi còn gì nữa ?
(*Thúy như lặng*)

Chị chẳng nghĩ đến những ngày ở hăm ở hổ, năm cơm miếng bánh cùng anh em. Sao chị chẳng thương anh em hở chị ?

THÚY — Tâm, chi van em là hết. Chi chẳng biết nói thế nào (*mặt lơ*) Chị chẳng biết nói thế nào thật. Anh Chung bên này khổ thì bên kia sướng. chị cũng chẳng sung sướng gì. Chị còn biết nói cùng ai.

TÂM (*ngờ vực nhìn*) — Chị.

THÚY — Chị mặt mũi nào đặt điều kia tiếng nọ cho anh Chung được. Còn có vong hồn ư kia biết cho chị.

TÂM — Chị... Ừ em không phải bị giết dẫu, chi... chị đừng nghĩ oan cho anh Chung.

THÚY — Chị biết.

TÂM — Chị biết mà làm sao người ta vẫn vu oan tội cho anh Chung em ?

THÚY (*như lặng*) — Chị biết người ta tố điều cho anh Chung hết cả. Nhưng chị không dám nói. Mà chị nói thế nào ? Bây giờ động tí người nhau chửi mắng ai dám thực tin nhau. Chị lại là cốt cán... cốt cán không tố anh nên

nông-dân đặt vấn-đề nghị chị Chị đành cần rặng phải chịu. Chị chẳng còn biết nói cùng ai ?

TÂM — U em mất đi, anh Chung lại thế, em nghĩ chị...

THÙY — Em nghĩ chị thay đổi rồi phải không ? Em giận chị Anh Chung căm ghét chị... Chị cũng chịu vậy thôi (*Yên lặng*). Chị nghĩ, chị ăn ở trước sau như một, thế nào rồi cũng có lúc em rõ cho chị. Anh Chung rõ cho chị.

TÂM (*Ái ngại nhìn Thủy*) — Chị...

THÙY — Hôm u mất, người ta ngăn chị. Thày u chị cấm chị đi lại với bên này. Hôm nay tuần bốn mươi chín u... Chi sang... rồi muốn ra sao thì ra. Rồi người ta muốn đặt điều ngờ vực chị thế nào thì đặt, chị cốt là chị ăn ở trước sau phải đạo với u.

(*Một lát*)

THÙY — Nhà ta cũng hết gạo rồi phải không ?

TÂM — Vâng !

THÙY (*Lấy gói khăn vuông đựng gạo*) — Đây có mấy bát gạo cơm mới chị mang cho em. Lấy một ít sùng nay cũng u em ạ. Em trút vào giá đi .. Lúa sớm bên nhà chị dầy mà (*thấy Tâm nhập ngừng*) Em cũng không muốn nhận cho chị à ?...

TÂM — Sao chị lại cho...

THÙY — Khò, đến em cũng chẳng thật tin chị, . Chị vẫn là cái Thủy bên sông của u đây mà .. Em, em cứ nhận cho chị.

TÂM — Vâng (*Ái lấy Thủy*) có thể chứ. Em vẫn nghĩ chẳng lẽ nào chị lại chóng quên...

THÙY — Em đừng bảo với anh là chị đến nhé. Chẳng ích gì lại thêm phiền ra. Anh vận hạn thế này, chị chẳng oán trách anh đâu. Oán trách nhau mà làm gì kia chứ !

(*Yên lặng, Sáng dần. Tiếng gọi đò bên kia sông*)

THÙY — Có đò sang sông. Đè chị về. Tâm đừng nói gì với anh nhé!

TÂM — Vâng, chị về. (*Nước má' chạy quanh*) Từ giờ em chỉ còn có mặt mình.

THÙY (*Ái ngại ôm chặt lấy Tâm*) — Chị cũng chẳng khác gì em (*một lát*) Chị không năn ná được nữa, gần sáng rồi.

(*Ngoài ngõ, tiếng cụ Canh trả lời khách gọi đò*)

TÂM — Chị đừng ra vội, gặp cụ Canh mắt.

(*tiếng áy ờa*)

TÂM — Cụ Canh vào đây chị a (ngần ngại) Chị, . hay chị lánh vào buồng này đi.

(Thủ vào buồng, tiếng gõ cửa)

Cụ CANH (gọi khẽ) — Tâm .. Tâm .. Ông Canh đây mà (đáy cửa vào).

TÂM — Ông, ông sang đây làm gì ?

Cụ CANH — Tao..tao sang.. anh mà bị bắt rồi hở ? Tao thấy chó cắn ..

TÂM — Vâng. Đợi vừa gọi đến văn-phòng. Không biết việc gì. Nhà cháu thế, ông còn sang đây làm gì ?

Cụ CANH — Tao ấ à...Tao thấy chó cắn hên mà, tao nóng ruột quá tao liều, tao chạy sang. Mà tao tính tao cứ sang, sợ quá gì. Cây ngay chẳng sợ chết đứng. Cũng đến bắt tao là cùng.

TÂM — Khô quá, rồi ông cũng bị bắt đấy.

Cụ CANH — Tao nghĩ cháu ra rồi, anh mà có tội dèch gì mà tao sợ lời thôi. Tao cứ sang.

TÂM — Nhưng cháu vẫn lo lắm. Ngày đêm anh cháu nơm nớp, kêu ai được hở ông ?

Cụ CANH — Tao cũng chẳng biết làm thế nào thật. Nhưng tao nghĩ thời Tây nó bắt, nó đi súng vào ngực anh mà, anh mà còn chẳng sợ. Bây giờ là ta với nhau. Truy mãi, hỏi mãi, không thủ mưu thủ phạm gì thì cũng thôi. Chứ ức nhau đến chỗ chết à ?

TÂM — Nhưng cháu vẫn sợ cho anh cháu...

Cụ CANH — Ấy thường cứ đêm đến tao nhìn sông lai xót cho anh mà, giá khúc sông nó biết nói thì anh mà cũng chẳng đến nông nổi này đâu. Chẳng lẽ lại chịu khoan tay à ? Cả đêm qua tao nghĩ thời dân-chủ với nhau lại xấu tốt nhập nhàng mãi thế này được ư ?

TÂM — Nhưng gõ được tiếng cũng còn khó lắm ông ẹ ..

Cụ CANH — Thì biết làm thế nào ? Đến tao biết mười mười việc anh mà mà tao cũng chẳng dám nói ra.

TÂM — Thế cứ đành thế này mãi hở ông ?

Cụ CANH — Tao định bụng sang..Bảo anh mà hãy cứ tính tâm lắm mới được. Cây ngay chẳng sợ chết đứng là vậy. Việc đời vẫn thế. Thời chiếm đóng đen tối tưởng chết tiệt cả ấy thế mà lại hòa-bình đấy thôi. Tao chỉ lo anh mà còn nông nổi. Đang cái lúc thế này để sinh hoang mang, thực mạng, tìm liều thêm khổ cho mình à... Thế nào đạo này mót mét ra sao hở cháu ?

TÂM — Cũng kém lắm. Nhà cháu rau cháo liền mấy phiên chợ nry rồi.

Cụ CANH — Cũng còn khó khăn dăm bữa nửa tháng nữa đấy. Thôi

được... hôm nay, có mẹ tôm mẹ cá nào tao cho anh em mày Đùm bọc lấy nhau cho qua ngày vậy. Trước còn đói kém gấp mấy bây giờ chứ.

(Tiếng gọi đò giục bên sông)

Cụ CANH (Nói qua cửa sổ) — Lão sang đây... đợi đấy. Quí thật anh nào gọi đò cũng giục rồi lên. Đã sáng hẳn đâu ?

TÂM — Ông nhanh lên nhỡ có ai...

Cụ CANH — Ừ .. mà nhỡ tao có gặp ai, tao bảo thằng tao đến đây, tao có cái đếch gì mà tao sợ liên-quan...

TÂM — Ông đừng đề gặp ông ờ...

Cụ CANH — Gặp cũng lời thôi ra thật (nhưng vẫn quanh quẩn ở cửa) Tao cứ nghĩ u mày mẹ chiến-sĩ cả hàng xã không điều tiếng với ai. Thằng anh mày cũng vậy. Nào là Tây tra tấn, chó cắn nát mặt, hựt chết mấy lần, mới giữ vững được cơ sở bên sông này chứ hại dân hại nước cái gì ? Tao chuyên chờ đò cho nó đưa cán-bộ đưa bộ đội sang sông mãi đấy thôi. Anh mày thế nào tao đã rõ. Tao quý nó chỗ ấy đây. Bây giờ đánh đùng cái bả cắt đứt. Tinh nghĩa con người chứ có ngờ là gỗ được à ? Sau này trong làng xóm sớm tối còn có nhau, muối mặt thế không trông được.

(Yên lặng ra cửa)

Tao cho cái con Thủy ra nó cũng học. Hai đứa nó quấn quýt nhau là thế, mà giờ con bé cũng giờ mặt ngay được. Từ độ ấy tịnh không thấy nó đã động đến anh mày câu nào đấy !

TÂM (áp úm) — Không...

Cụ CANH — Không gì ! Lúc hoạn nạn mới biết bụng nhau thật. Quân rợ học đến thế là cùng. Tao chờ nó sang sông họp luôn. Lao ghét mặt. Tao cũng chẳng thêm nói.

(tiếng giục đò bên sông)

Cụ CANH — Này chẳng may anh mày có làm sao, tao sẽ xin dòi với nông-dân, trông nom cho mày. Phải bình tâm cháu ờ...

TÂM — Vâng...

Cụ CANH (Đạn nhỏ Tâm) — Ông dặn thêm mày. Mày phải đề ý trông anh mày. Tao sợ nó liều lĩnh...

TÂM — Vâng ..

Cụ CANH — Thôi tao phải xuống bến, chẳng có đò đợi (vẫn đứng lảng) Mày hảo với anh Chung mày. Ông cụ Canh dặn đi dặn lại phải vững tâm còn có bà con trong làng. Cũng còn có người thế họ, người thế kia, không thể bỗng chốc mất tình mất nghĩa hết được... Thôi ông về, không có ai gặp lại đem ra xóm phê bình phê biếm om sòm khổ cả chúng mày...

(Cụ Canh háp tấp ra công. Thủy lẳng lẳng trog buồng ra).

TÂM — Cụ Canh không biết có chị ở đây ?

THỦY (thờ dai) — Biết làm gì ? Cả làng có ai coi chị ra gì nữa ?
Chị... Chị .. còn khô đến đâu cơ chứ ?

TÂM — Kia chị Thủy...

THỦY — Cụ Canh chắc biết chuyện chị rồi. (thần thờ) ? Tâm ..
Tâm vẫn con tin ở chị chứ, Tâm có ghét bỏ chị không ?

TÂM — Ô hay chị Thủy, làm sao hờ chị ?

THỦY — Chị cực lắm... Có người hỏi chị (òan khóc óm lấy Tâm), chị
bộ đã bằng lòng, bắt chị phải cắt đứt với anh, bắt chị phải bỏ anh...

TÂM (cũng khóc) — Thế ư chị ?

THỦY — Ừ, thầy u chị đã phải nhận giầu người ta. Còn chị... chị đã
quyết rồi...

TÂM — Hay là chị cứ nhận lời cho yên ổn cả chị ạ.

THỦY — Em bảo chị lấy người khác ư ?

TÂM — Không. .. em không ..

THỦY — Em coi chị thế nào mà lại nói thế. Thầy u chị bắt buộc
cũng chẳng được. Chị với anh... (nức nở) dù anh tù tội chị vẫn đợi... U
nốt chi không dám sang. Chị không phải với u thật, u biết cho chị. Bên kia
sông chị chẳng có lòng nào khác đâu

(Yên lặng)

THỦY (tần ngần) — Chị về nhé. .. biết đến bao giờ lại sang được đây ?
(tiếng chó sủa đầu ngõ)

TÂM — Có người đấy, chị tắt lối này xuống bến vậy.

(Thủy bước vội ra, Tâm cũng vội khép cửa lại. Lặng lẽ một lát Chung
hỏi cửa vào, ù rú hốc hác, Tay cầm tờ giấy trắng, Tâm lo lắng nhìn anh không
dám hỏi).

CHUNG (Chán nản vứt giấy xuống giường) — Vặn chán rồi bắt tao về
liềm thảo. Đây bắt tao phải khai vào giấy nhận có giết u.

TÂM — Anh cứ khai thực u chết thế nào.

CHUNG — Thì tao đã khai cả rồi, ai tin ?

TÂM — U chết thật kia mà.

CHUNG — Khò lắm, nếu thế đã không thành chuyện. Người ta nhất
định bắt là có địch giết u mới chết được, mà địch phải ở ngay trong nhà này
nói giết u nhanh chóng thế... Vặn tao địch là ai ? chẳng là tao, là mày còn

ai nữa vào đây. Dồn tao phải nhận tao bóp cò u, mày gác công. Phải khai đúng như vậy mới nghe.

TẦM — Thế này còn cái vào đâu được hở anh ?

CHUNG (*chán nản*) — Vặn tao trước giết đồng-chí Tường huyện-ty, bây giờ giết u chứ còn ai nữa. (*Yên lặng thờ dài*) Chết thì chết tao không nhận. Nhận liêu một cái là bao nhiêu đồng-chí khác bị liên-quan, bị bắt lung tung cho mà xem.

TẦM — Bà Lớn bà ấy cũng bắt em nhận đúng như vậy.

CHUNG — Mẹ Lớn nó sang đây ?

TẦM — Vâng, bà ấy bảo em gác công...

CHUNG — Mày nhận cả.

TẦM — Không.

CHUNG — Bây giờ muốn bảo ai là địch chẳng được. Đến mày cũng gác công, mày cũng giết u thì còn ra thế nào nữa ? Đàng xưa nay vẫn được tiếng là sáng suốt lắm. Sao lại dốt thế này kia chứ ? (*chán nản*) Bảo tao giết đồng-chí Tường ? Giết u ? Đồng-chí ra sống vào chết mà quy tội thành địch... Tao cứ nghĩ mà muốn cần lưỡi chết ngay được. Lớn lên là cầm súng giết giặc, đến bây giờ lại bảo là giết đồng-chí mình, giết mẹ mình ?

(*Tầm nhìn lặng một lát lâu. Chung thấy giá gạo dưới chân giường*) Gạo nào đây, Tầm ?

TẦM (*áp ứng*) — Gạo đấy...

CHUNG — Gạo nào ? (*thấy Tầm áp ứng*) của con vợ thằng Quyên à ? Đã bảo cấm tiệt không giày với địa-chủ Nó mua chuộc đấy Sao mày lại nhận ?

TẦM (*ội vờ đi quanh*) — Không phải...

CHUNG — Thế gạo ấy của ai ?

TẦM — Gạo ấy...

CHUNG — Của ai ?...

TẦM — Của cụ Canh.

CHUNG — Của cụ Canh à ?... (*chán nản*) Cụ Canh còn đem cho gạo làm gì ? (*Yên lặng một lát bỗng quay lại*) Làm mày đem giã gạo cụ Canh.

TẦM — Sao hở anh ?

CHUNG — Cứ đem giã gạo đi.

TẦM — Anh đừng giã thế.

CHUNG — Tao bản cứ đem giã mà lại.

TÂM — Không phải...

CHUNG — Tao biết cụ Canh thực bụng thương hại mình mới cho gạo lúc này, nhưng rồi vạ lây khổ thân cụ.

TÂM — Không phải cụ Canh...

CHUNG — Tâm cứ đem giã cụ, cụ chẳng giận đâu. Tao bảo đem giã mà lại. Không! lại lời thôi khổ cả bây giờ. *(Càng giục đưa giã gạo vào tay Tâm) đi... Tâm.*

TÂM — Sao lại thế này hở anh?

CHUNG *(nhìn em thương hại)* — Sao à? Tao chẳng muốn lụy ai.. Tao thiết gì nữa.

TÂM *(càng ngơ ngác)* — Ở kia anh.

CHUNG *(như mé sảng)* — Tao có làm sao đâu?

TÂM — Anh...

CHUNG *(ấn thế)* — Tao còn cần gì gạo nữa...

TÂM *(hoảng sợ)* — Anh đừng làm thế anh ơi.

CHUNG *(càng giục)* — Ở hay Tâm. Mày giống u như hệt ấy. Có thể cũng sồn sặc lên. Đi nghe anh. Rồi về hỏi sớm chuông Đồng-Sậy. Còn lâu mới sáng. Đi... đi Tâm.

(Chung khép cửa vào giường ngồi. Tờ giấy trắng kiếm-thầu trước mặt. Tác thì xé vụn).

Tội gì mới được chứ.

(Anh lại bỏ gối lạng yên, lạng nghe tiếng gà phía xa. Trông mờ mờ trên sông. Một lát lâu. Thấy tiếng ồn ào bên ngoài. Tiếng gọi cửa. Chung lo lắng bực rục).

Cụ CANH *(xó vào trước)* — À .. Anh Chung đây rồi. Bà vào trong này, ba mặt một lời xem tôi có dấu điểm gì không? Vào đây... Ờ cớ tồn nói chuyện với nhau. Chẳng nên lảm lời như thế.

Mẹ LỚN *(sồn sồn vào theo)* — Ai lảm lời, gớm chưa? Giá không bắt được quả tang, thì cụ còn già mồm chối cãi đến đâu cơ đấy.

CHUNG *(ngạc nhiên lo lắng)* — Việc gì lời thôi đến cháu thế cụ Canh?

Cụ CANH — Có gì đâu? Đầu đuôi thế này. Vừa rồi bà ấy bắt gặp ái Tâm inang gạo. Bà ấy hồ hoán lên giữ cái Tâm mang lên trình đội.

CHUNG — Khờ không, lại thêm tội thêm nợ thế này...

Cụ CANH -- Ấy thế là bà ấy làm toáng lên.

Mẹ LỚN -- Chứ không à? ĐỀ tha hồ đi lại thậm thụt nhé!

Cụ CANH *(tức quá)* — Nay, bà chớ thêm chuyện. Tôi bảo thật. Tôi ờc ờc.

Mẹ LỚN — Cụ bảo ai ?

CỤ CANH — Tôi cóc sợ đứa nào thật.

Mẹ LỚN (*lồm lồm chạy ra phàn vu vơ với người công*) — Này, này có bà con hàng xóm láng giềng, có bên Đông bên Tây, bên phải bên trái biết cho nhẽ... Cụ này bao che cho phàn động.

(*Lớn sùng sục chạy vào. Mẹ Lớn nắm lấy Lớn kéo vào.*) Ấy dấy, anh vào đây. Làm cho ra nhẽ việc này, như như không xong với họ.

LỚN — U đề yên xem đầu đuôi ra sao.

Mẹ LỚN — Đề yên đề người ta làm loạn à ? Người ta thậm thụt cho nhau gạo. Tao bắt được. Mà còn gàn cồ, chối lấy được kia chứ.

CỤ CANH — Ai chối. Tôi có cho gạo đâu. Không, lại bảo làm có, thì tôi phải nói. Đến gặp đội tôi cũng nói.

LỚN — Yên, yên, thế ai cho gạo nhà này ?

CỤ CANH — Nào tôi biết đâu ?

LỚN — Tôi hằng hỏi cụ, cụ có sang đây không ?

CỤ CANH — Có, tôi có sang đây thật.

LỚN — Thế cụ còn chối quanh gì nữa. Chẳng cụ sang cho gạo thì còn ai vào đây ?

CỤ CANH — Tôi không biết.

LỚN (*quay sang Chung*) — Gạo của ai ?... Nói...

CHUNG — Tôi không biết.

LỚN — Ơ... (*quay hỏi cụ Canh*) Cụ có sang đây không ?

CỤ CANH — Tôi có sang đây.

LỚN — Ấy thế không cụ cho gạo còn ai nữa hở ?...

CỤ CANH — Nào tôi biết được.

Mẹ LỚN — Đấy có anh.. mà cụ ấy còn chối bai bãi. Cụ này phải bắt tận tay vay tận trán cụ mới chịu phải không.

CỤ CANH — Tôi không chịu thật. Bà chớ quen thói nạt nộ mẹ chồng, la làng ngã vạ ra đấy được.

Mẹ LỚN — Úi giời, mày nghe dấy. Thế mà mày chịu được. Mày cứ bắt cả lên đội, tao xem có dám ăn nói thế không nào ?

LỚN — Ơ hay, u cứ lặng yên đã có đội xét.

CỤ CANH — Có đội tôi cũng thế thôi, tôi sang đây thật. Tôi nghĩ thương tình cảnh anh em hẳn. Tôi sang thăm (*bầu với Chung*). Tự tôi, tôi sang thăm, không dính dáng gì đến anh cả. Nếu phải tội, tội tôi, tôi chịu.

Mẹ LỚN (*lại sờ sờ*) — Bao che thậm thụt bao nhiêu lần rồi chứ ?

Cụ CANH — Có anh Chung đây. Từ trước tôi có sang không ? Hay lần này mới là một. Có thể nào tôi nói thế ấy... Tôi không gian dối. Tôi cóc sợ thật. Đừng có mà gấp lửa bỏ tay người.

Mẹ LỚN — Còn ngoan cố đấy. Thông đồng với nhau đã rõ ràng rành rành.

LỚN — U này, không phải việc u. U làm gì mà ăm ăm lên. Việc này đã có bà con nông-dân vạch cụ ở xóm... À .. ra tối dần học-tập cụ thường viện cớ vắng mặt chờ dò đêm là thế. Bây giờ mới vỡ lẽ, cụ tưởng người ta không biết đấy... Ra là mưu mô.

Cụ CANH — Sao lại mưu mô. Ô lạ cái anh này. . lại cứ ghép tội liễu cho người ta. Tối tối không hợp là tôi mắc việc chờ dò với dơ dáy đêm thật. Còn tôi sang đây là tôi tự ý tôi thương tình anh em nhà hần. Sao lại mưu mô ?

LỚN — Cụ không biết nhà này là thế nào à ? Nhà có án-mạng, nhà ông-gân đang phát hiện vấn-đề. Cụ biết thế sao cụ còn cho gạo ?

Cụ CANH — Ơ hay, ai cho gạo ? Anh lại cứ đồ diệt cho tôi ?

LỚN — Không cụ còn ai nữa ? Thế không là liên-quan mưu mô thì còn là cái gì nữa ?

Mẹ LỚN — Ra hợp xóm xem cụ ăn nói như thế có được không ?

Cụ CANH — Đến đâu thì đến.

LỚN — À được, cụ đừng có trách...Cụ định tự tiện đi lại đây có phải không ?

Cụ CANH — Ai tự tiện ? Anh đừng có nói sừng sừng ra thế. Đã chắc đầu nhà người ta là nhà phản-dộng ? Anh ta có theo Tây theo địa-chủ thì đã chẳng gieo neo chống đỡ cho cả cái làng này. Minh có nghi ngờ, cũng phải xét cả công lao cho người ta.

Mẹ LỚN — Công-lao. Công-lao phá-hội cải-cách, công giết mẹ ấy à ?

Cụ CANH — Đây bà đừng có ẩn nói hàm hồ. Mặt bà có mục-dịch rõ ràng không ? Không nên buộc án, gán tội cho người ta, Phải đề cái phúc cái đức cho con cháu về sau.

LỚN — Cụ bảo ai buộc tội ?

Cụ CANH — Tôi nói bằng thật ấy. Nói thật chứ. Tôi bảy mươi tuổi đầu rồi anh có giỏi anh cũng chẳng rõ ngọn ngành cái làng này hàng tôi. Xấu tốt thế nào rồi ra làng nước sẽ biết. Bìa miệng đề đời kia. Liệu mà cư xử với nhau.

Mẹ LỚN (*mỉu*) — Phải ! Liệu mà cư xử với nhau, Đề tha bỏ tác yêu tác quái trong làng nhé !

Cụ CANH (*giận đỏ mặt*) — Ai tác yêu tác quái ! Bà cứ về bà hỏi mẹ chồng bà xem, ai treo lên cả bàn thờ bố chống ăn vạ ? Ai trộm gà hàng xóm

rồi xấn ngược váy di rong làng chửi bậy ? Ai chú ? Bây giờ thời buổi khác rồi. Bà phải biết điều mới được.

Mẹ LỚN (*chú chèo*) — Này, này cụ định bao che rõ mặt phải không ? Cụ định chống chọi với cả làng này à ? Tôi gọi hàng xóm láng giềng chứng kiến cho cụ hết đường chối cãi. (*định chạy ra sông*).

LỚN — Ơ hay nhỉ ! U cứ làm toang lên.

Mẹ LỚN — Úi giời ơi ! Không làm toang lên không xong với họ. Có đội ở đây, người ta còn bấp chát mây thế. Nay mai đội rút về đoàn thì người ta còn về hùa với địa-chủ trấn át mây đến đâu ấy chứ ! Rồi của được chia đã chắc trong tay chưa ? Rồi mây còn làm sao đương nổi việc làng việc nước được nữa hở ?

Cụ CANH — Bà chớ nói càn. Bà không vợ đứa cả năm được. Bà không thể giãi cái chuyện địa-chủ vào đây được.

Mẹ LỚN (*lại sồn sồn*) — Này, này, lại như cái việc cho trộm gạo vừa rồi ấy. Khéo đánh trống lấp lăm. Vải thưa chẳng che được mắt thánh đâu. Cứ lúi cụ ấy lên đội.

LỚN — Cụ phải lên đội, thảo nào vụ án mãi không ra manh mối là thế.

Mẹ LỚN — Có đông đủ bà con nông-dân thử xem cụ lấp liếm thế nào ? Cứ lúi cụ lên đội xem nào.

Cụ CANH — Đến đâu cũng vậy, cứ thực tôi khai, còn cái gì chường tai gai mắt, tôi cứ thẳng tôi nói, tôi cóc sợ đứa nào thật.

Mẹ LỚN (*át giọng*) — Cụ chửi văt nóc cả làng này có phải không ? Đấy mây xem. Gớm chưa !

LỚN (*bà Chung*) — Thêm việc này nữa, kiểm-thảo thành khẩn đi. Viết vào giấy kia. Sớm lên trình đội ngay. Ngoan cố không được. Muốn sống thì trông thẳng Quỳnh đấy.

CHUNG (*đóng sầm cửa theo*) — Thế này còn sống làm sao được ?

(*Chung thờ dài. Vào buồng lấy chiếc thùng treo lên giường, luồn thùng vào sà ngang... Trông xóm gà gáy rộn lên giục sáng. Tiếng trẻ khóc và tiếng ru bên cạnh. Giàn mà Chung lạnh ngắt : bàn thờ trống rỗng, chõng của Tâm bỏ không, chiếc chiếu rơi xuống đất. Nước mắt Chung tràn ra. Ánh chun vọt nhìn cái vòng thùng át mặt...)*

CHUNG (*nghe lời*) — Không thể chết điếu đứng thế này được ?

(*Chung rời tay cầm chặt môi, nước mắt càng ràn rụa. Có tiếng kẹt cửa. Thụ vào trông thấy hốt hoảng, chân rlu lại, nước mắt chảy qu-nh. Chung quay lại vừa giận vừa thương ..)*

THỦY — Giời ơi ! Anh Chung (*chạy số đến giường khóc nư lấy chân Chung*). Anh Chung, sao anh lại thế này ? Anh không thương ai nữa hở anh ?

CHUNG (*chua chát*) — Thương ai ?

THÚY (*vấn khóc*) — Anh nở bỏ cái Tăm. Anh nở bỏ tôi ?

CHUNG (*nhìn Thủy oán trách*) — Thế súng ống đến đây làm gì ?

THÚY — Tăm nó bị giữ rồi...

CHUNG — Không phải đến dò xét nữa.

THÚY — Anh Chung... anh nghĩ thế nào anh lại trả gạo kia chứ !
Anh chẳng thương tôi !...

CHUNG — Thương tôi.. Hừ. . Đây không cần dụ dỗ, ra ngay ! .

THÚY — Tôi xin anh.

CHUNG — Có bắt thì cứ việc bắt. Tay đây.

THÚY (*khó sò*) — Anh Chung...

CHUNG (*không nén nổi*) — Thế vác mặt đến đây làm gì ?

THÚY (*nhìn Chung hờn giận*) — Tôi van anh, anh đừng nói thế.

CHUNG — Còn đề nhau điều đứng đến thế nào nữa chứ ?

THÚY — Anh Chung... Anh chẳng nên nặng lời...

CHUNG — Còn « anh » được kia à ? Không tình nghĩa gì hết. Ăn ở với nhau thế là hết nước hết cái rồi.

THÚY — Anh Chung, anh nói hay nhỉ !

CHUNG — Hay, hay không thì biết đấy...

THÚY — Anh đừng làm khổ tôi nữa.

CHUNG — À khổ... ai làm khổ ai ? Còn vác mặt đến đây được. Đây không có tội. Đây không làm gì nên tội. Ai phải ai trái, ai ăn không nói có, ai làm tình làm tội nhau khác biết đấy.

THÚY — Thực anh chẳng rõ...

CHUNG — Thằng này đến chết nữa mới rõ à ? Mà thế nào mới là rõ nữa. Điều toa bạc bèo, tàn nhẫn với nhau (*hất mạnh bát nước trên giường*) Con người ta ăn ở với nhau phải như bát nước dầy chứ ?

THÚY (*ta nước mắt*) — Ai tàn nhẫn đấy ?

CHUNG — Hừ, không tàn nhẫn mà lại tố, mà lại soen soét buộc tiếng phản động cho cơ-sở cũ. Sao dám đặt điều cho cơ-sở cũ là phản động bán nước ? Sao không nghĩ đến đồng-chí Tường huyện-ủy bị giặc bán chết trên sông này ? Còn sống mà ăn hột cơm ngày nay phải biết như biết thương đến các đồng-chí ấy chứ. Sao lại tàn nhẫn chóng quên ?

THÚY — Tôi quên thế nào được. Anh giết tôi vào du-kích...

CHUNG — Thế ai bảo hợp chi-ủy treo cờ Pháp là hợp phản động. Đứa nào nói. Đứa nào hám danh cốt cán tố sảng ?

THÚY — Anh nói thế mà nghe được. Anh còn coi tôi đến thế nào nữa ?

CHUNG — Coi thế nào (với con dao ở liếp chạy số đầu phía Thủy Bông ngừng tay). Con dao này chém giặc mà bây giờ lại tự tay mình chém mình à ? Còn coi thế nào nữa... (tức tối chém mạnh xuống thành giường) Đờ vô ơn bạc nghĩa.

(Thủy lặng người nước mắt vẫn ràn rụa âm ỉc bỏ ra tới cửa lại quay vào).

THỦY — Anh nỡ xử tàn tệ với tôi, thế kia ư ?... Thôi thì cũng đành. Anh muốn bỏ tôi cũng được. Anh chỉ cần nói với tôi một câu...

CHUNG — Hừ bỏ... muốn nói chuyện bỏ, muốn cắt đứt. Đây chẳng cần thật.

THỦY — Anh nghĩ xem. Anh cần gì nữa ?

CHUNG — Bạc bẽo, đây không cần thật.

THỦY — Chẳng biết ai bạc bẽo kia đấy. (tức không nói được) Với anh tôi đã thế nào rồi !

CHUNG — Đứa nào nói chuyện bỏ. Đứa nào muốn bỏ đấy ?

THỦY — Anh muốn nói thế nào cũng được.

CHUNG (chua chát) — Chẳng này bây giờ một mình chịu tội.

THỦY — Để một mình anh khờ. Anh biết đâu, chi-bộ tôi bắt tôi lấy người khác, bắt tôi phải cắt đứt với anh. (Thấy nghẹn lời) Chuyển đồ nên nghĩa, chóc lát không thể bỏ anh. Tôi với anh tuy chưa nên vợ nên chồng... Nhưng sống chết đã có nhau cả rồi đấy... anh...

(Chung nín lặng)

Bây giờ anh coi rẻ tôi. Tôi còn biết sống với ai nữa ? Anh còn để tôi sống làm gì ? Ừ... sẵn dao kia anh còn để tôi sống làm gì ? Sẵn dao đấy...

CHUNG (ném dao xuống giường) — Sao lại khờ thế này hở ?

(Thủy khóc bỏ ra cửa. Cụ Canh và Tầm ở cổng chạy vào).

Cụ CANH — Ấy đấy, cái Thủy. Ra này mang gạo sang cúng bà cụ. Ró khờ, nào tao có biết đâu, tao lại cứ ngờ oan mạng này thậm tệ.

(Tầm và cụ Canh vào hẳn. Hốt hoảng trông thấy giáy thừng lủng lẳng trên giường).

TẦM (Nín lấy anh) — Sao anh lại... Anh định bỏ em thật đấy thôi anh ơi !

Cụ CANH — Sao này nghĩ dở thế cháu. Việc gì mà chết. Còn có em Tầm này, còn có cái Thủy kia. Còn có ông đây. Còn có dân làng người họ người kia nữa chứ. Ai để này chết !

CHUNG — Nhưng người ta huộc cho cháu cái tội phản-động giết mẹ. Cháu còn khờ đến đâu nữa ?

Cụ CANH — Vu oan giá họa thế nào được ? Hôm ấy ư này phải cầm chết. Tao sang tao biết rõ ràng.

CHUNG (Chợt nghĩ) — Thế ông sang đề đền điều ở giường phải không ông.

TÂM — Cháu hợp về còn thấy đèn điều ở giường này này.

Cụ CANH — Khô thật. Tao đề đấy chứ ai.

CHUNG — Chính ông sang chơi tối hôm u cháu mất ?

Cụ CANH — Ừ mà lại. Tao đem điều ra hút. Khi về còn vặn đèn nhỏ li ti, bằng hạt đỗ cho u mày. Tao đấy. Khô thật. Hợp xóm chẳng dám nói ra. Tối hôm ấy u mày đóng cửa, phải cầm ngã dúi dụi ở chầu bụi chuối kia, may có tao xuống bến thấy năm vật dấy mới đu vào trong nhà. U mày còn chuyện trò được. Lúc tao về u mày còn bảo vặn đèn nhỏ cho cái Tâm nó đi hợp về kia mà. Ai ngờ u mày mất lúc nào không biết.

CHUNG — Đúng là u cháu bị cảm lạnh rồi ..

THỦY — Sao ông không gọi em Tâm ngay, may ra còn cứu chữa được cho u cháu.

Cụ CANH — Ấy thế còn nói gì. Lúc ấy bà cụ còn tỉnh, bà cụ bà không phải gọi, ai biết đâu đến nông nỗi này. Tao cứ ân hận mãi. Nghĩ chỉ thương u mày chết phải cái lúc này...

CHUNG — Việc rõ ràng như thế mà cháu cứ phải chịu tiếng giết mẹ suốt đời (như *thùng tức tối*) Cháu không bó tay chịu chết được nữa, không thể dè dặt lắm được mãi. .

THỦY (như *Chung thương xót*) — Đã sống chết có nhau... việc này cháu phải nói mà ông cũng phải nói... ông phải đứng ra ông nói.

Cụ CANH — Ấy nói chứ. Đến thế này tao nói. Tao phải nói hết với dân làng, với đội. Tâm địa ông con ta ngay thẳng, không lẽ lại chịu ép một bề mãi được, chúng mày ạ (*bảo với Chung*) Mày nghe ông. Cây ngay chẳng sợ chết đứng. Sóng gió này cũng qua giờ thôi. Rồi ra phải có lúc trời quang mây tạnh chứ. (*Với Thủy*) Thời mày ở đây thêm khó ra .. Mày ra bến tao cho dò đưa về rồi tối mày lại sang. Nhất định ông con mình phải làm cho ra nhẽ...

(*Cụ Canh vội vã ra cửa. Thủy nhìn Chung yên lặng dần là vội ra theo. Chung bàng hoàng. Một lát lâu. Như vừa thoát nạn, dấy người tỉnh táo hẳn lên, nhanh nhẹn cầm dao trèo lên giường*).

TÂM (*hốt hoảng*) — Kìa anh.

CHUNG (*chém đứt thừng*) — Chết thế nào .. (*cười bảo em*) Mày lại sắp sủa-sác lên như u ấy thôi... Có gạo mới rồi đấy. Đem thổi củng u đi. . Bây giờ có tù tội cũng cóc cần...

TÂM — Thôi chỗ gạo chị Thủy hờ anh ?

CHUNG — Ừ, còn gạo nào nữa...

TÂM (*nhìn ra sông*) — Anh xem kìa. Cụ Canh chèo thuyền, chị Thủy chị ấy ngồi dang mũi, trông y như ngày xưa du-kịch đánh xong bốt Ngà rút sang sông ấy nhỉ ?...

(*Chung yên lặng ra phía cửa sổ. Trời sáng rõ. Ánh nắng ửng hồng. Tiếng cười gọi đò rộn rã dưới bến. Một tiếng sáo tha thiết bên kia sông vọng lại*).

Màn khép dần

CHƯƠNG III

CÁC NHÀ VĂN ĐỨNG TUỔI

Chúng tôi xếp vào hạng đứng tuổi những nhà văn hiện nay từ 40 đến 55 tuổi, đã có địa-vị trong làng văn từ trước ngày kháng-chiến. Nhưng căn cứ vào tuổi tác và thái-độ chính-trị của họ, chúng tôi phải chia họ thành hai phái, mới và cũ.

Phái mới gồm những nhà văn xuất hiện từ 1940 đến 1945, hấp thụ được nền giáo-dục của Pháp nhưng chưa được hưởng-thụ dưới chế-độ thực-dân. Vì ra đời muộn màng, không bị ảnh-hưởng xa-đọa của phong-trào truy lạc từ 1930 đến 1940, nên họ còn giữ được tính nết ngay thẳng, tinh-thần đấu-tranh không vụ lợi. Tất cả đều tham-gia kháng-chiến rất tích-cực và hầu hết đều là Đảng-viên Cộng-sản.

Nhưng ngày nay tất cả đã chống lại Đảng, duy có một mình *Ti Hữu* vẫn trung thành với Đảng. Nhưng dù theo Cộng-sản hoặc chống lại Cộng-sản, họ đều là những người hiện nay có một lập-trường dứt khoát, không có thái-độ mập mờ thụ động.

Phái cũ gồm những nhà văn đã xuất hiện từ 1930 đến 1940. Phần lớn là công-chức dưới thời Pháp thuộc, như *Tú Mỡ* (công-chức sở «Phi-năng») hay *Xuân Diệu* (công-chức nhà Đoan). Một số là những người đã dùng ngòi bút đề ca-tụng chế-độ cũ, như *Vũ Ngọc Phan* (viết báo Franco-Annamite) hay *Hoài Thanh* (viết báo Patrie

Annamite). Một số nữa là những người đã sống bằng văn-chương lãng mạn dưới chế-độ cũ như *Thế Lữ* và *Nguyễn Tuân*.

Vì vậy nên tất cả phái này ngày nay không chống Cộng, cũng như ngày xưa họ không chống thực-dân. Họ là những người đã được hưởng-thụ trong thời tiền chiến nên đã mất hết tinh-thần đấu-tranh. Đa số hiện nay vẫn làm công-chức cho Đảng như ngày xưa họ đã làm công-chức cho Pháp. Chỉ có một điều khác trước là ngày nay họ không sáng-tác nữa. *Thế Lữ* có thể coi là điển-hình cho nhóm này.

Một thiểu số có thái-độ xu thời, như *Hoài Thanh*, *Xuân Diệu* ngày nay chạy xung quanh *Tổ Hữu*, cũng như ngày xưa chạy xung quanh *Phạm Quỳnh*. Nhóm này ngày nay cũng chỉ làm « công-chức văn-ngệ », không sáng-tác, hoặc quên mất sáng-tác. Họ là những người mà *Phùng Cung* mệnh danh là « Con ngựa già của Chúa Trịnh ».

Một thiểu số nữa, có tâm địa bất trắc. Hễ Đảng chiều thì ca tụng Đảng, hễ Đảng hất hủi thì quay ra chống lại Đảng. Nguyễn Tuân và Nguyễn công Hoan thuộc vào hạng này.

Vì những nhà văn « công-chức » đã giải nghệ không sáng-tác nên trong phần này chúng tôi chỉ giới-thiệu :

Tổ Hữu là nhà văn xưa nay vẫn trung thành với Cộng-sản.

Nguyễn Tuân, tiêu biểu cho một bọn văn-nhân hay xoay sở, lúc nịnh Đảng, lúc chửi lại Đảng.

Văn Cao, Trần Duy, Hoàng Cầm, Hữu Loan, Sĩ Ngọc, Chu Ngọc, Như Mai, là những nhà văn hiện nay dứt khoát chống Cộng.

Tóm lại về phương-diện tư-tưởng thì những người trước kia đã chống thực-dân, thì ngày nay cũng chống Cộng (trừ trường-hợp *Tổ Hữu*) còn những nhà văn trước kia chịu đựng hoặc phục vụ thực-dân thì ngày nay cũng chịu đựng hoặc phục-vụ Cộng-sản.

Một mặt khác, xét về phương-diện văn-chương thuần túy, thì về nghệ-thuật viết văn, phái cũ cũng đã nhường chỗ cho phái mới.

Những bài chúng tôi trích sau đây chứng tỏ điều đó.

TỔ HỮU

Tổ Hữu là thần tượng của thi-ca Cộng-sản Việt-nam cũng như Mayakovski ngày xưa là thần tượng của thi-ca Liên-sô. Ông là một trong 18 Trung-wong ủy-viên của Đảng Lao-động Việt-nam và hiện giữ nhiệm-vụ lãnh đạo văn-ngệ ở Bắc-Việt.

Tổ Hữu sinh ở Huế, học ở trường Khải-Định và trong khi còn đương là học-sinh đã gia-nhập Đảng Cộng-sản và đã nổi tiếng về văn thơ. Ông bị bắt năm 1939, đày đi Lao-bào, cho đến năm 1945, nhân dịp chính-phủ Trần trọng Kim thả các tù chính-trị ông mới được thoát khỏi trại giam.

Ra khỏi nhà tù ông lên ngay về Thanh-hóa hoạt-động Việt-Minh. Vì đáng người nhỏ nhắn, nên ông thường cải trang làm con gái, lẩn quất ở vùng Sầm-sơn. Ông điều-khiển cuộc khởi-nghĩa ở Thanh-hóa, và sau này giữ chức Bí-thư tỉnh-bộ. Năm 1947 ông lên Việt-Bắc, được bầu làm ủy-viên Trung-wong dự-khuyết và đến 1954 trở thành ủy-viêch thực thụ. Vì là văn-sĩ nên Đảng giao cho ông nhiệm-vụ lãnh đạo văn-ngệ.

Trong suốt thời-gian kháng-chiến ông chỉ làm được một số bài thơ ca-tụng kháng-chiến, ca-tụng « Bác Hồ » và « ông St-ta-lin ». Trong thời-gian Sửa sai, ông lánh mặt sang Tàu, mãi đến gần đây, sau khi đã đàn áp xong phong-trào đổi lập ông mới trở về giữ chức vụ cũ.

Để giới-thiệu với độc-giả lời thơ « tán dương lãnh tụ » rất phổ biến trong nền thi-ca Cộng-sản, chúng tôi trích sau đây hai bài thơ đặc-biệt nhất của Tổ Hữu

Lời thơ của ông rất hay, nhưng vì ông chuyên dùng ý thơ để ca-tụng lãnh đạo nên cũng như những loại thơ ca-tụng khác, độc-giả cảm thấy tình-thần thấp hèn của người viết.

Hiện nay ông có một địa-vị tương đương với địa-vị của Mayakoski năm 1930, nhưng có người tiên đoán rằng, cũng như Mayakovski ông sẽ tự tử từ ngày nào không biết. Điều đó có lẽ không đáng vì con người Mayakovskij khác mà con người Tố Hữu khác.

Trích tập thơ Việt-Bắc của Tố Hữu.

BÀI CA THÁNG MƯỜI

Thuở Anh chưa ra đời
Trái đất còn nức nở
Nhân loại chưa thành người
Đếm ngàn năm man rợ

Nước mắt máu mồ hôi
Đong hàng bát hàng bát
Bán đời lấy cơm ôi
Nhặt từng hạt từng hạt

Từ khi Anh đứng dậy
Trái đất bắt đầu cười
Và loài người từ đây
Ca bài ca tháng mười

Nhưng mắt buồn sắp nhắm
Bừng dậy thấy tương-lai
Những bàn tay lại nắm
Cờ dù qua đêm dài

Những dấu lên mây chém
Nhìn dao phủ hiên ngang :
« Muôn năm Đảng Cộng-sản !
Chào Xô-viết Liên-bang ! »

Ơi người Anh đứng cầm
Lũy thép sáng ngời ngời
Đây Việt-nam Tháng Tám
Em Liên Xô Tháng Mười !

Hoan hô Sta-lin

Đời đời cây đại thọ
Rợp bóng mát hòa-bình
Đứng đầu sóng ngọn gió !

Hoan hô Hồ Chí-Minh
Cây hải đăng mặt biển
Bảo táp chằng rung rinh
Lửa trường-kỳ kháng-chiến !

ĐỜI ĐỜI NHỚ ÔNG

Bữa trước mẹ cho con xem ảnh
Ông Sta-lin bên cạnh nhi-dồng
Áo ông trắng giữa mây hồng
Mắt ông hiền hậu, miệng ông mỉm cười

Trên đồng xanh mênh mông
Ông đứng với em nhỏ
Cò em quàng khăn đỏ
Hương tương-lai
Hai ông cháu cùng nhìn

*Sta-lin ! Sta-lin !
Yêu biết mấy, nghe con tập nói
Tiếng đầu lòng con gọi Sta-lin !*

Mồm con thơm sữa xinh xinh
Như con chim của hòa-bình trắng trong

Hôm qua loa gọi ngoài đồng
Tiếng loa xé ruột xé lòng biết bao
Làng trên xóm dưới xôn xao
Làm sao, ông đã... làm sao, mất rồi !
Ông Sta-lin ơi ! Ông Sta-lin ơi !
Hỡi ôi Ông mất ! Đất trời có không ?

*Thương cha thương mẹ thương chồng
Thương mình thương một thương Ông thương nước*

Yêu con yêu nước yêu đời
Yêu bao nhiêu lại yêu Người bấy nhiêu

Ngày xưa khô héo quanh bìa
Có người mới có ít nhiều vui tươi
Ngày xưa đói rách tội đời
Có người mới có được nổi cơm no

Ngày xưa cùm kẹp dày vò
Có Người mới có tự-do thánng ngày
Ngày mai dân có ruộng cày
Ngày mai độc-lập ơn này nhớ ai

Ơn này nhớ đề hai vai
Một vai ơn Bác một vai ơn Người
Con còn bé dại con ơi
Mai sau con nhớ trọn đời nhớ Ông

Thương Ông mẹ nguyện trong lòng
Yêu làng yêu nước yêu chồng yêu con
Ông dù đã khuất không còn
Chân Ông còn mãi dấu son trên đường

Trên đường quê sáng tinh sương
Hôm nay nghỉ ngút khói hương xóm làng
Ngàn tay trắng những băng tang
Nổi lên khúc ruột nhớ thương đời đời

5-1953

NGUYỄN TUÂN

Nguyễn Tuân là một văn-ti có tài nhưng thiếu học. Ông là một trong những người bị xa-đọa trong phong-trào truy-lạc từ 1930 đến 1940. Bản tính ông thích ăn ngon, thích mặc đẹp, thích rượu và thuốc phiện. Trong một bản tự kiểm-thảo ông đã tự khoe là có thói ngang tàng, uống cạn chén rượu là đập tan cốc.

Nguyễn Tuân sinh năm 1913 ở Thanh-hóa, con một ông thông-phán tòa-cứ. Ông học tiểu-học ở Thanh-hóa, rồi sau ra Hà-nội, chỉ học hai năm ở trường tư rồi bỏ học, chơi bời lêu lổng. Nguyễn Tuân bắt đầu viết văn từ 1938. Những tác-phẩm của ông đều là những tùy bút, tả những cảnh ăn chơi của thời xưa hoặc thời nay.

Vang bóng một thời, tả những thú ăn chơi thời xưa.

Tùy bút viết về đời sống truy-lạc của tác-giả

Ngọn đèn dầu lạc, một thiên phóng sự về thú hút thuốc phiện

Trong cuốn « Nhà văn hiện-đại » Vũ Ngọc Phan đã phê-bình Nguyễn Tuân như sau : « Nguyễn Tuân là một nhà văn theo thuyết hoài nghi, có khuynh-hướng về chủ-nghĩa vật-chất ».

Trong thời-gian kháng-chiến ông cũng bị Đảng phê-bình là lãng mạn, lập-đi. nên trong một cuộc chỉnh-huấn năm 1953 ông đã tuyên-bố phủ nhận tất cả các tác-phẩm trước của ông và hứa sẽ « lột xác ». Vì cố gắng lột xác nên ông được « thắt cà-vạt đỏ, đi giày da vàng, đọc đit của, ăn tiê: nhòm nhোam và hay đó bay đây ».

Nhưng sau khi được đi Helsinki về, ông lại thêm ăn và viết bài « Phở » đăng trong báo Văn. Sau đó ông bị Đảng chỉnh và cùng với Nguyễn công Hoan, Nguyễn Tuân quay trở lại chống Đảng và mưu phản bằng cách dùng tờ báo Văn làm cơ-quan ngôn-luận của nhóm đối-lập.

Chúng tôi trích ba bài sau đây của Nguyễn Tuân để chứng tỏ sự thay đổi thái-độ chính-trị của ông qua ba thời-kỳ khác nhau : Bài « Phở » để chứng tỏ rằng Nguyễn Tuân suốt đời chỉ chú trọng đến miếng ăn, bài « Phê-bình nhất định là khó » để chứng tỏ rằng Nguyễn

Tuán kể « câu » thì có thể chửi lại Đảng và bài « Tự phê-bình » để chứng tỏ rằng kể bị khùng-bố là Nguyễn Tuấn lại với vớ đầu hàng ngay.

Tóm lại Nguyễn Tuấn là điển-hình cho một loại văn-nghệ-sĩ truy-lạc, không có lập-trường tư-tưởng dứt khoát, nhưng có một âm-mưu rõ rệt: dùng tài ba để hưởng thụ dưới chế-độ Cộng-sản nhiều hơn dưới chế-độ cũ. Một phần nào Nguyễn Tuấn đã thành-công trong ý định đó.

Trích Tuần Báo VẤN của Hội Nhà văn Việt-nam Số 1 và 2
ngày 10-5-1957 và 17-5-1957, xuất bản tại Hà-nội

P H Ồ

Tùy bút của Nguyễn Tuấn

Xứ Phần-lan rừng thông trùng trùng xanh ngắt, nước hồ biếc biếc, phụ nữ da trắng một màu tượng tuyết, gái trai quần áo len ngũ sắc người nào cũng như nai nịt sập biều điển điển-kinh. Minh thành ra lạc lõng vào một thế-giới vật-chất nó sạch sẽ quá, sạch đến cái mức tạo cho tôi một thứ nghi ngờ nơi đây là một ăn tượng giả tạo. Cảnh và người Hen-xanh-ky, ví phòng đây đó lem nhem đi ít chút, có lẽ tôi dễ thân gần hơn. Chúng tôi ở đây mười ngày, mỗi ngày hợp trả tiền ăn mỗi người là sáu đồng đô-la, nó là cái uêu chuẩn đã khá cao của đoàn đại-biêu ta đi hoạt-động quốc-tế. Mỗi ngày ăn ba bữa, khâu phần thừa thái bỏ béo ; nghi thức lúc ăn thật là trang trọng : đồ sứ, pha-lê, khăn bàn trắng muốt, quanh bàn ăn chốc chốc lại cử nhạc, những chị đưa món ăn trông đẹp như rượu rót trong các truyện thần-thoại phương Bắc này. Tôi hào hứng làm việc liền liền ở Đại-hội Hòa-bình thế-giới, cơ thể nhịp đều, tâm trí có nhiều sáng kiến. Nhưng ăn uống sao không thấy ngon. Người ta thường nói rằng những bậc vĩ-nhân hoặc hiền giả có chí lớn chỉ biết có sự nghiệp mà rất coi nhẹ miếng ăn. Nhưng trương hợp tôi kê ra đây chỉ là cái trường hợp của tôi và nó chỉ là cái trường hợp thông thường của một con người bình thường thôi.

Chúng tôi là mấy anh em trong đoàn đi, mỗi người một công-tác chuyên môn, nhưng đều cùng đã gian khổ với nhau trong kháng-chiến và cũng là người Hà-nội cả. Quanh hồ khu Ô-ta-ni-ê-mi, chúng tôi ngồi dưới rừng thông xanh phân tích với nhau xem tại sao lòng dạ mấy người đang thay nhờ thương một cái gì xa xôi lắm. Từ hôm xách va-ly ra tàu qua nước này nước khác, thế là mấy tháng rồi ; ở nhà đã hoàn thành tiếp quản Hải-phòng rồi, đất đai miền Bắc giải phóng toàn bộ rồi... Nhưng mà chúng tôi đã kéo cuộc nhàn đàm xoáy vào chuyện âm thực và muốn giúp đỡ nhau tìm hiểu vì đâu mà lâu nay ăn uống kém ngon. Có người bèn chỉ tay thẳng xuống nền cỏ bờ hồ Phần-lan, buông thông một câu : « Bây giờ có ngay một gánh phở đồ bên hồ này, thì tớ đã luôn năm sáu bát ! » Tất cả đều rao lên. Thì ra gần đây

chúng tôi hén hát di, vì xa đất nước, khâu vị lạc điệu, thấy nhớ nhà nhớ nước, trong cái nhớ nhà nhớ đất nước, có cả một sự nhớ ăn phở nữa. Hình ảnh bát phở quê-hương đưa ra lúc ấy giải quyết đúng vào thắc mắc chung của mấy người. Tất cả đều thi nhau đề cao những đức tính của phở dân-tộc. Dưới đây liên tiếp những mẩu chuyện góp về một bát phở, về một miếng ký diệu của tất cả những người Việt-nam chân-chính.

* *

— Này, các cậu có thấy món ăn ở Phần-Lan có nhiều cái rất kỳ quặc không. Thịt bò rán, lại phiết một công-phi-chưa ngọt sất lên trên. Cam chanh lại ăn kèm với cá gỏi. Cơm lại ướp vào tù nước đá, mình thấy đĩa cơm có khói, lúc ăn buốt đến chân răng. Nghệ-thuật ẩm-thực ấy tôi gọi tên là lối nấu nướng của trường phái lập-thể. Cho nên tôi càng thấy cần phải trở về với một món quà cổ-diền rất tính-chất dân-tộc của ta, tức là phở.

* *

— Phở còn là một món ăn rất nhiều quần-chúng-tinh. Ông muốn ăn phở ngồi hay là đứng lù lù ra giữa hiệu mà ăn cũng không ai nói, ăn ngồi ăn đứng tùy thích. Phở là món ăn bình-dân. Công nông binh trí, các tầng lớp nhân-dân lao-động, thành-thị, nông-thôn, không mấy ai là không biết ăn phở. Người công-dân Việt-nam khi còn ẩm ngữ, cũng nhiều vị đã nếm phở rồi; chỉ có khác người lớn là cái bát phở của tuổi ấu-trì chưa biết đau khổ ấy chưa cần phức tạp, không cần hành hăng, chanh chua, ớt cay. Con nhà nghèo, nhiều khi lại không cần cả thịt nữa, mà căn-bản phở nhi-đồng vẫn là bánh và nước dùng thôi.

* *

— Phở ăn bất cứ vào giờ nào cũng đều thấy trời được cả. Sớm, trưa, chiều, tối, khuya, lúc nào cũng ăn được. Trong một ngày ăn thêm một bát phở, cũng như lúc trò chuyện ăn giọng nhau mà pha thêm một ấm trà, cũng thường-thức với bạn bè. Hình như không ai nỡ từ chối một người quen rủ đi ăn phở. Phở giúp cho người thanh-bạch dù điều-kiện biểu-hiện lòng thành theo với bầu bạn nó hợp với cái túi nhỏ của mình. Phở còn tài tình ở cái chỗ là mùa nào ăn cũng thấy có ý nghĩa thâm thúy. Mùa nắng, ăn một bát, ra mồ hôi, gặp cơn gió nhẹ chạy qua mặt qua lưng, thấy như gió quạt cho mình. Mùa đông lạnh, ăn bát phở nóng, đôi môi tái nhợt thắm tươi lại. Trong một ngày đông của người nghèo, bát phở có giá-trị như một tấm áo kép mặc thêm lên người. Đêm đông, có người ăn phở xong, tự coi như vừa nuốt được cả một cái chăn bông và tin rằng có thể ngủ yên đến sáng, để mai đi làm khỏe. Dùng những hình ảnh bình dị để nói lên mùa đông ở Việt-nam, tôi cho không gì nên thơ bằng cái hình ảnh một bếp lửa hàng phở bên ô-tô nhiều hành-khách quây quanh chờ đợi bát mình, vai rụt xuống một tí, người nhún nhảy như trẻ em đang thú đời. Tết, nhà ai cũng bán chưng, cá kho, thịt đông, nhưng vẫn rất đông người tình cờ mừng tuổi nhau ở những hiệu phở khai-trương từ mùang hai Tết.

— Vì hay la-cà với phở, mà tiếng nói của tôi được chính-*acc* và giàu có thêm lên. Trước kia tôi cứ tưởng chữ « xương xẩu » là một tiếng đôi, và chữ xẩu chỉ là một tiếng đệm. Ông hàng phở đã làm cho từ ngữ tôi hôm ấy thêm lên một danh-từ. Xẩu khác với xương, dùng để chỉ những cái đầu xương phở có dính thịt và gân róc chưa hết. Tôi đã thấy những người phu xe kéo vào hiệu phở gọi một chén rượu với một bát xẩu. Tôi lại còn được nghe một ông phở khác nói đến mỡ gầu, cái tăng thịt dất mỡ quý giá nó không béo quá, mà lại quánh như sáp, ròn và mềm ấy mà gọi là một cánh gầu; và lúc cầm vào cần thịt tái, thịt tươi còn nhảy lên dưới làn dao, mà gọi là một quả thầu. Trong tiểu-thuyết Việt-nam trước đây, nhớ như người ta có viết cái truyện « *Anh hàng phở lấy vợ cô đầu* ». Tôi còn được nghe một cô diêm ngày xưa ví-von than đời tàn « đời hồi này như một bát phở bánh trưng mỡ nguội đóng văng ». Phở nguội tanh thật là còn buồn hơn cả cái sự đời cô gái thập thành bị ma-cô lừa bỏ. Chữ nghĩa của ta hay thật ! Người ta bảo chữ phở là xuất xứ từ chữ « ngư nhục phẩn », và ta đã Việt-nam hóa chữ phẩn thành ra chữ phở. Chữ phở nguyên là một danh-từ, còn chuyển thành một hình-dung-từ : cái mũ phở. Chữ nghĩa của ta hay thật !

* *

— Để biết thế nào là mũ phở ? Lại cứ phải dựng chân dung những người bán phở gánh chân-chính ngày xưa thì mới tìm nguyên ra được. Những người bán phở gánh xưa kia có người đổ ở đầu phố này, hoặc giữa phố nọ, hoặc ở tít trong cùng một cái ngõ cụt, mỗi người một « giang-sơn nào, anh hùng ấy », người mua quen mặt người bán, và người bán thuộc cả thói quen và sở thích người ăn trong phố. Những anh hàng phở « hùng cứ một phương » này lại còn thuộc cả nhân số từng bộ khẩu và ngày giỗ tết trong từng gia-dình khách hàng quen của mình. Họ thường là những người làm ăn chân thật, hay mặc một cái áo vành-tô vài vàng hoặc dạ màu cứt ngựa của ông hình khổ đỏ thối ra, trên đầu là một cái mũ cát mắt cả nùm chòm, và nhất là hay đội những cái mũ dạ méo mó đã mất cả băng hoặc rách cả bo. Những cái mũ này đặt lên đầu người nào cũng không chỉnh, mà hình như chỉ đặt lên đầu những bác phở gánh là có một ý nghĩa. Không những thế, cái mũ phở ấy, còn là một dấu hiệu tập hợp, một cái hình thức gây tín-nhiệm nữa. Những con người đội mũ rách ấy thường là người làm phở ngon, nếu không ngon thì chỉ ít cũng phải là ăn được. Phở gánh với ông đội mũ phở nay thấy hiếm, chỉ còn phở xe, phở hình tàu thủy có ống khói phở, phở quán, phở hiệu. Đồ chơi trẻ con ngày xưa làm bằng sắt tây sơn màu, ở phố Hàng-Thiếu, có ghi lại cái dáng ông phở gánh, bánh xe đồ chơi càng chuyển càng cử động cái cánh tay cầm dao nhấc lên thái xuống.

* *

— Phở cũng có những quy luật của nó. Như tên các hàng phở, hiệu phở. Tên người bán phở thường chỉ dùng một tiếng, lấy ngay cái tên cúng cơm người chủ hoặc tên con mà đặt làm tên gánh, tên hiệu, ví dụ phở Phúc, phở Lộc, phở Thọ, phở Trường-Ca, phở Tư... Có khi một cái tặt nguyên tên thân thể người bán phở được cảm-thành quẩn-chúng thân-mật nhắc lại thành

một cái tên hiệu : phở Gà, phở Láp, phở Sút. . cái khuyết điểm trên hình thù ấy đã chuyển thành một cái uy tín trong nghề bán miếng chín mà lưu danh một thời trên cửa miệng những người sành. Quần-chúng nhân-dân, nhất là nhân-dân Hà-nội có nhiều sáng-kiến để đặt tên cho những người họ yêu tin. Anh hàng phở ấy hãy đứng ở đâu bán hàng, họ lấy luôn cái địa-diểm ấy mà gọi thành tên người. Bác phở Nhà thương, ông phở Đầu ghi, anh phở Bến tàu điện, anh phở Gầm cầu . . Có khi lấy một vài nét đặt thù trong cách phục sức mà gọi. Cái mũ tàu bay trên đầu một ông phở thời Tây xưa, đã thành cái tên một người làm phở trú-danh của thủ-đô sau này. Có lẽ vì gần với quần-chúng trung-lưu và người nghèo, nên cũng như « ông chủ » hiệu hút tóe, hiệu cà-phê, tên anh hàng phở cũng chỉ có một tiếng gọn gàng. Tôi chưa hề thấy ông bà hàng phở nào nổi tiếng trong nghề mà tên lại dài lê thê, chẳng hạn như phở Tôn-thất-Khoa gì gì, hoặc phở Trần-thị-Kim-Anh gì gì đó. Cái tên càng độc âm ngắn cộc, càng đáng cho người mua tin cậy ; cái tên một chữ, gọn như một nhát dao thái xuống thịt chín. Và lại, những biển hàng hiệu phở dù là ở giữa đất Hà-nội văn-hoa mỹ tự, cũng chỉ đặt tên một cách nôm na, không kể những chữ huyền-hoang. Tôi chưa thấy biển hiệu phở nào mà lại để tên một cách quá trầm bổng du dương cả. Ví phỏng có ai mở phở mà nổi máu hay chữ lên mà để biển thì tôi cũng không bao giờ chọn những hiệu phở có tên như « Thu-Phong » « Bạch-Tuyết » « Nhất-chi-Mai » mà vào ăn. Trong nghề phở, nó cũng có những cái nền nếp của nó.

— Nhưng khoa phở đã có những việc nó đòi phá cả những khuôn phép của nó. Theo tôi nghĩ, cái nguyên-tắc cơ-bản của phở là làm bằng thịt bò. Có thể có nhiều thứ thịt loài hỗn chân, loài ở nước, loài bay trên trời, nó ngon hơn thịt bò, nhưng đã phở thì phải là bò. Có phải là vì muốn chống công-thức mà người ta đã làm phở vịt, phở xá xíu, phở chuột ? Cứ cái đà tìm tòi ấy, thì rồi sẽ có những hàng phở ốc, phở ếch phở dê, chó, khỉ, ngựa, tôm, cá chép, bả câu, các kê... nghĩa là loạn, phở nổi loạn. Có lẽ ngày ấy thiên-hạ sẽ gọi là đi ăn một thứ phở Mỹ miếc gì đó. Trong năm đói 1945, ở đây nổi nước phở của thời-đại, ở Hải-phòng và Hà-nội, đã có thùng phở có cả những bàn tay trẻ con ; nhưng đó lại là một chuyện khác.



— Lại còn phở ngẫu pín. Chắc thứ phở này chỉ những người năm bảy vợ hoặc thích léng phéng mới hay ăn. Tên thứ thịt phở này, còn gọi lại một thứ roi của bọn Tây độc ác hay đánh cu-li đến thổi thịt tím xương.

— Lại còn phở gà. Muốn đòi cái hương-vị chính thống của phở bò, ăn một vài lần phở gà trong đời mình cũng không sao. Nhưng có một hàng bán phở gà ở Hà-nội mà nhiều người thủ-đô không bằng lòng chút nào. Y bán vào buổi sớm, người xúm lại kêu ăn gạt đi không hết. Cái người bán hàng khinh khỉnh như một quý tộc đó, cũng đã khéo chọn một róc cái phở mang tên một hà chúa mà dọn hàng ! Nói của đáng tội, gà ở đây trông ngon mắt thật. Đã có những bạn lưu dung khen ông hàng là nhất nghệ tinh nhất thân vinh, và khen tay ông lách vào con gà béo vàng như tay một bác-sĩ khoa mổ sẽ thuộc lâu từng khớp xương thổi thịt. Cái đầu gà, cái cẳng giò gầy, cái cò, xương mỏ ác, ông hàng thản nhiên vớt nó xuống một cái thùng.

không phải dễ vớt đi, nhưng chắc là đã có những bọm rượu khu phố ăn giá sấm từ trước rồi để chốc nữa đem ra nhấm nháp. Thực ra, khi mà có người ăn bát phở gà không tiếc tiền dám gọi đến cái thứ phở từ một ngàn năm trăm đồng một bát, thì bát phở ấy cũng khó mà không ngon được. Hãy đứng ở đây một buổi sớm mà xem người ta ăn phở gà. Sốt ruột đáo đề. Người ăn mè gà, người ăn đùi, ăn thịt đen chứ không ăn thịt trắng nó chua, ăn lá mớ, phao câu, ăn đầu cánh. Miếng ăn ở đây dích thị là một miếng nhục, nhục theo cái nghĩa một miếng thịt ngon hợp khẩu vị, và cũng đi theo với cái nghĩa nhục nhân tui bụi. Ở vỉa hè đường ấy, cứ nhao nhao cả lên quanh một ông hàng mặt phớt tỉnh như đế-quốc Ang-lê và bán hàng rất cửa quyền, khách phải đi lấy lấy bát. Có người đã dắt sấm từ nhà đi một củ hành tây, có người quả trứng gà... đập trứng bỏ hành tây vào cái bát mình đã thủ sấm và đánh dấu vào bát, dúm dúm bát vào trước mặt ông hàng, cười cười, nhắc nhắc, xuyết xoa nói to nói nhỏ, cứ như là sợ cuộc đời nó quên mình, nó nhầm mình... Bên cạnh tiếng thái tiếng chặt của gánh phở gà, chốc chốc có những tiếng nổ xe bình bịch lái xuống tận đây ăn quà sớm, khói phở phảng phất đầy lát ít mùi ét-săng. Có người vừa húp vừa kể lại cái thời-oanh liệt của cửa hàng này, hồi còn đế-quốc và bù-nhìn, ô-tô cứ nối dít xuống đây mà điêm-tâm, nhiều bà Hà-nội tú chiêng cầm vào bát phở gà, mười ngón tay lóng lánh nhẫn vàng tím, vàng trắng, cườ-rá kim-cương, miếng phao câu lúc ấy còn mọng lên biết mấy nữa kia.

*
* *

Trong kháng-chiến có những tay phở nổi tiếng ở vùng tự-do như phở Giời, phở Đất, phở Cống, (tên vẫn một tiếng thôi) nhưng cũng có những bát phở chưa được đúng cách thức lắm mà ăn vào vẫn cứ thấy cảm-dộng. Ví-dụ, phở ở căn-cứ địa, làm ngay trong cơ-quan. Một vài cơ-quan ở quanh Trung-ương, chung nhau giết bò để bồi dưỡng theo kế-hoạch hàng tháng. Thịt sấm, xương sấm, nhưng thiếu nước mắm, thơm, hành mùi, bánh lại là bánh đa khô. Nhưng cứ làm. Những chậu phở ngày chủ-nhật ở bên bờ suối cơ-quan, thật là đầu-đề phong phú cho báo liếp.

*
* *

— Hìah như Thạch Lam trước đây cũng có bàn về phở, nhưng vẫn còn phiến-diện. Thạch Lam có nhắc đến vấn-đề phở cải-lương ở Hà-nội văn vật. Đầu năm 1928, ở Phố-Mới, cái phố trước đây mang tên thực-dân Đò-phò-Nghĩa, có một hàng phở cho cả húng lủ, cả đầu vùng, đậu phụ. Nhưng những cái lỗi tìm tòi ấy không thọ, vì trình-độ nhận thức của quần-chúng phở không sa-dọa như người chế-tạo. Quần-chúng vẫn đòi hỏi những cái cố hữu của phở. Ngày nay cũng còn có người cho cả tương tầu lạc-chiếu-rương vào phở, nhưng đây là cái quyền của người có tiền, ai muốn bày vẽ ra thế nào. nhà hàng cũng chiều trong phạm-vi có thể của phở. Nhiều người bảo nên ăn phở tái thì bỏ hơn phở thịt chín. Có thể là như thế đấy. Nếu cần bỏ thì cũng có thể uống Pan-tô-cờ-rin Liên-sô hoặc làm tể thuốc Bắc, còn kết-quả trông thấy rõ hơn là ăn phở tái. Thật ra, ăn phở cho đúng, đúng cái « gu » của phở, phải ăn thịt chín. Thịt chín thơm hơn thịt tái, mùi thơm miếng thịt chín mới biểu hiện đúng cái tâm-hồn của phở. Thêm nữa, về mặt nhơn thức tạo hình,

người thăm-mỹ bao giờ cũng thấy miếng thịt chín đẹp hơn miếng thịt tái. Thường những hiệu phở không tự trọng, hay thái sẵn thịt chín, thái cứ vụn ra không thành hình thù gì cả, ai đến gọi là đem rắc vào bát. Có thể việc ấy không hề gì với khách hàng cần ăn no vội. Nhưng cũng trong một cái hiệu vắng thái thịt vụn ra ấy, ông chủ phở rất là phân biệt đối xử và không sao bằng các chủ khách; đối với những khách quen, với những người có thể ông chưa biết quý danh nhưng ông đã thuộc tính ăn, những người cầu kỳ ấy mà bước vào hiệu, là ông đã đặt ngay tay dao vào những khối thịt chín đặc-biệt như khổ nạm tròn, nạm dẹt hoặc khối mỡ gầu, thái ra những miếng mỏng nhưng to bản với cái sung sườn bình tĩnh của một người được tỏ bày cái sở trường của mình trong nghề. Ông nào ăn phở mà có chất họa thì thấy muốn vẽ tranh tĩnh vật ngay. Có những lúc ông phở ấy gắt, gắt với vợ ông, vì vợ ông thái không đẹp. Một ông làm đầu bếp hiệu chim quay trong hồi Hà-nội chiếm đóng, nay cũng ra mở phở và thích múa dao nói chuyện với khách về cái khoa thái « Chặt thịt loài có cánh đã khó, mà thái vào miếng thịt bò không xương còi khó hơn. Tôi dạy mãi mà đàn bà nhà tôi vẫn không làm được, đàn bà thường: hì thái bánh thôi ».

* *

— Trong số những thắc mắc của một số ông Hà-nội trí-thức dở người ta có nhắc đến một ông lo sau này ta tiến lên kinh-tế hoàn-toàn xã-hội chủ-nghĩa, kinh-tế phân tán không còn nữa, thì hết mất phở dân-tộc, và rồi sẽ phải ăn phở đóng hộp, mỗi lúc ăn bỏ cái hộp phở ấy vào nồi nước sôi trước khi đục ra ăn, và như thế thì nó tương hết bánh lên. Cũng ngay trong hiệu phở, có người đã đập ngay lại: « Thôi, dứt ông đi. Ông đừng có làm cái chuyện lo ngại sắp ấy đi. Hiện nay phở đang phát-triển mạnh ở thủ-dô Hà-nội, lớn nhỏ, gánh rong, bán trong nhà, bán ngoài hè, có đến trên dưới hai ngàn chủ phở. Người Việt-Nam còn thì còn phở bát, bát phở trong tương-lai vẫn nóng sốt như bây giờ. Phở bát của ta không thể thành một thứ đồ hộp đâu, người công-dân Hà-nội này xin trả lời ông là một nghìn lần không, không, không thể có sự thô bạo ấy ».

* *

— Cái thế-giới phở Hà-nội trước đây hình như cũng có những thú nhân-vật nghiệp dĩ của nó. Làng chơi, học trò, ông binh, thầy ký sở buôn, ông phán sở tòa, con bạc, chủ hiệu nhỏ, những người lao-dộng vận-tải, những người làm nghề tự-do... Có những lính lê-dương chạy đến hàng phở, ăn xong tính tiền, lật ngay cái mũ đỏ ra trong mũ có cái quần liành vừa cướp ở nhà chứa ra; người khách hàng lính đánh thuê đó đã vất quần lính đó xuống quày hàng thay một thứ tiền trả, rồi ù té chạy... Có những tay giàu sụ nhưng tính nết hấp lìm, mua bánh mì thả vào nước phở béo mà cứ gọi là ăn cơm Tây bừa bãi. Có những người đàn bà trái duyên trộn cơm nguội vào bát phở nóng, mà ăn một cách ngon lành, nhưng người ngoài trông vào thì thấy nó thê-lương thế nào ấy. Có những người sống không nhà cửa, chuyên-môn đứng đường, chạy hàng sách chợ đen đủ các thứ, lúc tính tiền hoa hồng, lấy bát phở téi năm xu làm đơn-vị giá cả, « việc này mà trôi chảy, ông anh bà chị cứ cho em một trăm bát téi năm, vân vân... »

Hương-vị phở vẫn như xưa xa, nhưng cái tâm-hồn người ăn phở ngày nay đã sáng sủa và lành mạnh hơn nhiều... Ngày trước, anh hàng phở có tiếng rao, có người rao nghe quạh huu như tiếng bánh dày giở đêm đông tội lỗi trong ngõ khuất : có người rao lên nghe vui rền. Tại sao, bây giờ Hà-nội vẫn có phở, mà tiếng rao lại vắng hẳn đi ? Có những lúc, tôi muốn thu thanh vào đĩa, tất cả những cái tiếng rao hàng quà rong của tất cả những thứ quà rong, của tất cả những thứ quà miếng chín trên toàn cõi quê hương chúng ta. Những tiếng rao ấy, một phần nào vang hưởng lên cái nhạc điệu sinh-hoạt chung của chúng ta đây.

* * *

Chúng tôi ngồi trên bờ một cái hồ xứ Bắc ở ngoại thành Hen-xanh-ky tưởng nhớ đến một bát phở quê-hương, và đối với món ăn đó của dân-tộc đáng yêu chúng ta ở Đông Nam Châu Á. chúng tôi đã phát hiện những đức tính dồi dào của phở, tự mình cho đó là những cơ-sở vững chắc để dựng lên một nền lý luận cho món phở. Sau đó mấy tháng trở về nước, đặt chân lên đất Hà-nội, bữa cơm đầu tiên của tôi là một bữa phở. Về sau này, hay rủ nhau đi ăn phở, tôi được đi sâu vào ý nghĩ một anh bạn nó đã thành một ám ảnh : « Mình khen phở mình là một món ăn ngon, nhưng trước khi khẳng định giá-trị dân-tộc của phở, có nên tranh-thủ thêm ý-kiến của bạn bè, quốc-tế của ta không ? Bạn Liên-xô, bạn Ba-lan, Hung, Tiệp, Đức sẽ có cảm-xúc gì về món phở Việt-nam ? Họ đã có dịp nếm phở chưa ? Bài dân ca của mình họ nghe rồi, đất nước mình, các bạn thấy rồi. Nhưng còn phải cho bạn mình « thấy » phở nữa, bởi vì phở cũng là một thứ tiếng hát yêu đời của tất cả những tấm lòng con người Việt-nam chân chính và bình dị. Thế rồi một hôm khác, cũng trong một quán phở nổi tiếng Hà-nội, tôi đã nghe đợ : mẩu chuyện giữa hai nữ-sinh một trường phổ-thông cấp 3 gần đây : « Phở hiệu này, ăn mê quá. Thế đó chị biết Hồ chủ-tịch và các lãnh-tụ Đảng có thích phở không ? — Làm thế nào mà biết đợ. — Này, nói đùa chứ các cụ mà đến ăn cho hiệu nào, thì chủ hàng, thật là sung sướng vô bờ đấy chị nhỉ ! » Hai cô rút tới lấy gương con chiếu lẩn vào hàm răng nhau xem có vương tí hành tí rau mùi nào không, cười riu rít như chim đàn nhày quanh bàn phở. Mẩu chuyện hai cô học trò như giúp tôi hiểu thêm nữa về phở, và giúp tôi nhận thức đến những cái nó quan-trọng hơn cả phở nữa.

Ít lâu nay, chúng ta hay nói đến thực-tế Việt-nam, đến văn-dề thực-tiến Việt-nam, đến những đặc-tính của Việt-nam trong mọi điều-kiện chuyển mình tiến lên. Tôi thấy rằng trong muôn vàn thực-tế phong phú của nhân-dân Việt-nam, có một cái thực-tế mà hằng ngày ít aiỡ tách rời nó, tức là cái thực-tế phở. Cái thực-tế phở ấy lồng vào trong những cái thực-tế vĩ-dại của dân-tộc. Trong một giọt nước rơi lóng lánh có cả câu chuyện của vàng thái-dương : trong một miếng ăn, cũng thấy rộng đợ ra những điều cao cả yên vui trên đất nước bao la giàu có tươi đẹp. Tôi thấy tổ-quốc chúng ta có núi cao vòi vọi điệp điệp, có sông dài dang dặc, có biển bờ thăm thẳm, có những con người Việt-nam đứng cảm xây đắp lịch-sử quang vinh, có những công-trình lao-dộng thần thồn như chiến-thắng Điện-biên, nhưng bên cạnh những cái đó, tôi biết rằng Tổ-quốc tôi còn có phở nữa. Trong những năm chiến-tranh giải-phóng, kẻ thù bay trên bát phở, có những bát phở phải húp vội trong đêm tối tăm, quệt ngang

Ông tay áo mà nhầy xuống lỗ hăm ; có những bát phở bị bom, bánh trưng lên mà người ăn không còn thấy trở lại một lần nào nữa. Nhớ lại cái hồi tôi về công-tác ở vùng sau lưng địch, tôi không thể quên được mấy cái quán phở khuya trên con đê miết lấy vùng căn-cứ du-kích ; những bát phở nóng ăn sau những đêm vượt vành đai trắng và xuyên qua vị-trí địch, ăn có một hương vị thật là đặc-biệt ; sau này, nó tòng càn, nó hất hết các quán trên đê, không biết người bán phở đêm đó, có còn sống hay đã chết trong chuyến ấy rồi ? Lại còn cái lần đi chiến-địch với tiểu-đoàn Lũng-vài, tôi không quên được những cuộc hành-quân với đồng-chí cấp-dưỡng ban chỉ-huy ; đồng-chí gánh rất nhiều nồi-niêu ga-men và thực-phẩm công kênh, các chiến-sĩ đều đùa gọi là « ông hàng phở của tiểu-đoàn ». Trước kháng-chiến đồng-chí ấy vốn mở hiệu phở ; nay hòa-bình rồi, đồng-chí có còn sống mà mở phở lại ? Nhiều hình ảnh phở trong những năm gian khổ đã hiện về. Giờ ngồi an tâm mà ăn bát phở nóng sốt giữa ban ngày, bất giác thấy cần nhớ ơn nhiều người. Rồi mỗi cảm-xúc phở vụt chốc hay ra xa rộng mênh mông. Bỗng nghĩ đến những vùng chăn nuôi xanh rờn óng cò sữa khu tự-trị Thái-Mèo, những đàn bò Lạng-sơn, Thanh-hóa đang cúi xuống ngốn cỏ ngon trên đất nước. Gạo mấy vụ liền lại được mùa, bát bánh mỳ và dèo. Rau cỏ vùng ngoại thành Hà-nội ; mở rộng mãi những diện-tích xanh ngon vô tận, rau thơm hành hoa phưng phức cái hương-vị thổ ngời.

Đêm Hà-nội, nay thức khuya nhất vẫn là những hiệu phở. Xưa kia phở ông Trương Ca bán đến bốn giờ sáng ở đình Hàng Bạc — cái nơi tập trung nhân-dân Hà-nội năm đầu kháng-chiến để rút ra khỏi vòng vây địch. Đình cũ không còn ông Trương Ca nữa, nhưng nay đã có ông phở Sữa sai thay ông mà thức khuya. Người Hà-nội đặt tên đến là hay.

Trước đây ông nấu bếp hiệu cao-lâu Tàu ; rồi ông ra mở phở. Rồi ở quê ông quy nhằm ông, ông phải về quê, giao lại quán phở cho bạn. Nay ông được sữa sai, lại trở lại thủ-đô, chính quyền khu phố miễn thuế cho ông một thời hạn và tìm một chỗ lợi địa thế cho ông mở hiệu. Món quà của ông phở « Sữa sai » càng thơm ngon một cách chất phác hơn bao giờ. Có thể là cảm tình của khách hàng, đối với một người phở quen nay được khôi phục càng làm cho bát phở giải oan có thêm nhiều dư vị nữa. Những bát phở hỗn hậu ấy cũng chỉ là một sự đền bù công bằng đối với những người làm ăn lương thiện khu phố đi xem hát về hoặc họp hành bình bầu học tập xây dựng vừa xong.

NGUYỄN TUÂN

Trích báo VĂN số 23, ngày 11-10-1957

PHÊ-BÌNH NHẤT ĐỊNH LÀ KHÓ

của Nguyễn Tuân

Trong quá trình hiện thực-tế nhiều mặt ở miền Bắc, tuần-báo VĂN đã được ông Thế Toàn xây dựng thêm cho bằng một bài luận đăng ở tạp-chí Học-Tập số tháng 7-1957.

Ông Nguyễn Hồng liền trả lời, (báo Văn số 15) có những câu :

« ... Sự nhận định của tạp-chí Học-Tập về con người về sáng-tác thể hiện trong tuần báo Văn không những làm ban biên-tập của tờ báo không đồng ý mà cả nhiều quần-chúng cũng phải đờ ra những câu hỏi : — Tại sao sự nhận thức và thái-độ phê-bình của tạp-chí Học-Tập lại như thế ? — Có phải vì giáo điều, sơ lược, công thức, mới có sự nhận thức và phê phán như thế ? — Có phải vì tác phong quan liêu, thái-độ trích thượng và cái lối dao to húa lớn nên mới có sự nhận thức như thế ?... »

(Tôi cũng xin hỏi tại sao ông Nguyễn Hồng lại không gọi thẳng tác-giả bài đó ra mà nói, mà lại cứ gọi một cách trùm lớp là báo Học-Tập ? Mặc dầu ở đầu bài đã nêu là trả lời bài viết của tác-giả Thế Toàn, nhưng hạn đọc vẫn có thể hiểu nhầm).

Tiếp theo đó, trong Học-Tập số tháng 8-1957, lại có một bài bút-ký của hai ông Hồng Chương và Trịnh xuân An với những câu :

« ... Chúng ta cũng kiên quyết phân đôi thái-độ của một số cán-bộ đảng viên phụ-trách văn-ngệ phạm khuyết điểm sai lầm đượ báo chí Đảng giúp đỡ phát hiện khuyết điểm sai lầm mà không chịu khiếm tơn kiểm điểm và thành tâm sửa chữa, trái lại lại đã kích và mặt sát hạo chí Đảng.... »

Ấy là thâu tóm ít nét điển biến của vấn-đề. Và dưới đây là một số ý kiến nhỏ của tôi về công việc phê-bình văn-học trên cái cơ-sở cụ thể của việc vừa nêu trên.

Tôi phải nói ngay rằng mười số VĂN phản ảnh con người mới lên bốn còn yếu. Nguyên nhân ? Cũng là do trình-độ biểu hiện con người thời-đại còn thấp mức, còn kém đầy thôi. Ấy cứ tìm quanh quần chỗ lý-do trình-độ ấy, cứ xoay vào đó, thì giải-quyết đúng vào vấn-đề, bằng không thì sẽ lạc mất tính chất khách-quan trong việc đánh giá.

Trong việc đánh giá, đặc-biệt nhất là ba ông Thế Toàn, Hồng Chương, Trịnh xuân An đã có những « thái-độ trích thượng và cái lối nói dao to húa lớn ». Tôi cũng đồng ý với ông thư-ký tòa-soạn báo Văn về cái nhận xét này. Thêm nữa, cá-nhân tôi lại còn cảm thấy mấy ông đó đã làm cho người đọc phải hiểu rằng các ông lấy Đảng ra để « dọa » anh em viết bài báo. Dù muốn hay không muốn, hậu quả của cái cách nhìn cách viết của mấy ông là đã tạo ra ấn-tượng kia.

Hân ông Hồng Chương còn nhớ một buổi họp mở rộng của tòa-soạn tuần-báo Văn để kiểm-điểm báo, mà ông có dự ? Có những ý-kiến đưa ra để bới xem bài của ông Thế Toàn đăng ở Học-Tập số 7/1954 là tiếng nói chính thức của Đảng, hay đó chỉ là tiếng nói của một người viết bài ? Riêng tôi vẫn nghĩ (và có nói ngay lúc ấy) rằng đây không phải là tiếng nói thật sự của Đảng, mà đây chỉ là một bài của một người, và tòa-soạn đã quên nêu lên đầu bài một vài ý-kiến gì đó của tòa-soạn (cái việc này là một chi-tiết nhưng rất quan-trọng mà người phụ-trách tạp-chí không thể không thận-trọng, nhất là

tạp-chí của Đảng đều về thấu tới các chi-bộ cơ sở). Ông Hồng Chương có trả lời ngay là cũng xin cứ coi nhau như là một bạn đồng nghiệp và phê-bình giúp đỡ lẫn nhau. Kế sau đó ông về rồi cùng ông Trịnh xuân An cho ra một bài bút ký đăng số 8/1957, quy cho báo VĂN ĐẰNG « đã kích và mặt sát báo-chí Đảng ». Cái gì mà lại có tính cách hăm dọa như vậy ? Cứ vào những chứng cứ gì mà hai ông quy cho người khác là mặt sát báo Đảng ? Các ông há chẳng nhớ câu thành ngữ : « Ai muốn giết con muông của mình thì quy cho nó là chó dại » ? Các ông có nghĩ đến cái sinh-mệnh chính-trị của những người đồng-chí đồng-nghiệp của các ông khi họ bị vu như vậy không ? Tôi rất phản-ứng với cái « thói phê-bình có tính chất xuyên-tạc và phá hoại có tính cách thô bạo, đàn áp ý-kiến đó ». Tôi gạch dưới câu này, chính cái câu của đồng-chí Trương Chinh trong văn-kiện mà hai ông đã dẫn ra và trong bài bút-ký hai ông còn nhắc thêm « chúng tôi đã thu-hoạch được sau khi đọc bài nói chuyện ấy ». Cũng trong bài bút-ký lịch-sử của hai ông, sau khi đã gắp lừa bỏ tay người ta như vậy rồi, hai ông còn đề-nghị : « Anh chị em văn-nghe-sĩ chúng ta không nên e ngại phê-bình, mà nên làm quen với lối phê-bình thẳng thắn... ». Thế này thì quá quá mất mát. Có phải bây giờ chữ nghĩa dùng nó khác cả đi rồi không ? Có phải vì một số danh-từ và hình-dung-từ của chúng ta bị lạm vào tình-trạng lạm phát không ? Cái cách làm như vậy, nó thuộc vào loại con người cũ, hay là ta lại cũng gán cho « cái con người mới » đề mà tờ hồng hoặc bôi đen trát xám ? Làm như vậy rồi, mà hai ông vẫn còn kêu (cũng trong bài ấy) rằng : « ... *Cảm thấy phê-bình một số anh chị em văn-nghe-sĩ là một việc « khó quá ». Mong rằng các anh chị văn-sĩ sẽ hăng hái ủng hộ... »* Xin nói ngay rằng bản thân tôi không những không thể ủng-hộ được cái cách làm như hai ông đã làm mà tôi còn có bổn-phận nói toạc ra rằng như thế là không tốt, không hay, không đúng.

Hai ông kêu phê-bình là khó, có phải tại các ông đã tì vào cái câu của nhà phê-bình Boas-lô nói rằng : « Phê-bình là dễ dàng, và sáng-ác là chật-vật », cho việc ấy là quá dễ dàng mà nay thấy nó dụng phải nhiều thực-tế phức tạp (nhất là thực tiễn Việt-nam trên con đường phức-tạp gian lao của chủ nghĩa xã-hội ở xứ ta) mà các ông rên khó không ? Tôi chỉ là một người sáng-tác trung-bình, nhưng tôi cũng thông-cảm được với hai ông về cái khó khăn của công-tác phê-bình. Nếu dễ làm, làm không vấp, làm đến đâu cũng là hay là giỏi cả rồi, thì sao người ta đã lợi dụng được hai ông, đã lợi dụng được chúng ta ?

Nhân nói đến cái khó khăn của phê-bình mà những nhà phê-bình khách quan chúng ta sẽ vượt được lên, tôi muốn nêu ra đây cái vấn-đề kỹ-luật phê-bình. Ta mới chỉ nói đến kỹ-luật sáng-tác thôi mà sao chưa nói đến kỹ-luật phê-bình ? Kỹ-luật phê-bình nêu ra đây, là tất nhiên cũng là một thứ kỹ-luật tự giác, cũng như mọi thứ kỹ-luật lao-động, kỹ-luật sáng-tác, kỹ-luật tuyên-truyền khác ta vẫn làm.

Phê-bình thiệt là khó. Theo tôi nghĩ, có khi còn khó hơn cả sáng-tác (chứ không như Boileau nói đâu) vì chính bản thân cái công-tác ấy, nó rất có tính-chất sáng-tạo, và nó cần phải được như thế. Làm đúng làm hay, nó có giá-trị cả hai mặt : trước hết nó đánh lùi và đánh chết cái hư cái hồng cái ác, và mặt khác, nó đưa cái tốt lên, nó làm yên tâm và gây hào hứng cho

những thiện-chí và, nói theo tự vị kinh-tế, thì nó đẩy mạnh lực lượng sản xuất, mức sản-xuất và chất lượng sản-phẩm. Trong một số khó khăn gây thêm ra do phê-bình, về mặt tiêu-cực của công-tác phê-bình, gần đây, chúng ta cũng đã có một số kinh-nghiệm xương máu nữa kia đó.

Theo chỗ tôi biết thì đã có một số hiện-tượng hách-dịch đối với văn-nghệ-phẩm, xuất phát từ một số người phê-bình cũng như từ một số cán-bộ chính-trị. Tôi rất đồng-ý là văn-nghệ-sĩ mà nhất là văn-nghệ-sĩ có tài, càng cần phải khiêm-tốn. Nhưng chung quanh, nhất là những người có trách-nhiệm về phán đoán cái này cái kia, đề-nghị cũng làm như vậy cho. Tôi tán-thành cái ý-kiến là những « sĩ » của các ngành văn-nghệ chúng ta chưa có gì là ghê gớm lắm đâu, về trình-độ tư-tưởng, trình-độ văn-hóa, trình-độ nghề-nghệp còn phải học cho nát xương lòi da ra, học cho đến chết mà chắc gì đã nắm hết được quy-luật của sự sống. Nhưng cũng không nên vì nó chỉ là « sĩ » của Việt-nam mà đánh giá nó quá thấp quá tồi về khả-năng nhạy cảm đối với thực-tế khách-quan, cho nó là mít xoài tất trong mọi cảm-xúc phiến-toái và vĩ-dại của thời-đại vừa gieo neo vừa lớn-lao hiện nay của chúng ta. Trong mọi thực-tiến Việt-nam nói chung các mặt, nếu đã có những tác-giả còn non nớt nếu đã có những tác-phẩm yếu xoàng, thì cũng đã có một số cán-bộ thực-hiện chính-trị một cách cũng không cao tay gì lắm. Đối với nghệ-phẩm, anh đến với nó (nhất là thứ tạo ra ở bản xứ) mà anh tham lam quá đáng hoặc tuồng-hăng một cách không cần thiết, thì nó biến mất (như là một cái sự gì là duy-tâm vậy !) Mà như thế rồi kết-quả là gì ? Là thiệt cho cả văn-nghệ cả chính-trị, và quan-trọng hơn nữa, là thiệt ngay cho cái cuộc sống muôn màu một hướng mà chúng ta đang động-viên nhau mà phục-vụ hết lòng.

Lại vẫn theo tôi nghĩ, cái đạo-đức cách-mạng lớn nhất của một người phê-bình cách-mạng là đức-độ. Không phải đức-độ sẽ ảnh-hưởng này nọ đến lập-trường giai-cấp, mà trái lại, cái đức-độ bao-dung người ấy sẽ làm cho lập-trường giai-cấp chúng ta trở nên nhuần-nhị hơn, mềm mại hơn trong cách làm mà vẫn cứng rắn về nguyên-tắc. Đức-độ sẽ giúp cho người phê-bình (dù là lão luyện hoặc mới viết lời) đỡ chủ-quan MÀ khuôn vàng thước ngọc của nhận-định của phê-phán là gì, nếu căn-bản không là đi từ khách-quan mà đặt vấn-đề ?

Kết thúc một số ý-kiến của tôi, tôi xin trân-trọng gạch dưới một câu trong một đoạn của đồng-chí Trương Chính, ở ngay cái văn kiện các đồng-chí Hồng Chương và Trịnh-tiên-An đã dẫn ra : « ...Chúng ta mong rằng trong quần-chúng thường-thứ: văn-nghệ sẽ gây thành một tập-quán mới đón chào và phê-bình nhiệt-tình những tác-phẩm mới ra đời ».

NGUYỄN TUÂN

NGUYỄN TUÂN TỰ PHÊ-BÌNH

Trước Cách-mạng tháng Tám và trước ngày kháng-chiến, tôi sống tuyệt đối bằng cảm-tình, chỉ dựa hoàn toàn vào những xúc-cảm bản-năng và phải ứng tình-cảm để đánh giá cái tốt cái xấu cái thiện cái ác. Tôi nghĩ rằng thời kỳ ấy, tôi đã là người của thuyết hư vô và nhiều lúc đã quan-niệm mọi cái gì nguy hiểm rằng người trí-thức chân chính là phải hoài nghi tất cả. Đối với mọi vấn-đề đảng phái và hoạt-động đảng phái kể cả Đảng ta, lúc ấy, tôi hết sức tránh, nghĩ sai rằng nghệ-thuật là ngoài chính-trị và còn ở trên cả mọi chính-trị, mọi hoạt-động chính-trị. Về những vấn-đề lớn thuộc về vận-mệnh dân-tộc, tôi nghĩ rằng cái biểu-hiện yêu nước của tôi ở tôi, tôi chỉ xin khung nó gọi vào vấn-đề xây dựng tiếng nói dân-tộc mà bản thân mình sẽ cố công đóng góp vào ít nhiều, qua những tìm tòi sáng-tác văn-học của bản thân mình. Trước mọi biểu hiện và mọi tương-quan với cuộc sống chung quanh, tôi tự cho tôi là một đơn-vị. Đối với chủ-nghĩa cộng-sản, con người duy-tâm và tự-do vô chính-phủ của tôi đã là người tán-thành cái thuyết viên vông được làm người cộng-sản mà không ở trong tổ-chức Đảng.

Về quan-niệm nghệ-thuật, trước đây, tôi là người của phái nghệ-thuật vì nghệ-thuật, tức là tôi đã chủ-trương nghệ-thuật không phục-vụ chính-trị. Một số sách và tiểu-thuyết của những tác-giả tờ-rốt-skit hoặc có quan-diêm tờ-rốt-skit về tư-tưởng nghệ-thuật, đã ảnh-hưởng phần nào đến cái nhìn của tôi đối với Xít-ta-lin, đối với những hoạt-động chính-trị, và cụ-thể là rất có định-kiến nghi ngại đối với tổ-chức Đảng nói chung trên thế-giới cũng như ở ta. Tôi cho rằng làm chính-trị thì không tránh được thủ-đoạn này thủ-đoạn khác và trên cái nhận thức sai lệch ấy, tôi càng tách con người văn-nghệ ra khỏi bất cứ hoạt-động chính-trị gì.

Có thể nói rằng tôi vẫn còn kéo dài cái sống phiên lưu ngay cả sau thời kỳ Cách-mạng tháng Tám đã thành-công rồi, và sự cải-tạo tư-tưởng của tôi chỉ mới bắt đầu có từ ngày kháng-chiến. Cuộc đấu-tranh vô trang khắp nước đã cho tôi những điều-kiện khách-quan và chủ-quan để dần dần nắn uốn lại một cái nhân-sinh quan đời bại ở trong tôi, cụ-thể là giải-quyết bước đầu cho tôi về các mặt tư-tưởng hoài nghi. Trong những năm kháng-chiến, công-tác và sáng-tác của tôi, tuy chưa có là bao nhiêu, nhưng đều chứng-minh cái kết-quả bước đầu của cuộc cải-tạo đó. Và tôi thấy cần phải nói thêm rằng có được cái kết-quả ấy, cũng là nhờ ở phần khách-quan nhiều hơn là phần chủ-quan, và nhất là nhờ có cái phần Đảng đi đầu dắt cưu. Cuối sống kháng-chiến có gian khổ về mặt vật-chất và thể-xác, nhưng có những thuận-lợi khác về mặt chau đời tinh-thần cầu tiến và nhiệt-tình cách-mạng. Tuy chưa được toàn tâm toàn ý, nhưng tôi cũng đã gần bỏ rất nhiều với Đảng với nhân-dân và tìm cái lẽ sống còn của bản thân mình trên cái cơ-sở tập-thể lớn lao ấy. Và mọi băn khoăn cá-nhân chủ-nghĩa, về căn-bản, đã được dẹp xuống. Hòa-bình trở lại đây, điều-kiện khách-quan đời khác cả.

Cách-mạng chuyển giai-doạn đã mấy năm nay, tư-tưởng tôi không những đã không chuyển theo kịp mà lại còn có những điểm ngoặc trở lại với những nếp cũ của thời kỳ trước Cách-mạng tháng Tám.

Cũng như nhiều anh chị em cán-bộ khác về làm việc ở thành-thị ngay từ ngày đầu tiếp quản, tôi cũng vẫn nói với tôi là đấu tranh hòa-bình gian khổ phức tạp; phải để phản phong trong kháng-chiến, thế mà còn dễ hơn cái giai đoạn cách-mạng này nó đánh thẳng vào con người trí-thức tiểu-tư-sản mình còn nặng những cái cặn của tư-tưởng tư-sản. Nhưng đồng thời tôi lại vẫn bảo cả tôi và cả nhiều người khác cùng một thành phần giai-cấp: « Tư-tưởng tư-sản và lực-lượng tư-sản ở ta, có gì mà làm ghê đến thế ? ». (Tôi nhớ lại rằng trong hồi phát động quần-chúng đề cải-cách ruộng đất, hình như tôi cũng đã kêu rằng giai-cấp địa-chủ và tư-tưởng địa-chủ ở ta thực ra có gì mà ghê đến thế ?).

Từ sau hòa-bình, con người cầu an hưởng lạc ở tôi dần dần hồi sinh lại với cái nếp trước của người thị dân cũ trong tôi, vào những ngày đầu của Cách-mạng tháng Tám. Tôi kêu cái này cái khác, đòi hỏi cách-mạng phải thế này thế kia, tiếng kêu phù hợp với cái tiếng nói của chủ-nghĩa hòa-bình của cái số người cho rằng « miền Bắc ta làm mạnh quá, tốc-độ chính-sách đi gấp đi dữ như vậy, e khó mà tranh-thù được miền Nam ». Lập-trường tôi hấp hênh, nên tôi mâu-thuẫn với tôi: vừa lo mình dồn đầy nhanh quá, lại vừa sốt ruột cho tình hình lạch đù các mặt. Đối với hiện-tượng này hiện-tượng khác về hộ khẩu, về thị-trường của phần kinh-tế quốc-doanh, về đời sống anh bộ đội phục viên, về mức sống công-trường xi-nhiệp, về đợt năm của cải-cách ruộng đất, và đê vỡ, những tình-cảm tiểu-tư-sản trong con người động dao của tôi lại vùn lên rất nhiều oán tiếc hờn dỗi nó kết lại thành một cái cách nhìn phiến-diện dễ dẫn tới một cái cách nhìn khác bất công và u uất, bất-mãn và nghi kỵ. Chuyện trong nước đã thế, nhìn ra cả trong phe trong khối ta, thì thấy toàn là những sự việc và hiện-tượng nó vượt qua cái trình-độ nhận thức vốn lệch lạc của mình, và vượt quá cái khả-năng đánh giá vốn một chiều và cục-đoan của mình. Đứng trước những khó khăn mới của cách-mạng chuyển mạnh giai-doạn, cái chất hoài-nghi cố-hữu ở trong tôi đã ngóc dậy rất mạnh nhất là từ sau đại-hội XX Đảng Cộng-sản Liên-xô.

Lần lại cái mạch tư-tưởng của tôi ngược lên hồi Cách-mạng tháng Tám, tôi thấy trong hệ-thống tư-tưởng của tôi đã có những luồng sóng ngầm nó cuộn lại nó dội lên, sau một giáp mười hai năm nó bị chìm xuống. Trong cơn khủng-hoảng này, vì lạc phương hướng mà có lúc tôi đã nói để nghĩ đã viết ra như là một người không phải là đảng-viên. Một đôi khi, còn bắt được mình đang thoát-ly Đảng trong tư-tưởng. Nay giật mình nhón lại, thấy mình đã có trôi tiên cái dốc của quan-điểm chủ-nghĩa xét lại. Lòng tin bị sứt vỡ, cho nên đối với sự việc này, sự việc khác, đối với tài-liệu này tài-liệu khác, hay đòi lật ngược lại. Học tập tình-hình thế-giới còn dễ thông hơn tình-hình trong nước. Nguồn tin chính thì tiếp thu có điều-kiện, các nguồn tin khác thì nhận và phát đi một cách dễ dàng. Lập-trường tư-tưởng đã có sự lẫn lộn, cho nên nghiệt ngã với ý-kiến của đồng chí, của bạn, cho nên dễ hòa theo với lời xức siểm dèm pha tấu-tính của bọn ác hợn xấu. Cái phần vùn đục trong con người hoài-nghi của tôi đã là một miếng đất thuận-tiện cho sự nảy nở của những tư-tưởng do các

nguồn đối dịch gieo vào. Và muốn hay không muốn, trong một số công việc nhất định, tôi đã trở nên một cái bình-phong cho bọn xấu dùng được.

Về phần sáng-tác, gần đây tôi đã gặp những khó khăn trong tư-tưởng sáng-tác, cũng là do bi-quan hoang mang tác-dộng và hạn-chế cái nhiệt-tình của người nghệ-sĩ cách-mạng. Cũng là do cái phương-pháp tư-tưởng nặng về hiện-tượng vụn vặt mà không nhìn thấy cái đại-thể của cách-mạng và cái hướng của sự vật trong quá-trình phát-triển cách-mạng. Cũng là do lẽ này lẽ khác, nhưng cái chính là cái nguyên do ngờ vực. Chính vì sa sút đi sai lạc-quan cách-mạng đó, mà trên một số bài tôi viết ra ít lâu nay, tôi đã đi vào chỗ lệch, chỗ sai, đã lạc hướng về tư-tưởng và lăm lăm về chỗ đứng của người đảng-viên văn-nghệ. Tôi đã có xu-hướng tách văn-nghệ ra khỏi chính-trị và đối-lập văn-nghệ với chính-trị. Ví-dụ ở tuần-báo Văn dưới đầu-đề « *Phê-bình nhất định là khó* » tôi đã viết : « Nếu đã có những tác-giả còn non nớt, nếu đã có những tác-phẩm yếu xoàng, thì cũng đã có một số cán-bộ thực-hiện chính-trị một cách cứng không cao tay gì lắm... »

Đối với tác-phẩm in lại, tôi đã tự tiện gạt đi cái phần chính-trị của văn-đề đề chỉ còn thấy, có phần nghệ-thuật. Đề tựa cho tập sách Thạch-Lam và vở kịch Kim-tiền của Vi huyền Đắc, tôi chỉ có đề cao tác-phẩm và tác-giả mà không đứng trên cái quan-diểm văn-học vô sản của người phê-bình cách-mạng mà vạch ra những nhược-diểm khuyết-diểm và sai lầm của tác-phẩm. In lại tập *Vang bóng một thời* của tôi, tôi cũng thiếu mất cái trách-nhiệm của người tác-giả đi về độc-giả mà xác-định thái-độ của mình về nội-dung tư-tưởng của tác-phẩm cũ. Thậm chí, còn đưa vào sáng-tác tất cả cái bức bối, cái hờn dỗi với thực-tế, chỉ chiết cạnh khoeo điều này điều nọ, như ở trong bài *Cây Hà-nội*; «... con người ở đây ít chú trọng đến cây... ở đây, con người đối với con người cũng chưa đủ mức chú-trọng, nói chi đến chuyện cây cối... đôi lúc có nhớ đến người này người nọ thì ta chỉ quen nhớ những cái lúc họ đánh đồ hoặc đánh võ một cái gì... » Thực ra chủ-nghĩa nhân-dạo cộng-sản chúng ta không bao giờ dạy con người tự mình tách khỏi tạo vật chung quanh và chà đạp hoa cỏ cây cối. Thực ra Đảng ta quan tâm đến trình-độ văn-hóa cần nâng cao dần cho quần-chúng nhân-dân, trong ấy mặc nhiên là có cái phần giáo-dục thẩm-mỹ, dạy con người yêu quý hoa cỏ quả cây và hướng nó vào cuộc sống cần-lao của tập-t thể. Những câu đại đề như ở bài *Cây Hà-nội*, với cái lối nói ồm ở đó, đã phần nào biến mùa Xuân miền Bắc thành ra những cái ngậm-ngùi kích động đến những tâm-sự sửa sai, tạo thành những cái đơn chiếu và bất công trong cách nhìn ra thực-tế sinh động trên đất nước. Cách nhìn không lành mạnh ấy thật là không xứng đáng với bất cứ nhà văn nào muốn đóng góp giấy mực của mình vào cái quyết tâm cùng chung sức xây dựng miền Bắc của mọi người. Cách nhìn và cách viết ấy không giải-quyết gì cho sự sống nặng nề đang cần phải bốc lên đậy lên. Nó có phần nào đã làm đầu tiêu cho một số mồm và bút sẵn sàng mượn khúc văn-chương để nói cạnh và chửi đồng, móc máy việc này việc khác.

Nhưng trong cả một mớ lệch lạc lăm sai của tôi ít lâu nay, có sai lầm tôi cho nghiêm-trọng hơn hết, tức là cái sai lầm của tôi đó với nghị-quyết của bộ chính-trị của Đảng nhận định về tình-hình văn nghệ. Nghị-quyết phân-tích sâu sắc, tổng kết đầy đủ rõ ràng về sự lúng-đọng

của phân-tử đối địch trong văn-nghệ. Tôi được phổ-biến nhiều lần về nghị-quyết này, tôi vẫn cứ khẳng khẳng cho rằng văn-học nghệ-thuật ta ít lâu nay có vấn-đề và đang có những vấn-đề cần phải giải quyết sớm, tức là có nghiêm trọng về tình-hình, nhưng không đến nỗi nghiêm-trọng đúng như tình-thần và con chữ đã vạch ra trong từng chương-mục của nghị-quyết. Tại sao phải nài qua hơn ba tháng ròng học tập liên-hệ, phải trải qua rất nhiều khó khăn của diễn-biến tư-tưởng và qua bao nhiêu công sức của đồng-chí và đồng-nghiệp giúp đỡ cho mà nay tôi mới nhất trí được với toàn bộ nghị-quyết của Đảng về tình-hình văn học nghệ-thuật ?

Chính là vì tôi đã mơ hồ về lập-trường, không phân rõ địch ta, nên không nhìn thấy vấn-đề đấu-tranh giai cấp trong lĩnh-vực văn học nghệ-thuật giữa lúc cách-mạng tiến lên đang đánh vào tất cả những cái gì dăm chống đối và phản lại nó. Chính vì tôi non yếu và mơ hồ về chính-trị, nên không thấy cái mặt chính-trị của vấn-đề văn-nghệ đây. Bản chất cầu an hưởng lạc nghi ngại ở tôi đã làm tôi mờ nhạt về sự tất yếu của cuộc đấu-tranh này và quên cả cái tính-chất của tổ-chức Đảng ta là một tổ-chức chiến-dấu và đang cần chiến-dấu quyết-liệt trên mặt-trận tư-tưởng (Cuối 1956, đóng cửa Nhân-Văn. Tôi là một chữ ký trong bản kiến-nghị của nhiều anh em văn nghệ-sĩ ký ngày 13-12-1956 (1); nhưng trong tôi vẫn còn phân-vân về biện-pháp hành-chính dùng với Nhân-Văn. Nay tôi đã thấy rõ là không thể thuyết-phục cải-tạo tờ báo đó và biện-pháp ấy là biện-pháp duy nhất). Chính vì tôi có xu-hướng tách văn-nghệ khỏi chính-trị nên tôi không nhận ra khía chính-trị của vấn-đề. Tôi thường còn hay kêu là ít lâu nay ta bàn chính-trị quá nhiều trong văn-nghệ và nên dành thời-giờ để bàn về chuyên-môn thì đúng hơn. Tôi không thấy rằng tình-hình địch ta nghiêm trọng đã như thế, thì cái yêu-cầu cấp-bách của văn-nghệ hiện nay là giải quyết về chính-trị đã, rồi trên cái cơ-sở trắng đen đã phân rõ ấy, trong nội-bộ nhân-dân của văn-nghệ, mới thanh-thoát được cho sự thảo-luận chuyên-môn văn-nghệ. Không nhìn nhận ra được chỗ sáng suốt của nghị-quyết của Đảng về tình-hình văn-nghệ bị lũng-đoạn, tôi cho cái nguyên-nhân chính còn nằm ở cái chỗ lòng tin của tôi đối với Đảng. Từ sau hòa-bình và nhất là từ sau Đại-hội XX Đảng Cộng-sản Liên-xô, lòng tin của tôi đối với Đảng đã có thêm những mảng đen của sự nghi-ngờ. Thời-kỳ mở phong-trào chống chủ-nghĩa sùng bái cá-nhân cũng là thời kỳ tôi đi sâu vào một bệnh sùng bái khác. Tức là tôi đã tự phụ, tự túc, tự ái, tự đại mà sùng bái cái cá-nhân trí-thức tiêu-tư-sản của tôi. Tôi cho là phải phát-triển tới cái độ cao nhất về việc suy nghĩ độc-lập, lấy tư duy độc-lập ra mà làm cái thừa-trừ cho cái kiêu mà tôi vẫn gọi là : « Cách nghĩ một chiều của nhiều đồng-chí chúng ta ». Ngông nghênh với sự phát-triển bừa bãi đó, tôi đã tự huyền hoặc mình về cái kiến-thức bản thân thời phồng bơm to lên, tự phỉnh nịnh mình đến cái mức bọn ác bọn xấu dùng được mình mà không nhận ra, đến cái mức chỉ thấy có mình mà không thấy phương hướng trong tư tưởng. Qua một lần kinh-nghiệm tôi tự phát trên một cái cơ-sở cá-nhân bấp-bênh, nay tôi nghĩ rằng Đảng ta, trên con đường từ nay kiện toàn chuyên chính vô-sản song song với mở rộng dân-chủ, Đảng ta không những không hạn-chế sự

Chú thích : (1) Kiến-nghị đòi đóng cửa báo Nhân-Văn.

nghe độc-lập của đảng-viên và anh chị em trí-thức, mà lại còn khuyến khích mọi người đóng góp cái phần trí-tuệ chân cảm của mình vào cái khối trí-tuệ vĩ-đại của Đảng. Riêng tôi, qua một trận thử-thách vừa rồi, qua cái bài học choáng váng vừa rồi để phân rõ thiện ác trong giới văn-ngệ phức-tạp, tôi thấy sáng lên cái chân-lý này :

— Muốn suy nghĩ độc-lập, cần phải có cái vốn phong-phú về thực-tế đấu tranh, cộng với một căn-bản lý-luận cách-mạng chắc chắn ;

— Khi mình đã ngờ vực Đảng, thì dễ nghĩ sai và làm sai.

Những cái tôi nói đó, thực ra không có gì là mới cả, nhưng riêng với tôi, nó có cái giá-trị của một lần « suy nghĩ » vừa đau xót, vừa yên tâm, vừa lành mạnh. Viết ra đây cái điều trên, tôi thấy tôi thoải mái trong sự khiêm-tốn thành khẩn và càng thấy gần Đảng hơn bao giờ.

8-4-58

NGUYỄN TUÂN



VĂN CAO

Văn Cao là một người rất đặc-biệt. Nhờ có bản năng thiên phú, mà tuy không học ở trường nào cả ông cũng trở thành một nghệ-sĩ danh tiếng, hay cả về nhạc, họa và thơ. Ông là một thứ nghệ-sĩ « nhân-dân » mà thời thế đã tạo nên.

Nguyễn Văn Cao sinh vào khoảng năm 1920 trong một gia-đình nông-dân nghèo ở Lạch-Trai, gần Hải-phòng. Bố mất sớm, mẹ chỉ có vài sào ruộng nước mặn. Văn Cao sớm đi ăn học được 11 năm

là nhờ có người anh làm gác-dan, trông coi nhà máy bơm nước ở bờ sông Hải-phòng.

Vì nhà làm để chứa máy, không phải để cho người ở nên Văn Cao phải họ bài và ngủ trên một miếng ván bắc từ chiếc máy điện sang chiếc máy bơm, suốt ngày suốt đêm phải chịu đựng tiếng kêu vo-vo không ngắt của hai chiếc máy ở hai đầu giường. Có người nói chính vì tiếng máy kêu như ve suốt ngày đêm đã gây cho Văn Cao một tâm hồn nhạc-sĩ. Điều đó không biết có đúng không, nhưng chỉ biết rằng từ ngay nhỏ Văn Cao đã có khiếu về âm-nhạc. Khi còn học ở tiểu-học, và sau lên trường trung-học tu-thục Saint-Charles, Văn Cao đã nổi tiếng là hát hay.



VĂN CAO tự vẽ (tháng 8-1957)

Trích trong tạp-chí

Le Viet-Nam en marche số 10

Văn Cao mới học được hai năm ở trung-học thì ông anh mất việc nên phải bỏ học đi kiếm việc làm. Ông xin được một chân điện-thoại-viên (téléphoniste) ở Nha giám-đốc thương-cảng Hải-phòng (Direction du Port) nhưng làm chưa được một tháng xin thôi vì tính ngang ngạnh không chịu được thái-độ hống hách của « xếp Tây ». Gặp được Phạm

Duy ở Hà-nội xuống hát ở Cảng, Văn Cao nghe lời Phạm Duy sách khân gói lên Hà-nội vì thời bấy giờ chỉ có thủ-đô Hà-nội mới có điều- kiện nuôi sống văn-nghệ-sĩ.

Lên đến Hà-nội Văn Cao được bạn bè giúp đỡ, thuê được một căn gác nhỏ, bắt đầu nhận vẽ tranh quảng-cáo và sáng-tác nhạc. Trong thời kỳ này Văn Cao sáng-tác được nhiều bài hát hiện nay còn giá-trị: bài Thu cô liêu và Đêm Xuân (nhạc của Văn Cao, lời của Đỗ Hữu Ích), bài Suối mơ và Đàn chim Việt (nhạc của Văn Cao, lời của Phạm Duy), bài Buồn tàn thu (do Phạm Duy mang đi phổ-biến ở các tỉnh), bài Đêm sơn cước và bài Bắc Sơn.

Văn Cao bắt đầu được nổi tiếng từ năm 1943. Hai năm sau xảy ra nạn đói kém; vùng ven biển là quê hương của Văn Cao bị chết đói nhiều nhất. Bà mẹ Văn Cao phải đi bắt cá ở các ruộng nước mặn để nuôi các cháu, nhưng chẳng bao lâu cá cũng không còn, vì mỗi ngày có hàng vạn người đi bắt, nên bà cụ phải bỏ làng mang mấy cháu nhỏ chạy lên Hải-phòng rồi lên Hà-nội, giữa đường thất lạc mất một đứa cháu lên ba.

Giữa lúc ấy thì một người đồng hương của Văn Cao, tên là Vũ Quý vì hoạt-động cho Việt-Minh ở Hải-phòng nên bị Nhật lùng bắt. Anh ta trốn lên Hà-nội, đến ở nhờ Văn Cao và tuyên-truyền cho Văn Cao theo Việt-Minh. Văn Cao được giới-thiệu để viết bài và vẽ tranh cho tờ báo Lao-Động là cơ-quan của Việt-Minh xuất-bản ở ngoại-ô Hà-nội, đồng thời căn gác của Văn Cao được Vũ Quý dùng làm lớp học để giảng chính-trị cho những thanh-niên mới gia-nhập các đoàn-thể Việt-Minh.

Một hôm Vũ Quý đi Việt-Bắc về báo Văn Cao soạn giúp một bài quân ca cho Việt-Minh, vì trường chính-trị quân-sự của Việt-Minh đang cần một bài để xuất quân. Văn Cao nhận lời và làm bài Tiến quân ca, giữa lúc ngồi trong cửa sổ nhìn ra thấy những xe chở xác chết đi qua. Lúc này ông cũng làm thêm một bài thơ nhan-đề « Chiếc xe chết qua phường da lạc » nói lên nỗi đau khổ của tác-giả trước cảnh chết đói của hàng vạn người giữa Hà-nội, không ngớt ăn chửi và dọa lạc.

Báo Lao-Động đăng bài Tiến quân ca và cán-hó Việt-Minh ở Hà-nội bắt đầu học hát. Ít hôm sau Văn Cao được Võ nguyên Giáp

mời lên chiến-khu để khen thưởng và ban cho một khẩu súng lục. Vì Hà-nội Văn Cao được giao công-tác phụ-trách đoàn Thanh-niên Xung-phong, nhưng hai tuần sau ông bị sốt rét. Giữa lúc đó thì Nhật đảim hàng Đồng-Minh và Đại-Việt tổ-chức cuộc biểu-tình công-chức ở Hà-nội, Việt-Minh ra lệnh cho đoàn Thanh-niên Xung-phong cướp cuộc biểu-tình của Đại-Việt để biến thành cuộc biểu-tình hoan-ngheinh Việt-Minh. Văn Cao đang lên cơn sốt nên phải giao khẩu súng cho người khác để điều- khiển thay mình, tuy nhiên ông cũng ra đứng trước nhà Hát Lớn để chứng kiến công việc của hơn ngàn em. Hai ngày sau, hết sốt Văn Cao đứng ra đánh nhịp cho đoàn Thanh-niên Xung-phong hát bài Tiến quân ca trong một cuộc biểu-tình do Việt-Minh tổ-chức ở nhà Hát lớn. Ngày hôm ấy là 19 tháng 8, 1945, Việt-Minh cướp chính quyền ở Hà-nội.

Sau khi Việt-Minh lên nắm chính quyền, Văn Cao được cử vào ban Thường-vụ Hội Văn-Hóa Việt-Nam. Lúc này ông làm thêm được hai Không-quân Việt-Nam và bài Hải-quân Việt-Nam. Thanh-thê của Văn Cao lúc này lên đến tột bậc. Ông tái-hản những bản nhạc đã làm từ trước và giao cho nhà in Rạng-Đông phụ-trách ấn-loát. Có con gái ông chủ nhà in phải lòng nhà «nhạc-sĩ Việt-Minh» và hai người lấy nhau.

Vì phạm tội lấy con gái nhà tư-sản nên Văn Cao bị Đảng bỏ rơi. Sau khi tác-chiến bùng nổ, hai vợ chồng Văn Cao chạy lên Lào-Kay, sau về Tuyên-Quang và sau cùng về mở tiệm cà-phê ở Phố-Yến, th:ộc Vinh-Yên. Cán-bộ Đảng nhận thấy gia-đình Văn Cao cứ thuyên-chuyển dần về mạn xuôi, sợ có ngày Văn Cao bị vợ quyến rũ về Hà-nội, nên ra lệnh triệu Văn Cao lên Đại-từ, giao cho công-tác trong Hội Âm-nhac Việt-Nam. Trong thời-gian này Văn Cao sáng-tác được bài Trường-ca Sông-Lô và được kết- nạp vào Đảng, được dự lớp huấn-luyện dành riêng cho Đảng-viên và sang năm 1952 được cử sang Mạc-tur-khoa, trong phái-đoàn văn-hóa do Trần huy Liệu cầm đầu. Trong dịp này Văn Cao được gặp nhà nhạc-sĩ số một Liên-sô là Chostakovitch. Đây là vinh-hạnh lớn nhất trong đời của Văn Cao.

Tuy nhiên sau khi đi Mạc-tur-khoa về, Văn Cao bắt đầu tỏ ý thất-vong Liên-sô không phải là thiên-đường như ông vẫn tưởng tượng. Thêm vào đấy, khi ông về nước thì cuộc đấu tố địa-chủ cũng vừa bắt đầu, ông được cử đi tham-quan mấy vụ đấu tố điển-hình ở Việt-Bắc, trong số có cuộc đấu tố ông bố vợ Nguyễn kháng Toàn ở Tuyên-Quang, khiến ông nghi ngờ chân giá-trị của chủ-nghĩa cộng-sản.

Về Hà-nội sau khi hòa-bình lập lại, Văn Cao phụ-trách ban nhạc ở Đài phát-thanh Hà-nội, nhưng ông chán nản không sáng-tác gì hết. Năm 1956 ông tham-gia phong-trào Nhân-Văn — Giai-Phẩm, làm những bài thơ chống Đảng như bài Anh có nghe không và bài Những ngày báo hiệu mùa Xuân mà chúng tôi trích sau đây. Lúc đầu thì Đảng làm ngơ không vấn tới vì Đảng không muốn hạ bệ người nghệ-sĩ đã có công sáng-tác bài « Quốc-ca » nên trong năm 1957 Văn Cao vẫn được đề-cao. Nhưng qua cuộc chỉnh-huấn Đảng khám phá thấy Văn Cao không những chỉ có viết bài chống Đảng mà còn bí-mật vận-động các nhạc-sĩ khác chống Đảng, nên sang năm nay (1958) Văn Cao bị đá kích dữ dội và bị đưa đi học tập lao-động. Trong tờ Văn-Nghệ số 14 tháng 7, 1958 Xuân Diệu viết một bài nhan-đề Những tư-tưởng nghệ-thuật của Văn Cao tố cáo Văn Cao là « con người phản phúc hai mặt giả dối như con mèo, là một tên phù thủy toan dùng âm-bình để chọi nhau với Đảng ».

Sau đây chúng tôi xin trích bài Anh có nghe không và bài Những ngày báo hiệu mùa Xuân để các độc-giả nhân xét. Theo ý riêng chúng tôi, Văn Cao không phải là phù-thủy mà chỉ là một con thiếu thân, một con thiếu thân điển-hình nhất.

Trích Giai-Phẩm mùa Xuân (8-10.1956)

ANH CÓ NGHE KHÔNG

Gửi một nhà thơ xưa đã nổi tiếng
của VĂN CAO

Cửa đóng lại từ chín giờ
Không một cuốn sách chờ đợi
Dù những ngôi sao đang nở trên trời
Dù đêm mùa Xuân bắt đầu trở lại

Tất cả hướng về biển
Bọt cứ tan trên bãi cát xa
Mà cửa bề vẫn im lìm chưa mở

Bao giờ nghe được bản tình ca
Bao giờ bình yên xem một tranh tĩnh vật
Bao giờ
Bao giờ chúng nó đi tất cả

Những con người không phải của chúng ta
Vẫn ngày ngày ngang nhiên sống

Chúng nó còn ở lại
Trong những áo dài đen nham hiểm
Bề cỡ bề chân đeo tội ác cho người

Chúng nó còn ở lại
Trong những tủ sách gia đình
Ở diều thuốc trên môi những em bé mười lăm
Từng bước chân các cô gái
Từng con đường từng bãi cỏ từng hóng tối
Mắt quầng thâm còn nhớ nơi đêm

Chúng nó còn ở lại
Trong những tuổi bốn mươi
Đang đi vào cuộc sống
Như nấm mọc trên những thân gỗ mục

Người bán giấy cũ
Đã hết uhyng trang tiêu-thuyết ế
Những trang sách báo ngày xưa
Đang bán đến những trang sách mới
Những bài thơ mới nhất của anh

Anh muốn giơ tay lên mặt trời
Đề vui da mình hồng hồng sắc máu
Mấy năm một điệu sáo
Như giọng máy nước thâu đêm chảy

Chung quanh còn những người, khôn ngoan
Khi có mồm
Mắt không bao giờ nhìn thẳng

Những con mèo ngủ yên trên ghế
Trong một cuộc dọn nhà

Những con sên chưa dám ló đầu ra
Nhưng cây leo càng ngày càng tốt lá

Một nửa thế-giới
Một nửa tâm hồn
Một nửa thế-kỷ
Chưa khai-thác xong

Bây giờ không còn những tiếng nổ to
Nhưng còn những tiếng rạn vỡ

Có thể thu hết những khẩu súng phản-động
Nhưng vẫn còn
Những khẩu chúng đưa người tự tử

Anh có thấy không
Chỗ nào cũng có tiếng
Chưa nói lên

Những người của chúng ta
Đang mờ mờ xuất hiện
Le lói hy-vọng
Trên những cánh đồng lầy

Nghìn năm cũ phủ mất nhiều giá-trị
Đốt nghìn kinh chưa thấp sáng cuộc đời

Vào một cuộc đấu-tranh mới
Với những người không phải của chúng ta
Anh có nghe thấy không

Vào một cuộc đấu-tranh mới
Đề mở tung các cánh cửa sò
Mở tung cả cửa bè
Và tung ra hàng loạt hàng loạt
Những con người thật của chúng ta

VĂN CAO

Trích Giai-Phẩm mùa Thu tập II tháng 10-1956

NHỮNG NGÀY BÁO HIỆU MÙA XUÂN

của Văn Cao

« Những ngày báo hiệu Mùa Xuân » là một đoạn trong bài thơ dài Những người trên cửa biển của Văn Cao, in trong tập thơ của bốn người : Hoàng Cầm, Văn Cao, Trần Dần, Lê Đạt, do nhà xuất-bản Văn-Nghệ phát-hành.

Nước biển ù vào quanh Hải-phòng ngày bão
Làng mạc bồng bênh trời đất bênh bồng
Ở những ngọn tre xác xơ mọc lên chắt muối
Còn lại ít rơm khô của mái nhà trôi
Những mảnh lưới thuyền ai bay tau tác
Xe gạo ngày đêm từ Hải-phòng về các xóm
Chúng tôi đêm ngày vết nước nổi dề
Tươi ngọt lại ruộng đồng, dựng lại từng thôn xóm
Tìm lại những nụ cười ở môi người sống sót
Lửa đỏ đêm đêm trên bãi biển bập bùng
Trong những ngày khó khăn chông chất

Kẻ thù của chúng ta xuất hiện
Nhưng con rồng đất khi đỏ khi xanh
Lặn trong hàng ngũ
Nhưng con bói cá
Đậu trên những chiếc giầy buồm
Đang đo mực nước
Nhưng con bạch tuộc
Bao nhiêu tay chân chìm chết một con người
Đất nước đang lên da lên thịt
Đất nước còn đang nhỏ máu ngày ngày
Ta muốn gói cuộc đời gọn gàng như trái vải
Đã thấy loài sâu nằm tròn trong cuống
Chúng muốn các em nhỏ mới biết đi phải rụng
Mòn mỗi dần sức vỡ đất khai hoang
Làm rộng những con người, lùi dần niềm hy-vọng
Héo dần mầm sáng tạo, mất phàm-giá con người
Chúng nó ở bên ta, trong ta, lên lút
Đào rỗng từng kho tiền gạo, thuốc, men
Tôi đã thấy từng mặt từng tên sâu chuỗi
Tôi sẽ vạch từng tên từng mặt
Hãy dừng lại
Nhưng tên muốn ôm cây mùa xuân không cho mọc
Nhưng tên muốn làm cây to che cóm mầm non
Con đường ta đi tự hào lực lượng
Con đường nước nguồn thành sông thành biển
Con đường ta đi tự hào duy nhất
Con đường đi trái đất quanh mặt trời.

VĂN CAO



TRẦN DUY

Trần Duy tên thật là Trần Quang Tăng, sinh ở Huế vào khoảng năm 1920. Ông học trường Mỹ-thuật Hà-nội trong thời-kỳ đại-chiến thứ hai, và sau khi Hà-nội bị phi-cơ Đồng-Minh oanh-tạc, nhà trường dọn lên Sơn-tây, ông cũng theo lên Sơn-tây. Học chữa tốt nghiệp thì xảy ra cuộc đảo-ctrlnh Nhật và tiếp theo là cuộc khởi-ngĩa Việt-Minh.

Trong thời-gian học ở Sơn-tây Trần Duy thân với Phan Kế An, là bạn đồng trường và là con Phan Kế Toại. An là cán-bộ Việt-Minh, nên tuyên-truyền Trần Duy theo Việt-Minh.

Trong thời-gian kháng-chiến, ông công-tác văn-nghe bộ đội ở Việt-Bắc. Về Hà-nội, ông hợp-tác với nhóm Giai-Phẩm và cộng-sự với cụ Phan Khôi trong việc xuất-bản tờ báo Nhân-Văn

Những bài nghị-luận của ông về ctrlnh trị rất có giá-trị.

Bài Những người không lồ mà chúng tôi trích sau đây để giới-thiệu nghị-thuật viết văn của ông, thuộc về loại thần tiên mà ông tự đặt ra, để mượn ý nói rằng chủ-ngĩa cộng-sản chỉ có thể đảo tạo nên những con người có sức khỏe máy móc, không có tâm-hồn. Rốt cục những con người « không phải là người » đó chỉ tàn phá và gieo tang tóc khắp mọi nơi, không có khả-năng kiến-thiết và xây đắp hạnh-phúc cho Nhân-loại.

Dùng thần-thoại để trình-bày một hiểm họa đươg đe dọa toàn-thế-thế-gian, đó là một sáng-kiến rất đặc-biệt của ông.

Trích Giai-Phẩm mùa Thu tập II năm 1956

NHỮNG NGƯỜI KHÔNG LỒ

Gửi những người Cộng-sản hán ctrlnh
TRẦN DUY

Tôi xin kể các bạn nghe một câu chuyện cổ. Ngày xưa quả đất chưa có người ở, chỉ toàn là cây cỏ núi đá, sông, hồ biển rộng mênh mông. Thú dữ rất nhiều và ma-vương quý dữ cũng nhiều. Lúc Thượng-đế cho những con người đầu tiên xuống, con người hết sức khổ sở. Đời sống ở quả đất lúc

bấy giờ chỉ toàn là nước mắt và oán than. Tiếng khóc tụ lại thành khí, nước mắt bốc lên thành mây dâng lên tận Thiên-dình. Ngọc-Hoàng lo lắng, đau xót vô cùng. Thiên-dình lo âu chẳng kém. Một vì sao tâu :

— Sức người có hạn, mà ma quỷ thì uy lực vô cùng, vậy nên phải thêm người nhà trời về giúp sức.

Ngọc-Hoàng bèn triệu-tập hội-nghị Thiên-dình, ra chỉ-thị nặn thêm một đoàn không-lò cho xuống hạ-giới giúp sức loài người.

Thế là chẳng bao lâu, nặn xong lũ không lò, mình cao trăm trượng, tay chân to lớn, sức lực vô-dịch Ngọc-Hoàng hà hơi sống, lũ không lò cử động. Thiên-dình mừng rỡ, chỉ nay mai hạ-giới sẽ chẳng còn tiếng khóc và nước mắt.

Đoàn không lò xuống hạ-giới :
bạt rừng, lã» bề, nhỏ cây như vót rong, hóp vụn đá như nghiền bột, long trời lở đất Hoàn không lò vui sướng và tin chắc đã làm được vừa lòng trời và thuận lòng người. Nhưng một hôm Ngọc-Hoàng mở cửa nhìn hạ-giới... Có sao tiếng khóc vẫn còn ?

Ngọc-Hoàng phán hỏi Thiên-dình, Thiên-dình ngơ ngác nhìn nhau. Có vì sao tâu :

— Việc hạ giới, nên triệu Táo-quân về, đầu đuôi sẽ rõ.

Mấy hôm sau Táo-quân về. Vừa bước tới sân châu, Táo-quân đã vật đầu xuống bệ khóc nức nở. Ngọc-Hoàng hỏi :

— Táo-quân chưa tâu báo, đã khóc lóc, làm loạn cả quần tiên là có làm sao ?

Táo-quân vẫn khóc Ngọc-Hoàng hỏi :

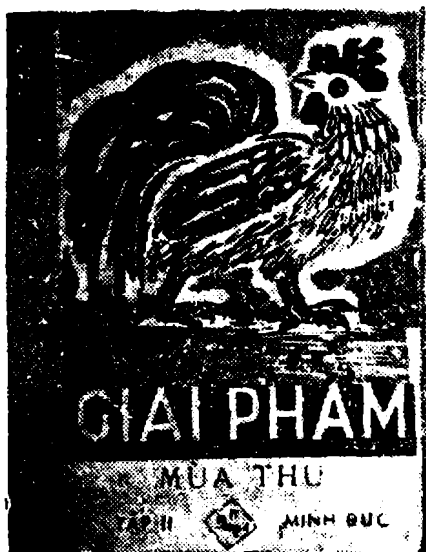
— Táo-quân quên rằng quần tiên không có tiếng khóc và Thiên-dình chỉ có tiếng cười và vũ-nhạc hay sao ?

Táo-quân tâu :

— Hạ thần vẫn muốn vậy, nhưng trọng trách của Ngọc-Hoàng giao cho hạ thần là sống với loài người, chia vui xẻ buồn với họ, thần nở lòng nào cười múa lúc loài người còn tiếng khóc và oán hờn ?

Ngọc-Hoàng hết hoảng :

— Thế người không-lò xuống hạ giới chẳng làm nên gì ư ?



Hình bìa cuốn Giới Phẩm mùa Thu tập II. Trong có đăng bài « Những Người Không Lò » của Trần Duy

Táo-quân tàu :

— Người không lờ đã làm đủ sứ-mệnh của Thiên-dịch giao cho là sát phạt ma-vương hồ-báo, phá rừng, khai sông, lấp bờ...

Ngọc-Hoàng hỏi hờ :

— Thật là tin vui... nhưng sao khanh lại khóc ?

— Tàu Ngọc-Hoàng, tại vì loài người còn khóc.

Ngọc-Hoàng chép miệng :

— Nhân-thế sinh kiếp trầm-luân có khác : Buồn cũng khóc, mà vui cũng khóc, ta biết làm thế nào ?

Táo-quân tàu :

— Tàu Ngọc-Hoàng, buồn thì phải khóc, nhưng mấy khi vui mà lại khóc ?

— Thế hạ-giới chưa vui ư ? Ma quỷ tan rồi, hùm beo quét sạch, rừng núi san bằng, loài người thanh thoi, chỉ khác Thiên-dịch ở chỗ chưa được mùa xuân muôn thuở, trăng sinh bất tử mà thôi !

Táo-quân trả lời :

— Quả thật nhân thế nhờ người nhà trời mà thoát được cái họa do ma-vương quỷ dữ gây ra, nhưng chưa kịp cất tiếng cười thì nhân-hế lại bắt đầu buồn về một ít họa mới do...

Ngọc-Hoàng sốt ruột hỏi :

— Do ai gây ra ?

— Tàu Ngọc-Hoàng... do chính người nhà trời gây ra.

Ngọc-Hoàng và Thiên-dịch sùng sốt :

— Có sao ?

— Vì người nhà trời bạt núi, khai sông, quên mất loài người bé nhỏ sống gần sông và cạnh núi, những đôi lứa trẻ mới yêu nhau, những tình thương nỗi nhớ vừa nhen nhúm, có một số không lờ không trông thấy đã xéo bừa lên, giẫm nát...

Một vì sao hỏi :

— Loài người sống chính nhờ cơm gạo, khí trời, chứ nhờ đâu tình ca, và hoa bướm ?

Ngọc-Hoàng phán :

— Khi ta tạo con người, ta đã thổi vào người chúng, cùng với khí nóng và máu, tình thương nỗi nhớ, oán ghét giận hờn, tiếng cười và nước mắt. Những thứ ấy sẽ sống đời đời kiếp kiếp với con người. Không tồn-tại những thứ ấy trong con người là không tồn-tại con người...

Táo-quân lại tàu :

— Vẫn cái người không lồ ấy, không nghe được tiếng khóc và tiếng cười ; họ nhờ cây vút chết ma-vương hồ báo, nhưng trong khi đánh vung vãi sừng tay, loài người cũng chết lây. Xác hoa bướm nằm cạnh xác ma-vương hồ báo và xác người.

Ngọc-Hoàng đau sót nhìn Thiên-dinh, Thiên-dinh im lặng.

Một vì sao tàu :

— Nên cho gọi đoàn không lồ về đề biết tường gốc ngọn.

Đoàn không lồ về bái yết, Ngọc-Hoàng thịnh nộ :

— Các người công ít tội nhiều, có sao đập xéo cả lên tính mạng con người ?

Đoàn không lồ một số ngờ ngác nhu nhau. Ngọc-Hoàng đập bàn :

— Sao dám đập cả lên tâm-hồn và cuộc sống con người ?

Số không lồ ấy càng ngờ ngác nhu nhau. Ngọc-Hoàng vẫn chưa nguôi :

— Sao dám cả lên lời ca, tiếng cười và hoa bướm dưới trần-thế ?

Số không lồ lại càng ngờ ngác nhu nhau. Ngọc Hoàng nhìn đoàn không lồ :

— Các người không đau sót ư ?

Vẫn số không lồ ấy ngờ ngác nhìn nhau, nhìn Ngọc-Hoàng và Thiên-dinh .. nhất là những giọt nước mắt của Táo-quân.

Sao Thái-Bạch bước ra tàu :

— Cứ xem khí mạo, thì biết trong số không lồ có những người có « thề » mà không có « tâm », không biết tiếng cười và tiếng khóc, thần c rằng phủ tạng họ có thiếu thứ gì.

Ngọc-Hoàng cho truy hỏi. Nam-tào, Bắc-dầu cùng với La-hầu và Kim-tinh xét lại các số, đứng ra tàu :

— Đoàn không lồ lúc được nặn ra, chỉ cốt lấy to, nên hết nguyên liệu để nặn tim, cho nên trong đoàn không lồ phải xuống hạ-giới có một bọn không tim

Ngọc-Hoàng biểu thần sắc.

Một vì sao hỏi :

— Thiết nghĩ đoàn không lồ chỉ đánh với ma-vương quý dữ cần gì tìm ?

Ngọc-Hoàng trả lời :

— Nhưng ta tạo nên con người, con người đã có óc phải có tim. Loài người của ta cần sống giữa hoa đẹp hương thơm.

Vì sao lại tàu :

— Nhưng bộ óc to, cánh tay lớn chẳng đủ rồi ư ?

Ngọc-Hoàng phán :

— Những cánh tay lớn của một người không tìm sẽ đập nát những công trình của bộ óc hần xây-dựng.

Khi nhìn về hạ-giới, nghe tiếng khóc và nước mắt vẫn còn, Ngọc-Hoàng chép miệng phán bảo với đoàn không lồ :

— Hạ-giới vẫn còn cần các người, vì quý dữ ma-vương vẫn còn hoành hành ; nhưng các người phải biết yêu quý con người, tôn trọng quyền sống của họ. Quả đất là của con người, và sửa sang quả đất cũng là để cho con người. Làm công việc gì mà con người phải khổ, còn khổ, thì dù công việc ấy có thành-công cũng cảm như là thất-bại. Chỉ có trí óc mà không có tim thì không thể cùng sống được với loài người

Sau lời chỉ giáo ấy, đoàn không lồ lại kéo nhau về hạ-giới, lại như cũ, phá núi ngăn sông, tát bể, làm hi hục kỳ cho quả đất quang đấng mới thôi.

Ngọc-Hoàng lại mở cửa nhìn về hạ-giới : có sao lại hãy còn tiếng khóc ? Ngọc-Hoàng phán hỏi Thiên-đình. Có vì sao tâu :

— Lại xin cho triệu Táo-quân về.

Táo-quân lại lên châu trời.

Ngọc-Hoàng hỏi :

— Tiếng khóc vẫn còn ở hạ-giới ư ?

Táo thần tâu :

— Nhân-thế biết lượng lớn của Thiên-đình, ăn chay năm đất tạ ơn Thượng-đế, nhưng vẫn còn nước mắt.

Ngọc-Hoàng nói :

— Ta muốn ngăn những giọt nước mắt ở hạ-giới phải làm thế nào ?

Táo-quân tâu :

— Muốn ngăn được nước mắt ở thế-gian, thì trước hết phải biết thu-phục được lòng người.

Một vì sao hỏi :

— Thế nào là thu-phục được lòng người ?

Táo-quân đáp :

— Thu-phục được lòng người là phải yêu người. Yêu người là biết được cái vui mà vui chung với người, khổ được cái khổ chung với người, đau xót trước cái đau xót của thiên-hạ. Việc đáng vui nhưng thiên-hạ chưa vui được cũng chớ bắt phải cười. Việc đáng khen nhưng thiên-hạ chưa rõ được, cũng chớ bắt phải khen. Dù là ý trời, nhưng chưa được lòng người, ý trời vẫn sai, dù chưa phải ý trời, nhưng thuận lòng người thì vẫn cứ xem đó là ý trời. Dù việc có hay, cũng đừng cưỡng nhân-tâm lúc nhân-tâm chưa thuận.

Lòng người, lúc đã thuận rồi, không bao vẫn cứ nghe, muốn người như một, xô núi cũng đổ, tát bể cũng cạn. Dù có cấm hát cấm cười, người đời vẫn cứ cười cứ hát... Lúc bấy giờ nước mắt tự nó sẽ tan đi.

Ngọc-Hoàng nhìn các vì sao. Vì sao ban nãy lại hỏi :

— Thế nào là cương nhân-tâm ? Táo thần không hay rằng dụ-chỉ Thiên-đình đã xóa bỏ những bất công ở hạ-giới ?

Táo-quân đáp :

— Cương nhân-tâm không cứ dùng gương tên mà uy nạt mới cho là cương. Bất công ở hạ-giới như nước mạch thấm vào lòng đất, đời đời kiếp kiếp, chẳng phải phứt chốc vì một dụ-chỉ mà nó tan đi. Bất công ở hạ-giới là con quỷ già luyện kiếp, thiên hình vạn trạng. lúc ẩn, lúc hiện, lúc to, lúc nhỏ, lúc trắng, lúc đen, lúc mặc áo cà-sa, lúc mặc áo giấy, cười nói như người. Lúc người suy-tôn thần thánh thì nó thành thần, thành thánh để được suy-tôn, lúc người khiếp sợ ma-vương thì nó thành ma-vương để uy nạt, không chừng nó còn diện cả bìa ngọc bốt vàng đứng lẫn giữa các vì sao đầy cũng có. Nếu Thiên-đình còn cho rằng chỉ vì một dụ-chỉ của Thiên-đình mà hạ-giới xóa bỏ được bất công, thì tiếng khóc và nước mắt ở hạ-giới vẫn cứ còn đời đời kiếp kiếp.

Ngọc-Hoàng nói :

— Nhưng ta đã phái người của Thiên-đình xuống.

Táo-quân đáp :

— Tàu Ngọc-Hoàng, người của Thiên-đình phái xuống, có kẻ có óc có tim, thì họ ở đâu, hoa thơm tiếng cười ở đấy. Nhưng cũng có những người thiếu tim ?

Các vì sao hỏi :

— Như vậy sẽ có hại gì ?

— Thì số người nhà trời thiếu tim ấy sẽ chẳng được lòng người sẽ ngược lại lòng thiên-hạ, sẽ cương nhân-tâm, và sinh-linh còn dỗi oán, hờn oán Thiên-đình.

Táo-quân lại tiếp :

— Nước mắt do ma-vương quỷ dữ gây ra thì loài người hợp sức với người nhà trời sẽ diệt được ma-vương quỷ dữ. Nhưng nước mắt do người nhà trời gây ra, lẽ đâu loài người lại dám xúc-phạm đến Thiên-đình mà đụng đến người nhà trời ư ? Do đó nước mắt lại bắt đầu chảy, tiếng khóc lại càng thảm lặng rền rĩ hơn. Nhưng đáng thương hơn cả vẫn là cái số không lẽ không tim ấy cứ vẫn tưởng mình đã hoàn toàn mang lại tiếng cười và niềm vui cho hạ-giới !

Ngọc-Hoàng thở dài :

— Ta đã mấy lần phủ dụ...

Táo-quân đáp :

— Không biết thì dạy bảo sẽ biết. Không thấy thì chỉ giáo sẽ thấy. Không quen thì làm mãi phải quen... Nhưng không tìm thì sách vở nào, lời lẽ nào, chỉ-dụ nào có thể tạo nên tình-cảm được !

Ngọc-Hoàng bốp trán suy nghĩ. Các vì sao im lặng. Ngọc-Hoàng quay hỏi Thiên-dinh :

— Chư khanh nghĩ thế nào ?

Các vì sao tâu :

— Đoàn không lồ là đạo lính của Thiên-dinh phái về giúp loài người, nhất thiết không bỏ được, máu thịt dễ nặn thành tim cho số không lồ ấy thì không còn. Hay là Thiên-dinh tạo nên cho hạ-giới thật nhiều hoa, nhiều bướm, nhiều tiếng hát, tiếng cười !

Táo-quân tâu :

— Nếu chúng ta làm như vậy chẳng khác nào chúng ta tạo thêm hoa thêm bướm tiếng hát tiếng cười để cho lũ không tim ấy đắm uất.

Ngọc-Hoàng bảo Táo-quân :

— Vậy theo ý khanh nên như thế nào ?

Táo-quân đáp :

— Nên làm thêm tim cho số không lồ ấy.

Thiên-dinh đồng thanh :

— Nhưng cạn sạch nguyên-liệu.

Táo-quân trả lời :

— Nếu có những người không lồ dù tim đủ óc thì đó là một điều hay, bằng không thì nặn những người nhà trời chỉ bằng con người hạ-giới thôi, mà quả tim thật to. Bàn tay tuy có nhỏ, sức khỏe tuy có gần, nhưng nếu nó có tim, nó sẽ sống cùng điệu với loài người, nghe được tiếng thở dài, và thấy được cái mỉm cười của họ, lúc bấy giờ bàn tay nó sẽ không bóp chết loài người cùng ma quỷ, sức khỏe nó sẽ không đè chết loài người cùng với hồ báo núi cây, bước chân nó sẽ không giầy xéo lên con người cùng với tình yêu và hoa bướm. Làm được như thế là thuận được lòng người, thiên hạ hỗ trợ, thì mới trọn được ý trời ; và lúc bấy giờ hạ-giới sẽ là nơi Thiên-dinh thứ hai ; đầy tiếng cười và vũ-nhạc...

Ngọc-Hoàng gật gù, nhìn Thiên-dinh cùng cho lời của Táo-quân là phải.

Số không lồ có tim cũng gật gù nhìn thương hại lũ không lồ không tim.

Còn hạ-giới thì hoan-hỉ chờ mong ngày Ngọc-Hoàng làm thêm tim cho số không lồ ấy, nhất là người mới bắt đầu yêu nhau...

TRẦN DUY

THÀNH THẬT ĐẤU TRANH CHO TỰ-DO DÂN-CHỦ

L.S.G.— Bài báo sau đây của Trần Duy 16-cáo việc Đảng Lao-Động đã tìm hết cách phá hoại tờ báo Nhân-Văn, để bóp chết một cách kín đáo.

Hội nghị lần thứ 10 của Ban Chấp-hành Trung-ương Đảng Lao-Động Việt-nam có nhận định ở miền Bắc chúng ta chưa thực-hiện đầy đủ các quyền tự-do dân-chủ của nhân-dân và đã thảo-luận những biện-pháp bổ-khuyết cần thiết đề đề nghị với Chính-phủ và Quốc hội.

Chúng ta hoan-ngheh những nhận định ấy, và rất hy-vọng những biện-pháp bổ-khuyết cần thiết trên sẽ mang lại cho báo-chí, văn-ngheh, đời sống miền Bắc một luồng gió mới... luồng gió tự-do dân chủ.

Báo Nhân-Văn đấu tranh cho tự-do dân chủ, cũng không ngoài ý muốn nào khác là tự nguyện làm một tên lính tiền-phong cùng Đảng và nhân dân chiến đấu cho một mục-dích chung.

Đấu tranh cho tự-do dân chủ là một cuộc đấu tranh lâu dài và gian khổ, vì nó là một cuộc tấn-công quyết-liệt vào những tề lậu hủ bại của xã-hội.

Nó sẽ bị những phần tử tề lậu và hủ bại hiện đương còn quyền hành và thế lực cản trở, xuyên-tạc, phá hoại có khi bằng cả những phương-pháp đen tối, độc ác.

Quần-chúng phải là « Bao-Công » có quyền thực-sự kiểm-soát mọi công việc của Nhà nước, của cán-bộ.

Tiêu cực, làm ngơ, thờ dãi bi-quan trong lúc này là một tội lớn đối với lịch-sử đối với sự-nghiệp đấu tranh của dân-tộc. Sống trong một xã-hội mà sự tự-do đã chính thức ghi lên giấy trắng mực đen trong tuyên-ngôn Độc-lập, trên Hiến-pháp, sao tự-do vẫn còn bị vi-phạm trắng trợn ở trên địa hạt tư-tương, trí-thức, và cả trên sinh mệnh xương thịt của con người ?

Báo Nhân-Văn ra đời trong những hoàn cảnh đặc-biệt. Đông-cơ nào đã thúc đẩy anh em văn-ngheh và trí-thức ra tờ báo Nhân-Văn ? Nó được ra đời như thế nào ? Và nó đã bị đối xử như thế nào ?

Báo Nhân-Văn ra đời tự nguyện làm một trong những tên lính tiền-phong, tích-cực cùng nhân-dân và Đảng, chiến đấu chống những sai lầm lệch lạc, những hủ bại trong tác-phong lãnh đạo đã vi-phạm đến những nguyên-tắc căn bản xây dựng Đảng, xây dựng chế-độ.

Cho nên khi anh em lấy tên cho tờ báo là *Nhân-Văn* là do một lòng nhiệt tình đối với chủ-nghĩa, đối với con người của chế-độ. Vì chúng ta cũng thấy rằng không còn gì cao quý và đẹp đẽ hơn là thực-hiện và đấu tranh để thực-hiện cho kỳ được chủ-nghĩa nhân-văn trong đời sống con người.

Nhưng từ ngày Nhân-Văn ra đời cho đến nay, nó phải trải qua những thử thách, nó bị làm khó dễ nếu không nói là phá hoại.

Những hành-dộng phá hoại ấy tuy riêng lẻ, không có một chủ-tướng nào dứt khoát, nhưng nó thành hệ-thống, liên lạc, chứng tỏ rằng nó có chịu một sự chỉ-huy.

Anh em nghèo, vốn không có, góp tiền với nhau để ra tờ báo, chập vạt làm tờ báo mới được ra đời. Vừa ra đời thì những danh-từ « phản ứng giai-cấp », « tư-sản lợi dụng », « tiếng nói của tư-sản », « đế-quốc bắc cầu » đã chụp lên đầu anh em những chiếc mũ nguy hại.

Trong thời-gian tiến hành in báo Nhân-Văn, vụ diền-hình phá hoại là vụ Hoàng Đạo. (1)

Hoàng Đạo là ai ? Theo lời y tự giới-thiệu với một số bạn, thì trước y là một cán-bộ công-an, hiện nay là cán-bộ công nghiệp, làm Giám-đốc một xí-nghiệp lớn được đặc-phái phụ-trách theo dõi và chống phá Nhân-Văn.

Hoàng Đạo tìm đến một anh bạn muốn góp tiền vào Nhân-Văn để dọa làm cho anh sợ phải rút lui. Hoàng Đạo lại tìm đến các nhà in đêm pha, xúi giục làm cho chủ e ngại, thợ hoang mang, đình đốn cả công việc in Nhân-Văn.

Anh em công-nhân nhà in X.T. cũng thắc mắc không biết tờ Nhân-Văn phản động ở chỗ nào và tại sao phản động mà Chính-phủ không cấm nó, lại phải để cho những kẻ đội lốt danh nghĩa công-đoàn vận động phá hoại nó ?

Chúng tôi tự hỏi : Hoàng Đạo dựa vào một thế lực nào để dám trắng trợn vi-phạm đến tự-do báo chí, tự-do tư-tưởng như vậy ?

Tình-trạng trên tuy có nguy hại, nhưng không nguy hại bằng hiện-pháp sau đây : một số người đã lợi dụng tình-hình thống-nhất Bắc-Nam, gặp bước khó khăn, nhiệt tình đòi hiệp-thương của đồng bào, cán-bộ miền Nam.

Họ dò cho Nhân-Văn đã gây khó dễ cho Đảng trong việc thống-nhất Bắc-Nam, Nhân-Văn làm chậm hiệp-thương, Nhân-Văn có tội với miền Nam ; có người lại ký tên trá hình mượn tiếng nói của miền Nam đăng ở một tờ báo hàng ngày, vận dụng tình-cảm để tranh thủ quần-chúng và đẩy quần-chúng đối lập với Nhân-Văn.

Lịch-sử đang đi những bước lớn. Những cái gì cản trở phong trào tự-do dân-chủ, cản trở bước đi lên của dân-tộc nhất định sẽ bị gạt ra ngoài.

TRẦN DUY

(1) Hoàng Đạo người trong Nam trước kia làm công nhân ở xưởng xe lửa Di-an, có xu-hướng trotskiste, gia nhập nhóm La Lutte. Sau bà nhóm La Lutte làm mặt-thám cho Pháp, lấy vợ Hoàng-phút. Hồi khởi nghĩa theo Viet-Minh giữ chức Giám-đốc công-an Thanh-hóa. Năm 1949 được biệt-phái vào Hà-nội làm agent double, liên lạc với Phạm Văn Giáo và Bảo Đại, mưu phả chiếc tàu Amiot D'Inville.

... Về Thanh hóa phụ trách điều tra vụ Ba-làng. Sau Genève phụ-trách việc phá phong trào di-cư. Năm 1956 được biệt-phái sang công-đoàn để xúi giục thợ in không in báo đối lập.

HOÀNG CẨM

Hoàng Cẩm sinh năm 1921 ở làng Lạc-thổ, huyện Thuận-thành, tỉnh Hải-dương. Xét về tuổi thì ông thuộc về phái thanh-niên, nhưng nếu xét về thành-tích văn-ngệ thì ông đáng được xếp vào hạng những văn-sĩ đứng tuổi, đã có địa-vị trong làng văn từ trước cuộc Thế-giới chiến-tranh thứ hai.

Hoàng Cẩm học Trung-học ở Bắc-Ninh, đỗ bằng Cao đặng tiểu-học năm 1937 và đỗ Tú-tài năm 1940. Nhưng ngay từ khi ông mới học: Đệ-tứ, ông đã dịch cuốn *Graziella* của Lamartine sang tiếng Việt, lấy nhan-đề là **Hận** ngày xanh. Ông được nhiều người yên chuộng từ ngày ấy. Tiếp theo, ông dịch cuốn **Một nghìn một đêm lẻ**, đăng trong *Tap chí Tân-Dân*.

Hoàng Cẩm cũng có viết một cuốn tiểu-thuyết đầu tay nhan-đề là **Thoi mọng**, nhưng nghệ-thuật chính của Hoàng Cẩm là viết kịch thơ. Cho đến ngày nay Hoàng Cẩm giữ địa-vị cao nhất trong văn-học Việt-Nam về ngành kịch thơ, vì những vở kịch sau đây.

Viễn khách, tả một câu chuyện về đời Hồ quý Ly, đăng trong *Tiểu-thuyết Thứ Bảy*, với bút hiệu là **Hoa-Thu**.

Kiều Loan, tả một câu chuyện đời Tây-Sơn.

Lên Đường, nói về thanh-niên thời Nhật chiếm đóng.

Sau ngày toàn quốc kháng-chiến, Hoàng Cẩm tham-gia bộ đội và trở thành ban thân của Trần Dần, Lê Đạt. Ông được kết nạp vào Đảng Cộng-sản năm 1951, và chịu ảnh hưởng của tư-tưởng Mác-xét về nghệ-thuật, ông từ bỏ lối viết kịch thơ. Trong một buổi lễ ở Việt-Bắc, trước sự hiện diện của đông đủ anh em văn-ngệ-sĩ, ông đã lên án những tác-phẩm cũ của ông bằng cách « thất cố » mấy bản kịch thơ do ông viết, buộc thông lọng vào một sợi giây và treo lên cành cây. Lúc bấy giờ ông hoàn toàn tin theo Cộng-sản và quyết tâm « lột xác » để « theo kịp đà tiến của xã-hội hiện-thực chủ-nghĩa » trong văn-chương.

Nhưng từ năm 1953, sau khi ông được đi « tham quan » (đi dự nhưng không được tham-gia ý kiến) Cải-cách ruộng đất, ông nhận thấy thực-chất của chế-độ Cộng-sản. Từ ngày ấy Hoàng Cẩm trở lại con người cũ và viết kịch thơ như ngày xưa.

Năm 1956 Hoàng Cầm hoạt động tích-cực trong nhóm Nhân-Văn Giai-Phẩm và được anh em gọi đùa là « con ngựa chiến ». Ông có viết nhiều bài trong Nhân-Văn để hát chiến với phe Đảng, nhưng về thơ chỉ có hai bài đặc sắc nhất mà chúng tôi trích sau đây để giới-thiệu nghệ-thuật làm thơ của ông. Một bài đăng trong Giai-Phẩm mùa Thu, nhan-đề « Em bé lên sáu tuổi » tả-cáo việc Cộng-sản bao vây những gia-đình địa-chủ để bắt con cái phải chết hết và một bài đăng trong báo Văn là một đoạn kịch thơ, nhan đề là « Tiếng Hát » trong đó ông dùng lời Trương Chi để kêu gọi nhân-dân hãy nổi dậy đấu tranh chống Đảng.

Trường-hợp của Hoàng Cầm chứng tỏ rằng một người có tâm-hồn nghệ-sĩ và thành thật yêu chuộng tự-do không thể nào hòa mình được với chế độ Cộng-sản.

Trích Giai-Phẩm mùa Thu

EM BÉ LÊN SÁU TUỔI

Của Hoàng Cầm

I

Em bé lên sáu tuổi
Lui thúi tim miếng ăn.
Bố : cường hào nợ máu (1)
Đã trả trước nông-dân,
Mẹ bỏ con lay lắt
Đi tuốt vào trong Nam

Từ khi lọt lòng mẹ
Ăn sữa, ngủ giường êm,
Áo hoa lót áo mềm.
Nào biết mình sung sướng.

Ngọn sóng đang trào lên
Ai nghĩ thân bèo bọt,
Nhưng người với con ngời
Vẫn sẵn lòng thương xót.

Chú giải : (1) Trả nợ máu : bị xử tử.

Có cụ già dúi khò
Lập cập di mò cua ;
Bố mẹ nó không còn
Đứa trẻ nay gầy còm,
Bỗng thương tình coi cút
Cụ nhường cho miếng cơm,

Chân tay như cái que
Bụng phình lại ngàng cồ,
Mắt tròn đỏ hoe hoe
Đo nhìn đời bở ngỡ :
« Lạy bà xin bát cháo
Cháu miếng cơm, thầy ơi ! »

II

Có một chị cẩu-bộ
Đang phết động thôn ngoài,
Chợt nhìn ra phía ngõ
Nghe tiếng kêu lạc loài.

Chị rùng mình nhớ lại
Năm dúi kếm từ lâu
Chị mới năm tuổi đầu
Liếm lá khoai giữa chợ.

Chạy vùng ra phía ngõ
Dắt em bé vào nhà,
Năm cơm dành chiều qua
Bê cho em một nửa.

Chị bần cố nông cốt cán (1)
Ừ nước mắt quay đi :
— « Nó là con địa-chủ
Bé bồng đã biết gì
Hôm em cho bát cháo
Chịu ba ngày hỏi truy ». (2)

Chị dúi (3) bỗng lùi lại
Nhìn đứa bé mồ côi
Cố tìm vết thù địch,
Chỉ thấy một con người.

Em bé đã an no
Năm lẫn ra đất ngủ
Chị nghĩ : « sau lấy chồng
Sinh con hồng bụi sữa ».

Chú giải : (1) Cốt cán : nông-dân được Đảng tin-nhiệm (chưa phải là đảng viên)
(2) Hỏi truy : tra khảo
(3) Chị dúi : cán bộ phụ-nữ trong đội Cải-cách Ruộng đất.

III

Chị phải đĩnh công tác
Vì câu chuyện trên kia
Buồng tối lạnh đêm khuya
Thắp đèn lên kiềng-thảo.

Do cái lưới không xương
Nên nhiều đường lát lẻo
Do con mắt bé tẻo
Chẳng nhìn xa chân trời,
Do bộ óc chầy lười
Chỉ một màu sắt rỉ,
Đã lâu năm ngủ kỹ
Trên trang sách im lìm,
Do mấy con người máy
Đầy gán thiếu trái tim

IV

Nào « liên quan (1) phản-động
« Mất cảnh giác lập-trường ».
Mấy đêm khóc ròng rã
Ngọn đèn soi tù mù,
Lòng vẩn lòng câu hỏi :
« Sao thương con kẻ thù ?
Giá ghét được đũa hế
Lòng thành thơ bao nhiêu ! »

HOÀNG CẨM



Trích báo VĂN số 24 ra ngày 18-10-1957

TIẾNG HÁT

Kịch thơ của Hoàng Cẩm

Trích 2 đoạn trong hồi thứ nhất vở kịch thơ dài Tiếng hát Trương Chi.

NHÂN VẬT : (trong 2 đoạn này) :

MỸ NƯƠNG

HỒNG HOA, nữ tỳ

TIẾNG HÁT TRƯƠNG CHI

Chú giải : (1) Liên quan : có liên lạc với địa-chủ.

Cảnh.— Một gian phòng trong lầu Tây nhìn ra sông.

Mở màn - Một buổi sớm mùa Xuân — Tiếng nhạc phỉa trong văng vẳng — Sân-khấu vắng một lát rồi Hồng Hoa rón rén bước ra, tay cầm một bình hoa đỏ, ngắm một lát rồi bỏ vào siêu thuố:.

LỚP I

HỒNG HOA — TIẾNG HÁT

HỒNG HOA — Tiếc quá ! Những bông hoa đẹp nhất
Ngát cụt đi làm thang thuốc ! Lạ đời !
Gạn lọc hết tinh hoa trong trời đất
Đã chắc đâu cứu vãn được lòng người !
(nhìn vào trong)

Công nương chùng vãn ngủ
Ba ngày chẳng nói năng
Thầy lang lang chạy chữa
Bệnh mỗi ngày một tăng

Bệnh một ngày, các cụ chữa một nẻo
Khuôn mặt công nương ngày một héo
Thầy lang đốt nát chỉ nói mò
Bốc thang thuốc nào cũng thật to

Người bệnh uống vào, mặt nhẵn nhó
Thừa-tướng lập nghiêm, cấm không nhờ
Nuốt ực đắng cay vào trong người
Nẫu ruột nẫu gan vì lửa bỏng dầu sôi...
(Tiếng hát Trương Chi bên ngoài văng lên)

TIẾNG HÁT. — Hò khoan, núi thắm sông sâu
Đi cùng thiên-hạ chẳng đâu biết mình...

HỒNG HOA.— Ồ ! Tiếng hát... (Hồng Hoa hé rèm nghe ngóng)

TIẾNG HÁT. — Ta khao khát phương trời đồ rực bích-minh
Đến khi trời mọc ta vẫn lênh đênh giữa dòng
Đến đâu bờ bến không cùng
Thuyền đi vô tận, ai hiểu lòng ta đâu ?

HỒNG HOA.— Tiếng hát chín mười đêm im vắng
Nay lại về vô mệnh bên lầu
Nhìn xuống sông kia, nào có ai đâu ?
Phăng lạng trường giang trắng xóa ..

Kể từ tiếng hát bốc lên
Đời ở lầu Tây thay đổi cả.

Công nương ốm rờng rã
Đêm đêm nghe bão ròi quanh giường
Kiêng mình tới hầu hạ
Cũng thấy như tòa lâu xiêu đổ
Trong đêm dài tăm tối, thê lương.
Thừa-tướng luôn chau mày giận dữ.
Đàn ca tất rụi bốn chân tương
Vườn xuân đã tàn hoa nụ
Con chim trong lồng sỗ cách chết đêm qua...

Còn tôi ?...

Ở hầu công nương từ lên mười tuổi
Mắt quen nhìn nhung lụa gấm hoa
Nay bỗng thấy buồn tênh, trở trở
Nhớ làng xưa quê cũ mịt mù xa...
Tôi cũng muốn được bay theo tiếng hát
Trở về tìm nghĩa mẹ, tình cha.

(nhìn vào trong)

Kìa nếp chăn sóng sánh
Lá màn lay — Chùng công nương đã tỉnh.
Bát thuốc này cay đắng lắm, đồ đi thôi.
Vì cú trông người bệnh nuốt từng hơi,
Mặt nhăn nhó, tôi chẳng còn muốn sống !
(Hồng Hoa đổ bát thuốc vào chậu cây)

TIẾNG HÁT. — Thuyền trôi, trôi mấy khúc sông.
Ta đi xa bến biết lòng ai theo...

HỒNG HOA — *(Mim cười)* Biết lòng ai theo !

LỚP II

HỒNG HOA. — MỸ NƯƠNG - TIẾNG HÁT

MỸ NƯƠNG. — *Ở phía bên trong rèm lầu đầu bước ra mặt xanh xao tóc xòa. —*

Hồng Hoa ơi !

Em hãy tìm về đây tiếng hát của người...

Lòng chị như lò than cháy đỏ

Em hãy tìm về đây dòng sông đang trôi.

HỒNG HOA. — Chị đừng ra đây ! Gió sông lồng lộng !
Tiếng hát ngoài kia, đâu phải tiếng người !

MỸ NƯƠNG. — Có một người hát vang lưng trên sông. .

HỒNG HOA. - Đó lời than cây cỏ bốn phương trời...
Chị đừng nghe ..
Càng nghe, càng nặng lệnh !
Mà... lòng chị ra sao... Thừa-tướng biết rồi.

MỸ NƯƠNG.— Phụ thân ta ?...

HỒNG HOA. - Tướng-công vừa truyền lệnh
Khóa kín cửa lầu, lấp cả dòng sông
Để không còn tiếng hát !

MỸ NƯƠNG. - (lo sợ) Có thực không ?
Chị van em. Em đi tìm tiếng hát !
Lầu tướng-công, em lót áo, đem về...

HỒNG HOA.— Lót áo đem về ! Chị nói để nghe !

MỸ NƯƠNG.— Còn dòng sông, chị van em ! Đừng lấp !
Hãy khơi dòng nước uốn đến chân lầu
Đề thuyền của chàng dù xa xa tập
Cũng biết đường tìm đến huộc lòng nhau.

HỒNG HOA. - (tinh nghịch)
Chàng nào nhi ? À, công-nương phạm tội !
Đám nói đến chàng ! — Này, ở bên kia
Thừa-tướng vẫn rình nghe sớm tối...

MỸ NƯƠNG. - Không em ơi ! Chị thức giấc canh khuya
Chỉ thấy mặt phụ thân hiện từ cõi xuống. .

HỒNG HOA. - (nghiêm trang)
Người đã nghe... người biết chị say mê
Người giận lắm !... Người sẽ xây kín cửa
Thì còn đâu nữa những chiều Xuân
Chị bước ra hiên, đất trời nghiêng ngả
Sáng bừng lên vì nhan-sắc tuyệt trần ?
Còn đâu nữa, những sớm mai nắng mọc
Em đứng nhìn chân mây, tìm bóng khói quê-hương ?

MỸ NƯƠNG.— Em đừng mách Tướng-công — Này mở tóc
Rối như vò, chị gỡ biết bao xong
Nước xanh mát ngoài kia, em nhẹ bước
Đưa chị ra chải tóc giữa dòng sông
Tiếng hát nằm trên tay như giọt nước
Chị uống hết mùa Xuân, mát rợi trong lòng

HỒNG HOA. - Công-nương con quan Thừa-tướng
Mười chín mùa Xuân khép cánh song
Từ tám bé chẳng được xa một bước
Nửa bây giờ ốm là trong phòng
Gối chân công-nương nhón trên nhung gấm

Nhung gấm còn êm sức ngón son
Thân quấn lụa the lung linh vàng ngọc
Vàng ngọc lụa the còn sợ đau vai tròn.

MỸ NƯƠNG — Không !
Từ khi tiếng hát lọt qua song
Thì chân ngọc đã rơi tàn trên đá lạnh
Thì lụa the nhung gấm
bồng khờ rờn như lá chiều đông.

TIẾNG HÁT.— (*lại vàng vàng*)
Nào người quả phụ trắng khăn tang
Nào đứa em mồ-côi khát sữa
Nào ai sống nhục thác oan
Nào ai tan lia đôi lứa
Nghe tiếng hát này người dẫn nỗi khổ
Dòng sông như lụa quăn quanh người.

MỸ NƯƠNG.— (*muốn xô ra người*)
Còn tiếng hát ! Người sẽ không bỏ bến
Người sẽ đến đây ! Em mở cửa, trời ơi !

HỒNG HOA.— Chị đi đâu ? Cửa ngoài bằng đá tảng,
Tiếng hát đây được vào
Vì đó là tiếng gọi của trời cao
Của đất rộng, của quê-hương tôi hừng nắng-
Nhưng còn chị...
Phận gái mỏng manh, tay mềm dùng dăng
Hé làm sao cánh cửa khóa lâu đời !

MỸ NƯƠNG.— (*gan góc*)
Ta mở được, ta vượt qua tường đá
Ta chạy ra sông ! — Đi bốn phương trời
Tìm tiếng hát... ta đi cùng thiên-hạ ..
Tấm lòng chàng... riêng ta biết mà thôi...

HỒNG HOA.— Công-nương lại sắp nói mê nói sảng
Thôi, để em đi bước chị vào phòng

MỸ NƯƠNG.— (*như mê*)
Phòng nào đâu ! Ta chỉ có con sông
Chàng đến kia rồi ! Em hãy trông
Người đi trên mặt nước
Áo dục màu da trời
Mắt đọng ánh sao rơi
Từng tiếng sóng rầm rầm
Nặng gót chân rền đến...
Ta gặp người đây ! Nghìn năm ước hẹn
Em Hồng Hoa !... đừng mách Tướng-công ?

HỒNG HOA — Em ngờ chị là người sung sướng nhất
Ai ngờ đâu, chị lại khổ hơn em
Thôi, để em buông rèm
Xóa màu xanh nước sông,
Chị đừng mơ ước nữa !

MỸ NƯƠNG. — Ta nghe rõ tiếng chàng
Lùa tóc này óng a
Từng sợi còn ngân vang
Chàng ở ngoài sông lạnh lấm
Lầu Tây này cũng giá băng
Tay chàng lùa ấm
Áo xanh bùng nắng diêm trang

HỒNG HOA — Làm gì có áo xanh ?
Người ấy chắc là nón mê áo tãi,
Tiêu tụy thân hình
Cũng như em khi mồ-côi bú mẹ
Lìa quê, hành khất đến đây...

MỸ NƯƠNG. — À, không !
Áo tãi nón mê càng đẹp
Lòng chị thương, dệt gấm mặc cho người
Cũng như em ngày nay...
À, không, chàng là hoàng-tử
Từ nước non xa lạ ghé qua đây
Ta mời lại — Chàng buộc thuyền, ở lại
Chàng hát, ta so giày cung đàn giãng
Ăn ở với nhau chẳng đếm bao năm
Rồi người đón ta lên thuyền
Trôi đi mãi, hến bờ xanh triền miên.
(*Mỹ Nương đánh đàn, bông giấy đứt*)
Em van chàng ! Em lạnh buốt bàn tay
Sao ngườiỡ bỏ đi ?
Gió nổi, thuyền nghiêng đắm.
Ai làm nên biệt ly ?

(*Đàn rơi*)

Người chết rồi ! Tiếng hát cũng tan rồi
Ai cứu được chàng ! Ai cứu được tôi ?

(*Mỹ Nương ngã xuống*)

HỒNG HOA. — Em biết ngay mà ! Mê mê mộng mộng
Bệnh càng tăng. Rồi Tướng-công quả mắng
Tội thân em — Ai cứu sống công-nương ?

Hồng Hoa đỡ Mỹ Nương vào trong Sáu-khẩu vắng. Mọi điện đèn trầm đục. Ngoài xa... một tiếng sáo thu thiết.

HỮU LOAN

Hữu Loan năm nay chừng 40 tuổi, quê ở làng Văn hoàng, huyện Nga-sơn, thuộc Thanh-hóa, con nhà nghèo, và hiện nay vẫn sống một cách rất cơ-cực ở ngoại-ô Hà-nội.

Trong thời-kỳ kháng-chiến ông công-tác Văn-ngệ trong bộ đội, và sau xin giải ngũ và dạy học ở một trường tư-thục trong huyện.

Ông bắt đầu được nổi tiếng vì một bài thơ khóc vợ chưa cưới, chết đuối, nhan-đề là Mầu tím hoa xim.

Sáng-tác của ông gồm có hai loại: thơ và chuyện ngắn. Chúng tôi giới-thiệu ông ở đây bằng hai bài có tính-cách trội nhất, một chuyện ngắn và một bài thơ mới.

« Lộn sòng » là một chuyện ngắn kể lại những kỷ-ức ông đã ghi được trong thời-gian ông còn dạy học ở Thanh-hóa. Hữu Loan muốn dùng hình-thức tiểu-thuyết để ghi lại một khía-cạnh của đời sống trong một giai-đoạn lịch-sử nhất định. Về phương-diện này Hữu Loan đã thành-công hoàn toàn vì người đọc, dù không sống trong vùng kháng-chiến, cũng có thể hình-dung được đời sống tinh-thần và vật-chất của giới giáo-sư và học-sinh trong thời kỳ ấy.

Bài Cũng những thặng nịnh hát biểu-dương ý-chi bất khuất của tác-giả trước những sự bất công và thối nát của chế độ.

Hiện nay số phận Hữu Loan ra sao chúng tôi không rõ, vì không có tài-liệu nào nhắc đến ông.



Trích Giai-Phẩm mùa Thu tập II

CŨNG NHỮNG THẶNG NỊNH HÁT

Sau khi đọc bài « Những thặng nịnh hát » của Muiakovsk

HỮU LOAN

Dưới thời kỳ Pháp thuộc
Những thặng nịnh hát nghênh ngang,
Lưng rạp trước quan Tây

Bắc vợ như thang
Chân treo danh-vọng;
Đuối vợ chúng đi
Lọt theo đầu chúng.
Bao nhiêu nhục nhằn
Nhục mất nước muôn phần,
Nhục cùng nước
với những thang nịnh hót.

* * *

Một điều đau xót
Trong chế-độ chúng ta
Trong chế-độ Dân-chủ Cộng-hòa
Những thang nịnh còn thênh thang đất sống.
Không quần chùng, áo thụng
Không thang đàn bà,
Nhưng còn
thang lưng,
thang lưới.

Những mồm
không tanh tươi,
Ngậm vôi đu đủ
Trợn mắt
Phùng mang
Thò vào rốn cấp trên :
« Dạ, dạ, thưa anh,..
Dạ, dạ, em, em,.. »

Gãi cò
gãi tai :
« ...anh quên ngủ
quên ăn
nhiều quá ! »

* Anh vì nước
vì dân
hơn tất cả
từ trước đến nay. »

Chân xoa
và xoa tay
Hít thượng cấp
cứ thơm
như múi mít.

Gọi như thế là
phê-bình cấp trên
kịch liệt.

Gặp cấp trên chủ-quan
Múi như chim vỗ cánh.
Bụng phình như trống làng.
Thấy mình đạo đức tài năng hơn tất.

Như thế là chết rồi:
Quán nịnh tha hồ lên cấp
Như con gi nhà gác lên thang.
Còn muốn lên thủ-trưởng cơ-quan

Còn đi đây đi đó
Lưỡi và lưng
Lắm thăng gian khò.

Chúng nói ở đâu
Thối thóc thuế
Mục kho hàng
Phong-trào suy sụp

Nhân-dân mất cấp đang giữa ban ngày.
To cánh và to vây,
Nhưng ai không nịnh hót
Đi, mang cao liêm-sĩ con người.
Chúng gieo họa, gieo tai
kiềm-thảo,
hạ tầng...

... Còn quy là phản-động.
Có người đã chết oan vì chúng.
Vấn thiết tha yêu chế-độ
đến hơi thở cuối cùng.

*
* *

Ngụy-hiền thay
Thật khó mà trông
Chúng nó ngụy trang
Bằng tờ-chức,
Bằng quan-diêm nhân-dân
bằng lập-trường chính-sách.

Chúng nó còn thăng nào
Là chế-độ chúng ta chưa sạch.
Phải làm tổng vệ sinh cho kỳ hết mọi thăng.
Nhưng người đã đánh bại xâm lăng
Đồ bưng mặt vì những tên quốc xi.
Ngay giữa thời nô-lệ
Là người, chúng ta
không ai biết
cúi đầu.

9-1956

HỮU LOAN

LỘN SÒNG

Của Hữu Loan

Hôm nay Tuất quyết-định làm cho xong hồ-sơ đề đưa lên ty giáo-dục. Hẳn cho là sờ dī hẳn bị biên-chế (1) ra khỏi trung-đoàn cũng chỉ vì bản hồ-sơ đã làm thật thà quá. Rút kinh-nghiệm lần này hẳn sẽ làm một tập hồ-sơ có thể gọi là « căn-bản », có tính chất định đoạt địa-địa-vị công-tác của hẳn. Không phải mãi hôm nay khi cầm bút làm hẳn mới nghĩ ngay như vậy mà ngay từ khi mới bước chân vào trường hẳn đã bận tâm đến việc này rất nhiều.

Nhưng hôm nay đầu óc hẳn cũng thẳng như tất cả những cái căng thẳng hằng ngày trong gần một tháng nay đem cộng lại. Hẳn biết là hẳn sẽ làm một việc nói dối rất đê-riệu, nhưng hẳn thấy rằng hẳn cũng chỉ nói dối một phần nào chứ không hoàn toàn nói dối hẳn. Về tờ khai danh-dự trình-độ văn-hóa hẳn sẽ khai là học đệ-nhất chuyên-khoa. Khai là đậu « đít-lôm » (2) thì lộ quá mà khai là mới học đệ-tứ thì không oai. Về thành-phần xuất thân (3), hẳn sẽ khai là buôn thúng bán mẹt. Còn về thành-phần bản-thân hẳn sẽ khai là công-nhân.

Hỏi ở Đà-lạt hẳn chả là công-nhân nhà máy gạch là gì? Một diêm nứa trong bản lý-lich cũng rất quan-trọng là những « công-tác đã qua ». Nếu anh kể toàn những công-tác ở những cấp cao thì anh sẽ bị coi là một người thiếu « công-tác cơ-sở », một người mất gốc và sẽ bị coi như là một người chưa vững về lập-trường giai-cấp. Nghĩ như thế nên hẳn sẽ khai là sau cách-mạng, hẳn làm chủ-nhiệm Việt-Minh xã.

Suy nghĩ đầu vào đấy cả, chỉ còn một việc viết vào giấy mà vẫn thấy khó quá. Những câu văn nó cứ lồi thối không gọn một tí nào. Hẳn



Hình bìa cuốn Giai-Phẩm mùa Đông. Trong có bài « Lộn Sòng » của Hữu Loan

Chú-thích : (1) Biên-chế : đưng ra thì phải nơi ; bỏ ra ngoài biên-chế ; nghĩa là thải hồi.
(2) Đít-lôm : diplôme : bằng cao-đẳng tiểu-học.
(3) Thành-phần xuất thân : thành-phần bố mẹ.

viết viết xóa xóa hai ba lần. Bỗng nhiên hẳn nghĩ đến chữ ký của hẳn chưa được oai, thế là hẳn xoay ra ký. Hẳn ký đầy hàng trang giấy cũng chưa thì được một kiểu nào thật là vừa ý. Ký chán đến vẽ. Hẳn vẽ những hình vuông những hình tam-giác béo, gầy, đủ kiểu đủ cỡ, những cặp môi, những đôi má của những thiếu-nữ đã gặp. Vẽ xong hẳn lại viết những chữ Q, chữ L, chữ C hoa, quần quít quanh chữ T hoa. Khi đã đầy một trang giấy lớn hẳn lấy bút xóa đi xóa lại rất kỹ, nhất là những hình tam-giác và những cặp chữ hơi giao nhau. Xóa xong hẳn ụp tờ giấy xuống bàn xoa xoa và lại tiếp tục ký tên lên mặt còn trắng. Lần này hẳn viết : « Bí-thư chi-bộ trường cấp II N.S. » hoặc « Hiệu-trưởng trường cấp II N.S. » hay là « Bí-thư kiêm hiệu-trưởng. » rồi ký tên hẳn xuống dưới. Hẳn cố ý ngoặc chữ T sau cùng thành hình búa liềm và thay dấu « ở » bằng hình sao năm cạnh. Hẳn ngắm đi ngắm lại và thấy rất hài lòng. Hẳn nghĩ có lẽ mãi mãi hẳn sẽ giữ kiểu chữ ký rất có lập-trường này. Hẳn ký tiếp cho quen tay khi kín hết trang giấy hẳn lại xóa văt ký nhất là những chữ bí-thư, hiệu-trưởng và bí-thư kiêm hiệu-trưởng.

Tuất có giờ Việt buổi chiều ở lớp V. (1) Hợp ở huyện xong hẳn đi thẳng về trường. Trên đường đi hẳn vẫn còn nghĩ đến chuyện hợp với huyện-ủy và hẳn rút ra một kinh-nghiệm là từ nay dù có viết báo-cáo hẳn cũng phải trực tiếp với huyện-ủy thì bao giờ cũng hơn. Hôm nay nếu không có hẳn già-thích từng điềm một, giải-thích từng thắc-mắc cho huyện-ủy bằng những hiện-tượng cụ-thể thì huyện-ủy còn mắt cảnh-giác chưa chịu thấy rằng tất cả các giáo-viên trong nhà trường đều có vấn-đề cần phải theo dõi. Này nhé ! Thân là bí-thư kiêm hiệu-trưởng là con địa-chủ. Lâu là công-an ở khu Hà-nội (2) về nghỉ dài hạn. Chung là học-sinh lục-quân cũng được nghỉ vì thiếu sức khỏe. Quang thì vẫn thư-từ gửi đi gửi về cho gia-đình trong vùng địch và vẫn nhận đồng hồ, bút máy, cở xe đạp của cha mẹ gửi ra...

Giấy tờ hợp-pháp, những giáo-viên đó đều có cả, nhưng giấy tờ thì có khó gì mà không bịa ra được. Lý-do thì lại càng dễ bịa hơn...

Sau việc báo-cáo, hẳn thấy huyện-ủy tin hẳn hơn. Hẳn sẽ làm cho huyện-ủy tin hẳn thêm nữa. Trước kia hẳn vẫn thành-kiến với trường tư vì hẳn thấy khó « tiến bộ » lắm, vì chưa có việc nên hẳn phải làm tạm. Phải làm công-tác quần-chúng. Nếu được công-tác Cải-cách ruộng đất thì dễ « tiến bộ » nhất. Nhưng hôm nay hẳn cảm thấy là nhất định hẳn có cơ-sở làm ăn được. Không gì hẳn cũng có thể gây được cơ-sở để làm đà vọt cho công-tác của hẳn sau này. Và hẳn rút ra một định-lý : « Dù ở đâu, hễ khéo thì cũng cứ làm ăn được ». Và ở đây hẳn định sẽ làm ăn to...

Khi hẳn đến trường, keng cũng vừa đánh. Học-sinh vào lớp còn đang lộn xộn, ồn ào thì hẳn đến. Hẳn đi vào bàn đứng thẳng lưng mắt nhìn xuống toàn lớp. Học-sinh hẳn thì đứng lên, bàn thì còn ngồi, có những chú đang thụi nhau tranh chỗ ngồi, giằng nhau sách vở.

Chú-thích (1) Lớp V, tương-dương với đệ-thất

(2) Công-an của Việt-Minh phụ-trách ở Hà-nội nhưng đặt cơ-sở làm việc ở Hà-bình.

Hắn cho học sinh là khinh bỉ. Hắn đỏ mặt lên, quát:

— Đứng lên! Học-sinh gì đồ thiếu giáo-dục!

Vẫn còn những bộ phận lộn xộn. Hắn càng gào to:

— Đứng lên! Đồ mất dạy!

Tiếng hắn như một lát dao chém đứt mọi sự tranh-chấp. Cả lớp đứng phắt dậy.

Hắn hỏi:

— Các thầy khác vào các chú có đứng dậy không?

— Thưa có!

Hắn càng tức.

— Sao tôi vào không đứng?

— Thưa anh (!) chúng con không biết!

Câu trả lời làm cho hắn dụi mắt đi. Anh em dờ vờ ra chờ đợi.

Hắn hỏi anh em:

— Hôm trước tôi bận đi họp với huyện, giờ Việt ai dạy thay?

— Thầy Quang ạ!

— Thầy Quang dạy có dễ hiểu không?

— Bấm để ạ.

Hắn thấy thỏa thuê trong người nhưng còn muốn biết hơn:

— Tôi và ông Quang, ai dạy dễ hiểu hơn?

— Bấm ông Quang dạy dễ hiểu hơn.

Hắn gắt rinh:

— Làm sao lại như thế?

Một học-sinh đứng lên:

— Thưa thầy dạy từ đầu đến giờ ba bài rồi, con chả hiểu gì cả.

Hắn lại gắt:

— Sao lại không hiểu, còn thiếu bô ốc chú (2) ra mà nhét chữ vào nữa cơ à? Hờ?

Hắn lấy sò tay ra ghi.

Chú-thích: (1) Học-sinh gọi giáo-sư là anh, chị.

(2) Thầy giáo gọi học-sinh là chú. Theo kiểu bác Hồ gọi các Bộ-trưởng

— Tên chú là gì ?

— Là Hiếu ạ.

— Ở đâu ?

— Thưa ở xã Xuân-hóa.

Trong lớp xì-xào lo lắng.

Anh học-sinh tái mặt :

— Thưa thầy, thầy dạy cao quá, trình-dộ con chưa hiểu được.

Hắn bảo chú học-sinh :

— Cho chú ngồi xuống.

Và đồng dục :

— Dạy mà học-sinh để hiểu chưa chắc đã là giỏi, đã là đúng. Có khi vì hiểu biết nhiều nên dạy cao hơn, học-sinh kém quá chưa hiểu nổi. Chú Hiếu khi nãy nói đúng. Có những ông giáo gặp được đôi bài dễ hoặc đã học được ở đâu rồi thì dạy khá. Còn phải chờ những bài khác. Lại có khi dạy để hiểu nhưng mất lập-trường. Như thế càng tai hại cho học-sinh...

Nói chán chê, hán bắt học-sinh đem bài cũ ra, rồi câu nào ông Quang đã dạy hán đều đem bỏ lại từng câu, từng chữ.

Đến chỗ ông Quang giải-thích chữ « Huân-chương quân-công » hán không giải-thích lại nhưng hán nhất định « Quân-công » là sai, phải là « Quận-công » mới đúng.

Khi ra về học-sinh cãi nhau suốt dọc đường về hai chữ này :

— Quân-công đúng !

— Quận-công là cái dẽch gì !

— Thầy Tuất đúng.

Các chú dẫn chứng cụ-thể :

— Có lẽ thầy Tuất đúng vì làng tớ có đền thờ quan Quận-công đấy.

Một chú khác góp ý :

— Thầy Tuất không giỏi sao việc gì tỉnh huyện cũng giao cho thầy Tuất. Khai giảng, sơ kết thi đua, sơ kết học tập, đều là thầy Tuất. Các thầy khác chả thấy làm được việc gì.

Những chú khác cãi lại :

— Đậu tú-tài lại không hơn mới học đệ-nhi à ?

— Giỏi mà dạy lung tung chả ai hiểu cái gì !

Học-sinh về hết thì bốn học-sinh Căn, Thanh, Cúc, Lai lại gặp Tuất ngay ở lớp. Buổi tối có cuộc họp bất thường do Tuất triệu-tập. Đúng

nguyên-tắc ra thì bất-cứ cuộc họp nào cũng phải thông-qua chi-bộ. Nhưng Tuất lấy tư-cách là chi-ủy-viên phụ-trách hiệu-đoàn, tự ý triệu-tập một số anh em thân-tín mà hấn cho là có tinh-chất « cách-mạng » trong nhà trường, có tính-chất « ăn to ». Hấn kéo bốn anh chị em vào trụ-sở hiệu-đoàn trong xóm.

Hấn hỏi han như lo lắng đến anh em lắm :

— Ăn uống gì chưa ?

— Chưa.

— Tôi cũng chưa, họp xong ta ra chợ ăn cũng được chứ ?

Bắt đầu họp hấn tuyên-bố :

— Trước khi vào vấn-đề, tôi nêu lên hoàn-cảnh anh Thanh và anh Cấn.

Hai anh là học-sinh khá nhất trong trường nhưng cả hai đều là bần-cổ-nông. Ngày nào hai chú cũng phải đi cắt bồi hoặc vào rừng lấy củi bán buổi sáng, để có thể đi học buổi chiều và hấn hỏi :

— Chúng ta nghĩ sao ?

Như sợ có người trả lời mất nên vừa hỏi xong hấn nói luôn :

— Theo tôi thì nên trích quỹ nhà trường ra phụ-cấp cho hai chú đủ ăn, còn hai chú thì từ mai phải lên đây làm việc cho hiệu-đoàn. Việc này tôi sẽ chịu trách-nhiệm đưa ra chi-bộ và hứa là thế nào cũng xong. Ta phải đề-cao « Tinh yêu giai-cấp » của chúng ta.

Cúc và Lai đều lấy làm kinh phục lập-trường cao độ của Tuất và thấy trần trụi trong lòng một thứ tình-cảm giống như là ái-tình.

Cấn và Thanh đều rơm rớm nước mắt. Hấn hỏi mọi người :

— Anh chị em thấy thế nào ?

Cúc và Lai đồng thanh :

— Đồng ý nhất rồi còn gì !

Cấn và Thanh nghẹn ngào :

— Theo ý chúng em thì không nên. Làm như thế sợ anh em nói cho.

Tuất gạt đi :

— Các chú gàn lắm. Có tôi, không lo. Và lại nhà trường có chế-độ học-hồng. Có thể coi đó là học-bổng thôi.

Hấn nói sang cuộc họp :

— Việc chính hôm nay là việc này...

— Việc gì đấy anh ?

— Bây giờ các anh chị em làm thế nào thu-thập hộ cho những tờ sách ghi danh-sách học-sinh của toàn trường ta hai năm trước đây.

— Dễ lắm, cứ lấy ở anh Thân là đủ cả. Anh Thân vừa bí-thư vừa hiệu-trưởng...

Tuất lắc đầu :

— Không được, nhất thiết không được lấy, không nên lấy ở anh Thân. Anh em không ai hiểu gì. Hẳn tiếp :

— Cần lấy cả sổ sách thu học-phí của quản-trị nữa.

Thanh phát-biểu :

— Cái này hơi khó. Vì trong hai năm trước đây nhà trường thay đổi đến 4 người quản-trị.

Tuất gơ tay xua xua :

— Không khó gì hết. Chỉ việc phân công nhau ra đến nhà từng người, chơi hay là giả công việc gì đó, tùy cá-nhân phát-triển sáng-kiến.

Hắn sực nhớ lại :

— À quên, còn việc này quan-trọng nữa, nghĩa là còn cần ăn cấp cho được những sổ tay của những anh quản-trị nữa.

Anh em hơi tò mò muốn hỏi rõ. Hẳn bảo :

— Cứ làm đi, sau sẽ biết.

Hắn nhấn mạnh :

— Cần nhất là phải giữ bí-mật ! Không thể nào cho người thứ sáu biết được.

Xong đó 5 người quay vào bàn kế-hoạch và phân công phụ-trách vạch chương-trình làm việc, vạch thời-khóa-biểu và địa-diểm họp sẽ không ở một xã, có thể ở xã này hoặc xã khác trong huyện. Thời hạn là trong hai tháng phải làm xong vừa đi học vừa tranh-thủ làm.

Tan hội-ng nghị đã muộn lắm. Cần và Thanh ở gần ra về. Tuất, Cúc và Lai ngủ lại trụ-sở. Tuất ngủ giường bên này, Cúc và Lai ngủ bên giường bên kia. Hai bên nằm nói chuyện chớ sang nhau.

Đầu tiên là chuyện tình duyên Hai cô kể trước :

Cô nào cũng kể là mình đào-hoa, hồi làm cán-bộ phụ-nữ tình, anh nào cũng đề ý chết mệt, nhưng hai cô thì cứ phớt lờnh. Các cậu đảm tuyệt-vọng. Người thì xin đi công-tác Bình-Trị-Thiên, người thì vào bộ đội, người xung-phong đi Việt-Bắc.

Cúc hỏi Tuất :

— Anh Tuất có biết Vinh không nhỉ ? Vinh ở dịch-vận ấy mà ?

Giọng Cúc như mền tiếc :

— Ba năm rồi !

Lai cũng hỏi Tuất :

— Anh Tuất có biết Dũng ở tỉnh-đội không nhỉ ? Dũng cao cao, da thật trắng ấy ?

Câu chuyện tình duyên làm hẳn nghĩ đến đời riêng hẳn. Suốt mấy năm trong hộ-đội, nhất là trong phong-trào « nhận đỡ-dầu bộ-đội » anh em được các mẹ nuôi xây dựng rất nhiều. Còn về phần hẳn thì ngay cô Chén con gái bà mẹ đỡ-dầu hẳn cũng nhất định không chịu lấy hẳn mà chỉ nhoven nhoven cái mồm nhận là em gái. Rõ thật sốt ruột. Nhiều người cho là hẳn « khô » lắm. Nhưng thật ra hẳn chả khô chút nào. Hàng đêm, hàng ngày, không mấy lúc là hẳn không nghĩ đến chuyện đàn bà. Chỉ có ngoài mặt thì hẳn hay làm ra vẻ « tinh-thần cao ». Ai hỏi sao không lấy vợ thì hẳn bảo : « Độc-lập xong ! Cả toàn dân đang kháng-chiến, mình nghĩ đến chuyện riêng sao được !!! » Và khi hẳn làm tổ-trưởng ở đơn-vị, vô phúc có cậu nào xin phép về hỏi, hay là cưới vợ, nhất định hẳn không cho. Trong cuộc họp hẳn còn quy cho một lô là « thiếu chịu đựng trường-kỳ gian-khò ». « cầu an hưởng lạc ». Nhưng khi bị biến-chế trong thâm-tâm hẳn cũng có phần vui là hẳn sẽ có dịp về nhà lấy vợ mà không bị ai quy gì cho hẳn như hẳn đã quy cho người khác. Lúc nói vào đây hẳn định kiếm một nữ-sinh nào trong trường có đủ những điều-kiện tối thiểu là : đẹp, có văn-hóa, lại tự-túc được, thì hẳn sẽ « xây dựng ». Nhưng từ khi về, trông ngong ngóng hàng ngày cũng chả thêm được cô nào khác ngoài Cúc và Lai. Hai cô này phải cái vừa lùn vừa xấu. Được cái hai cô đều con phú-nông có ruộng và hồ riêng cả. Lấy hai cô này thì tha hồ mà đi công-ác. Lại có hy-vọng thỉnh thoảng được tiếp-tế tiền, đồng hồ hoặc bút máy. Hẳn cũng nghĩ đến cô Quý, cô Quyên trong xóm. Quý thì đẹp nhưng lại đã có một đời chồng, không lẽ trai tân lại lấy thừa. Quyên còn con gái, có gánh hàng xén nhỏ nhưng lại kém văn-hóa... Hẳn nghĩ liên miên.

Cúc hỏi hẳn :

— Còn anh Tuất từ trước đến giờ đã có đám nào chưa ?

Hẳn cũng kể cho hai cô nghe chuyện tình duyên của hẳn. Đại để giống chuyện hai cô. Nghĩa là hẳn đi đến đâu tất cả con gái đều chú mục, đều ve vãn hẳn. Có cô nào hẳn sát sạt nhưng hẳn cũng phớt lờ.

Hẳn nhồm dậy, đánh diêm đốt đèn đưa bức thư của Chén cho hai cô xem. Hai cô tò mò xúm vào đọc : «... Khi nào đi công tác, mời anh ghé vào chơi, mẹ em và em mong anh lắm...»

Khi hai cô đọc xong, hẳn chậm rãi :

— Chén mới mười chín tuổi, xinh và ngoan lắm, một hai xây dựng với mình, nhưng phải cái xa quá. Mãi phủ Thiệu l...

Sau chuyện tình duyên, họ chuyển sang chuyện các giáo-viên. Hẳn hay nhờ hai cô này đi lấy tình-hình các giáo-viên qua miệng gần 300 học-sinh trong trường. Tất cả những chi-yện đời tư của mấy ông giáo hẳn đều rõ hết. Đến chỗ nào hẳn cho là có vấn-đề hẳn lại vùng dậy đốt đèn ghi v o số tay...

Quá nửa đêm lâu ba người mới đi ngủ. Người nào ngáy cũng to, cũng đều nhưng không ai ngủ cả. Tuất đưa tay sờ hai bên giường. Thấy rộng quá và lạnh quá. Bỗng hần nhớ một hôm hội-nghị ở xóm Quyết-Thắng, trời bức, Lai xăn quần để ra một cái đùi rất to và rất trắng. Thề-khối và màu trắng của chiếc đùi ám ảnh hần suốt đêm. Mấy lần hần định dậy làm một việc thật thà với hần trong đêm tối nhưng rồi lại thôi.

Sáng mai thức dậy người hần nhọc phờ.

Hần tự chửi là đồ ngu. Nhưng rồi lại tự an-ủi :

— Còn chán đ p !

Chiều thứ bảy nào Tuất cũng hát các giáo-viên tự phê (1) Lần này không khí có vẻ căng nhất. Xuýt nữa xảy ra đánh nhau. Khi tan họp ra về, các giáo viên ông nào, ông nấy còn tức sôi sùng sục và tiếp-tục trao đổi như cãi nhau trên đường về :

— Dạy mà ức như thế này thì thôi mẹ nó đi còn hơn !

— Từ hồi « nó » về cái trường này thật là bết như tương.

— Kiểm-thảo gì mà làm kiểm thảo thế ! Thà là kiểm-thảo về chuyên-môn, về tác-phong giáo-viên đối với học-sinh nó lại đi một lễ. Chuyện gia-đình người ta, chuyện bấp núc của từng người từ đời cổ kiếp nào cũng móc ra để kiểm-thảo. Vợ chồng người ta chửi nhau, người ta to tiếng với bố vợ thì động hệ gì đến nó ?

— Chuyện riêng của tao hần đem đi nói xuyên-tạc giữa anh em học-sinh, hôm nay tao tha giã cho là may !

— Thăng ấy chuyên-môn nói xấu anh em dề dề-cao nó.

— Bất cứ lúc nào có thể tự dề-cao được, đều không bỏ qua.

Một người lên tiếng :

A ! A ! dề tao kể chuyện thăng Tuất tự dề-cao ! Chúng mày có nhớ hôm hần phụ-trách đem học-sinh lớp bảy chuyện thóc thuế lên xã Quyết-Thắng đấy chứ ?

— Nhớ nhớ ! Thế nào ?

— Tuất về nói rằm nhà, rằm xóm là tỉnh và huyện chỉ định hần chỉ-huy nhà trường đi dân-công. Thế là cả gia-đình cứ tít tít cả lên, làm cơm rượu mời anh em trong xóm dề cho hần lên đường đi phục-vụ ..

Họ này lên cười ha ha :

— Trời ơi là trời ! Đi 7 cây số mà cũng tiến với chả tiến chân !

— Ấu xong hần đội mũ, lên ba-lô, bắt tay mọi người. Ai cũng chúc hần đi cho « chân cứng đá mềm ». Mẹ hần nhìn theo rơm rớm nước mắt..

(1) Tự phê-bình.

Họ lại cười rú lên.

— Trong khi đi qua xóm, hẳn còn rẽ vào từng nhà, chào đê đi. Ai hỏi đi bao lâu, hẳn trả lời « chưa biết », vì không có lý tiền đưa như thế lại chỉ đi có một ngày, trên con đường dài là 7 cây số ? Rồi thế nào các cậu có biết không ? Xong ngày chuyề; thóc thuê, hẳn phải ở luôn ăn cơm trọ ở nhà trường nửa tháng sau mới về xóm...

Anh em tru lên :

— Đúng rồi ! Đúng rồi ! Hồi ấy hẳn trọ lại nửa tháng thật. Minh lại cứ tưởng...

— À ra thế ! Kề cũng lắm công đấy chứ !

Họ nhắc lại cả những chuyện hẳn dạy dứt « quân-công » thành « quân-công » ; đến chuyện hẳn bê nguyên văn sử Trần trọng Kim ra dạy ; đến chuyện hẳn đi hỏi lóm mỗi người một ít, để về soạn những bài sử không có sẵn trong sách Trần trọng Kim.

Họ biết cả chuyện hẳn khai gian lý-lich : học đệ-nhị (1) khai là tú-tài hồng ; làm nhà máy gạch có hai ngày phòng tay không chịu được phải xin thôi thế mà dám khai là thành phần công-nhân ; mẹ lấy tiền địa-chủ về buôn rợ giàu sụ thì khai là buôn thúng bán mẹt...

— Thăng ấy vừa ngu vừa khốn-nạn. Hẳn khéo toa hót với huyện-ủy đến nỗi, huyện chỉ nghe hẳn ! Thăng hẳn đấu tranh rất nhiều với huyện nhưng cũng chưa đâu vào đâu.

— Phải cái thăng Thân liên-quan (2) nên nói huyện nào tin.

Họ chạy từ chuyện Tuất sang chuyện Cúc và Lai :

— Lại còn hai cái con trời đánh Cúc và Lai nữa. Hai đứa tính tình giống thăng Tuất như đồ khựa, cứ hơi tý là « lập-trường tư-tưởng », là « lập-trường giai-cảo ». Tất cả mọi chuyện đều do cái « bộ ba » ấy phát ra hết.

Một ý-kiến đê-nghị :

— Phải cho thăng Tuất lấy một, trong hai đứa ấy !

— Ấy, một hôm thăng Tuất nó hỏi tao : « Giữa Cúc và Lai theo ý cậu thì ai hơn ? .. »

* * *

Cần, Thanh, Cúc, Lai, dưới sự chỉ đạo của Tuất làm việc và họp hành liên miên. Sau hai tháng, Tuất đưa vấn-đề ra trước toàn thể chi-bộ. Hẳn lấy làm nãn neuyện về kết-quả đã thu được và trước khi vào họp, hẳn đã tuyên-bố với anh em chắc nịnh-nịch như danh đóng cột « chuyện này, ngoài chuyện

(1) *Deuxième année.*

(2) *Liên quan ; có quan-hệ gia-đình với địa chủ*

phải đền hai triệu rưỡi cho nhà trường. Thân còn phải tù là đàng khác!»
Câu chuyện nổ như quả bom; anh em nghe ai cũng hoảng. Từ trước, chưa ai hề nghĩ rằng trong nhà trường lại có thể có một vụ án lớn đến như thế.

Ai nấy đều chờ đợi chưa hiểu đầu đuôi ra sao. Thân lại càng hoang mang.

Bắt đầu Tuất đưa ra hai diêm: Diêm thứ nhất là suốt trong hai năm. Thân hoặc vì đi dạy muộn, hoặc vô trước giờ, hoặc bỏ giờ không dạy (vì Thân đau dạ dày nặng, ốm luôn, nhất là mùa rét) trung-bình mỗi ngày bỏ một tiếng. một tháng 24 tiếng, một năm 240 tiếng, hai năm 480 tiếng. Mỗi giờ dạy, học-sinh phải trả cho 1 lô (1) gạo. Như thế là trong hai năm 480 lô gạo học-sinh phải trả không cho Thân.

Diêm thứ hai là Thân khi cần tiền tiêu vẫn lấy quỹ nhà trường tiêu, hàng tháng khi nào lĩnh lương mới trả lại.

Tuất đề cho hội-nghị góp ý-kiến đưa thêm hiện-tượng rồi đồng ý kết:

Hai hiện-tượng này chứng tỏ là đồng-chí Thân đã tham-ô của học-sinh, của quỹ nhà trường, nói chung là đã tham-ô.

Hắn hất hàm hỏi Thân:

— Đồng-chí Thân nghĩ thế nào?

Anh Thân đứng lên nhận là đúng.

Tuất nêu lên diêm thứ ba mà hắn cho là « mấu chốt » của vấn đề. Hắn dẫn chứng tổng-số học-sinh trong hai năm, số tiền học-nhĩ 1 bao nhiêu, tiền chi đi hết bao nhiêu, còn lại bao nhiêu và tuyên-bố:

— Số học-sinh là thế, thu là thế, vậy thì vì lẽ gì mà quỹ hụt hai triệu rưỡi? hai triệu rưỡi đi đâu?

Sau khi anh em thảo-luận Thân phát biểu:

— Đồng-chí Tuất mới dạy trường tư lần đầu, đồng-chí chưa hiểu một số quy luật của nó. Đồng-chí không biết rằng mới khai-giảng học-sinh bao giờ cũng đông nhưng càng ngày càng ít đi, cuối niên-khóa có lớp không còn học-sinh nào: đồng-chí tưởng cứ có bao nhiêu học-sinh là cả bấy nhiêu đều đóng tiền sòng phẳng.

Tuất cắt ngang:

— Hai diêm trên đồng-chí đã nhận là tham-ô, không lý-do gì diêm thứ ba đồng-chí lại không nhận.

Cúc và Lai đều phụ họa ý-kiến của Tuất.

Thân cười khà:

— Không có một luật-lệ nào lại bắt rằng cứ hề nhận 2 diêm trên là phải nhận diêm dưới.

Tuất vắng tục:

— Tôi khinh hắn đồng-chí. Tôi muốn nhờ vào một đồng-chí Bao nhiêu anh em làm việc suốt hai tháng nay, lấy tài-liệu đã đầy đủ, không lý do sao sai mà một mình đồng-chí lại đúng.

(1) Số tiền tương-đương với 1 kilo gạo.

Thân cười khây :

— Thường thường đa số đúng, nhưng cũng không phải là đa số lúc nào cũng đúng.

Hắn đuối lý :

— Hai diềm trên đã nhận thì diềm thứ 3 phải nhận. Không phải một mình tôi. Đồng-chí Cúc và Lai cũng đã đồng ý như tôi.

Hắn lừ mắt nhìn mọi người, nhất là Cần và Thanh.

Hắn như mở cờ trong ruột khi Cần dơ tay nói :

— Trong hai tháng, anh Tuất bảo em với anh Thanh thu thập tài-liệu về vụ này, nhưng em thấy đồng-chí Thân nói đúng. Nói gì ai, ngay như em mà 4 tháng nay chưa đóng học-phí.

Tuất ức lên đến cò. Thanh giơ tay xin nói. Tuất nóng lòng chờ đợi.

Nhưng Thanh chỉ nói vồn vắn :

— Em cũng đồng ý với đồng-chí Cần.

Tuất như muốn ứa máu mồm. Thân thì cảm thấy rằng ở đời cũng còn nhiều người tốt.

Hội-nghị bàn cãi xôn xao rất lâu. Sau cùng Tuất vẫn là thiểu số. Hắn rất bất bình nhưng khi đề ra kỷ-luật : « đồng-chí Thân thấy mình đã phạm hai khuyết-diềm trên, đề-nghị hạ-tầng từ bí-thư xuống đồng-chí thường », thì hắn cũng hơi thỏa-mãn vì như thế là cái diềm « cũ-bản » hắn đã đạt được. Dù sao hắn thấy còn cần tranh-đấu đề đưa vụ này ra công khai tuyên-bố cho toàn thể học-sinh biết, và hắn đề-nghị như thế.

*
* *

Huyện-ủy tạm chỉ-dịnh Tuất làm bí-thư chi-bộ. Công việc đầu tiên của hắn, sau khi nhận chức này là bỏ phụ-cấp của Cần và Thanh. Hai anh phải thôi học. Một thời-gian ngắn sau, hắn lại được điều đi Cải-cách ruộng đất. Hắn cảm thấy rằng số hắn toàn gặp thời. Nguyên-vọng của hắn là được đi Cải-cách ruộng đất, một công-tác quan-trọng số 1, chỉ có ở đó mới dễ lên cấp, lên chức. Hắn chắc thế nào cũng sẽ làm ăn được to hơn. Và hắn thấy trong thời-gian ở trường hắn đã chuẩn-bị khá tốt cho công-tác sắp tới. Nay mai hắn sẽ thêm vào lý-lịch hắn, chỗ cột « những công-tác đã qua », công-tác bí-thư C.B (1), một công-tác cơ-sở giá-trị vào bậc nhất. Hắn chỉ còn mỗi một điều hận là thời-gian ở trường hắn chưa « xây dựng » được gia-đình. Nhưng hắn có một ý nghĩ rất đúng lập-trường : « Sau Cải-cách ruộng đất vàng thau không còn lẫn lộn. Khối chi em bần-cổ. Nhất định thế nào cũng xong ! »

Trước khi đi hắn lên chào huyện và nhắn mạnh với huyện-ủy nên đặc-biệt chú-ý theo dõi các giáo-viên, đề-cao cảnh-giác. Hắn nói :

— Tôi chắc chắn tại chúng nó thế nào cũng là một tổ « dịch ». Đấy rồi các đồng-chí xem. Tôi mà còn ở một thời-gian nữa thì thế nào cũng ra chuyện.

HỮU LOAN

(1) C.B. : Chi-bộ.

SĨ NGỌC

Sĩ Ngọc họ Nguyễn, năm nay chừng 43 tuổi là một họa-sĩ nổi danh ở trường Mỹ-thuật Hà-nội. Ông nổi tiếng về môn vẽ chân dung phụ-nữ trên lụa. Hồi còn là sinh-viên ông kết duyên với một cô bạn đồng-học người I-pha-Nho, có quốc-tích Pháp, yêu nhau vì nét, trọng nhau vì tài, nhưng hồi đó chính quyền Pháp ở Đông-Dương không công nhận nước hôn-nhân Việt-Pháp đó và hết sức cản trở, nên cuộc tình duyên bị đứt đoạn.

Năm 1956 ông tản-cư về Thanh-hóa, tham-gia kháng-chiến trong bộ-đội của tướng Nguyễn Sơn, và sau khi Nguyễn Sơn mất chức, ông lui về ở quê quán với các anh em văn-nghe khác ở làng Quần-tín và năm 1952 ông bị triệu lên Việt-Bắc.

Sĩ Ngọc là một họa-sĩ có những nét họa rất sắc, và khi ông vẽ thì ông đừ đôi mắt lại, méo hẳn mặt nhìn người đó như thời-miên để gột cho hết tinh thần. Điều đó chứng tỏ ông có khả-năng tập-trung nhận-xét đến cao độ. Trong những bài văn ông viết, chúng ta cũng nhận thấy cái thuật ấy và nét bút sắc cạnh mà ông dùng trong họa cũng như trong bút chiến.

Bài đầu tiên ông viết là bài ông đã kịch Trường Chinh và chế ông này dốt mà dám phê-bình về hội họa đang trong tạp-chí Sáng-Tạo số 4 xuất-bản năm 1951 ở Liên-Khu IV.

Hiện nay ông bị xếp vào hạng phản động đầu sỏ và tất nhiên phải đi công-trường. Chúng tôi giới-thiệu ông bằng hai bài trích sau đây để các bạn đọc thử-ởng thức cái giọng văn bút chiến của ông.



Trích Giai-Phẩm mùa Đông

LÀM CHO HOA NỮ BỐN MÙA

CỦA SĨ NGỌC

... Tác-phẩm nghệ-thuật là hoa, nghệ-sĩ là người trồng hoa, chế đó là đất.

Nhưng không phải có đất rồi là ra lệnh cho hoa nở. Đất phải dạn cho nhỏ, phân tro tốt, mưa nắng đều hòa, chọi giống tốt và ươm cho khéo. Phải

ở bàn tay của người trồng hoa có nhiều kinh-nghiệm và kỹ-thuật điều-luyện. Phải để cho người trồng hoa thơm cho nở nhiều lần rồi hãy chọn. Đừng bấm hoa ngay từ khi chưa mọc. Đừng chỉ thích hoa này hoa nọ. Đừng bắt người giồng hoa uốn cành, bẻ lá theo ý mình. Đừng để cho hoa héo sau khi đã nở. Đừng để cho người trồng hoa đói, rét, không có hạt giống, không có cuộc sống, không có nước tưới.

Đừng chỉ thúc hoa nở khi cần dùng nó cấp thời. Hoa phải nở bốn mùa, lúc nào cũng nở.

Một tác-phẩm văn-nghệ có kết-qua khi nào nó là kết tinh của một bộ óc, trái tim của người nghệ-sĩ. Nó không thể nào tốt và này nở khi nó bị chi-huy bởi một bộ óc hay một trái tim khác.

Trước hết phải tạo cho nghệ-sĩ một bộ óc và một con tim có đủ khả-năng độc-lập để có trách-nhiệm với cuộc sống. Ít lâu nay cuộc tranh-luận về văn-nghệ và chính-trị đã làm cho mọi người hiểu rõ vấn-đề hơn. Nhưng vẫn còn một số người chưa thấu rõ vấn-đề trách-nhiệm của nghệ-sĩ nên vẫn còn đem nhai lại một số lý-luận mát-xít : văn-nghệ phải phục-vụ chính-trị ; văn-nghệ phải có lãnh đạo, phải phục-vụ công nông binh v.v... Và cụ Mao đã nói, cụ Lê-nin đã nói v.v... Chà kể lại nhắc tới câu diễn-hình của một nhân-vật của Vũ trọng Phụng là « Biết rồi, khổ lắm, nói mãi ». Biết rồi từ bao năm nay những lý luận ấy, biết rồi từ bao năm nay nên hầu hết các văn-nghệ-sĩ mới tham-gia kháng-chiến, đã phục-vụ công nông binh, tự nguyện theo sự lãnh đạo của Đảng Lao-Động. Đề-nghị xin nói cái khác. Đề-nghị xin nói về cách lãnh đạo như thế nào cho văn-nghệ phát-triển tốt chứ không có nói là xin thôi đừng có lãnh đạo nữa. Sự đòi hỏi hiện nay của nghệ-sĩ để có một trách-nhiệm với xã-hội là vì đã có những quan-niệm sai về chính-trị lãnh đạo văn-nghệ. Một người bạn tôi có nhận làm một bức áp-phích cho một cuộc Triển-lãm của một đoàn thể. Sau khi nhận được ý chỉ đạo anh bạn bèn đem nhiệt tình và cảm xúc của mình với phong-trào của đoàn-thể ấy mà làm một cái phác thảo để đưa cho ban phụ trách Triển-lãm. Ban phụ-trách Triển-lãm bèn đưa cho bày ông cấp thường-vụ duyệt. Anh A có ý-kiến thêm cái này, anh B lại bảo bỏ và thêm cái khác, anh C bảo nên đổi màu này thì hơn, anh D bảo nên vẽ như cái ấy của Liên-xô, anh E bảo nên cho người này giơ tay cạnh người này, anh G bảo nên cho cười, anh H bảo phải thêm cương-quyết. Anh bạn tôi thấy các dự kiến của mình đều bị đảo lộn. Phải làm lại phác thảo theo dự kiến của nhiều người phác. Làm như thế đến ba lần, đến khi phác thảo hoàn toàn mình họa cho ba bày hai mươi một lần ý-kiến khác nhau kia. Còn dự-kiến của họa-sĩ thì hết sạch. Anh bạn thấy bức lảm định không làm nữa nhưng vì muốn phục-vụ thì ít mà vợ con túng thiếu thì nhiều nên phải làm vậy. Ấy. đại để cái lối thói của việc liên-quan giữa chính-trị và văn-nghệ như thế. Đừng ai nói nữa rằng đó là chuyện tham-gia ý-kiến cá-nhân mà thôi. Không, ý kiến ấy không hề tuyên-bố là bắt buộc nhưng không làm theo thì khổ mà làm nổi. Tôi đã phải thôi một số tranh đặt vì tôi không làm theo được thế nên người ta phải tìm người khác để bảo hơn. Những chuyện như vậy là nhiều lắm, thành tác-phong phổ-biến của cái mệnh danh là chính-trị lãnh đạo văn-nghệ Nhưng thực ra chỉ theo kiến-thức chính-trị có hạn định và ý thức

chủ-quan của một số cán-bộ chính-trị. Ở gần Trung-ương còn nhẹ, chứ ở các địa-phương, còn lối hơn khi mà nghệ-sĩ công-tác ở cơ-quan đoàn-thể nếu không triệt-đề theo ý-kiến của phụ-trách, nếu muốn có phần mình vào đó thì chỉ còn cách ngồi kiêu-thảo về ý-thức tổ-chức, tư-tưởng tự-do vô-chính-phủ, muốn thoát-ly lãnh đạo, bị ảnh-hưởng nghệ-thuật tư sản v.v... luôn có sẵn cách loại mủ tiến bộ để bắt người nghệ-sĩ phải theo ý mình. Đó là còn rầy rớt tác-phong lãnh đạo nghệ-thuật của giai-cấp phong-kiến khi chúng bắt nhân-dân làm đền-đải và tổ-diêm cho chúng.

Theo chủ-quan, tôi chưa hề thấy những bạn đồng-nghiệp nào của tôi có ý muốn không phục-vụ chính-trị, nhưng đều lên tiếng phàn nàn về sự áp-chế nghệ-thuật của những cán-bộ phụ-trách mình. Những cán-bộ ấy tưởng làm một cách ngây ngô là cứ lập-trường và quyết tâm của họ là cái gì cũng xong, cũng biết cũng lãnh đạo được.

Muốn lãnh đạo cái gì cũng phải biết cái đó : Đó là tác-phong lãnh đạo cách-mạng. Phải hiểu nông-thôn mới lãnh đạo được nông-nghiệp, phải hiểu thành-thị mới lãnh đạo được công-nghiệp, phải hiểu nghệ-thuật mới lãnh đạo được văn-nghệ. Quan diêm « thành-phần chủ-nghĩa » đã làm cho một số đồng-tưởng lầm rằng cứ là thành phần công-nông, thì cái gì cũng làm được. Họ đã đánh giá sai sự giác-ngộ chính-trị của người nghệ-sĩ và không biết thực-tế của Việt-nam về nghệ-thuật như thế nào ?

Không thể áp-dụng mãi lối nghệ-thuật trong kháng-chiến ở không khí kiến-thiết xã-hội trong hòa-bình. Điều thứ nhất là phải trả nghệ-sĩ về cho nghệ-thuật. Cần phải mệnh dạn giải-phóng họ ra khỏi chế-độ công-chức, ăn lương theo cấp bậc, ngày làm số giờ quy định. Cần phải giải-phóng họ ra khỏi những bộ máy nặng nề biến họ thành những người ký thạo công-văn, điện-văn, giải quyết các việc linh tinh, việc hủ hóa tham-ô, việc lãnh đạo sinh-hoạt. Cần giải-phóng họ ra khỏi không-khí của bốn bức tường quét vôi của cơ-quan, sáng cấp mủ đến sờ, tối cấp mủ về. Không thể xếp thì giờ công-tác và sáng-tác xé lẻ trong từng ngày. Không thể mỗi năm chỉ đi sáng-tác có hai tháng. Công-tác của họ là ở cuộc sống, nằm giữa cuộc sống, thâm nhập cuộc sống. Không thể thỉnh thoảng mới tổ-chức rầm rộ đoàn đi nông thôn, xí-nghiệp, cơ-xưởng v.v... có diễn-văn khai-mạc và tiễn biệt. Cần giải-phóng họ ra khỏi dẫu ốc địa-vị, cấp bậc quan cách của mọi thứ trường ban, phó ban. Địa-vị của họ ở tác-phẩm, ở việc phục-vụ nhiều hay ít.

SĨ NGỌC



Trích báo Nhân Văn

BẮT MẮN

Của SĨ NGỌC

Hiện nay có một dư-luận không đúng về phong-trào phê-bình của báo Nhân-Văn cho rằng những người viết báo ấy là một nhóm bắt mẫn.

Nói chung một số người có thẩm-quyền trong giới lãnh đạo đang cần đưa ra một nhận-định nhân-cô-lập báo Nhân-Văn và những người công-tác của báo ấy. Thậm chí cho phong-trào phê-bình của những người viết ở Nhân-Văn là phản-ứng giai-cấp (không nói rõ là giai-cấp nào ?)

Tôi là một người cộng-tác với Nhân-Văn vì cho là báo này, trong một phạm-vi rộng rãi, đã đề-cập tới những vấn-đề nóng hổi của xã-hội, của văn-ngệ, nhất là vấn-đề phê-bình lãnh đạo văn-ngệ đã mở đầu sôi nổi từ đợt học tập tháng tám vừa rồi. Phê-bình đề tiến tới: xây dựng một chính-sách, đưa mạnh phong-trào văn-ngệ như ý muốn chung của quần-chúng và của Đảng.

Theo tôi nghĩ, trong tình-hình hiện tại, muốn cho uy-tín của lãnh đạo giữ được và tăng thêm thì lại càng phải tự phê-bình thành khẩn. Không nên sợ mất sĩ-diện khi cái sĩ-diện ấy có hại cho Đảng, đi ngược lại với quyền lợi của quần-chúng. Không nên (do hữu ý hay vô tình cũng không nên) lẫn lộn uy-tín cá-nhân lãnh đạo với uy-tín của Đảng. Nếu uy-tín ấy chỉ xây dựng trên sự « không giám nghe » của mình và « không giám nói » của người khác thì cái uy-tín ấy cũng nên vứt đi.

Uy-tín của Đảng và của người cách-mạng là ở chỗ biết nghe và biết sửa.

Một số người không hiểu như thế nên cứ tìm cách lẩn trốn sự thực, sợ những lời phê-bình mạnh: tìm cách bịt miệng một số người khác để cho những người này lại bịt miệng một số khác nữa... Thực mà nói, nếu những người ở Nhân-Văn sai, tôi chắc quần-chúng bao giờ cũng đủ sáng suốt để nhận-định. Họ không dễ mắc lừa đâu. Ai dối họ, ai đi ngược lại quyền lợi của họ, họ đều biết cả.

Làm như thế một là khinh quần-chúng không biết gì hoặc là sợ quần-chúng sáng suốt nghe những lời nói đúng sự thật. Làm như thế là không tốt.

Nhưng nếu các bạn cứ thấy chúng tôi không bằng lòng cái khác của chế-độ mà muốn tìm một danh-từ nào để chỉ hiện-tượng đó thì chúng tôi không ngại tiếng « bết mần » đến như nhiều người tưởng. Bết mần ! Tại sao không bết mần ?

Ai thỏa mãn trước những sai lầm trong Cải-cách Ruộng đất hiện nay ? Ai thỏa mãn với những sai lầm khác như những sai lầm trong chính-sách văn-ngệ và trí-thức chẳng hạn ?

Tôi giám chắc chắn rằng không phải chúng ta, những người đã tham-gia cách-mạng, sống chết với cách-mạng. Chúng ta, những con người có nhiệt-tâm với nhân-dân với xã-hội, những con người biết đau xót về những sai lầm làm tổn hại đến việc xây dựng miền Bắc, đến công cuộc cách-mạng, chúng ta không thể không bết mần với những sai lầm ấy.

Chúng ta, những người làm văn-ngệ phục-vụ cho cách-mạng, luôn luôn đòi hỏi sự tiến tới không ngừng của xã-hội, chúng ta tất nhiên phải bết mần với những lực-lượng phản tiến bộ cản trở bước tiến của xã-hội. Chúng ta, những người làm văn-ngệ và văn-hóa muốn cho chuyên-môn của ngành mình

phát-triển để phục-vụ cách-mạng cho tốt, tất nhiên phải bắt đầu với những cái sai lầm làm cho văn-hóa văn-ngệ đáng lẽ phải phát-triển hơn nữa, thì bị kìm hãm lại. Bất mãn với những cái sai là chính đáng. Chỉ có kẻ nào thỏa mãn với cái sai, kẻ ấy mới là có tội.

Nếu ai nói những người bất mãn ấy là phản-ứng giai-cấp thì hỏi giai-cấp nào phản-ứng trước những sai lầm có hại đến cách-mạng ? Thiệt thòi đến nông-dân, đến công-nhân, đến trí-thức, đến cách-mạng, ai thỏa mãn ?

Bất mãn là chưa thỏa mãn với thực-tế, tất nhiên không phải là muốn quyền lợi cá-nhân-chúng ta đi ngược lại quyền lợi của quần-chúng nhân-dân. Chúng ta bất-mãn với những cái sai lầm, người sai lầm thiệt-hại cho lợi-ích của cách-mạng.

Còn đối với một số người cho chúng tôi là bất mãn vì địa-vị hay vì quyền lợi vật-chất thì chúng tôi không cần trả lời những con người thấp hèn ấy.

SĨ NGỌC



CHU NGỌC

Chu Ngọc tên thực là Chử ngọc Hồ quê ở Vinh-Yên, năm nay chừng 45 tuổi, là một nhà soạn kịch và một đạo-diễn-viên có thực tài.

Ông tham gia kháng-chiến ở Khu IV và công-tác trong bộ đội của tướng Nguyễn Sơn. Đến năm 1950 ông xin giải ngũ và lui về ở trại tập-trung văn-nghệ ở Cầu-thiền (Thanh-hóa), vừa làm ruộng vừa viết văn. Năm 1953 ông « được » đi chỉnh-huấn ở Việt-Bắc và năm 1954 được « tham quan » Cải-cách Ruộng đất ở Thanh-hóa.

Trong mấy năm kháng-chiến ông sáng-tác được một vở kịch có giá-trị, nhan-đề là « Cái Vồng » trong đó ông chế riễu một tập tục của dân quê là ngăn cấm không cho vợ chồng những người tân-cư nằm chung một giường trong nhà của mình (Bà chủ nhà bắc một cái vồng nằm giữa nhà để canh, hai vợ chồng người tân-cư nằm hai bên).

Vở kịch sau khi diễn được vài buổi thì bị cấm.

Vở kịch thứ hai của ông nhan-đề là « Xông nhà » cũng có một số phản tượng tự như vở kịch trước.

Ở đây chúng tôi xin giới-thiệu một vở kịch ngắn của ông, nhan-đề là Chúng ta gắng nuôi con. Cũng như trong hai vở kịch trước, trong vở này ông cũng đã phá những cái hẹp hòi của những người xung quanh thường phạm đến tự-do cá-nhân và tự-do tư-tưởng của con người.

Điểm khác là ở đây ông không công kích những cái hẹp hòi của xã-hội cũ, mà ông lại chế riễu cái hẹp hòi của xã-hội Bắc-Việt năm 1956. Tâm-trạng của ông biểu lộ trong câu sau cùng của vở kịch, lời ông dặn dò đứa con mới đẻ: « Lớn lên con đừng hẹp hòi con nhé! »



CHÚNG TA GẮNG NUÔI CON

Hoạt cảnh của Chu Ngọc

NHÂN - VẬT

CHỒNG : 37 tuổi

VỢ : 30 tuổi

Đây là một căn phòng nhỏ của một gia-đình cán-bộ ở ngoại-ô Hà-nội. Bàn, ghế, giường, tủ mỗi thứ một kiểu, mỗi màu, cũ kỹ rề rề: hình như chủ nhà nhặt mỗi thứ một nơi gộp lại thành cái cảnh «nội trợ» này.

Chồng là một cán-bộ của một cơ-quan Trung-ương, tuổi ngoài ba mươi, gương mặt hơi hốc hác, da mặt tái tái và hơi khô, mắt lòng trắng đã ngả vàng, đùng đục. Anh thường bận bộ quần áo công-nhân do Mậu-dịch bán giá 8.500 đ. may bằng vải xanh của nước bạn Tiệp-Khắc. Anh nhìn người hoặc nhìn vật thường hay nhìn lâu. Có nhiều lúc như không tin ở đôi mắt nữa, anh dùng tay nắn vào người, vào vật. Đầu hay gật gù. Miệng thỉnh thoảng ho một tiếng.

Vợ, trẻ hơn, táo bạo hay nói thẳng, hay lo vật và thường đem chuyện bực bội ở cơ-quan về trút cho chồng, có lúc trút cho cả những đứa con còn ngây dại. Quan-niệm của chị về cuộc sống: cứ vui, tin tưởng, chẳng tội gì gói ghém bực tức lại để thành mớ lể bộn trong lòng.

CHỒNG : Hay là... liệu đến rạp mà xem Hạng tuổi 3 trăm, ngồi sát «ê cờ-răng» cũng được.

VỢ : Lóa mắt chết đi ấy.



Hình bìa cuốn *Giai-Phẩm mùa Thu tập III*
Trong có bài «*Chúng ta găng nuôi con*»
của *Chu Ngọc*

CHỒNG : Nhưng còn có ghế dựa cái lưng.

VỢ : Dựa lưng ? Sao mà tư-sản thế ?

CHỒNG : Tư-sản ? Thế thì thôi. Nhưng tả vừa vừa chứ, có thể cũng phải chụp cái mũ (1) mới nghe.

VỢ : Chụp sẵn đề anh đừng yêu cầu nữa. Từ một trăm ngoài bái, tiền tới ba trăm trong rạp, hai vợ chồng mấy đứa con, mất hơn một nghìn (2) rồi đấy, cuối tháng có thiếu lại ăm lên.

CHỒNG : Ai ăm ?

VỢ : Anh không ăm nhưng cái mặt anh dài ra còn khô hơn là ăm.

CHỒNG : Ở nhà là ồn hơn hết, ngủ một giấc lại dờ tởn.

VỢ : Thì xem ngoài bãi vậy, mỗi người một trăm thôi.

CHỒNG : Xem ngoài bãi mỗi cò lăm.

VỢ : Em đỡ cò cho.

CHỒNG : Đừng có khi. Với lại buồn ngủ thì dựa vào đâu ?

VỢ : Dựa vào em mà ngủ.

CHỒNG : Đã bảo là đừng có khi. Chung quanh người ta phê-bình cho

VỢ : Ai làm gì mà phê-bình. Vớ vẩn.

CHỒNG : Người ta phê-bình là xem phim có nội-duang tốt lại ngủ kia.

VỢ : Buồn ngủ thì cứ ngủ, sao lại lười thôi thế nữa.

CHỒNG : Mình là cán-bộ, ngủ như thế là thiếu lập-trường.

VỢ : Sao lại lập-trường ở chỗ ngủ ấy.

CHỒNG : Buổi xem phim « Chi-huy chiến-hạm » anh buồn ngủ quá. Một ông bên cạnh cứ ghé vào tai anh, « Sao lại ngủ, sao lại ngủ, thái-dộ xem phim nước bạn lạ nhỉ ? » Anh cầm mũ đi về, ông ấy theo ra thảo-luận, và khuyên anh xem cho hết. Bỏ về giữa chừng là có ý chê phim Liên-xô. Anh đành phải quay vào ngồi cho đến hết.

VỢ : Thế anh có nói cho ông ấy biết như thế là mất tự-do của người ta không ?

CHỒNG : Tự-do nào ?

VỢ : Tự-do khen chê.

CHỒNG : Sao lại có cái tự do ấy nhỉ.

VỢ : Thế sao anh lại ngủ ?

CHỒNG : Ở ở... à à mấy ngày họp liên rồi liên-hoan giữa bãi, gió hiu hiu thì ngủ chứ còn sao nữa.

VỢ : Phim có hay không ?

Chú-thích : (1) Chụp mũ nghĩa là gán tội cho người khác.
(2) 100 đồng miền Bắc ãn 1 đồng miền Nam.

CHÔNG : Nội-dung tốt. Nhưng mà vừa xem vừa phải cần lưới cho đỡ buồn ngủ. Lúc nào chót gạt một cái thì phải vội vàng chữa bằng cách gạt gạt vài cái ra điều là mình thường-thức. Lúc đó may quá màu ảnh lại chiếu ngay đoạn ngoài biển khơi, ánh sáng đẹp quá. Ông bạn ngồi bên thấy mình gạt gù thì ông ấy bằng lòng lắm cũng gạt gù nói nhỏ với mình : « Chết sủa ông bỏ về, có phải thiệt không nào ! »

VỢ : Thế là đêm hôm đó anh về cãi nhau với em đấy có phải không ?

CHÔNG : Vừa mệt vừa bực mình, về đến nhà vợ lại cầu nhau bảo đi đến đâu cũng chẳng nhớ đến ai, chỉ biết sung sướng lấy một mình.

VỢ : Tưởng là không thích phim cơ chứ, gạt gù thường-thức như thế còn oan nỗi gì ?

CHÔNG : Thế em vẫn cho là anh sung sướng lấy một mình ư ?

VỢ : Ở nhà này anh không sung sướng... thì em sung sướng vậy. Em sung sướng lắm : cũng công-tác, cũng học, cũng hợp, lại nuôi con, giặt rú, thời nấu.... rồi thì ở nhà phê-bình đảng ở nhà ; ở cơ-quan phê-bình đảng cơ-quan. .

CHÔNG : Thôi... thôi... anh sung sướng ; sáng hợp, chiều hợp, tối học. Về nhà quét cửa, quét nhà, quét công, đun nước, tắm cho con, xi coa la, đêm ai gọi dậy mở cửa... .

VỢ : Gớm gian-khò quá nhỉ ! Nông-dân người ta còn vất-vả khổ n kia kia.

CHÔNG : Thôi. . thôi biết rồi... ? Đi xem vậy thôi Ngoài bãi cũng được. Phim gì thế ?

VỢ : Trẻ con nó bảo đâu... « Chi-huy chiến-hạm » đấy. Chúng nó bảo buồn lắm.

CHÔNG : « Chi-huy chiến-hạm » à.. Nhưng sao trẻ con lại chê buồn.

VỢ : Thấy chúng nó bảo thế.

CHÔNG : Con nó bảo mà lại nghe ư ? Lập-trường đề đâu hử trời !

VỢ : Lập-trường nào ?

CHÔNG : Lập-trường bạn, thù. Phim nước bạn mà chê, coi chừng tư-tưởng đấy.

VỢ : Tư-tưởng làm sao ?

CHÔNG : Tư-tưởng tư-sản chứ còn làm sao nữa. Chê phim nước bạn có nghĩa là khen phim tư-sản.

VỢ : Suy diễn tài nhỉ ! Liên-xô có nhiều phim hay, song cũng có những cuốn phim không hay thì nó chê, không được ư. Biết đâu những phim ấy chính các đồng-chí Liên-xô cũng chê ấy chứ lại !

CHÔNG : Hông, hông... gọi con Thu về đây. Không biết ai xui nó thế, chắc lại luận điệu dịch đây thôi. Nó bắt đầu tuyên-truyền vào trẻ con rồi đó. Gọi nó về xem nó chơi với con cái nhà nào, phải đề-cao cảnh giác đấy.

VỢ : Nó bé, tính nó ngay thẳng, thấy thế nào nó nói thế.

CHÔNG : Chẳng qua là tại em cả thôi. Trẻ con nó còn biết thế nào là hay và không hay.

VỢ : Thôi đừng chủ-quan khinh chúng nó. Trẻ con nó cũng biết nhận xét chứ lại.

CHÔNG : Nhưng chúng phải biết đúng về lập trường nào mà nhận xét chứ !

VỢ : Lập-trường của trẻ con là ăn chơi, yêu nhân-dân yêu lao-động... yêu Bác Hồ, Bác Mao... Bác Bun-ga-nin...

CHÔNG : Yêu Bác Bun-ga-nin mà chê phim Liên-xô !

VỢ : Nó chê phim « *Chi-huy chiến-hạm* ». Nó thích phim « *Xét rõ đi tìm hạnh-phúc* » chứ nó chê phim Liên-xô đâu nào ?

CHÔNG : Con hư là tại mẹ, khen chê là phải hướng cho chúng nó. Không thể để cho chúng nó tự-do được. Coi chừng ảnh-hưởng tư-sản đấy.

VỢ : Thế anh là tư-sản hay tôi là tư-sản ?

CHÔNG : Người nào cũng có thể là tư-sản được cả. Ăn muốn ăn ngon, ở thì muốn ở rộng, cái gì cũng muốn, ước ước ao ao... Cứ đi qua các cửa hiệu Hàng Khay là đứng lại nhìn nhìn, ngắm ngắm... như thế là chớm phải tư-tướng tư-sản rồi đấy.

VỢ : Những thứ ước ao ấy những người làm cách-mạng không được dùng ư ?

CHÔNG : Lúc nào tiến sang xã-hội chủ-nghĩa đời sống đầy đủ sẽ dùng.

VỢ : Thế lúc đó có gọi những người xã-hội chủ-nghĩa là tư-sản không ?

CHÔNG : Ừ... ừ... ừ... Thôi không nói nữa. Đi xem, đi xem...

VỢ : Thưa rồi à. Thế đi xem phim nào ?

CHÔNG : Bất cứ. Miễn là đi xem. Nghĩa là không ở nhà.

VỢ : Có phim Dân-chủ Đức, lại ở mãi Đại-Nam kia. Mấy trăm bạc xe nữa.

CHÔNG : Tim xem có phim nào xem tạm tạm.

VỢ : Nghe như có nhiều phim hay các ông ấy còn om, đề chiếu cho chán những phim tiền chiến-tranh này đi đã. Giả có phim như « *Anh găng nuôi con* » thì thích nhỉ.

CHÔNG : Em thích « *Anh găng nuôi con* » lắm à ?

VỢ : Ừ thích.

CHÔNG : Thế là chết rồi !

VỢ : Sao ?

CHÔNG : (*suy nghĩ một lát*). Có vấn-đề đấy. Nhận định của tôi đúng rồi.

VỢ : Đúng cái gì kia ?

CHÔNG : Em bị tư-sản tấn-công thật đấy. « *Anh găng nuôi con* » là phim Nhật.

VỢ : Nhật thì sao ?

CHỒNG : Nhật chứ Nhật sao nữa. Một nước phát-xít chinh-phục loài người. Bây giờ đi với Mỹ, là một nước tư-bản đế-quốc.

VỢ : Thế à ?

CHỒNG : Một nước có truyền thống vô-sĩ-đạo, rất nhiều anh hùng cá-nhân, cho nên tôi kết-luận rằng văn-hóa của nước ấy là văn-hóa tư-sân.

VỢ : Ghê nhỉ ? Nhưng còn thiếu.

CHỒNG : Thiếu gì nữa ?

VỢ : Người Nhật... lùn nữa chứ lại. Và lần đầu tiên nhân dân Nhật bị hai quả bom nguyên-tử của Mỹ chết mấy chục vạn người.

CHỒNG : Em đừng yên tôi nói.

VỢ : Nói như mọi hôm chứ gì. Lại cụ Mác, cụ Lê. Thôi, anh đừng làm khổ óc cụ nữa. Lý luận để áp-dụng vào thực-tế công-tác không phải để nói. Anh ăn đã chẳng được mấy hột, nói nhiều quá, phôi nó ráo đi.

CHỒNG : Nhưng mà em không được thích « Anh gắng nuôi con ».

VỢ : Sao anh lại cấm em.

CHỒNG : (*Cầm tờ báo Nhân-Dân đưa cho vợ*) Đây này, báo đảng là không cho chiếu lần thứ hai nữa. Anh đọc em nghe nhé

VỢ : (*Đứng lên*) Thong thả em chặn cho con cái gối đá, kéo nó giật mình.

CHỒNG : « Suốt từ đầu đến cuối bộ phim, người xem chỉ thấy một anh chàng say rượu, cờ bạc, cục cằn, hay đánh nhau, tính nết như một thằng điên ».

VỢ : Ý-kiến của anh thế nào ?

CHỒNG : Anh .. anh (*giật cù*) cũng thấy MẾ Lang hơi điên, uống rượu, đánh bạc, cục cằn, hay đánh nhau. Đúng đấy.

VỢ : Anh nói thật đấy chứ ?

CHỒNG : Ừ.

VỢ : Sao hôm đi xem về anh khen cơ mà ?

CHỒNG : Ai khen ?

VỢ : Anh chẳng bảo : lâu lắm mới được xem một cuốn phim...

CHỒNG : Nói như thế mà bảo là khen ư ?

VỢ : Lúc xem lưới cứ tắc tắc như thạch-sùng ấy, khen lấy khen để. Anh ngồi cạnh em, thấy em chưa kịp khen thì y như anh bực mình cho em là chậm hiểu.

CHỒNG : Nhưng bây giờ báo Nhân-Dân chê, cơ-quan của đảng nhận định cái gì là đã nghiên-cứu chán rồi. Chắc có điểm gì sai lầm nghiêm trọng lắm... mới đề-nghị cấm chiếu đấy. Mai đến cơ-quan chúng nó lại nhà mình nó truy - Khen phim gì chẳng khen lại khen phim Nhật.

VỢ : Các đồng-chí ở cơ-quan cũng khen cả đấy chứ.

CHỒNG : Bây giờ ai còn nhận nữa.

VỢ : Thì phim ấy cũng hay đấy chứ, tội gì mà sợ.

CHỒNG : Em chỉ được cái nói buống ở nhà mà thôi. Báo Đảng đã nhận định rồi.

VỢ : Ông Lam ở sở Hải-quan (1) Trung ương đấy chứ, có phải báo đâu.

CHỒNG : Nào riêng gì ông Lam, cả bà Nguyễn thị Xuân nào nữa đấy cũng viết một giọng như thế..

VỢ : Ủ thì hai người chứ bao nhiêu mà lo — Bao giờ báo Nhân-Dân viết hăng hay. Đây là ý-kiến bạn đọc cơ mà.

CHỒNG : Đứng lên như thế tức là tòa-báo đã đồng tình rồi đấy. Minh thế nào cũng bị quy là bị tư-sản tấn-công.

(im lặng một lát)

VỢ : Ai đã qui mà sợ. Chính-phủ cho phép chiếu, nhân-dân xem xướng mắt rồi. Còn chiếu em còn đi xem, đề ý làm gì đến những chuyện hẹp hòi, vụn vặt ấy.

CHỒNG : Xem thì có sao, dàn này mình lại khen kia. Bây giờ làm thế nào ?

VỢ : . . .

CHỒNG : Thế nào ?

VỢ : Chẳng biết thế nào cả. Đã rắc rối thế bây giờ không đi xem nữa.

CHỒNG : Chỉ tại em thôi.

VỢ : Tại gì tôi.

CHỒNG : Em khen lấy khen để..

VỢ : Thì đi qua cửa rạp thấy người ta xếp hàng lấy vé dài ra tận đường ấy, chắc phim phải hay mới đông như thế chứ ? Bao nhiêu người khen cả sợ quái gì.

CHỒNG : Người ta là nhân-dân thì sợ gì. Minh là cán-bộ mới phiền.

VỢ : Sao lại có cái bà Xuân, với ông Lam nào mà ác thế nhỉ.

CHỒNG : Họ ác gì ? Lập-trường người ta vững mới phê phán như thế chứ ! Chắc không phải thành-phần mìn đâu.

VỢ : Phim hay thế mà kêu rúc óc lên. Hay là bị bệnh thần-kinh thì có.

CHỒNG : Chẳng biết là có hay hà nữa, nhưng chắc là cán-bộ. Nói có vẻ lên lớp lắm.

VỢ : Biết địa-chỉ ở đâu kéo đến đâu tranh cho một chuyến cho ra lỗ. Phụ-nữ mà lại khó thế nhỉ.

Chú-thích : (1) Hải-quan là Thuỷ-quan.

CHỒNG : Chắc đâu là phụ-nữ.

VỢ : Kỳ là « Nguyễn-thị » hẳn hỏi kia mà chẳng lẽ lại là đàn ông.

CHỒNG : Chưa chắc là đàn ông đâu. Khó hơn đàn ông nhiều.

VỢ : Em chắc không phải là phụ-nữ đúng hơn.

CHỒNG : Anh đã bảo không phải nam-giới.

VỢ : Nam-giới đấy.

CHỒNG : Anh không nhận đâu.

VỢ : Phụ-nữ là phải đề ý đến Mễ-Lang. Một người chồng cờ bạc rượu chè, du-côn như thế mà thực hiện lời giới giãng của vợ, không đánh nhau nữa, chăm nom con, cố gắng xây dựng tương-lai cho con để con khỏi sa vào con đường tối tăm tội lỗi cũ, như thế là người tốt có thủy có chung đấy chứ.

CHỒNG : Ai người ta rung động làm gì những chuyện góc ngách ấy. Trái tim người ta đã thành trái tim ái nam ái nữ mất rồi.

VỢ : Chán nhỉ.

CHỒNG : Tình-cảm phi nam, phi nữ ấy còn biết rung động cái gì nữa .. Mấy cái anh làm phim Nhật ấy cũng dốt. Cho ngay Liễu-Lang là địa-hủ học lột. Cho ngay Mễ-Lang là bản-cổ-nóng, trong sạch, anh dùng, hữu ái giai-cấp, được đời về bắt rết, cuối cùng đứng lên đấu một trận có phải ông Lam với bà Xuân thích không nào.

VỢ : Phim nào cũng thế thì chán ốm.

CHỒNG : Nhưng mà để hiểu em ạ. Ở bộ óc, chẳng phải suy nghĩ gì.

VỢ : Không suy nghĩ thì bộ óc, với trái tim để làm gì ? Mình là người đã từng bị bọn đế-quốc nó thống-tị thì mình cũng thông cảm với nhân-dân một nước bị chiếm đóng chứ !

CHỒNG : Mấy người viết báo ấy nghĩ được như thế thì ngày mai mình lên cơ-quan Jã chẳng làm sao.

VỢ : Chẳng việc gì đâu.

CHỒNG : Mấy cái ông đại-diện tư-tưởng ở cơ-quan thế nào chẳng xoay, chẳng truy mình.

VỢ : Đề-nghị cho mấy ông đi học đề các ông ấy biết dùng bộ óc đi chứ !

CHỒNG : Học chưa đủ. Điều cần phải có trước nhất là sự thông-cảm. Chúng ta mới thoát khỏi vòng nô-lệ, sao không thương nhau, lại hay dấn vật hay úm nhau. M. anh nữa, sao lại không giám chống lại khi họ chụp mũ vào đầu mình. (Mặt lắt) Nay em ! mình có phải là người nữa không nữa ?

VỢ : Sao anh lại hỏi thế.

CHỒNG : Đầu là đầu của mình hay là đầu của ai ?

VỢ : Đó dần, dần chẳng phải là đầu của mình, chẳng lẽ đầu của ai chụp vào gáy vào cổ mình.

CHỒNG : Nhưng còn cái chất đặc ở trong kia mà.

VỢ : Đâu của mình thì óc cũng của mình chứ của ai nữa.

CHỒNG : (một lát) Thế thì thích nhỉ.

VỢ : Thế xưa nay anh vẫn thấy bộ óc, trái tim là không phải của anh ư ?

CHỒNG : Không... với lại có phải anh nói riêng mình anh đâu.

VỢ : Nhưng sao anh lại hỏi về đâu óc như thế mới được chứ ?

CHỒNG : Anh hỏi thế để biết rằng lâu nay anh không dùng đến cái đầu này : đến lộ ngực này. Ngũ-gian của anh chỉ dùng có cái tai, anh chỉ nghe thôi. Và cái cò đề gặt. Lòng anh chắc cũng như lòng một số người cứ thu hẹp mãi mãi, cuộc sống tình-cảm cứ lần lần mất đất. Một bộ phim nêu lên một ý-nguyện từ chối một cuộc sống cũ : đánh nhau, bịp bợm, kẻ tiêu-nhân như Liễu-Lang lại cầm vận-mệnh của tương-lai, một người tự-lực cánh anh, lao-động xây dựng cho lớp người về sau, anh tưởng đó là nguyện-vọng của người muốn cách-mạng chứ. (Một lát) Khen không giám khen, ché không giám chê, anh đã không phải là anh nữa. Bản tâm thì khen nhưng khi thấy báo Nhân-Dân chê thì sợ... Nhân-phẩm của anh lâu nay không biết còn hay mất.

VỢ : Ai cấm chúng ta không được khen chê. Có ai cấm đâu ?

CHỒNG : Chẳng ai cấm, nhưng anh có dám tin ở anh đâu. Thành phần của mình nói gì ra cũng tự cảm thấy có thể sai được cả : Tiểu tư-sản bấp bênh lắm. Ở nông-thôn thì lập-trường địa-chủ, về thành-phố dễ bị tư-sản tấn-công. Một người nói ra như thế, trăm người nói theo, thế là bách khẩu đồng ngữ, ấy thế là bất cứ mọi việc gì sự tự-ti về thành-phần cũng ngán cản cách giải-quyết của anh. Sợ sai em ạ. Đến cả em nữa, em là một người trao xương gửi thịt, ấy thế mà nhiều lúc anh cũng sợ. Anh không giám nói phim hay, phim dở. Vừa rồi anh cũng sợ chúng ta quay lại chình nhau, nên anh tự chình trước. Kề anh cũng hèn thực. Nói dối cả mình, nói dối cả vợ, nói dối cả Đảng. Chỉ ừ ào suôi chiều, thủ tiêu dấu tranh.

VỢ : Không biết ông Lam có cùng một tâm-trạng như chúng ta không nhỉ. Em tin rằng ông cũng có thể dối lòng ông. Em tưởng khi đặt câu hỏi cho cô Tuyết trong phim khi yêu Mễ-Lang : « Không hiểu yêu về nỗi gì, yêu vì hay uống rượu, cờ bạc, hay đánh nhau ». Sao không lật ngược lại vấn-đề mà hỏi ngay ở lòng mình là một người con gái phải làm trong một quán rượu muốn thoát khỏi cái cảnh không ra gì ấy để có một cảnh gia-đình êm ấm trong sạch yêu một người « không đánh nhau nữa, chỉ biết lo cho con » thì không xứng đáng hay sao, anh nhỉ. Thông-cảm cho nỗi khổ của con người, khó thật.

CHỒNG : Không nói đến ông Lam bà Xuân vội. Nói ngay đến vợ chồng mình đã.

VỢ : Thì mình cũng phải lên tiếng chứ. Tôi không tán thành ý-kiến của các ông, các bà kia mà. Sao lại không đấu tranh ?

CHỒNG : Anh đừng đấu tranh đây, đấu tranh bản thân đã em ạ, không phá tung cái lưới đương vây lòng mình lại thì không nói gì được cả.

Dù đau xót, dù có phải ~~như~~ cũng phải cố rất cho được những mắt lưới dương dăng ở cuống họng anh, để anh có thể nói thật được với em là vợ của anh, các đồng-chí ở cơ-quan, các bạn bè bà con. Anh phải phá cái hẹp hòi của anh đã. Xưa nay không nói là để khỏi phiền đến mình, để bảo-vệ mình, đó cũng là một khía của bệnh hẹp hòi.

VỢ : Thì em vẫn khuyên anh cứ nói kia mà !

CHỒNG : Nhưng mà em có dám nói không ? Em dám nói sao không dám nói ở cơ-quan. Đem chuyện về nhà to nhỏ với nhau là chưa nói được ở cơ-quan. Anh chỉ là chỗ trú thối mắc của em. Em chẳng thường nói với anh : « Thôi mọi chuyện bỏ ngoài tai, nhắm mắt lại, cốt sao có đồng lương nuôi con đã, bao giờ đây đủ sẽ đấu tranh... »

VỢ : Em nghĩ thế là khi còn kháng-chiến... phải duổi địch và đánh đờ địch đã... Bây giờ kiến-thiết rồi.

CHỒNG : Thế à, nếu thế anh sẽ nói, nói hết. Trên sai, anh sẽ nói trên sai, chung quanh sai, sẽ nói chung quanh sai, mà anh sai anh đây cao tự phê. Cái gì chưa hay thì nói chưa hay, cái gì của mình kém thì phải học, công trình lao-động nào của nhân-loại mà tốt đẹp chúng ta phải hoan-ngheh. Phải dả phá cái óc « bế quan tỏa cảng », phải làm bật gốc nó đi...

VỢ : Anh nói thì nói, nhưng phải xây dựng đấy, đừng có nói cho hà, các đồng-chí lại hiểu lầm thì lại khổ vợ, khổ con. Em chẳng lạ gì kẻ làm sai họ thường hay bảo thủ, họ bám lấy cái sai của họ. Phải coi chừng họ lại đánh những đòn ngầm, hoặc bới nhọ mình bằng cách vu khống thì khổ đấy...

CHỒNG : Nếu quả việc đời còn đến như thế thì cũng phải chịu em.

VỢ : Chịu à ! Thế còn em và các con thì sao ?

CHỒNG : Thì lại quay một cuốn phim...

VỢ : Phim gì kia ?

CHỒNG : « Em gắng nuôi con ».

VỢ : Em gắng nuôi con à ?

CHỒNG : Ừ

VỢ : Khiếp ! Đầu đến nỗi thế. Có Đảng, có nhân-dân sao lại có thể như thế được. Với lại anh cũng phải thanh-toán sự hoài nghi của anh đi. Mấy cái bài báo đó ai tin kia chứ. Người ta đọc người ta còn cười cho là đáng khặc. Em có tin đầu nào. Còn anh, anh có tin không ?

CHỒNG : Thì ai lại lạc hậu đến thế mà em hỏi.

VỢ : Thế thì các đồng-chí ở cơ-quan, bà con đã xem « Anh gắng nuôi con » ai người ta tin kia chứ.

CHỒNG : Ừ nhỉ ! Suy bụng ta ra bụng người. Cái gì dở mà bảo hay ai mà chịu được, cũng như cái hay mà bảo dở thì dù trời có bảo thì người ta cũng cười vào mũi trời ấy chứ lại. Huống hồ là hai bài báo ấy...

VỢ : Như thế anh phải tin tưởng chứ — Xem thằng con nó ngủ m sao đây này.

CHỒNG : Nó ngu ngoan-nhi (anh bắt chước giọng Mĩ-Lang) Bình ơi !
con ngoan nhé, con ngoan nhé !

CHỒNG : (Vấn tiếp tục), Bình, ngoan nhé, con ngoan nhé... Lớn lên
đừng có học hỏi con nhé !

CHU NGỌC



- Sao « trăm hoa đua nở, trăm nhà đua tiếng » mà
anh cứ làm lý và không sáng tác được gì ?
Anh cứ trông đợi tôi thì biết !

Trích báo Nhân-Vân

NHU MAI

Nhu Mai là bút-hiệu của Hoàng như Mui, sinh năm 1918 ở làng Hoàng-mai gần Hà-nội. Là con một gia-đình tiểu công-chức, ông học từ nhỏ ở Hà-nội, đỗ tú-tài năm 1943, và sau đó theo học trường Đại-học luật-khoa ở Hà-nội. Học chưa xong thì cuộc kháng-chiến đã xảy ra nên ông phải bỏ dở.

Nhưng từ khi còn là sinh-viên ông đã bắt đầu viết sách. Nguyên là một thanh niên ham mê chủ-nghĩa Công-sản, ông dịch cuốn « Les Principes du Léninisme » từ tiếng Pháp ra tiếng Việt, và tiếp theo ông viết cuốn **Đời sống Lê-nin**.

Cũng trong thời gian đó Như Mai xuất bản một cuốn kịch nhưn-đề **Tiếng trống Hạ-hối**, ngày nay vẫn còn giá-trị và vẫn thường được nhắc tới.

Năm 1946 Như Mai lấy vợ cũng là văn-sĩ, hai vợ chồng cùng gia-nhập Việt-Minh và cùng công-tác về kịch. Năm 1948 cả hai vợ chồng được cử vào Nam, hoạt-động trong ban văn-công của Đoàn quân Giải-phóng Nam-bộ trong ba năm. Đến năm 1951 hai vợ chồng lại được triệu ra Việt-Bắc, hoạt-động trong ban văn-ngệ trung-uơng cho đến ngày trở về Hà-nội. Suốt trong thời-gian kháng-chiến hai vợ chồng chỉ đóng kịch, không sáng-tác.

Về Hà-nội từ năm 1954 đến nay hình như ông vẫn sống yên lặng ở hào-chí ở Hà-nội không thấy nhắc đến ông. Nhưng thực sự thì ông có tham-gia phong-trào Nhân-Văn — Giải-Phẩm vì tình cờ, đọc bản thảo tôi của Trần Dần, chúng tôi được biết rằng bài **Thi-sĩ Mây** đăng trong báo Nhân-Văn số 5 với bút-hiệu **Châm văn Biếm** chính thực là của Như Mai. Như vậy rất có thể ông còn viết nhiều bài khác mà dấu-tên, nên chúng tôi không biết.

Bài Thi sĩ Mây là một bài mà ai cũng công nhận là có giá-trị. Tuy là một câu chuyện tưởng tượng, nhưng bài ấy cũng nói lên sự thực chưa chút trong lòng người nghệ-sĩ sống dưới chế-độ Công-sản là một chế-độ hu-trương tiêu-diệt mọi tình-cảm và biến con người thành một thứ máy sản-xuất mọi thứ theo mẫu đặt hàng của Đảng.

Chúng tôi trích bài này để giới-thiệu tác giả và giới-thiệu tâm-trạng chung của giới văn-ngệ-sĩ ở Bắc-Việt hiện nay.

Đính-chính : Trong cuốn Tâm-trạng giới Văn-ngệ ở miền Bắc xuất-bản đầu năm 1957 chúng tôi nhầm Châm văn Biếm là bút-hiệu của Nguyễn Hữu Đang. Vậy xin đính-chính lại là của Như Mai — Mạc-Định.

THI-SĨ MÁY

của Như Mai

« . Với một chiếc máy vừa đủ đôi chất để nó có thêm trí nhớ và có củ chất lý-luận, người ta có thể dùng máy để phiên dịch và viết văn .. »

(Trích báo Tô-Quốc số 41)

I

Thế nào là công bằng mà nói ở cõi đời này

Đầu năm 2000... Các báo-chí xuất-bản đều sôi nổi đáng tin tức quan-trọng về máy « viết văn » với những đầu đề « rất gân » lớn.

Tờ Công-Thức trong bài xã-luận « Nhiệt-liệt chào mừng các văn-ngệ-sĩ máy » đã giới-thiệu như sau :

« Nhờ áp dụng những khả-năng mới nhất của khoa-học điện-tử máy « viết văn » đã hoàn thành, thủa màn được nhu cầu văn-ngệ ngay một tầng của loại người. Những sáng-tác phẩm cũ, nó, vừa kịp thời, vừa minh họa đúng chính-sách, sẽ giải-quyết được mọi khốn-khuyết phức-tạp của cuộc sống.

« .. Mỗi giây đồng hồ máy đó có thể sản-xuất ra được từ 7 đến 8.000 giọng văn thơ. Nếu dùng sức bả và tâm-hồn « người » thì phải hàng ngàn văn nghệ-sĩ có một trình-độ sách vở rất cao cầm cùi h ng trăm năm mới làm nổi...

« . . Do tinh-chất nhân-văn của máy nên người ta tạo cho nó cái vỏ bọc ngoài hình dạng một anh chàng trẻ, khỏe, đẹp... chỉ khác người thật là đứng nguyên một chỗ không nói, cười, chạy nhảy, nhất là không yếu đuối lưng mạn lồi thối... »

Báo Công-Thức kết-luận :

« Chúng ta, những con người thật « cần » hợp-tác nhất trí với các người máy, cần triệt-để dùng họ vào đội quân văn-ngệ để các văn-ngệ-ĩ có thể chuyển sang các ngành công-tác khác, tăng-cường thêm lực-lượng kiến-thiết thời-đại điện-tử của chúng ta »

Hơn một năm sau cái ngày tin vui đó truyền đi, thì hàng loạt văn sĩ máy... được tung ra thị-trường. Một số cán-bộ phụ-trách về văn-chương sinh máy mọc ở một số ngành, một số cơ-quan xí-nghiệp nông-trường v v... thì nhau mua về sử-dụng. Ở những nơi đó, về văn-ngệ, máy được độc quyền số lực chèo, hđng cuộc sống bình ổn, còn lũ văn-ngệ-sĩ bằng xương bằng thịt thì bị gạt ra ngoài.

Nhạc-sĩ Áo-Huyền được cử đi học lớp nghiên-cứu nghề làm nước mắm ; họa-sĩ Lập-Thê được điều-dụng sang Mậu-dịch ; nữ-sĩ Trong-Trắng nắm bút làm nghề đờ đê. Thi-sĩ Máy-Nước ra bờ Hồ làm nghề bói Kiều, tán róc về thành-phần giai-cấp cho những người có đầu óc mê-tín dị-đoan.

Văn-sĩ Đàng-văn-Cay phải ra Chợ-Giời làm nghề bán văn, kiếm bán sấm lớp. Sấm lớp, vì cần khuyến-khích, nên được miễn thuế còn văn của Đàng-văn-Cay thì liệt vào loại hàng « vô-dụng » và phải chịu thuế 4 phần trăm. Rất ít người chịu quăng tiền ra mua. Đồi ba vị khó tính lại còn rĩa ròi : « Văn-chương anh thì ra cái đếch gì ! Không ích lợi bằng chiếc đế dép cao-su của tôi nữa kia ! » Nhà đạo-diễn Kinh-Kha được chuyển sang ngành nuôi cá vàng, mỗi khi luyến tiếc sản-khẩu, thường ngậm cá bơi lội rồi tưởng tượng con cá vẩy bạc óng à này là Điều-Thuyền, con cá đen mặt sắt nọ là Bao Công, cặp cá đuôi cờ lồi mắt kia là đôi nhân-vật tiêu-tư-sản v.v...

Tóm lại, cả một bộ phận văn-nghe-sĩ toi bời rối loạn. Ai cũng thù ghét « người máy » mới ra đời kia, nhưng ai cũng chịu thua, vì công-bằng mà nói thì « máy móc » quả là kịp thời-sự, thông kinh-sử, lại đúng khuôn phép, « tốt ăn tốt ở » hơn con người « thực » ở cõi đời này ..

II

Vì sao mà « Lãng-Quảng » nổi ghen ?

Ở nông-trường tập-thê Con-Én có nhà thơ trẻ tuổi Linh Quang. Suốt mấy năm liền, kể từ ngày nông-trường bắt đầu xây dựng Quang đã làm thơ, ca, hò, và đủ kiểu, khi duyên dáng, khi nghịch ngợm, khi thiết-tha yêu đời để phục-vụ nông-trường. Mọi bài thơ của anh đã được bà con học thuộc lòng. Nói chung anh làm việc tốt và được cảm-tình của nhiều người.

Nhưng có ưu thì cũng phải có khuyết. Cái khuyết của anh ta là hay vi-phạm luật-lệ. Giữa giờ chính-quyền, nhiều lần anh bỏ đi chơi. Khi thì đi câu với cụ Hay-Rượu để tán ma tán mánh về nhiều cái sự đời. Khi thì lê la tâm-sự với vài gã thanh-niên bàn về những chuyện tương-lai trên gò dưới đất. Khi thì trò chuyện với một số phụ-nữ ở nhóm giữ trẻ, để điều-tra cái việc tại sao đàn bà, con nít lại hay khóc như nhau. Đôi khi còn làm thư-ký riêng cho vài bà lão viết thư gửi con cháu công-tác ở tỉnh xa. Ngoài ra anh còn bữa bãi như : giấy tờ sách vở không xếp sắp ngăn nắp, tóc không có đường ngôi, áo mặc chuyên-môn không chịu cài khuy cổ ; sáng-tác thì không có chương-trình kế-hoạch. Nghiêm trọng nhất là khi yêu cô Duyên cán-bộ cơ-xưởng của nông-trường, anh không hề có báo cáo trước. Tất cả những điều trên đây làm cho trường ban nội-quy Nghiêm văn-Túc, con người rất mực khuôn vàng thước ngọc, phải lấy làm bực mình và chướng tai gai mắt. Túc thường bắt bẻ anh và gọi riếu anh là Lãng-Quảng. Cả nông-trường về sau cũng quen gọi anh bằng cái tên Túc xuyên-tạc ấy.

Ông Chủ-tịch nông-trường vốn người từng trải, hiểu rõ câu « nhân vô thập toàn », lại biết mến tài nên đối xử với Lãng-Quảng rộng lượng. Cũng

vì vậy mà trong khi có một số nơi đã mua sắm Văn-nghệ-sĩ Máy ông vẫn viện hết lý-do này lý-do khác để không chịu dùng các thứ « máy móc » đó. Ông nói : Còn khối nơi người ta không có người Máy mà phong-trào văn-nghệ của người ta vẫn lên rầm rầm.

Có lúc ông lại phát biểu : « Đồng-chí Lãng-Quảng vẫn đủ khả-năng phục-vụ nông-trường » hoặc văn thơ « máy » thì hay làm sao bằng văn thơ « người » được. Nghiêm-văn-Túc luôn luôn đối lập với những ý-kiến đó, luôn luôn đòi nông-trường Con-Én phải có một « thi sĩ máy ». Lúc thì chẳng hiểu văn-nghệ, văn-nghiếc là cái quái gì, nhưng chỉ nghĩ một cách sơ-lược là được cái gì « tốt ăn, tốt ở » ấy về thì đỡ lao-tâm tốn trí đối phó như đối với Lãng Quảng, phần nội-quy ở nông-trường tất nhiên sẽ được bảo đảm.

Túc đòi hỏi nhiều lần mà cứ bị gạt đi, bèn mưu vận động một số anh em « cùng cánh » làm kiến-nghị phê-bình ông Chủ-tịch là cảm-tình cá nhân, có tư-tưởng bao che hữu-khuynh với Lãng-Quảng, không có tinh-trần cải tiến nông-trường, thiếu tin tưởng ở kỹ-thuật hiện đại. Bản kiến nghị yêu cầu ông Chủ tịch phải cho nông-trường sắm ngay một « người máy », về thay thế Lãng-Quảng, nếu không họ sẽ kiện lên trên Ông Chủ-tịch bị dồn vào nước không đồng ý không được, nên đã quyết-nghị tán-thành, đồng thời ra chỉ-thị vấn đề Lãng-Quảng làm thơ như trước ; chiếu cố đến thành-tích cũ của anh ta.

Thế là mười ngày sau, Nghiêm-văn-Túc lên Bách-hóa tỉnh chọn lọc để mua một « thi-sĩ máy » cỡ đeo biển đăng-ký số 111.

Đêm ra mắt Thi-sĩ số 111 được tổ-chức trọng thể. Cầm-lạc-hộ treo đèn kết hoa rực rỡ như những ngày hội mùa. Nam nữ đều ăn mặc đẹp. Trước khi vào bàn tiệc, người ta thì-thào bàn tán rất nhiều về « anh ta » nhất là trong đám đàn bà con gái. Một nữ công-nhân lái máy cày khoe khoang : « Các bà chị ạ ! Em được xem mặt anh ta hôm mới khênh về rồi. Sao người « già » mà đẹp thế, đẹp hơn người « thật » chúng mình nhiều. Đôi mắt anh lại cứ nhìn em chăm chăm làm em ngượng đỏ cả mặt. »

Có Duyên, người yêu của Lãng-Quảng cũng ở trong đám ấy, muốn tỏ cho mọi người biết trình-độ học rộng của mình, cô bèn vanh vách thuật lại những điều đọc được về « Người Máy », đăng trong tờ Công-Thức.

Không một ai thèm để ý đến Lãng-Quảng nữa. Anh thất thểu đi giữa đám đông, chẳng bắt chuyện với ai cũng chẳng ai buồn nói chuyện với. Càng nghe những lời tán-tụng « Thi-sĩ Máy » lòng anh càng nặng trĩu buồn phiền.

Bước vào tiệc rượu, Nghiêm-văn-Túc dạo mào đọc diễn-văn khai-mạc với những câu văn vẻ hùng hồn như sau : « ... Chúng ta hoan-nghênh người bạn mới của nông trường và tin-tưởng tâm-hồn điện-tử của anh sẽ truyền hơi sống vào thi-ca, ngũ-hầu thức-dây chúng ta tiến mau trên con đường sự-nghiệp... » Tán đến con số đăng-ký 111, Túc nói : « Nếu đem triết-tự con số đó, chúng ta sẽ được ba con « nhất » nó biểu hiện anh bạn chúng ta có ba điều trội nhất, ấy là : nhất-nhất, đứng nhất và kỹ-luật nhất. Tôi trân-trọng đề-nghị từ nay sẽ gọi tên là anh « Ba Con Nhất » cho nó mỹ-thuật. Quay sang phía Lãng Quảng.

Túc cười đắc-trí, kêu gọi Lăng-Quảng nên cố-gắng noi gương thi-sĩ Ba Con Nhất về mọi mặt, nhất là mặt tôn-trọng nội-quy. Đọc xong diễn-văn, Túc chấp hai tay lên ngực, nghiêm chỉnh ngồi xuống; đảo mắt liếc trộm đám phụ-nữ, y thăm nghĩ: mây cũng có vài cô à cảm phục cái oai phong lắm hết của anh.

Tiếp đó, theo đúng nghi lễ, người ta mở tấm vải choàng phủ mặt để Ba Con Nhất xuất đầu lộ diện. Toàn phòng đứng dậy vỗ tay, nâng cốc, chạm cốc hoan hô ầm ầm và xuýt xoa khen bộ mặt phổng của Ba Con Nhất quả là đẹp. Người ta vịn những nút chữ sau lưng hẳn, máy chạy sẽ sẽ trong bụng hẳn. Đồi mắt hẳn lúc sáng, lúc tắt trông tưởng như nhấp nháy.

Chỉ độ phên mười một piây, hẳn đã nhả ra ở khe hở con sau gáy một tờ giấy có in bài thơ dài đắp từ. Lăng-Quảng được chỉ định lên ngâm bài thơ đó. Tiếng ngâm vừa dứt thì tiếng hoan hô lại ran như sấm, nhiều cô gái nhày căng lên. Một bà mẹ quá xúc động chạy đến chỗ Ba Con Nhất đứng dịu dàng hôn trán hẳn. Một thanh niên ghé tai Lăng-Quảng van vì mượn bài thơ đắp tờ về chép mà học.

Trong tiệc rượu, người ta vừa ăn vừa nắc nỏm khen từng chữ từng câu của bài thơ. Mấy cụ ông râu dài trầm giọng lấy đi lấy lại những câu mà các cụ cho là lý thú nhất như :

*.. Thời đại tươi vui đẹp nắng vàng
Rập rờn cờ đỏ trống khua vang.
... Buo tay lao động xây tươi đẹp
Phấn khởi nồng trường tiểu tiến hàng !*

Rồi các cụ ho sù sụ làm cho các bà cụ mồm mỉm cười, nửa tình tứ nửa thương hại. Trong khi ấy Nghiêm-văn-Túc thỉnh thoảng lại trang trọng gật gật cái đầu tỏ vẻ hài lòng và hả hê đảo mắt liếc phụ-nữ...

Lăng-Quảng thì im như cá chép, dau khò ngồi 'hu nhỏ mình lại trong bàn tiệc, cảm thấy mình bé bỏng quá, tồi tàn quá. Mọi khi trong các buổi hiếu hi, anh là cái « dính ». Mọi người tha thiết nài ép anh ngâm thơ. Mọi vỗ tay đều dành tặng cho những vần điệu du dương hay bốc lửa của anh. Mọi dò mắt đều kín đáo trao cười. Than ôi ! thời oanh-liệt đó từ nay còn đâu nữa !!! Nhưng ai-oán nhất cho Lăng-Quảng là cô Duyên xem chừng khác ý suốt tiệc rượu, cứ nhìn dán mắt vào Ba Con Nhất đáng điệu mẽ mẽ, nhiều lần đánh rơi đĩa thìa, cốc, hoặc gặp nhầm thức ăn ở đĩa người ngồi bên cạnh, Lăng-Quảng nổi ghen một cách thực thà và choáng váng...

III

Tấm hồn điện-tử của « Ba Con Nhất »

Hàng ngày... hàng ngày vào hai buổi sáng chiều, những bài thơ rút từ sau gáy Ba Con Nhất đều được Nghiêm-văn-Túc cho ngâm trước máy phóng thanh. Hết ca tụng « Máy gặt về », « Điện về », « Nước về » lại tả cảnh

« Chuông thờ mùa xuân », « Cảnh đồng mùa hạ », « Hợp-tác xã mùa thu » v.v... Bài nào cũng mở đầu bằng : « Thời-đại tươi vui ». Đoạn giữa thế nào cũng có : « Cờ đỏ... trống khua ... tay lao-động » ... Đoạn kết bao giờ cũng có mấy câu kêu gọi : « Phấn khởi !... tiến hăng ! »

Nói đến nhiệm vụ thì sao cũng nhắc nhở : « Bỏ ăn bỏ uống một ngày, nhưng không bỏ được mấy cây vịnh-quang .. » Yêu nhau thì phát triển mãi cái thú duy nhất là : « Yêu nhau dù trọn một đời... Xin đừng dẫm dưới mà rơi lập-trường. »

Tâm-hồn điện-tử của Ba Con Nhất cứ một điệu như vậy, nhạt nhẽo truyền hơi sống vào thi-ca, bao trùm mọi truyện, mọi tâm-tình, mọi cảm-nghĩ của cả rộng-trường.. Một em bé chần bò học đòi Ba Con Nhất cũng ông ông ngầu ngầu « Bỏ ăn bỏ uống một ngày .. »

Một chiều chủ-nhật Lãng-Quảng đi chơi rừng với Duyên. Có bản chuyện trời xin thì bị Duyên chính luôn : « Xem ra dẫm dưới là lời... Coi chừng kéo lại đánh rơi lập-trường »... làm cho Lãng-Quảng thờ dài sườn sượt.

Thăm thoát tới hội mùa. Nông-trường Con-Ên thu hoạch tốt, có tổ-chức mít-tinh ăn mừng thắng lợi. Chỉ trong nháy mắt Ba Con Nhất đã sản xuất được bài ca « Vụ mùa thắng-lợi » ngàn rưỡi câu. Nội-dung vẫn giống các bài cùng loại do Ba Con Nhất sản-xuất như « Ca làm cỏ thắng lợi... Ca đi săn thắng lợi... » nghĩa là vẫn : « Trời vui .. lúa vàng... cờ đỏ hát ca vang... tay lao-động... bỏ ăn bỏ ngủ, quên sao vụ mùa... phấn khởi tiến hăng... công-nông-trí kết đoàn v.v .. »

Nghe xong mọi người lại vỗ tay một cách hợp thời trang. Mấy cụ râu dài quen lệ lại lấy vài câu đề các cụ bà mỉm cười.

Lãng-Quảng lại thấy bực bội trong người, bật giậy như chiếc lò-xo, đầu ngẩng cao phát biểu : « Sao tôi đến thế ! Nhạt như nước ốc đến thế mà bà con cũng thích được à !... »

Nghiêm-văn-Túc bèn nổi giận như lúc Chúa thấy quí Sa-tăng đã kích vào con chiến của mình, bệ ý cấp tốc với một số trung-kiên đề phê phán Lãng-Quảng. Một người nói : « Đồng-chí Lãng-Quảng nặng óc địa-vị... thấy thơ của thi-sĩ Ba Con Nhất được mọi người yêu thích thì sinh ra ghen tương bất mầu ». Một người phân tích : « Đồng-chí Lãng-Quảng nói xấu hạn... phê-bình thiếu xây dựng, kiêu căng không chịu học hỏi... như thế là tư-tướng phá hoại... » Nghiêm-văn-Túc quên cả chấp tay lên ngực tràn trọng như mọi lần, vội vã lên diễn-đàn vận-động lý-luận kết tội Lãng-Quảng coi thường sự thương thức văn-nghệ của quần-chúng và phạm vào chính sách đoàn-kết giữa « người Máy » và « người thực ». Túc đề ra ý-kiến tổ-chức một cuộc đọ tài văn-thơ giữa Lãng-Quảng và Ba Con Nhất. Nhiều người giơ tay ủng hộ Túc. Túc nắm chắc phần thất-bại nhục-nhã về Lãng-Quảng và như thế là dịp tốt để đập vùi anh. Có Duyên cũng lên diễn-đàn xin có ý kiến. Lãng-Quảng hỏi hợp-đội, tin tưởng ít nhất người yêu của mình cũng sẽ bênh mình. Nhưng không ! Bằng giọng cá quyết, cô nói : « Nếu đồng-chí Lãng-Quảng thua, tôi cương-quyết sẽ cắt đường luyện ái... vì tôi không muốn lấy chồng không tiến bộ... »

Lăng-Quảng mỉm cười chua chát. Anh ngàng cao đầu, nhận độ tài với tên người « già » đang được mù quáng tôn-sùng kia.

Ngay sáng hôm sau toàn thể công-trường nghỉ buổi làm, tới câu-lạc-bộ chứng kiến một cuộc thi văn-nghệ không tiền khoáng hậu. Nghiêm-văn-Túc được chỉ định làm trưởng ban giám-khảo, ngồi giữa phòng, hai bàn tay chấp lại đặt giữa ngực, tỏ ra giáng nhân-vật quan-trọng. Bên tả là Ba Con Nhất đứng, ngó bộ kênh kiệu. Bên hữu là Lăng-Quảng ngồi thiêu não. Đầu bài thi ra như sau : « Tả cảnh trời xuân ». Túc đánh keng ra hiệu bắt đầu. Phòng họp trở nên im lặng chỉ còn nghe thấy tiếng ruồi bay vo-vo, tiếng máy chạy sè-sè và tiếng ngồi bút kêu toản-soạt.

Khẩn-nạn Lăng-Quảng cầm bút mãi mới chưa dầy dẫm câu mà Ba Con Nhất đã tuôn ngay một bài thơ ba nghìn câu. Thế là cuộc thi chấm dứt. Lăng-Quảng thua hẳn hoi, mồ hôi anh vã ra, nét mặt rần rúm lại. Anh được chỉ định ngâm bộ Ba Con Nhất. Giọng anh đau đớn xót xa (giọng của người thất bại chua cay) khiến bà con lăm tưởng anh muốn làm nổi bật lên tâm-hồn điện-tử thiết tha của Ba Con Nhất và người ta càng vỗ tay ầm ỹ.

Bài thơ cũng vẫn q. anh đi quanh lại những câu :

*. . . Rực rỡ vườn xuân cúc nở vàng
Hoa đào tươi nở báo Xuân sang.
Dựng xây nhân-loại tay lao-động
No ấm từ đây mãi vẻ vang
Nhà máy khởi vờn, đã thắng lợi
Công-nhân trí-thức thấy vinh-quang.
Xuân sang phấn khởi ta đều hứa
Kiến-thiết nông-trường, tiến tiến hàng !..*

Hay :

*Quên ăn quên ngủ, chớ quên đời
Chớ quên đất nước mây trời mùa Xuân . . .*

Vài cụ râu dài lại làm cái việc thường lệ là nhai lại vài câu lý-thú, không quên ho sù sụ đề các cụ bà thương hại. Nghiêm-văn-Túc đứng đĩnh đứng dậy, ra lệnh hể mạc, rồi rời phòng thi, mắt không quên liếc ngược đảo xuôi, chắc mồm thế nào cái dáng Jiệu quan-trọng của mình cũng lọt vào đôi mắt xanh nào đấy . . .

IV

Ba điều đáng chết và ba điều hên

Từ sau cái bữa hồng thi, Lăng-Quảng đã không được Duyên doái hoài đến nữa.

Càng ngày cái vị-trí của anh càng bị xuống. Nghiêm-văn-Túc lại quất những roi phê-bình tàn bạo vào những tác-phẩm của anh, gây thành dư-luận.

rộng rãi khiến cả nông-trường thành-kiến với thơ anh đến cái độ thơ anh làm ra ngấm lên chỉ độ vài khúc là người ta nhao nhao kêu rồi, kêu đòi bại, kêu lảng-mạn. Có người lại chụp lên dăm cái mũ : phong-kiến, tư-sản, tiểu tư-sản, v.v...

Một bữa, muốn đo lòng người, anh làm một việc gian dối là ký láo tên Ba Con Nhất xuống dưới một bài thơ mới của anh rồi đem ra ngấm. Nghe xong, lập tức Túc đứng ra làm nhằm phân tích cho cả nông-trường nắc nỏm lên hay. Anh liền nói rõ sự thật là bài ấy chính là anh làm thì một số đông không tin, cho là anh khuếch khoác, một số khác (trong đó có Duyên) thì lại nói : « Thảo nào bọn mình nghe xong cũng ngờ ngờ, cảm thấy bài thơ tồi quá .. » Riêng Nghiêm-văn-Túc thì dao to búa lớn, phê-phán anh về cái tội lợi-dụng tên tuổi của Ba Con Nhất để được tiếng khen, xúc phạm đến uy-tín của lớp người « Máy ».

Lăng Quăng bị chửi chối giữa cuộc sống dầy dẩy thành kiến, bị chung quanh không hiểu mình, bỏ rơi và lạnh nhạt. Mà tất cả chỉ tại cái « máy người ». Nghiêm-văn-Túc và cái người « máy » Ba Con Nhất vô-tri vô-giác kia, sừng sững yêu quái ở giữa cái nông-trường tươi đẹp này Anh căm phẫn cao độ.

Một buổi chiều thoáng thấy bóng Duyên tiến về phía Cầu-lạc-bộ, anh liền theo sau, Duyên vào buồng đặt Ba Con Nhất, bàn tay nàng dầy dầy mấy chứng tỏ cô ở vừa ở cơ-xưởng về là vào thẳng đây. Anh đứng sau rèm cửa nhìn vào, bỗng thấy Duyên ngoan ngoãn quỳ xuống trước Ba Con Nhất thăm thì xin một bản tình-ca. Duyên vận nút chữ. Tiếng máy sẽ sẽ chùng một tích tắc, Ba Con Nhất nhả ra sau gáy một cuộn giấy. Duyên dờ ra ngấm nga khe khẽ :

.... Nghe em ! Đừng quên nhệm vụ
Chớ mất lập trường
Trọn đời anh sẽ yêu em v.v...

Ngấm xong, Duyên áp bì thơ tình đó vào ngực và ngược mặt dẫm đuối nhìn vào đôi mắt này lửa của Ba Con Nhất.

Lăng-Quăng thấy sôi xục trong tim. Ý nghĩ rùng rợn này ra. Nhất định anh phải cho vài nhát dao ! Anh thò vô túi lấy ra con dao nhíp, mở cả hai lưỡi dao loang loáng sáng... và anh tiến vào. Duyên đặt mình quay lại, hơi mỉm cười làm anh bối rối. Để lấy can-dảm, anh bèn đóng dặc tuyên-án : « Có 3 điều đáng tội chết. Điều thứ nhất là cô căm đồ « máy » làm tồn-thương đến đạo-đức của « máy ». Điều thứ hai là cô ăn ở bạc tình vô chung thủy, ấy là tội phản bội. Điều thứ ba là cô giết chết một thiên-tài là tôi, phương hại đến cái vốn quý nhất của xã hội là « con người ».

Duyên bình tĩnh đáp lại : « Tôi chết không đáng tiếc, chỉ tiếc là chết bởi tay người hèn. Anh có ba điều hèn không đáng sống : Điều hèn thứ nhất là anh mang tiếng làm người mà thì vẫn thơ phải chịu thua « máy », điều hèn thứ hai là anh đã ăn cắp cái tên của « máy » để được khen ; còn điều thứ ba là anh định dùng dao hại người tay không mà người đó là một người đàn bà con gái... »

Lăng-Quăng ôm mặt khóc rưng rức và bỏ ra về. Ân-mạng không xày ra, chỉ có lòng anh rớm máu đau thương. (Thực sự Duyên vẫn yêu anh nhưng vẫn phải làm thế để giáo-dục người yêu).

Mấy hôm sau Lãng-Quảng gặp ông Chủ-tịch, xin rút lui nghề làm thơ, xin được chuyển công-tác. Nông trường đương thiếu chân quét chuồng ngựa. Ông Chủ-tịch đã sắp xếp anh vào chân đó, đồng thời cố an ủi khuyến khích anh. Anh làm việc cần cù nhưng đêm đêm vẫn thức khuya tiếp-tục làm thơ, những vần thơ ngậm ngùi nói lên :

... Những xót xa, những nước mắt khóc người
Những tiếng hát buồn chim,
Những phút trái tim cười,
Tôi chấp nỗi buồn vui mãi mãi,
(Đu tìm chẳng nghe tôi)
Tôi vẫn ca,
Lạnh lạnh chuyện đời,
Lòng hàng tin: Người sẽ hiểu lòng tôi.

V

Đoạn-kết rất công thức nhưng cần thiết

Số là... dù sao đi nữa thì « máy » vẫn chỉ là « máy ». Khả-năng của « máy » chỉ có hạn. Tâm-hồn điện-tử của Ba Con Nhất dù được Nghiêm-văn-Túc nâng niu đến mấy đi nữa, cũng trở nên tầm thường khô cạn và nhạt nhẽo. Nông-trường Con-Ên đã bắt đầu ngấy những vần điệu nhai đi nhai lại mãi.

Những bài về thời-sự chính-sách của thi-sĩ « máy » từ bài thứ vài nghìn trở đi được phóng-thanh sáng sủa, chiều chiều đã làm cho các bà già buồn ngủ, các ông già bực rộc bứt tóc vật rầu, các cậu con trai bị lỗ tai, các cô con gái thanh xuân thì nguyên rùa : « khổ lắm, biết rồi, cứ lắm rồi ». Còn cụ Hay-Rượu thì chuyển choáng vài ba tợp rượu, xông lại trước mặt Ba Con Nhất mà cà khịa. Nghiêm-văn-Túc thì giờ một quyền luật về « chống đánh nhau » ra can.

Cuối cùng cả nông-trường kiến-nghị lên ông Chủ-tịch đòi quăng Ba Con Nhất vào kho chứa đồ đồng nát. Túc cố nêu thành-tích của Ba Con Nhất hồng cứu vãn quyền uy của « máy ». Cả nông-trường phản-đối Túc quyết-liệt lại còn đòi quăng cả cái tủ sách vở chứa trong bụng Túc đi nhân thù. Túc lấy làm sợ hãi, vội chấp hai tay lên ngực rồi khóc trang trọng y hệt như bậc chân tu thấy mọi người không hiểu nổi chánh đạo của mình.

Sau đó Nguyễn linh Quang được trả về chức-vụ thi-sĩ cũ của mình. Nông-trường giao cho cô Duyên xuống chuồng ngựa đón. Cuộc tái hợp diễn ra bao nhiêu mừng mừng tủi tủi.

Nông-trường trở lại đời sống thực của con người. Bà con lại học thuộc lòng thơ Lãng-Quảng, những bài thơ rất « người », ca-tụng tình yêu đất nước và yêu cuộc sống vĩ-dại muôn mầu muôn vẻ.

Tin sau cùng : Những sự việc xảy ra ở Nông-trường Con-Ên đã tương tự xảy ra ở một số nơi khác (tình xir dụng sai lầm người máy) và cùng đi đến một kết-luận công-thức nhưng rất cần thiết như đã kể lại ở trên đây.

1956

CHÂM VĂN BIẾM bút-hiệu của NHƯ MAI

CHƯƠNG IV

CÁC NHÀ HỌC-GIÀ

Hiện nay ở Bắc-Việt có ba nhà học-già, có uy-lín trong nước và ngoài nước. Cả ba đều là giáo-sư Đại-học. Đây là các ông: Đào duy Anh, Trần đức Thảo và Nguyễn mạnh Tường.

Cả ba ông đều tích-cực tham-gia kháng-chiến và hoạt-động trong phong-trào Nhân-Văn — Giai-Phẩm và đều đã bị đuổi khỏi trường Đại-học.

Chúng tôi xin giới-thiệu cả ba nhà học-già cùng với những bài văn họ đã viết để đấu tranh đòi chế-độ miền Bắc phải thực-hiện tự-do dân-chủ.



ĐÀO DUY ANH

Ông Đào Duy Anh là một nhà học-giả toàn quốc đều biết vì ông đã có công soạn nhiều bộ tự điển và nhiều bộ sử có giá-trị.

Thuở nhỏ ông ở Thanh-hóa, lớn lên ông theo gia-đình vào Huế học. Xuất thân làm thầy giáo và tham-gia Cách-mạng trong phong trào Tân-Việt, hồi 1930, sau đó ông quay ra viết sách và xuất-bản sách.

Trong kháng-chiến, ông lui về Thanh-hóa, sống giữa một ngọn đồi heo lánh ở gần Sim, và tiếp tục viết sách.

Năm 1952 ông bị triệu đi Việt-Bắc, nhưng lên tới nơi, ông không chịu nổi khí hậu, bị kiệt dần sức khỏe, nên đến cuối năm 1953 phải thuê người « chở » hàng xe đạp đưa ông trở về Thanh-hóa. Ít lâu sau ông dạy sư ở trường Dự-bị Đại học. Về Hà-nội ông được bổ dạy ở Đại-học Văn-khoa.

Ông là người điềm-đạm, trong các buổi họp ông ít phát biểu ý-kiến và mỗi khi cuộc thảo luận trở nên gay gắt thì ông hay lẩn tránh. Tuy vậy gần đây ông cũng đứng hẳn về phe đối lập, viết nhiều bài trong Nhân-Văn và Giai-Phẩm lên án chính-sách của Đảng. Dù sao, ông vẫn là nhà viết sách khảo-cứu hơn là nhà viết báo, nên ông vẫn ưa phân tách tỷ-mỷ những sai lầm, hơn là công-kịch để đả phá.

Chúng tôi trích mấy đoạn văn sau đây của ông để giới-thiệu lối trình luận khách-quan và từ tốn của một nhà sử-học, thật là khác hẳn với lối văn « bút chiến » của cụ Phan Khôi hay là của ông Sĩ Ngọc

Trích Giai Phẩm mùa Thu tập III năm 1956

MUỐN PHÁT TRIỂN HỌC THUẬT

của Đào Duy Anh

Tôi muốn góp một số ý-kiến vào vấn đề xây dựng nền học thuật của nước nhà. Chẳng cần phải thảo-luận, ai ai cũng phải thừa-nhận rằng nền học thuật của ta hiện nay thấp kém, lạc hậu. Trong sự-nghiệp kiến-thiết kinh-tế và văn-hóa để xây dựng một nước Việt-nam dân-chủ theo hướng xã-hội chủ-nghĩa, công-tác học-thuật, công tác nghiên-cứu khoa-học, có một vai trò trọng đại, vì

công-tác này mà không phát triển thì không những kiến-thiết văn-hóa mà cả kiến-thiết kinh-tế cũng không thể đi xa. Nhiệm-vụ của chúng ta là phải làm thế nào cho công-tác ấy đáp ứng xứng đáng được nhu-cầu kiến-thiết. Nhưng muốn nhận-dịnh nhiệm-vụ ấy cho đúng đắn, cần phải đánh giá đúng mức tình hình hiện tại của công-tác học thuật.

Trong thời kháng-chiến, tinh-thần mọi người đều căng thẳng hướng về yêu-cầu "tất cả cho tiền tuyến" cho nên cái tình-trạng công-tác nghiên-cứu khoa-học không được sẵn sàng và người trí-thức không được xem trọng, tui-ong như chẳng đặt ra vấn-đề gì. Nhưng từ ngày hòa-bình trở lại thì tình-hình khác hẳn. Mọi người, Chính-phủ cũng như nhân-dân, đều nhận thấy rằng trong sự-nghiệp kiến-thiết kinh-tế và văn-hóa, nghiên-cứu khoa-học là vô cùng cần thiết. Giới trí-thức cảm thấy sâu sắc rằng đây là cơ-hội để họ có thể đem khả năng chuyên-môn ra phục-vụ và mọi người đều hy-vọng rằng, với sự sẵn sàng của Chính-phủ đối với công-tác nghiên-cứu khoa-học và sự giúp đỡ của các nước bạn, họ sẽ có điều-kiện hoạt-dộng dễ dàng, khác với cảnh chật vật gay go của thời kháng-chiến.

Thế mà quang cảnh nghiên-cứu khoa-học chưa thấy khởi sắc, công-tác học thuật vẫn cứ tiêu điều, giới trí-thức lại dần dần mất đà phấn khởi. Chúng ta phải có can-dảm nhìn nhận thực tế ấy, thành khẩn nhận rõ nguyên nhân thì mới có thể tìm phương cải-thiện tình-hình được.

Vì chưa có chính-sách cụ-thể về vấn-đề trí-thức cho nên trong quan-niệm của người cán-bộ chính-trị, có khi là người giữ trách nhiệm điều khiển và lãnh đạo bậc cao, vẫn tồn tại cái thành-kiến không tin khả-năng của người trí-thức. Do đó, trong thực-tế, người trí-thức không được cảm thông nâng đỡ trong yêu-cầu chuyên-môn của họ, mà trái lại, họ cảm thấy luôn luôn bị người cán-bộ chính-trị chèn ép.

Theo tôi thiết nghĩ thì công-tác chuyên-môn cần-hàn phải do những nhà chuyên-môn phụ-trách — nếu không có đủ thì phải đào tạo mà điều ấy không phương hại gì cho nguyên-tắc chính-trị lãnh đạo.

Trong địa-hạt khoa-học tự nhiên, sự xâm phạm của những cán-bộ chính-trị vào địa-hạt chuyên-môn như thế cố nhiên là rất trở ngại cho công-tác chuyên-môn, nhất là công-tác nghiên-cứu khoa-học. Trong địa-hạt khoa-học xã-hội thì mối tệ cũng không kém. Vì khoa-học xã-hội chịu sự lãnh đạo của chính-trị trực-tiếp hơn cho nên người ta rất dễ nghĩ lầm rằng hệ người có lập-trường và năng-lực chính-trị vững thì tất có điều-kiện căn-bản cần thiết để làm công-tác về khoa-học xã-hội. Bởi thế chúng ta thấy không ít trường-hợp, hoặc những cán-bộ thuần-túy chính-trị hoặc những cán-bộ chính-trị mượn danh hiệu chuyên-môn, được cử ra lãnh đạo một tổ-chức văn-hóa hay học thuật. Như thế thì công-tác nghiên-cứu khoa-học khó lòng được quan-niệm và hướng dẫn đúng đắn. Thái-độ quá dễ dãi của người lãnh đạo đối với sự nghiên-cứu, do trình-độ chuyên-môn còn non yếu, và thái-độ lũng đoạn học thuật do quan-niệm hẹp hòi về lập-trường gây nên, có thể tạo thành cái tác-phong nghiên-cứu hời hợt, thiếu nghiêm-túc và chính-xác, rất có hại cho công cuộc nghiên-cứu chân-chính.

Tóm lại, chính cái tư-tưởng không tin và coi rẻ trí-thức đã dẫn đến sự ứng-dụng lệch-lạc cái nguyên-tắc rất đúng đắn về quyền lãnh đạo của chính-trị, do đó công-tác học-thuật của chúng ta, về khoa-học tự-nhiên cũng như về khoa học xã-hội, gặp nhiều cản trở mà vẫn bị hãm vào tình-trạng lạc-hậu.

Nhưng muốn chấm dứt tình-trạng ấy, muốn cho học thuật phát triển được thì không thể làm thế nào khác được là dựa vào cái cơ-sở sẵn có, các nhà trí-thức chuyên-môn Việt-nam, tức là đạo quân chủ-lực của công-tác học thuật.

Do đó vấn đề mấu chốt cần phải giải quyết trước hết để thúc đẩy công-tác học thuật tiến lên là vấn-đề trí-thức...

Cái điều kiện cuối cùng, mà không thể thiếu được, để cho học thuật phát triển là tự-do tư-tưởng, tự-do thảo-luận. Ở đây tôi không vạch ra hạn chế tự-do tư-tưởng nói chung vì những tác-phong quan-liêu bề phái, độc đoán là những cái đã tác hại nghiêm trọng trong mọi ngành công-tác. Tôi chỉ muốn nhấn mạnh hai hình-thức hạn chế tự-do tư-tưởng tác hại nặng nề nhất đối với học thuật là bệnh giáo điều và biến chứng của nó là bệnh sùng bái cá-nhân. Đại hội thứ 20 của Đảng Cộng-sản Liên-xô đã tố-cáo những tác hại của hai bệnh ấy trong công-tác tư-tưởng và học thuật, nhất là về khoa-học xã-hội. Phần lớn các nhà công tác lý luận cũng như các nhà triết-học, sử-học chỉ là « nhắc lại như g khuyến cáo, công-thức và đề án cũ mà họ lật đi lật lại đủ chiều » (Mi-cai-an) (1). Thậm chí người ta còn cho rằng « khoa-học xã-hội chỉ có thể phát triển nhờ những nhân-vật phi phạm, các nhà học-già khác chỉ có việc là chú giải và phổ biến những tác-phẩm của các lãnh-tụ » (Kommounist) (2). Ở nước ta thì các bệnh giáo điều và sùng bái cá-nhân lại còn trầm trọng hơn, khiến người ta, vô luận bàn về vấn-đề gì, cũng đều phải bắt đầu dẫn những đề án của Mác-Ăng-ghe-n và Lê-nin, hoặc những ý-kiến của Sta-lin hay các lãnh-tụ khác, dè, hoặc phát triển thêm những ý-kiến ấy, hoặc gò bó tài-liệu, xoay sở thế nào để gán vào khuôn khổ của những công-thức rút ra từ những ý-kiến ấy. Xin chỉ một cái tí dụ gần đây. Như về vấn-đề phân kỳ của lịch-sử Việt-nam và vấn-đề hình thành dân tộc, chúng tôi nhận thấy rằng nhiều người nghiên-cứu không giám có ý kiến gì mới ngoài những điều các nhà kinh điển của chủ nghĩa Mác hay các vị lãnh-tụ đã nói về các vấn-đề ấy (3). Bệnh giáo điều và sùng bái cá-nhân lại dẫn thẳng đến cái tệ tư-tưởng độc tôn: hễ thấy ai có ý-kiến gì vượt ra ngoài những công-thức cũ, những khuôn khổ sẵn có thì người ta chụp ngay cho những cái mũ để sự, như cái danh-hiệu cải biến chủ-nghĩa chẳng hạn, những mũ như thế rất dễ bit mồm bịt miệng người ta.

Chú-thích : (1) Phiên âm chữ Mikoyan

(2) Tên một tờ báo.

(3) Sử-gia Việt-Cộng là ông Trần Huy Liệu có viết một bài báo giải thích rằng: xã-hội Việt-nam bắt đầu hình thành từ năm 1930 là năm Đảng Cộng-sản Đông-dương ra đời. Ông Đào Duy Anh phản-đối thuyết đó nên ông viết cuốn: « Vấn-đề hình thành xã-hội Việt-nam », trong đó ông bác thuyết của ông Liệu và chủ-trương rằng xã-hội Việt-nam đã hình thành từ thời Bắc-thục.

Tư-tưởng không tự-do thì không thể tự-do thảo-luận được. Mặc dầu không ai cấm tranh-luận — các nhà lãnh đạo vẫn thường nói nên mở rộng tranh-luận nhưng trong thực-tế thì sự thảo-luận đã bị thủ-tiêu từ gốc rễ. Nghiên-cứu hay nghị-luận một vấn-đề gì, nhiều người chỉ nơm nớp sợ không khéo thì chệch ra ngoài đường lối tư-tưởng chính thống độc tôn. Đối với những người ấy, công-tác học thuật trở thành trò xiếc leo giày. Con đường học thuật phải là đường cái thênh thang mọi người tự-do đi lại, chứ không phải sợi giây căng của người làm xiếc. Phải trừ bỏ những bệnh giáo điều và sùng bái cá-nhân để trả lại tự-do cho học thuật. Phải áp-dụng chính-sách « Bách-gia tranh minh » mà Đảng Cộng-sản Trung-quốc thi-hành đối với công-tác nghiên-cứu khoa học, cái chủ-trương mà ông Lục Định nhất đã giải thích rằng: « Tự-do suy nghĩ độc lập, tự-do tranh-luận, tự-do sáng-tác và tự-do phê-bình, tự-do phát-biểu ý-kiến của mình ». Về điểm này tôi không thể nói gì hơn. Tôi chỉ xin nhấn mạnh rằng cái tự-do chúng ta chủ-trương đây, cũng như ý-kiến của ông Lục Định nhất, không phải là tự-do theo lối tư-sản, mà là tự-do dân-chủ trong nội bộ nhân-dân.

Giới trí-thức Việt-nam đương chờ đợi một sự giải-quyết mạnh bạo và căn-bản.

ĐÀO DUY ANH



TRẦN ĐỨC THẢO

Trần Đức Thảo, năm nay 45 tuổi là con cụ Trần Đức Tiến, một kiến trúc sư nổi tiếng tại sở Bureau Hà-nội.

Lúc ông còn học ở trường Lycée Albert-Sarraut, ông đã tỏ ra hết sức thông-minh. Các thầy dạy ông, nhất là ông Ner đã kén lên là không chấm nổi bài của ông. Ông đỗ tú-tài triết-học năm 1935, và năm sau ông đỗ đầu trong kỳ thi vào trường Normale Supérieure ở bên Pháp. Sau đó ông đỗ thạc-sĩ về triết-học và dạy ở Sorbonne.

Ở bên Pháp ông nghiên-cứu thêm về triết học, xã hội-học, viết nhiều bài trong các tạp-chí văn-học.

Lúc đầu ông theo chủ-nghĩa « Existentialisme » của Jean Paul Sartre, nhưng từ 1946 ông thiên về chủ-nghĩa Mác, gia-nhập Đảng cộng-sản Pháp, và viết báo đã kịch ông Jean Paul Sartre. Ông này kiện ông tại tòa, nhưng tòa chưa xử, thì ông Thảo đáp tàu đi Mạc-tu-Khoa, rồi thẳng đường về Bắc-Việt (năm 1951).

Về đến nhà, ông bị giữ trong một khu rừng hẻo lánh trong chiến-khu Việt-Bắc và công-tác người ta giao cho ông là dịch những truyền-đơn dịch-văn từ tiếng Việt ra tiếng Pháp. Nhà lãnh-tu Hồ Chí-Minh bảo ông : « Chú đọc sách vở ngoại-quốc đã nhiều, nay chú mới về hãy nên học hỏi nhân-dân trước đã ». Một phần vì quá nhàn rỗi một phần vì chán nản, nên mỗi ngày ông ngủ 18 giờ, chỉ thức để ăn và làm việc chừng 6 giờ.

Ông Trần Đức Thảo là điển-hình của một nhà trí-thức say mê chủ-nghĩa cộng-sản vì nghiên-cứu chủ-nghĩa ấy trên sách vở. Sự say mê đó đã tiêu tan từ ngày ông bước chân về nước và ngày nay sau kinh-nghiệm Cải-cách ruộng đất ông đã hoàn toàn tỉnh-ngộ.

Bài ông viết sau đây phỏ bày tất cả sự đau xót của ông, tuy nhiên ông là người đầy thiện-chí, nên ông còn đang cố-gắng mang triết-lý ra để sửa chữa những « sai lầm » hồng cứu văn minh thế vì ông vẫn còn tia hy-vọng trong đáy lòng là có thể thực-hiện được cái lý-thuyết cao-xiêu của ông Marx. Tuy vậy, giọng văn của ông cũng đầy một vẻ bức rộc không kém những người khác.

Mặc dầu ông Thảo đã hy-sinh địa-vị cao-quý ở Pháp để trở về nước tham-gia kháng-chiến, ngày nay ông vẫn bị quy là phản-động số một, tay sai của đế-quốc.

NỘI-DUNG XÃ-HỘI VÀ HÌNH-THỨC TỰ-DO

của Trần đức Thảo

Vấn-đề tự-do và tự-do cho ai, tự-do đối với ai, tự-do để làm gì.

Tự-do của quảng-đại quần-chúng, đây là một nội-dung chân-chính mà chế-độ ta thực-hiện về căn-bản, và có điều-kiện để phát-triển không ngừng. Nhưng đây tồ-chức chúng ta, tuy xét về nội-dung là dân-chủ thực-sự, nhưng lại bị lũng-đoạn bởi những bệnh nặng nề : quan-liêu, mệnh-lệnh, giáo-diệu, bè-phái, sùng-bái cá-nhân.

Đây là một cuộc đấu-tranh cách-mạng tiến-hành trong nội-bộ nhân-dân, bằng phê-bình và tự phê-bình, đặng tranh-thủ cho mỗi công-dân những điều-kiện hoạt-động chính đáng và cần thiết để góp phần vào nhiệm-vụ chung, chống sự kìm hãm và lấn át của những phần tử lạc-hậu : quan-liêu, bè-phái, sùng-bái cá-nhân ở mọi cấp lãnh đạo. Phải nói rõ ở mọi cấp lãnh đạo, vì nếu xét đến cá-nhân thì những bệnh ấy còn khá phổ-biến với mức tiến-triển của xã-hội ta bây giờ, nhưng có ở cương-vị lãnh đạo thì nó mới có điều-kiện để gây tai hại lớn cho nhân-dân. Những sai lầm nghiêm-trọng phạm phải trong Cải-cách ruộng đất, chỉnh-đốn tồ-chức (1), Kiến-thiết kinh-tế và văn-hóa là những dẫn chứng hùng-hồn. Những sai lầm ấy thì nhân-dân ở mỗi địa-phương và nhiều cán-bộ cấp dưới, mỗi người trong phạm-vi của mình, từ lâu đã trông thấy rõ, vì đã phải chịu đựng những tai-hại gây ra cho bản-thân mình hay chung quanh mình. Mà vì những sự việc ấy có tính-chất phổ-biến, vấn-đề rút kinh-nghiệm cũng không đến nỗi khó lắm.

Cụ-thể như trong Cải-cách ruộng đất, đặc-biệt là đợt 4 và đợt 5, nhân-dân đã có nhiều ý-kiến xác đáng, dựa vào những bài học hiển-nhiên của lịch-sử Cách-mạng Việt-nam, vào lý-trí và đạo-đức tự phát của người thường dân. Ví-dụ như trước những nhận định từ trên đưa xuống về tình-hình nông-thôn, thời-phòng lực-lượng của địch và mặt sát cơ-sở của ta, thì quần-chúng và cán-bộ cấp dưới đã có nhiều thắc mắc.

Do quá trình thực-tế phản-đề phản-phong, tồ-chức kháng-chiến của ta tất nhiên là một tồ-chức của nhân-dân lao-động dưới sự lãnh đạo của Đảng, và nếu có bao gồm một số phần tử phức-tạp thì những phần tử ấy nói chung cũng đã được giáo-dục ít hay nhiều trong thực-tiền đấu-tranh phục-vụ nhân-dân. Vậy cơ-sở ta ở nông-thôn trước Cải-cách ruộng đất cũng không thể nào xấu đến thế. Nó cần được cải tạo, nhưng không đến nỗi phải đã kích hàng loạt. Mà theo lý trí thông thường của người dân thì nếu thực sự tồ-chức của ta đã bị lũng-đoạn nghiêm-trọng, thậm-chí nếu tồ-chức của địch lại « lũng vào tồ-chức của ta » thì làm sao mà chúng ta lại kháng-chiến được thắng lợi ? Đến

(1) Chỉnh-đốn tồ-chức là một danh-từ mới thay thế cho danh-từ : thanh-trùng trong nội-khí Đảng và trong chính-quyền.

cấp Huyện và cấp Tỉnh thì cái nội-dung « chỉnh-đốn tổ-chức » lại càng quá-giỏi, cuối cùng, theo tình-cảm tự phát và thương yêu bạn đồng đội, không nói gì đến đạo-đức và nhân-sinh-quan cách-mạng, thì cũng không thể nào kết án cơ sở chiến-dấu của ta một cách đơn-giản, chung chung về trách-nhiệm và khinh-chờn người đến mức ấy. Cụ-thể ở mỗi địa-phương mà đã đánh tràn lan, thì tình-đạo trái ngược, phản tình-phản lý của các nhận-dịnh chung về tình-hình địch và ta đã phát hiện ngay trong việc làm. Nhưng vì cơ-cấu của bộ máy lãnh đạo có hướng một chiều, rất nặng về tổ-chức và phương-tiện đã thông, cưỡng bách, mà những ý kiến phê-bình của nhân-dân hay cấp dưới thì lại hoàn toàn để cho cấp trên quyết-dịnh có nên xét đến và cho thảo luận hay không, cho nên những bệnh quan-liêu, bè phái, sùng-bái cá-nhân trong tổ-chức lãnh đạo đã có điều-kiện khách-quan để phát-triển, đẩy mạnh tác phong đàn-áp tư-tưởng, phớt qua quy-tắc dân-chủ, biến những ý-kiến chủ-quan thành « lập-trường » bất di bất dịch. Nhờ những điều-kiện ấy mà những phần tử lạc-hậu, bảo thủ, đã ngăn cản ý-kiến của quần-chúng, cản trở việc sửa chữa sai lầm, cho đến lúc tác hại lớn quá, cơ sở đã bị tổn-thất nặng nề, chỉnh-đốn tổ-chức ở huyện và tỉnh phát-triển theo một thứ chủ-nghĩa nóng-dân lưu-manh-hôn. Rõ ràng những phần tử quan-liêu bè phái đã lấy thành-kiến của họ làm đường lối của lịch-sử, biến những sai lầm của họ thành bánh xe vô tình của lịch-sử. Một bộ máy hùng mạnh, xây dựng để diệt thù, đến lúc không thấy thù thì lại quay về bạn, lấy bạn làm thù mà đập phá bừa bãi.

Sai lầm trong Cải-cách ruộng đất và Chỉnh-đốn tổ-chức là một trường-hợp điển-hình, nhưng thực ra thì trong mọi vấn-đề khác như kiến-thiết kinh-tế và văn-hóa, cũng đã phải chờ cho có tai hạn lớn lao, đồng thời cũng có ánh sáng của Đại-hội XX phát động phong-trào tự-do dân-chủ, mới bắt đầu rút bài học kinh-nghiệm. Rõ ràng rằng phương-pháp phê-bình thông thương trong nội bộ tổ-chức không đủ để sửa sai kịp thời những sai lầm hết sức quan-trọng. Còn những sai lầm tương đối nhẹ hơn hoặc tác hại âm thầm hơn thì tất nhiên lại càng dễ xúy xóa. Cần phải có sự xây dựng tích-cực của nhân-dân mới ngăn ngừa được ảnh-hưởng của những phần-tử bảo-thủ, lạc-hậu, những ông Quan-liêu, những ông Sĩ-diện, những Ông Bà phái luôn luôn cản trở đường lối quần-chúng của Đảng. Nhưng vì chúng ta còn thiếu tập-quán tự-do, việc phê-bình công-khai tổ-chức lãnh đạo thường dễ gây thắc-mắc. Dù nội-dung phê-bình có đúng chăng nữa, dù kinh-nghiệm có cho hay rằng không đặt vấn-đề trước quần-chúng thì không thể nào giải-quyết kịp thời, nhiều anh em vẫn chỉ chú-trọng nhận-xét về « thái-độ », truy-nguyên tư-tưởng : thiếu tin-tưởng, bất mãn, tự-do tư-sản, thoát-ly lãnh đạo, thậm chí là « bôi nhọ chế-độ », « để cho địch lợi-dụng ! » Những anh em ấy không thấy rằng nhân-dân được sự lãnh đạo của Đảng thì Đảng cũng phải được sự xây dựng của nhân-dân, miễn là cuối cùng thì nhân-dân thực-hiện chủ-trương chính-sách của Đảng. Mà nếu trong lời phê-bình có phần « bất mãn », thì có cái bất mãn ấy mới sửa chữa được sai lầm, có cái bất mãn ấy thì lãnh đạo mới thòam mãn được nhân-dân.

Lãnh đạo theo đường lối quần-chúng không phải chỉ là ngồi trên mà « tìm hiểu quần-chúng ». Vì như thế vẫn còn là tự đặt mình trên nhân-dân, mà người lãnh đạo không có quyền tự đặt mình trên nhân-dân.

Kinh-nghiệm Cải-cách ruộng đất là một bằng chứng điển-hình. Không công-tác nào đã tập trung chừng ấy phương-tiện đả-thông và cưỡng-bách, bộ máy tổ-chức được rèn dũa như một động-cơ hiện-đại kiên-cố, nhưng cũng vì thế mà không nghe thấy ý-kiến phê-bình của nhân-dân rồi đi đến chỗ làm ngược hẳn đường lối chính-sách cách-mạng, tấn-công bừa bãi, phá hủy cơ-sở. Chính lúc Trung-ương tin tưởng rằng nhờ tổ-chức chặt chẽ mà nắm được hết thì biện-chứng-pháp của lịch-sử đã quay lại vấn-đề: tổ-chức thoát-ly quần-chúng, lãnh đạo rất yếu, chỉ-đạo lung tung.

Chúng ta có thể nhận-định: vấn-đề tự-do nhân-dân miền Bắc hiện nay cụ thể trước mắt là tự-do đối với những phần-tử lạc-hậu, bảo-thủ, quan-liêu, giáo điều, bè phái sùng-bái cá-nhân nằm ở mọi cấp lãnh đạo mà cản trở sự phát-triển của chế-độ dân-chủ nhân-dân, làm lệch công-tác lãnh đạo của Đảng, đã gây ra nhiều tổn-thất nghiêm-trọng cho tổ-chức nói chung là kìm hãm công cuộc kiến-thiết miền Bắc, tranh-thủ miền Nam. Nhiệm-vụ chống những phần-tử ấy căn-bản là nhiệm-vụ đấu tranh với bọn, uốn hành bằng phê-bình và tự phê-bình.

Trong bản tham-luận đọc trước Đại-hội thứ VIII của Đảng Cộng-sản Trung-quốc, đồng-chí Đặng Tiểu-binh, hiện giờ Tổng bí-thư của Đảng Cộng-sản Trung-quốc đã nói: Đảng không có quyền vượt lên trên quần-chúng nhân-dân, tức là Đảng không có quyền ban ơn, cưỡng-bách, mệnh-lệnh đối với quần-chúng nhân-dân, Đảng không có quyền xưng vương xưng bá trên đầu nhân-dân ».

TRẦN ĐỨC THẢO



Trích báo Nhân-Vân số 3 ra ngày 15 tháng 10 năm 1956

NỖ-LỰC PHÁT TRIỂN TỰ-DO DÂN-CHỦ

của Trần đức Thảo

Trước hết, chúng ta phải nhận định rõ ý nghĩa và nội-dung của phong-trào tự-do dân-chủ đang phát triển trong nhân-dân. Căn-bản đó là một phong-trào quốc-tế, do Đại-hội 20 của Đảng Cộng-sản Liên-xô phát động và đang lan tràn rầm rộ trên khắp thế-giới.

...Nhân-dân Việt-nam, với sự lãnh đạo của Đảng và Chính-phủ... đã hiểu rõ chủ-trương đường lối cách-mạng của Đại-hội 20 của Đảng Cộng-sản Liên-xô, do Đảng Lao-động Việt-nam truyền đạt.

...Có anh em lo rằng với tự-do dân-chủ được phát triển, giai-cấp tư-sản sẽ «ngóc đầu lên». Chính như thế là đánh lạc vấn đề. Từ ngày hòa-bình trở

lại, chúng ta mở rộng phạm-vi kinh-doanh tư-sản, chúng ta hô-hào họ đầu tư ; như thế họ cũng đã được thỏa mãn một phần khá, mà họ cũng không có đủ sức để làm việc gì khác. Những người có vấn-đề phê-bình là những người lao-động trí óc và lao-động chân tay, phục-vụ nhân-dân và trung-thành với Đảng, nhưng chưa được điều-kiện để phát huy khả-năng và phục-vụ có kết-quả, thậm chí còn bị kìm hãm chèn ép bởi những phần tử quan-liêu, bè-phái, sùng-bái cá-nhân... Cái tự-do mà họ muốn phát triển là tự-do của toàn dân phê-bình lãnh đạo, và nhờ có phê-bình thì mới xây dựng được một tổ-chức hợp lý, bảo đảm cho công-tác được kết-quả tốt, để mỗi công-dân được góp phần tích-cực vào nhiệm-vụ chung. Cái tự-do đó là quyền của người công-dân, nó được hoàn toàn công nhận và bảo đảm trong chế-độ của ta...

Chúng ta phải nỗ-lực mở rộng dân-chủ, phát triển phê-bình trong nhân-dân. Đảng đã chỉ đường vạch lối, nhưng không thể làm thay : Tự-do không phải là cái gì có thể ban ơn.

Trong nhiệm-vụ thực-hiện phương-châm của Đại-hội 20 của Đảng Cộng-sản Liên-xô, đang hưởng ứng lời kêu gọi của Đảng Lao-động Việt-nam, hưởng-ứng phong-trào phát-triển tự-do dân-chủ trong những nước dân-chủ nhân-dân anh em, người trí-thức Việt-nam có phần trách-nhiệm quan-trọng. Người trí-thức hoạt-động văn-hóa, cần tự-do như khí trời để thở. Có tự-do thì mới đầy mạnh được sáng-tác văn nghệ, nghiên-cứu khoa-học, cải tiến kỹ-thuật. Phát triển tự-do là nhu-cầu thiết thân đồng thời là nhiệm-vụ số 1 của người trí-thức cũng như của toàn dân.

Đại-hội 20 của Đảng Cộng-sản Liên-xô đã bóc trần những kết quả tai hại của tác-phong lãnh đạo vi phạm hình-thức tự-do.

... Riêng trong công-tác văn-hóa, một số bộ phận nghiên-cứu sáng-tác như bộ phận khoa-học xã-hội, theo báo-cáo của đồng-chí Mi-Cai-An, đã bị hầu như tê liệt. .

Hình-thức tự-do là tự-do cá-nhân... Cá-nhân phục tùng tập thể, nhưng tập thể cũng phải có cá-nhân xây dựng, và hình-thức tự-do trong phạm vi pháp-ly nhân-dân là điều-kiện để mỗi cá-nhân góp phần thực-sự xây dựng tập thể. Xét đến tình-hình thế-giới mới đây, lý-tưởng tự-do cá-nhân lại là lý-tưởng của những ngày tiến tới, lý-tưởng của chủ-nghĩa cộng-sản bây giờ đương bắt đầu trở thành một thực-tế lịch-sử ở Liên-xô...

Những nghị-quyết lịch-sử của đại-hội đã ảnh hưởng-sâu sắc đến các nước dân-chủ nhân-dân anh em và phong-trào công-nhân và nhân-dân thế-giới. Nước ta không thể nào đứng riêng : Chúng ta sẽ tiến lên chủ-nghĩa xã-hội dưới ánh sáng của chủ-nghĩa Mác-Lê-nin đã gạt rửa những vết xấu của đời Stalin, với nội-dung chân chính xây dựng trên kinh-nghiệm kiến-thiết chủ-nghĩa xã-hội trên toàn thế-giới, trong ấy dưới hình-thức này hay hình-thức khác, nhiệm vụ của vô sản chuyên chính là phát triển tự-do cá-nhân.

TRẦN ĐỨC THẢO

Giáo-sư Đại-học

NGUYỄN MẠNH TƯỜNG

Nguyễn Mạnh Tường là một người nổi tiếng là thông-minh, vì mới 23 tuổi ông đã đỗ hai bằng Tiến-sĩ luật-khoa và Tiến-sĩ văn-khoa. Ông theo học ở trường Albert-Sarraut ở Hà-nội, sau đó sang Pháp học ở Montpellier. Sau khi về nước, ông được bổ dạy ở trường Bào-ho. Bị bực đái ông bỏ nghề dạy, ra làm trạng-sư.

Năm 1946, ông được chính-phủ Hồ Chí-Minh cử đi dự Hội-nghị Đà-lạt, nhưng vì xung-đột với Võ nguyên Giáp, nên không được dự Hội-nghị Fontainebleau

Từ 1947 đến 1950 ông làm trạng-sư ở khu III. Trong khi bênh vực cho các bị cáo trước tòa, ông hay dùng lời lẽ văn hoa để « nói mát » chế-độ, nên ông bị chuyển sang ngành giáo-dục.

Ông bị coi là một phần-tử «ngoan cổ», không chịu «lột xác», nên thường bị đả-kịch. Có lần cán-bộ đã đặt ra một vở kịch nhan-đề là « Phải hấp-lại » để lăng-mạ ông, nhưng ông không thèm trả lời.

Từ 1952 đến 1954 ông dạy ở trường Dự-bị Đại-học, và sau ngày đình-chiến, ông được về dạy ở trường Văn-khoa Đại-học ở Hà-nội.

Chúng tôi giới-thiệu ông Nguyễn Mạnh Tường bằng hai bài của ông. Một bài nhan-đề Vừa khóc vừa cười để giới-thiệu ông Nguyễn Mạnh Tường Tiến-sĩ văn-khoa, và bài Những sai lầm trong Cải-cách Ruộng đất để giới-thiệu ông Nguyễn Mạnh Tường Tiến-sĩ luật-khoa

QUA NHỮNG SAI LẦM TRONG CẢI-CÁCH RUỘNG ĐẤT XÂY DỰNG QUAN-ĐIỂM LÃNH ĐẠO

của Luật-sư
Nguyễn Mạnh Tường

L. S. G. — Ông Nguyễn Mạnh Tường đọc bài diễn-văn này trong một hội-hop của Mặt-trận Tổ-Quốc Hà-nội, ngày 30 tháng 10, 1956, với tư-cách là đại-diện cho tư-thức ở Thủ-đô.

Mặt-trận Tổ-Quốc là một tổ-chức có tinh-cách « tập nham » mà chính-quyền Cộng-sản thành-lập với mục-đích để lừa những phần tử « lòng chung » vào cho tiện bề kiểm-soát. Nó là biến thân của Mặt-trận Liên-Việt (L.V.) ngày xưa mà đã có người gọi là Mặt-trận Lò Vờ, hoặc tệ hơn nữa : Mặt-trận Lòng Vịt.

Vì tinh-cách phức-tạp của các hội-viên mà đa số thuộc các thành-phần « bất kham » nên sự kiểm-soát của Đảng không mấy khi được chu đáo. Trong mấy tháng mùa Thu năm ngoái, vào lúc chính-quyền đang bị giao động, thì sự kiểm-soát đó gần như mất hết hiệu-quả. Đó là lý-do khiến luật-sư Nguyễn mạnh Tường có dịp lợi-dụng cơ-hội và hoàn-cảnh đã kịch-kịch-liệt-chế-độ bằng bài diễn-văn này.

Bài này không được đăng trên các báo xuất bản ở Hà nội, nhưng không biết bằng cách nào đã lọt tới Rangoon, sang Paris.

Bài diễn-văn của ông Tường đã làm rung động dư luận thế giới vì lần đầu tiên có một nhà luật-học đứng trên lập-trường pháp-lý của các nước văn-minh lên án chính-sách của ông Mao Trạch-đông về chương-trình Cải-cách Ruộng đất đề ra từ 1926 và áp-dụng lần đầu tiên ở Hồ-Nam. Ngày nay, vừa đúng 30 năm về sau, và dựa trên kinh-nghiệm đau xót của Bắc-Việt, ông Tường lớn tiếng tuyên bố rằng chính sách đó quá ư dã-man, không có mấy may nhân-đạo và hoàn toàn trái với các nguyên-tắc căn-bản của pháp-lý mà nhân loại công-nhận hàng mấy ngàn năm nay.

Ông Tường cũng là người trí-thức Việt-Nam đầu tiên, sống dưới chế-độ Cộng-sản, mà ở căn-đảm lớn tiếng nói rằng: « Tôi là trí-thức », không có tự-ti mặc-cầm, không « mất khi thế của giai-cấp ».

Nhà văn hào Nga Boris Pasternak trong tác-phẩm (Bác-sĩ Zhivago) của ông, cũng nhắc lại một câu thơ của Pushkine :

« Ta là tiểu tư-sản, Ta là tiểu tư-sản »

Để nói rằng thành phần tiểu tư-sản không có điều gì đáng hổ thẹn cả. Sự giác ngộ và đoàn-kết của giai-cấp tiểu tư-sản sẽ chặn đứng và tiêu-diệt chế-độ Cộng-sản trong hậu bán thế-kỷ hai mươi. Đó là ý-kiến chung của giới trí-thức sống trong bức màn sắt.

Thưa các quý vị.

Hội-nghị Mặt-trận Trung-ương họp đề nghiên-cứu các sai lầm trong Cải cách Ruộng đất và chính-sách sửa chữa sai lầm ấy. Hôm nay tôi được đức kết trước toàn thể Hội-nghị các ý-kiến mà trong 10 ngày vừa qua, tôi đã trình bày trong tờ thảo-luận, với tinh-thần thận-trọng của người trí-thức không bao giờ quên trách-nhiệm của mình trước nhân-dân và lịch-sử nước nhà.

Tôi phần khởi được nghe bản phê-bình của Đảng Lao-động do ông Trương Chinh đọc trước Hội-nghị. Nhưng tôi cũng phải thú rằng lòng phần khởi của tôi, một phần bị giảm đi, vì tôi nhớ lại kết-quả tai hại của các sai lầm đã phạm trong công cuộc Cải-cách Ruộng đất. Tôi xin phép các vị được kính cần nghiêng mình trước kỷ-niệm những người vô tội đã chết oan, không phải vì bàn tay của địch mà chính của ta. Trong cuộc kháng-chiến anh-dũng của ta, những đồng-bào đã hy-sinh, có thể nói được, chết với trong lòng, chan chứa nỗi vui sướng, vì chết cho sự-nghiệp giải-phóng dân-tộc khỏi nanh vuốt của địch Họ chết vì địch, cho ta, đó là cái chết tích-cực, cái chết vẻ vang, cái chết oanh-liệt mà Tổ quốc ghi nhớ muôn thuở. Trái lại, các người chết oan vì các sai lầm trong cuộc Cải-cách Ruộng đất này, lúc tắt thở, cay đắng đau xót vì chết với một ô-danh. Chúng ta đã xóa bỏ cái ô-danh đó, nhưng con cháu của các nạn-nhân tài nào mà không ngậm ngùi ? Đau đớn hơn, bây giờ ta làm thế nào mà biến cái khổ cực của người tắt thở thành một niềm an ủi cho họ được ? Nếu chúng ta duy-tâm và tin rằng linh-hồn còn tồn-tại, thì một phần nào, ta chuộc lại được tội lỗi của ta. Nhưng ta duy-vật và các người ấy lúc chết cũng là duy-vật. Do đó, cái nỗi khổ cực của họ, ta biết rõ rằng, bây giờ ta không thể nào thủ-tiêu được nữa. Quyền hạn của ta không tới đó. Nhưng cái gì ta có thể làm được, ta cần làm, để như là đền bù một phần nào sự tồn-thiệt của các người ấy, và chứng-minh ta thấm thía nỗi đau khổ của họ khi họ từ trần, là ta cương quyết rút bài học kinh-nghiệm đau đớn và sửa chữa các sai lầm nghiêm-trọng mà họ là nạn-nhân.

Với tinh-thần của một người trong quần-chúng, của một người công-dân đau khổ trước bao nhiêu cái chết oan của người vô tội, tôi xin phép trình bày mấy ý-kiến xây dựng. Chủ yếu tôi sẽ phê phán và truy nguyên các sai lầm trong Cải-cách Ruộng đất nhưng theo ý tôi, các sai lầm này chỉ là biểu-hiệu điển-hình và bi đát nhất của những thiếu sót trong sự lãnh đạo của Đảng Lao-Động. Do đó tôi xin phép được góp ý kiến xây dựng quan điểm lãnh đạo của Đảng Lao-Động.

Tại sao tôi lại tin như vậy ? Là vì, không những trong Cải-cách Ruộng đất, chúng ta đã phạm sai lầm nghiêm trọng mà cả trong nhiều khu vực khác nữa. Trong các khu-vực này, sai lầm cũng đã đưa một số người trong quần-chúng đến cái chết thê thảm. Do đó nếu chỉ cục bộ hóa các sai lầm chúng ta không thể rút được bài học kinh-nghiệm, chúng ta sẽ khiếm khuyết với sự tín-nhiệm của tất cả các đảng-viên Đảng Lao-Động với sự mong đợi của toàn dân. Chúng ta phải cương-quyết không cho các sai lầm ấy tái diễn và tác hại nữa. Đó là nhiệm-vụ tối-thiểu của chúng ta đối với các người đã chết oan.



Đây không phải anh em để sinh ba. Mà chỉ là bộ người cùng đi lĩnh « séc » vào một ngày hết hạn « séc » vì Mẫu dịch cũng cạn hàng.

Trích báo Nhân - Văn số 4 ngày 5 - 11 - 1956

Tình-hình nước ta hiện thời ra sao ? Tình-hình ấy có bi-quan không ? Đó là vấn-đề nhận định thời. Nhưng cái chủ-yếu là ta không nhìn tình-hình ấy với con mắt bi-quan. Vậy sự thật khách-quan như thế nào ? Nhìn vào nông-thôn, ta thấy hiện thời tình-trạng thiếu đoàn-kết rất phổ biến. Vì thi-hành sai chính-sách cải-cách, ta đối lập các tầng lớp trong giai-cấp nông-dân, cán-bộ cũ và mới, chi-bộ cũ và mới của Đảng. Trong khi đập tan giai-cấp địa-chủ, ta không phân biệt đối xử, ta để cho chết chóc thể thâm những người hoặc già cả, hoặc trẻ ấu mà ta không chủ-

ương tiêu-diệt. Ta chỉ cần đọc các bài giáo-huấn cho đồng bào nông-thôn đăng trong báo Nhân-Dân là ta đủ hiểu mặt mũi nông-thôn hiện thời ra sao. Nhìn về các công-xưởng công-trường, ta thấy gì? Cứ đọc báo Nhân-Dân thôi, ta thấy Chính-phủ gửi các phái-đoàn đi thăm các anh chị em công-nhân, ủy lạo họ, bắt buộc thi-hành quy-chế lao-động mà Chính-phủ đã ban ra. Nghĩa là thế nào? Nghĩa là giai-cấp công-nhân đã phải lao-động sản-xuất hai năm nay mà không được bồi dưỡng đúng mức. Lặng nghe dư-luận đồng bào Hà-nội thôi, ta được biết rằng có ít ra một doanh-nghiệp quốc-gia lãng-phí bao nhiêu triệu trong khi dưới chế-độ Pháp thuộc, cũng doanh-nghiệp ấy mang lại cho thực-dân đế-quốc các số lãi khổng lồ.

Về Mậu-dịch vừa năm nay, đồng bào ca thán như thế nào, ta đã biết. Nào chèn ép các nhà kinh-doanh tư-nhân, nào lãng-phí bao nghìn triệu trong khi thực-hiện chính sách, nào tàn-nhẫn với các người bán sức lao-động cho mình, nào đưa ra thị-trường sữa lư mà không bao giờ nghĩ đến tính-mệnh của người ốm, của trẻ sơ-sinh, nào tung ra bơ hỏng, thuốc lá mốc, phan đến sức khỏe của nhân-dân, nào bắt lỵc trước hiện-tượng vật-giá ngày càng lên trong khi nhiệm-vụ của mình là phải bình ổn nó. Có thể nói được, suốt ngày đêm không đầu là không có lời oán trách Mậu-dịch.

Về bộ-khẩu thì cán-bộ tỏ vẻ không phải là nhằm duy-trì trật-tự an-ninh, phá vỡ cơ-sở của dịch, trái lại quấy nhiễu nhân-dân, tạo ra một đời sống thành thị điêu đứng cho tất cả. Nếu các vị cần những dẫn chứng cụ-thể, tôi chỉ xin nhắc lại hồ-sơ mênh mông, thu lượm các thối mốc cay đắng của đồng bào Thủ-đô, trong Đại-hội lần thứ 3 của nhân-dân Hà-nội vừa họp cách đây 2 tháng.

Nói về chính-sách khôi-phục kinh-tế ta thấy gì? Số vốn mà các nhà công-thương mang ra kinh-doanh chỉ là một phần ti-tiểu, số công-nhân làm việc trong các doanh-nghiệp tư-nhân không có nghĩa lý gì. Trái lại ta thấy tất cả một phong-trào các nhà tư-sản thu hẹp hoạt-động của họ, hoặc « chuyển hướng » bằng cách đâm ra quay chỉ, bán nước mía, hay dệt vải thướt vải vớ vớ, hoặc đóng cửa ăn vào vốn để khôi dựng chạm đến Sở Lao-động vì vấn-đề công-nhân, với Sở Công-thương vì vấn-đề đăng-ký và nguyên liệu sản-xuất, với Sở Tài-chính vì thuế khóa đặc-biệt. Thuế hồ xung đã đưa bao nhiêu người đến chỗ phi sản có kể đến chỗ tự sát. Các người tiêu-thương buôn thúng bán mẹt, đẩy chiếc xe hàng tiểu tụy trong phố, cũng « được » nộp thuế, cũng như các người suốt ngày làm việc ở công-sở hay công-xưởng, tối về thức đêm dệt vải thướt kiếm thêm tiền độ thân. Hàng trăm, hàng nghìn công chức cũ về hưu, với gia-đình của họ, trước đây sống bằng lương hưu trí, hai năm nay không được ai chiếu cố đến, chết dần chết mòn, có người lâm đầu xuống sông tự tử, có người hai lần uống thuốc độc để quyền sinh.

Còn như các cán-bộ thì ta có cần nói đến không? Ta cứ trông mặt mũi, quần áo họ, ta chỉ cần hỏi con số những người qua các phòng khám bệnh các bệnh-viện, ta liếc mắt nhìn họ ăn uống những gì trong bữa cơm, là ta đủ hiểu khổ-cực của họ.

Ta quên thế nào được các đồng-bào tập-kết ra ngoài Bắc, số phận con cái họ ở Hà-nội, Hải-phòng, số phận chính của họ, bi-đát quá nổi! Khờ

cực nhất cho các anh chị em, là không nương tựa được vào một đời sống gia đình để khuấy khỏa trong lúc thâm sâu.

Các hiện-tượng trên đây có đúng không, tôi chỉ yêu-cầu các vị đọc báo Nhân-Dân, nghiên-cứu các hồ-sơ chống chất lén ở Mặt-trận Thành Hà-nội Đại-bội lần thứ 3 vừa rồi, nghe ngóng lời than phiền của quần-chúng, nhìn nhận các quang-cảnh diễn ra dưới mắt của các vị là các vị đủ hiểu rồi. Quả thực như ông Trường Chinh đã tuyên-bố, uy-tín của Chính-phủ của Đảng bị tổn thiệt rất nhiều. Thế tại sao đồng bào chúng ta lại khổ cực ? Phải chăng vì cán-bộ của ta non, hẹp hòi, chưa thấm nhuần lý luận cách-mạng, không tôn trọng giá trị của con người, các nhu cầu và đòi hỏi chính đáng của nó ? Phải chăng vì ta đang mắc trầm trọng bệnh ấu-trị của cách-mạng ? Các điều đó là có, ta không hề chối và ta cũng không thể chối cãi được. Nhưng nhận định như vậy vẫn còn hơi hợt. Ta phải đi sâu hơn nữa. Khu trong Cải-cách ruộng đất của ta, ta thấy bao nhiêu người bị tù tội, bị giết oan, trong đó bao nhiêu người dấn ưu-tú đã từng góp phần không nhỏ vào sự-nghiệp cách-mạng, khi hiện thời, ở nông-thôn, vẫn có người bị đánh đập, ngược đãi, khu ta không xây dựng được đoàn-kết giữa các đồng-bào, thì ta phải nhận định rằng các sai lầm ta đã mắc trong cuộc Cải-cách ruộng đất này chỉ là những biểu-hiệu cực độ của các sai lầm ta đã phạm và các sai lầm ấy nêu lên, như tôi trình bày trên đây, một vấn-đề cực kỳ quan-trọng là vấn-đề lãnh đạo của Đảng Lao-Động.

Do đó, tôi yêu-cầu các vị cho phép tôi bắt đầu nghiên-cứu các sai lầm trong Cải-cách đã rồi sau khi truy nguyên các sai lầm ấy, để đạt mấy ý kiến về vấn-đề lãnh đạo.

I

Vấn đề pháp-ly trong Cải-cách ruộng đất

Ta đã sai lầm nghiêm-trọng Cải-cách ruộng đất, ta có thể tránh được sai lầm ấy mà vẫn bảo-dảm được đường lối căn-bản của cách-mạng không ? Tôi xin giả nhời cương-quyết rằng có.

Đường lối cách-mạng của ta đòi hỏi gì ? Ruộng phải trở về người cày. Thiều này rất đúng, không ai có thể chối cãi được. Nông-dân là đại đa số trong nhân-dân, nông-dân là quân-dội chủ-lực của cách-mạng, nhất định cách-mạng không thể nào thành-công được, nếu ta không thỏa-mãn nhu-cầu thiết-yếu và cấp-bách của nông-dân. Không cần phải là một nhà chính-trị c.o, một nhà cách-mạng thạo, cũng nhận thấy điều ấy. Chỉ cần nhìn lịch-sử cách-mạng từ thời kỳ cổ đại đến giờ là đủ hiểu rồi.

Như vậy về nguyên-tắc, ta tán-thành chủ-trương Cải-cách ruộng đất.

Về phương-pháp, ta có nên ban ơn cho nông-dân không ? Nhất định là không. Nông-dân ta, trong bao nghìn năm đã khổ cực dưới chế-độ bóc lột phong-kiến và một trăm năm nay, dưới chế-độ bóc lột thực-dân. Đồng-bào nông-thôn ta lầm than như vậy, đã mất hết khí thế con người. Ta cần khôi-

phục khí thế của người nông-dân, xây dựng cho họ tinh-thần chủ-nhân-ông trên đất nước. Do đó, ta thấy cần thiết phải phát-dộng tư-tưởng của họ để họ nhận được phân-minh kẻ thù của họ, để họ vùng giẫy nếm lấy quyền thế ở nông-thôn.

Nhưng từ đây trở đi, ta thấy khởi phát các sai lầm. Sai lầm này, ông Trường Chinh đã nhận thấy là ở chỗ : ta quên hẳn ta hiện thời nắm chính-quyền và chính-quyền ấy, nếu ta biết xử-dụng nó, khai-thác nó một cách sáng suốt, nhất định ta vẫn thành-công nhưng ta tránh được bao tai-họa làm ta đau khổ hiện thời.

Con đường ông Trường Chinh đã đi để tiến tới kết-luận ấy là con đường chính-trị. Các anh em tôi là những nhà luật học, chỉ là nhà chuyên-môn và lý-luận trên cơ-sở chuyên-môn thôi, đã trông thấy kết luận ấy ngay từ khi chính-sách phát-dộng và Cải cách được đề ra. Tại sao ? Vì giải-pháp chính-quyền cụ-thể là giải-pháp pháp-ly, đảm-bảo thắng lợi hoàn toàn của cách-mạng nếu ta biết mang nó ra phục-vụ chính-trị và cách-mạng.

Ta muốn gì ? Tìm kẻ thù của nông-dân, của cách-mạng để tiêu diệt nó. Nhưng đồng-thời nếu ta biết lo xa, nhìn xa, ta cũng không quên rằng, công-ly của cách-mạng muốn hào-toàn được uy-tín và thắng lợi của cách-mạng, phải biết đánh đúng địch. Khi đưa ra khẩu-hiệu *« thù chết 10 người oan còn hơn để sót một địch »* thì khẩu-hiệu này không những quá tả một cách vô lý, mà phản lại cách-mạng là đảng khác nữa. Muốn chứng-minh điều này, ta chỉ cần nhìn thực-tế : kết quả sai lầm ta đã phạm khi thực-hiện khẩu-hiệu này, rất tổn thiệt cho uy-tín của cách-mạng và cho bản-thân hao nhiều chiến-sĩ cách-mạng. Nếu không phải đó là phản lại cách-mạng thì là gì ?

Khẩu-hiệu của pháp-ly thì khác hẳn : *« Thù 10 địch sót còn hơn một người bị kết án oan »*. Thế ta có lo ngại rằng 10 địch sót không ? Không, vì ta nắm chính-quyền, vì cách-mạng ta đã thành-công. Như vậy kẻ thù của cách-mạng chẳng sớm thì chậm ; nhất định hoặc cải-thiện, giác-ngộ, hoặc lọt vào lưới của ta. Khẩu-hiệu này lợi ở chỗ : không một người oan nào bị kết án. Do đó, không có các kết-quả cực kỳ tai hại diễn ra hiện thời.

Làm thế nào thực-hiện được khẩu-hiệu ấy ? Kinh-nghiệm pháp-ly của hàng nghìn năm lịch-sử thế-giới cho ta biết rằng ta có phương-pháp để tìm đúng địch mà đánh, không đánh tràn lan, không đánh người vô tội. Tôi xin phép nhắc tóm tắt sau đây các nguyên-tắc căn-bản mà pháp-ly nêu lên để đạt mục-dịch ấy.

Một nguyên-tắc đầu tiên là không hình phạt các tội đã phạm quá lâu rồi mà bây giờ mới khám phá ra. Tại sao ? Vì rằng vấn-đề bằng chứng khó giải-quyết được. Tang vật đã mất, nhân chứng có người đã từ trần, có người không nhớ rõ các sự việc họ đã mục kích. Hơn nữa, sở dĩ hình luật phạt các tội, là vì các tội ấy đã xâm phạm vào trật-tự xã-hội : tác hại cho nạn nhân và gây tác-dụng xấu trong quần-chúng. Nhưng khi tội đã phạm quá lâu, trật-tự xã-hội hết bị xâm phạm rồi, nạn-nhân không còn đau khổ, tác-dụng xấu của tội cũng hết, thời-gian đã hàn gắn các vết thương. Bây giờ lại vạch

chuyện cũ thì không những khó thu thập được bằng chứng kết tội mà lại gây thiệt sự não động trong xã-hội không cần thiết. Chính xã-hội thấy «quên» lợi hơn là «nhớ».

Một nguyên-tắc thứ hai là trách-nhiệm của phạm-nhân thì chỉ một mình phạm-nhân phải chịu, không có trách-nhiệm chung của vợ con, của gia-đình. Nếu trách-nhiệm trước hình luật của các người «có quan-hệ» với phạm-nhân không những là bất-công mà lại còn gây các sự rung động vô ích trong xã-hội. Hơn 400 năm nay không một nước Tây-phương nào làm việc đó nữa. Trách-nhiệm trước hình luật chỉ là một trách-nhiệm cá-nhân mà thôi. Không những thế, về phương-diện nhân-đạo, thì các phạm-nhân quá già được miễn nghị, miễn tố và các vị thanh-niên được chiếu cố.

Một nguyên-tắc thứ ba là muốn kết án một người phải có bằng chứng xác đáng. Phải có nhân chứng là những kẻ đã mục kích sự phạm pháp và cung khai một cách cụ-thể, rõ ràng, chắc chắn. Một nhân-chứng thôi chưa đủ, ít ra cũng phải có hai nhân-chứng cung khai phù hợp với nhau, mới được coi là đáng kể. Cung khai của các nhân-chứng phải ăn khớp với nhau và trong quá trình phạm pháp các tang vật thu được phải có tác-dụng hợp lý, sát hợp với kết-quả do cuộc điều-tra mang lại.

Một nguyên-tắc thứ tư là thủ-tục điều-tra, xét xử phải bảo-đảm quyền lợi của bị tố nhân. Bị tố-nhân có quyền nhờ luật-sư bào chữa cho mình, và khi thiếu điều-kiện nhờ luật-sư, khi nào là một trọng tội, Tòa phải cử luật-sư bào chữa không, cho bị can. Trong tất cả, giai đoạn điều-tra ở trình-độ công-an thăm vấn trong phòng dự-thăm, buộc tội trước tòa quyền-lợi của công-tổ-viện ngang với quyền lợi bị can, nghĩa là nếu công-tổ-viện đưa hết lý lẽ để buộc tội, bị can đưa hết lý lẽ để minh oan. Cuộc đấu lý diễn ra trong tất cả quá trình điều-tra, truy-tố, xét xử giữa công-tổ-viện và luật-sư. Các vị thẩm-phán ngồi xét xử phải là vô tư, đứng giữa để theo dõi cuộc đấu-lý diễn ra dưới mắt mình. Như thế mới nhận định đúng và xử công-minh. Tòa-án xét xử không chịu lệnh của ai trong khi xét xử, chỉ biết xét xử theo lương-tâm của mình và căn-cứ vào tài-liệu trong hồ-sơ, sau khi nghe hai tiếng chuông buộc tội và gỡ tội. Người thẩm-phán phải được đủ đảm-bảo để làm nhiệm-vụ của mình, mà không sợ ai khiên-trách hay gây khó khăn cho mình được. Khi điều-tra, thăm-vấn tuyệt đối cấm không được dùng phương-pháp tra-khảo, đánh đập, hành hạ bị can, mớm cung cho bị can, dọa nạt hay dụ dỗ hấn. Khi nào có điều nghi ngờ thì bị can được miễn nghị. Nếu bị kết án, thì lại còn quyền xin ân giảm trước vị Chủ-tịch Chính-phủ. Con người của bị can, trong tất cả quá trình truy-tố và xét xử, phải được tôn-trọng triệt-đề, khi bị can ra trước tòa thì không được xiềng xích họ và không lúc nào được dùng nhục hình đối xử với họ.

Theo một nguyên-tắc căn-bản, không phải vì một người tác hại cho một người khác, mà người ấy phải chịu trách-nhiệm trước hình-luật. Tác hại cho ai, thì chỉ nêu trách-nhiệm, về phương-diện dân-sự nghĩa là bồi-thường thôi — của người đã tác hại. Muốn truy-tố người ấy để thi-hành hình-luật đối với bản, thì phải chứng-minh rằng bản phạm một tội, nghĩa là phạm vào một điều-khoản nào qui-định trong hình-luật, và hình-luật không bao giờ có tác-dụng đối với

quá-khứ cả : nếu hành-dộng của một người diễn ra trong thời kỳ mà hình-luật chưa quan-niệm là một tội, thì người ấy không thể mang ra truy-tố được. Không những bị can phải phạm một tội đã qui-dịnh rồi trong pháp-luật, mà ta lại còn phải xét xem rằng lúc phạm tội ấy, bị can có ý-thức, có ý-chí phạm pháp không hay là vô-tình mà phạm pháp. Sự đối xử trong hai trường-hợp ấy khác nhau.

Lúc tôi nhắc lại các nguyên-tắc này thì có vị cho rằng như thế là phiền-phức, phức-tạp. Dĩ nhiên rồi, nhưng tất cả vấn-đề là : ta có muốn giết người vô tội không ? Nếu không thì không thể nào làm khác được. Hơn nữa, muốn nhận định vấn-đề cho đúng, ta không nên đứng vào vị-trí một người hiện thời không dây dũa với pháp-luật, một người ở một cương-vị chính-quyền. Ta phải đứng vào cương-vị của bị tố-nhân ; lúc ấy vấn-đề rất sáng tỏ, không những ta đòi thi-hành các nguyên-tắc pháp-luật, ta còn cố gắng tìm hiểu thêm các nguyên-tắc mới để đảm-bảo người oan khỏi bị chết.

Nếu mang ra áp-dụng các nguyên-tắc ấy vào cuộc Cải-cách ruộng đất của ta, ta sẽ làm thế nào ? Thủ-tục cải-cách cứ diễn bài nhưng sự trừng-trị bọn cường hào gian-ác hay phản-động, ta sẽ không giao cho một *tòa-án nhân-dân* đặc-biệt như ta đã làm, với tất cả sự thiếu sót về phương-diện pháp-lý mà ta đã biết. Trái lại, sau khi phát-động tư-tưởng của nông-dân, ta sẽ nghe lời họ tố-cáo kẻ thù của họ. Ta sẽ ủy-nhiệm *tòa-án nhân-dân thường lập các hồ-sơ*, đề tòa-án, với bộ máy và kinh-nghiệm của nó, tiếp tục điều-tra, kiểm-tra, lấy cung-chứng, truy-tố, luận tội, xét xử. Ta đảm bảo triệt-đề cho bị tố-nhân quyền bào chữa của họ, ta yêu cầu các luật-sư làm tròn nhiệm-vụ của họ, ta tôn trọng triệt-đề con người của bị tố-nhân. Ta chỉ thù ghét và kết án, trừng-phạt, tội của nó đã phạm thôi. Ta tin tưởng ở tòa-án, ta đảm-bảo cho các vị thẩm-phán làm việc ngoài sự điều khiển của chính-quyền, một cách biệt lập, tôi nói biệt lập chứ không phải độc-lập, theo lương-tâm của các vị và căn-cứ vào hồ-sơ và kết-quả của cuộc thăm-vấn.

!!

Các nguyên nhân sai lầm

Theo như tôi nhận định, với chủ-quan của tôi, các nguyên nhân sai lầm thuộc hai loại, có loại trực tiếp, nhưng nếu ta phân tích loại này thì ta sẽ đi tới một loại thứ hai, mà theo tôi là những nguyên nhân chính, ta cần chú-ý.

Các nguyên nhân trực tiếp ta trông thấy ngay. Sở dĩ mà khi nghiên-cứu chính-sách Cải-cách, ta không nghĩ đến giải-pháp pháp-lý đưa ra để điều hòa với giải-pháp chính-trị, phải chăng là vì ta không biết giải-pháp pháp-lý ? Nếu không thì là sự thiếu sót nghiêm trọng của cấp lãnh đạo. Nhưng tôi tin rằng không phải như thế đâu. Sở dĩ ta không đề ý đến giải pháp pháp-lý là vì 3 lý do :

- 1) Quan điểm ta-dịch, thù-hận của ta rất mơ hồ
- 2) Ta bất chấp pháp-luật, lấy chính-trị lấn át pháp-lý
- 3) Ta bất chấp chuyên môn.

a) Quan-diêm bạn-thù, ta-địch mơ hồ. — Các hiện-tượng trên trường quốc-tế và trong nước rất nhiều và rõ rệt.

Trên trường quốc-tế, trong các nước dân-chủ của ta thời, ta thấy những điều làm ta suy nghĩ. Ta thấy chẳng hạn những người suốt đời hy-sinh cho sự nghiệp cách-mạng, giữ những trọng-trách trong chính-thể cách-mạng, rồi bỗng nhiên phải truất quyền, khai trừ ra khỏi Đảng, tổng giam, thậm chí có khi bị giết nữa. Rồi ít lâu sau, ta lại thấy các người ấy được khôi-phục công-quyền, đảng-tịch, cương-vị, người nào bị kết án tử-hình rồi thì được an táng lại ở các đài kỷ-niệm các liệt-sĩ mà Tổ-quốc ghi tên muôn đời.

Trong nước ta, qua cuộc Cải-cách ruộng đất ta thấy bao nhiêu các chiến-sĩ cách-mạng thành-tích lộng lẫy, có người ngực gắn tới hai huyl-chương kháng-chiến (ở ngoại thành HÀ-nội), bị kết án là phản-động, cường hào gian ác, và sau khi nhận tội, bị tổng giam hay bị hành hình. Ấy là không nói đến các người trong quần-chúng bị hy-sinh oan. Đối với các nạn-nhân này, ta có thể thề một phần nào, hiểu các sai lầm đã phạm, vì họ thiếu, hay không có thành tích cách-mạng hay kháng-chiến. Nhưng đối với các đảng-viên ưu-tú, tinh-hoa của dân-tộc, lúc bị xử trí như ta đã biết, thì ta tự hỏi trong đầu óc của những người xử họ có cái gì mà ta gọi là lý tính không? Ngay một thường-dân, không phải là một nhà chính-trị hay văn-hóa, chỉ xử-dụng cái lẽ phải của mình thôi, cũng không thể nào hỗn-hợp người xấu với kẻ tốt như vậy được. Ta phải đặt vấn-đề rằng cán-bộ từ trên xuống dưới, tham-gia Cải-cách ruộng đất, không phải là người điên-cuồng, cũng không phải là người chủ mưu, dụng tâm phá hoại. Nếu như thế, thì ta sẽ gửi họ đến bác-sĩ chuyên-môn chữa bệnh thần-kinh, hay đến công-tổ-viện của các tòa-án. Nhưng không phải như thế, ta tin như vậy. Do đó, kết-luận mà ta tiến tới, dù muốn hay không, là các cán-bộ ấy có một quan-diêm rất mơ hồ về ta-thù, bạn-địch.

Còn gì đau đớn hơn là câu ta được nghe « *ta đánh cả ta nữa* ». Nếu như vậy, thì ta phải nhận rằng ta không phân biệt được bạn và thù. Ta đọc lại các bài gần đây đăng trong báo Nhân-Dân của các đồng-chí bị xử trí oan, hoặc các đồng-chí ấy nói, hoặc không nói, nhưng ta đều hiểu các đồng-chí ấy nghi ngờ những người đã kết án các đồng-chí, không phân biệt được bạn và thù. Vì vậy nên *đánh cả bạn, giết cả bạn*.

Tôi thấy đây là một điều cực-kỳ quan-trọng. Nguyên do ở đâu? Phải chăng ở một tinh-thần cảnh-giác quá cao đến nỗi mù quáng, ở một tà khuynh mà ta thường mắc trong giai-đoạn ấu-trí của cách-mạng? Đây không phải là nơi và lúc mà ta cần phân tích sâu sắc điều ấy. Chủ-yếu là ta nhận thấy rằng một nguyên nhân sai lầm là ở trong quan-diêm thù bạn rất mơ hồ. Nếu ta không kịp sửa chữa sai lầm, xây dựng lại quan-diêm thù bạn, một ngày kia ta sẽ lại phải khóc trên kỷ-niệm của các vị có công nhất với cách-mạng, với nhân-dân. Ta cương-quyết không thể nào để tình-trạng ấy tái diễn ra được.

b) Bất-chấp pháp-luật. — Giáo-sư Ba-lan Mahelli nói chuyện ở Bộ Tư-pháp, cho ta biết rằng bên Ba-lan, khi cách-mạng thành công các nhà chính-tại bất chấp pháp-luật. Họ quan-niệm rằng họ đủ tài năng để đảm nhận các cương-vị lãnh đạo trong ngành tư-pháp, để bỏ buộc tư-pháp phục-vụ triệt-đề chính-

uj mà không đếm xỉa đến các nguyên-tắc căn-bản của pháp-lý. Kết quả là chẳng bao lâu bộ máy tư-pháp sặc-sệch, không những không củng cố được chính-thề cách-mạng, ngược lại, tác hại quá nhiều gây bao nhiêu khó khăn cho chính-quyền cách-mạng. Sai lầm ấy được uốn nắn kịp thời, hoàn cảnh khách-quan đã dạy một bài học cho chủ-quan các nhà chính-trị. Sau đó, phải giả lại cho Tư-pháp tính-chất biệt lập của nó, và các nhà chính-trị, đề lãnh đạo chuyên-môn, phải nhập trường học-tập, trước non 2 năm, sau 5 năm, đề qua pháp-lý, phục-vụ chính-trị và cách-mạng.

Điều này không làm chúng ta ngạc-nhiên. Trong giai-đoạn đầu tiên, chính-trị say sưa với các thắng lợi đã thu — và dĩ-nhiên, các thắng-lợi ấy vi-lại — lấm vào tình-trạng tự mãn và bao biện. Nhưng quản-trị một nước, đặc-biệt một nước đang xây-dựng chính-quyền cách-mạng nghĩa là một cái gì vô cùng mới mẻ, và khó khăn — không giống như là đi ra đường lối và khâu-hiệu tranh-đấu cách-mạng và vận-dộng quần-chúng làm cách-mạng. Hai khu vực hoạt-dộng ấy, tuy quan-hệ mật-thiết với nhau, nhưng mỗi ngành hoạt-dộng có kỹ thuật và quy-luật của nó. Lúc nhà chính-trị bao-biện, bắt chấp hoàn cảnh khách-quan kinh-nghiệm xương máu của lịch-sử, thì chẳng sớm thì muộn ta thấy diễn ra những tai-hại hiện thời làm chúng ta đau xót. Trên con đường bao biện và tự mãn ấy các nhà chính-trị đã bị thúc đẩy bởi những thành-kiến đối với pháp-lý và tin rằng pháp-lý là cái gây chi dùng đề chọc bánh xe, không hiểu rằng trái lại, pháp-lý, chính giúp xe khỏi lật, khỏi gây tai nạn. Nguy hại hơn là chính-trị tự đặt mình lên trên pháp-luật. Ngay trong trường-hợp chính-trị sau khi đặt mình lên pháp-luật, còn giữ vững thái-độ chân chính, cũng đã gây ra bao khó khăn rồi. Pháp-luật chủ-yếu đề ra những cái gì có thể làm được, cái gì không được phép làm, do đó nhân-dân vững tâm biết rõ đường mà đi. Nhưng tâm-hồn quần-chúng chỉ được ổn-định khi nào quần-chúng biết rõ rằng cái gì bố buộc mình cũng đồng thời bố buộc nhà cầm-quyền. Trái lại khi pháp-luật chỉ gò bó quần-chúng mà không gò bó nhà cầm-quyền, thì nhà cầm-quyền mỗi lúc có thể vẽ ra các đường mới mà quần-chúng chưa từng biết. Vì vậy, quần-chúng hoang mang : cái gì hôm qua làm được, ngày mai, với sự độc-đoán của nhà cầm-quyền, có thể bị coi là phi-pháp. Hoang mang ấy lên tới cực-độ khi tác-dụng của sự thay đổi thái-độ này của nhà cầm-quyền không những ảnh-hưởng đến tương-lai, mà lại ảnh-hưởng cả về quá-khứ nữa. Đó là trường-hợp nhà cầm-quyền lúc tự đặt mình lên trên pháp-luật, giữ thái-độ chân chính, đúng mực hưởng hồ là khi nhà cầm-quyền xử-dụng quyền-thế của mình một cách lộng quyền, như ông Trương Chính đã nhận định. Quyền xử tử người một cách đơn-giản như vậy trái với luật-pháp : đó chỉ là một giải-pháp chính-trị mà thôi. Nếu mà các người xử-dụng quyền ấy, lại không xử-dụng đúng với tinh-thần chính-sách của lãnh đạo, xử-dụng một cách lộng quyền thì kết-quả thế nào, hiện thời ta đã trông thấy rõ.

c) **Bắt chấp chuyên-môn.** — Các nhà chính-trị bắt chấp pháp-luật. Nhưng nếu các vị ấy tranh-thủ ý-kiến của các nhà chuyên-môn và cho phép các nhà chuyên-môn đề đạt ý-kiến thì các nhà chuyên-môn cũng sẽ yêu-cầu các nhà chính-trị nên chú-ý đến pháp-luật, và dùng pháp-luật phục-vụ cách-mạng.

Nhưng tiếc thay, trong 10 năm vừa qua, ta thấy một tình-trạng quái gở. Chính-trị ám ảnh đều óc chúng ta đến nỗi hai chữ « lập-trường » làm, ta

mất ăn mất ngủ. Nếu được dùng một hình ảnh « duy-tâm », tôi ví lập-trường như cái oan hồn ngày đêm theo đuổi kẻ nào đã hãm hại người chủ của nó. Có một điều lạ, là các anh em công nông, các vị lãnh-tự không bao giờ nói đến lập-trường trong sinh-hoạt hàng ngày. Trái lại, các cán-bộ và đảng-viên tiểu tư-sản không lo ngại gì bằng sự mất lập-trường. Vì vậy đề nhớ đến nó, mở miệng ra, là nêu lập-trường rồi. Đó là tinh-thần tự ti của một giai-cấp mất khí thế, quên rằng mình đứng trong hàng ngũ cách-mạng. Dù sao, ở Việt-nam chúng ta cũng đã xây ra những sự việc như sau đây, ta cần ghi nhớ đề con cháu ta cười muôn thuở : khi chọn một người vận lái ô-tô, ta không hỏi người ấy có bằng vận lái và đã vận lái bao năm, ta chỉ hỏi : « Có lập-trường không ? » Kết-quả là từ hai năm nay, riêng trong thủ-đô Hà-nội, hàng trăm tai nạn xảy ra do các người vận lái ô-tô có lập-trường mà không nắm chuyên-môn. Khi đưa tới bệnh-viện, một bệnh nhân cấp-cứu, vấn-đề mang ra thảo-luận trước tiên là : Bệnh-nhân thành-phần giai-cấp nào ? Chữa cho địa-chủ thì « mất lập-trường ». Để nó chết mới chứng-minh mình có « lập-trường giai-cấp » (hiện-tượng do B. S. Nguyễn xuân Nguyễn đưa ra).

Tại sao có những hiện-tượng quái gở như vậy ? Là vì chính-trị chiếm đóng, tất cả các khu-vực trong nhận-thức của chúng ta làm chúng ta mất cả cái nhân-đạo tối-thiểu của con người, làm chúng ta khước từ các chân-lý. Chân-lý cho biết rằng chính-trị không thể nào thay thế được cho chuyên-môn, không làm được việc của chuyên-môn. Nếu như vậy thì ít ra chính-trị cũng hỏi ý của chuyên-môn mới là phải. Nhưng không. Chính-trị nghi ngờ chuyên-môn, không tin ở chuyên-môn. Lúc thì cho rằng chuyên-môn là do văn-hóa và khoa-học tư-sản đế-quốc xây dựng, là vô-dụng (đó là một sai lầm nghiêm-trọng chứng minh rằng các người tin như vậy chưa đọc Lê-nin). Lúc thì cho rằng các nhà chuyên-môn không phải xuất hiện ở tầng lớp cơ-bản, công hay nông, thì không có đảm-bảo vì thái-độ lừng chừng, lập-trường lỏng lẻo, dù là 10 năm nay, họ đã bước chân vào đường cách-mạng và chứng-minh nhiệt tình của mình đối với sự-nghiệp giải phóng dân-tộc, kiến-thiết quốc-gia.

Theo ý tôi đây là một vấn-đề then chốt. Các anh em trí-thức kháng-chiến thường phân nân rằng Đảng Lao-động thiếu tin-nhiệm họ. Họ đau khổ mà nhận thấy rằng mặc dầu họ đã trải qua bao nhiêu thử thách, chịu đựng bao nhiêu hy-sinh, trải qua bao nhiêu gian nguy, Đảng vẫn chưa tin ở họ. Nào họ có yêu-sách gì quá đáng đâu ? Họ có đòi làm Bộ-trưởng hay Đại-sứ đâu ? Không. Đại đa số các anh em trí-thức nói chung, không mơ ước các cương-vị, công-tác lộng lẫy đâu, họ vui lòng nhường chỗ cho các nhà chính-trị, các đảng-viên. Họ chỉ thiết tha, đòi hỏi được mang khả-năng chuyên-môn và kinh-nghiệm của họ ra phục-vụ nhân-dân mà thôi. Họ chỉ thiết tha mong muốn được bảo-toàn danh-dự trí-thức của họ và cái tự-do tư-tưởng mà họ quan-niệm là cần thiết cho nhân-phẩm của người trí-thức mà thôi. Họ đã từng nghe thấy Đảng tuyên-bố : Người trí-thức là vốn quý của dân-tộc. Nhưng họ cảm thấy vốn ấy quý quá, đến nỗi phải cất nó đi thật kỹ, giữ gìn nó trong một bán ảnh, một hoàng-hôn trường-cửu. Nếu ai có cho rằng tôi nói không đúng, tôi cứ đề-nghị người ấy quay mặt nhìn chung quanh, ở các cương-vị công-tác trong chính-thể của ta. Có một chỗ nào mà người trí-thức

ngoài Đảng nắm được thực-quyền không ? Tác-dụng « hiều-hỉ » hay « cười gật » thì có, mà lại có nhiều. Nhưng ngay ở các cương-vị ấy, ngoài vai trò hiều-hỉ, cười gật, người trí-thức có một trách-nhiệm gì không, có quyền nói gì, làm gì không, quần-chúng đã biết và miễn tội già nhời.

Chính-trị chèn ép chuyên-môn như thế nào ; xua đuổi người trí-thức ra ngoài con đường cách-mạng ra sao, lịch-sử kháng-chiến đã cho ta kinh-nghiệm đau đớn. Năm 1949, phong-trào tư-pháp liên-khu III tan vỡ vì chính-quyền quan-niệm tư-pháp phải thuộc sự điều-khiển của mình. Năm 1951, phong-trào quân-y, dân-y liên-khu IV sụp đổ vì các chính-trị-viên đưa vào các bệnh-viện, đã đàn áp chuyên-môn, thúc đẩy các bác-sĩ có công với cách-mạng, với kháng-chiến, phải gặt nước mắt mà rời bỏ kháng-chiến. Đó không phải là chủ-trương của Đảng Lao động. Nhưng có một điều làm ta suy nghĩ : sao mãi bây giờ sau 10 năm Đảng mới nghiên-cứu một chính-sách cho trí-thức ? Điều ấy chứng tỏ rằng từ khi cách-mạng thành-công, ta chưa đánh đúng giá người trí-thức, chưa đặt vấn-dề trí-thức. Do đó, làm thế nào khai-thác được tất cả khả-năng của người trí-thức để họ mang chuyên-môn ra phục-vụ nhân-dân ?

Trên đây tôi nói về người trí-thức từ chiến-khu trở về. Đối với người trí-thức vẫn ở trong Thủ-đô, ta thấy sự thiếu tín-nhiệm ấy lại còn trầm-trọng hơn nữa. Bao lần ta nghe tiếng chua cay của các anh em ấy phàn nàn 'bị coi như là kẻ thù, mặc dầu các anh em vì yêu nước, đã khắc-phục mọi lo sợ, do tuyên-truyền của địch gây ra và ở lại với chúng ta. Ta để cho cán-bộ hộ khẩu xâm-phạm đến danh-dự của các anh em, ta không tìm cách nào sửa chữa sai lầm ta đã phạm đối với anh em. Ở các công-sở tình-trạng chèn ép của chính-trị đối với chuyên-môn đã đưa đến cái danh từ bi-đát làm cho ta đau lòng : « họ *Lưu*, họ *Kháng* ». Không đoàn-kết được các anh em, ta lại còn có thái-độ úp mở, nhùng nhằng (ta tưởng như vậy là thương-sách), thậm-chí ta lại còn nghi ngờ các anh em. Ta không hiểu rằng làm như vậy, ta bất-công với các anh em, ta không tôn-trọng lời đã hứa qua chính-sách tiếp-quản và cương-lĩnh Mặt-trận, ta đẩy các anh em xa rời ta, ta vô tình ném xuống bể tiêu-cực cái vốn chuyên-môn của các anh em trí-thức trong Thủ-đô.

Đó là những nguyên nhân trực-tiếp. Đào sâu hơn nữa ta thấy rằng sở-đĩ có những hiện-tượng như ta vừa phân tích trên đây, chẳng qua chỉ vì sự lãnh đạo của ta thiếu dân-chủ, xa lìa quần-chúng.

Chính-thờ ta thiếu dân-chủ như thế nào, ta đã từng biết. Vai trò của các vị Bộ và Thứ-trưởng ngoài Đảng, như thế nào ; các vị đó làm được những gì trong Hội-đồng Chính-phủ, trong các ngành chuyên-môn mà các vị

ấy phụ-trách, ta không nên đi quá sâu. Ta chỉ cần liếc mắt nhìn qua công việc làm trong mỗi Bộ, ta chỉ cần nghe tiếng than phiền của các cáu-bộ, công-chức, làm việc trong các Bộ là ta hiểu. Ta cũng biết rằng chủ-trương của Đảng có lẽ không phải như vậy đâu, nhưng trong thực-tế công-tác mỗi anh em ta tiếp-xúc với các vị Bộ hay Thứ-trưởng ngoài Đảng, đều nhận thấy rằng quyền hành của các vị ấy hình như không phải là quan-trọng cho lắm. Nhận định như vậy, có lẽ ta nhầm đấy. Nhất định ta nhầm. Nhưng dù sao có « dư-luận », không ai chối cãi được. Do đó, nếu chủ-trương của Đảng không phải như vậy thì ít ra Đảng cũng mang trách-nhiệm không làm thế nào để tiêu tan cái dư-luận tai hại mà chúng ta thấy tồn tại từ thời kỳ kháng-chiến đến giờ. Nhưng cũng có điều chắc chắn, không ai chối cãi được, là các vị Bộ hay Thứ-trưởng không có trách-nhiệm gì trước Quốc-hội, trước nhân-dân, chỉ có trách-nhiệm trước Chính-phủ mà thôi. Chưa bao giờ ta thấy vị Bộ-trưởng nào bị lật đổ cả. Phải đợi đến các sai lầm đặc-biệt nghiêm-trọng trong Cải-cách mới thấy hai vị Thứ-trưởng phải rút lui khỏi Hội-đồng Chính-phủ. Các hiện-tượng ấy chứng tỏ rằng Chính-phủ ta chưa thực-hiện được dân-chủ trong khi lập Hội-đồng Chính-phủ, vì các vị Bộ hay Thứ-trưởng đều được cử hay bị truất, ngoài sự tham-gia trực tiếp hay gián tiếp (qua Quốc-hội) của quần-chúng.

Tình-trạng của Quốc-hội lại rõ hơn nữa. Mười năm Quốc-hội đã thành-lập. Các vị đại-biêu Quốc-hội còn phản-ảnh được ý-nguyện của quần-chúng không, quần-chúng có tín-nhiệm ở Quốc-hội nữa không, đó là một vấn-đề. Nhưng dù vấn-đề ấy, ta giải-quyết như thế nào đi nữa, có một điều chắc chắn là một Quốc-hội già 10 năm rồi và vẫn tồn tại, ngoài sự can-thiệp của quần-chúng, sự lựa chọn của quần-chúng, chứng-minh rằng quần-chúng 10 năm nay đã bị truất quyền cử đại-biêu của mình rồi. Dĩ nhiên trong thời kỳ kháng-chiến, bầu lại Quốc-hội là một điều không làm được. Và hiện thời Nam-Bắc bị tạm chia cắt, do đó sự bầu lại toàn thể Quốc-hội cũng là khó khăn. Nhưng dù sao riêng ở các miền giải-phóng này, nếu ta chú ý đến quyền người dân cử đại-biêu của họ, thì nhất định ta phải cho phép người dân bỏ phiếu rồi. Từ khi hòa-bình trở lại, 2 năm đã qua, mãi bây giờ trước phong-trào quần-chúng đòi thực-hiện dân-chủ, ta mới nghĩ đến quyền bỏ phiếu của người dân, và bỏ xung Quốc-hội.

Nào có thể thôi đâu? Ngay cái Quốc-hội ta đang có hiện thời, ta có thực-niên dân-chủ với nó không? Chắc chắn là không. Thỉnh-thoảng ta mới họp Quốc-hội, và trong các buổi họp đó ta chỉ thấy Chính-phủ đưa ra các báo-cáo về Quốc-hội nghiên-cứu, xây-dựng, hay các chính-sách về Quốc-hội tán-thành và bỏ-khuyết. Quyền lập-pháp của Quốc-hội ở đâu? Quyền đề ra đường lối, chủ-trương trong nội-trị, ngoại-giao, quyền nêu trách-nhiệm của Chính-phủ và các Bộ, quyền lựa chọn nhân-viên trong Hội-đồng Chính-phủ.

bấy nh ế quyền. Quốc-hội có được hưởng-dụng không ? Du-luân quần-chúng quan-niệm rằng Quốc-hội chỉ có quyền thông-qua các chính-sách mà thôi. Còn như các sắc-lệnh hay đạo-luật thì thường thường, quyền thông-qua ấy chỉ thuộc ban thường-trực của Quốc-hội. Nếu Quốc-hội là tổ-chức cao nhất của quần-chúng, đại-diện cho quần-chúng, thì ta phải khách-quan nhận thấy rằng với vai trò vô cùng yếu ớt của Quốc-hội hiện thời quyền dân-chủ của quần-chúng không được thực-hiện.

Nói đến Mặt-trận thì tình-hình cũng tương-tự. Mặt-trận hiện thời là tổ-chức quần chúng có lẽ sát tình-hình quần-chúng nhiều nhất. Nhưng ta có đề nó đóng vai trò của nó không ? Không, tác-dụng của nó là động-viên quần-chúng để tấn-thành, ủng-hộ và thi-hành các chính-sách. Đứng về phương-diện này, nó làm tròn nhiệm-vụ của nó. Nó xứng đáng với tín-nhiệm của Đảng và Chính-phủ. Nhưng hoạt-dộng của nó như thế chỉ có một chiều thôi. Ta chưa khai-thác các khả-năng của nó. Ta chưa nhận thấy bản chất của nó. Nó có thể là liên-lạc « hai chiều » giữa quần-chúng và Đảng, Chính-phủ. Một mặt như nó thường làm, nó động-viên quần-chúng để thực-hiện các chủ-trương của Đảng và Chính phủ. Nhưng mặt khác, nó có thể là cơ-quan phản ảnh lên Đảng và Chính-phủ các ý-kiến, thắc mắc, nguyện-vọng của quần-chúng, góp phần xây dựng các chính-sách, nói lên tiếng nói của quần-chúng, cung-cấp tài-liệu nguồn gốc ở quần-chúng, tích-cực giúp đỡ cấp lãnh đạo tránh khỏi chủ-quan, thắt chặt liên-lạc giữa cấp lãnh đạo và quần-chúng. Nhưng muốn đề cho nó đóng vai trò ấy, ta phải « dân-chủ » đối với nó, nghĩa là phát động tự-do tư-tưởng của nó, để nó mạnh dạn nói lên ý-kiến của quần-chúng, dù là các ý-kiến trái ngược với nhận định của cấp lãnh đạo. Nhưng từ trước tới nay, ta không làm như vậy. Ta thấy khó chịu khi nó thô thể — chỉ thô thể thôi — những lời làm ta một phút chốc, tỉnh giấc mộng chủ quan mà ta, trong cấp lãnh đạo đang say sưa. Vì vậy ta chỉ thường cho phép nó, chỉ khuyến khích nó phục vụ ta, tán đồng ta với thái-dộ của đũa coa khen hay khi mẹ nó hát. Tóm lại, ta không dân-chủ với nó. Do đó, ta hạn-chế khả-năng của nó, nó không giúp ích gì cho cấp lãnh đạo.

Thiếu dân-chủ là gì ? Là xa rời quần-chúng, là giam hãm mình vào ngục thất của chủ-quan. Tại sao một chính-thê cách-mạng lại có thể phạm sai lầm nghiêm-trọng như vậy được ?

Trước đây, ta không trả lời được. Những người kính yêu cách-mạng rất ngạc-nhiên khi thấy có kẻ đi tìm tự-do, rời bỏ hàng ngũ cách-mạng để lên sang phía tư-bản. Ngay trong Thủ-đô ta hiện thời, qua Đại-hội lần thứ 3 của Mặt-trận Thành, ta thấy phản ảnh ý muốn của bao nhiêu đồng-bào muốn đi Nam. Ta nghĩ đến các đồng-bào, trong thời kỳ kháng-chiến, gạt nước mắt mà



Ông Cảnh - giác (soi gương)

- Địch! Địch đây rồi!

Tranh của bạn đọc

Trích báo Nhân-Vân ra ngày 11-11-1956

trở về Hà-nội. Nếu chính-thề của ta tốt tại sao lại có người dụng ý xa lánh, với trong lòng nổi đau khổ bi đát? Nếu cách-mạng mang lại cho họ ánh sáng và hạnh-phúc sao lại có người lo ngại trước cách-mạng, đau đớn vì cách-mạng. Các người ấy không phải thuộc thành-phần kẻ thù của cách-mạng, trái lại, thuộc thành-phần cơ-bản trong nhân-dân như nông-dân, công-nhân. Thế thì đâu là chân-lý? Đó là một vấn-đề mà trước đây ta chỉ đặt thôi và không giải quyết được.

Bây giờ sau Đại-hội lần thứ 20 của Đảng Cộng-sản Liên-sô, sau các cuộc bạo động ở Berlin, Poznan, bên Tiệp, bên Hung, ta hiểu rõ vấn-đề, ta giải-quyết được nó. Chung quy, mặc dầu cách-mạng là tốt đẹp, mang lại hạnh-phúc cho dân-tộc, sở dĩ vẫn có người xa lánh cách-mạng, chẳng qua là vì chính-thể cách-mạng mắc trầm trọng bệnh xa lìa quần-chúng, thiếu dân-chủ, do đó đi càng ngày càng sâu vào tình-trạng quan-liêu, mệnh-lệnh, duy-trì một thái-độ lãnh đạo hẹp hòi, độc đoán, có khi độc-tài. Thái-độ một chiều không muốn, không cho phép, ai nói cái gì trái ngược ít nhiều với ý-kiến nhận định, thành-kiến của mình. Mình tự phụ, tự hào mình có độc-quyền tìm thấy và giữ giữ chân-lý. Đó là tật tự cao, tự đại của nhà cách-mạng. Ta bay bổng lên trời xanh của ảo tưởng, ta chỉ tin ở ta, trong tư-tưởng, ta không khinh quần-chúng, nhưng trong hành-dộng, quả thực con mắt khách-quan nhận thấy ta bất-chấp quần-chúng. Thậm chí, khi ta nghe thấy một tiếng nào, từ quần-chúng nói lên rằng ta nhầm, ta làm như thế này mới phải, lập tức ta thét ngay đó là tiếng của địch. Sở dĩ quan-diêm bạn thù của ta mơ hồ, và đâu ta cũng trông thấy địch, chẳng qua là vì ta quá tự phụ, ta sùng bái ta quá đáng mà thôi. Bây giờ ta biết rõ là nếu bệnh ấy phổ-biến trong hàng ngũ cách-mạng hiện-thời, thì trách-nhiệm chính là Stalin phải chịu. Vì tự cao, tự đại, tự-phụ, tự mãn, Stalin không cho phép ai dân-chủ với mình, đâu cũng trông thấy địch. Kết-quả thế nào ta đã biết : khẩu-hiệu nêu lên, thét lên gào lên là : đề-cao cảnh-giác. Và lợi-dụng tình thế ấy, ta biết Béria đã làm những gì, phạm tội ác như thế nào.

Nếu không có quyết-nghị của Đại-hội lần thứ 20 của Đảng Cộng-sản Liên-sô, nếu không có những sai lầm cực kỳ tai hại trong Cải-cách ta chưa mở mắt được, ta sẽ còn thấy bao nhiêu máu oan chảy thành suối, thành sông, bao nhiêu người kinh yêu cách-mạng mà vẫn đau sót rời bỏ cách-mạng. Tuy ta phải trả một giá quá cao, nhưng bây giờ ta biết rõ nguyên-do của các đau khổ của ta : *ta thiếu dân-chủ.*

III

Phương hướng sửa chữa các sai lầm

Qua lịch-sử tranh-dấu của quần-chúng hai nghìn năm nay, ta thấy cái gì mà nhân-bản của loài người đòi hỏi thiết tha nhất đó là một đời sống vật-chất tương-đối đầy đủ êm ấm, đó là một đời sống tinh-thần tương-đối ổn-định, có đảm-bảo và tự-do. Hạnh-phúc của loài người xây dựng trên cơ-sở dân-sinh và dân-quyền. Tôi muốn nhấn mạnh ở đây về vấn-đề dân-quyền. Ta được biết từ hai thế-kỷ nay chủ-yếu trong vấn-đề dân-quyền là vấn-đề dân-chủ, nghĩa là quyền của người dân làm chủ trên đất nước, đồng thời là quyền của

con người được sống theo các nhu cầu thiết yếu và chính-dáng của nhân-bản. Từ cuộc cách-mạng tư-sản Hoa-kỳ cuối thế-kỷ thứ 18, Cách-mạng tư-sản Pháp 1789, tới cuộc Cách-mạng xã-hội chủ-nghĩa của Nga, quần-chúng nổi dậy, mang xương máu để dành cho kỳ được chế-độ dân-chủ. Sau cuộc đại-chiến lần thứ hai, Hiến-chương Liên-hiệp-quốc đúc kết những thành quả của các phong-trào lịch-sử tranh-đấu cho dân-chủ và đặt các nước văn-minh trước trách-nhiệm của họ để thực-hiện và đảm-bảo các nguyên-tắc dân-chủ. Đối với các nước tư-bản ta không ngạc nhiên thấy chế-độ dân-chủ thực hiện với những thiếu sót quan-trọng. Nhưng ta có quyền ngạc nhiên khi ta thấy các thiếu sót ấy cũng xuất hiện trong các nước đã hoàn thành cuộc Cách-mạng dân-chủ nhân-dân và xã-hội chủ-nghĩa. Đại-hội lần thứ 6 của Hội Quốc-tế các luật-gia dân-chủ họp trong tháng 5 vừa rồi tại Bruxelles đã lấy làm tiếc mà nhận thấy rằng trong tất cả các nước, dù tư-bản hay xã-hội chủ-nghĩa, mặc dầu các Hiến-pháp, các bộ luật tuyên-bố trịnh-trọng, tôn-trọng, thực hiện, đảm bảo thực hiện các nguyên-tắc dân-chủ tuy nhiên các nguyên-tắc này vẫn bị dầy xéo. Vì vậy trong tất cả các nước, quần-chúng tranh-đấu kịch liệt.

Ở nước ta, trong bản Tuyên-ngôn độc-lập, trong Hiến-pháp cũng như trong các sắc-lệnh, đạo luật, nguyên-ắc dân-chủ đã được ban bố. Nhưng qua phong-trào phát huy dân-chủ mà Chính-phủ chủ-tương, qua đại-hội nhân dân thù-đô lần thứ 3, các Đại-hội Mặt-trận trung-ương, Mặt-trận Thành, qua thông-cáo của Hội-ngệ lần thứ 10 của Trung-ương Đảng Lao-động, của Chính-phủ v.v... nhân-dân nhận thấy, và Đảng cũng như Chính-phủ xác nhận rằng ta thiếu sót về dân-chủ khá nhiều. Vì các thiếu sót ấy, ta phạm các sai lầm nghiêm-trọng trong Cải-cách ruộng đất, như tôi đã trình bày trên đây. Nguyên nhân sâu sắc của các sai lầm ấy, ta có thể quy kết được. Sở dĩ đời sống tinh-thần của ta không được ổn định, lúc nào ta cũng nơm nớp lo sợ các hành-động « lộng quyền » của nhà đương-cục, là vì ta thiếu một chế-độ pháp-trị phân-minh, không để ra nghĩa-vụ và quyền-lợi của mọi người, đồng-thời cả của cấp lãnh đạo nữa. Sở dĩ cấp lãnh đạo có thể phạm được các sai lầm nghiêm-trọng trong Cải-cách ruộng đất, tổn thất cho xương máu, mồ hôi nước mắt của đồng bào, cho uy-tín của Đảng và Chính-phủ, là vì người dân không có quyền, không có phương-tiện, nói lên ý-kiến của mình, tham-gia xây dựng các chính-sách của Chính-phủ.

Do đó, phương-hướng sửa chữa các sai lầm là một chế-độ pháp-trị chân-chính, một chế-độ dân-chủ thực-sự.

a) Một chế-độ pháp-trị chân chính — Ở đây chưa phải lúc và chỗ để tôi trình-bày ý-kiến về vấn-đề pháp-trị. Ta sẽ có dịp khác. Ở đây tôi chỉ muốn trình các qui vị một nhận xét.

Đảng Lao-động và Chính-phủ có nhận thấy cần thiết, trong chính sách sửa chữa các sai lầm trong Cải-cách, phải “tăng-cường chế-độ pháp-trị” của ta. Tôi e rằng trong tư-tưởng lãnh đạo, sự nhận thức về vấn-đề pháp-trị chưa được rõ và đầy đủ. Chính-trị vẫn coi pháp-luật như một “bà con nghèo”. Chữ “tăng-cường” là một chứng-minh. Tuy rằng trong nước ta hiện-thời có một Bộ Tư-pháp, có các Tòa-án, có luật lệ, nhưng chế-độ pháp-trị hầu như không có. Đó là một điều tôi sẽ nghiên-cứu sâu sắc hơn khi nào tôi trình-bày ý-kiến về chế-độ pháp-trị, một chế-độ pháp-trị chân-chính. Theo ý tôi, thì vấn-đề không phải là tăng-cường mà là xây-dựng.

Một chứng-minh khác trong chính-sách Sửa sai trong Cải-cách này, tôi vẫn thấy chính-trị lẫn áp pháp-lý. Trước hết, bức thư của ông Hồ viết Thăng tự phê-bình và xin rút lui khỏi Mặt-trận Trung-ương chỉ là một giải-pháp chính-trị mà thôi. Trong cuộc mạn đàm với các vị đại-biêu đến họp hội-ngiht này, tôi nhận thấy không ai “thông” về ý-kiến và biện-pháp ông Hồ viết Thăng trình-bày cả. Riêng về phần tôi là một nhà luật-học, tôi chưa thể nào nhận định được trách-nhiệm của ông Thăng. Có thể trách-nhiệm của ông ấy rất lớn, có thể rất nhỏ. Đứng trên tinh-thần pháp-lý, sự nhận tội lỗi của một người không đủ để qui-định trách-nhiệm của người ấy. Trong Cải-cách, khi những đảng-viên ưu-tú bị đoàn Cải-cách gán cho là phản-động, ra trước nhân-dân có người cũng nhận tội, trong khi biết là mình oan. Ta nên rút kinh-nghiệm vừa qua, sửa sai không phải là phạm các sai lầm khác. Do đó, đứng trên một lập-trường pháp-trị chân-chính, tôi đề-nghị phải lập một ủy-ban điều-tra gồm các vị đại-biêu Quốc-hội, Mặt trận, Đảng Lao-động, với sự cộng-tác của các vị thẩm-phán cao cấp, giàu kinh-nghiệm, đề lập một hồ-sơ theo phương-pháp pháp-lý để nhận định, trên quá trình đi từ lãnh đạo qua chỉ-đạo đến chỗ thực-hiện chính-sách, trách-nhiệm ở chỗ nào và do những ai phải chịu. Sau khi kết-thúc cuộc điều-tra, ủy-ban ấy sẽ phân tách trách-nhiệm chính-trị và trách-nhiệm pháp-lý. Ai chịu trách-nhiệm chính-trị sẽ trả lời trước Quốc-hội biến thành Tòa-án tối cao. Ai chịu trách-nhiệm pháp-lý sẽ trả lời trước các tòa-án tư-pháp. Dưới con mắt của quần-chúng theo dõi xây-dựng cuộc điều-tra và xét xử, công-lý phát huy, không ai còn thắc mắc nữa.

Có người hỏi : làm thế để làm gì ? Tôi xin phép trả lời. Làm thế để rút kinh-nghiệm. Tôi cảm thấy ngay hiện thời ta chưa rút được kinh-nghệm đâu. Chính-trị không những lãnh đạo pháp-lý — đó là đúng — nhưng vẫn lẫn áp pháp-lý, thay thế cho pháp-lý, như trong trường-hợp ông Hồ viết Thăng, như thế là ta vẫn mở cửa cho các sai lầm mới còn nguy hại hơn nữa. Không những thế, ta biết rằng nhu-cầu công-lý thuộc nhân-bản của người văn-minh. Từ người bị xử trí oan cho đến các người chỉ chịu thiệt gián tiếp vì các sai lầm, có thể nói được rằng toàn dân đợi chờ công-lý. Một biện-pháp

chính-trị xuê xoa, không thỏa-mãn được ai. Bằng chứng ở nông-thôn ta được biết tình hình « căng thẳng ». Phong-trào trả thù, tự xử, diễn ra khắp mọi nơi, kéo chúng ta trở về quá khứ của lịch-sử. Còn như các đảng-viên bị xử trí sai, tâm-hồn các anh em như thế nào, ta chỉ cần đọc lại báo Nhân-Dân. Tuy rằng các anh em kết-thúc các bài tường-thuật lại đau khổ của mình bằng những lời phẫn khởi nhưng các lời này không làm ta quên được các lời phẫn-uất, chua xót, cay đắng mà các anh em nói lại với ta từ đầu bài. Nhưng bi đát hơn hết là các chiếc khăn trắng chít trên đầu họ hàng thân-thích của những anh em bị xử-tử, những bàn thờ vẫn dựng trong nhà, các thồn thúc phá vỡ im lặng của các đêm hiu quạnh, các ngày cúng giỗ, nhắc lại hàng năm, bi-kịch thể thảm đã diễn ra trong gia-đình vì cuộc Cải-cách. Nhân-dân đòi hỏi các người có công được thưởng và các người có tội phải đền tội. Trách-nhiệm của tất cả mọi người từ trên xuống dưới, từ dưới lên trên, phải được qui-định rõ ràng, dứt khoát. Như thế, mới yên được lòng dân, như thế mới thu phục được nhân tâm. Kinh nghiệm lịch-sử dạy ta điều ấy. Trong chính-sách sửa chữa sai lầm, ta không thể quên được bài học lịch-sử. Quần-chúng im lặng đợi chờ công-lý.

Chúng ta thiết tha mong ước ở chính-trị một nhận định đúng về vai trò của pháp-luật phục-vụ cách-mạng. Kinh-nghiệm đau đớn vừa qua, bó huộc ta phải xây dựng lại quan-diểm « dịch » trên cơ-sở pháp-lý và pháp-trị. Các sai lầm nghiêm-trọng ta đã phạm, bắt nguồn ở một quan-diểm chính-trị về dịch. Quan-diểm ấy linh-dộng quá, « biện-chứng » quá, nên ta không biết phân-tách dịch và ta, do đó ta đánh cả ta nữa. Muốn tránh các sai lầm hôm qua đừng tái diễn ngày mai, ta cần xác-định theo hình-luật thế nào là dịch. Lúc đó, ta mới đánh đúng dịch và có đánh đúng dịch, ta mới củng cố được ta, ổn-định được nhân-tâm, duy-trì lại trật-tự và an-ninh ở thôn-quê, kiến-thiết lại đoàn-kết giữa các tầng lớp nhân-dân ở thôn-quê cũng như ở thành-thị, đảm-bảo cho quần-chúng một đời sống tự-do, thoát khỏi mọi sự đe dọa của « lộng quyền », bênh vực các quyền căn-bản và thiết-yếu của con người.

Tóm lại nếu chính-trị giác-ngộ, vui lòng tôn-trọng pháp-lý, thiết-lập một chế-độ pháp-trị trong đó chính-trị vẫn lãnh đạo pháp-lý, nhưng đồng thời nêu thật cao gương phục-tùng pháp-lý và pháp-trị thì nhất định chính-trị khôi-phục được uy-tín, và được quần-chúng nhiệt-liệt ủng-hộ.

b) Một chế-độ thực sự dân-chủ. — Thế nào là một chế-độ thực sự dân-chủ? Đó là một chế-độ trong đó người dân được làm chủ trên đất nước không những trong hiến-pháp, mà cả trong thực-tế nữa. Đây không phải là lúc, là chỗ, mà ta đi sâu vào vấn-đề. Ta chỉ cần nhận thấy rằng trong giai-đoạn hiện thời, quần-chúng có đòi hỏi cái gì quá đáng đâu, chỉ yêu cầu có

một điều thôi, là được đàm-thoại với cấp lãnh đạo, được đề đạt lên cấp lãnh đạo, ý-kiến của mình về các chính-sách do cấp lãnh đạo xây dựng. Các vị lãnh-tự đã bao lần khen dân ta tốt. Mà dân ta tốt thật. Bằng chứng là điều tôi vừa nhắc lại đây. Trong khi quần-chúng có quyền đòi hỏi ở một chính-thê cách-mạng rất nhiều, nhân-dân ta chỉ có một yêu cầu mà ai cũng phải nhận là chính đáng. Tại sao nhân-dân chỉ có cái yêu cầu nhưn nhận ấy mà thôi? Là vì nhân-dân thông-cảm với cấp lãnh đạo phải đương đầu với bao khó khăn. Nhưng nếu nhân-dân chỉ đề ra có một yêu cầu, yêu cầu ấy thiết yếu. Tôi tin rằng cấp lãnh đạo cũng nhận thấy như vậy. Ta không quên lời của ông Trường Chinh đọc bản tự phê của Đảng Lao-Động tại Hội-nghị này. Ta nghe thấy cấp lãnh đạo thú nhận trước Hội-nghị rằng Trung-ương Đảng đã phạm sai lầm là xa quần-chúng, chỉ tiếp xúc với quần-chúng qua báo-cáo của các cán-bộ Đảng-viên mà thôi. Ta phải nhận định rằng đây là một sai lầm nghiêm-trọng. Do đó cuộc Cải-cách ruộng đất của ta đã gặp các thất bại cay đắng. Trái với lời ta thường nói, ta đã thiếu dân-chủ với nhân-dân.

Nhân-dân nhất định không để tình-trạng tai hại ấy kéo dài nữa. Tôi xin phép Hội-nghị góp một số ý-kiến để chấm dứt tình-trạng đó. Tôi không đặt vấn-đề dân-chủ nói chung. Tôi chỉ chú ý đến yêu cầu thiết tha nhất hiện thời của quần-chúng là được phản ảnh lên ý-nguyện của mình. Theo ý tôi, để thực-hiện và đảm bảo yêu cầu vô cùng chính đáng ấy, chỉ cần ba giải-pháp.

1') Một chế-độ báo-cáo của cán-bộ. Đảng tín-nhiệm ở cán-bộ. Đúng ! không tài nào khác được. Vậy phải đặt các cán-bộ có nhiệm-vụ báo-cáo, trước trách-nhiệm của họ. Một báo-cáo không phản ảnh trung-thành sự thực với các khía cạnh của nó, với các ưu và khuyết-diêm của nó, rất tai hại. Cấp lãnh đạo cần đề-cao cảnh-giác với các con số thống-kê, các động-cơ bất chính của cán-bộ muốn thi đua thành-ích, vừa mị dưới, vừa lừa trên, do đó đưa ra một hình ảnh quá hẹp của thực-tế. Ta phải tiến tới giải-pháp nhận định rằng người nào hữu ý xuyên-tạc sự thật vì động-cơ bất chính, có thể bị truy-tố về tội giã mạo được.

2') Một chế-độ cho các đoàn-thể nhân-dân được quyền mạnh dạn nói lên ý-kiến của quần-chúng mà họ tập-hợp. Từ trước tới nay, ta có thể ví Đảng Lao-Động như một cây rất to, lá rôm rà che hết ánh sáng của mặt trời, khiến ngay một ngọn cỏ cũng không thể mọc dưới chân nó được. Vì vậy Quốc-Hội cũng như Mặt-Trận không thể đóng được vai trò của mình. Ở đây, tôi chỉ xin phép nói về Mặt-Trận của ta thôi. Các vị đã thấy rằng từ khi thành-lập Mặt-trận Liên-Việt cho đến Mặt-trận Tô-Quốc, chúng ta chỉ có nhiệm-vụ động-viên quần-chúng thi-hành chính-sách mà thôi. Đó là một nhiệm-vụ. Nhưng dù sao, chỉ có một chiều. Ta là giây liên-lạc giữa các cấp lãnh đạo và quần-

chúng. Nếu ngược lại, ta có quyền liên-lạc giữa quần-chúng và cấp lãnh đạo, nghĩa là phản ảnh lên Đảng và Chính-phủ ý-kiến thắc mắc, nguyện-vọng của quần-chúng, công-tác của ta thế nào cũng tốt đẹp hơn, hoàn hảo hơn. Ta gần liền lãnh đạo và quần-chúng, do đó lãnh đạo sát hợp với thực-tế hơn. Tôi xin phép đặt mỗi vị ủy-viên trước trách-nhiệm của mình. Chúng ta ủng-hộ Chính-phủ, nhưng chúng ta cũng là đại-biêu của nhân-dân. Công-tác của chúng ta có hai mặt, chúng ta không thể chỉ lệch về một bên được. Quần-chúng không cho phép ta làm như vậy, muốn theo rồi công việc ta làm vì chúng ta làm đại-biêu của quần-chúng, được quần-chúng tín-nhiệm. Quần-chúng giao quyền cho chúng ta, chúng ta phải xứng đáng với sự ủy-quyền ấy. Ta xử-dụng quyền ấy thế nào, quần-chúng đòi kiểm-soát ta.

Để đạt mục-dích này tôi xin phép đề-nghị: một là mỗi ủy-viên phải có nhiệm-vụ phản ảnh lên Mặt-trận ý-kiến của quần-chúng. Mặt-trận phải có nhiệm-vụ đề đạt lên cấp lãnh đạo những phản-ảnh của các ủy-viên và báo cho các vị ấy thái-độ của cấp lãnh đạo giải-quyết vấn-đề ra sao, xử-dụng các phản-ảnh ấy như thế nào. Khi Mặt-Trận họp hội-ng nghị, phải cho phép quần-chúng đến bàn-giải; đề quần-chúng kiểm-soát công việc của Mặt-Trận làm và thái-độ của các ủy-viên. Dĩ nhiên các người bàn-thịnh ấy không có quyền tham-gia thảo-luận, chỉ được nhập hội trường cho tới khi hết số ghế dành cho quần-chúng và phải tôn-trọng kỷ-luật của hội-ng nghị. Ngoài ra, báo-chí, đặc-biệt báo-chí của Mặt-Trận như tờ Cứu-Quốc phải phản ảnh trung thành nội-dung của các cuộc thảo-luận và đăng các tham-luận của các vị ủy-viên.

3) Một chế-độ tự-do ngôn luận xuất-bản báo-chí. Ta phải đề-phòng trường-hợp các cán-bộ không báo-cáo, các ủy-viên Mặt-Trận không phản ảnh ý-kiến của quần-chúng. Do đó, ta thấy cần thiết phải cho phép quần-chúng nói lên tiếng nói của mình qua các báo-chí. Có người lo ngại rằng tự-do ngôn luận này mà ai cũng thấy cần thiết, có thể bị xử-dụng một cách bừa bãi. Về điều này ta phải suy nghĩ. Mỗi lo ngại nói trên đây xuất phát từ động-cơ nào? Nếu là động-cơ tốt — nghĩa là do một nhiệt tình đối với cách-mạng gây ra — ta hoan-nghehnh. Nhưng ta cũng sẽ trả lời rằng trong một chính-thể dân-chủ muốn xử-dụng tự-do nào, dĩ nhiên phải nêu trách-nhiệm của người xử-dụng tự-do ấy, trước pháp-luật. Nếu xử-dụng với tinh-thần trách-nhiệm hợp pháp, ta không có quyền kêu ca gì, trái lại, ta hoan-nghehnh. Nếu lạm-dụng một cách vô trách-nhiệm ta đã có tòa-án để nghiêm-trị. Vậy ta không lo ngại. Nhưng nếu mỗi lo ngại xuất phát từ một động-cơ bất chính, nhằm mục-dích thủ-tiêu các tự-do dân-chủ, thì tôi chỉ cần khuyên nhủ người lo ngại như vậy nên đọc lại lịch-sử các phong-trào cách-mạng trong hơn một thế-kỷ nay. Họ sẽ

nhận thấy rằng chưa bao giờ, chưa ai có thể ngăn cản được một phong-trào quần-chúng tranh-dấu đòi các tự-do dân-chủ.

Không những ta công nhận các tự-do dân-chủ ta lại còn cung-cấp phương tiện để thực-hiện các tự-do ấy. Thí-dụ tự-do ngôn-luận. Ta có các báo của Chính-phủ, của Đảng, của Mặt-trận, ta lại có các báo của tư-nhân, ta giúp đỡ cho các báo ấy giấy và mực in đầy đủ, ta lại còn quảng cáo cho các báo ấy là đáng khác nữa. Các cơ-quan tuyên-truyền, báo-chức của ta không bao giờ tìm khó để cho các báo ấy và khi nào các báo đó được hàng vạn độc-giả hoan-nghê, ta rất lấy làm sung sướng vì trong thâm tâm ta, ta là những người dân-chủ.

Các biện-pháp tôi đề-nghị trên đây, đều nhằm mục-dích cống hiến các cấp lãnh đạo một nhận thức đúng và sát thực-tế mà cấp lãnh đạo không có điều-kiện biết đến một cách trực-tiếp. Sát với thực-tế của quần-chúng, cấp lãnh đạo thông cảm với quần-chúng, đi đúng đường lối của quần-chúng, được quần-chúng tín-nhiệm, ủng-hộ, mến yêu.

Thưa các quý vị,

Tôi nói đã quá lâu, nhưng tôi tin các vị cũng tha thứ cho, vì biết rằng tôi là một người thiết tha đến sự-nghiệp của cách-mạng và tiền-đồ của dân-tộc. Các ý-kiến của tôi, dù sai hay đúng, tôi cứ xin thành khẩn đề đạt lên các vị, gọi là đề góp phần vào hội-nghị, một phần nhỏ mọn nhưng chan chứa một niềm hy-vọng và tin-tưởng vô biên ở tương-lai của đất nước.

Luật-sư NGUYỄN MẠNH TƯỜNG

Hà-nội, ngày 30-10-1956



Trích Giai Phẩm mùa Thu tập III, 1956

VỪA KHÓC VỪA CƯỜI

của Nguyễn mạnh Tường

L S G — Bài này, giá không ký tên, độc-giả ở Bắc-Việt cũng nhận được ngay là của Ông Nguyễn mạnh Tường. Ngoài những kinh điển mà ông thường hay mượn trong cổ-học Âu-châu, người ta còn nhận thấy giọng văn hoa-lẻ của văn-chương Hy-lạp, mà ông chịu ảnh-hưởng rất nhiều.

Trong một thiên anh-hùng ca sáng-tác vào khoảng thế-kỷ thứ XI, thi-sĩ tưởng tượng cuộc chiến đấu anh dũng của hai anh-hùng Roland và Olivier, chống lại kẻ thù chung. Hai bạn chí thân giết được nhiều địch, nhưng hai người đều bị thương cả. Đặc-biệt Olivier, máu chảy nhiều, hoa cả mắt, không nhận thấy gì nữa. Khi Roland lại gần để giúp bạn, Olivier tưởng nhầm là kẻ thù, bỏ mấy nhát dao xuống, may không trúng đầu Roland. Anh này bèn dịu dàng lên tiếng : « Tôi là Roland đấy mà. Sao anh đánh tôi ? » Olivier xin lỗi bạn : « Mắt tôi hoa, không nhận ra anh nữa ».

Khi Châu Âu chuyển từ chế-độ phong-kiến sang chế-độ tư bản, trong thế-kỷ thứ XVI, Rabelais kể chuyện Badebec, vợ của Gargantua, vừa sinh con xong thì từ trần : « Cái thối mốc làm cho Gargantua rồi trí là hẳn không biết nên khóc vì vợ vừa chết hay nên cười vì con vừa sinh ».

Đến cuối thế-kỷ thứ XVIII, khi Cách-mạng 1789 sắp bùng nổ, Figaro, một nhân-vật của Beaumarchais, sau khi kiểm-điểm tình-hình của một xã-hội đã thủ tiêu hết mọi tự-do, kêu lên : « Tôi vội vàng cười khi để tránh khỏi khóc ăa ». Như thế không đúng.

Phải khóc trên cái hiện thời để cười đón cái ngày mai. Dù sao người trí-thức là người vừa khóc, vừa cười. Khóc vì cái sai lầm phải chứng kiến trong hiện tại, cười vì vui với cái mới đang đến. Khóc vì đau khổ. Cười vì hy-vọng. Khóc hôm nay để cười ngày mai. Trên quá trình biến đổi từ cái khóc đến cái cười diễn ra cuộc tranh đấu tư-tưởng của người trí-thức.

Người nào chỉ biết hoặc khóc thôi, hoặc cười thôi, không phải là người trí thức.

Ta ân cần với người trí-thức ưa khóc. Ta phải chiếu cố nâng đỡ người ấy. Người ấy đau khổ vì các thối mốc căn bản và sâu sắc. Người ấy thành khẩn. Người ấy không phải là thù, người ấy là bạn. Ta phải kiên trì, cố gắng đưa cái khóc của người ta biến thành cái cười.

Ta dè dặt, có khi ngần ngại trước người trí-thức ham cười. Ta hoan-nghê ih cái cười chân thật, xuất phát từ đáy lòng, nảy nở trên các giọt lệ vừa khô. Nhưng ta khó chịu trước cái cười bình phong dùng để che đậy các thối mốc bản thân mà mình không muốn thú với mình. Ta ghét cái cười dùng để mỉa trên, lừa dưới, câu các kẻ ngây thơ, biểu lộ một ý chí tôn sùng, hồng cùng cổ một địa-vị, hay mưu cầu một bổng lộc. Quần-chúng cần đề-cao cảnh-giác để khỏi mắc mưu cái cười ấy. Cấp lãnh đạo lại cần cảnh-giác hơn nữa vì cái cười mình hot nôi nuôi dưỡng bệnh chủ-quan mà cấp lãnh đạo thường mắc.

Cái cười nguy hại này không nhất thiết biểu hiệu hằng sự nhích môi. Nó có thể là linh-hồn của một cử chỉ, nội-dung của một thái-độ. Có người cười bằng cái đầu nó gật, cái lưỡi nó tán thành, ủng-hộ. Trong bao nhiêu « tà khuynh », tôi nghe thấy vang tiếng cười ấy.

Tôi sợ người trí-thức im lặng. Tôi nghi ngờ người trí-thức cười. Tôi thương người trí-thức khóc. Tôi yêu người trí-thức vừa khóc « vừa cười » khó hôm nay để cười ngày mai, « khóc lên tiếng cười ».

TIN vẫn lợi hơn NGHI. Trong mười người ta tin, có thể có một kẻ thù lên vào. Nhưng ta vẫn còn chín người bạn. Và chín người bạn này sẽ giúp ta tìm ra kẻ thù ấy. Nếu ta nghi cả mười người, khi ta giơ tay, chẳng ai bắt tay ta. Ta không có một bạn nào cả.

Đồng ý rằng phải phân chia rõ rệt địch, ta. Nhưng ta phải xác định thái-độ của ta đối với địch. Địch mưu hại ta và thực sự gây cho ta nhiều tổn thất. Nhưng ta chớ nên buộc cho nó trách-nhiệm về các tai họa căn nguyên ở sự dốt nát, sai lầm, chủ-quan của ta. Theo danh-từ khá phổ-biến : « như thế không lợi ». Không lợi vì ta đề-cao địch, ta không sửa chữa được gì, không rút được bài học của kinh-nghiệm. Từ trước tới nay ta chỉ đặt vấn-đề : ai là ta ? Tôi đề-nghị đặt thêm vấn-đề : *do địch làm, do ta phạm*. Điem trên, đề-cao cảnh-giác và cho phép ta đề phòng, hoặc đối phó. Điem dưới nêu cao tinh-thần tự phê và giúp đỡ ta tự xây dựng.

Con hổ sợ đến cả bóng của nó. Con sư tử bắt chấp mọi thú vật. Ta không phải là sư tử và cũng không muốn là sư tử. Nhưng nhất định ta không phải là hổ.

Kẻ thù số một của trí-thức : bọn chụp mũ. Kẻ thù số một của cấp lãnh đạo : các cán-bộ chuyên-môn *cười* và bọn *vở ngược*, và cả bọn *chụp mũ* nữa. Các cán-bộ chuyên-môn *cười*, dựa vào bọn *vở ngược* trong quần-chúng, ru ngủ cấp lãnh đạo. Bọn *chụp mũ* nhằm hiểm hơn : họ gây thành-kiến giữa lãnh đạo và quần-chúng, họ vô tình hay hữu ý xuyen-tạc các nguyên vọng chính đáng, các yêu cầu hợp tình, hợp lý, hợp pháp của quần-chúng. Họ là Iago súc xiêm Othello ghen vợ, giết vợ. Bị bao vây chặt chẽ như vậy, tài nào cấp lãnh đạo hiểu biết được sự thật của quần-chúng ?

Có một số người thấy phong-trào quần-chúng đòi hỏi ở Đảng lãnh đạo một chính-sách cho trí-thức (với các tự-do dân-ohủ và mối quan-hệ tốt giữa chính-trị và chuyên-môn) đã tỏ thái-độ « khó chịu » và phản ứng mạnh. Họ nhăm mắt, lắc đầu, chếp miệng, thờ dài. Không thực : sự cầu thị, chưa đi-tra nghiên-cứu, chẳng tìm hiểu sự thật, họ chỉ mang dao to búa lớn ra dọa nạt, họ là Don Quichote cầm giáo tiến lên đâm cối xay, họ quên lý luận Cách-mạng họ đã học tập. Họ là nàng Công-chúa quên thời kỳ gặp Thạch Sanh trong hang.

« *Tích tịch tình tang ..* » Tiếng đàn của Thạch Sanh có nhắc lại được kỷ-niệm cũ không ? « *Hỡi tuyệt thế giai nhân mà tôi yêu với một mối tình vô hạn, nàng còn nhớ thuở đôi ta gặp nhau trong hang đá không ? Đôi ta quyết tâm sống chết có nhau, với nhau. Vì vậy ta thắng kẻ thù, ta sống. Bảy giờ thời kỳ gian lao đã qua, nàng trở về dinh cơ huy hoàng, lên xe xuống ngựa. Nàng nữ lòng nào quên tình duyên cũ* ». (1)

Tôi muốn thân ái hỏi các bạn đang chếp miệng thờ dài : « các bạn là những người Cách-mạng. Thái-độ của các bạn phản ứng đối phó (tôi không

Chú-thích : (1) *Nên hiểu nàng Công-chúa là cấp bộ lãnh đạo Cộng-sản và Thạch Sanh là giới trí-thức kháng-chiến.*

mới dần áp) trước một phong-trào quần-chúng đông đảo, đòi hỏi trên lập-trường Cách-mạng, những quyền lợi chân chính, thái-độ ấy, phản tích, truy nguyên nó, ta thấy gì? Tôi rủa sự trước kết-lạu tôi phải tiến tới. Tôi ngừng bút, Tôi ah-rừng lời cho tất cả các người cộng-sản trên thế-giới, trong đó có các đảng viên Đảng-Lao-động Việt-nam, có các bạn, đề các người ấy nhận định về thái-độ nói trên, định danh cho nó, gọi nó bằng tên cách-mạng của nó (1). Để tránh khỏi mang tiếng chụp mũ cho các bạn, tôi dành quyền phán định cho *giới có thẩm quyền*.

Tôi xin nhắc lại rằng trong lịch-sử cách-mạng Liên-sô và Trung-quốc, khi giai đoạn kiến quốc tiến vào bước quyết liệt, chính thể cách-mạng không thể nào lạnh nhạt được vấn-đề trí-thức. Cuộc tranh đấu của trí-thức Việt-nam hiện thời xeo vào khuôn khổ cách-mạng, phối hợp với phong-trào trí-thức trên toàn thế-giới. Coi nhẹ nó là một sai lầm. Giải quyết nó một cách hời hợt, nông cạn, với tinh-thần của người nhớn cho kẻ trẻ con đề nó khỏi khóc, là một sai lầm nghiêm trọng. Đối phó với nó, chống lại nó... tôi không tiếp-tục vì tôi tin rằng không một chính-thể cách-mạng nào lại hành-động như vậy. Bằng chứng là báo Nhân-Dân trong số 30.9.56, vừa đăng bài của đồng-chí Lục Định-nhất đọc ngày 26.5.56, với sự chậm trễ có 4 tháng thời. Từ Bắc-kinh tới Hà-nội, đường dài hơn năm nghìn cây số, tốc độ của sự thật như thế là nhanh rồi. Còn báo-cáo của đồng-chí Chu Ân-lai in từ ngày 30 tháng 1 năm 1956, tôi không nhớ đăng báo Nhân-Dân ngày nào. Dù sao các bạn thấy rõ là Đảng Lao-động Việt-nam coi trọng vấn-đề, như Trung-Quốc từ đầu năm nay, như Liên-sô từ năm 1936. Đảng lại còn phát động tinh-thần dân-chủ trong quần-chúng trong các giới, các cơ-quan, và số đi làm như vậy là đề thắt chặt liên-lạc với quần-chúng, đi sát với sự thật của quần-chúng, trưng cầu ý nguyện của quần-chúng để xây dựng chính sách, lãnh đạo có kết- quả. Vậy tại sao các bạn lại chép miệng thờ dài? Lại xuyên-tạc ý nghĩa trọng đại, lịch-sử của một phong-trào quần-chúng, mà chính Đảng phát động? Thế các bạn tranh-đấu cho ai, phục-vụ cái gì? Chủ-trương của Đảng phát huy dân-chủ là một sáng- kiến mà toàn dân hoan nghênh. Hạt đã gieo bây giờ sắp đến lúc gặt hái. Có sao các bạn lại muốn truất quyền của Đảng gặt hái cái mùa màng mà Đảng đã gieo hạt?

Nhưng tôi hiểu các bạn. Các bạn là những người tốt. Chẳng qua các bạn chỉ nặng về một số thành-kiến mà thôi. Tuy nhiên, các bạn thực sự cầu thị; các bạn cho phép tôi tin như vậy. Phải không các bạn?

Ngày 4 tháng 10 năm 1956

NGUYỄN MẠNH TƯỜNG

HẾT

Chú-thích: (1) Tác-giả muốn nói: phản Cách-mạng.